

CỘNG - HÒA VIỆT - NAM

# Cuộc di cư Lịch sử

TẠI  
VIỆT NAM

PHỦ TỔNG ỦY DI CƯ TỊ NẠN ẤN HÀNH

H.V

640.4

.V5

C86

GS - stacks

1111601-234

SEASIA

07/03/89

" Về với Chính-Phủ Quốc-Gia,  
Không những đồng-bào được hưởng  
một chế-độ tự-do, xứng với phẩm  
cách con người, đồng-bào lại được  
nâng đỡ đầy đủ về phương-diện  
vật-chất, tinh-thần để lập lại  
một đời sống mới trong cảnh an-  
-cư lạc-nghiệp "

Lời hiệu-triệu của Ông. THỐNG. NGÔ-DÌNH-DIỆM





LÒNG ƯỚC ÁI CỦA NGÔ TỔNG THỐNG ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DI-CƯ

LUÔN LUÔN TỔNG-THỐNG VI HÀNH QUAN SÁT TẬN CHỖ VÀ  
ỦY LẠO CÙNG KHUYẾN KHÍCH ĐỒNG BÀO DI CƯ



# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG I .

### SƠ LƯỢC LỊCH TRÌNH TRANH ĐẤU CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM

#### I. — TINH THẦN QUẬT KHỞI CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM



**ƯỚC VIỆT-NAM** là một quốc-gia ở miền Đông-Nam Á-Châu. Phía Bắc giáp nước Trung-Hoa, Đông và Nam giáp bể Nam-Hải, Tây giáp Ai-Lao và Cao-Miên.

Diện-tích rộng 330.000 cây số vuông, chia ra :

— Bắc-phần : 116.000 cây số vuông

— Trung-phần : 150.000 — —

— Nam-phần : 64.000 — —

Dân số gần 25 triệu người.

Theo ý-kiến một vài người Pháp khảo-cứu, thì người Việt-Nam và người Thái đều ở miền núi Tây-Tạng di-cư xuống miền Nam. Người Việt-Nam theo sông Hồng-Hà lần về phía Đông-Nam lập ra nước Việt-Nam ngày nay; còn người Thái theo sông Cửu-Long lập ra nước Xiêm-La và nước Lào.

Nhưng gần đây, các nhà khảo-cổ cho rằng ý-kiến trên không đúng, và xác-nhận người Việt-Nam thuộc chủng-tộc Lạc-Việt, khác hẳn với người Trung-Hoa, trước ở các tỉnh Đông-Nam nước Tàu, sau thường bị dân-tộc Trung-Hoa xâm-lãng. Dân-tộc Lạc-Việt không chịu để Trung-Hoa khuất-phục và đồng-hóa nên đã di-cư xuống miền lưu-vực sông Hồng-Hà (Bắc-phần) rồi tiến dần xuống phía Nam, dừng chân bên bờ biển Xiêm-La, lập thành nước Việt-Nam ngày nay.

Xem như thế, ta thấy cách đây hơn năm nghìn năm, Tổ-tiên chúng ta đã có tinh-thần bất-khuất, không chịu lệ-thuộc và đồng-hóa với dân-tộc Trung-Hoa, một dân-tộc có một khối người trên 400 triệu, diện-tích 3.637.000 cây số vuông, một quốc-gia đông đảo, rộng lớn và trước đây văn-minh vào bậc nhất thế-giới. (So sánh với Trung-Hoa hùng-vĩ như vậy, Việt-Nam chỉ là một quốc-gia nhược-tiểu, dân số chưa nổi một phần hai mươi, đất đai gồm lại chỉ là cái giải nếu Trung-quốc có thể ví là cái áo).

Tuy nhiên, nhờ tinh-thần bất-khuất, Tổ-tiên chúng ta đã tìm đường di-cư xuống miền Nam lập thành một quốc-gia độc-lập.

Nhờ tinh-thần ấy mà sau này qua hơn một nghìn năm bị nội-thuộc nước Tàu, dân-tộc Việt-Nam đã nhiều lần quật-khởi chống lại kẻ thống-trị để giải-phóng giống nòi.

Mở đầu cho những cuộc tranh-đấu oai-hùng trong thời Bắc-thuộc là Bà Trưng-Trắc cùng em là bà Trưng-Nhị khởi-nghĩa đánh đuổi quân Đông-Hán thu phục 65 thành lên làm vua được 2 năm (40-43 sau Tây-lịch Kỷ-nguyên).

Sau 2 chị em bà Trưng, năm 248, bà Triệu-Ấu lại nổi lên đánh đuổi quân Tàu. Tinh-thần quật-khởi của dân-tộc Việt-Nam được thể-hiện qua lời tuyên-bố lịch-sử của bà :

« Tôi muốn cưỡi gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá Kình ở bể Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đày đọa chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu, cong lưng làm tỳ thiếp người ta ».

Rồi ông Lý-Bôn, ông Mai-thúc-Loan (Mai-hắc-Đế), ông Phùng-Hưng (Bổ-cái Đại-vương), ông Khúc-thừa-Dụ kế tiếp nêu cao gương quật khởi, nổi lên đánh đuổi quân Tàu. Tuy thất bại, các ông đã có công mở đường ông Ngô-Quyền thành công trong sự nghiệp đánh đuổi quân Nam-Hán giải thoát ách Bắc-thuộc hơn một ngàn năm cho Dân-tộc, dựng nền tự chủ cho nước nhà.

Sau nhà Ngô, tuy các triều đại trị vì có đổi thay nhưng tinh-thần quật khởi và ý chí độc lập của Dân-tộc Việt-Nam vẫn bền vững và càng ngày càng thêm mạnh mẽ.

Từ nhà Tiền Lê đến các nhà Trần, Lý, Hậu Lê cho đến nhà Nguyễn (Tây-Son), không thời nào là không có cuộc đấu-tranh quyết liệt và oai hùng chống lại sức xâm lăng của quân Tàu.

Khoảng đầu thế kỷ thứ 11, ông Lý-thường-Kiệt với ý chí « Nam quốc sơn hà Nam-đế cư » đã phá vỡ âm mưu xâm lăng của quân nhà Tống.

Dưới đời nhà Trần, cuối thế kỷ thứ 13, dân-tộc Việt-Nam với một tinh thần đoàn kết sắt đá từ vua quan đến dân chúng và với lòng căm thù quân xâm lăng một cách sâu sắc, đã ba lần đánh tan những đạo quân thiện chiến của Thành-Cát Tư-Hân trước sau gần 100 vạn tinh binh.



# ĐỊA-ĐỒ VIỆT-NAM TỔNG QUÁT



Nếu không nhờ khi thiên sông núi đã hun đúc nên tinh thần đoàn kết ý chí độc lập bất khuất thì một dân tộc Việt-Nam nhỏ bé làm sao có thể phá tan đến ba lần sức lan tràn vũ bão của Mông-Cổ, một nước hùng cường nhất thế giới trong thời ấy.

Đến khi nhà Trần bị Hồ-quí-Ly cướp ngôi, nhà Minh bên Tàu lại mượn cớ giúp nhà Trần đem quân sang xâm chiếm Việt-Nam, đặt quan cai trị (đầu thế kỷ 15).

Nhưng dân tộc Việt-Nam thời nào cũng có anh hùng. Ông Lê-Lợi với ý chí « Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo bo làm đầy tớ cho người khác » đã phất cờ khởi nghĩa, 10 năm kháng chiến kiên trì, khôi phục được nền độc lập cho Tổ-quốc, xây dựng một nước Việt-Nam hùng mạnh.

Cuối cùng và cũng là chiến công oanh liệt nhất tượng trưng mạnh mẽ nhất cho tinh thần độc lập và đoàn kết của dân tộc Việt-Nam là trận đại thắng 20 vạn quân Thanh của vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ vào cuối thế kỷ thứ 18. Chiến công này đã hoàn toàn chấm dứt nạn xâm lăng của Bắc phương nêu cao chí khí cương quyết và anh dũng của Việt-Nam trong công cuộc bảo vệ độc lập của Tổ-quốc.

o o o

Không những Tổ-tiên của chúng ta đã đẩy lui được những cuộc xâm lăng của quân Tàu mà còn dẹp yên được những nạn quấy phá của Chiêm-thành ở phía Nam.

Nước Chiêm-thành tuy không phải là một nước lớn nhưng cũng là một dân tộc đã tiến hóa và kiệt hiết dưới trời Đông.

Có khi Chiêm-thành liên kết với Trung-Hoa, cả hai nước cùng hành động để thôn tính nước Việt-Nam ta, tuy bị kẹp giữa hai gọng kìm, ông cha chúng ta vẫn luôn luôn tích cực tranh đấu, đoàn kết hy sinh nên đã chặn đứng được sức xâm lấn của Trung-Hoa ở phương Bắc, giữ vững được tự do, và ở phương Nam vẫn mở mang thêm bờ cõi làm cho kẻ thù phải nể mặt.

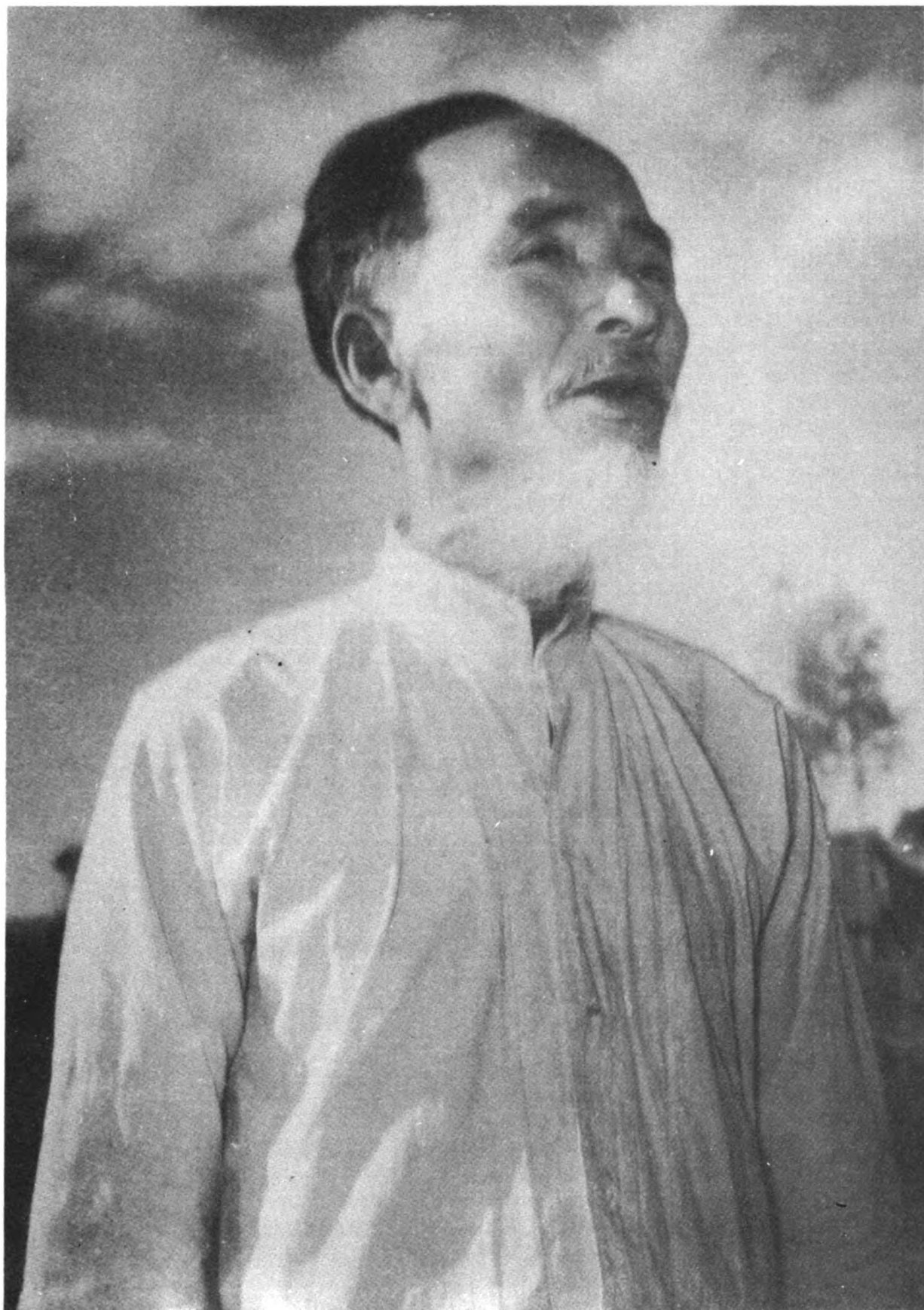
Cuối thế kỷ thứ 19, vì lơ lảng một nước cờ quốc sự, nước Việt-Nam cùng chung số phận với nhiều lân quốc Á-Châu bị mất chủ quyền trước ngọn trào Thực-dân của người da trắng.

Nhưng dòng máu của Trưng, Triệu, Lý-thường-Kiệt, Trần-hưng-Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn Quang-Trung vẫn luân lưu trong huyết quản người Việt-Nam, và con cháu Hồng-Lạc vẫn kiên gan và bền chí, kiêu hùng vì quá khứ, tin tưởng ở tương lai luôn luôn không ngừng tranh đấu chống lại ách thống trị của người Pháp.

Tinh-thần chiến-đấu của các ông Nguyễn-tri-Phương, Tôn-thất-Thuyết, cũng như sự tuấn-tiết của các ông Hoàng-Diệu, Phan-thanh-Giản trong cuộc chống lại sự xâm-lăng của quân Pháp đã để lại trên lịch-sử Việt-Nam những tấm-gương cao-đẹp.

Tinh-thần kháng Pháp của các ông Phan-dình-Phùng, Đinh-công-Tráng, cụ Tán-Thuật trong phong-trào Cần-Vương cũng như của Hoàng-hoa-Thám, người anh hùng Yên-Thế đã cho người Pháp phải kính nể.

Cho đến khi nước Pháp đặt xong cơ sở thống-trị tại Việt-Nam, tinh-thần kháng Pháp vẫn phát-khởi mạnh mẽ trong dân-chúng dưới sự lãnh-đạo của các nhà chí-sĩ Tăng-bạt-Hổ, Phan-bội-Châu, Cường-Đế, Nguyễn-thượng-Hiền, Phan-chu-Trình, Đặng-tử-Kính.



*Luôn luôn cương quyết vươn lên, người dân Việt  
quyết noi gương anh dũng của Tổ Tiên.*

Những vụ đầu độc, ám-sát người Pháp, âm-mưu khởi nghĩa vẫn được liên tiếp bùng nổ. Có thể nói, dưới nhiều hình-thức và đường lối, dân-tộc Việt-Nam luôn luôn tỏ rõ ý-chí độc-lập, mưu tính công cuộc lật đổ ách thống-trị của người Pháp, và nhiều lần đã làm người Pháp phải khiếp vía.

Cuộc khởi-nghĩa của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng do các ông Nguyễn-thái-Học, Phó-đức-Chính, Nguyễn-khắc-Nhu lãnh-đạo tuy thất-bại, các ông cùng nhiều đồng-chí khác bị lên đoạn đầu đài song các ông đã làm cho quân Pháp phải lao đao và những dòng máu quật-cường của các ông đã tô-điểm thêm cho lịch-sử cách-mạng chống Pháp cho dân-tộc Việt-Nam, làm cho thế-giới phải chú ý.

Có thể nói, ngược dòng lịch-sử, trải qua các thời-kỳ nước ta bị người Tàu đô-hộ hơn 1.000 năm và người Pháp cai trị non 100 năm, không bao giờ dân-tộc Việt-Nam chịu đồng-hóa và khuất-phục, luôn luôn nổi dậy lật đổ ách thống-trị của ngoại-bang. Đây chính là nhờ ở tinh-thần quật-khởi mạnh mẽ của Dân-tộc ta.

Bởi sẵn có tinh-thần bất-khuất tự-cường và lòng yêu nước truyền thống ấy, nên gần đây dân-tộc Việt-Nam không chịu để cho Việt-Minh Cộng-Sản đưa dân-tộc đến cảnh nô-lệ Nga-Hoa.

#### **Phong-trào nhân-dân chống lại sự lợi-dụng danh-nghĩa kháng-chiến của Việt-Minh**

Lợi dụng tinh thần yêu chuộng độc lập của dân tộc, bè lũ Việt-Minh Cộng sản đã nhân cơ hội nước Nhật-Bản đầu hàng Đồng-Minh, Bảo-Đại và chánh-phủ Trần-trọng-Kim nhu nhược nên đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy chiếm chánh quyền.

Trong mấy năm trước, nhiều người tưởng lầm rằng : cuộc khởi nghĩa và kháng chiến do Việt-Minh lãnh đạo có tánh cách quốc gia thuần túy, chủ trương giải phóng dân tộc thoát ách thực dân Pháp, chứ không có âm mưu thiết lập chế độ cộng sản. Vì bè lũ Việt-Cộng khéo léo che đậy bộ mặt thực của chúng, chính Hồ-chí-Minh đã nhiều lần tuyên bố rằng : « Việt-Nam là một nước nông nghiệp rất ít tư bản, kỹ nghệ lại lạc hậu, không thể thiết lập chế độ cộng sản được. Còn nhiều đời sau mới tiến tới đến xã-hội chủ-nghĩa ».

Lời nói ấy làm yên lòng một số người không ưa chủ-nghĩa cộng-sản độc-tài, sẵn sàng hợp-tác với Việt-Minh để chống Pháp.

Sau ngày 2-9-1945, quân-đội Pháp vào xâm-lăng Nam-Việt, đảng Cộng-Sản Đông-Dương tuyên-bố tự giải-tán để che mắt quốc-dân và quốc-tế. Bè lũ Hồ-chí-Minh ra lệnh nghiêm-cấm nhân dân không được nói đến hai tiếng Cộng-Sản và kêu gọi các đảng phái Quốc-Gia cùng toàn thể nhân-dân ủng-hộ cuộc kháng-chiến Nam-Bộ.

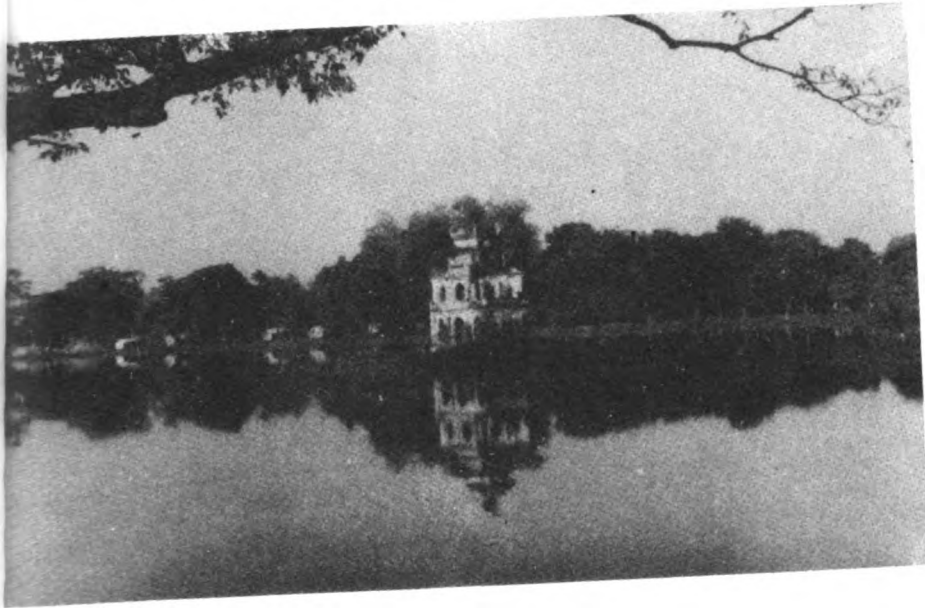
Muốn thống nhất lực lượng để chống với quân Pháp xâm lăng cho có kết quả, tại Nam-Việt có các đoàn thể Cao-Đài, Hòa-Hảo, Thanh-niên Tiền-Phong, Quốc-gia độc lập đã đoàn kết với Việt-Minh và thành lập một mặt trận kháng chiến chung. Nhưng khi Việt-Minh đã nắm được ưu thế, chúng liền đánh úp quân đội Cao-Đài và quân đội Hòa-Hảo, lại mưu bắt giáo chủ Hòa-Hảo là ông Huỳnh-phú-Sổ. Vì sự chia rẽ ấy, lực lượng Việt Minh bị quân đội Pháp đánh tan nát trong đô thành Saigon cùng khắp các tỉnh Nam-Việt. Tên lãnh tụ cộng sản ở Nam-bộ là Trần-văn-Giàu bỏ rơi các đồng chí chạy trốn ra Bắc. Hồ-chí-Minh phái Nguyễn-Bình vào thay



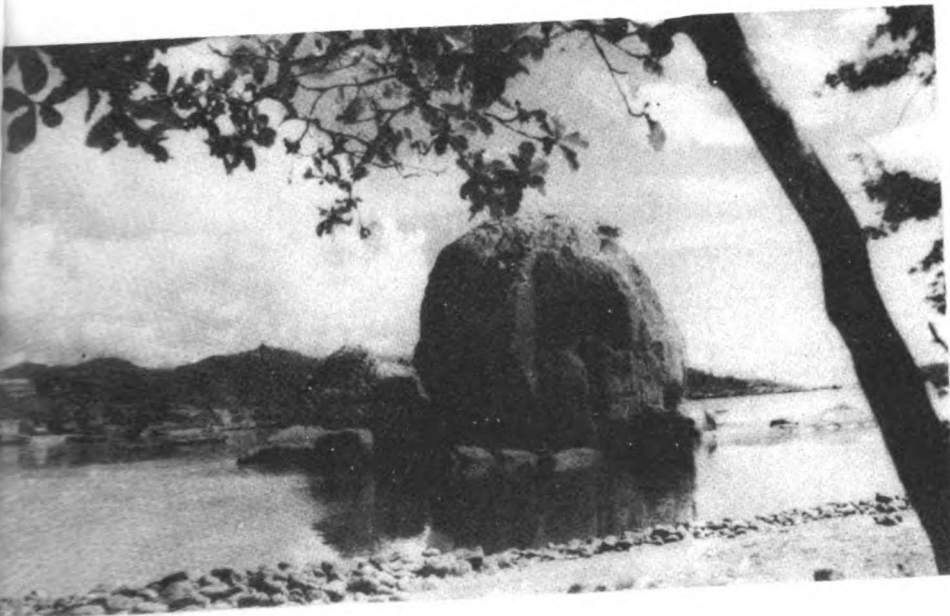
thể Trần-văn-Giàu lãnh đạo mặt trận Việt-Minh ở Nam-bộ. Trong khi ấy các lực lượng Quốc-gia tại Nam-Việt tập hợp thành một mặt trận liên hiệp để tiếp tục công cuộc kháng chiến.

Muốn lợi-dụng tinh-thần tranh-đấu của nhân-dân để củng cố địa-vị, Việt-Minh lại thay chính-sách đối với các đoàn-thể Quốc-Gia. Chúng mời ông Huỳnh-phú-Sổ nhận chức ủy-viên tiếp tế trong Ủy-ban Kháng-chiến Hành-chánh Nam-bộ, lại ký kết một bản tuyên-ngôn chung, hiệu-triệu các phần-tử Quốc-Gia và Việt-Minh kíp bỏ mọi mối hiềm-khích để thống-nhất lực-lượng kháng-chiến. Các đảng phái quốc-gia lại hợp-tác với Việt-Minh để đánh quân Pháp, nhưng sau khi Việt-

*Áy giang sơn cẩm tú của Việt-Nam :*



*Hồ hoàn kiếm*



*Hòn Chồng*

Minh đã nắm vững được các cơ sở kháng-chiến, chúng liền trở mặt phản-bội các phần-tử Quốc-Gia. Chúng đã giết ông Huỳnh-phú-Sổ (giáo-chủ Hòa-Hảo) và ông Nguyễn-văn-Sâm (lãnh-tu đảng Việt-Nam Quốc-Gia độc-lập) làm cho các phần-tử Quốc-Gia Nam-Bộ thấy rõ việc hợp-tác Quốc-Cộng chỉ là tấn trò đàn cừu đánh bạn với chó sói, nên cương-quyết đứng về hàng ngũ đối lập với Việt-Minh.

Tại Bắc-Việt, sau ngày Việt-Minh lên chiếm chính-quyền, các đảng phái Quốc-Gia đã biết rõ Hồ-chí-Minh là Nguyễn-ái-Quốc, một tay sai đắc-lực của Cộng-Sản Đê-tam Quốc-tế, rất gian-hiểm độc-ác, chỉ mượn tiếng giải-phóng dân-tộc để lừa dối đồng-bào, chủ-trương dùng xương máu của nhân-dân để nhuộm đỏ miền Đông-Nam-Á. Nên có nhiều đảng phái Quốc-Gia đã cương-quyết chống Việt-Minh ngay từ lúc đầu như Đại-Việt Quốc-Gia liên-minh-hội, Việt-Nam Quốc-Dân đảng, Việt-Nam Cách-mạng Đồng-minh hội, Liên-đoàn Công-Giáo Việt-Nam, Đại-Việt Quốc-xã, Đại-Việt duy-dân, Đại-Việt Quốc-dân đảng v.v... Lực-lượng Quốc-gia đã đánh bật Việt-Minh Cộng-Sản ra khỏi những thị-trấn Vĩnh-Yên, Yên-Bái, Phú-Thọ, Việt-Trì, Lạng-Son. Hai bên Quốc Cộng chống cự nhau rất mãnh-liệt, gây ra những cuộc bắn giết, khủng-bố, phá-

hoại khắp nơi, làm cho Việt-Minh lâm vào tình-trạng khó khăn và suy yếu. Chúng liền thương-thuyết với các đảng phái Quốc-Gia đoàn-kết lại để chống Pháp xâm-lãng. Việt-Minh mời đại biểu Việt-Nam Cách mạng Đồng-minh hội và Việt-Nam Quốc-dân-đảng dự vào Chánh-phủ liên hiệp và Quốc-hội (bầu ngày 6-1-1946).

Trong hồi ấy, Hồ-chí-Minh có mời Chí-sĩ Ngô-đình-Diệm hợp tác, nhưng Người không nhận lời.

Qua ngày 6-3-1946, Hồ-chí-Minh cùng đại biểu nước Pháp là Sainteny ký bản Hiệp-định Sơ-bộ, trong có mấy điều khoản đại cương sau đây :

1) Nước Pháp nhìn nhận nước Việt-Nam là một nước tự do đứng trong khuôn khổ Liên-bang Đông-Dương và Liên- hiệp Pháp.

2) Sự sát nhập Nam-Kỳ vào Việt-Nam sẽ do một cuộc trưng cầu dân ý định đoạt.

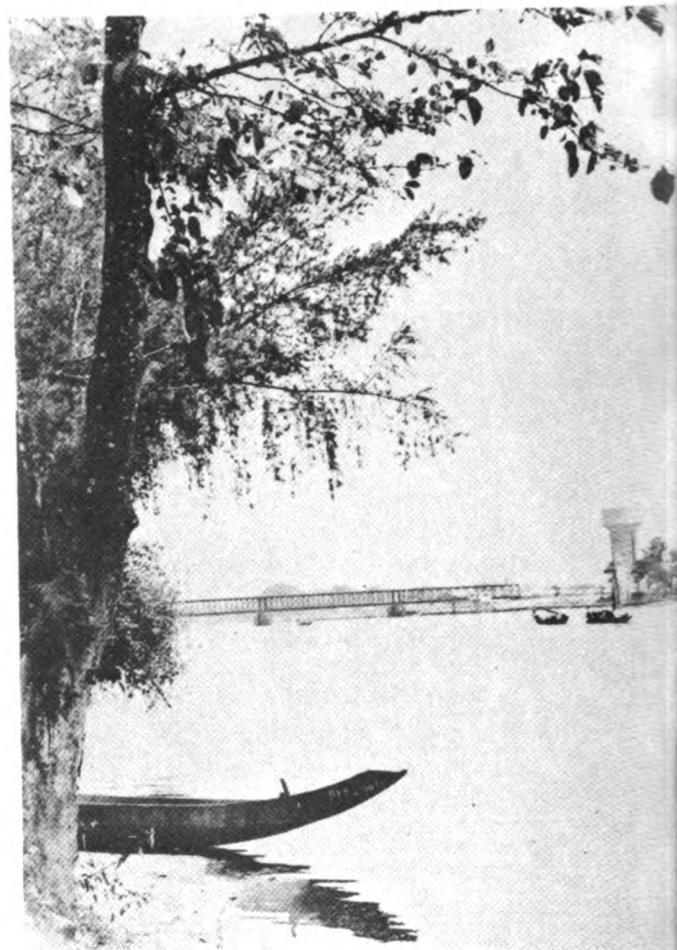
3) Việt-Nam có quân đội riêng, nhưng quân đội Pháp được quyền chiếm đóng trong xứ, trong kỳ hạn 5 năm (mỗi năm số quân Pháp phải rút đi một phần năm).

Số quân đội Việt-Nam không được quá 10.000 người.

4) Nước Việt-Nam có tài chính riêng, nhưng phải chịu chế độ quan thuế chung và đồng bạc do Ngân-hàng Đông-Dương phát hành sẽ được thông dụng như trước.



*Chùa Một Cột*



*Sông Hương*



*Một nắng hai sương, người dân Việt đào sâu cuộc bầm, cày cù tăng  
gia sản xuất trong cảnh thanh bình.*

5) Nước Việt-Nam có quyền đặt lãnh-sự tại mấy nước lân cận.

6) Nước Việt-Nam có quyền tiếp nhận lãnh-sự của mấy nước lân cận.

Bản Hiệp-định sơ bộ này đã làm cho nhân dân rất bất-bình, nhất là đồng bào Nam-Việt, thấy rõ bè lũ Hồ-chí-Minh đã bỏ rơi cuộc kháng-chiến Nam-Bộ và làm mất nền thống-nhất Quốc-Gia một cách tàn-nhẫn. Nhà lão-thành cách-mạng Nguyễn-hải-Thần (phó chủ-tịch Chính-phủ liên-hiệp Hồ-chí-Minh) cùng một số đồng-chí phản-đối bản hiệp-định sơ-bộ, rời Hà-Nội đi Lạng-Sơn rồi trốn sang Tàu.

Phong-trào nhân-dân chống Chính-phủ bán nước Hồ-chí-Minh lại quật khởi. Võ-nguyên-Giáp dùng quân-đội đàn áp các đảng phái Quốc-Gia.

Sau ngày cách-mạng tháng tám, tại khắp các làng đều có nhiều người bị Việt-Minh bắt giam, đánh đập, thủ-tiêu và tịch thu gia-sản, vì bị tình nghi đứng về phe phản-đối cộng-sản. Số nạn nhân lên tới hàng trăm ngàn người bị giết hại, nhiều nhất là ở các tỉnh Quảng-Ngãi (Trung-Việt), Vĩnh-Yên, Yên-Bái, Phú-Thọ, Việt-Trì (Bắc-Việt).

Sau ngày ký hiệp-định sơ bộ, Việt-Minh được rảnh tay dùng toàn-lực để tiêu-diệt các đảng phái quốc-gia, trong khi chúng hết sức nhượng bộ người Pháp. Cũng như trước kia chúng đã hết sức chiều dài quân-đội Tàu sang tước khí-giới quân-đội Nhật-Bản ở Việt-Nam. Chính Hồ-chí-Minh đã đem một phần số vàng của nhân dân quỳn góp đúc một cái lư hương dâng cho Đại-tướng Lư-Hán. Về phần nhân dân, ai cũng muốn cho nước nhà độc-lập, thoát ách cai-trị của thực-dân Pháp, lại bị cán-bộ cộng-sản thúc đẩy, bắt buộc, nên đã thi đua góp người, góp của, trong những đợt tuyển-mộ tân-binh, dân công, quỳn vàng, quỳn đồng, quỳn tiền, quỳn lúa gạo và đóng góp mọi thứ thuế và làm nhiều công-tác cho Việt-Minh.

Sau những kỳ hội-ngị giữa các đại-biểu Việt-Pháp không đem lại kết-quả gì, Hồ-chí-Minh cùng phái-đoàn Phạm-văn-Đông sang Pháp dự cuộc bàn cãi ở Fontainebleau.

Đến ngày 14-9-1946, Hồ-chí-Minh cùng Bộ-trưởng Pháp-Quốc hải-ngoại là Marius Moutet ký một bản tạm ước gồm 11 điều khoản làm cho nước Việt-Nam bị thiệt hại rất nhiều quyền-lợi, và không thoát khỏi những điều ràng buộc trong bản hiệp-định sơ bộ.

Bè lũ Hồ-chí-Minh tưởng rằng nhượng bộ nước Pháp như thế, để được yên ổn về phương-diện ngoại-giao mà củng cố nội-bộ. Nhưng tình hình quốc-tế không cho phép một chính-phủ cộng-sản được đứng vững trên đất nước Việt-Nam. Và lại người Pháp tưởng rằng có thể uy-hiệp Việt-Nam một cách dễ dàng, nên dùng chính-sách khiêu-khích, như việc chiếm ty quan-thuế Hải-Phòng đưa tối hậu-thư cho Hồ-chí-Minh đòi trả lại Bắc-bộ-Phủ, Nha Liêm-Phóng ở Hà-Nội. Bè lũ Việt Cộng không thể nhượng bộ thêm được nữa, nên phải chuẩn-bị kháng-chiến. Cuộc xung đột Việt-Pháp bắt đầu xảy ra tại Hà-Nội giữa đêm 19-12-1956, gây thành cuộc kháng-chiến toàn quốc, kéo dài đến 8 năm.

Trong thời gian chuẩn bị kháng chiến, Việt-Minh thủ tiêu gần hết những đại biểu Việt-Nam Cách-mạng Đồng-minh-hội, Việt-Nam Quốc-dân-đảng đã tham gia Chính-phủ liên hiệp cùng Quốc-hội bù nhìn mà không thân phục chúng. Các đảng phái Quốc-gia và các tôn giáo lại bị Việt-Minh khủng bố dữ dội hơn trước. Song trên giấy tờ, ngoài miệng lưỡi, chúng vẫn hô hào toàn dân đoàn kết trong mặt trận Liên-Việt, đem hết nhân lực, vật lực, tài lực để kháng chiến trường kỳ.

Qua năm 1950, sau khi Trung-Cộng chiếm hết lục địa Trung-Hoa, Việt-Minh được Trung-Cộng, Nga-Sô tiếp tế nhiều vũ khí, vật liệu và phái những Cán-bộ, những Cố-vấn sang điều khiển mọi việc chính trị, quân sự, kinh tế của Việt-Cộng. Nhiều chính sách tàn ác của Trung-Cộng đã lần lượt đem áp dụng trên đất nước Việt-Nam.

Từ hồi ấy, nhân dân mới thấy rõ Việt-Cộng làm nô lệ Trung-Cộng, cung phụng và thần phục bọn cố vấn, cán bộ Trung-Cộng, còn nhục nhã, luồn lụy hơn các tên Việt-gian bán nước trong hồi Pháp thuộc.

Về phần nhân dân đã đói khổ, lại còn bị bóc lột bằng các thứ thuế nông, công, thương nghiệp quá nặng, phải đi dân công, tiếp vận hay làm bia đỡ đạn ở ngoài chiến trường.

Nhờ có sự viện trợ Trung-Cộng, nên Việt-Minh đã chiến thắng quân Pháp nhiều trận, nhưng tinh thần nhân dân chán ghét chính quyền Cộng-Sản ngày một tăng thêm, vì sự nô lệ Trung-Cộng và chính sách tàn bạo của Việt-Cộng ngày thêm rõ rệt.

Tại Bắc-Việt có những câu ca dao mô tả tình trạng ấy, như :

*Ai ơi chớ vội làm giàn,  
Giặc Tây chưa hết, giặc Tàu đã sang,  
Việt-Minh làm nước tan hoang,  
Bờ cõi sẵn rồi, đám đang nổi gi.*



*Chiến tranh tàn khốc gieo rắc đau thương*



Trong khắp các tỉnh do Việt-Minh chiếm đóng đều có những tổ chức đảng phái bí mật như Đại-Việt Quốc-gia liên minh, mặt trận Liên-tôn (Công-giáo và Phật-giáo) diệt Cộng, mặt trận giải phóng dân tộc, Việt-Nam Quốc-dân-đảng, Đại Việt duy dân v.v... chủ trương lật đổ chính quyền Việt-Cộng để lập nên một Chính phủ Quốc-gia Dân-chủ chân chính. Có nhiều nơi đã xảy ra những cuộc biểu tình phản kháng thuế nông, công, thương nghiệp, chống việc bắt tân binh, bắt dân công, ám sát và đốt nhà những Cán-bộ Việt-Cộng, phá hoại các cơ sở quân sự kinh tế của chúng.

Phong trào nhân dân chống Cộng phát triển mạnh nhất trong những năm 1951, 1952 tại các tỉnh Thanh-Hóa, Nghệ-An, Hà-Tĩnh (Trung-Việt).

Việt-Cộng đã dùng súng đạn đàn áp các cuộc biểu tình và bắt giam, tra tấn, giết hại nhiều người.

Tháng giêng năm 1953, Việt-Cộng tổ chức phong trào đấu tranh chính-trị, bắt đầu từ Liên-khu IV, rồi đến Liên-khu III và Việt-Bắc. Chủ trương phong trào ấy là bắt buộc nhân dân phải dùng phương pháp đấu tố để tiêu diệt những người chống Cộng hay có thái độ lừng khừng, trung lập. Trong tất cả các xã, Việt-Cộng đều tổ chức những tòa án nhân dân, bắt những người tình nghi ra tra tấn, đánh đập rồi kết án xử tử hay đưa đi đày ở những nơi nước độc. Chúng dùng những hình phạt rất dã man như : đóng đinh vào đầu, xẻo mũi, cắt tai, đốt cháy người như con bò thui, treo người lên cao rồi thả lăn xuống đất v.v... Xã nào cũng có người bị đánh chết hoặc tự tử trong đợt này. Những đình chùa trong các làng đều chôn nhốt những người bị giam để chờ xét xử. Người trong các đoàn thể Phật-giáo, Công-giáo, đảng Dân-chủ Việt-Nam (ở trong mặt trận Việt-Minh) bị bắt gần hết.

Phong trào đấu tranh chính trị làm cho nhân dân khủng khiếp đến cực độ, nên Hồ-chí-Minh viết thư xin lỗi nhân dân và hạ tầng công tác một số cán bộ thuộc thành phần tư sản, để trút trách nhiệm cho bọn này. Trong mấy tháng đầu năm 1953, xã nào cũng có hàng trăm người bị bắt vì phong trào đấu tranh chính-trị, chứng tỏ phong trào chống cộng đã phát triển khắp nơi, nhưng không thể chống nổi với quân đội Việt-Cộng nên đã bị Việt-Minh đàn áp rất dã man.



*và tang tóc trên đất Việt yên dẫu.*



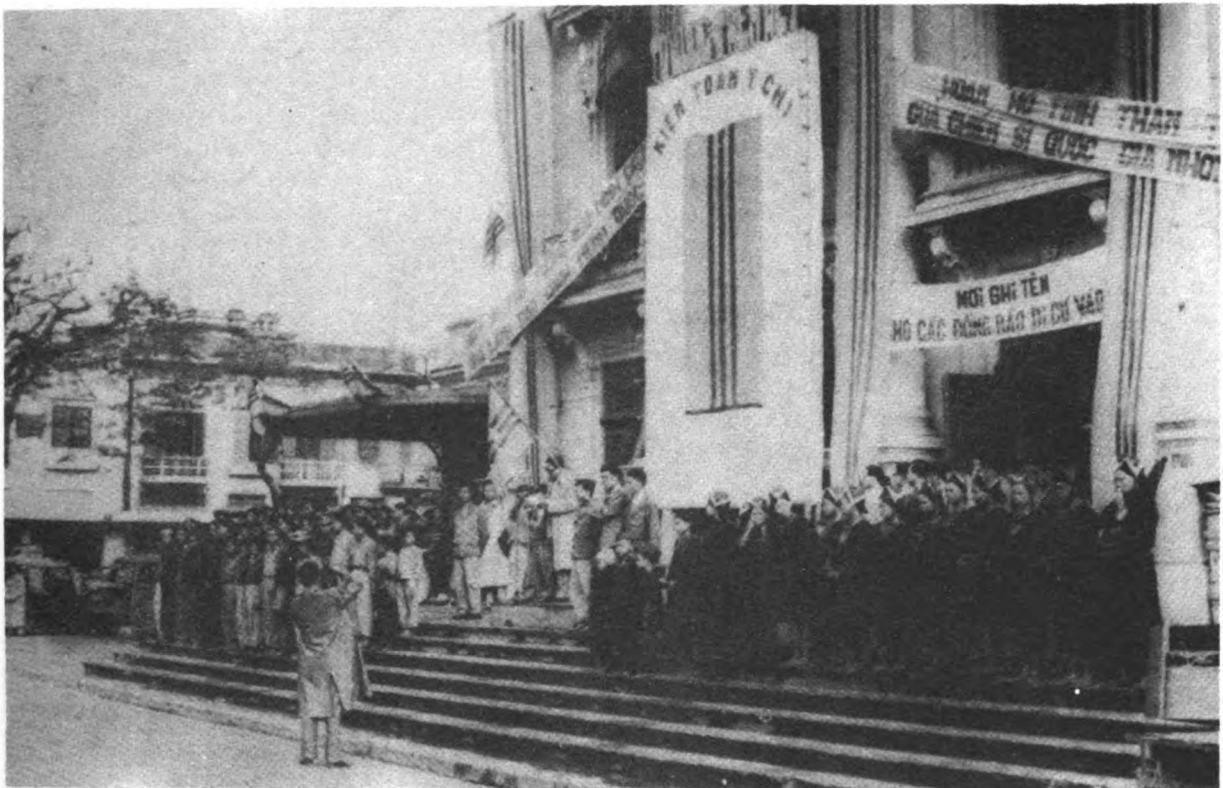
*Thôn - Nữ Bắc-Phân*

## II. — TÌNH HÌNH NƯỚC VIỆT-NAM TRƯỚC VÀ SAU KHI HỘI-NHỊ GENÈVE ĐANG HỢP

### a) Trong vùng Việt-Minh.

Từ năm 1953, Việt-Minh theo đúng đường lối của Cộng-Sản quốc-tế dùng giai-cấp đấu-tranh để chia rẽ các tầng lớp nhân dân và tiêu-diệt những thành phần tư sản, trí-thức cùng các tôn-giáo.

Sau phong-trào đấu-tranh chính-trị, nhiều người thấy Hồ-chí-Minh viết thư xin lỗi nhân dân, đã mừng thầm được thoát nạn. Nào ngờ giữa năm 1953, Hồ-chí-Minh ký luôn ba Sắc-lệnh số 49, số 50, số 51 để hợp-pháp hóa và phát-động một phong-trào tổ-khổ mới, được mệnh danh là phong-trào « phóng tay phát-động quần chúng ». Sắc-lệnh số 49 qui-định rằng : Tất cả những người có ruộng đất phát canh mà thu tô hoặc những người quản-lý tài-sản của địa-chủ đều thuộc thành-phần địa-chủ. Bần cố nông là những người có ít sào ruộng làm lấy hoặc không có ruộng đất. Sắc-lệnh số 50 qui-định việc thành-lập tòa-án nhân dân đặc-biệt tại các xã, có quyền hạn rộng rãi, từ tha bổng phạm nhân đến kết án tử hình, mà không ai có quyền chống án. Sắc-lệnh số 51 qui-định những hình phạt để trừng trị địa-chủ, phú-nông, trí-thức, cường-hào như kết án tử-hình, cấm cố, chung thân, phạt giam có kỳ hạn, quản-chế thân thể và tịch-thu tài-sản. Mục-đích là tiêu-diệt giai-cấp trí, phú, địa, hào cùng các thành phần tôn-giáo



*Đồng bào thượng Bắc Phần không chịu sự đè nén của Việt-Cộng băng qua núi rừng về Hải-phòng để di-cư vào miền Nam tự do*

và cướp hết động-sản, bắt-động-sản của những người này. Các đoàn cán-bộ Việt-Cộng đến từng xã bắt buộc nhân dân phải ra dự các cuộc đấu tố mà chúng gọi là những cuộc đấu tố « long trời lở đất ». Mỗi xã bắt hàng trăm người ra chửi mắng, đánh đập, làm cho nhiều người bị đánh chết ngay tại đấu trường, hoặc khi về nhà, quá ghê sợ những hình phạt đau đớn, nhục nhã, phải tìm cách tự tử. Trong phong-trào này đã diễn ra nhiều cảnh tượng thê thảm, bắt lương, như Việt-Cộng bắt buộc con đánh cha, vợ giết chồng. Làm cho con người còn tàn ác hơn loài mãnh thú, tìm đủ mọi cách dã man để làm khổ nhục và giết hại lẫn nhau. Nhưng phen này không thấy Hồ-chí-Minh viết thư xin lỗi nhân dân nữa.

Sau phong trào phóng tay phát động quần chúng, Việt-Cộng lại đặt ra những đợt cải cách ruộng đất. Chúng phái những đoàn cán bộ và quân đội về các làng để thực hiện chính sách tam cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với những người bần cố nông để « xâu chuỗi bắt rết », xúi dục những người này phải căm thù giai cấp trí, phú, địa, hào, trung nông, thương gia, tôn giáo và lần lượt đưa ra đấu trường để tiêu diệt cho kỳ hết. Nhưng Việt-Cộng chỉ lợi dụng giai cấp bần cố nông làm những việc cướp của giết người, chứ không đem cho họ một đời sống no ấm hơn trước. Bần cố nông được chia một số ít quả thực (một phần mười trong các thực phẩm, quần áo, vật dụng, của địa chủ) và mỗi người được cày một, hai sào ruộng, nhưng phải làm rất nhiều công tác khó nhọc và đóng thuế nông nghiệp quá nặng, nên bần cố nông vẫn chịu cảnh ăn đói, mặc rét, làm việc quá sức, mất hết tự do. Hàng triệu người, trai cũng như gái, từ 16 tuổi trở lên, phải đi dân công, phục vụ các chiến trường. Hàng vạn người đã bị chết trong khi đi đường lên Việt-Bắc hay tiếp tế sang Lào. Nhiều làng mạc đã bị phi cơ Pháp oanh tạc tan nát. Nạn lụt bão, hạn hán làm cho dân chúng các tỉnh phía Bắc Trung-Việt chết đói rất nhiều. Nên ai cũng biết rằng : trước ngày ký thỏa ước Genève, nhân dân sống trong miền Việt-Cộng đã bị đói khổ, khó nhọc, hoang mang đến cực độ. Nếu cuộc chiến tranh còn kéo dài, sẽ gây những cuộc nổi loạn trong dân chúng.

Về chính trị, Việt-Cộng hoàn toàn theo lệnh của các cố vấn Trung Cộng, Nga-Sô, mất hẳn quyền tự chủ. Trong các cơ quan hành chính, chuyên môn, quân-sự, từ cấp Trung-ương đến các địa phương, chúng mở cuộc thanh trừng, loại trừ tất cả những phần tử lừng khừng hay thuộc giai cấp tư sản, dùng toàn những cán bộ của đảng Lao-động Việt-Nam (do đảng Cộng-sản Đông-Dương biến thành từ năm 1951) làm những tay sai đắc lực. Guồng máy Công-an được tổ chức rất chặt chẽ để đàn áp những người đối lập.

Về quân-sự, Việt-Cộng được tăng cường rất nhiều. Những thanh-niên sợ ở làng bị khủng-bố, hoặc vì hoàn cảnh thất-nghiệp, đói rét, đều phải tình nguyện đầu quân. Nga-Sô, Trung-Cộng tiếp tế rất nhiều vũ khí, đạn dược. Các cố-vấn và Cán-bộ Trung-Cộng lần lượt kéo sang. Từ đơn vị Trung-đoàn trở lên, đều do các cố-vấn và cán-bộ Trung-Cộng điều-khiển. Trong các chiến-dịch, Việt-Cộng đã phối hợp du kích chiến với vận động chiến, chuyển từ giai đoạn phòng ngự sang giai đoạn cầm cự và chuẩn-bị tổng phản công, lại liên tiếp đánh phá những đồn trại lẻ tẻ của Pháp.

Từ trung tuần tháng 3 năm 1954, trận Điện-biên-Phủ bắt đầu, Trung-Cộng dùng những trọng pháo và khí-giới tối tân ra đánh trận-địa-chiến và áp-dụng chiến-thuật « biến người », bắt buộc hàng vạn dân công Việt-Nam nhảy vào những hàng rào dây thép gai để làm bia đỡ đạn. Với những chiến-thuật ác-liệt ấy kéo dài trong 56



Một thôn nữ miền thượng Bắc phần.

ngày, làm cho quân-đội Pháp phải đầu hàng.

Trong khi Hội-nghị Genève đang họp, sự thắng lợi quân sự nghiêng hẳn về Việt-Cộng. Nhưng Việt-Cộng nhận thấy nền kinh tế rất quần bách, nhân dân đã hy-sinh quá nhiều, lại phần uất vì bị đói khổ, áp bức, không thể kéo dài cuộc chiến tranh được nữa. Nga-Sô, Trung-Cộng sợ Pháp thua thì chiến tranh Việt-Nam phải quốc tế hóa, gây ảnh hưởng tai hại cho chúng. Chi bằng theo cách đánh bạc ăn non, lấy nửa đất nước Việt-Nam để khai thác kinh tế và củng-cố chế-độ Cộng-Sản trên miền ấy cho thật vững chắc, rồi sẽ tùy thời cơ mà xâm chiếm miền Nam. Nên các quan thầy Nga-Sô, Trung-Cộng ra lệnh cho Việt-Cộng phải tìm mọi cách điều đình với Pháp để chấm dứt chiến tranh và chia-đôi đất nước Việt-Nam.

#### *b) Trong vùng Quốc-gia.*

Cuộc chiến tranh Việt-Pháp kéo dài đã làm cho cả hai bên thiệt hại nặng nề. Trong năm 1948, vì tình hình quốc tế, nước Pháp không thể điều đình với Việt-Minh, nên phải tìm một giải pháp mới là mở cuộc điều đình với phái Quốc-gia Việt-Nam.

Ngày 5-6-1948, tại Vịnh Hạ-Long, trên chiến hạm Duguay-Trouin, Thiếu-tướng Nguyễn-văn-Xuân được cử làm đại diện cho Chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt - Nam ký cùng Bollaert đại diện Chính-phủ Pháp bản sơ ước sau này :

1) Nước Pháp trân trọng thừa nhận nền độc lập của nước Việt-Nam, tự nước Việt-Nam có quyền thực hiện thống nhất. Nước Việt-Nam tuyên bố gia nhập khối Liên-hiệp-Pháp.

2) Nền độc lập của Việt-Nam không hạn định gì ngoài việc Việt-Nam gia nhập khối Liên-hiệp-Pháp.

3) Nước Việt-Nam cam đoan tôn trọng các nguyên tắc dân chủ và dùng các viên cố vấn và chuyên môn Pháp trước người các nước khác trong các công cuộc tổ chức nội bộ và nền kinh tế Việt-Nam.

4) Ngay sau khi Chính-phủ Trung-ương lâm thời thành lập, các đại biểu Pháp sẽ ký kết những thỏa hiệp về các vấn đề văn-hóa, ngoại-giao, quân-đội, kinh-tế, tài-chính cùng vấn đề kỹ-thuật chuyên-môn.

Sau khi phó thụ vào bản Hiệp-định 5-6-1948, Bảo-Đại sang Pháp.

Sau 9 tháng điều đình, ngày 8-3-1949, Bảo-Đại cùng Tổng-Thống Vincent Auriol ký một bản thỏa hiệp tại điện Elysée.



Xét các điều đại cương của bản hiệp định Việt-Pháp thì ta thấy thỏa hiệp ngày 5-6-1948 và hiệp định Bảo-Đại Vincent Auriol còn đem lại nhiều quyền lợi cho nước Việt-Nam hơn là bản hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và bản tạm ước Hồ-chí-Minh Marius-Moutet.

Nhưng nhiều người Việt-Nam cho rằng Bảo-Đại là cựu hoàng để đã thoái vị và lưu vong, không được dân chúng đề cử, không đủ tư cách đại diện cho Quốc-gia Việt-Nam để ký kết hiệp ước với nước Pháp. Trong bản hiệp định ấy có những điều khoản chứng tỏ người Pháp chưa thành thực giao trả nền thống nhất và độc lập hoàn toàn cho nước Việt-Nam. Như những câu : « Các dân tộc thiểu số sẽ được ban hành những chế độ đặc điểm do Hoàng-đế Bảo-Đại ấn định với sự thỏa thuận của Chính-phủ Pháp. »

Về phương diện ngoại giao, Hoàng-đế Việt-Nam sẽ liên kết hoạt động với ngoại giao của Liên-hiệp-Pháp. Các trưởng đoàn ngoại giao Việt-Nam tại nước ngoài sẽ nhận ủy nhiệm trạng do Chủ-tịch Liên-hiệp-Pháp cấp phát và Hoàng-đế Việt-Nam phê chuẩn. Nước Việt-Nam chỉ được đặt sứ đoàn ngoại giao tại những nước được Chính-phủ Pháp bằng lòng.

Về chủ quyền nội bộ : mỗi khi cần đến những vị cố vấn, giám định hay nhà chuyên môn cho các công sở hay các xí nghiệp công, thì Chánh-phủ Việt-Nam trước hết lựa chọn trong các thuộc dân Liên-hiệp-Pháp.

Về tư pháp : có những tòa án hỗn hợp để xét xử những vụ kiện cáo giữa người Việt-Nam với người thuộc dân Liên-hiệp-Pháp hay kiều dân ngoại quốc được hưởng đặc quyền tài phán.

Về kinh-tế và tài-chính, các tư bản Pháp được tự-do kinh doanh trong nước Việt-Nam và chỉ phải tuân theo ít điều hạn-chế như việc mở các doanh-nghiệp liền vào khu-vực quốc-phòng phải được Chính-phủ Việt-Nam cho phép.

Tiền-tệ duy-nhất lưu hành trên khắp lãnh-thổ Việt-Nam là đồng bạc của Viện Phát-hành Đông-Dương.

Đồng-bạc Đông-Dương sẽ ở trong khu vực đồng franc.

Công thức hối-đoái tiền tệ sẽ do sở Hối-đoái Đông-Dương quy định, v.v. . .

Vì bản hiệp-định ngày 8-3-1949 có nhiều điều vi-phạm đến chủ quyền Việt-Nam, nên sau khi ký kết xong, Chí-Sĩ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM cùng nhiều thân sĩ Việt-Nam tỏ ý phản đối.

Ngày 3 tháng 6 năm 1949, Quốc-Hội Pháp công nhận Nam-Việt trở về đại gia-đình Việt-Nam.

Ngày 14 tháng 6 năm 1949, tại toà Đô-sanh Saigon, đã cử hành lễ trao đổi văn kiện ngoại-giao giữa Bảo-Đại và Cao-ủy Pháp Pignon.

Ngày 30-12-1949, cũng tại Saigon, hai Chính-Phủ Việt-Pháp làm lễ trao trả chủ-quyền nội-bộ Việt-Nam.

Từ đầu tháng 2 năm 1950, các nước Hoa-Kỳ, Anh-cát-Lợi cùng hơn 30 nước dân-chủ khác trên thế-giới lần lượt công nhận Chính-phủ Quốc-Gia Việt-Nam.

Từ cuối năm 1949, sau khi Hồng-quân của Mao-trạch-Đông thắng trận trên lục-địa Trung-Hoa, tình-hình Đông-Nam-Á trở nên nghiêm trọng, vấn đề chống cộng ở Việt-Nam càng khẩn thiết hơn trước, nên nước Hoa-Kỳ đã tăng thêm viện-trợ cho quân-đội Liên-hiệp-Pháp và tích cực giúp đỡ Chính-Phủ cùng nhân dân trong miền Quốc-Gia Việt-Nam.

Nhưng về phần Việt-Minh cộng-sản lại được tăng cường quân-lực do sự viện-trợ của Trung-Cộng, Nga-sô, khiến quân-đội Pháp dù có nhiều phi cơ, chiến xa cũng không thể chiếm được phần thắng lợi.



*Ruộng lúa phì nhiêu, nguồn sống của dân Việt.*

Và lại người Pháp chưa giao trả chủ quyền hoàn-toàn lại cho nhân dân Việt-Nam, chỉ muốn đặt những Chính-Phủ bù nhìn để dễ sai khiến.

Ngày tháng 6 năm 1949, Chính-Phủ Nguyễn-văn-Xuân từ chức, Bảo-Đại tự nhận làm Quốc-Trưởng kiêm Thủ-Tướng lập nên Chính-phủ mới ngày 16-6-1949.


Nhưng sau những cuộc thí-nghiệm chính-trị đã bị thất bại, Bảo-Đại giao quyền lại cho Chính-Phủ Nguyễn-phan-Long ngày 21-1-1950. Đến ngày 10-5-1950, Bảo-Đại giải-tán Chính-phủ Nguyễn-phan-Long, lập nên Chính-phủ Trần-văn-Hữu.

Sau Nguyễn-văn-Tâm thay thế Trần-văn-Hữu lập Chính-phủ vào năm 1952 chưa được một năm rưỡi lại bắt buộc phải từ chức, để Bảo-Đại ủy-nhiệm Bửu-Lộc về lập Chính-phủ mới.

Dù thay đổi nhiều lần, các Chính-phủ Quốc-gia Việt-Nam không gây được sự tín nhiệm trong nhân dân, vì không thoát khỏi vòng kiểm chế của người Pháp, lại có nhiều kẻ tham nhũng, quan liêu, bắt lức, chỉ lo củng-cố địa vị vơ vét tiền của, chớ không hết lòng làm việc giúp nước cứu dân. Quốc-trưởng Bảo-Đại quen thói xa hoa, ham mê truy lạc, lại nhu nhược, lười biếng, làm cho nhân dân chán ngán vô cùng. Trong 5 năm chấp chính, không tổ chức Quốc-hội, không ban bố hiến-ước, Bảo-Đại cứ để chính thể mập mờ, không dân chủ mà cũng không quân chủ, làm cho những người có lòng yêu nước, đã căm thù chế-độ cộng-sản độc-tài, càng oán giận Chính-phủ bù nhìn thối nát. Có nhiều người nông nổi, sống trong vùng quốc-gia, so sánh với miền cộng-sản, tương đối được tự do và sung túc hơn nhiều, thế mà vẫn khuynh hướng về Việt-Minh Cộng-sản, vì chưa được nếm mùi Cộng-sản.

Dân quê nhiều nơi rất cực khổ vì nạn chiến tranh, thường mắc nạn một cổ đôi trùng, ban ngày phải phục dịch cho quân đội Pháp, ban đêm lại phải làm nhiều công tác và đóng góp cho Việt-Minh. Quân đội Liên-hiệp-Pháp đến càn quét vùng





nào, thường làm khổ dân chúng, tàn phá làng mạc. Nên phần đông nhân dân trong miền Quốc-gia không hưởng ứng công cuộc chiến đấu chống cộng-sản.

Cuối năm 1953, người Pháp nhận thấy không có hy vọng thắng trận Việt-Nam, muốn tìm giải pháp điều đình với Việt-Cộng để tránh những sự thất bại và duy trì quyền lợi ở Việt-Nam, nên mới bắt tay với Việt-Cộng, tổ chức hội nghị Genève. Trong khi đang bàn cãi, thì quân đội Pháp lại thất trận liên tiếp. Trận Điện-biên-Phủ đã làm cho Thiếu-tướng De Castrie phải hạ khí giới vào đêm mồng 7 rạng ngày mồng 8 tháng 5 năm 1954. Quân đội Pháp lại rút lui khỏi các tỉnh Phát-Diệm, Bùi-Chu, Phủ-Lý, Nam-Định.

Tình hình quân sự ở Việt-Nam nguy cấp làm cho Thủ-tướng Mendès France vội vàng sang Genève vận động đình chiến và giao một nửa đất nước Việt-Nam cho bè lũ cộng-sản độc tài, bất chấp cả những lời phản kháng hợp lý của đại biểu Chính-phủ Quốc-gia Việt-Nam.

Trong khi ấy, bè lũ Việt-Cộng tuyên truyền trong dân chúng rằng cuộc kháng chiến đã toàn thắng, hòa bình thực hiện đến nơi. Nhưng nhân dân sống dưới chế-độ cộng-sản đã bị lừa phỉnh nhiều lần rồi, ít người tin tưởng ở lời tuyên truyền xảo trá, mà phần đông rất đau khổ vì cảnh đấu tố dã man, đói rét cùng cực. Khi nghe tin đình chiến, nhiều người thất vọng không biết bao giờ mới được thoát ách cộng-sản độc tài.

Tại vùng Quốc-gia, nhân dân lo lắng chưa biết hội nghị Genève sẽ đến kết quả ra sao? Sống chung với Việt-Cộng, sợ bị chúng đấu tố, bóc lột, lánh nạn vào miền Quốc-gia, biết có đủ phương tiện di-cư và làm ăn được không?

Còn những người biết rõ tội ác của Việt-Cộng, từ trước đến nay đã từng tranh đấu cho lý-tưởng Quốc-gia, rất phẫn uất khi nghe tin nước nhà bị chia đôi, già nửa dân tộc sẽ bị quản ngục dưới ách thống trị của bọn quý đồ, chưa biết khi nào mới có thể giải phóng quê hương đành ôm hận, lánh nạn vào vùng Quốc-gia để chờ ngày Bắc tiến.

### III. — PHONG TRÀO DI-CƯ CHỚM NỔ

Sau ngày 19-12-1956, cuộc xung đột Việt-Pháp bùng nổ tại Hà-nội. Việt-Minh áp dụng chiến thuật tiêu thổ kháng chiến của Trung-Cộng, ra lệnh phá hoại tất cả đường xá, cầu quán, thị trấn do Việt-Minh kiểm soát. Những đồng bào ở các thành thị tản cư về miền thôn quê, sống cuộc đời vất vả khó khăn, nhưng cũng vui lòng chịu đựng và tự an ủi đã chịu gian lao vì quốc nạn. Nhưng các cán bộ Việt-Cộng ở các địa phương đã không giúp đỡ đồng bào tản cư, lại còn kiếm chuyện dọa nạt, ức hiếp, bóc lột và cưỡng bách đồng bào tản cư phải làm những công tác trong địa phương. Vì không thể chịu đựng nổi những chính sách tàn bạo dã man của Việt-Cộng mỗi ngày một tăng thêm, nên các đồng bào tản cư cùng với những người ham muốn tự do ở vùng Việt-Cộng lần lượt trốn về các thành thị do chính quyền quốc gia kiểm soát. Phong trào nhân dân tị nạn cộng sản rầm rộ nhất trong các năm 1951, 1952.

Qua năm 1953, phong trào tổ khổ làm khủng khiếp đồng bào, nhưng vì lưới công an bao phủ khắp miền Việt-Cộng, nên số người lánh nạn ra miền quốc-gia không được đông đảo như trước.

Tháng 5 năm 1954, quân đội Pháp thua trận ở Điện-biên-Phủ. Ngày 30-6-54 rút lui khỏi các tỉnh miền Nam Trung-Châu Bắc-Việt. Nhân dân các tỉnh Bùi-Chu, Ninh-Bình, Nam-Định, Thái-Bình, Phủ-Lý thấy rõ sự thất bại của quân đội Pháp, lo sợ những cảnh tổ khổ tàn ác của Việt-Cộng, nên người nào còn có thể chạy được, đều vội vàng bỏ hết tài sản, diu đất cha mẹ, vợ con chạy về Hà-nội và các miền lân cận. Những cảnh tượng thê thảm : vợ bỏ chồng, con lạc mẹ, thiếu xe thuyền phải chạy bộ, bị quân đội Việt-Cộng đuổi theo bắn giết, làm cho đồng bào không khi nào quên được tội ác của bọn quỷ đồ khát máu. Sau đó quân đội Pháp tiếp tục rút lui khỏi các tỉnh chung quanh Hà-nội (Hà-đông, Hà-Nam, Hưng-Yên, Bắc-Ninh, Vĩnh Phúc-Yên) nhân dân các tỉnh ấy cũng chạy trốn về Hà-nội chờ ngày di-cư vào Nam.

Trong khi các chính-khách quốc-tế đang họp bàn trong Hội-nghị Genève, đa số nhân dân Bắc-Việt lo lắng, u sầu vì sợ lọt vào tay Cộng-Sản, nên người nào có đủ phương-tiện đều sửa soạn di cư vào Nam. Lại được biết Chí-sĩ Ngô Đình-Diệm về chấp chánh, nhân dân miền Bắc mừng thầm có vị cứu tinh, nên trước ngày ký kết hiệp-định Genève, đã có hàng ngàn người mua vé máy bay hoặc vé tàu thủy di cư vào Nam.



Từ Nam định, đồng bào đáp tàu thủy về Hà-nội.



*Đồng bào Phú-lý rời bỏ ruộng vườn  
lũ lượt khăn gói về Hà-nội để rời di-cư vào Nam.*

Trong thời gian ấy, người nào mua được vé máy bay hay vé tàu thủy là việc rất khó khăn. Không những cần phải có đủ tiền, mà số người miền Bắc muốn vào Nam quá đông, các hãng máy bay, hãng tàu thủy không có đủ chỗ để tiếp đón hành khách. Còn hàng triệu người khác, khi nghe tin Hội-nghị Genève định chia đôi đất nước Việt-Nam, muốn di cư vào Nam nhưng chưa thể đi được, vì có nhiều trường hợp ngăn trở, như các gia-đình công-chức hay quân-nhân có người nhà đang làm việc không thể rời bỏ ty sở ; những thương-gia, kỹ-nghệ-gia và những người có nghề-nghiệp khác chưa thể thu xếp xong công việc làm ăn để di-cư, các thanh-niên đang tuổi động viên còn phải ở lại để đợi ngày nhập ngũ, những người quản bách về kinh-tế không đủ tiền mua vé tàu và lo ngại không tìm được việc làm ở trong Nam, nên chưa thể ra đi. Đáng chú ý trong các đảng phái Quốc-gia và các tôn-giáo (Công-giáo, Phật-giáo) có một số người hăng hái chống Cộng định ở lại Miền Bắc, tổ-chức những đoàn du-kích đánh nhau với Việt-Cộng cho đến giờ phút cuối cùng, còn phần đông những người khác đều sửa soạn vào Nam, vì biết rõ không thể sống chung với Cộng-Sản. Sau 9 năm kinh-nghiệm, nhân dân miền Bắc đã bị Việt-Cộng lừa dối, lợi dụng quá nhiều. Khi Việt-Cộng cần dùng người nào làm tay sai, thì ngon ngọt tuyên-truyền dụ dỗ, khi không cần đến hạng người này nữa, thì chúng tìm cách tiêu-diệt cho đến tận gốc rễ. Những cảnh thanh-trùng tố-khổ, cải-cách ruộng đất, đánh thuế nông, công thương nghiệp đã làm cho nhiều người tỉnh ngộ và lo lắng. Lại thấy cán-bộ và quân-đội Trung-Cộng thay hình đổi dạng, lén lút về các thôn quê, hăm hiếp, bóc lột đồng bào, nên phần đông những người sống trong miền Việt-Cộng, chịu mọi sự hy sinh, gian khổ trong cuộc trường kỳ kháng-chiến, đến khi nghe tin hòa-bình sắp trở lại, thì may ai nấy chạy bỏ hết thân thuộc tài-sản, trốn về miền Quốc-gia, để tìm cách di cư vào Nam, mong sao thoát được ách thống-trị của bọn độc-tài đồ. Số người định ở lại sống chung với Việt-Cộng rất ít mà phần đông là những đảng viên, cán-bộ lén lút hoạt-động cho Việt-Minh từ trước, hoặc những người có thân nhân làm việc với Việt-Cộng trở về tuyên-truyền, dụ dỗ anh em, họ hàng ở lại sẽ được « đảng » và « bác » trọng đãi. Một số anh chị em thợ thuyền, vô sản, buôn thúng bán bưng, bần cố nông, nhất là các anh chị em đạp xe xích-lô, phu khuân vác, trồng lâm rắng « đảng » và « bác » về thành, sẽ cho họ được tự-do, sung sướng, tha hồ lấy của và ức hiếp nhà giàu, nên thường tỏ ý vui mừng hống hách. Có ngờ đâu sau khi Việt-Cộng tiếp thu Hà-Nội, những hạng người kể trên đều lâm vào cảnh thất-nghiệp, đói khổ hơn trước, lại bị bóc buột, ức hiếp nhiều bề.



*Đồng bào lánh nạn Cộng-Sân ùn ùn kéo về Hải phòng,  
lập tạm túp lều, chờ ngày vào Nam.*



*Vài chiếc chiếu, mấy cái chăn, vài cây gậy đủ để  
làm một chiếc lều che nắng mưa chờ ngày đến chốn tự do.*



*Tạm bợ vài ngày, dưới túp lều trống trải, các em được di chuyển  
vào Nam, sống cuộc đời đầy đủ, tự do.*



*Dưới những túp lều xiêu vẹo này, áp ủ bao nhiêu  
tâm hồn cương quyết chống Cộng.*



*Quyết chí ra đi dù một nách hai con, thiếu phụ  
Nùng mơ màng nghĩ đến ngày mai...*

Còn một số người hoài nghi, chưa biết bên nào sẽ thắng, lại tiếc tài-sản, ruộng đất, nhà cửa, nên có chủ-trương ở lại, về sau đều làm những vật hy sinh trong các cuộc đấu tố dã man.

Có nhiều gia-đình, chồng muốn đi, vợ định ở lại, cha con anh em thường có những tư-tưởng trái ngược nhau, làm cho tình-trạng trong gia-đình cũng như ngoài quần chúng rất chán nản, buồn rầu. Nhưng đến 90 phần trăm những người phải ở lại với Việt-Cộng chỉ vì hoàn cảnh bó buộc, Việt-Cộng ngăn trở nên không thể di-cư vào Nam theo ý muốn.

Nói chung, số người định ở lại với Việt-Cộng rất ít, mà số người muốn di-cư vào Nam mỗi ngày một thêm đông. Nhiều người lo bán hàng hóa, nhà đất, đồ đạc, và tạm ngưng mọi công việc làm lụng khiến cho sự hoạt động kinh tế bị ngưng trệ, giá thực phẩm cao vọt lên, giá nhà đất, vật dụng rất hạ mà hiếm người mua (những phiên chợ trời bán đồ đạc của đồng bào sửa soạn di-cư, bày la liệt ở các ngã đường Hà Nội, làm tăng thêm sự buồn thảm của cảnh tang thương). Vào khoảng trung tuần tháng bảy, khi Hiệp định Genève ký kết, thành phố Hà Nội mỗi ngày một thêm buồn tẻ lại rồi ren, về ban đêm nhiều nhà phải đóng cửa ít người qua lại ngoài đường.

Các cơ quan chính quyền quốc gia phải nỗ lực làm việc, để đối phó với những biến cố khó khăn tiếp diễn hàng ngày.

Quân đội Liên-hiệp-Pháp chuẩn bị sẵn sàng để rút lui. Phần đông các ngoại kiều thu xếp rời khỏi Bắc-Việt. Việt-Cộng phái nhiều cán bộ vào miền quốc-gia để quấy rối và tổ-chức những vụ bắt cóc, ám sát, tống tiền, ngăn trở mọi việc tiến hành của chính quyền quốc-gia và khùng bở tinh thần dân chúng. Lại có rất nhiều cán bộ Việt-Cộng lên lút về các nơi để tuyên truyền đe dọa, dụ dỗ nhân dân ở lại với chúng, chớ không nên di-cư vào Nam. Chúng tuyên truyền qua năm 1956, Việt-Cộng sẽ chiếm hết miền Nam, và kết tội những người di-cư.

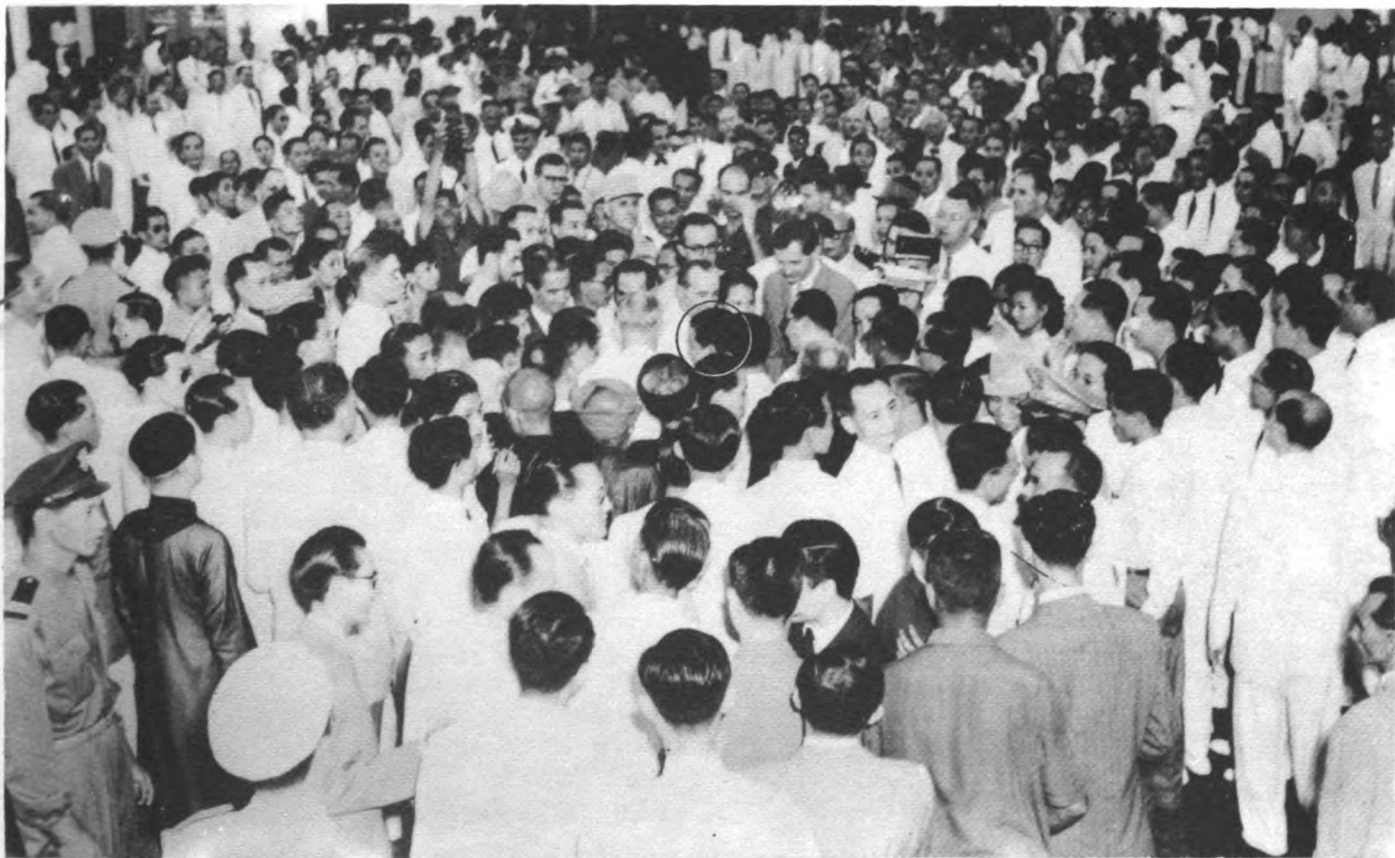
Song thủ đoạn dụ dỗ dọa nạt ấy không thể lừa bịp được những người đã biết rõ sự bán nước, hại dân của Việt-Cộng nên đại đa số nhân dân miền Bắc chỉ mong có cơ hội và phương tiện trốn thoát ách thống trị của Việt-Cộng được sống tự do trong miền Quốc-gia để chờ ngày trở về giải phóng quê hương.

#### IV. — NGÔ CHÍ-SĨ VỀ CHẤP CHÁNH

Đầu năm 1954, Chính-phủ Bửu-Lộc gặp nhiều khó khăn về vấn đề ngoại giao cũng như về nội-trị. Khó khăn nhất là công việc bàn cãi tại Genève. Ở trong nước việc quân sự nguy kịch, vấn đề kinh-tế, tài-chính lại gặp nhiều nỗi khó khăn. Các đảng phái quốc-gia tỏ ý không tin-nhiệm Chính-phủ Bửu-Lộc, vì cho rằng một Chính-phủ bất lực không thể đối phó với tình thế nước nhà đang gặp lúc hiểm nghèo. Dân chúng rất hoang mang, chưa biết sẽ sống dưới chế độ nào. Nên Bửu-Lộc kêu nài với Bảo-Đại cho từ chức vì tự biết là bất lực và không được các nước dân chủ bạn, cùng nhân dân trong nước tin nhiệm.

Con thuyền Việt-Nam hồi ấy đang gặp cơn giông-tổ, cần một vị thuyền trưởng có uy tín, đủ tài năng, đức độ, mới mong vượt qua những cảnh gian nguy.

Giữ lúc ấy thì may thay, Chí-sĩ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM về nước lãnh đạo chính-quyền. Biết trước là tình-thế nước nhà rất khó khăn, nên Chí-sĩ



*Ngô chí-sĩ về tới phi trường Tân-Sơn-Nhất  
giữa sự hân hoan của toàn dân.*

**NGÔ-ĐÌNH-DIỆM** càng cố gắng cứu nước, giúp dân, thoát vòng nguy ngập.

Ngày tháng 6 năm 1954, Ngô Chí-sĩ về đến Saigon được hàng chục vạn dân chúng biểu tình hoan nghênh nhiệt liệt. Thật là một cuộc biểu tình vĩ đại chưa từng có trong miền Quốc-gia trước thời kỳ ấy. Ngày Ngô Chí-sĩ ra Hà Nội rồi về qua Huế, tới đâu nhân dân cũng biểu tình hoan nghênh rầm rộ. Những việc ấy chứng tỏ nhân dân Việt-Nam rất tin nhiệm và mong đợi Ngô Chí-sĩ về chấp chánh.

Về phần Việt-Cộng, bè lũ Hồ-chí-Minh rất là lo ngại khi nghe tin Ngô Chí-sĩ về chấp chánh, người duy nhất có thể phá tan những âm mưu bán nước hại dân của chúng.

Ngày 7 tháng 7 năm 1954, Ngô Chí-sĩ thành lập Chính-phủ mới và cử Ngoại-trưởng Trần-văn-Đỗ sang dự Hội-nghị Genève. Ngô Chí-sĩ cương quyết phản đối bản thỏa ước Genève do Pháp Việt-Cộng ký kết ngày 20-7-1954, chia đôi đất nước Việt-Nam.

Đến khi hội-nghị Genève kết liễu, hiệp định Genève ra đời cắt đôi lãnh thổ Việt-Nam, đặt Chính-phủ Việt-Nam Tự-do vào một tình trạng đã rồi.

Chính-phủ do Ngô Chí-sĩ mới thành lập phải lo giải quyết gấp rút nhiều vấn đề trọng đại.

Ngô Chí-sĩ vẫn theo đuổi một chủ-nghĩa duy nhất, ấy là chủ-nghĩa quốc-gia chân chính. Đó cũng chính là chủ-nghĩa mà dân-tộc Việt-Nam đang phụng-sự và khao khát thực hiện.

Nội dung chủ-nghĩa ấy là :

- 1) Chống Phong-kiến.
- 2) Chống Thực-dân.
- 3) Chống Cộng-sản.

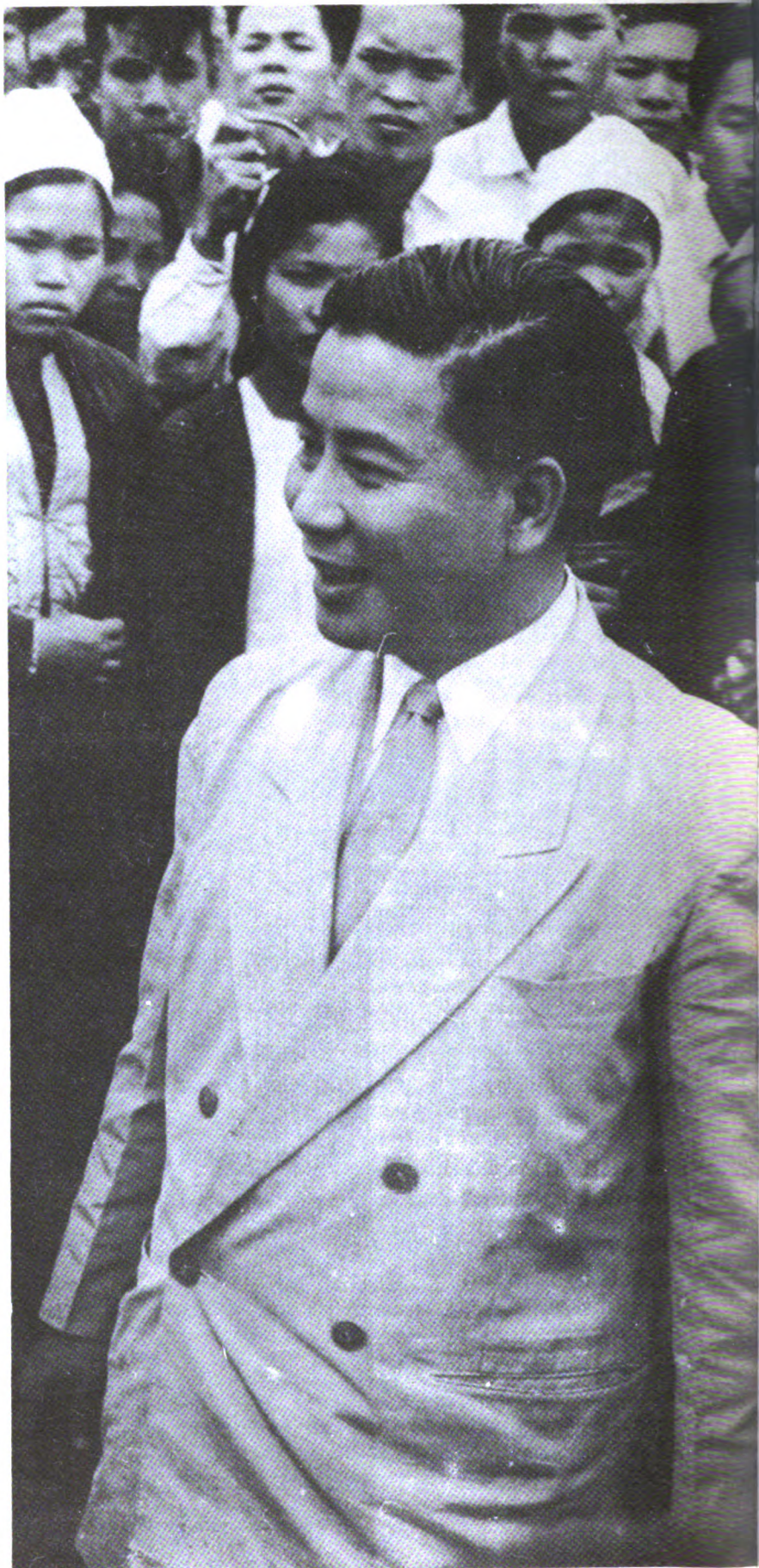
để thực-hiện:

— Độc-lập, thống-nhất quốc-gia thực-sự.

— Một nền dân-chủ tự-do thực-sự, mưu hạnh-phúc cho nhân dân, bảo-vệ phẩm giá con người.

— Liên-Minh thân thiện với các nước trong khối dân-chủ tự-do trên nguyên-tắc bình-đẳng và tương-trợ để cùng bảo-vệ hòa-bình.

Sau ngày lên chấp chánh, Ngô Chí-Sĩ đã cương quyết thực-hiện chủ-trương ấy và phải tốn phí nhiều tâm lực mới chiến-thắng những kẻ thù là Cộng-sản, Thực-dân, Phong-kiến cấu kết với nhau để phá hoại miền Nam tự-do. Những tên phiến loạn Lê-văn-Viễn, Lê-quang-Vinh, Nguyễn-văn-Hình, Nguyễn-văn-Vỹ, lần lượt bị đánh bại, và bè đảng của chúng bị tan rã, tê liệt, vì sự chiến-đấu anh dũng và tinh-thần yêu nước nồng nàn của Quân-đội Cộng-Hòa Việt-Nam. Dưới sự lãnh-đạo anh-minh của







Ngô Chí-sĩ những việc tổ-chức hành-chánh, kinh-tế, văn-hóa, quân-sự được cải thiện dần.

Phong-trào nhân-dân Cách-Mạng biểu lộ tinh-thần quật khởi truyền-thống của dân-tộc đem lại những kết-quả tốt đẹp trong việc diệt Cộng, bài Phong, đá Thục và xây-dựng Chính-thể Cộng-Hòa.

Những hy-vọng hiệp-thương và tổng-tuyên-cử bịp bợm của Việt-Cộng bị tiêu tan. Phong-trào tổ-cộng nổi lên rầm rộ, có nhiều cán-bộ Việt-Cộng xin về quy thuận Chính-phủ Quốc-gia, những ổ hoạt-động bí-mật của chúng bị khám phá và bị tiêu-diệt. Về phía người Pháp càng ngày càng thấy rõ vai trò Bảo-Đại và các Chính-phủ bù nhìn không gây được ảnh hưởng gì trên đất nước Việt-Nam, cần phải thân thiện và giao trả chủ-quyền hoàn-toàn lại cho Chính-phủ **NGÔ-ĐÌNH-DIÊM**, mới duy-trì được tình giao hảo giữa hai dân-tộc.

*Các đoàn thể chính-trị tôn-giáo, các giới đồng bào và các biểu ngữ đón chào Ngô Chí-Sĩ.*



*Nhân dân từ tận hai bên đường đón mừng Ngô Chí-Sĩ.*

Các nước dân-chủ tự-do — nhất là nước Hoa-Kỳ — đã giao thiệp mật thiết và tích cực ủng-hộ Chính-phủ và nhân dân Việt-Nam trong công cuộc kiến-thiết Quốc-gia. Cơ quan Viện-trợ Mỹ đã chi phí rất nhiều trong việc giúp đỡ người Việt-Nam di-cư tị-nạn.

Sau ngày hai phe Thực Cộng ký kết hiệp định Genève, Chính-phủ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM đang bận rộn về công việc nội trị cũng như ngoại-giao, lại đảm nhiệm một công trình rất vĩ-đại, là giúp đỡ mọi phương tiện và tìm nơi ở, việc làm cho gần một triệu đồng bào Trung Bắc-Việt lánh nạn Cộng-Sản di-cư vào Nam.

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,  
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Câu ca dao ấy từ đời hai Bà Trưng đã được thực hiện rõ rệt trong giai đoạn này, mà câu : « Giúp nhau chẳng quản gần xa, Người trong bốn bể đều là anh em » cũng được áp dụng triệt để vì các nước dân-chủ tự-do đã giúp rất nhiều công cuộc di-cư ở Việt-Nam. Ta nhìn thấy ở hành-vi này một sự góp sức của thế-giới để chống họa Cộng-sản.

Cuộc di-cư vĩ-đại này là một thắng lợi của phe dân-chủ và làm cho nhân dân thế-giới thấy rõ sự tàn ác, dã man của Cộng - Sản đã bắt buộc hàng triệu người phải lìa bỏ quê hương, để được thoát ách độc-tài Cộng-Sản.

Những công cuộc trọng đại kể trên chứng tỏ sau ngày lên chấp chánh, Ngô Chí-sĩ đã giải quyết những vấn đề rất khó khăn và đem lại thắng lợi về vang cho dân tộc.



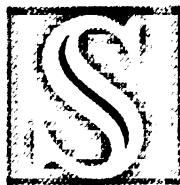
*Chủ quyền của Việt-Nam lần lần được cụ thể hóa.  
Đại-Diện Chính-Phủ Pháp trao trả Việt-Nam dinh Độc-Lập.*

# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG II.

### Hiệp-định GENÈVE

#### ÂM MƯU CẤU KẾT CỦA THỰC-CỘNG



**S** UỐT 8 năm trường, nhân dân Việt-Nam bị lao đao khổ cực trong khói lửa vì họa Thực-dân và Cộng-sản. Việt-Minh Cộng-sản tuân-lệnh Nga-Hoa, đội lốt kháng-chiến giành độc-lập cho nước nhà để bành-trướng thế-lực cho Nga-Sô và Trung-Cộng. Ngược lại Thực-dân Pháp mượn cơ chống Cộng để duy trì chính-sách thuộc-địa tại Việt-Nam.

Trong cuộc chiến-tranh này, cả Pháp lẫn Việt-Minh Cộng-sản đều không có chính-nghĩa bởi vậy cả 2 bên đều đưa dân chúng vào một cuộc phiêu-lưu nguy hại. Tuy trong các trận nhỏ vẫn có bên được bên thua nhưng đại cục vẫn là bất phân thắng phụ, cuộc chiến-tranh cứ kéo dài làm hao tổn không biết bao nhiêu xương máu dân Việt. Tìm hiểu nguyên do, ai cũng nhận rằng sở dĩ Việt-Minh Cộng-sản không thắng được Pháp vì đã đi ngược lại nguyện-vọng dân Việt :

Thoạt tiên, nhân cơ hội Nhật đầu hàng Đồng-Minh, Chính-phủ Trần-trọng-Kim nhu nhược, Việt-Minh Cộng-sản nổi lên cướp được chính-quyền.

Rồi núp sau chiêu bài « kháng-chiến », lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân, họ động-viên được nhân tài, vật-lực của đa số nhân dân và khai thác đến cùng để dốc vào cuộc chiến-tranh trường kỳ.

Nhân dân vẫn can đảm chịu đựng « Trường-kỳ gian-khổ » để hy-vọng « trường-kỳ kháng-chiến nhất-định thành-công ».

Nhưng đến khi Mao-trạch-Đông tiến sát tới biên-giới Hoa-Việt, các cố-vấn Tàu thay mặt Nga sang chỉ-huy Việt-Minh Cộng-sản, bộ mặt thật của Việt-Minh Cộng-sản và nhất là sự lệ thuộc Nga-Hoa của Việt-Minh Cộng-sản lộ dần. Nhân dân bắt đầu lo sợ về họa xâm lăng của Tàu Cộng. Và cũng từ đây chính-sách tàn bạo của chế-độ Cộng-sản bắt đầu thi-hành. Nông-dân, công-nhân biến thành nông nô, công nô, suốt ngày làm lụng vất vả mà vẫn đói rách. Các giới trí thức, phú nông, địa chủ, tiểu tư sản bị bóc lột đến xương tủy đang quần quai trong khủng-bổ, đàn áp vô cùng dã man.

Sự phản-bội của Việt-Minh Cộng-sản đã rõ như ban ngày. Nhân dân oán ghét rồi bỏ hàng ngũ của chúng để tìm đường cứu nước thoát khỏi họa xâm lăng của Cộng-sản, hàng ngũ « kháng-chiến » của Việt-Minh Cộng-sản bắt đầu nứt rạn.

Trong khi ấy thì nước Pháp đã theo đuổi công cuộc chống Cộng ở đây với một lập-trường không rõ rệt. Suốt trong tám năm chiến-tranh, chính-sách của Pháp là dùng người Việt-Nam chống Cộng để bảo-vệ quyền lợi cho người



*Xe vận tải của Chính-Phủ cũng như của tư nhân được tận dụng chuyên chở đồng bào Nam-Định, Phủ-Lý về Hà-nội chờ ngày đáp máy bay vào Nam.*

Pháp chứ không phải là giúp đỡ Việt-Nam chống Cộng để bảo-vệ độc-lập cho Việt-Nam và duy-trì quyền-lợi của Pháp.

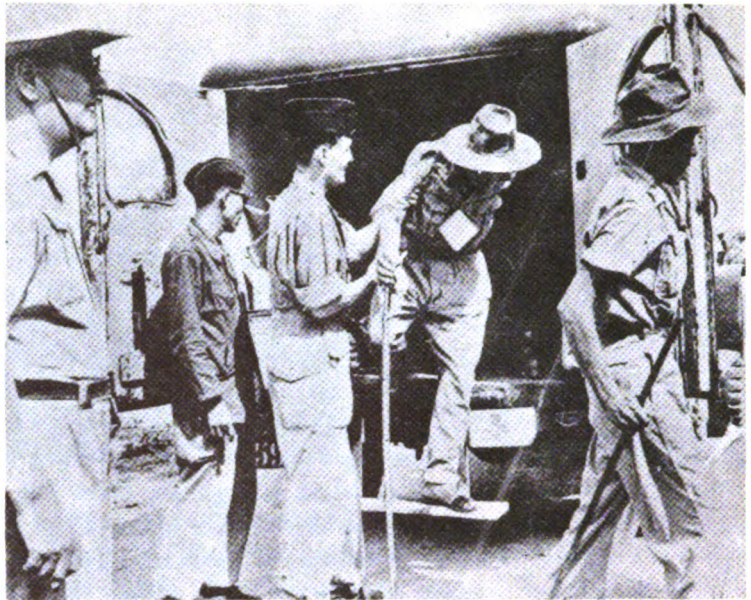
Lập-trường không thích-hợp ấy của Pháp đã tạo ra một bộ máy hành-chính không thích-nghi với tình thế, một chiến-pháp không thích ứng với chiến-trường nên khi đầu với chiến-thuật « tốc chiến tốc thắng » người ta tưởng những đạo quân hùng hổ của Pháp sẽ đánh tan Việt-Minh Cộng-sản trong 1 thời-gian ngắn mà rút cục Pháp bị sa lầy vào 1 cuộc chiến-tranh đầy nguy-hiểm để không đem lại kết quả gì cho người Pháp.

Tất nhiên trong cuộc chiến tranh này, người Việt-Nam phần đông vì tình thế bắt buộc mà phải đứng vào hàng ngũ Pháp chống Cộng nhưng số người thực tâm ủng hộ Pháp thì rất ít. Chứng cứ là những người Quốc-gia chân chính có một trạng thái tâm lý rất đáng buồn là khi nghe Việt-Minh Cộng-Sản thắng trận thì sợ mà khi nghe Pháp thắng thì cũng lo.

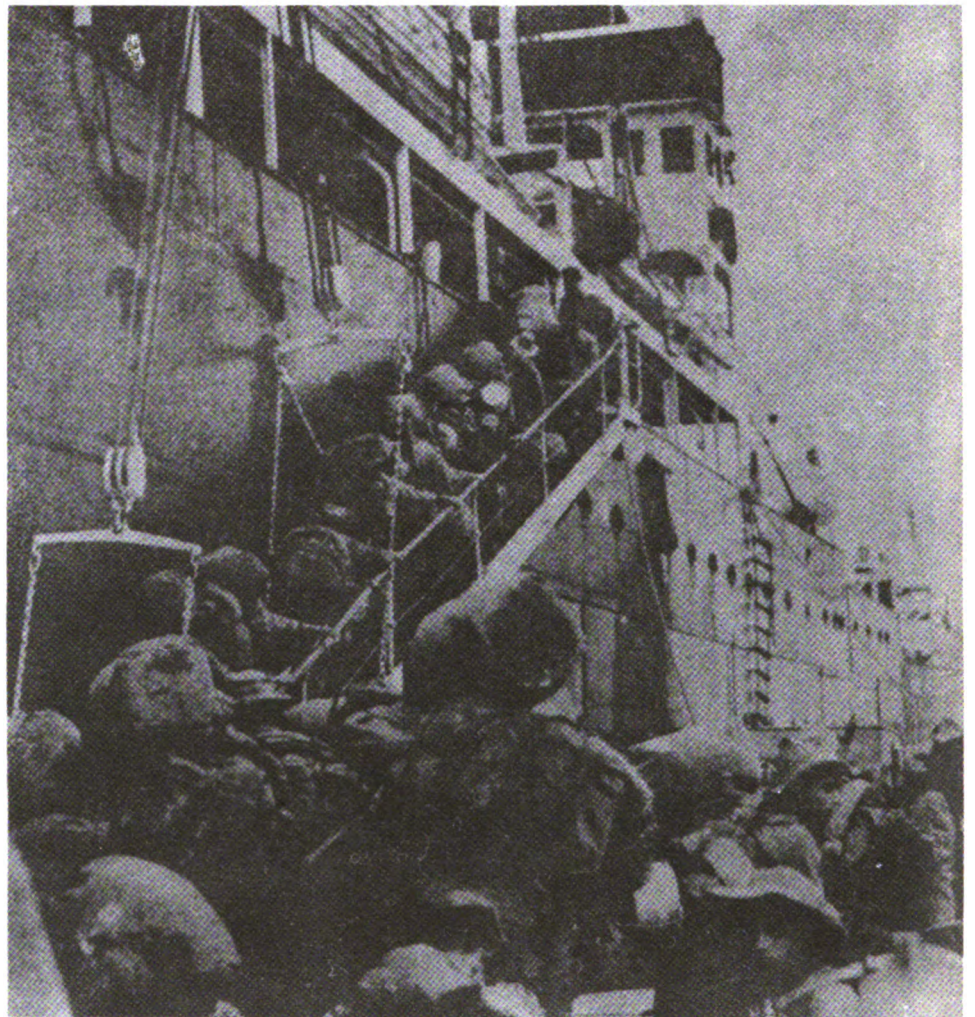
Và chính vì chính sách thiếu đường hoàng, rõ rệt của Pháp mà Việt-Minh Cộng-Sản đã trường kỳ lợi dụng được sức chiến đấu của dân Việt để dọn đường thống trị cho Tàu Cộng.

Không nói đến những nguyên nhân về mặt chính-trị quốc tế, tóm lại cuộc chiến-tranh giữa Pháp và Việt-Minh Cộng-Sản kéo dài là vì cả 2 bên đã đi ngược lại ý nguyện chân chính, hợp lý của dân-tộc Việt-Nam.

Cũng vì vậy cho nên vào giữa lúc chiến trường Điện-biên-Phủ bắt đầu dữ dội, rồi Điện-biên-thất thủ, Việt-Minh Cộng-Sản thắng trận ở Điện-biên trường có thể đánh tràn vào Trung-Châu Bắc-Việt tiến vào Trung, Nam-Việt, bóp tan lực lượng Pháp thì lại chính là lúc



*Chiến tranh bạo tàn gây bao cảnh đau thương cho người dân Việt.*



*Chủ quyền của Chính-Phủ Việt-Nam đã được hoàn toàn thu hồi  
Chuyến tàu cuối cùng chở quân đội Pháp về nước.*

sức đóng góp của nhân dân đã tới mức chót, không thể gắng gượng được nữa, hàng ngũ « kháng chiến » rạn nứt trầm trọng.

Hơn nữa, sau khi Staline qua đời, Nga-Sô chủ trương dùng hòa-bình làm lợi khí xâm lăng nên Việt-Minh Cộng-Sản dù có sung sức cũng không được phép tiếp tục chiến-tranh.

Về phía Pháp thì binh-sĩ mệt mỏi, tinh thần phản chiến của dàn Pháp lên tới cực độ, lại cần rãnh rang ở Đông-Dương để giải quyết vấn-đề Bắc-Phi nên rất mong đình chiến.

Cái thế trận không cho phép một bên nào thủ thắng được mà cũng không thể tiếp tục chiến đấu được nữa đã khiến Việt-Minh Cộng-Sản bỏ chủ-trương « trường kỳ kháng-chiến nhất định thắng lợi » và Pháp cũng đành bỏ tham-vọng tái chiếm Việt-Nam. Pháp định thương-thuyết với Trung-Cộng và Nga-Sô để triệt bỏ việc tiếp tế cho Việt-Minh Cộng-Sản nhưng Nga-Sô và Trung-Cộng không đồng ý lại buộc Pháp nói chuyện với Việt-Minh Cộng-Sản, Pháp bèn âm mưu với Việt-Minh Cộng-Sản tính chuyện đình chiến, không kể gì đến những hi-sinh lớn lao của những người Quốc-gia Việt-Nam đứng trong hàng ngũ Việt-Minh Cộng-Sản trong cuộc kháng-chiến chống thực dân, cũng như của những người đứng trong hàng ngũ Pháp để chiến đấu chống Cộng.

Âm mưu này đã dự định từ lâu. Ngay từ 27-10-1953, nhân có cuộc ngừng bắn tại Cao-Ly, Thủ-Tướng Pháp Laniel đã đề ý tìm giải pháp hòa-bình cho Việt-Nam. Ngày 19-11-1953, Malenkov tuyên bố rằng đình chiến tại Cao-Ly có thể khởi đầu những cuộc vận động thực sự để làm bớt căng thẳng những mối tranh chấp quốc-tế ở tất cả thế-giới và nhất là tại Viễn-Đông.

*Bè lũ Cộng-Sản gây tang tóc cho dân Việt để rồi lại cắt đôi giang sơn cắm tú cho thỏa lòng tham.*



*Đây con sông Bến-Hải,  
ranh giới phân chia Nam Bắc.*



Trước Malenkov, Chu-ân-Lai cũng tuyên-bố tương tự như vậy. Từ « L'Expressen » xuất bản tại Stockholm (kinh đô Thụy-điển) đăng bài phỏng vấn Hồ-chí-Minh. Khoảng tháng 12-53 bài báo trên được công bố tại hội-nghị toàn quốc đảng Cộng-Hòa Bình-dân. Ngày 10-11-1954, ông Jean Letourneau Bộ-trưởng Quốc-gia Liên-kết tuyên bố « không hề hay biết tin tức ấy, chính đối phương không hề có trả lời bao giờ ». Tuy nhiên việc này cũng làm người ta dự đoán được ý định của Pháp.

Những sự kiện trên đã chứng tỏ âm mưu cầu kết của thực dân và Cộng-Sản trong việc ký kết đình chiến để chia đôi lãnh thổ Việt-Nam, tránh sự can thiệp của Mỹ vào chiến cuộc Đông-Dương có hại cho cả Pháp thực dân lẫn Việt-Minh Cộng-Sản.



*Đồng bào Bùi-Chu, Phát-Diệm vẫn lũ lượt kéo về Hà - nội chờ ngày đi - cư*



*Quang cảnh một buổi họp tại Hội-Nghị Genève.*

## HỘI-NGHỊ GENÈVE

Tiếp theo cuộc hội nghị 17 nước về vấn đề Triều-Tiên, hội-nghị 9 nước Anh, Nga, Pháp, Mỹ, Việt-Nam, Cao-Mên, Ai-Lao và Việt-Minh khai mạc vào ngày 26-4-54 tại Genève để bàn về vấn đề Đông-Dương.

Sau buổi khai mạc, ngày 27-4-54 hai ông Bidault, Molotov ấn định danh sách các nước liên hệ.

Ngày 28-4-54, hai ông bàn về vấn-đề tấn cư thương binh Điện-biên-Phủ trong khi cuộc chiến tranh ở đây đang diễn hành kịch liệt và đi đến giai đoạn cuối cùng.

Điện-biên-Phủ thất thủ hôm 7-5-54.

Ngày 8-5-54 có phiên nhóm đầu tiên công khai về Đông-Dương có đủ mặt : Anh, Pháp, Nga, Trung-Hoa, Việt-Nam, Cao-Mên, Ai-Lao, Việt-Minh, Ngoại-tướng Bidault đưa ra 6 điểm để thảo-luận về việc ngưng chiến.





Ngày 10-5, Ngoại-trưởng Việt-Minh Phạm-văn-Đông đưa đề-nghị 8 điểm.

Ngày 12-5, Ngoại-trưởng Việt-Nam Nguyễn-Quốc-Định đưa ra đề-nghị hướng vào sự khôi phục hòa-bình ở Việt-Nam.

Ngày 15-5-54, Ngoại-trưởng Molotov yêu cầu Ngoại-trưởng Bidault trực tiếp giao-thiệp với đại-diện Việt-Minh về vấn-đề tản cư thương-binh Điện-Biên-Phủ.

Ngày 16-5-54, Báo-Đại hội-kiến với Phó Ngoại-trưởng Mỹ, Đại-tướng Bedell Smith tại Evian thảo-luận về chánh tình Việt-Nam.

Ngày 17-5-54, tình thế bắt đầu biến-chuyển mạnh. Pháp và Việt-Minh nhóm kín, hội-nghị bắt đầu thu hẹp, các phóng-viên báo-chí không được tham dự cả đại-biểu các nước khác, ngoài đại-diện Pháp Việt-Minh và Anh-Mỹ cũng đứng ngoài hội-nghị.

Ngày 21-5-54, Ngoại-trưởng Molotov trình bày kế-hoạch 5 điểm nhằm mục-đích hưởng ứng đề-nghị 8 điểm của Phạm-văn-Đông.

Ngày 22-5-54, Ngoại-trưởng Eden phát biểu ý-kiến về chương-trình hành-động chung của hội-nghị. Anh dung hòa đề-nghị của Pháp và của Việt-Minh làm vui lòng cả hai bên để mong hội-nghị đạt được kết quả.

Ngày 27-5-54, Ngoại-trưởng Chu-ân-Lai đề-nghị chương-trình ngưng chiến nhất loạt tại Việt, Mên, Lào.

Ngày 29-5-54, trong phiên nhóm thu hẹp lần thứ tám, hội-nghị thỏa thuận thành-lập một ủy-hội quân-sự để lo việc kết tập quân-đội.

*Bằng mọi phương tiện chuyển vận,  
đồng bào các tỉnh kéo về Hà-nội chờ ngày di-cư*



Ngày 2-6-54, Ủy-hội quân sự nhóm lần đầu tiên nhưng lúng túng trước vấn-đề kết tập quân đội và phân định đường ranh giới.

Ngày 8-6-54, hội-nghị lại họp công-khai, ngoại-trưởng Nga đưa ra ý kiến, vấn-đề chính-trị phải đi liền với vấn-đề quân-sự sau khi cuộc ngưng chiến ở Đông-Dương thành tựu.

Ngày 10-6-54, hội-nghị lại có phần lúng-củng. Ông Eden phải lên tiếng cảnh cáo, « Một là hội-nghị phải đi tới kết quả hai là tuyên bố thất bại và giải tán. »

Ngày 12-6-54, tình thế vẫn nhùng nhằng Quốc-hội Pháp lật đổ Chính-phủ Laniel ngày 18-6-54, Mendès France đắc cử Thủ-tướng Pháp.

Ngày 16-6-54, ngoại-tướng Châu-ân-Lai đề-nghị ngưng chiến ở ba nước Việt Miên Lào.

Ngày 17-6-54, ngoại-trưởng Bidault hội kiến bí-mật hai lần với ngoại-trưởng Châu-ân-Lai.

Sau phiên họp ngày 19-6-54, Hội-nghị tạm ngừng 3 tuần lễ, các trưởng phái-đoàn về nước chỉ những nhân viên phụ tá ở lại nghiên cứu các vấn đề ít quan trọng hơn. Trong dịp Hội-nghị tạm ngừng, Pháp và phe Cộng-Sản đã trao đổi các đề nghị riêng rồi đôi bên và các bạn đồng-minh nghiên cứu.

Ngày 20-6-54, cuộc họp tay ba giữa các ông Eden, Bedell Smith và Mendès France nhóm tại Ba-lê.

Ngày 23-6-54, Thủ-tướng Pháp gặp riêng Châu-ân-Lai tại Berne.

Ngày 24-6-54, Châu-ân-Lai về Bắc-kinh, ghé qua Tân-đề-Li, tới cả biên giới Hoa-Việt gặp Hồ-chí-Minh.

Ngày 25-6-54, Thủ-tướng Churchill cùng ngoại-trưởng Eden sang Mỹ thảo luận với Tổng-thống Eisenhower và ngoại-trưởng Foster Dulles về vấn-đề Liên-minh Đông-Nam-Á. Anh hứa hẹn về việc minh-ước Thái-bình-Dương và cố vật nài Mỹ chấp thuận sự hòa giải ở Việt-Nam.

Ngày 8-7-54, Mendès France dùng cơm với Molotov.

Ngày 11-7-54, việc dàn cảnh của Pháp, Nga-Sô và Trung-Cộng đã xong, đến lượt đại-biểu Pháp và Việt-Minh đóng kịch: Mendès France gặp Phạm-văn-Đồng — Mỹ ngỡ ý không trở lại hội-nghị — Anh Pháp hoảng sợ, đại-sứ Pháp ở Mỹ được lệnh tới khẩn khoản mời đại-diện Mỹ qua phó hội Genève. Anh cũng vật nài như vậy. Ngày 13-7-54, Foster Dulles tới Ba-Lê, điện cho Eden và Mendès France trở về Ba-Lê họp mặt, hành-động của Mỹ làm phe Cộng-sản giật mình giữa khi họ đang lạc-quan.

Trong 2 ngày 13 và 14-7-54, Anh, Pháp, Mỹ họp riêng ở Ba-Lê. Pháp cam-kết không làm trái những điều mong muốn chính của Mỹ và không quên năn nỉ Mỹ tới dự giai-đoạn cuối của hội-nghị Genève. Ngày 17-7-54, Ngoại-trưởng Foster Dulles cử Đại-tướng Bedell Smith tới Genève.

Ngày 18-7-54, Molotov chủ tọa buổi họp cố gây cảm tình với các đại-biểu bằng những lời nói rất hòa nhã. Tuy-nhiên, vẻ lo âu hiện rõ trên nét mặt hết thảy mọi người, mà người lo sợ nhất là Mendès France.

Sau khi đại-tướng Thứ-tướng Bedell Smith đọc diễn-văn ngỡ ý Mỹ mong muốn một cuộc thỏa-hiệp danh-dự và có sự cam kết tôn-trọng chắc chắn, mọi người hết hờn họp. Đến khuya hôm ấy, Mỹ tỏ vẻ không gắt gao như trước và nhất là Việt-Minh chịu lùi đường ranh giới từ vĩ tuyến 13 lên đến vĩ tuyến 17..

Ngày 19-7-54, hồi 10 giờ 30, Mendès France tiếp Ngoại-trưởng Việt-Nam Trần-văn-Đỗ và khuyên ông chấp-thuận quyết-nghị của hội-nghị.

Ngày 20-7-54 hồi 18 giờ các ông Eden, Molotov, Mendès France họp nhau tại biệt thự của Eden. Hồi 21 giờ 30 phái-đoàn Cao-Mên tới trách Mendès France đã bỏ rơi Mên và chỉ thương-thuyết với Việt-Minh. Phái-đoàn Mên đòi xua hết Isarack và Việt-Minh ra khỏi lãnh thổ Mên và đòi được tăng cường quân sự nếu cần cùng áp dụng tại Cao-Mên chính-sách trung-lập. Như vậy tức là phái-đoàn Mên đòi sửa đổi các điều đã dự thảo trong hiệp-định. Các ông Eden, Molotov, Mendès France lại họp. Sau khi đạt được ý-nguyên, sáng hôm sau, phái-đoàn Mên ưng thuận ký vào hiệp-định ngừng bắn. Rồi hội-nghị bắt đầu vào việc duyệt lại các văn-kiện của hiệp-định ngừng bắn trên các lãnh thổ Việt, Mên, Lào.

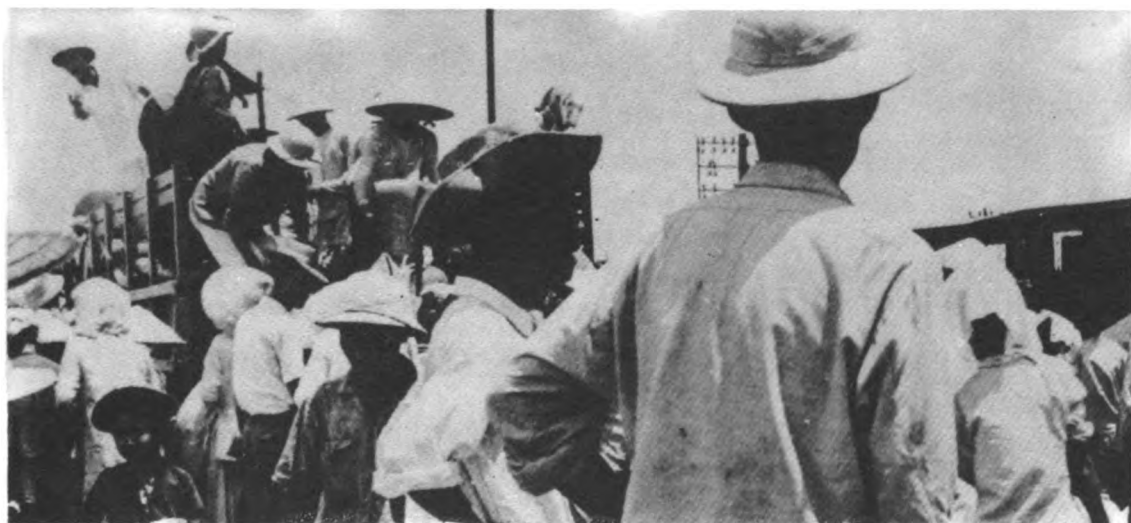
Cuối cùng, Đại-tướng Delteil đại diện bộ chỉ huy Pháp và Tạ-quang-Bửu, thứ trưởng Quốc-phòng Việt-Minh hạ bút ký hiệp-định hồi 3 giờ 48 phút sáng. Hiệp định ngừng bắn về phần Ai-Lao cũng được ký cùng một lúc. Lệnh ngừng bắn được ban hành tức khắc. Các phái đoàn nhất là Pháp và Việt-Minh rất vui vẻ bước ra Liên-hiệp-Quốc vì đã thực hiện được âm mưu cầu kết dự định với nhau từ trước.

Như vậy là sau ngót bốn tháng trời hội họp, hội-nghị Genève đã đi đến kết quả ngừng chiến tại Việt-Nam với điều kiện cắt đôi lãnh thổ của dân Việt. Không đếm xỉa gì đến xương máu của nhân dân Việt-Nam đã hi-sinh từ thế-hệ khác vì nền độc-lập và thống-nhất của Tổ-quốc.

## II. — HIỆP-ĐỊNH GENEVE

Điểm hệ trọng nhất của hiệp định Genève về việc ngừng chiến tại Đông-Dương là sự chia cắt lãnh thổ Việt-Nam làm 2 miền cách biệt, lấy sông Bến-Hải làm đường ranh giới. Vì vậy điều khoản 14<sup>D</sup> trong hiệp định có nói rõ về quyền dân chúng được tự-do lựa chọn vùng sinh sống và tự-do đi lại giữa hai miền. Và để kiểm-soát, sự thi hành các khoản của hiệp định đình chiến tại Việt Miền Lào, một Ủy-hội Quốc tế đã được hội-nghị ủy-nhiệm phụ-trách và quy-định thành phần theo điều khoản 29 và 34 của hiệp định.

Trước khi đi sâu vào các điều khoản 14<sup>D</sup> và 29 cùng 34 của hiệp-định, chúng ta hãy nhìn qua đại cương bản hiệp-định này :





## ĐẠI-CƯƠNG HIỆP-ĐỊNH GENÈVE

### A.— Về quân-sự :

#### 1) Đường phân ranh :

Đường phân ranh tạm thời từ Đông sang Tây : sông Bến-Hải (một khu giải giới sẽ được 2 bên thiết lập bên này và bên kia cách xa đường phân ranh một khoảng tối đa là 5 cây số dùng làm khu trái độn).

#### 2) Việc ban hành lệnh đình-chiến :

Lệnh đình chiến phải được thực hiện hoàn toàn và nhất tề tại mỗi lãnh thổ :

- Bắc-Việt : 8 giờ sáng (giờ địa phương) ngày 27-7-1954.
- Trung-Việt : 8 giờ sáng (giờ địa phương) ngày 1-8-54.
- Nam-Việt : 8 giờ sáng (giờ địa phương) ngày 11-8-1954.



3) *Thời hạn di-chuyển quân-đội :*

Phía quân-đội Liên-Hiệp-Pháp :

Khu Hanoi : 80 ngày.

Khu Hải-Dương : 100 ngày.

Khu Hải-Phòng : 300 ngày.

*Phía quân-đội Việt-Minh Cộng-sản :*

Vùng đóng quân tạm thời Hàm-Tân, Xuyên-Mộc : 80 ngày. Đoạn thứ nhất của vùng đóng quân tạm thời tại Trung-Việt : 80 ngày.

Vùng đóng quân tạm thời Đồng-tháp-Mười 100 ngày.

Đoạn thứ hai của vùng đóng quân tạm thời ở mũi Cà-Mau : 200 ngày.

Đoạn cuối cùng của vùng đóng quân tạm thời ở Trung-Việt : 300 ngày.

4) *Vùng tập trung tại Ai-Lao :*

Những vùng này cũng như các nơi khác đặt dưới quyền cai trị của quốc-gia Ai-Lao với những cố vấn Lào Issarack.

Mỗi bên phải tôn trọng khu vực quân sự và lãnh thổ thuộc phạm vi kiểm-soát của đối-phương không được chống lại đối-phương hoặc phong tỏa 1 vùng nào của đối-phương.

5) — *Việc kiểm-soát đình-chiến :*

Một Ủy-Hội Quốc-Tể phụ trách việc kiểm-soát đình-chiến gồm 3 nước : Ấn-Độ, Gia-Nã-Đài, Ba-Lan.

*B — Về Hành-Chính và Chính-trị ;*

*Việc phóng thích tù-binh và thường dân bị giam giữ ;* tất cả tù binh và thường dân bị giam giữ vì chiến-tranh đều phải được phóng thích trong thời hạn 300 ngày kể từ khi ngưng bắn.

— *Việc cấm trả thù* — Mỗi bên phải cam-kết không được trả thù những người và những tổ-chức đã hoạt động trong thời kỳ chiến-tranh và phải cam-kết bảo-đảm các quyền-lợi tự-do, dân-chủ của họ.

— Mỗi bên phải cho phép và giúp đỡ dân chúng trong vùng mình khi họ muốn sang bên vùng đối-phương.

— Mỗi bên đều cam-kết không chấp thuận thêm những căn cứ quân-sự mới (Tỷ như của Trung-Cộng hay của Mỹ) và không được tham-gia một tổ-chức liên minh quân-sự nào.

Pháp vẫn được duy trì binh-sĩ tại Nam-Việt trong khi Chính - Phủ Quốc - Gia Việt-Nam còn yêu cầu.



*Quyết chí ra đi.*

**Những điều khoản trong hiệp định Genève về nhiệm - vụ và quyền hạn của Ủy-Hội Quốc-Tế phụ trách kiểm-soát đình-chiến ở Việt-Nam.**

*Điều 28* : 2 bên có trách nhiệm thi hành bản hiệp định đình-chiến.

*Điều 29* : Ủy-Hội Quốc - Tế phụ trách giám-sát và kiểm - soát việc thi hành hiệp-định.

*Điều 30* : Để tiện việc thi hành những điều khoản có liên quan đến hành động chung của hai bên trong những điều kiện dưới đây :

Thành lập một ủy-ban liên hợp Việt-Nam.

*Điều 31* : Ủy - ban liên hợp gồm đại - biểu bộ chỉ huy 2 bên, số lượng ngang nhau.

*Điều 37* : Thành lập Ủy-Hội Quốc - Tế phụ trách giám-sát và kiểm - soát việc thi hành điều quy định trong hiệp định đình-chiến ở Việt-Nam. Thành phần Ủy-Hội gồm đại-biểu các nước sau đây : Gia - Nã - Đại, Ấn - Độ, Ba - Lan ; Ủy-hội do đại-biểu Ấn-Độ làm chủ-tịch.

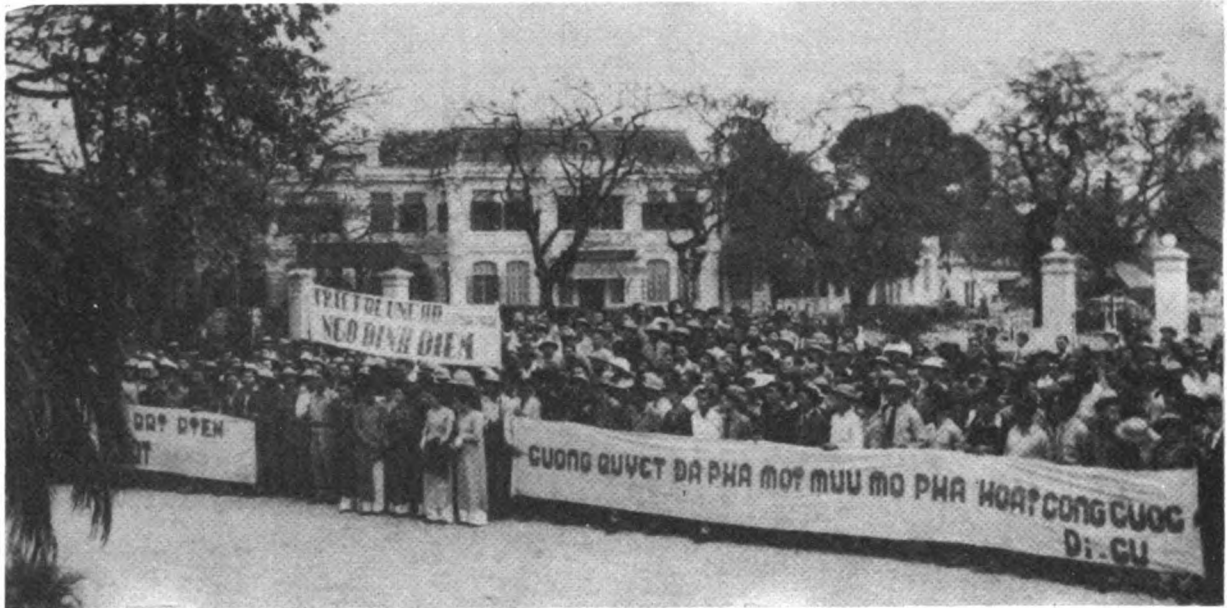
*Điều 35* : Ủy-Hội Quốc-Tế thành lập các tiểu ban cố định, thành phần các tiểu ban này gồm có sĩ-quan của mỗi nước nói trên chỉ định số lượng bằng nhau.

Tiểu-ban cố định đóng các nơi sau đây : Lao-Cay, Lạng-Sơn, Tiên-Yên, Hải-Phòng, Vinh, Đồng-Hới, Mường-Xen, Tourane, Qui-Nhơn, Nha-Trang, Ba-Ngòi, Saigon, Ô-Cấp, Tân-Châu... sau này, nếu ủy-ban liên hợp hay 1 trong 2 bên yêu cầu, hoặc bản thân Ủy-hội Quốc-Tế đề ra sau khi có sự thảo luận giữa Ủy-hội Quốc-Tế và bộ chỉ-huy 1 bên có liên quan thì có thể dời những địa điểm nói trên.

Khu vực hoạt động của *Tiểu ban cố định* là vùng ven biên giới và dọc bờ biển Việt-Nam, ở đường ranh giới quân sự giữa khu vực tập kết và vùng phi quân sự, Tiểu-Ban cố-định có quyền tự-do đi lại trong những khu vực nói trên và được các nhà đương cuộc Dân-Chính, và đương cuộc quân sự địa phương giúp đỡ mọi sự dễ-dàng cần thiết để làm tròn nhiệm-vụ (cho nhân viên, cung cấp các văn kiện mà Tiểu-Ban cần thiết để làm tròn nhiệm vụ giám-đốc kiểm-soát ; triệu tập những người làm chứng cần thiết cho việc điều tra, bảo đảm cho Tiểu-Ban trình-sát (kiểm-soát) đi lại được tự-do, an toàn v... v...) Tiểu - Ban cố - định được có đủ những phương tiện vận-tải, quan sát và thông-tin cần-thiết. Ngoài những khu vực hoạt-



*Phái-đoàn Việt-Nam Tự-do tại Hội-nghị Genève*



*Đồng-bào Hải-phòng hợp mt-tinh tổ cáo ám-mưu của  
Việt-Cộng định phá-hoại cuộc di-cư*

đồng nói trên, sau khi được sự đồng ý của bộ chỉ-huy 1 bên có liên quan. Tiểu-Ban cố-động có thể đến những địa điểm khác trong phạm vi nhiệm vụ hiệp-định đình-chiến đã quy định.

**Điều 36 :** Ủy-Hội giám-sát Quốc-Tể phụ trách giám-sát hai bên thi hành điều khoản của hiệp định. Vì mục đích đó, Ủy-hội phải hoàn thành và thi hành các nhiệm vụ kiểm-soát quan sát, thị sát, và điều tra liên quan đến hiệp-định đình-chiến, những nhiệm vụ chủ yếu là :

A) — Kiểm-soát việc di chuyển các lực lượng võ trang hai bên trong phạm vi kế hoạch tập kết.

B) — Giám-sát đường ranh giới và vùng phi quân sự giữa các khu vực tập kết.

C) — Kiểm-soát việc thả tù binh và thường dân bị giam.

D) — Giám-sát việc thi hành những điều khoản trong hiệp định có liên quan đến việc vận chuyển quân đội, nhân viên quân sự, các loại vũ khí, đạn dược và tài-liệu quân sự vào Việt-Nam tại những hải cảng, phi trường và tất cả các vùng biên giới ở Việt-Nam.

**Điều 37 :** Ủy-Hội Quốc-Tể được thông qua những tiểu-ban thị-sát nói trên căn cứ vào văn kiện và đến tại chỗ tiến hành những việc điều tra cần thiết trong một thời gian rất ngắn, theo nghị quyết của bản thân Ủy-hội Quốc-Tể hoặc yêu cầu của Ủy-ban liên hợp hay của 1 trong 2 bên.

**Điều 38 :** Trong trường hợp một Ủy-ban không giải quyết được 1 việc nào đó, hoặc tiểu-ban đó thấy hành động làm trái hiệp định hay có nguy cơ làm trái hiệp định 1 cách nghiêm trọng, thì cần báo cho Ủy-hội Quốc-Tể biết, Ủy-ban này phải nghiên cứu báo cáo, hoặc kết luận của Tiểu-ban thị-sát kiểm-soát đồng thời báo cho đối-phương biết phương sách cần áp dụng để giải quyết việc đó, hoặc để ngăn cản những hành động làm trái hiệp định, hoặc để dập tắt nguy cơ làm trái hiệp định nói trên.

**Điều 39 :** Trường hợp Ủy-ban liên hợp không đi đến thỏa thuận trong việc giải thích 1 điều khoản nào đó, hoặc trong việc phán đoán sự thật thì vấn đề tranh chấp sẽ đưa ra Ủy-hội Quốc-Tể. Kiến nghị của Ủy-hội Quốc-Tể sẽ trực tiếp giao cho hai bên và báo cho Ủy-ban liên hợp biết.



**Điều khoản trong hiệp định Genève về quyền tự-do  
lựa chọn vùng sinh sống.**

**Điều 14<sup>D</sup>** : Trong giai đoạn từ lúc hiệp-định này bắt đầu được thi hành cho đến lúc cuộc chuyển dịch quân đội hoàn tất, trong trường hợp mà dân chúng ở một vùng dưới quyền kiểm-soát của bên này đương sự muốn sinh sống trong khu vực của bên kia đương sự, nhà cầm quyền trong vùng đó phải cho phép và giúp đỡ việc chuyển dịch đó.

Chiều những điều khoản trên thì nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy-hội Quốc-Tế kiểm-soát đình chiến cùng quyền tự-do lựa chọn vùng sinh sống của dân chúng đã được qui-định rõ ràng, song trong sứ mệnh phục vụ hòa bình, Ủy-hội Quốc-Tế kiểm-soát đình chiến có làm tròn nhiệm vụ và ngụy quyền miền Bắc có để cho dân chúng tự-do lựa chọn vùng sinh sống theo tinh thần hiệp định Genève hay không, thiết tưởng xin miễn bình luận và chỉ xin nêu ra dưới đây một vài dư luận điển hình của dân chúng để chứng minh sự thật :

1) — Một vài đoạn trong bức thư của đồng-bào di-cư gửi chủ-tịch Ủy-hội Quốc-Tế kiểm-soát đình chiến ở Việt-Nam :

... « Hiện nay, Tổ - quốc chúng tôi bị chia sẻ, tất cả những người Việt-Nam yêu nước đều đứt ruột, nhưng đồng thời cũng tạm chấm dứt được cảnh chém giết rất khủng khiếp đã diễn ra trên đất nước này, một cuộc chém giết không có lối thoát vì bạn đồng minh của dân-tộc Việt đã thiếu hẳn sự thành thực cần thiết trong cuộc chiến đấu chung hiện tại đã đặt Việt-Nam vào sự chia đôi lãnh thổ, nhưng một niềm tin được nhóm lên là : người Việt tự-do quyết tranh đấu đến cùng dưới mọi hình thức khác mà không bao giờ sợ bị tiêu diệt vì chính nghĩa của Việt-Nam đã rõ ràng.

Một điều khoản của hiệp-định Genève ấn định cho dân Việt-Nam được tự-do lựa chọn khu vực mà họ muốn sống. Dù có to mồm đến bao nhiêu, những người Cộng-Sản cũng không thể nào xuyên tạc được một sự thực vĩ đại. Hàng triệu người Việt-Nam đã quyết lìa bỏ quê hương, nghĩa là rời bỏ tất cả những cái gì thân yêu nhất của đời họ, kéo qua vĩ tuyến 17 để vào Nam tiếp tục tranh đấu cho tự-do.

Thưa Đại-Sứ,

Chính ở điểm này mà chúng tôi muốn thưa cùng Đại-Sứ : Ủy-hội có nhiệm vụ trông nom việc thi hành toàn thể hiệp-định và như vậy, tất nhiên Ủy-hội có bốn phận, một bốn phận rất thiêng liêng và cao cả, bảo đảm sự tự-do đi lại cho người Việt-Nam từ khu vực này qua khu vực khác. Nhưng thử hỏi rằng ngoài ngót một triệu người Việt may mắn thoát khỏi khu Cộng-Sản, Ủy-hội đã thực tâm thi hành đúng đắn sứ mạng « trung lập » của mình chưa ? »

... « Còn đâu là trung lập mà Ủy - hội vẫn tự khoác vào mình ?

Biết bao nhiêu vụ vi phạm hiệp định một cách trắng trợn của Cộng-Sản đã bị Ủy-hội bỏ qua, đây chúng tôi chỉ xin nhắc sơ qua :

— Vụ chuẩn-úy Lê-Tấn-Lý.

— Vụ nạn dân Trà-Lý.

— Vụ Ba-Làng.

— Vụ Lưu-Mỹ

Và gần đây, những lời tố giác của Linh-Mục Willich.

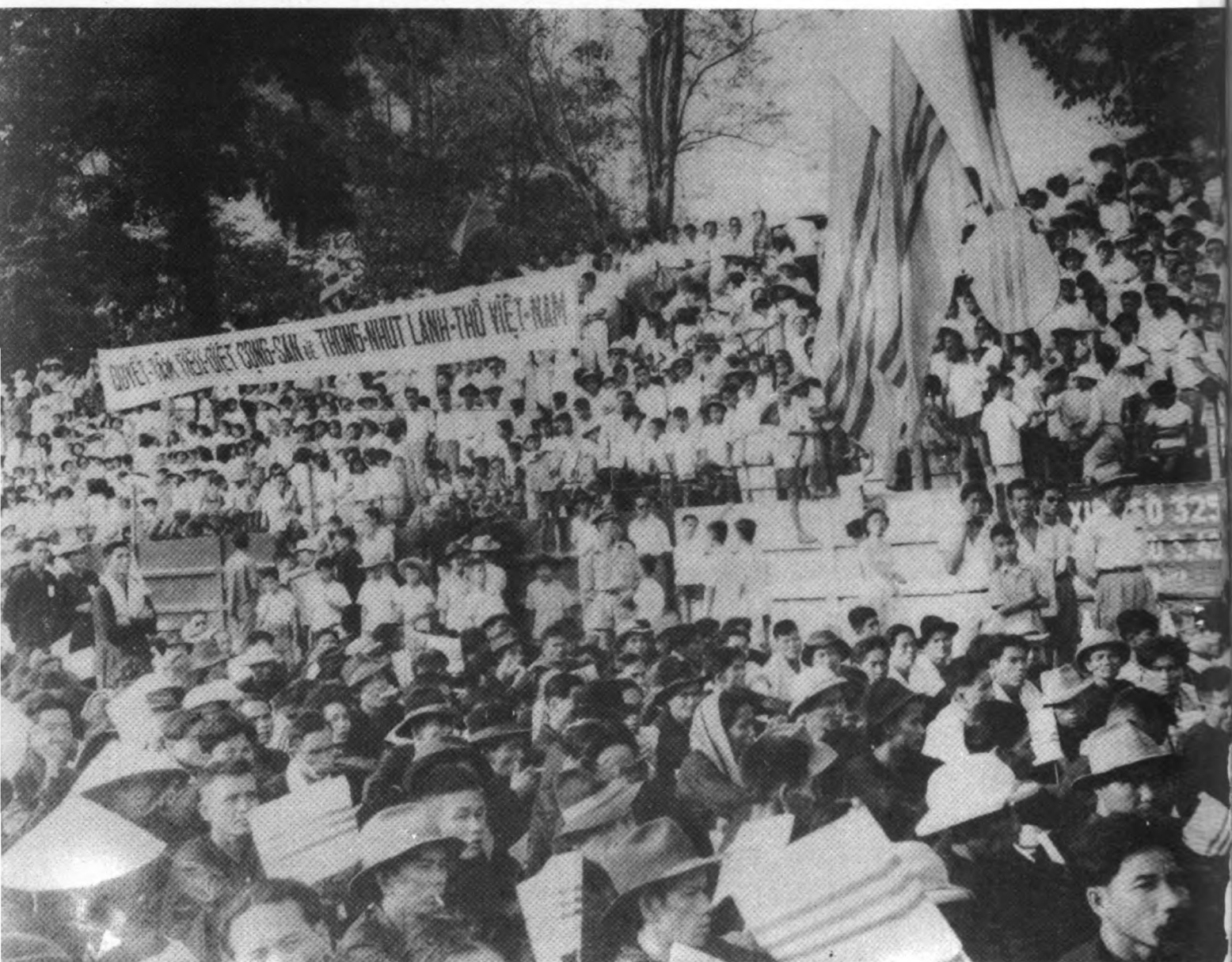
Mặc dù có, những « khuyến cáo, thông cáo » mập mờ của Ủy-hội càng làm cho người ta nhận thấy bộ mặt trơ trẽn trên giả trá của Ủy-hội. Như vậy Ủy-hội thử thẳng thắn trả lời xem Ủy-ban có thể nào phủ nhận được những lời tố giác các điều tai nghe mắt thấy của một nhà tu hành

đã ở lại vùng Phát-Diệm — trong những vùng đã ghi những giòng đẫm máu cho trang sử Tranh đấu Tự-do của người Việt-Nam trong những ngày dưới chánh quyền Cộng-Sản.

Vị Linh-Mục ấy đã nói những gì, chỉ cần nhắc rằng có rất nhiều vụ tố giác sự vi phạm của Cộng - Sản mà Ủy-hội cố tình bỏ qua. Người chân tu ấy đã trở lại với nhân loại tự-do với những chứng cứ xác thực trong tay !

Ủy-hội thẳng thắn trả lời cho thế giới tự-do. Biết bao nhiêu sinh mạng thật ra chỉ vì Ủy-hội bắt lực và thiên vị mà những gì khủng khiếp đã đến với họ ở bên kia bức màn sắt.

Gửi bức thư ngỏ này thực ra chúng tôi không có mục đích gì khác hơn là thiết tha mong Ủy-hội định gấp lại thái độ của mình tuy đã muộn quá rồi. Cửa ngõ Hải-Phòng sắp khép, bức màn sắt sắp xê dịch thêm một bước nữa và



*Tại Saigon cũng như tại khắp mọi nơi trên lãnh-thổ Tự-do, đồng-bào rầm-rộ biểu-tình hoan-hô cuộc di-cư và tố-cáo ám-murù phá-hoại của Việt-Cộng*

sẽ có hàng triệu cặp mắt sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy ánh sáng tự-do nữa. Ủy-hội sẽ phải chịu một phần lớn trách nhiệm nhất là Ấn-Độ với vai trò Chủ-Tịch Ủy-hội của mình, Ấn-Độ xin nhắc lại vì thiết tha với tự-do mà biết bao nhiêu máu và nước mắt đã chảy, lý gì Ấn-Độ lại có thể khinh thường lòng ham chuộng tự-do của một dân tộc khác. »

Bức thư này đã nói lên nỗi kỳ vọng thiết tha của nhân dân Việt-Nam nổi tinh thần làm việc vô tư và sáng suốt của Ủy-hội Quốc-Tế kiểm soát đình chiến. Đồng thời nó phản ảnh một phần việc làm của Ủy-hội Quốc-tế kiểm-Soát đình-chiến ở Việt-Nam. Như vậy không phải nhân dân Việt-Nam tự-do đã phủ nhận tinh-thần phục vụ hòa - bình của Ủy - hội Quốc - tế kiểm - soát đình chiến nhất là của các vị đại - biểu Gia-Nã-Đại, nhân dân và Chánh-Phủ Việt-Nam tự-do với lòng yêu chuộng hòa bình và với tính hiếu khách, mặc dầu không ký vào hiệp định Genève đã đón tiếp Ủy-Hội Quốc-Tế kiểm-soát đình chiến ở Việt-Nam với một tình thân thiện đặc biệt.

2) — **Bức thư của đồng-bào các tỉnh Thanh-Nghệ Tĩnh gửi Ủy-hội Quốc-Tế kiểm-soát đình-chiến :**

« Chúng tôi viết thư này đến Quý Ngài vì tin rằng quý Ngài sang đây là Đại-Diện cho Quốc-Tế để kiểm soát việc thi hành đình chiến ở Việt-Nam, nghĩa là Quý Ngài sẽ rất sốt sắng can thiệp vào những hành-động nào vi phạm đến thỏa hiệp Genève. Những vi phạm ấy đã và hiện còn đang đầy dẫy ở một miền người ta mệnh danh là Dân-Chủ Cộng-Hòa. Chúng tôi không phải là người của một đảng phái nào nhưng chúng tôi không muốn nước chúng tôi bị hãm vào vòng nô lệ. Ấy vậy mà chúng tôi đã là nạn nhân của một chế độ được lớn tiếng gọi là Dân - Chủ — Dân-Chủ nhân dân chuyên chính.

Giai cấp tư bản ở Việt - Nam hầu như chưa có. Địa chủ Phú nông chúng tôi nào nhiều nhận gì và đâu có phải như địa chủ phú nông Trung-Hoa hay Ấn-Độ. Họ sống một cuộc sống tầm thường sau lũy tre xanh. Cách mạng tháng tám thành công, chính quyền lọt vào tay Việt - Minh. Bọn này tuyên bố thành lập chánh thể Dân - Chủ Cộng - Hòa tôn trọng quyền tư hữu tài sản. Thế rồi ngày một ngày hai nhờ nắm chính quyền trong tay, bọn chúng ngấm ngấm tổ-chức thi hành chánh sách Cộng-Sản. Bắt đầu hay là giảm tổ, giảm tức. Bấy giờ lực lượng chúng còn yếu nên công cuộc này hầu như không đi đến một kết quả nào. Sau khi Trung-Cộng làm chủ lục địa Trung-Hoa rồi, bọn chúng dần dần lộ mặt nạ. Một mặt cho ra công khai đảng Cộng-Sản Đông - Dương dưới cái tên đảng Lao-Động Việt-Nam, một mặt gọi chế độ của mình là « dân chủ nhân-dân chuyên chính » hay nhân dân kiểu mới. Tính chất cộng hòa dân chủ không còn nữa. Cuối năm 1952 chúng xô nhân dân phát động « tổ khổ ». Tất cả những người có máu mặt đều bị đem ra « đấu » hết sức tàn nhẫn, hết sức dã man. Họ gọi những công chức của thời Pháp thuộc là cường hào ; những người công dân có từ 2 mẫu tây ruộng trở lên là địa chủ, phú nông. Họ chia rẽ dân, xui dục dân, nấp sau dân để giết dân. Riêng một tỉnh Thanh-Hóa chưa đầy một triệu dân, số người bị đấu, bị giết (bỏ rọ trôi sông, hành hạ đánh đập) đã trên 20.000. Những nhà cách mạng lão thành như Cụ cũ Lê-Xuân-Nhị ở Nông-Cống (trước đã bị đày Côn-đảo về tội làm cách mạng chống Pháp) bị đe dọa vật từng cái râu đánh đập tàn nhẫn đến nỗi con trai cụ ông Lê - xuân - Đan bấy giờ đang làm chủ-tịch Việt - Minh sợ quá phải cùng vợ thất cố chết bỏ lại 9 con thơ. Cụ cũ Lê - Mai - Đính (đảng viên Dân - Chủ, hội trưởng Liên-Việt, trước đã từng làm chủ - tịch Ủy-ban kháng chiến hành - chánh huyện Hoàng - Hóa bị bắt ra ăn... phân). Tất cả chỉ vì tội là trí thức, là phú hào và không là đảng viên Lao - Động, không tích cực tham gia

*Chiếc mành đưa đồng-bào Trà-Lý đến bến Tự-do*



công tác của đảng Lao-Động (Cộng - Sản trá - hình). Chúng mượn danh nghĩa kháng chiến để muốn làm gì thì làm.

Ngày nay tình thế đã đổi khác hiệp định Genève ký rồi, đất nước Việt-Nam bị chia xẻ. Dầu sao đi nữa Việt-Minh cũng phải tôn trọng hiệp định đó. Hiệp định mà Cộng-Sản đã cố gắng mưu mô vận động cho thành. Vậy thì không có lý nào họ còn có thể chà đạp lên phẩm giá của con người, tái diễn những trò tố khổ dã-man vô-nhân đạo.

Chúng tôi là những người gia-đình, cha mẹ vợ con, anh em còn đang sống trong vùng Việt-Minh. Những người đó phải được tự-do chọn theo chính thể mình ưng thuận, không có lý nào vì chỉ thuộc một trong 4 loại dân Trí (trí thức) Phú (các thương gia có của) Địa (địa chủ) Hào (quan lại, « Trí, Phú, Địa, Hào, đào tận gốc, chóc tận rễ », đây là khẩu hiệu của Việt-Minh. Họ có thể bị Việt-Minh giam cầm, đầy ải, tra tấn đến nỗi muốn sống không được, muốn chết không được chết, chịu làm bia cho Việt-Minh nhắm vào đó trút nỗi căm hờn của nhân dân. Bởi vì chính nhân dân đã căm thù Cộng-Sản, bởi vì chính Cộng-Sản đã bán cùng hóa nhân dân để bóc lột nhân dân đến xương tủy, nên mới bày trò « tố khổ » để lừa bịp, đánh lạc hướng căm thù của nhân dân.



Chúng tôi trông cậy ở sự sáng suốt của Quý Ngài, chúng tôi trông cậy ở sự can thiệp có hiệu quả của Quý Ngài, chúng tôi trông cậy ở quyền lực của Quốc-Tể mà các Ngài là đại-diện trong một phạm vi nào. Xin Quý Ngài buộc Việt-Minh phải :

1) — Trả cho chúng tôi những cha mẹ, họ hàng mà họ đang giam cầm vì những lý do không chánh đáng.

2) — Để cho những người nào ghê sợ chế-độ độc-tài đảng-trị tự-do tìm vào Chánh-Quyền Quốc-Gia.

Chúng tôi đặt tin tưởng vào Quý Ngài và kính xin Quý Ngài nhận cho ở đây tấm lòng biết ơn sâu xa của chúng tôi. »

Chưa nói đến tình thần tranh đấu để thoát ly vùng Việt - Cộng của đồng-bào di-cư, chỉ một bức thư trên cũng đủ nói lên tinh thần thi hành hiệp định Genève của Việt - Cộng. Những chứng cứ vi phạm hiệp định Genève của bọn Việt-Cộng còn đầy rẫy mà càng đi sâu vào vấn đề di - cư, người đọc càng căm thù những thủ đoạn bịp bợm của bọn Cộng - Sản độc tài, dã man.

#### IV. HẬU QUẢ CỦA HIỆP-ĐỊNH GENÈVE

Hội nghị Genève kết liễu, đặt nước Việt-Nam vào một tình trạng bi thảm đau đớn nhất trong lịch-sử của một dân tộc đã có một ý chí quật cường truyền thống rất tha thiết với Độc - lập và Thống - Nhất của Tổ - Quốc từ trên bốn ngàn năm nay. Sau tám năm cực khổ lao đao trong vòng khói lửa vì Độc-lập và Thống Nhất cho Tổ-Quốc, nhân dân Việt-Nam ở cả hai bên Pháp và Việt-Minh đều bị Thực dân Cộng-Sản phản bội phũ phàng :

Hiệp định Genève ra đời cắt đôi lãnh thổ Việt-Nam. Nền Thống nhất của Quốc-Gia đời đời được bảo vệ và duy trì bằng xương máu đã bị tan tành trước âm mưu cầu kết của Thực Cộng.

Ngày 20-7-1954 đã thành ngày quốc sử của dân tộc Việt-Nam. Con sông Bến-Hải là một vết thương đâm máu trên thân thể từ lâu vốn lành mạnh của Đất Nước. Và hiệp định Genève quả là một bản văn tự bán nước mà thủ phạm là Việt-Minh Cộng-Sản.

Vì nhờ hiệp định Genève mà Trung-Cộng được tự-do tràn sang áp bức bóc lột nhân dân Bắc-Việt và đang ngấp nghé thôn tính cả miền Nam Việt-Nam. Và vì hiệp định Genève mà hàng triệu đồng bào miền Bắc đã phải rời bỏ quê hương hy sinh tất cả để vào Nam. Tóm lại hiệp định Genève là một vết nhơ lớn trên trang sử tranh đấu của dân tộc Việt-Nam.

Những nguyên nhân buộc Thực dân Pháp và Việt-Minh Cộng-Sản phải cầu kết để âm mưu đình chiến đã được vạch ra ở đoạn trên, bây giờ ta hãy xét đến những hậu quả của hiệp định này.

Nhiều người vội vàng lầm tưởng rằng hiệp định Genève là một thắng lợi của Việt-Cộng và Pháp vì âm mưu cầu kết của chúng đã được thực hiện. Sự thực không giản dị như vậy mà chính chúng cả Pháp lẫn Việt-Minh đều không ngờ tới những hậu quả tai hại mà hiệp định Genève đã mang lại cho chúng.

a) Về phía Việt - Minh Cộng - Sản :

Chúng bị mất hẳn danh nghĩa « kháng chiến dành Độc-lập ». Nhân dân thấy rằng chúng đã không giữ đúng những lời hứa « Không điều đình với Pháp. Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi. Kháng chiến để diệt xâm lăng, dành Độc-lập và Thống nhất v...v... »

b) Nhân dân Bắc-Việt tình nguyện trước số Cố vấn và quân đội Tàu Cộng càng ngày càng sang đông. Gọng kìm Nga-Hoa mỗi ngày một xiết chặt. Thái độ và hành động của các cố vấn Nga - Hoa đã bóc trần dã tâm phản dân phản nước phụng sự Nga Hoa của chúng.



*Đồng-bào chờ tàn chiến Pháp cấp bến chờ đi di-cư*

c) Quân dân thất vọng chán ghét, ghê tởm tìm cách thoát ly vòng thống trị của chúng gây nên phong trào di-cư rầm rộ của non một triệu người di-cư vào Nam tìm Tự - do. (Trong hàng ngũ di-cư có rất nhiều người trước kia là cán-bộ Việt - Cộng nay chán nản trước chính sách độc tài, đảng trị và sự lệ thuộc Nga-Hoa của bọn Hồ Chí Minh cũng di cư vào Nam tìm tự-do).

Những hậu quả trên đã gây cho Việt-Minh Cộng-Sản những thất bại nặng nề về mặt Chính trị và Kinh Tế.



*Một bữa cơm thanh đạm tại trạm tạm trú*



Chính sách đồng hóa của Tàu Cộng đã biến bọn Hồ - Chí - Minh, Võ Nguyên-Giáp, Phạm văn - Đồng, Trường Chinh v...v... thành một lũ tay sai đắc lực từ chính trị, quân sự đến kinh tế, văn hóa thấy đều bị Tàu Cộng chi phối.

Sự lệ thuộc Nga-Hoa của Việt - Minh Cộng - Sản đã làm cho nhân dân miền Bắc lao đao khổ cực, nền kinh tế miền Bắc kiệt quệ. Chúng bóc lột nhân tài vật lực của hết thảy mọi tầng lớp nhân dân để phụng sự Nga-Hoa. Những sự khổ cực của dân chúng tại các công trường miền Bắc hiện nay còn lớn lao hơn những sự khổ cực phải mò chai của dân Việt-Nam dưới thời nội thuộc nhà Đông-Hán. Xương máu dân chúng miền Bắc còn phải hao tổn nhiều để thỏa mãn mộng xâm lăng của Tàu Cộng. Nga, Hoa tha hồ tự-do khai thác những nguồn lợi kinh tế của Bắc - Việt. Do đó nhân dân cũng lo sợ, uất ức trước sự phản bội của bọn Việt-Minh Cộng-Sản cũng như trước chính sách đồng hóa của bọn Tàu Cộng (Những vụ dân chúng nổi lên chém giết cán bộ thu thuế, đốt các kho thóc của Việt-Cộng cũng là những vụ ám sát các cán bộ Tàu Cộng là những sự phản ứng lẻ tẻ đang chờ ngày trở thành toàn diện).

Phong-trào di-cư vĩ đại của non 1 triệu người Bắc - Việt vào Nam tìm tự-do đã tỏ cáo với Thế giới chính sách độc tài tàn bạo dã man và khát máu của Việt-Cộng. Sự kiện này không những làm cho nhân dân miền Nam thông cảm để cùng hăng hái chống Cộng mà đồng thời cũng đã chuyển cán cân lực lượng giữa hai phe Quốc Cộng ở Việt-Nam. Nó làm giảm lực lượng quần chúng của Cộng-Sản, đem lại ưu thế cho miền Nam tự-do, gây sự tin-tưởng cho thế giới dân chủ.

Một triệu dân di-cư, ngoài tác dụng chính-trị còn có một giá trị lớn lao về kinh-tế. Miền Nam sẽ có thêm non một triệu bàn tay để phục hưng nền kinh-tế phong phú trước đây bị đình trệ vì chiến-tranh.

Đã thế Việt-Cộng lại thất bại cay đắng trong âm mưu níu thực dân Pháp ở miền Nam để hùng lũng đoạn hàng ngũ Quốc-gia, duy trì chế-độ thống-trị cũ để chúng lợi dụng tình-trạng thối nát của chánh quyền bù nhìn, con đẻ của thực dân, mà tha hồ hoành hành.

Song ở miền Nam, nhờ sự lãnh-đạo anh-minh và lòng tận tụy cứu dân giúp nước của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm, nền độc lập đã được thu hồi toàn vẹn. Toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp đã thoái triệt theo lời yêu cầu của Chính-Phủ Cộng-Hòa Việt-Nam (Việc quân đội Pháp rút lui đã lật đổ tất cả những âm mưu phá rối miền Nam của bọn Việt - Cộng nên Võ-Nguyên-Giáp đã lên tiếng phản kháng việc này trong khi nhân dân miền Nam vui vẻ vì thấy nền độc lập của nước nhà đã được thu hồi trọn vẹn).

b) *Về phía Pháp* : Hiệp định Genève cũng mang lại cho quân đội viễn chinh Pháp những kết quả không kém phần đen tối.

— Không thể bám vào danh nghĩa chống Cộng để duy trì quyền lợi bất chính, ở Việt-Nam quân-đội viễn chinh phải triệt thoái. Các cơ quan quân sự, hành chính phải giao trả lại cho Chính-Phủ Việt-Nam Tự-do.

Phái đoàn Sainteny của Pháp bên cạnh nguy quyền miền Bắc phôi bày đã tâm vị lợi của Pháp. Đã thế Phái-đoàn Sainteny lại cũng thất bại trong âm mưu liên-lạc kinh - tế với Việt-Cộng một số Pháp kiều lúc đầu hy-

vọng vào sự bênh vực của Phái-đoàn Sainteny, ở lại Hà-Nội buôn bán, rút cuộc cũng di-cư vào Nam. Bình-luận về công việc của Phái-đoàn Sainteny tại Hà-Nội, một nhà báo Pháp đã viết : « Ở Hà-Nội người Pháp phải xin phép Bộ Công-Chính và Bộ Ngoại giao và phải có đoàn hộ tống mới được vào thăm một xưởng làm đồ sơn hay nơi làm đồ thau.

Phái-đoàn Sainteny ở Hà-Nội không thể vượt hàng rào giây thép gai ở đầu phố mình ở... »

— Mỹ tăng cường và trực tiếp viện trợ cho Chính-phủ Việt-Nam Tự-do củng cố miền Nam ngăn sự lan tràn của làn sóng đỏ. Pháp mất khoản tiền viện trợ trong việc bao thầu chống Cộng ở Việt-Nam.

Thành ra tuy Pháp và Việt - Minh Cộng - sản âm mưu ký kết đình chiến tại Việt-Nam mà cả 2 bên không những đã không đạt được kết quả mong muốn lại vấp phải nhiều thất bại nặng nề trên khiến cả hai bên đều lâm vào tình trạng bế tắc.

Trái lại, đối với Việt-Nam tự-do, qua tình trạng hoang mang giao động lúc đầu, hiệp định Genève đã tạo cho miền Nam nhiều điều kiện thuận lợi để củng cố và phát triển thế lực :

— Cuộc di-cư vĩ-đại của non 1 triệu đồng-bào Bắc-Việt vào Nam tìm tự-do là một thắng lợi lớn cả về phương diện chính trị, kinh-tế của Việt-Nam tự-do. Non 1 triệu đồng-bào di-cư lại mang theo vào Nam một sức chống Cộng mạnh mẽ. Sinh lực miền Nam được bồi bổ thêm để kiến quốc đề phòng mọi cuộc xâm lăng của Cộng-Sản.



*Đồng-bào qua sông tiến về Hải-phòng*

— Phong trào di-cư làm cho nhân dân miền Nam hiểu rõ bộ mặt thật phản dân phản nước của Cộng-Sản để ghê tởm, căm thù chúng và hăng hái góp phần chống Cộng cứu nước. Khối đoàn kết của dân tộc ngày thêm vững chắc.

— Trước hiểm họa Cộng - Sản, các nước bạn trên thế giới tự-do nhất là Mỹ hết lòng giúp đỡ Việt-Nam. Trước kia Mỹ Viện - Trợ Việt-Nam qua tay Pháp nay Việt-Nam trực tiếp nhận Viện-Trợ ở tay người Mỹ.

— Việt-Nam tự-do dần dần có một địa vị xứng đáng trên chính-trường Quốc-Tế, (Nước Việt-Nam là hội-viên của nhiều tổ-chức chính-trị, kinh-tế, Y-tế, Thể thao quốc-tế — Saigon, Thủ-Đô Việt-Nam tự-do vừa được chọn làm nơi hội họp của hội-nghị Liên-Minh Phản Cộng Đông Nam Á).

— Tóm lại, sau khi hiệp định Genève ra đời, Chính Phủ và nhân dân Việt-Nam Tự-do bị đập vào một tình trạng đã rồi, nhưng may thay nhà Chí-Sĩ họ Ngô với lòng tận tụy vì dân vì nước đã xoay chuyển được tình thế, đưa nước nhà từ chỗ đen tối tới ánh quang vinh. Những thắng lợi của nhân dân và Chính-Phủ Việt-Nam tự-do trong công cuộc thu hồi trọn quyền độc lập thống nhất nội bộ, xây dựng nền Cộng-Hòa chân chính cho nước nhà đã là những bằng chứng rất cụ thể.

Điêm qua những hậu quả của hiệp định Genève đối với Pháp, Việt-Minh Cộng Sản và Việt-Nam tự-do ta có thể kết luận rằng chính-nghĩa bao giờ cũng thắng và « Mưu thâm, họa diệc thâm », Việt-Minh Cộng-Sản cùng Pháp thực dân đã gieo gió thì chúng phải gặt bão cũng là lẽ tất nhiên.

#### V. — LẬP TRƯỜNG CỦA VIỆT-NAM ĐỐI VỚI HIỆP-ĐỊNH GENEVE

Hội-nghị Genève chỉ là một sự dàn xếp do âm mưu của thực dân và Cộng-Sản tạo nên và hiệp-định Genève quả là một sản phẩm của Thực dân và Cộng-sản cấu kết. Bởi vậy ngay khi hội nghị đang họp, những tin tức bên lề hội nghị về việc chia cắt lãnh thổ Việt-Nam đã gây một xúc động lớn lan tràn mạnh mẽ trong khắp mọi tầng lớp nhân dân Việt-Nam và cả nhân dân thế giới tự-do. Trước Đại-diện Pháp và Việt - Minh sửa soạn ký kết hiệp-định ngưng chiến, nhân dân Việt - Nam rất công phẫn về việc chia cắt giang sơn. Dân chúng Hà - Nội, Saigon, Huế cùng nhiều đô-thị biểu tình kịch liệt phản đối chủ trương này. Các tiểu-đoàn thuộc Quân-đội Quốc-Gia Việt-Nam cũng bất bình trước việc này. Dĩ nhiên Chính-Phủ Quốc-Gia Việt-Nam cũng cực lực phản kháng. Tại hội-nghị Genève, trung thành với ý nguyện của toàn dân trong việc bảo vệ nền Thống-Nhất thiêng liêng của Tổ-Quốc, Ngoại Trưởng Việt-Nam Trần-văn-Đỗ đã phản đối kịch-liệt việc phân đôi lãnh thổ và chống lại cuộc Tổng-Tuyển-Cử bịp bợm kiểu Việt-Minh Cộng-Sản.

Ngoại-Trưởng đã đưa ra một bản đề nghị gồm những điểm chính sau này :

— Quân đội Pháp tập trung về một hải cảng ở miền Nam.

— Quân đội Việt-Minh Cộng-Sản phải rút về một vùng thượng du Bắc-Việt để nhân dân Việt-Nam khỏi bị áp lực của Thực dân và Cộng-Sản.

— Vấn đề Tổng-Tuyển-Cử để thống-nhất đất nước phải được hoàn toàn tự-do và đặt dưới quyền kiểm soát của Liên-Hiệp-Quốc.

— Cuộc Tổng-Tuyển-Cử sẽ được thi hành ngay để thành lập một chính phủ duy nhất cho toàn cõi Việt-Nam.

Cố-nhiên, đề nghị này không được Pháp và Việt-Minh chấp thuận nhưng cũng đủ chứng tỏ cho thế giới thấy rằng đối với hiệp-định Genève lập trường của nhân dân và Chính - Phủ Việt - Nam Tự-do đã rất rõ rệt ngay từ khi văn kiện này chưa thành hình. Cho đến sau ngày 20-7-54, văn kiện này chính thức ra đời với kết quả chia đôi lãnh thổ Việt-Nam : Miền Bắc Việt-Minh Cộng-Sản được tự-do để cho Trung-Cộng tràn sang dày xéo đất nước ; miền Nam, Thực dân Pháp vẫn cố duy trì những quyền lợi bất chính, lỗi thời tại Việt-Nam. Nhân dân Việt-Nam càng phẫn uất trước sự phản bội của Việt-Minh Cộng - Sản cũng như trước tham vọng ích kỷ, ngoan cố của Pháp thực dân.

Vì hiệp định Genève phá hoại nền thống nhất Quốc - Gia Việt-Nam, đi ngược lại quyền lợi dân tộc Việt-Nam và nhất là vì bè lũ Việt - Minh Cộng-Sản đặt quyền lợi Quốc-tể Cộng-sản trên quyền lợi Quốc-Gia Dân-tộc, cho nên, tuy bị đặt vào một tình trạng đã rồi nhân dân và Chính-phủ Việt-Nam tự-do cương quyết phản đối hiệp-định này. Lập trường của nhân dân và Chính-Phủ Việt-Nam tự-do trước sau vẫn là một.

Trong bản tuyên ngôn 16-7-1955, Chính - phủ Việt-Nam đã minh định rút khoát :

1) — Hiệp định Genève vô giá trị đối với Chính - phủ và nhân dân Việt-Nam.

2) — Thống nhất lãnh thổ trong Hòa-bình và Tự-do.

3) — Bảo toàn quyền thiêng liêng của Dân-tộc về nền Thống-nhất lãnh thổ, Độc-lập Quốc-gia và Tự-do con người.

Và trong bản tuyên ngôn ngày 9 - 8 - 1955, sau khi nhắc lại lập trường đối vấn đề thống nhất lãnh thổ công bố trong bản tuyên ngôn ngày 16-7-1955, Chính-phủ Việt-Nam tự-do nhấn mạnh thêm :

Về bất cứ phương diện nào, Chính-Phủ không thể tự coi như bị ràng buộc bởi hiệp-định Genève mà Chính-phủ không ký.

Một lần nữa Chính-phủ Việt-Nam tự-do xác định rằng trong bất cứ trường hợp nào, Chính-phủ cũng đặt quyền lợi Quốc-gia trên hết, nhất quyết đạt tới mục đích hiển nhiên của chính sách văn hàng chủ trương : mục đích đó là thống nhất đất nước trong Hòa-bình và Tự-do.

Các lãnh tụ Việt - Cộng đã nhờ chuyển đạt tới Chính-Phủ một bức thư đề ngày 19-7-1955, yêu cầu mở một hội thương lượng văn về tuyển cử ; như vậy Việt-Cộng dụng ý tuyên truyền để dân chúng lầm tưởng là họ bênh vực thống nhất lãnh thổ.

Ai nấy còn nhớ rằng tại Genève, Việt-Cộng cố xuy việc chia xẻ lãnh thổ và đòi một vùng có thể tự túc được về kinh tế trong khi phái đoàn Việt-Nam Tự-do đề nghị một cuộc đình chiến không có sự phân chia đất nước, dù là phân chia tạm thời, ngõ hầu bảo toàn quyền thiêng liêng của Dân-tộc Việt - Nam và nền Thống-nhất lãnh thổ, Độc - lập Quốc - gia và Tự-do con người.

Như phái đoàn Việt-Nam đã tuyên bố lúc đó Chính-Phủ Việt-Nam chủ trương thực hiện những nguyện vọng của Dân-tộc bằng tất cả các phương tiện do nền Độc - lập và Tự chủ mà nước Pháp đã long trọng công nhận trả lại cho Quốc - Gia Việt - Nam là Quốc-gia hợp pháp độc nhất.

Chính sách của Chính-phủ vẫn không hề thay đổi.

Trước sự phân chia đất nước trái với ý muốn của toàn dân, Chính-phủ nhất định tranh đấu cho tất cả mọi người trong toàn quốc phải được sống không lo sợ, hoàn toàn thoát ly khỏi ách độc tài áp bức.

Phụng sự chính nghĩa dân chủ chân chính, Chính-phủ vẫn coi nguyên tắc tuyển cử tự-do là một phương sách hòa bình và dân chủ nhưng trước hết những điều kiện tự-do sinh sống đầu phiếu phải được đầy đủ.

Chính-phủ Việt - Nam Tự-do đã có lần tuyên bố tán thành Tổng-Tuyển cử với 4 điều kiện :

1) Trước hết phải giải tán quân đội Việt-Cộng, vì nếu còn quân đội, với lưỡi lê cắm vào nòng súng, đứng sau lưng thì người dân trong vùng Việt-Cộng liệu có dám không bỏ phiếu cho Việt-Cộng không ?

2) Phải giải tán tức khắc và toàn thể những cơ cấu tổ chức độc tài mệnh danh là những tổ chức nhân dân như « đoàn thanh-niên », « phụ nữ cứu quốc », « tổ học tập », « tổ tâm giáo » v.v...v.v...

2) Sau khi đã giải tán quân đội và các cơ cấu tổ chức độc tài, phải để một thời gian đủ để nhân dân nhận định, quan sát để lựa chọn giữa hai xu hướng chính-trị Cộng-sản và Dân-Chủ Tự-do. Thời gian này không phải là một vài năm mà đủ. Trong thời gian này, nhân dân được tự-do đi lại khỏi giấy thông hành. Nếu Việt-Cộng tin vào sức hấp dẫn của chế độ Cộng-Sản độc-tài thì không có lý gì mà không nhận đề nghị này.

4) Sau cùng, cần phải có một cơ quan Quốc-tế có thẩm quyền và hoàn toàn vô tư gồm những nước trung lập do Liên-Hiệp-Quốc cử ra để kiểm soát tuyển cử. Những nước trung lập này không thể giống như nước trung lập Ấn - Độ.

Qua những bản tuyên ngôn trên, lập trường của Chính - Phủ Việt-Nam Tự-do là : Dùng mọi phương pháp Hòa bình để thống nhất lãnh thổ. Khi nào Việt-Cộng thủ tiêu chế độ độc-tài để cho dân chúng miền Bắc được thực sự tự do bầu cử thì sẽ tổ chức Tổng-Tuyển cử.

— Hiệp-định Genève chỉ là một khế ước mà đương sự là Pháp và Việt-Minh Cộng-Sản. Chính-phủ Việt-Nam không ký vào hiệp - định ấy, do đó không hề bị ràng buộc bởi văn kiện ấy, bất cứ bằng cách nào.

Lập trường trên là lập trường chung của nhân dân Việt-Nam Tự-do. Đã nhiều lần, đủ các giới nhân dân Việt-Nam tự-do đã biểu tình, (những ngày 16, 17 và 20-7-55) và lập kiến nghị phản đối Hiệp-định Genève ủng hộ lập trường của Chính-Phủ đối với hiệp định này.

Dưới đây là bản kiến nghị của toàn thể nhân - viên Phủ Tổng-Uỷ Di-Cur Ty-Nạn Việt-Nam gửi các Vị Đại-Biểu tứ cường hội họp tại Genève.

« Kính gửi các Vị Đại-Biểu tứ cường hội họp tại Genève.

Toàn thể nhân-viên Phủ Tổng-Uỷ Di-cư Ty-Nạn Việt-Nam hội họp hồi 8 giờ sáng ngày 17-7-1955 tại Phủ Tổng-Uỷ.

Kính gửi hội nghị lời chào tin tưởng, kính chúc hội nghị thành công trong việc bảo vệ hòa bình thế giới, kính xin hội nghị xét cho những nguyện vọng sau này :

— Xét vì hiệp định đình chiến do Việt - Minh Cộng-Sản và Thực dân Pháp ký kết tại Genève ngày 20-7-1954, cắt đôi lãnh thổ Việt-Nam để dâng miền Bắc cho Tàu Cộng và níu Thực-dân Pháp ở lại miền Nam làm cho dân chúng miền Bắc đói khổ và làm trở ngại sự thống nhất nội bộ miền Nam ;

— Xét vì hiệp định Genève, sản phẩm của Thực dân Cộng-Sản đã đi ngược lại quyền lợi dân-tộc Việt-Nam, phá hoại nền Thống nhất Quốc-gia Việt-Nam ;

— Xét vì lập trường thân Cộng quá rõ rệt của Ủy-Hội Quốc-Tế kiểm soát đình chiến tại Việt-Nam không thể đảm bảo cho việc thực hiện một cuộc Tổng-tuyển-cử hoàn toàn tự-do ;

— Xét vì bè lũ Việt-Cộng đặt quyền lợi của Quốc-Tế Cộng-Sản trên quyền lợi của Quốc-gia dân-tộc ;

— Xét vì toàn dân Việt-Nam thiết tha với nền Độc-lập và Thống-nhất của Tổ-Quốc ;

## Đồng-thanh quyết-nghị

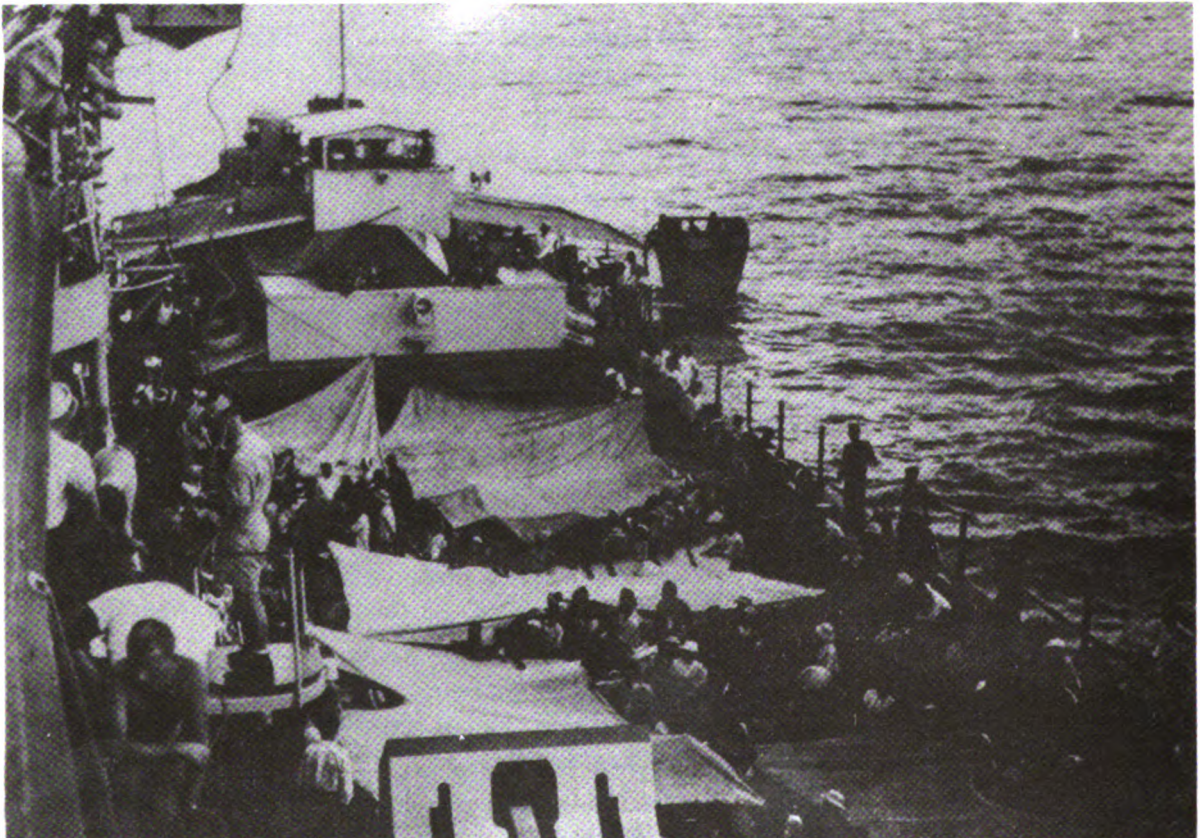
- 1) Phản-đối mọi vận-động thực-hiện Tổng-tuyển-cử do hiệp-định Genève dự-định.
- 2) Đả-đảo lập-trường thân Cộng của các Đại-biểu, Ba, Ấn-Độ trong Ủy-Hội Quốc-tế kiểm-soát đình-chiến tại Việt-Nam ?
- 3) Đả-đảo bọn Cộng-sản Tàu, Việt đang gây nội-chiến tại Ai-Lao.
- 4) Triệt-để ủng-hộ lập-trường của Chính-Phủ Quốc-Gia do Ngô Tổng-Thống lãnh-đạo.
- 5) Yêu cầu Tứ Cường tôn-trọng quyền-lợi Dân-tộc tự-quyết và chỉ bàn đến vấn-đề Việt-Nam khi có sự tham-dự của đại-diện chính-quyền Quốc-gia Việt-Nam :

*Toàn-thể nhân-viên Phủ Tổng-Uỷ  
Di - Cư Tỵ - Nạn Việt - Nam*

Lập-trường trên đây của nhân-dân và Chính-phủ Việt-Nam đã được thông báo cho các nước Anh, Nga là 2 nước chủ-tịch hội-nghị Genève biết.

Bởi lẽ bắt nguồn từ cuộc Cách-Mạng của Dân-tộc do Ngô Chí-sĩ lãnh-đạo, lập-trường này rất hợp-lý và chính-đáng nên được các nước Mỹ Pháp và nhiều nước trên thế-giới tự-do hoàn-toàn tán-đồng và triệt-để ủng-hộ. Các nước Anh và Nga cùng thuận rằng tháng 7-1956 không thể có tuyển-cử tại Việt-Nam vì nó thiếu căn-bản pháp-lý Việt-Cộng ngoan-cổ không chịu ban-bổ tự-do dân-chủ.

Đây cũng là một thắng-lợi của nhân-dân và Chính-Phủ Việt-Nam Tự-do.



*Một cảnh đồng-bào di-cư trên chiến hạm Pháp chờ ra Vịnh Hạ-Long*

# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG III.

### CƠ QUAN PHỤ TRÁCH ĐỒNG BÀO DI-CƯ

#### I. — SỞ DI-CƯ BỘ XÃ-HỘI



**C**HÁN ghét, ghê tởm chính-sách hà khắc tàn bạo của chế-độ Cộng-sản, từ trước ngày ký kết Hiệp-định Genève, đồng-bào miền Bắc đã tự-động rủ nhau vào Nam để thoát-ly ách thống-trị của bọn Việt-Cộng. Đến sau ngày hiệp-định Genève ra đời, nhân-dân các tỉnh phía Bắc Trung-phần và khắp các tỉnh Bắc-phần lũ lượt kéo về Hà-nội, Hải-phòng để di-cư vào Nam.

Vì bọn Việt-Cộng khủng-bố trắng trợn để ngăn cản không cho đồng bào di-cư nên trên đường tìm tự-do nhiều người phải hy sinh cả tính mạng, hầu hết những người tìm được vào vùng Tự-do đều phải trải qua những thử thách gay go, nguy hiểm ở dọc đường và vì vậy hầu hết đồng bào khi vào được miền Nam chỉ còn hai bàn tay trắng. Tuy



*Xe lửa đong nghet đồng-bào các nơi về Hải-Phòng chờ tàu vào Nam.*

nhiên phong-trào di-cư vẫn mỗi ngày thêm rầm rộ, lan tràn mạnh mẽ và liên tiếp suốt từ thành thị đến thôn quê, khắp cả các vùng Thượng-du xa xôi miền Bắc.

Ý chí yêu chuộng tự-do của đồng-bào miền Bắc trong cao trào di-cư và nhất là những nỗi đau thương, khổ cực của đồng bào trên đường tìm tự-do đã gây mỗi xúc động lớn lao trong khắp các dân-tộc trên thế-giới tự-do và được các nước này nhiệt-liệt ủng-hộ cả về tinh-thần lẫn vật chất. Và phong-trào di-cư dĩ nhiên đã được Chính-phủ Việt-Nam Tự-do dưới sự lãnh đạo anh minh của Thủ-tướng Ngô-Đình-Diệm đặc-biệt săn sóc, giúp đỡ, tuy phong-trào ào ạt này đã đặt ra nhiều vấn-đề phức tạp, khẩn cấp khiến Chính-phủ phải kịp thời giải-quyết. Có thể nói, khi ấy, việc tiếp đón và giúp đỡ đồng-bào di-cư là công-tác chính-yếu của Chính-phủ Việt-Nam Tự-do.

Công việc này, đầu tiên giao cho Bộ Xã-Hội và Y-Tế đảm nhiệm với sự giúp đỡ thường xuyên của các Bộ Thanh-Niên (phụ-trách việc tiếp đón), Bộ Công-Chính (việc vận-tải), Bộ Thông-Tin (tác-động tinh-thần), Bộ Canh-Nông và Bộ Kinh-Tế (lập làng định-cư), và các đoàn thể các hội Từ-Thiện & Thủ-đo.

Ngày 18-7-54 chuyển tàu di-cư đầu tiên cập bến Saigon. Việc chiêu đãi bắt đầu. Vì thiếu nhân-viên, Bộ Xã-Hội phải điện ra Bắc xin công-chức và Cán-bộ tình nguyện vào giúp việc.

Trong khi chờ đợi, Bộ Xã-Hội phải mượn một số Cán-bộ Bộ Lao-động phụ-trách việc đón tiếp đồng-bào tại trường bay Tân-Sơn-Nhất và bến tàu thủy Saigon.

Sang đầu tháng 8-54, Nha Xã-Hội Bắc-Việt gửi vào 54 cán-bộ và một số công-chức. Sở Di-cư thuộc Bộ Xã-Hội thành hình và được tổ-chức như sau :

- Ban Công-Văn
- Ban Kế-Toán Vật-Liệu



- Ban Liên-Lạc
- Ban Kiểm-Soát
- Ban Tuyên-Truyền
- Ban Phân-Phối Đồng-Bào Di-Cư

Sau khi thành lập, Sở Di-Cư cố gắng thi hành nhiệm vụ.

- Tìm chỗ tạm trú cho đồng-bào
- Tổ chức các trạm
- Phát tiền cứu trợ cho các trạm

Mỗi trạm do một Trạm-Trưởng điều-khiển, có một số cán-bộ (nhiều ít tùy hoàn cảnh) giúp việc.

Mỗi trạm chia thành từng Phòng, mỗi Phòng bầu một Trưởng-Phòng phụ-trách việc kê danh sách và phát tiền cho đồng-bào trong Phòng. Mỗi trạm lại có một ban đại-diện đồng-bào di-cư gồm 3 người do các Trưởng-Phòng bầu lên để liên lạc với cán-bộ do Sở Di-Cư cử tới làm việc.

Với 3 nhiệm vụ trên, Sở Di-Cư đã gặp nhiều khó khăn, trở ngại nhất là trong việc tìm chỗ cho đồng bào tạm trú và việc phát tiền cho đều và kịp thời cho các trạm vì thiếu nhân-viên, thiếu phương tiện (trụ sở Di-Cư đặt tại bệnh viện Bình-Dân Saigon lúc nào cũng tràn ngập đồng-bào di-cư) mà số đồng bào di-cư cập bến Saigon mỗi ngày một tăng. Hàng ngày có đến ba bốn nghìn người dồn tới. Sở Di-Cư, Bộ Xã-Hội phải mượn hầu hết các trường học, các kho lúa ở Saigon, Chợ-lớn làm chỗ tạm trú cho đồng-bào mà vẫn không đủ. Đã thế lại còn gặp sự khó khăn do quân đội Quốc-gia khi ấy dưới quyền chỉ huy của Tướng Hinh gây nên (việc lấy trường Tôn-thọ-Tường, lấy kho lúa Denis Frères v.v...)

Mới nhìn vào những nhiệm-vụ trên, nhiều người tưởng là giản-dị, dễ dàng kỳ thực công việc rất phức tạp, khẩn cấp, lại vì những khó khăn trở ngại trên nên dù Sở Di-Cư, Bộ Xã-Hội đã cố gắng nhiều, công việc vẫn bị lộn xộn, tràn ngập. Tuy nhiên, cho đến ngày 28-8-54, con số 44.211 đồng bào được tiếp đón và tiếp tế đầy đủ tại 32 trạm tạm trú đã chứng tỏ sự cố gắng không



*Đoàn xe vận-tải của quân-đội tấp-nập chờ đồng-bào ra bến tàu.*



*Quang-cảnh một nơi tạm-trú.*

ngừng của Bộ Xã-Hội với số nhân-viên ít ỏi, phương-tiện thiếu thốn trước sự tràn ngập ò ạt hàng ngày của đồng-bào di-cư vào tới Saigon.

Việc tiếp đón đồng bào di-cư là một công cuộc vô cùng mới mẻ lớn lao, gia dĩ lại thiếu chuẩn bị, thiếu phương tiện, nhìn vào kết quả trên ta có thể kết-luận rằng Bộ Xã-Hội đã xứng đáng với sự ủy-nhiệm của Thủ-tướng và Chính-phủ.

Trước tình trạng bị công việc tràn ngập của Bộ Xã-Hội và Ý-Tế trước sự rầm rộ và ào ạt của phong-trào di-cư vào Nam mỗi ngày một tăng đoán trước được tầm quan-trọng và sự tiến triển của phong-trào (Ngô Tổng-thống đã ước lượng sẽ có 2 triệu người di-cư vào Nam tìm tự-do), Tổng-thống Ngô-đình-Diệm khi ấy là Thủ-tướng Chính-phủ bèn cho thiết-lập Phủ Tổng-ủy Di-Cư Tị-Nạn để chuyên lo liệu việc di-chuyển đón tiếp, tạm trú, tiếp tế và định-cư cho đồng-bào tị nạn Cộng-sản, vào Nam tìm tự-do. Cơ-quan này đặt dưới quyền của một vị Tổng-Ủy-Trưởng có một Tổng-Ủy-Phó giúp việc. (Ông Ngô-Ngọc-Đôi được cử giữ chức Tổng-Ủy-Trưởng Di-Cư Tị-Nạn chính-thức nhận việc từ ngày 27-8-54).

Phủ Tổng-Ủy Di-Cur Tị-Nạn gồm những bộ phận sau đây :

1) Nha Đông-lý Văn-phòng do một ông Đông-lý Văn-phòng điều-khiển gồm có :

- a) Văn-phòng.
- b) Phòng Bí-Thư.
- c) Sở Hành-Chính.
- d) Sở Tuyên-Truyền.

2) Nha Tổng-Thanh-Tra do một ông Tổng-Thanh-Tra điều-khiển có các viên thanh-tra kiểm-soát-viên giúp việc.

3) Nha Tiếp-Cur gồm có :

- a) Sở Chuyển-Vận,
- b) Sở Tiếp-Cur
- c) Sở Y-Tế di-cư
- d) Sở Kiểm-Tra.

4) Nha Định-Cur gồm :

- Sở Kế-Hoạch
- Sở Tiếp-Liệu
- Sở Y-Tế Xã-Hội

5) Nha Tài-Chính Sự-Vụ gồm :

- Sở Kế-Toán Tổng-Quát
- Sở Tiếp-Trợ

Bên cạnh Phủ Tổng-Ủy Di-Cư có các cơ quan liên lạc về quân sự và tôn-giáo (phòng Liên-lạc Quân đội, Liên-lạc Công-giáo, Phật-giáo, Tin lành) cùng cơ-quan an ninh (phòng Công-an và Cảnh-sát) để cùng phối hợp công-tác.

Tại Bắc-phần, Trung-phần và Cao-Nguyên Phủ Tổng-Ủy gồm có Nha Đại-diện với sự giúp đỡ của các tòa đại-biểu Chính-phủ, các Ty, Sở địa phương để lo liệu việc di chuyển, tiếp đón, tiếp tế và định-cư đồng-bào tị nạn (tại Nam-phần, nơi đặt trụ sở của Trung-ương nên không có Nha Đại-diện).

Trong thời gian hơn một năm trời từ 27-8-54 đến 17-9-54 dưới sự điều khiển các ông Tổng-Ủy-Trưởng Ngô-Ngọc-Đôi đến Bác-sỹ Phạm-văn-Huyền cho tới ông Bùi-văn-Lương, tất cả các Nha, Sở Phủ Tổng-ủy Di-Cư nhất là các Nha Định-cư, Tiếp-cư và Sở Tuyên-Truyền đều cố gắng hoạt động, nhiều Sở phải làm việc không kể đêm ngày để lo tiếp đón chuyên chở tiếp-tế và định-cư cho một triệu đồng-bào tị nạn Cộng-sản (Xem các chương Tiếp-Cư, Cứu-Trợ, Định-Cư). Sau ngày 19-5-55, hạn di-cư chấm dứt, tuy đồng-bào miền Bắc vẫn tiếp tục di-cư vào Nam tìm tự-do song công việc tiếp đón không đến nỗi dồn dập, bấn rộn như trước nên hoạt-động của Phủ Tổng-Ủy Di-Cư Tị-Nạn bắt đầu hướng vào việc định-cư và kiện toàn định-cư.

Hòa nhịp với sự chuyển-hướng này, guồng máy của Phủ Tổng-Ủy cũng được theo 2 nguyên-tắc phân quyền chỉ huy và thi-hành, phân-quyền địa-phương. Hai mục-tiêu chính của việc cải tổ này là giảm bớt những cơ-quan đã hoàn thành nhiệm vụ và điều chỉnh lại một vài cơ quan cho hợp lý.

Do đó ngày 17-9-55 Nha Tiếp-Cư, Sở Tiếp-Cư cũng như Sở Chuyển-Vận và Sở Tiếp-Liệu đã được bãi bỏ.

Hai Nha, Sở trên tạm thời sát nhập vào Nha Định-Cư, hai Sở dưới sát nhập vào Nha Tài-Chính Sự-Vụ với một phạm vi hoạt động thu hẹp và một số nhân viên tối thiểu để tiếp tục công việc :

*Tiếp cư* : Tiếp tế cho đồng bào còn trạm trú tại các trạm chờ ngày định cư.

— Tiếp đón cho đồng bào lẻ tẻ vượt vĩ tuyến vào Nam hoặc Thái Lan hồi hương.

*Chuyển-vận* : Chuyển chở các đồ tiếp tế đến các trại di-chuyển đồng bào từ những trại định cư thiếu phương tiện sinh sống tới những trại mới có nhiều khả năng sinh hoạt hơn.

*Tiếp-liệu* : Mua sắm và phân phát thực phẩm cùng dụng cụ cho các trại định cư.

Ngoài ra, sau khi tiếp thu Hải-phòng ngày 18-5-1955, Nha Đại diện Phủ Tổng-Ủy tại Bắc-phần đương nhiên chấm dứt nhiệm kỳ.

Vì nhu cầu công vụ, ngày 17-10-55, Nha Kế-Hoạch và Nghiên-Cứu Kỹ-Thuật được thành lập với một số viên chức cao cấp về hành-chính và chuyên môn để phụ trách việc điều tra nghiên cứu tại chỗ các địa điểm định cư cũ và mới, soạn thảo các dự án định cư và kiện toàn định cư để giúp đỡ đồng-bào chóng tiến tới tự lực mưu sinh, hòa mình vào đời sống bình thường của dân địa-phương.

Theo đúng nguyên tắc phân quyền địa-phương, Phủ Tổng-Ủy đã tổ-chức lớp huấn luyện cán bộ cao đẳng (đại diện định cư cấp tỉnh, Ủy-viên trung tâm, Ủy-viên kế hoạch v.v...) vào đầu năm 1956 để thiết-lập các cơ-quan địa phương cần thiết, điều động một số lớn nhân viên có năng lực có kinh nghiệm của Phủ Tổng-Ủy sung vào các chức vụ mới về hoạt động tại các địa-phương.

Trong 30 tỉnh thuộc Nam-phần Trung-Nguyên và Cao-Nguyên Trung-phần có đồng-bào định cư, 23 tỉnh và 3 thị xã mà số đồng bào đông hơn hết đã có cơ quan đại diện với một số nhân viên phụ trách đầy đủ.

Cơ quan này gọi là Ty Đại-diện Định-cư tỉnh, có nhiệm vụ thay mặt Phủ Tổng-Ủy luôn luôn trực tiếp với đồng bào các trại, soạn thảo các dự án kế hoạch đồng thời hướng dẫn, thúc đẩy và kiểm soát việc thi-hành các dự án cho đúng mức và đúng thời hạn do các ủy-ban định cư trại, Ủy-ban trung-tâm và Ủy-ban tỉnh phụ trách tùy theo trường hợp.

Ủy-ban định cư trại phụ trách thi hành dự án riêng của trại.

Ủy-ban trung-tâm, dự án chung cho nhiều trại thuộc trung tâm.

Ủy-ban tỉnh, dự-án chung cho nhiều trung-tâm trong tỉnh,

Ủy-ban trại gồm có : 3 Ủy-viên (Chủ-tịch, Thư-ký, Thủ-quy) do dân bầu theo lối bầu phiếu kín cho những trại dân số dưới 3.000 người.

5 Ủy-viên (Chủ-tịch, Phó Chủ-tịch, Thư-ký, Phó Thư-ký, Thủ-quy) cũng do dân bầu kín cho những trại dân số trên 3.000 người.

Ủy-ban trung-tâm gồm có :

1 Ủy-viên trung-tâm do Phủ Tổng-Ủy bổ nhiệm làm Chủ-tịch,

2 đại-diện đồng-bào định-cư do các ban định-cư trại đề cử làm Ủy-viên (những đại-diện này không được đồng thời kiêm nhiệm chức ủy-viên trong ủy-ban định-cư trại).

Ủy-ban định-cư tỉnh gồm có :

Ô.Ô. Tỉnh-Trưởng . . . . .	Chủ-tịch
— Đại-diện định-cư . . . . .	Tổng Thư-ký
— Trưởng-Ty Công-Chánh . . . . .	Hội-viên
— — — Công-Nông . . . . .	—
— — — Thù-Y . . . . .	—
— — — Thủy-Lâm . . . . .	—
— — — Y-Tế . . . . .	—

Với sự thiết lập những cơ-quan đại-diện tại các tỉnh, 2 Nha đại-diện Phủ Tổng-Ủy Di-Cư Tị-Nạn tại Trung-Nguyên và Cao-Nguyên Trung-phần đã chấm dứt nhiệm vụ.

Để phối hợp các công-tác thi-hành dự án tại các tỉnh, một Tổng-Phối-Trí-Viên và một Phó Tổng-Phối-Trí-Viên đã được thiết-lập bên cạnh ông Tổng-Ủy-Trưởng. Và để kiểm-soát các công việc thi hành dự án, 2 ông Thanh-Tra



*Ban Y-tế hết lòng trông nom sức-khỏe của đồng-bào.*





*Đồng-bào bán bớt các đồ-đạc không cần-thiết để rảnh tay vào Nam xây cuộc*

đã được cử ra Trung-phần, một ông phụ-trách khu vực từ vĩ-tuyến 17 tới Qui-Nhon và một ông từ Qui-Nhon vào tới giáp giới địa-phận Nam-phần.

o°o

Tóm lại, có thể nói, mặc dù phong-trào di-cư ào ạt đã đặt ra nhiều vấn-đề khó khăn cấp bách cần phải kịp thời giải-quyết, Phủ Tổng-Ủy Di-Cư Tì-Nạn đã theo sát thực-tế công-vụ, áp dụng những biện-pháp thích-ứng trong công việc tổ-chức nội-bộ cũng như trong chương-trình hoạt-động nên công cuộc tiếp-cư từ ngày mới khởi đầu phong-trào di-cư đến ngày hết hạn di-cư cũng như công cuộc định-cư và kiện toàn định-cư đã thu được kết quả rất khả quan (*Xem chương Định-Cư*).



đi mới.

### III. — ỦY-BAN HỖ TRỢ ĐỊNH-CƯ

Song song với sự thành lập Tổng-Ủy Phủ Di-Cư Tị-Nạn, một tổ chức cứu trợ khác được thành lập dưới quyền điều khiển của Đức Giám-Mục Phạm-Ngọc-Chi lấy tên là : « Ủy-ban Hỗ-trợ Định-cư », văn phòng Trung-ương đặt tại 1, đường Bùi-Chu Saigon.

Ngày 25-8-54, Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm, khi ấy còn là Thủ-Tướng cùng ông Ngô-Ngọc-Đối Tổng Ủy-Trưởng Di-cư Tị-Nạn đã yêu cầu Đức Cha Phạm-Ngọc-Chi tích cực giúp đỡ Phủ Tổng-Ủy chẳng những về tinh-thần mà cả về tổ chức vật chất nữa.

Nhưng Đức Cha Phạm-Ngọc-Chi không dám nhận lời ngay. Ngài còn đợi Hội đồng Bề trên các Địa-phận ngày 29 để hỏi ý kiến. Sau khi được hội nghị tán đồng, Ngài mới thành lập một Ủy-ban với tính cách xã-hội bác-ái để giúp đỡ Chính-quyền về việc tiếp đón đồng-bào từ Bắc-Việt vào, tổ chức các Trại định cư và phân phát viện trợ cho dân chúng. Ngày 1-9-54, Ủy-ban bắt đầu hoạt-động.

Tháng 10-54 Ủy-ban thấy thiếu phương tiện hoạt động, đã nghĩ đến sự kêu gọi thế giới Công-giáo giúp đỡ. Một bức thư vô cùng cảm động in năm thứ tiếng, có nhiều ảnh di-cư, đã bay đi khắp các Tòa Giám-mục và đến với các vị vọng Công-giáo. Một văn phòng 15 nhân viên đã hoạt động trong nửa tháng để đề địa chỉ, gán tem trên 3.000 ngàn bao thư. Riêng tiền tem đã tốn 6 vạn đồng, phải dùng mấy xe mới tải hết ra Bưu-chính. Có người e rồi sự giúp đỡ sẽ không đủ tiền tem. « Nhưng ít ra cũng có ích lợi về tuyên truyền ».

Kết quả, thế-giới Công-giáo xúc động mạnh mẽ và đáp lại bằng tất cả lòng bác ái xứng đáng là môn đệ Chúa Kitô. Các nước Công-giáo đã gửi quà, gửi tiền cứu-trợ. Số tiền thu được đã giúp một phần việc cắt trên

300 nhà thờ và nhiều trường học, lại còn dành một phần trợ cấp cho giáo viên các trường ấy cho tới ngày nay.

Hệ-thống tổ chức của Ủy-ban dựa theo hệ-thống tổ chức công giáo. Trong 10 địa phận ngoài Bắc di-cư vào Nam, dưới vĩ tuyến 17, có 10 vị Linh-Mục Đại-diện và trong mỗi trại định cư đều có 1 vị Linh-Mục phụ trách (cố nhiên đời sống của đồng bào trong trại luôn luôn được săn sóc đồng đều không phân biệt lương giáo). Các cán bộ của Ủy-ban luôn luôn hoạt động đi sát với đồng bào di cư và đặt nặng về tinh thần.

**Đối nội :** Ủy-ban chuyên lo :

1.— Hoạt động nâng cao đời sống tinh thần vào đạo đức của dân

chúng : Ủy-lạo đồng-bào mới đến, cắt thành đường, tổ chức việc tôn giáo, mở các trường học Công-giáo các trại và trợ cấp bằng tiền xin được tại các nước Công-giáo.

2.— Giúp đỡ Chính-phủ lập trại định-cư : Ủy-ban phái các linh-mục nhận mỗi vị một số người không phân biệt lương giáo dẫn đến nơi rừng rậm đồng lầy, để khai sơn phá thạch, đắp đường cất nhà, lập trại... lãn lộn chung sống với đồng-bào không từ gian khổ.

3.— Giúp đỡ Phủ Tổng-Ủy Di-cư trong việc giữ trật tự trong các trại cũng như trong việc cấp phát tiền, gạo, thuốc men, hướng dẫn tinh-thần đồng-bào.

*Đối ngoại* : Ủy-ban liên kết chặt chẽ với các Tổ-chức phúc thiện công giáo của các nước bạn gây một phong trào ủng hộ mạnh mẽ về tinh-thần và vật chất cho đồng-bào di-cư tại Việt-Nam.

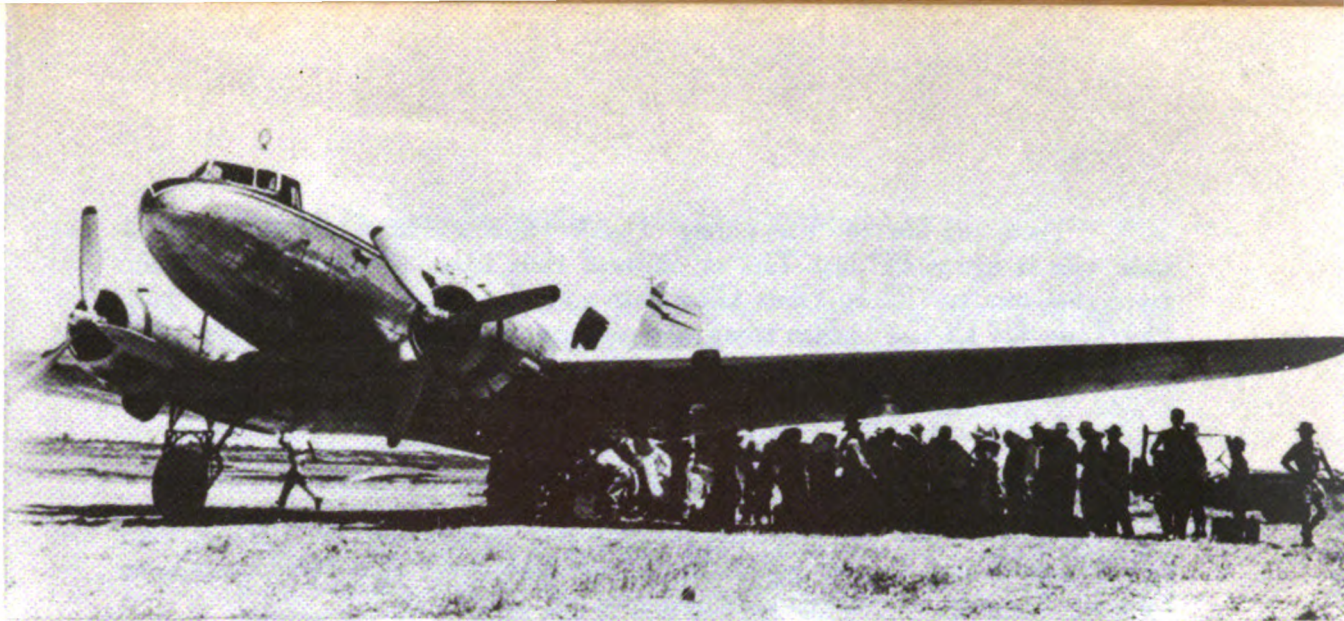
Đồng thời Ủy-ban còn là một tổ-chức bênh vực quyền lợi của những người đi tìm tự do, điều tra và tố cáo trước dư luận thế-giới những hành động vô nhân đạo của bọn Cộng-sản căm đoán dân tị nạn.

Ủy-ban thành lập từ tháng 8 năm 1954, sau trên 2 năm tích cực hoạt động, Ủy-ban đã gây được những cơ sở vững chãi cho hơn 300 trại định-cư. Ngày 10-4-1956 Đức Giám-Mục Phạm-Ngọc-Chi đã gửi một thư chung cho các linh-mục trong các trại định-cư xác nhận kết quả hoạt động của các vị và sự trưởng thành của các Trại định-cư, đồng thời Ngài ra chỉ thị cho Linh-mục chuyển giao hoạt động hành chính lại cho nhân dân để chuyên lo về việc giảng đạo. Dầu vậy sự kiện trên không có nghĩa là giải tán Ủy-ban Hỗ-trợ Định-cư, trái lại Ủy-ban Hỗ-trợ Định-cư vẫn còn tồn tại hoạt động, các Linh-mục vẫn là cán-bộ của Ủy-ban ngoài sứ mệnh thiêng liêng, vẫn chuyên lo việc bác ái, văn hóa, xã hội, và cố vấn cho các ủy-ban định-cư.

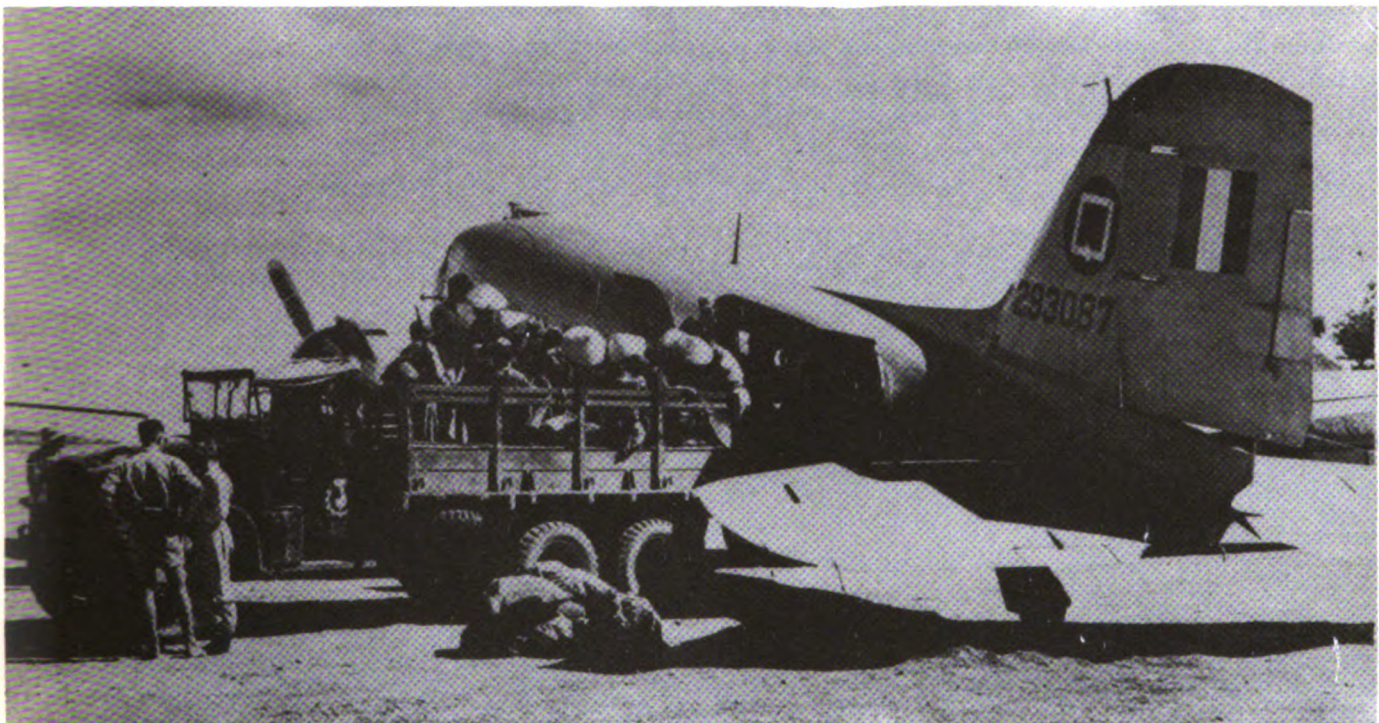


*đây là lần đầu tiên đáp máy bay*





*máy bay của binh-gia Pháp chở đồng-bào vào Saigon.*



Nhận thấy sứ mệnh của Ủy-ban đã hoàn thành, Đức Giám-Mục Chủ-tịch bằng thư luân lưu ngày 25 tháng 11 năm 1956 đã tuyên bố Ủy-ban Hỗ-trợ Định-cư chấm dứt hoạt động kể từ ngày 31-12-56.

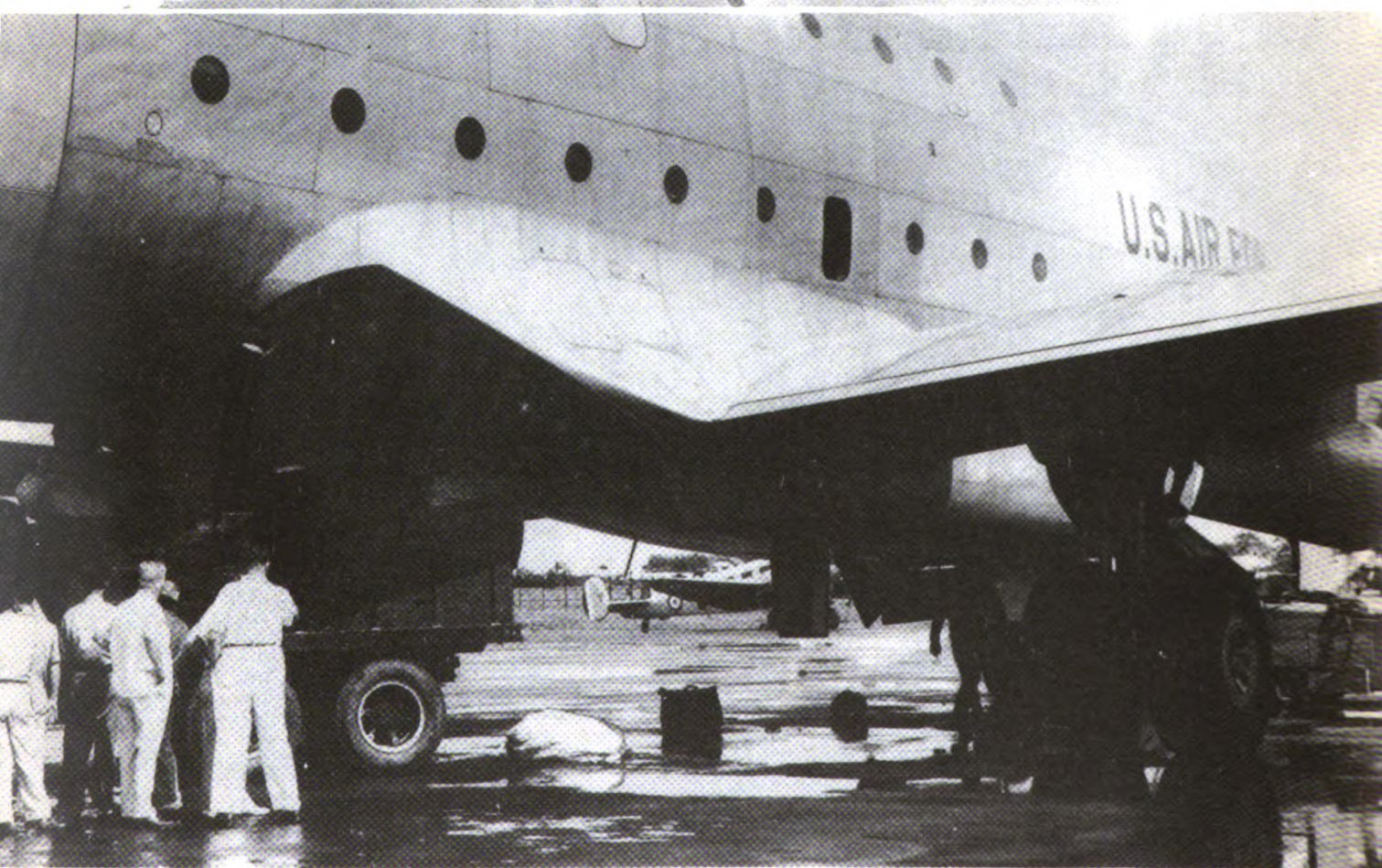
Ngoài Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tị-Nạn và Ủy-ban Hỗ-trợ Định-cư, trong công cuộc di định-cư cho non 1 triệu người tị-nạn ta còn phải kể đến cơ quan ngoại viện Mỹ, Pháp, Phòng Viện-trợ Công-giáo Mỹ do Đức ông Joseph J. Harnett điều khiển để giúp đỡ dân chúng miền Bắc Việt-Nam Tị-Nạn Công-Sân. Đức ông Joseph J. Harnett thật xứng đáng được ghi tên trong cuốn sổ vàng ân nhân của non một triệu dân Bắc-Việt di-cư.

Thêm nữa còn có Văn-phòng Thanh-Thương-Hội Quốc-tế mà đa số nhân viên là người Phi-luật-Tân, và nhiều tổ chức Quốc-tế như Rotary Club, Jaycee, hội cứu trợ Thiên-Chúa-Giáo Pháp v.v... đặt trụ sở tại Saigon để giúp Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tị-Nạn trong việc cứu trợ đồng bào di-cư, xúc tiến công cuộc định-cư.

#### IV. — TÓM TẮT CÔNG LAO CỦA CÁC VỊ CẦM ĐẦU BỘ MÁY PHỤ TRÁCH ĐỒNG BÀO DI-CƯ TỊ NẠN.

Nghĩ đến tính chất phức tạp của công cuộc di định-cư cho non một triệu người tị-nạn Cộng-sản, mọi người đều có thể hình dung ngay đến cái trách vụ nặng nề của người đảm nhiệm công cuộc mới mẻ, lớn lao ấy.

Trải hơn hai năm nay, từ tiếp-cư đến định-cư, công cuộc trọng đại này đã được Ngô Tổng-Thống ủy-nhiệm cho những vị có thiện chí có tài năng phụ-trách. Đầu tiên, Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chương khi ấy là Tổng-Trưởng Bộ Xã-Hội và Y-Tế, chịu trách nhiệm trước Tổng-Thống và Chánh-phủ về công việc tiếp đón và tìm nơi tạm trú cho đồng bào di-cư. Giữa khi Ngô Tổng-Thống mới về chấp chánh, tuy Người có cả một hậu thuẫn vững mạnh là lòng tin tưởng tuyệt đối của nhân dân, nhưng Nguyễn-văn-Hình còn nắm lực lượng quân sự và nhóm Bình-Xuyên, với bộ máy công-an trong tay, còn hoành hành ngay tại Đô-thành, vì vậy công việc tiếp đón đồng bào di-cư đã vấp phải rất nhiều trở ngại. Tuy nhiên, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt và cương quyết của Ngô Tổng-Thống và sự tận tâm của những người thừa hành, công việc tràn ngập lúc đầu đã được lần lần giải quyết kịp thời gây thêm lòng tin cho những đồng bào yêu chuộng tự



*Một chiếc phi-cơ của Mỹ-Quốc chở vật-dụng tiếp-tế cho đồng-bào di-cư*

do còn ở lại ngoài Bắc và đồng thời gây lợi thế cho sự tiến triển của công cuộc định-cư.

Đến đầu tháng 9-1954 phong trào di-cư càng ngày càng rầm rộ, hàng ngày làn sóng di-cư cuồn cuộn ủa vào Nam như thác đổ, đã đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết khiến Chính-Phủ cần giải quyết kịp thời. Vì vậy, Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tị-Nạn được thành lập để kế tiếp Bộ Xã-Hội và Y-Tế đặc biệt phụ trách vấn đề di-cư. Ông Ngô-Ngọc-Đôi được Ngô Tổng-Thống ủy nhiệm điều khiển cơ quan này. Lãnh trách nhiệm nặng nề này, ông Ngô-Ngọc-Đôi phải lo tổ chức các ngành hoạt động của Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư, trong khi hàng ngày có đến bốn, năm nghìn đồng bào di-cư vào đến Saigon. Và công việc gấp rút nhất là việc di chuyển đồng bào đến tạm trú tại miền quê để giao trả cho Bộ Quốc-gia Giáo-Dục và Bộ Y-Tế các trường học, nhà thương mà Bộ Xã-Hội và Y-Tế đã mượn làm nơi tạm trú cho đồng di-cư. Mới nghe qua công việc có vẻ giản-dị dễ dàng nhưng kỳ thực rất phiền phức khó khăn, đòi hỏi ở người có trách nhiệm nhiều cố gắng, nhiều kiên nhẫn. Giải quyết được những công việc trên. Ông Ngô-Ngọc-Đôi đã giúp Bác-Sỹ Phạm-Văn-Huyền, người kế tiếp ông trong chức-vụ Tổng-Uỷ-Trưởng Di-Cư nhiều điều kiện căn bản để công việc bớt phần khó khăn.

Trước tình trạng mỗi ngày đồng bào di-cư kéo vào Nam càng đông hơn, ngoài việc tiếp cư, Bác-Sỹ Phạm-Văn-Huyền phải lo giải quyết vấn đề đồng bào ứ đọng quá đông tại đô-thành. Trong hồi này, cơ quan tiếp trợ của Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư đã hoạt động ráo riết để lo cho đồng bào tại các trại định cư có phương tiện làm ăn. Và cũng từ đây, người ta nghe nói nhiều đến danh từ định-cư. Nhưng vì quá gấp rút và nhất là vì tại miền Hậu-giang, vùng đồng ruộng màu mỡ của Nam-Việt có thể tiếp nhận một số lớn đồng bào di cư thì tình hình an ninh lại chưa được hoàn toàn bảo đảm nên công việc chỉ mới đạt được mục tiêu giải quyết được vấn đề đồng bào ứ đọng quá đông tại đô thành mà chưa thực sự giải quyết được vấn đề định cư, một vấn đề vô cùng phức tạp, chưa từng có trong lịch sử nước nhà.

Công việc của Bác-Sỹ Phạm-Văn-Huyền, nhất là trong phạm vi cứu trợ đồng bào tị nạn đã để lại cho ông Bùi-Văn-Lương, người được Tổng-Thống ủy-nhiệm trọng trách Tổng-Uỷ-Trưởng Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tị-Nạn, nhiều kinh nghiệm quý báu.

Lãnh trọng trách mà Tổng-Thống đã ủy thác, ông Bùi-Văn-Lương lo kế tiếp các vị tiền nhiệm trong việc tiếp đón đồng bào di-cư và cố gắng ổn-định tình hình định-cư.

Với lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo sáng suốt của Ngô Tổng-Thống cũng như sự vững tin vào thắng lợi cuối cùng của Chính-nghĩa Quốc-gia và với tất cả sự tận tâm cùng tình thương yêu đồng bào, ông Bùi-Văn-Lương đã *đặt lại vấn-đề định-cư* giữa lúc tình hình chính trị nước nhà đang cân thăng vì sự phá hoại của các lực lượng tay sai của Thực-dân, Phong-kiến.

Hội-nghị đại-biểu định-cư các tỉnh miền Đông Nam-phần rời đại hội toàn quốc kỷ-niệm đệ nhất chu niên công cuộc di-cư được tổ chức tại Saigon để kiểm điểm những công việc đã làm, vạch một kế hoạch mới cho công cuộc định-cư. Sau hai kỳ đại hội này, chương trình kiện toàn định cư được bắt đầu thực hiện nhằm mục đích :



*Bác-sỹ Phạm-Hữu-Chương.*



*Ông Ngô-Ngọc-Đôi.*

- Khoa-học-hóa và hợp lý hóa việc định-cư.
- Gây tinh-thần tự lập trong đồng bào di-cư và giúp đồng bào tích cực thực hiện tự lực mưu sinh.

— Tăng cường ý chí thông cảm diệt Cộng trong đồng bào di-cư.

Và cuối cùng để địa phương hóa đồng bào di-cư. Trong chương-trình kiện toàn định cư, ông Tổng-Uỷ-Trưởng Di-Cư Bùi-Văn-Lương chú trọng đến vấn-đề gây cho đồng bào di-cư có tinh thần tự lập cùng ý-chí thông cảm diệt Cộng và vấn-đề giúp đỡ đồng bào đầy đủ phương tiện để gây cơ sở làm ăn vững vàng. Điểm đáng chú trọng nhất là Ông đã quan niệm đúng tầm quan trọng về sức đóng góp của đồng bào và Ông đã động viên được toàn thể đồng bào di-cư tham gia vào việc thực hiện chương-trình kiện toàn định-cư. Nhờ vậy chương-trình này đã được tiến hành nhanh chóng và mỹ mãn.

Tình hình định-cư hiện tại với những kết quả rõ rệt đã chứng tỏ sự thành công của chương-trình này.

Hiện nay trong giai đoạn cuối cùng của công cuộc định-cư vĩ đại này, hơn 50 trại định-cư đã được thiết lập thành làng sinh hoạt dưới sự che chở của Chính quyền địa phương, các trại khác đang cố gắng thi đua thực hiện dự án kiện toàn



*Bác-sỹ Phạm-Văn-Huyền.*



*Ông Bùi-Văn-Lương*

định-cư để « lên đường » địa phương hóa đặng hoàn thành công cuộc định-cư theo chương-trình đã định.

Không bao lâu nữa, thi hành xong dự-án kiện toàn định-cư các trại, công cuộc di, định-cư vĩ đại này sẽ được hoàn tất, nền hành chính địa-phương

sẽ tiếp nhận thêm những làng mới do Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư trao lại. Sức sống vừa được phục hồi của non một triệu người di-cư với khả năng sinh hoạt rồi rào sẽ làm cho mức sinh-hoạt chung về mọi mặt của nước Việt-Nam Tự-do thêm phong phú.

Nhìn lại công việc di định-cư từ hồi khởi đầu phong trào di-cư, khi cơ quan phụ-trách đồng-bào tị-nạn còn là sở « Thân-trợ đồng-bào di-cư » thuộc Bộ Xã-hội Y-tế cho đến khi Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư được thành lập, mở rộng phạm vi hoạt động vì nhu cầu công-vụ rồi hiện nay, công cuộc định-cư đã bước sang giai đoạn cuối cùng, giai đoạn kiện toàn định-cư. Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tị-Nạn đang thu hẹp dần để chờ ngày kết-thúc cộng-tác, các giới nhân dân nhất là đồng bào di-cư đều thầm cảm công ơn của những vị đã chịu trách nhiệm trước Ngô Tổng-Thống và Chính-phủ trong công cuộc di định-cư vĩ đại này. Công lao của các vị ấy sẽ được Tổ-quốc ghi ơn.



*Đồng-bào Kê-Sắt bỏ lại hết nhưng quyết đem theo những chuông này, tượng-trung tinh-thần mến Đạo của họ.*

# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG IV.

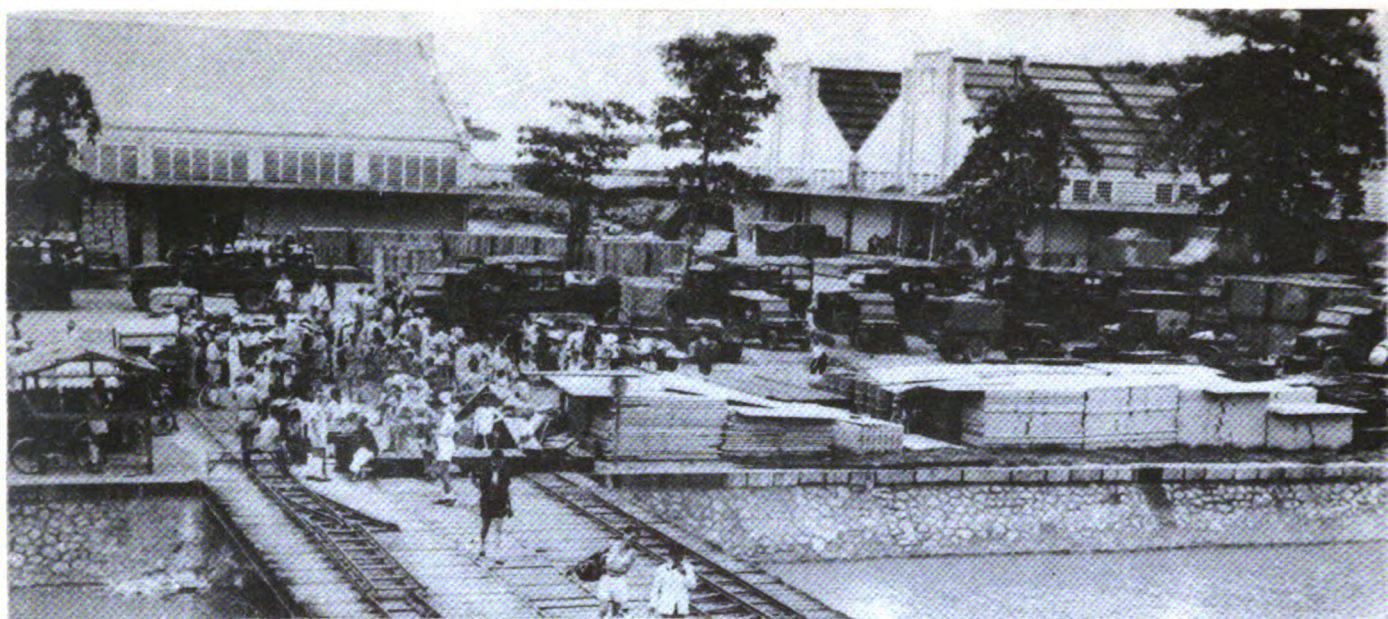
### PHONG TRÀO di cư

#### I. — PHONG TRÀO DI CƯ



**HÔNG** nói đến sự phân bội của Việt-Cộng trong việc âm mưu chia cắt đất nước để hòng bán đứng miền Nam cho Pháp Thực-dân và dân miền Bắc cho Tàu Cộng, hay chính sách độc tài đảng trị của chúng những sự bóc lột đến xương tủy nhân dân của chúng cũng đã làm cho hết thảy mọi tầng lớp nhân dân chán ghét, căm thù chúng. Về vật chất, chúng đã bóc lột đồng bào không trừ một ai. Tầng lớp lao động vô sản cũng không thoát khỏi bàn tay áp bức của chúng khiến nhân dân làm lưng vất vả mà vẫn ăn đói, mặc rách.

Về tinh-thần, bọn Việt-Cộng lại uy-hiếp đồng-bào vô cùng khe khát. Chúng đã phá những giá trị luân lý và văn hóa cổ truyền. Chúng xâm phạm tự do tín-ngưỡng, tự do tư tưởng. Chúng lật đổ nền tảng gia đình, cướp trẻ em thơ ngây ở tay cha mẹ. Chúng bắt mọi người phải



*Đồng bào được chuyển vận tới*

*... bến Sáu kho Hải-phòng đáp tàu vào thẳng Saigon hoặc Đà Nẵng*



*... bến Thượng-Lý đáp chiến-hạm nhò ra Vịnh Hạ-Long.*

tung niệm chủ nghĩa duy vật Mác-Xít và tôn thờ những lãnh tụ Nga-Sô, Trung Cộng. Chúng chà đạp lên những quyền thiêng liêng nhất của con người. Chúng không để cho ai một chút tự do. Mọi người đều bị lôi cuốn và đè nghiến trong một bộ máy Chính-quyền tàn nhẫn phi nhân. Bởi vậy, mặc dù bọn Việt-Cộng che đậy, bưng bít không cho dân chúng biết đến quyền tự do lựa chọn vùng sinh sống qui định trong điều khoản 14D của Hiệp-định Genève, mặc dù bị ngăn cản đe dọa, đàn áp và thực tình chỉ mới phong phanh nghe tin Ngô Chí-Sĩ về nước chứ chưa biết gì về tình hình sinh sống trong vùng Quốc-gia, đồng-bào Bắc-Việt và mấy tỉnh phía Bắc Trung-Việt vẫn cương quyết hy-sinh cả cơ nghiệp tài sản, lia bỏ quê hương, mồ mã tổ tiên di-cư vào Nam tìm tự do.

Thực ra, như chương trên đã nói, không phải đợi đến hiệp-định Genève mới có phong trào di-cư tị-nạn Cộng-sản, mà phong trào này đã chớm nở ngay từ năm 1952 khi bộ mặt thật của Việt-Cộng được lộ ra trong những cuộc đấu tố mà tính chất dã man, tàn bạo đã vượt quá xa sức tưởng tượng của loài người.



Từ năm 1952, những người chân chính quốc-gia lần lượt thoát ly vùng Việt-Cộng tìm đường trốn về Hà-Nội gây thành một phong trào tị-nạn Cộng-Sản mà bọn Việt-Cộng gọi là « Phong trào nhập thành » tuy âm ỉ nhưng cũng lan tràn mau chóng trong khắp các thôn xã vùng Việt-Cộng. Sang khoảng giữa tháng 5 năm 1954, khi tại hội nghị Genève, vấn đề Việt-Nam đang được thảo luận gay go và sôi nổi nhất, khi việc di-cư chưa được Chính-phủ Quốc-gia Việt-Nam đặt thành vấn đề, dân chúng Bắc-Việt nhất là thành phần trí-thức, thương-gia, những người ít nhiều đã sống với Việt-Cộng, đã từng chứng kiến những thủ đoạn dã man tàn bạo của bọn vong bản, tay sai Đệ-tam Quốc-Tể, không ai bảo ai lặng lẽ thu xếp vào Nam bằng những phương tiện riêng. (Ta cũng nên nhớ là đạo ấy, ở Bắc-Việt, chỉ những người ngoài tuổi động viên mới được cấp giấy thông hành vào Nam, tuy nhiên các hãng máy bay, tàu thủy lúc nào cũng đông nghịt người tới mua vé vào Nam).

Rồi cùng với những cuộc triệt thoái của quân đội Liên-hiệp-Pháp khỏi các tỉnh miền Nam Trung-Châu Bắc-Việt, nhân dân các tỉnh Bùi-Chu, Ninh-Bình, Nam-Định, Phú-Lý vội vàng chạy về Hà-Nội. Tiếp đó nhân dân các tỉnh chung quanh Hà-Nội như Hà-Đông, Hà-Nam, Hưng-Yên, Bắc-Ninh, Vĩnh-Phúc-Yên cũng hốt hoảng kéo về Hà-Nội. Những lớp sóng người dồn dập kéo về Hà-Nội giữa khi dân chúng Đô-thành hoang mang lo lắng đã thức tỉnh những kẻ hoài nghi do dự và chằm ngời cho phong trào di-cư bùng nổ 3 ngày trước khi hiệp định Genève được ký kết. Chuyển tàu đầu tiên chở dân chúng Phát-Diệm di-cư vào Nam rời cửa biển Bắc-Việt vào ngày 17-7-1954 và cập bến Saigon vào ngày 21-7-1954.

Đến sau ngày hiệp-định Genève ra đời, nhờ các vị Linh-mục cho biết về quyền tự-do lựa chọn vùng sinh sống qui-định trong điều khoản 14D của hiệp định Genève, những người còn mắc kẹt lại các tỉnh Ninh-Bình Nam-Định, Bùi-

Chu, Phú-Lý, Hà-Đông, Hà-Nam, Hưng-Yên, Bắc-Ninh, Vĩnh-phúc-Yên, lũ lượt trốn về Hà-Nội. Rồi nhân dân Thanh-Nghệ-Tĩnh (thuộc khu 4 của Việt-Cộng) vốn thuộc quyền kiểm-soát của Việt-Cộng từ 1945 đến nay cũng lũ lượt tìm đường về Hà-Nội hoặc vượt biển ra Hải-Phòng.

Phong trào di-cư lan tràn suốt từ trung châu lên đến vùng thượng-du Bắc-Việt. Đồng bào các tỉnh miền Thượng như Cao Bằng, Lạng-Son, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang (vốn là những nơi sào huyệt của Việt-Cộng) cũng cùng với đồng bào Thượng ở Hòa-Bình bỏ lại tất cả rừng núi quen thuộc lần mò về Hà-Nội để vào Nam. Phong trào di-cư lan tràn từ thành thị đến thôn quê khắp đến cả những chốn thâm sơn cùng cốc và kéo dài liên tiếp rầm rộ hết ngày này sang tháng khác, suốt trong thời gian gần 1 năm trời. Vì vậy suốt trong thời gian chuẩn bị để rút lui, Hà-Nội cũng như Hải-Phòng luôn luôn tràn ngập đồng bào di-cư.

*Sân-nghiệp vòn vện còn đôi tay nải  
nhưng lòng tràn ngập niềm Tin.*



*Trật-tự xuống tàu với hành-lý nhẹ*

Tuy trung bình hàng ngày, cầu hàng không Hà-Nội — Saigon và đường hàng-hải Hải-Phòng — Saigon chở hàng 4, 5 ngàn người vào Nam nhưng so với lớp sóng người ào ạt kéo về Hà-Nội, Hải-Phòng con số ấy không thấm vào đâu cho nên, không những tất cả trường học, công quản, công viên, sân vận-động của 2 thành phố trên đều phải dùng làm nơi tạm trú cho đồng bào mà còn phải dựng thêm nhiều trạm tạm trú tại những khu đất chung quanh Hải-Phòng để thu nạp đồng bào di-cư tạm trú chờ ngày vào Nam.

Tính tới tháng 5-55, khi hết hạn 300 ngày di-cư, số đồng bào may mắn thoát ly vùng Cộng-Sản vào được đến bến Tự-do là 779.265 người gồm đủ cả đồng bào Kinh, Thượng, đủ các giới trí-thức, thương-gia, nông-dân, thợ thuyền, thuộc đủ các tôn giáo. Có điều đáng chú ý là chủ nghĩa Cộng-Sản luôn rêu rao là triệt để nâng cao mức sống của anh em lao-động mà tính ra đến 95% tổng số đồng bào di-cư đều thuộc thành phần vô sản. Một đặc điểm nữa của phong trào di-cư là cả các Án-Kiều cũng không thể trông mong vào sự giúp đỡ của Ủy-hội Quốc-tế Kiểm-soát Đình chiến ở Đông-Dương - mà đại-biểu Án làm chủ-tịch, các Hoa-Kiều cũng hết hi vọng vào sự che chở của « Mao Chủ-tịch » và các Pháp Kiều cũng vỡ mộng trước sự thất bại của Phái-đoàn Sainteny, hầu hết các ngoại kiều lục tục thoát ly vùng Việt-Cộng vào Nam làm ăn hoặc trở về Xứ Sở.

Ngày 19-5-1955 chấm dứt thời hạn 300 ngày di-cư, nhưng lòng căm thù chính sách dã man, tàn bạo của bọn Cộng-Sản độc tài và ý-chí yêu chuộng Tự-do, Dân-chủ thực sự vẫn thúc đẩy đồng-bào Bắc-Việt và mấy tỉnh phía Bắc Trung-Việt tiếp tục thoát ly vùng Việt-Cộng vào Nam sinh sống dưới sự che chở của Ngô Tổng-Thống. Quang cảnh hoang tàn của các làng Lưu-Mỹ (Nghệ-An) Ba Làng (Thanh-Hóa) v.v... sau những cuộc tàn sát trắng trợn của bộ đội Việt-Cộng xả súng bắn tràn vào làng để đàn áp không cho đồng bào di-cư cho đến những câu chuyện về đồng bào đứng đón tàu bị thủy triều dâng lên cuộn đi



*Đồng-bào sắp lên chiến-hạm Pháp để được  
chuyển-vận ra Vinh Hạ-Long*

không ít ở Trà-Lý vẫn không làm họ nhụt chí, phong trào di-cư vẫn lặng lẽ tiếp diễn. Nhiều làng, dân chúng cả nam phụ lão ấu kéo nhau đi hết.

Và trong thời gian 2 tháng gia hạn di-cư, có thêm 3 vạn đồng bào vào được miền Tự-do.

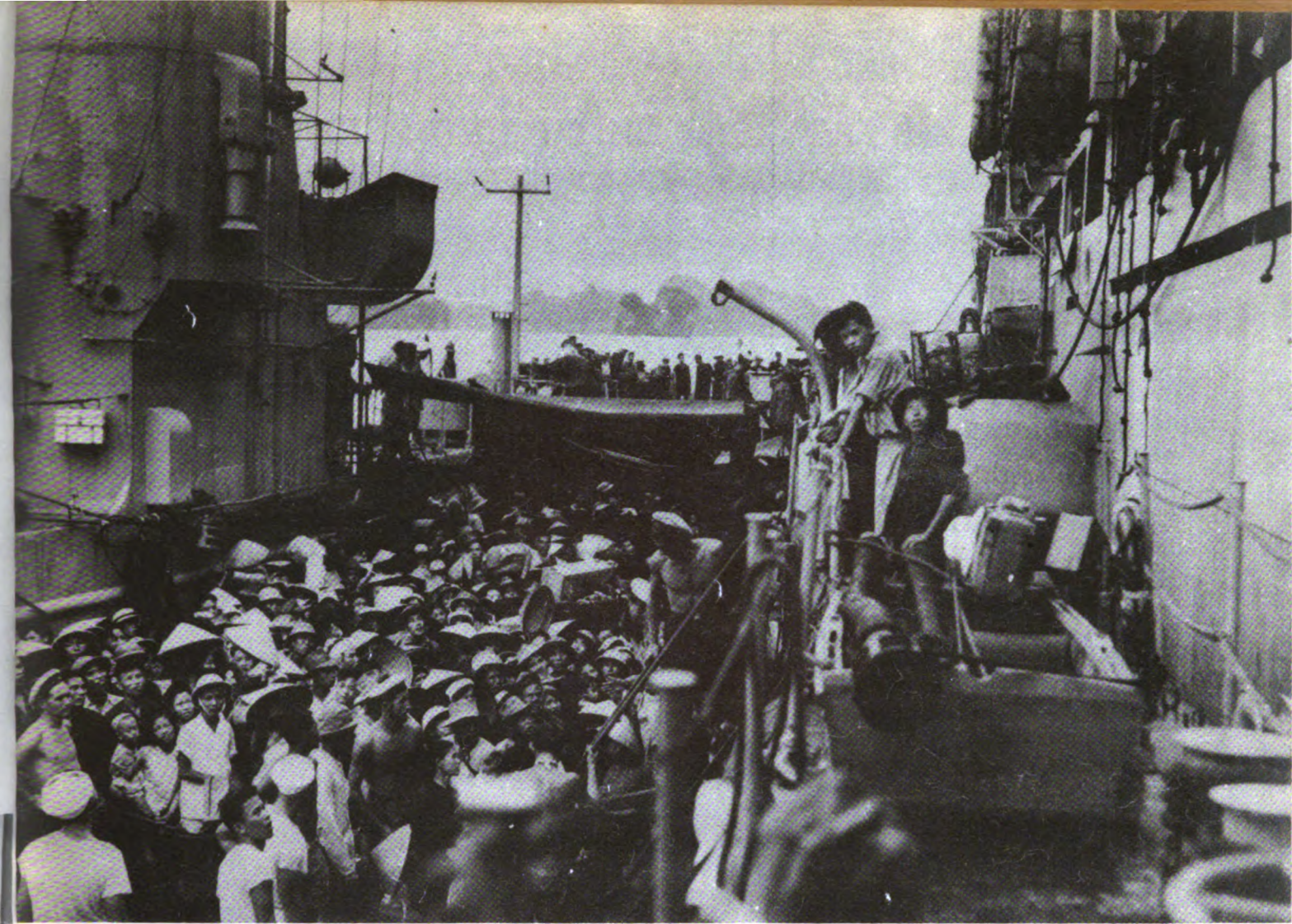
Cho đến sau ngày cánh cửa sắt khép chặt cửa biển Hải-Phòng, đồng-bào miền Bắc vẫn cương quyết mạo hiểm tìm mọi cách để thoát ly vùng Cộng-Sản di cư vào Nam phụng sự chính nghĩa Quốc-gia dưới sự lãnh đạo anh minh của Ngô Tổng-Thống chờ ngày trở về giải phóng Quê-hương.

Từ bấy đến nay, số người vượt qua Bến-Hải, hoặc xuyên rừng, trèo đèo vượt suối qua Lào để sang miền Nam Trung-Việt, hoặc chèo thuyền lênh đênh trên biển cả để cố tìm vào vùng Tự-do lên tới 76 ngàn người.

Tính đến tháng 9-56, tổng số đồng bào di-cư là 887.917 người. Ngoài số người may mắn trên, đa số những người mắc kẹt sau bức màn sắt đều căm thù chế-độ Cộng-Sản, lúc nào cũng khao khát đời sống dân chủ no ấm trong vùng Tự-do. Không kể hàng vạn người vì có ý muốn vào Nam hoặc vì bị tình nghi xúi dục bà con anh em di-cư đang bị cùm kẹp, chết dần trong lao tù Việt-Cộng, số người dám mạo hiểm nộp đơn nhờ Ủy-hội Quốc-Tử Kiểm soát Đình chiến can thiệp để được di-cư vào Nam lên tới 10 vạn người.



*Quang-cảnh đồng-bào di-cư trên chiến-hạm Pháp.*



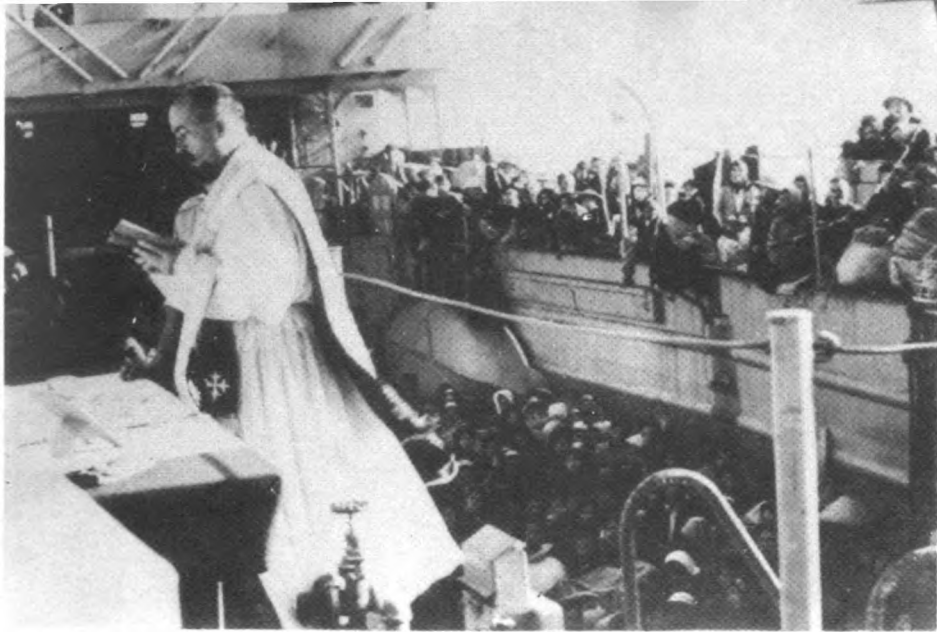
*Tới Vịnh Hạ-Long, đồng-bào di-cư sắp sang chiến hạm Hoa-kỳ.*

Trở lên trên ta thấy thực ra phong-trào di-cư khởi đầu từ trước ngày ký kết hiệp-định Genève để rồi từng ngày, từng tuần càng phát-triển mạnh mẽ cho đến sau ngày 20-7-1954 thì lan tràn mãnh liệt trong dân chúng và gây thành một phong-trào rộng lớn, ào-ạt.

Cố nhiên, trước kết quả bất ngờ này, ngụy quyền Việt-Cộng liền huy-động cán-bộ dùng mọi biện-pháp cần thiết mở chiến-dịch phá di-cư để chặn bắt những người di-cư và khủng bố những người có tư-tưởng muốn thoát ly « thiên-đàng » của chúng. Chúng dốc toàn lực cán-bộ chính-trị và dân quân địa-phương vào chiến-dịch này. Với thủ-đoạn bịp bợm tập truyền, chúng cố khuếch trương chiến-quả Điện-Biên-Phủ và những « thắng lợi » tại hội-nghị Genève cùng xuyên-tạc những sự thật hiển nhiên về đời sống tự-do và no ấm của dân chúng trong vùng Quốc-Gia để làm hoang mang những người có ý-định thoát-ly. Chúng bố-trí dân quân phối hợp với công-an canh-gác chặt chẽ tất cả những nẻo đường đi về Hà-Nội cùng những làng miền duyên-hải để ngăn cản không cho dân chúng di-cư.

Nhưng những luận điệu tuyên truyền của chúng cũng như hàng rào canh gác của chúng dù xảo trá, chặt chẽ đến đâu cũng không rập tắt được ý chí yêu chuộng tự-do dân chủ và lòng căm thù chế-độ dã man độc-tài của chúng trong nhân dân nên làn sóng người vẫn cuồn cuộn kéo về Hà-Nội, Hải-Phòng để chờ tầu vào Nam.

Thất bại trong công cuộc tuyên-truyền, chúng bèn dùng chính sách thẳng tay đàn áp, khủng-bố những người di-cư. Chúng cho quân-đội chính qui xả súng



*Đồng-bào đang dự lễ cầu-nguyện trên một chiến-hạm đưa vào Nam.*

bắn vào đồng-bào Ba-Làng (Thanh - Hóa) Lưu-Mỹ, Mậu-Lâm (Nghệ - An) để giải tán những người định di-cư khiến hàng trăm người chết và bị thương. Những người sống sót, một phần bị cầm tù tại những trại giam miền Thượng-du. Còn lại người nào, sau khi bị giải tán về nhà đều phải quản-chế, luôn luôn bị dò xét, bao vây chặt chẽ.

Tuy vậy, thực tế đau thương đang xảy ra hàng ngày vẫn thúc đẩy dân chúng phải cương quyết tìm lối thoát để tự cứu nên phong trào di-cư vẫn dâng lên ào ạt : Với lòng căm thù Cộng-Sản đến cực độ, với lòng tin tưởng tuyệt đối vào chính-nghĩa Quốc-gia mà tượng trưng là nhà Chí-sĩ Ngô-Đình-Diệm, họ cương quyết ra đi với ý nguyện sớm trở về giải phóng Quê-hương. Họ hăng hái ra đi, mặc dù trên đường tìm tự-do nhiều người đã bỏ mạng vì lưới lê Cộng-Sản hoặc vì bị lạc đường rồi chết đói trong rừng rậm, thậm chí thương hơn nữa có nhiều người đã gửi xác trong bụng cá (vụ Trà-Lý).

Vì chiến dịch phá di-cư của Việt - Cộng mà tinh thần tranh đấu để thoát ách Cộng-Sản của đồng-bào càng thêm quyết liệt và chính những thủ đoạn ấy đã nung nấu lòng hy sinh và tình đoàn kết cho dân chúng trong phong trào di-cư tìm tự do.

Dưới đây là tấm gương hi sinh của một em bé 12 tuổi liêu thân ở lại để cho toàn thể dân làng thoát ly được ách Việt - Cộng: Dân làng Cửa Lò thuộc tỉnh Nghệ-An (Trung-Việt) chuyên sinh sống bằng nghề làm ruộng và chài lưới, vốn no ấm nhờ ở đồng ruộng phì nhiêu và hải sản vô tận của biển rộng. Nhưng dưới sự thống trị của Việt-Cộng, dân làng bị sa vào cảnh đói rét. Đã thế, bọn cán bộ Việt-Cộng còn khủng bố bề mặt tinh thần làm cho dân chúng lo âu sợ sệt. Vì vậy, cũng như nhiều làng khác, dân Cửa Lò vẫn nung nấu mộng thoát ly khỏi hỏa ngục đỏ. Nhưng Việt-Cộng bao vây, canh gác chặt chẽ. Dù vậy, dân làng vẫn ngấm ngấm liên lạc với nhau để làm mưu thoát ly. Mưu kế bàn xong mọi người lên lút chở lương thực xuống thuyền. Ngày xuất phát được định vào một đêm không trăng. Nhưng làm thế nào để cho cả dân làng tránh được sự canh gác của Việt-Cộng mà xuống tới thuyền. Đây mới là điều khó khăn và cũng là điều quan trọng nhất. Tất cả mọi người trong làng đang lúng túng trước vấn đề này thì em Mai-vân-Thịnh tình nguyện ở lại lập kế đánh lừa bọn quân-đội Việt-Cộng.

Đúng ngày giờ đã định, 1.156 người dân làng Cửa Lò hồi hộp trong đêm tối chờ đợi hiệu lệnh của em Thịnh. Bỗng lửa bốc cháy khắp nơi cuối làng, phía ngược chiều với chỗ đoàn người sửa soạn ra đi. Tiếng em Thịnh kêu la cứu hỏa vang lên làm cho bọn quân-đội Việt-Cộng xúm lại chữa cháy. Thừa lúc ấy tất cả



*Tới Vịnh Hạ-Long, đồng-bào từ chiến  
hạm Pháp sang chiến-hạm Hoa-Kỳ.  
Đồng-thời hành-lý nặng được cũng trực lên.*

nam, phụ, lão, ấu làng Cửa Lò lặng lẽ xuống thuyền vội vàng ra khơi, bọn Việt-Cộng không hay biết gì hết.

Đói ăn, khát uống, đoàn người vẫn cố gắng bơi chèo suốt trong 5 ngày đêm thì tới được Hải - Phòng. Cả làng đã thoát được ách Cộng-Sản nhưng còn em Thịnh ở lại, số phận sẽ ra sao, thực không ai còn đủ can đảm để nghĩ tới.

Và sau đây là một câu chuyện di-cư rất hào hứng của đồng bào Thanh-Hóa (thuộc liên khu IV của Việt-Cộng) kể lại :

— Sau mấy năm trời chịu đựng gian khổ vì chế độ độc tài của Cộng Sản, nhiều khi chúng tôi chỉ muốn tìm cách thoát ly họ, nhưng chao ôi ! nói thì dễ mà làm thì có phải đầu dê và chúng tôi chỉ đợi có dịp là lên đường thẳng tiến.

Dịp may đã đến ! Sau khi hội-nghị Genève ra đời , Chính-quyền và quân-đội « Vem » còn mãi mê ăn mừng hòa - bình và sửa soạn vào Thủ-đô Hà-Nội chúng tôi bèn ngấm ngấm tìm cách thoát ly.

Kế-hoạch bàn định xong, vào một đêm không trăng, chúng tôi cho đàn bà trẻ con xuống bè mảng trước, còn đàn ông chúng tôi ở lại điều khiển đốt làng.

« Đốt cho sạch » ấy là khẩu hiệu chung của chúng tôi.

Mỗi gia-trưởng và trai tráng trong mỗi gia-đình đều có nhiệm-vụ phải thanh-toán bằng lửa túp nhà của mình, nên ai nấy đều hăm hở, mặc dù là đốt mồ hôi nước mắt của chính mình.



*Đồng bào Thượng Bắc-Phần, ghé thăm Việt-Cộng, cũng di-cư vào Nam.*



Nếu hành động này mà xảy ra một nơi nào trên thế-giới, cũng đều bị kết án là vô nhân đạo nhưng riêng chúng tôi cho sự đốt làng trốn Việt-Cộng của chúng tôi là chính đáng, là sự « phải làm » và vì thế chúng tôi định ninh rằng : « Đó là những hành vi chính đáng của người muốn sống ra con người ».

Thế rồi : hiệu lệnh phát ra, trăm bó đuốc châm lên, trăm ngôi nhà đổ rục.

Đây mới thực là lửa căm hờn bùng cháy, chứ không phải lửa đỏ cuồng tín của bọn đồ đệ điện Cẩm-Linh.

Lửa đỏ đầy làng, đốt cháy bao cơ nghiệp của dân làng, mà dân làng đều vui mừng hơn hờ kể cũng đau đớn thật.

Trong lúc đó thì có vài chục dân quân vọt đến xông vào chữa lửa ; chúng tôi thuận tay lấy bái chèo, lấy chai đựng nước đập vào đầu vào mình họ không chút tiếc tay, bọn dân quân Việt-Minh gục xuống bên đám lửa, cũng như túp nhà cháy rụi tàn xuống đồng lửa. Xong công việc chúng tôi rút lui ra chỗ thuyền bè đậu cách xa bờ độ 100 thước, và hối hả chống chèo hướng ra bể khơi.

Ánh lửa trên bờ, lúc to lúc nhỏ, rít lên vù vù với tiếng tre nứa nổ lộp bộp, văng những mảnh than hồng lên trời như để chào mừng chúng tôi thoát ách Cộng-Sản.

Ánh lửa chiếu trên mặt chúng tôi đỏ ối đầy căm hờn nhưng không thiếu vẻ hân-hoan.

Những cánh tay rắn chắc của trai tráng, hăng hái đẩy thuyền bè ra khơi cùng với cánh tay đàn bà trẻ em khỏe xuống nước bập-bõm, họ cũng cố sức cùng trai tráng làm cho thuyền, bè ra bể mau hơn, chúng tôi say sưa chèo mãi cho đến khi ánh lửa trên bờ tàn, và dần dần tắt hẳn mới trở lại thực tại và thấy mình lênh đênh giữa biển cả. Chúng tôi luôn luôn cầu nguyện sớm gặp sự may mắn.

Đi là cái hy vọng độc nhất của chúng tôi. Mãi cho đến lúc rạng đông, mặt biển sóng xao, gió lộng, ánh thái dương ló dạng chúng tôi mới quay lại phía sau, nhìn lên bờ, nơi mà chúng tôi đã đốt sạch nhưng không thấy đâu là bờ bến cả ?

Mãi đến lúc ấy mọi người mới sực nhớ rằng : Từ lúc khởi hành đến giờ ai nấy đều mãi mê thoát hiểm, nên chưa ăn uống gì.

Chúng tôi dừng chèo buông lái, lấy cơm nắm muối vừng ra ăn. Ăn xong, chúng tôi lại tiếp tục bơi chèo.

— Lênh đênh trên mặt bể cho đến lúc đứng bóng, thì đoàn chúng tôi trông thấy một chiếc tàu chiến ở ngoài xa.

Chúng tôi reo hò, dơ tay vẫy, có người có sáng kiến hơn, cột mảnh áo trắng lên trên cây xào làm cờ phát lia lia, để làm hiệu cho tàu chiến thấy chúng tôi.

Máy quá ! Chiếc tàu đương chạy thẳng, bèn từ từ quay lại và chiếu đèn lên năm sáu lần hướng về chúng tôi. Đã biết chắc là tàu sẽ đến cứu chúng tôi. Nhưng mọi người trên thuyền bè không ai bảo ai vẫn chèo như máy.

Một hồi sau chúng tôi tiến đến bên tàu chiến.

Các Sĩ-Quan và thủy-thủ hình như đã được lệnh tiếp đón chúng tôi, nên họ không hỏi han gì cả dòng thang giầy xuống đón chúng tôi.

Họ niềm nở, đỡ tất cả bọn chúng tôi lên tàu, và mọi người lúc ấy mới thật là hứ vía thoát hiểm.

Sau khi sĩ-quan tàu hỏi han qua loa về ý định của chúng tôi, thì tàu chiến liền quay mũi chạy về hướng Bắc. Và tàu cập bến Hải-Phòng lúc 2 giờ đêm.

Hai câu chuyện trên đây chỉ là một vài trong rất nhiều chuyện tranh-dấu để di-cư mà chúng tôi sẽ trình bày ở mục sau.

## II. — SỰ NGĂN CẢN DI-CƯ CỦA VIỆT-CỘNG

Bọn Việt-Cộng không từ một mưu mô xảo quyệt, một hành vi tàn ác nào để bắt mọi người phải ở lại cúi đầu phục-vụ cho sứa đồ độc-tài của chúng. Bằng màn lưới bao vây dày đặc và gai góc, chúng cố chặn bước ra đi của đồng-bào. Chính bè lũ Hồ-chí-Minh tự tay ký hiệp-định Genève và chính bọn chúng lại xây dựng kế-hoạch phản bội điều khoản 14<sup>D</sup> của bản văn tự nhục nhã ấy. Trung-ương đảng Lao-Động Việt-Nam (tức Đông-Dương Cộng-Sản trá hình) đã ra huấn lệnh sau này để phá phong trào di-cư.

« ... Theo chỉ thị của Trung-ương Đảng thì khâu chính công tác lúc này là tích cực đàn áp phá vỡ phong-trào nhân-dân di-cư vào Nam, mà Đảng ước lượng có thể tới năm triệu người đương đầu tranh đòi di-cư, mà theo nhận xét thì tại Liên Khu Bắc-Việt và các nơi công giáo là nhân-dân muốn đi nhiều hơn cả. Nếu để nhân-dân đi như thế thì lấy ai cấy cày ruộng nương cung cấp lương thực cho Đảng ta để tăng cường quân lực theo kế-hoạch đã định, lấy ai đi dân công kiến thiết các đường giao-thông cho chúng ta, để nối liền chúng ta với Trung-Hoa vĩ-đại, không những thế mà nếu để dân đi với con số khổng lồ ấy thì có ảnh hưởng lớn đến chính-trị, thế giới sẽ phê bình chế độ của chúng ta làm sao mà dân phải bỏ ra đi. Và do đó nhân-dân miền Nam sẽ nghi ngờ chính sách của Đảng ta. Vậy nên nếu không phá phong trào di-cư này thì kết quả sẽ vô cùng tai hại cho chúng ta. Trung-ương Đảng trình trọng giao phó nhiệm-vụ này cho Cán-Bộ phải nỗ lực phá cho được phong trào di-cư này, đoàn nào, đội nào, cá nhân nào đạt được nhiều thành tích trong công tác này sẽ được « Hồ Chủ-Tịch » đặc biệt khen thưởng và « Đảng » ghi công. »

Nội dung chỉ thị trên đã thể hiện cái nhược điểm nặng nề của Việt-Cộng là nỗi lo sợ trước làn sóng căm hờn của quần chúng đến mức độ bốc trào. Muốn



*Một chiến-hạm được dùng trong việc chuyển  
vận đồng-bào di-cư vào Nam*

cứu vãn ngay những thất bại sâu xa về sau, chúng phải áp dụng mọi biện pháp thâm độc, tinh vi để dập tắt ngọn lửa đấu tranh của quần chúng. Theo kế-hoạch đã định thì việc đầu tiên là Trung-ương đảng bộ Lao-Động huấn-luyện lũ tay sai biết dùng mọi sự lừa dối, đe dọa để làm nhụt nhuệ khí những kẻ muốn ra đi.

Bọn cán bộ Cộng-sản ăn mặc giả thường dân trà trộn, len lỏi vào các trại tập trung ở Hà-nội, Hải-Phòng tuyên truyền, vận động nhân-dân đòi về. Chúng đóng vai « thân nhân » đến kẻ lẽ nổi nhớ nhung, thương tiếc trong cảnh kẻ ở người đi ngơ hầu xúc động lòng yêu dấu quê hương. Thủ đoạn ấy không mang lại kết quả, chúng bèn giở giọng chia rẽ Bắc, Nam, gây một

*Trên tàu, các em nhỏ vui đùa với các thủy-thủ  
đưa các em cùng gia-đình vào Nam.*



稟告

章原英

河督署海寧者入呈因不受就盟共亭  
 之虛符及徵收重稅壓迫甘甘。現幸  
 得脫逃苦海自自由由家生存。惟因目下  
 我處友尚多留法。銀幕欲逃不得。因  
 受共黨部阻。本人因聞得共  
 幹部提提不得已帶險逃走。則當  
 遭死且其甘于下。意浩。 監定委員  
 會人白為人類正義謀吾幸福解  
 人民痛苦。服乞保護便我。咸友家  
 甘得自由脫離苦海。並欲搬運家產  
 則不勝幸甚。

謹呈

民 章原英 謹呈

海防最高司令部 呈

河內監定委員會 呈

九十四年十月十五日

*Bức thư bằng chữ Hán tố cáo sự vi-phạm  
 hiệp-định Genève của Việt-Cộng.*

ảo tưởng hải hùng cho kẻ bước chân ra đi là sẽ tới miền xa lạ cỏ quạnh ma thiêng nước độc. Miếng lưới xảo trá của chúng cũng không thể làm nao núng tinh thần đồng-bào di-cư.

Đối với những vùng vừa rời khỏi ảnh hưởng Chính quyền quốc-gia (như Sơn-Tây, Hà-Đông, Hà-Nam, Nam-Định, Ninh-Bình), kế-hoạch phá di-cư được thực hiện bằng mọi sự đe dọa, đàn áp. Chính tên Nguyễn-chí-Thanh, một Trung-ương ủy-viên đảng Lao-Động đã căn dặn bọn đàn em như sau : « Trung-ương đã có kế-hoạch, tỉ-mỉ, các tỉnh cũng đã có cán-bộ đi phá di-cư rồi, bây giờ các cán-bộ của khu xuống phải phối hợp với các tỉnh-ủy. Phải rất khéo léo ở những nơi có nhiều công-giáo, phải làm bằng được, không phải c dè kiêng nể hiệp-định Genève, điều đó Trung-ương đã có cách bào chữa. Nhiệm-vụ của Đảng giao cho các đồng chí là không để lọt một người nào di-cư vào Nam ».

Từng ấy chữ « phải » đã nêu ra biết bao nhiêu đảng lệnh gắt gao bắt bọn công-an, bộ-đội thi hành bằng được để thỏa mãn lòng vô nhân đạo của bè lũ Minh, Đổng, Chinh, Giáp.

Tại các vùng Bùi-Chu, Phát-Diệm và những địa phận công-giáo khác, bọn Việt - Cộng, dùng lối tấn - công hòa - bình. Cờ Nga - Sô, Trung - Cộng, ảnh các lãnh tụ đỏ, các khẩu hiệu ca ngợi Trung - sô vĩ - đại đều chưa được dùng đến. Sở dĩ chúng cần làm như vậy là để thực hiện đường lối công-giáo vận, che dấu bộ mặt vô thần, mượn chiêu bài tôn trọng tín ngưỡng môn tôn những kẻ nhẹ dạ dễ tin. Tuy vậy, trò hề du dỗ cũng vô hiệu vì nhân - dân các vùng đó đã hiểu rõ việc đấu tố rất dã man các cha ở Thanh-Hóa. Bọn cán-bộ Việt - Cộng bèn giờ lối bao vây.

Thái-phong ngày 25 tháng 1 năm 1955

Hình gửi Ông Chủ tịch ban  
Đặt tên Đám Chôn Đưa Mộ ông.

Chưa Ông

Lời từ Nguyễn Văn Đức 29 tuổi số căn số 1629<sup>47</sup> của họ  
Hanoi ngày 25-1-1950 qua từ lâu ở tại thành phố  
Thái-phong đến ông một an như sau.

Ngay gia đình thì và có những cuộc họp  
đón làng tại ở Thạch-Bách, Thanh-Du, 1.000 người ở ở  
Hành cảnh gần kinh kinh không cho đi, vì nhà Nam Việt  
tại chúng tôi đang nhận nhận được để nhận của, như là  
đơn nguyện chúng tôi quay trở lại, chúng tôi nói là  
tôi lấy cả xin của ông cho tôi làm đẹp. Ở đây ông  
mà xin, khi chúng tôi xin ở. Cùng là, họ thời rất  
nhưng là nay là khác biệt của chúng tôi, nói là  
ý cả, và nhất là ở địa phương và thành phố, và nói là  
bên này một người, đi là có một, đi là Thái-phong  
nên chúng tôi đi đi có, chúng tôi mỗi người một  
một lần để chúng tôi thời, mà đến là đi đi một  
chỉ nó, khi tôi thấy rằng chúng tôi nói, và còn rất  
nhưng chúng tôi có thể, chúng tôi không thể nói ra  
tiếng cho hết thời.

Đây mong Ông Chủ tịch ban

ban ban...  
Tôi xin...  
đặt hàng...  
năm...  
vào...  
năm...

Một trong trăm ngàn bức thư tố-cáo với Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-Soát  
đình-chiến hành-động dã-man của Việt-Cộng trong sự ngăn cản di-cư.

Chúng viên có vào thăm các xứ, chất vấn thái độ của các cha để  
dò xét, lập danh sách những thanh-niên và những người hăng hái đòi di-cư  
Ngày nhân-dân tập trung ở nhà thờ thì bọn cán-bộ tung ra một số tay sai kết  
thành vòng đai chằng bủa mọi phía. Chúng đón các đầu đường, đầu ngõ bắt  
gặp ai ra vào thì nhất định sẽ đi lại mời mọc trà nước ân cần, kể lẽ tình  
tiết, nhớ nhung xa cách. Đó là thủ đoạn tri hoãn khiến cho nhân-dân di-cư  
dùng dằng, chậm trễ không, kịp đúng giờ và trở nên lẻ tẻ. Mặt khác nguy  
quyền cấp xã của Việt-Cộng gọi những người sắc sảo ra trụ sở hỏi liên  
miền hết việc này đến việc khác.

Nhưng sự quyết tâm di-cư của nhân dân vẫn chọc thủng màn lưới bao vây ấy. Mọi người đến tập trung tại nhà xứ khá đông. Bọn cán-bộ bèn vào cưỡng bách vị linh mục ở đó phải ra khuyên đồng-bào ở lại, và kết quả chúng cũng bị thất bại vì nhân-dân cứ việc kéo cờ, biểu ngữ lên đường. Không sao được, chúng phải huy động một số quân-đội hóa trang làm thường dân xen vào hàng ngũ di-cư tìm cách gây chuyện đánh nhau với người khác. Làm như thế bọn công-an kiểm soát bắt nhiều đồng-bào ở lại xét hỏi. Tại các địa phận mà đoàn di-cư sẽ đi qua, chúng bố trí sẵn các đơn vị võ trang ra cản đường xét hỏi giấy tờ. Một số chủ gia-đình bị bắt ở lại vì bị vu oan còn mắc nhiều việc liên quan với địa phương, cần phải quay về thanh toán.

Theo kế-hoạch này, bọn Việt-Cộng « dùng dân cản trở dân » để tạo ra một lý luận bào chữa tội vi phạm Hiệp-định đình-chiến.

Sau bước đầu thực hiện, Đảng Lao-Động liền tập trung 3.000 cán-bộ lại học tập kinh nghiệm, bồi bổ cho mưu mô thâm độc của chúng càng thêm sâu sắc. Theo lệnh phân phối thì bí-thư tỉnh-ủy chịu trách nhiệm điều khiển đoàn phá di-cư tại tỉnh mình, mỗi đoàn chia làm nhiều đội cho mỗi huyện, mỗi huyện lại chia ra nhiều tổ. Thành phần trong đoàn phá di-cư gồm đủ loại : quân, đảng, chính nhưng đa số là bộ đội ; họ có nhiệm vụ trông coi hành chính trong các xã để đủ phương-tiện đàn áp đồng-bào. Muốn lưu động từ nơi này qua nơi khác, bọn cán-bộ ẩn hình dưới danh hiệu đội sản xuất hòng để bề hoạt động. Nhân số một xã chỉ vào khoảng hơn 3.000 người mà có đến 200 đảng viên Cộng-Sản luôn luôn có mặt trong xã để ngăn cản không cho đồng-bào di-cư. Chúng giả vờ dân vận, ban đêm ngủ lại nhà dân, ban ngày theo chân mọi người ra chợ, ra đồng mượn tiếng giúp đỡ, nhưng kỳ thực chúng bám chặt nhân-dân, theo dõi từng hành vi nhỏ nhặt. Để làm hậu thuẫn cho bọn cán-bộ hoạt-động, bộ-đội Việt - Cộng đóng rải rác ở các làng và án-ngũ tại các yết-hầu giao-thông. Mọi sự đi lại đều bị ngăn cản, hạn chế, người ngoài không được vào làng, người trong làng không được ra khỏi làng nếu thiếu giấy tờ hợp lệ (!). Chúng đặt ra hàng trăm hình thức khó khăn trong việc xin giấy tờ cho phép đi lại, không phải là đảng viên Cộng-sản không tài nào có thể xin được giấy tờ ấy. Đến khi đồng-bào bắt chấp cả thông hành, cứ việc ra đi thì công-an Việt - Cộng lại hóa trang làm kẻ chống dò không cho mọi người qua sông.

Ngoài những kế-hoạch khủng bố, đàn áp, Việt-Cộng còn tổ-chức các đội tuyên truyền lưu động chống việc di-cư. Chúng đào tạo mấy tên người Bắc vào Nam đã lâu năm mới trở ra đi phao tin bịa đặt, gây chia rẽ Bắc Nam. Chúng không từ một lời nói dối nào như đi tàu biển chết ngạt hàng ngàn trẻ con, đi tàu bay người rơi xuống nát xương. Chúng tung ra những truyền đơn có những hình vẽ rùng rợn, vu khống xuyên tạc sự thực nhắm mục đích gieo rắc sự hoài nghi trong lòng những người muốn di-cư. Luận điệu vu khống của chúng thật trắng trợn.

Có một tờ truyền đơn vẽ một nhóm thủy thủ Mỹ đang xúm quanh đồng lửa nướng thịt một em bé Việt-Nam, có tờ vẽ hình các sĩ-quan Mỹ đứng nơi thang tàu chọn những thiếu nữ Việt trẻ đẹp đem vào các khách sạn ở Saigon, có tờ lại vẽ một bác-sĩ Mỹ tiêm thuốc độc cho người ốm bị

chết. Buồn cười hơn hết là tờ truyền đơn to vẽ chiếc tàu đồ bộ kiểu L.S.T. chở đầy dân tỵ-nạn ra khơi và đang há hốc mũi tàu nhả họ xuống biển. Để che mắt Ủy-hội Quốc-tế kiểm-soát đình-chiến, Bộ Nội-Vụ ngụy quyền miền Bắc đã ban bố một thông-tư, làm ra vẻ tôn trọng khoản 14<sup>D</sup> của hiệp-định Genève. Nội dung bản thông-tư ấy đại khái như sau :

« Ai muốn ra ngoài địa phương mình ở đều phải có giấy thông-hành do Ty Công-an các tỉnh cấp. »

— Để cho đúng điều 14<sup>D</sup> của hiệp-định Genève, ai muốn di-cư cũng được cấp giấy thông hành và được giúp đỡ phương-tiền (!) *Nhưng trước khi đi phải thanh toán mọi công-nợ và phải là những người không có việc gì liên quan đến Tòa-An.*

Xét ra tiếng *nhưng* ở bản thông-tư này thật đúng là cái xiềng khóa chân nhân-dân. Bọn cán-bộ Việt-Cộng bầu vùi vào chữ *nhưng* ấy để xoay xỏa đỡ trăm trò khốn nạn tàn nhẫn để ngăn cản đồng-bào ra đi. Chúng xúi các đảng viên Cộng-Sản gây sự đánh nhau, kiện cáo, đòi nợ khống. Thế là Tòa-An ngụy quyền cứ việc giữ lại những kẻ muốn vào Nam. Đối với bất kỳ ai có thể gán cho tội vận động, rủ rê dân di-cư là chúng cứ việc bắt bớ, tống giam dưới hình thức những tội khác.

Tuy nhiên, những kế-hoạch nói trên của ngụy quyền Việt-Cộng dù có tinh vi, độc ác đến mấy cũng chỉ làm giảm con số đồng-bào ra đi mà không phá nổi toàn bộ phong trào di-cư. Việt-Cộng càng tăng cường đàn áp tinh thần tranh đấu của nhân dân để thoát ly cách thống-trị dã man của chúng càng hùng mạnh.



*Một mảng con, một mảnh buồm*

*Lênh-đênh trên mặt biển tìm đường đến chốn tự-do*



### III. — SỰ TRANH ĐẤU CỦA NHÂN DÂN ĐỂ THOÁT ÁCH VIỆT-CỘNG

Trên đường di-cư, trừ một số rất ít ở các thành phố trong vòng kiểm-soát của quân-đội Quốc-gia (khi Việt-Cộng chưa đến tiếp thu) ra đi được tương đối dễ dàng còn lại bao nhiêu đều lâm vào tình-trạng bẽ tắc gian nan vì kế-hoạch phá di-cư của Việt-Cộng (đã nói ở trên).

Con đường vào Nam là vấn đề sinh tử đối với nhân-dân Miền Bắc nên đồng-bào phải tìm đủ cách tranh đấu để tiến lên.

Mỗi bước xa thôn xóm là mỗi cuộc vật lộn.

#### 1) — *Tranh đấu tập thể.*

Con số nhân-dân đòi di-cư càng ngày càng lên. Nguyên ở tỉnh Ninh-Bình và Nam-định cũng ước lượng đến gần triệu người gây một phong trào rất mạnh mẽ, ồ ạt. Chính việc tinh-ủy Lao-Động ra lệnh bắt 30 vị tu sĩ ở Nam-Định bị nhân-dân phản đối kịch liệt, nên sau cùng chúng phải trả tự-do cho các vị tu-sĩ ấy.



*Việt-Cộng ác hiểm dồn dân tranh đấu đòi di-cư xuống bãi biển Trà-Lý để rời thủy triều dâng lên sẽ cuốn cả đi.*





*Liều mạng bám vào giáy cãng từ bờ ra tàu chiến  
Pháp để thoát ách Việt-Cộng.*

Ở các khu vực công giáo, việc di-cư của đồng - bào được tổ - chức tập thể trước ngày ra đi, đồng-bào đến tập trung tại các nhà xứ thì bọn cán-bộ cũng lần lộn vào nằm tại ấy mà dò xét tình hình.

Hôm xuất phát, đồng-bào phải vật lộn gay go, quyết liệt với bọn cán-bộ Việt-Cộng. Suốt quãng đường từ Bách - Cầu lên Bùi-Chu, đoàn di-cư đen nghịt người chen chúc, tấp nập kéo đi. Bọn cán-bộ Công-an, bộ-đội trá hình làm thường dân ra gây lộn kẻ kéo đi người dằng lại làm trì hoãn thì giờ của nhân dân. Từ Bùi-Chu đến Cựa-Gà chỉ có 3 cây số mà nhân dân giằng co, vật lộn từ 5 giờ sáng đến 12 giờ trưa mới thoát khỏi. Gần đến bến đò hàng trăm thanh niên lạnh lẹn bị bắt sống. Đoàn người di-cư cứ bị chặt ra từng khúc, không liên lạc với nhau được nữa. Tuy vậy dân vẫn tiến bước và đến bến đò Cựa-Gà vào hồi 5 giờ chiều. Nhưng rủi thay bọn lái đò toàn là cán-bộ Công-Sản trá hình. Dân mỗi miệng kêu gào đò cứ lơ lửng giữa sông cho đến khi mưa bão đổ xuống. Thế là bọn cán-bộ được dịp lôi kéo nhân dân vào hàng giải thích. Vào khoảng 6 giờ chiều thì đoàn ô-tô của Việt-Cộng đến mời đồng bào trở về Hải-Hậu. Nhân dân giằng co không chịu lên xe, có người lạc mắt chổng con kêu khóc như ri ở dọc đường.

Tiếp đến cuộc tranh đấu của 3.000 đồng bào xứ La-Châu, Giao-Thủy càng khốc liệt hơn nữa. Mặc dù Việt-Cộng phá vỡ cầu Nam-Điền đoàn người vẫn liều chết bơi qua sông, nhiều người bị lạc đường, số người chết đuối cũng khá nhiều.



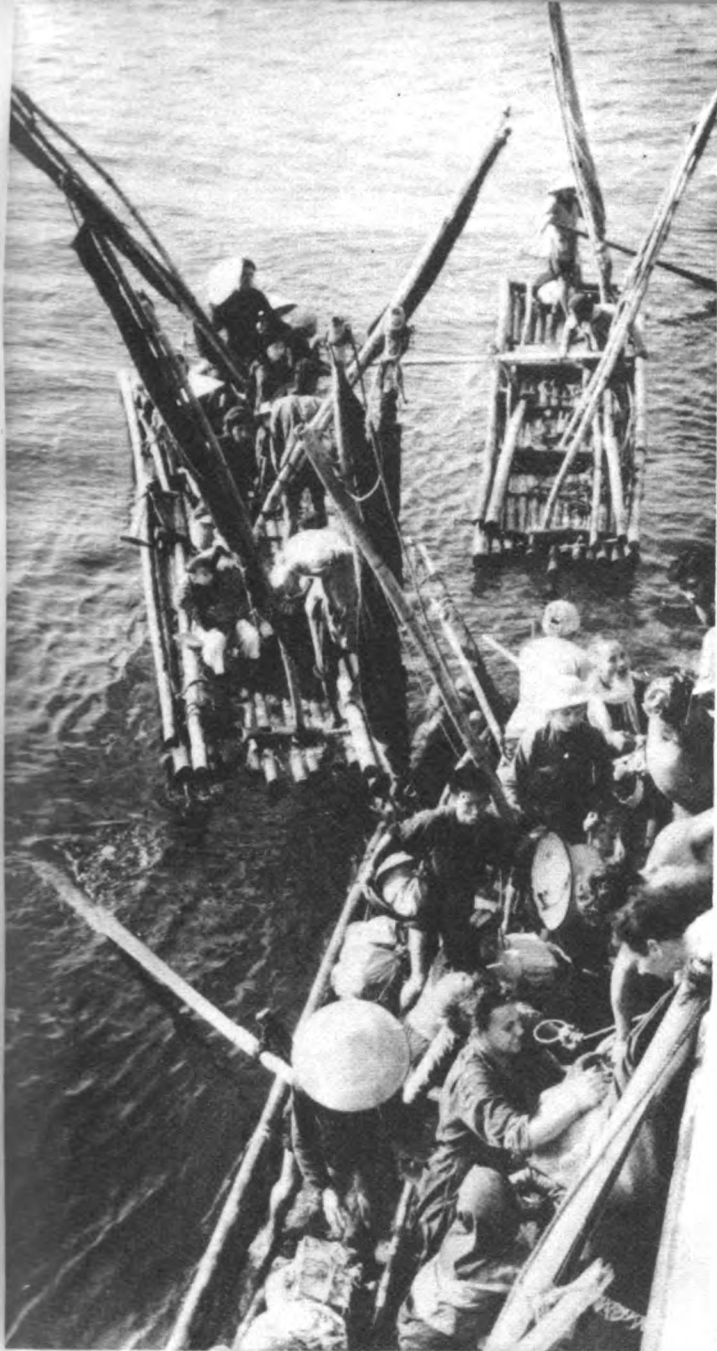
*Bènh bồng trên sông cá, tiến về bến tự-do.*

Tại Thanh-Hóa, ngày 8-1-55, dân chúng Ba-Làng, huyện Tĩnh-Gia tụ họp hơn hai vạn người đòi di-cư bị bộ-đội Việt-Cộng nã súng bắt giải tán. Số lính của chúng dùng để đàn áp nhân dân là năm ngàn tên trang bị đầy đủ khí giới. Trái lại nhân dân chỉ có gậy, dao đánh lại Việt-Cộng. Vụ lưu huyết xảy ra, bọn quân-đội nguy quyền cũng có nhiều đứa bị thương, bên nhân dân có 4 người thiệt mạng 6 người bị thương (có một người đã di-cư vào Nam). Sau cuộc đấu tranh đẫm máu này hơn hai vạn người tập trung để di-cư bị giải tán bằng võ lực, dân chúng Ba-Làng bị khủng bố, đàn áp thẳng tay, nam nữ thanh niên bị công-an Việt-Cộng bắt đem xử ngay tại một Tòa-án « nhân dân » ở làng bên. Kết quả 2 người bị khổ sai chung thân, 4 người bị 20 năm và 22 người bị 12 năm khổ sai. Những người khác sau khi bị tra tấn dã man được lần lần trở về nhưng bị quản chế trừ 60 người bị chúng coi là hạng cầm đầu nguy hiểm nên bị đưa đi biệt tích. Tiếp đến vụ tàn sát ở Lưu-Mỹ càng rùng rợn hơn nữa.

Cũng như ở khắp các nơi khác, chán ghét chế độ Cộng-Sản, ngày 18-12-54, 189 gia-đình thôn Lưu-Mỹ xã Trù-Sơn huyện Anh-Sơn tỉnh Nghệ-An đã đầu đơn xin di-cư. Cho đó là một tổ chức phản động, « phá hoại hòa-bình » Việt-Cộng liền bắt giam mấy người mà chúng nghi là cầm đầu:

Phạm-Văn-Như, Lê-Hữu-Bằng, Nguyễn-Văn-Hương, Đinh-Thế-Xuyên và Nguyễn-Văn-Cung. Sau đó, Ông Phạm-Văn-Như mang cả xiềng xích trốn về kể lại những sự tra tấn dã man của Việt-Cộng. Dân làng Lưu-Mỹ cùng nhau kéo đến trụ sở Ủy-ban của nguy quyền Việt-Cộng đòi trả lại những người bị bắt. Bọn Việt-Cộng nhất định không thả và dọa sẽ bắt thêm.

Tình hình căng thẳng. Đồng bào Lưu-Mỹ thấy cần phải bỏ trí tự-vệ. Đêm 7-1-55, bọn công-an Việt-Cộng đến lùng bắt người bị dân chúng Lưu-Mỹ bắt giữ lại đến sáng 8-1-55 mới tha về. Việt-Cộng bèn phong tỏa Lưu-Mỹ riết mọi ngã đường không cho dân Lưu-Mỹ liên lạc với bên ngoài. Rồi 100 bộ-đội Việt-Cộng đến đóng trong làng. Dân chúng Lưu-Mỹ kháng cự, Việt-Cộng huy động thêm 1.000 bộ-đội võ trang đầy đủ hợp với dân quân du-kích, công-an đông tới 10.000 người (gấp 3 dân số Lưu-Mỹ) đến vây chặt



Lưu - Mỹ hồi 4 giờ sáng ngày 13 - 1 - 55 một toán bộ-đội ò-ạt xông vào làng bắn giết mấy người tự-vệ làng Lưu-Mỹ. Rồi cuộc xung đột diễn ra hơn 1 tiếng đồng hồ. Kết quả dân Lưu-Mỹ bị 11 người chết, nhiều người bị thương và đến tăng sáng toàn thể dân chúng Lưu-Mỹ đã bị bắt trời. Thật là một vụ tàn sát dã man gây ra bao cảnh thương tâm mà nguyên do chỉ vì dân chúng muốn di-cư vào Nam tìm tự-do.

Đau thương nhất là vụ hàng mấy ngàn người mạo hiểm ra bãi biển Trà-Lý kiếm tàu di-cư bị nước thủy triều dâng lên cuốn đi rất nhiều.

Dưới đây là chi tiết vụ cứu vớt đồng-bào ở Trà-Lý do một sĩ-quan hải quân ngoại quốc tham gia cuộc cứu vớt ấy kể lại :

« Trong đêm 5 rạng 6-11-54, một tiểu hạm của Hải quân đang tuần hành ngoài khơi Trà-Lý được một thuyền đánh cá cho hay rằng có trên 2.000 người hiện đang lâm vào cảnh nguy hiểm trên bãi cát ngoài cửa biển Trà-Lý.

Tức thì tiểu hạm ấy, báo tin cho tàu khác, tàu « La Capricieuse » — L.S.M 9.052 — L.C.T. 9.065 đến tiếp tay cuộc cứu trợ.

Ủy-Hội Quốc - Tế kiểm - soát đình - chiến được báo tin ngay hồi 8 giờ ngày 6-11-54. Vừa tiếp được tin trên, Đô-Đốc Jozan liền ra lệnh

*Thoát hiểm, đoàn người ra đi trên mảng đã được Hải-Quân vớt lên tàu.*





*Một nông dân quyết chí ra đi đã bị Việt-Cộng bắn  
bị thương đang được một linh mục săn sóc.*

cho các tàu hiện có mặt tại Hải-Phòng và Đà-Nẵng (Tourane) phải đến ngay chỗ đón các người tỵ-nạn.

Sáng 6 - 11 - 54. Chúng tôi đang đậu ở ngoài khơi Trà-Lý, thì tàu 151 L 9.035 tin cho biết rằng Trên bãi cát Trà-Lý có trên 2.000 người tỵ-nạn đang chờ tàu đến cứu. Tin còn cho chúng tôi biết là : 2.000 người ấy lâm vào tình-trạng nguy kịch là thủy triều đang lên mạnh và bãi cát Trà-Lý sắp bị chìm xuống mặt nước. Trên có 2.000 người tỵ-nạn sắp bị chìm.

Thế là tàu chúng tôi mở hết tốc lực chạy vào ngang bãi Trà-Lý cắm neo.

Cảnh tượng một số người đông đúc, chen chúc lẫn nhau, trên bãi cát hẹp, bao vây bởi nước biển cả, thật rất đau lòng.

Tàu 151-L đã bắt đầu làm việc từ mờ sáng cứu được 900 người và mở máy chạy về Hải-Phòng.

Bấy giờ mới đến lượt chúng tôi lo cứu vớt những người còn lại. Chúng tôi cho xuống máy, kèm theo phao bè mảng xuống nước, để tiến hành công việc cấp cứu.

Trong khi ấy, thuyền trưởng tàu Capricieuse chúng tôi uỷ nhiệm cho tàu L.S.M. phải thi hành lệnh cấp cứu, vì tàu L.S.M. đậu gần bãi cát Trà-Lý hơn.

— Thuyền máy kèm bè mảng vào tới bãi cát thì nhóm người tỵ-nạn, nhất là đàn bà, trẻ em lợi băng ra trước để tranh nhau lên xuống máy và bè mảng mà không sợ gì nguy hiểm.

Trong lúc ấy có một số người hụt chân, bị dòng nước cuốn đi. Các thủy thủ đã quăng phao và liễu mình nhảy xuống cứu vớt, nhưng số người được cứu cấp thì ít, mà người bị hụt chân thì nhiều, nên một số đã bị dòng nước cuốn đi luôn.

Chính mắt tôi đã trông thấy cảnh một thiếu phụ và 2 trẻ em bị dòng nước cuốn chìm.

Khi bè mảng và xuống máy đầy người, liền được chuyển lên tàu L.S.M. 9.052.

Xuồng và bè mảng lại trở vào bãi Trà-Lý lần thứ hai, lần này gió thổi mạnh, và nước dâng lên mạnh, nên việc cứu cấp lại phải thay.

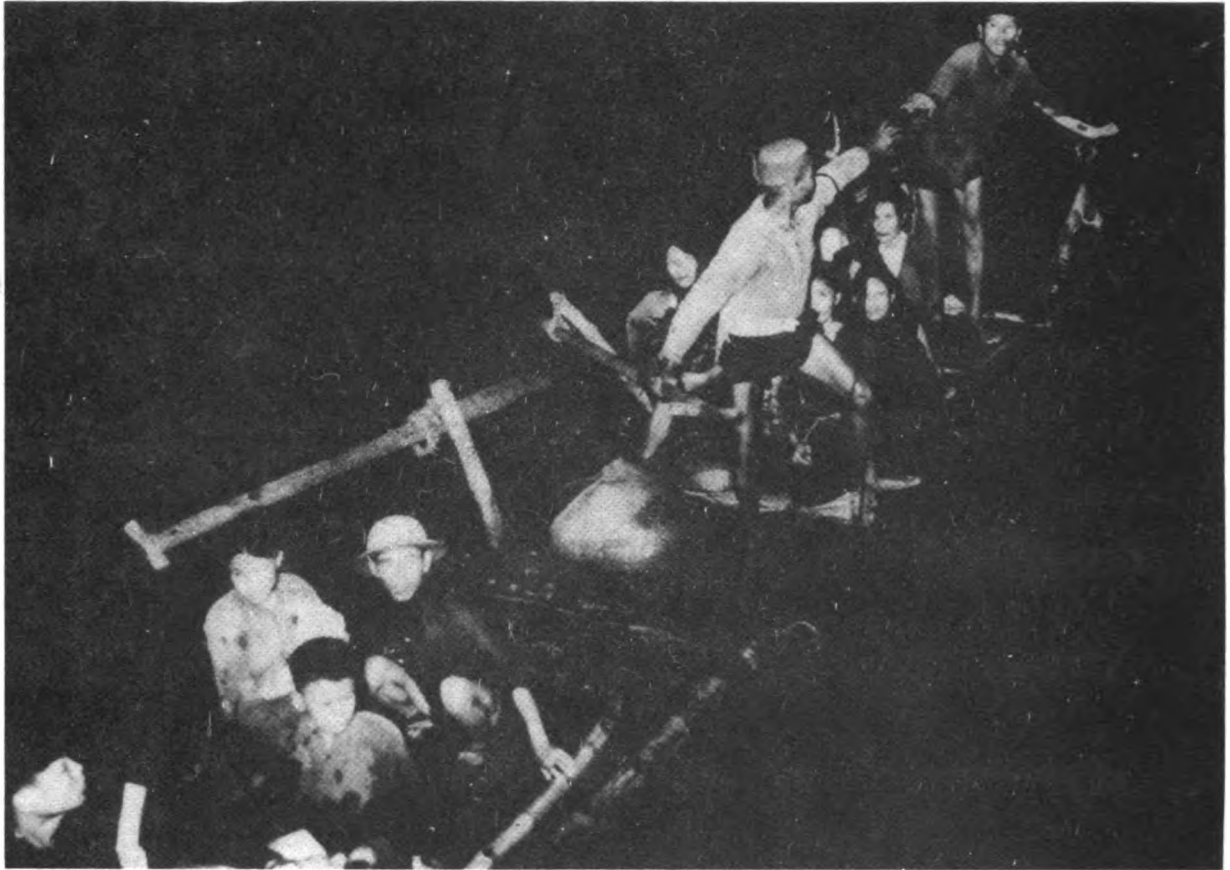
Cho mãi đến 8 giờ tối : chiếc L.C.T.9.065 đến phụ lực vào cuộc cứu cấp, nên đến 1 giờ đêm thì cứu vớt được tất cả các dân tỵ-nạn.

Tính ra thì : Từ trưa 6 - 11 - 54 đến 8 giờ tối chúng tôi đưa lên tàu ISIL-9.035 được 900 người.

Từ 8 giờ tối đến 1 giờ sáng 7 - 11 có 1.445 người được cứu vớt đưa lên tàu L.C.T.9.065. Và từ 7 giờ sáng đến 11 giờ trưa 5-11-54, tàu I.S.I.L. trở lại bãi cát, và chúng tôi lại cứu vớt thêm được trọn số tỵ-nạn còn trên bãi cát là 665 người ».

Sự thực về cảnh thảm khốc của trên mấy nghìn dân tỵ-nạn trên bãi cát Trà-Lý vẫn tất bằng những lời thuật lại của một sĩ-quan tàu « La Capricieuse » làm cho chúng ta một lần nữa « nguyên rủa » chế độ dè hèn phản dân của bọn Cộng-Sản Việt-Minh.

Điều đáng chú ý hơn nữa là chính ngay nhân-dân những vùng trước kia vẫn tin tưởng vào công cuộc kháng chiến của Việt-Cộng cũng tranh đấu đòi di-cư. Sự đàn áp của Việt-Cộng đối với những vùng này lại càng gắt gao.



*Đêm đã xuống nhưng đoàn người vẫn ra sức bơi.*

« Theo lời những đồng bào thuộc xã Mậu - Lâm, Phủ Diễn - Châu, tỉnh Nghệ-An (Liên-Khu 4 của Việt - Cộng) di-cư vào Nam thuật lại thì khoảng đầu tháng 2 năm 1955, tại xã ấy đã xảy ra một cuộc xung đột có đổ máu giữa dân chúng đòi di-cư vào Nam và một trung đoàn quân-đội chính quy của Việt-Cộng.

Xã Mậu-Lâm xưa nay vốn nổi tiếng là một xã có tinh thần cao đã đóng góp rất nhiều nhân tài, vật lực vào công cuộc chiến đấu của Việt-Cộng và cho đến sau ngày ký kết hiệp định Genève vẫn là nơi nghỉ ngơi của sư đoàn 304 sau chiến dịch Điện-Biên-Phủ. Đến ngày ấy, sau khi học tập về chiến thắng Điện-Biên-Phủ nhân dân Xã Mậu-Lâm càng vững tin vào thắng lợi của cuộc trường kỳ kháng chiến do Việt-Cộng lãnh đạo và càng hy-vọng đến ngày thống nhất Quốc-Gia, dành độc-lập hoàn toàn cho Tổ-Quốc. Họ yên trí rằng hiệp định đình chiến Genève cắt đôi lãnh thổ Quốc-Gia chỉ là một sự nhân nhượng của lực lượng kháng chiến Việt-Nam để cho thực dân Pháp trong khoảng thời gian 300 ngày định trong hiệp định đủ thì giờ rút lui khỏi đất Việt-Nam theo như lời tuyên truyền của các cán-bộ Việt-Cộng. Nhưng lòng tin có hạn và sức cố gắng hy sinh của con người cũng không phải là vô bờ, cho nên nhiều quân nhân trong sư đoàn 304 thấy không thể nhẫn tâm im lặng trước sự tuyên truyền lừa bịp nhất là trước cảnh cướp của giết người tàn bạo của Việt-Cộng trong các phong trào phóng tay phát động quần chúng đấu tranh đương diễn ra tại các xã lân cận, và ngay cả ở xã Mậu-Lâm, nơi sư đoàn 304 đang nghỉ ngơi kiểm thảo và đang được đồng-bào địa-phương nhiệt-liệt ủng-hộ. Tuy đã qua nhiều lớp huấn luyện tẩy não, lương tâm và tình cảm chưa chết hẳn trong những con người biết suy nghĩ ấy nên nhận những buổi công tác dân vận họ đã tiết lộ cho dân chúng biết những luận điệu tuyên truyền của Việt - Cộng là khoác lác, dối trá và chỉ rõ cho dân chúng biết là khoản 14 trong hiệp-định Genève quy định quyền tự-



*Sóng cao, biển rộng đầu có làm sờn lòng người quyết chọn tự-do.*

do đi lại cho dân chúng đến các miền mình lựa chọn để sinh sống. Tin ấy vừa lan ra dân chúng xã Mậu-Lâm uất ức trước sự phân bội của Việt-Cộng. Họ hối tiếc những sự cố gắng hy sinh của họ từ trước tới nay đã đóng góp vào công cuộc kháng chiến của Việt-Cộng tưởng để tranh thủ độc lập cho tổ-quốc. Thêm vào đấy, thực tế đau thương đang xảy ra tại các xã lân cận và ngay tại quê hương họ thúc đẩy họ phải tìm lối thoát để tự cứu họ cương quyết tổ-chức cuộc ra đi. Mặc dù lưới trình sát dày đặc của Việt-Cộng bao vây chắc chắn, họ vẫn quyết tâm rủ nhau tìm cách thoát ly và hơn 2.000 dân chúng xã Mậu-Lâm rầm rộ lên đường đi tìm tự-do. Được tin cấp báo, Ủy-ban kháng-chiến hành-chính tỉnh Nghệ-An ra lệnh cho hai đại-đội trong sư-đoàn 304 đến giải tán nhưng chính đa số những quân nhân trong 2 đại-đội này vừa đây đã tiết lộ cho dân chúng biết những sự thật đau đớn cùng sự tự-do thoát ly vùng này để đến sinh sống tại nơi khác quy định trong khoản 14 của hiệp-ước Genève nên họ không chịu giải tán dân chúng. Lập tức 2 đại-đội này bị giải giáp và đưa vào trại giáo huấn. Một trung-đoàn thuộc sư-đoàn 304 được lệnh ra đàn áp. Mặc dù bộ-đội Việt-Cộng có khí giới đầy đủ và thẳng tay đàn áp, dân chúng vẫn không chịu ra về, liều chết kháng cự. Kết quả bên bộ-đội Việt-Cộng bị thương 5 người, bên dân chúng yêu chuộng tự-do bị chết 11 người và một số bị thương, hơn 200 người bị bắt.

Những người khác sau khi giải tán về nhà đều bị quản chế, luôn luôn bị theo dõi kiểm thảo gặt gao, phải phục dịch dân công, canh gác liên miên nên lúc nào cũng ngấm nuôi ý chí căm hờn Cộng-Sản muốn tìm đến vùng Quốc-Gia để được sống tự-do nhưng trước sự đàn áp dã man của cán-bộ Việt-Cộng trước thái độ thiếu trung lập, thiếu nhân đạo để không nói là bợ đỡ Cộng-Sản của

Ủy-Hội Quốc-Tể kiểm-soát Đình-Chiến do phái đoàn Ấn-Độ cầm đầu, mong thoát ly của họ nếu không tiêu tan cũng không tài nào thực hiện được.

Tuy bị thất bại vì vũ lực của cường quyền, hành động cương quyết của hơn 2.000 dân chúng xã Mậu-Lâm đã tố cáo với thế giới chính sách tàn bạo của bọn Việt-Cộng và thái-độ bùng bít, thiếu thiện chí của Ủy-Hội Quốc-Tể Kiểm-Soát đình-chiến tại Đông-Dương.

Dân chúng rất mong được Chính-Phủ lưu ý giải quyết để những người muốn thoát ly vùng Việt-Cộng khỏi bị đàn áp dã man vì rồi đây tuy không còn bao lâu nữa Việt-Cộng sẽ đến tiếp quản Hải-Phòng, nhưng chính vì vậy mà dân chúng càng gấp rút ra đi đông đúc và do đó chính-phủ càng cần phải kịp thời giải quyết. Nếu sự can thiệp của Chính-phủ đạt được kết quả số đồng bào muốn đi tìm tự-do sẽ tăng lên rất nhiều, chúng có lẽ ngày bộ đội Việt-Cộng và nhân dân thuộc những xã tinh-thần cao như xã Mậu-Lâm tỉnh Nghệ-An cũng uất ức trước sự phản bội của Việt-Cộng là khao khát tự do Dân-Chủ của chính-thể Quốc - Gia.

Trên đây là những cuộc tranh đấu tập thể điển hình chống lại sự đàn áp của Việt - Cộng. Còn biết bao nhiêu sự vật lộn lẽ tẻ không kém phần nguy hiểm của những người ham chuộng tự-do trên đường di-cư, trốn ách Cộng - Sản. Những cuộc tranh đấu lẽ tẻ này cũng sẽ nói lên tinh thần cương quyết của đồng-bào di-cư, đồng thời ghi thêm những sự vi phạm trong việc thi hành hiệp-định Genève của bọn Việt - Cộng bạo tàn.

2) — *Tranh đấu lẽ tẻ* : Trong khi nhân dân nhiều nơi tập trung hàng vạn người lãn xả vào mũi súng Việt-Cộng mà đòi di-cư thì ở nhiều nơi khác, nhiều người phải tìm cách lén lút ra đi.

Ban đêm bộ - đội, công - an luôn luôn đi tuần tiêu thể mà sáng nào cũng có từ ba đến năm gia - đình trốn thoát ở mỗi làng, ở xã Xuân-Liên có 3 thôn, mỗi cán - bộ kiểm - soát phụ trách 7 gia-đình, nhưng dần dà thôn Hạ có 95 gia - đình đi toàn vẹn, 28 gia - đình đi dở dang, thôn Lạc-Thủy có 254 gia-đình trốn thoát, thôn Liên - Thượng đi được hơn ba mươi gia-đình. Đây là đơn cử con số ở một vài địa phương làm chứng cứ, còn sự thực thì từ Liên-Khu Việt-Bắc vào đến Nghệ-An, Hà-Tĩnh những sự trốn thoát lẽ tẻ ấy vẫn tiếp tục xảy ra hàng ngày. Nhiều nơi dân chúng còn đóng bè, kéo thuyền vượt trùng dương để tìm tự-do nữa. Nông thôn như chìm lặng trong sự lo âu, hờn giận của những con người hiền lành, chất phác hiện đang nung nấu mối căm thù với Cộng-Sản. Theo báo cáo của đoàn cán-bộ phá di-cư thì chúng tìm đủ trăm phương ngàn kế



*Tàu chiến tới cứu gia rời.*





*Đoàn người sống sót ở Trà-Lý được vớt lên tàu chiến Pháp.*

mà khó lòng giữ nổi những gia-đình lẻ tẻ trốn đi. Do đó Liên Khu ủy Lao-Động tăng cường một số lớn cán-bộ hoạt-động trên dọc đường Hà-Nam, Hà-Nội để ngăn cản dân các tỉnh từ Thanh-Hóa, Nam-Định, Ninh-Bình xuống Hải-Phòng. Phần nhiều các quán bán nước đều là những tổ-chức trá hình của cán-bộ Việt-Cộng đặt ra để dò xét khách bộ hành. Ngoài ra các trạm kiểm soát công khai của công-an Việt-Cộng được đặt liên tiếp nhau trên các ngã đường. Bởi vậy có nhiều gia-đình khi mắc lưới bao vây của chúng đành gặp cảnh cha bỏ con, vợ lìa chồng rất thâm thương. Một lần hai vợ chồng người nông dân bế đứa con lên ca-nô bị một tên công-an ăn mặc thường dân cũng lên theo. Nhanh như cắt, tên công-an này giằng lấy đứa bé đòi bế giúp rồi nhảy lên bờ, làm cho hai vợ chồng nhà kia hết sức gào thét đến khản tiếng hấn cũng không trả con cho. Cuối cùng ca-nô chạy rồi và người vợ nhảy xuống sông bơi vào bờ với con. Tên cán-bộ này già mồm nhận láo rằng là cha chú trong nhà, nó có bốn phận phải giữ. Gia-đình người nông dân ấy đành bị chia rẽ, chồng Nam vợ Bắc.

Những hoàn cảnh tương tự như trên xảy ra rất nhiều mà bọn Việt-Cộng vẫn thần nhiên reo mừng trước nỗi đau khổ của đồng-bào.

Nói đến những nỗi đau khổ của đồng-bào hay sự tàn ác của Việt-Cộng không một ai có thể không cảm xúc trước những cảnh tượng thương tâm ngoài sức tưởng tượng của những người trên đường di-cư đã bị Việt-Cộng đánh đập quá dã man. Có những trẻ em bị chúng lấy đũa chọc thủng màn tai, có những ông già bị đóng hàng 7, 8 cái đinh vào đầu, có những thanh niên bị què chân vì báng súng nện vào v.v...



*Không ngại biển cả mênh-mông mà chỉ sợ ách độc tài Cộng-Sản.*

Nhưng bắt chấp mọi gian lao nguy hiểm, nhân dân vẫn âm thầm lặng lẽ trốn ra đi mỗi ngày một đông. Những người bị bắt ở lại đệ đơn lên ủy-hội quốc-tế khiếu nại cũng lắm. Bởi vậy bọn Việt-Cộng phải dàn xếp tấn kịch để che mắt ủy-hội quốc-tế.

Như ủy-hội về tới nơi nào để điều-tra thì bọn Việt-Cộng đã huy động hàng vạn đảng viên giả dạng thường dân, mỗi đứa làm sẵn một lá đơn đòi ủy-hội can thiệp trả chồng hay vợ con của chúng bị cưỡng ép, rủ rê vào Nam. Một mặt chúng dùng quân đội bố trí để ngăn cản nhân dân không được trực tiếp với ủy-hội quốc-tế, lấy cớ là bảo vệ an-ninh cho ủy-hội. Chúng còn dùng mọi phương pháp khác bao vây dư luận để cô lập sự hoạt động của ủy-hội quốc-tế nữa. Muốn vậy, chúng bố trí sẵn cán-bộ nằm ở các nhà dân mà đại-biểu ủy-hội sẽ đến, để giả vờ làm thường dân kêu ca điều này, điều khác khiến công tác của ủy-hội bị lạc hướng.

Tất cả những thủ đoạn của Việt-Cộng đã bùng tai, bịt mắt ủy-hội quốc-tế để chúng dễ bề xuyên tạc, vu khống Chính-nghĩa Quốc-gia.

Nhưng miền Nam tự-do vẫn là những hình ảnh tốt đẹp của chân trời sáng lạn mà nhân dân Miền Bắc cố gắng đập đổ mọi sức ngăn cản để tìm tới.

Hết lớp này đến lớp khác, bằng đường bộ hoặc đường thủy, làn sóng di-cư vẫn ào-ạt lấn áp sức cản trở của Việt-Cộng. Người ta gác bỏ ngoài tai mọi lời tuyên truyền giả dối, người ta phỉ nhổ vào mặt tràng tráo của bè lũ Hồ-chí-Minh, người ta cứ tiếp tục ra đi. Hết bước chân xuống được bến Hải-Phòng là đồng bào thở dài trút hết mọi lo âu, sợ hãi.

Thật đúng như lời nhà nghị sĩ Monjonica ở Tây-Đức đã tuyên-bố sau khi tới thăm Việt-Nam.

« Phàm chỗ nào có chế độ vô nhân đạo của Cộng - Sản thiết lập thì đều có vấn đề di-cư ty-nạn »

#### IV. — Ý-NGHĨA VÀ ẢNH-HƯỞNG CỦA PHONG TRÀO DI-CƯ

Chống lại mũi súng đàn-áp ác-nghiệt cùng những hình thức ngăn cản trắng trợn của bọn Việt-Cộng trong chiến dịch « phá di-cư », đồng-bào Bắc - Việt và mấy tỉnh phía Bắc Trung - Việt khi ra đi chỉ vồn vện có một niềm tin và một sự quyết tâm. Với niềm tin sắt đá và sự quyết tâm mãnh liệt ấy, đồng-bào đã bắt chấp mọi gian lao nguy hiểm, hy sinh tất cả (kể cả tính mạng) cương quyết thoát ly vùng Việt-Cộng, di-cư vào Nam để bảo vệ tín ngưỡng, những giá-trị thiêng-liêng cao quý của đời sống con người. Tuyệt nhiên không phải vì sinh kế. Nếu vì sinh kế thì không phải đợi đến hiệp-định Genève mới có phong trào di-cư mà nạn đói năm 1945 hay nạn kinh-tế khủng hoảng hồi trước đại chiến thế-giới lần thứ hai đã xô đẩy đồng-bào Bắc-Việt vào kiếm ăn nơi vựa lúa miền Nam.

Sự ra đi của non một triệu người di-cư cũng không có nghĩa là một hành động tiêu cực ; hoảng hốt chạy trốn bọn Cộng-Sản mà là một sự ra đi có suy nghĩ chính chắn đúng như một tờ nhật báo Pháp đã viết :

« ... Có lẽ đây là một cuộc di-cư to tát nhất thế-giới sau cuộc phân chia nước Ấn giữa Hồi quốc và Hindoustan năm 1947.

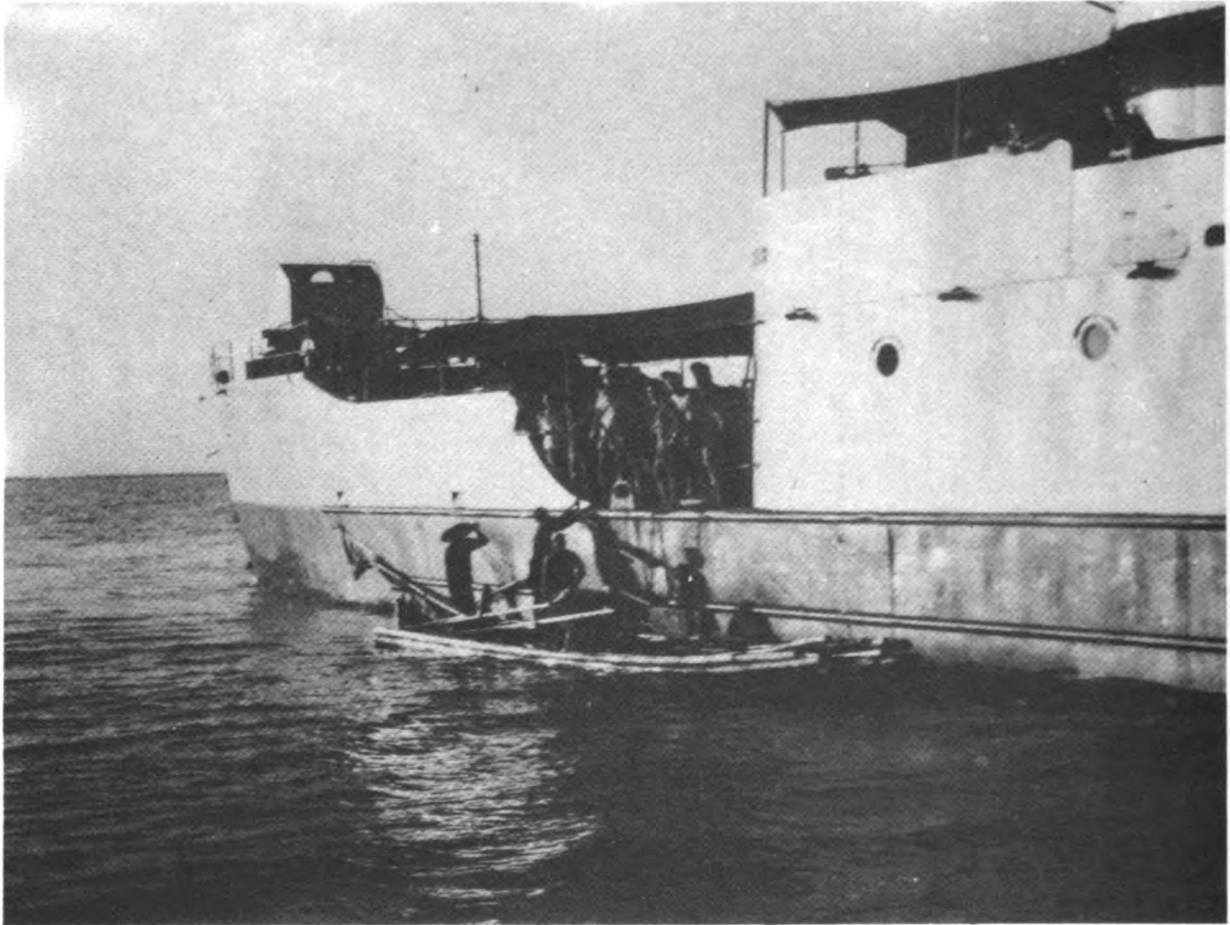
« Chắc chắn cuộc di-cư này có phần to tát gấp mấy cuộc di-cư từ Bắc-Hàn sang Nam-Hàn vào mùa thu năm 1950. Cuộc di-cư này tuy rất bi thảm nhưng không phải là cuộc di-cư do sự hoảng sợ gây nên. Đây là hành động đầy đủ ý thức của những người bình tĩnh đi tìm những nơi có thể tự-do sinh sống, những nơi mà bản-ngã và cá-tính không bị một bộ máy khổng lồ nghiền nát. »

« Đây hầu như là định hướng Tự-do của một dân-tộc lành mạnh. »

Hơn thế, lòng hy-sinh, óc căm thù và nhất là sự quyết tâm giành lại quê hương đã tô điểm cho phong trào di-cư đượm tinh chất tranh đấu tích cực và hùng tráng.

Bốn ngàn năm văn hiến đã hun đúc những truyền thống anh dũng cho người Việt-Nam qua mọi cuộc tranh đấu chống ngoại xâm, giành giật lấy nền Độc-lập thì ngày nay những truyền thống ấy lại thể hiện trong sự tranh đấu để thoát ách Cộng-Sản.

Thoát ách Cộng-Sản để tiếp tục hoàn thành sứ mạng của Tổ-quốc giao phó cho đến khi giang-sơn thống-nhất trong cảnh thanh vượng, tự-do. Đó là lý tưởng chung của khối người di-cư. Chỉ vì lý-do Việt-Cộng độc-tài, tàn bạo, phản bội dân-tộc, chỉ vì ý nguyện giải phóng quê hương, đồng-bào Bắc-Việt và mấy tỉnh phía Bắc Trung-Việt mới phải ra đi. Đây là ý nghĩa chính của phong trào di-cư lịch-sử này.



*Hải-quân Pháp đã cấp tốc đến cứu những*

Phong trào di - cư của ngót triệu đồng - bào Miền Bắc tránh thảm họa Cộng - Sản, vào Nam Tự - do có thể viết nên một trang sử bi hùng vì tính chất đặc biệt của nó.

Bi vì những tình-trạng đau đớn, nào gia-đình tan nát nào cơ nghiệp đổ vỡ do mọi sự đàn áp dã man gây ra.

Hùng vì sự tranh đấu gay go, dũng cảm cả về tư tưởng lẫn hành động để con người tìm lấy cuộc đời đáng sống với nguyện vọng xây dựng ngày mai tươi sáng cho đất nước.

Phong trào di-cư vĩ đại ấy đã hùng biện tố cáo sự chiếm đoạt tài sản, sự tàn sát sinh mệnh của bọn tôi tớ Nga Tàu bên kia bờ vĩ tuyến. Sau chín năm khói lửa ngút trời, nhân dân Việt-Nam bị bọn đầu mục Cộng-Sản vắt nặn hết nguồn sinh lực dồi dào thể hiện trong đức tính tự cường, cần cù và nhẫn nại. Sức cùng, lực kiệt rồi đến lượt phần cao quý nhất là sinh khí của giòng giống Lạc-Hồng do nền văn hiến bốn ngàn năm hung đúc cũng bị bọn đồ tể Các Mác giở đủ trò thâm độc để chà đạp và xóa bỏ nốt. Những cuộc đấu tố dã man lấy ân làm oán, cải thiện thành ác đều chủ trương hủy diệt bản năng tự tồn và đập đổ nền luân lý cổ truyền của nước Việt - Nam. Do đấy ảnh hưởng của thú tính tàn bạo sẽ gây nên một phong hóa suy đồi trong nhục vọng-nô. Trên mặt tinh thần, bọn Việt-Cộng đã bán rẻ tâm hồn dân tộc cho chủ nghĩa tam vô, trên mặt vật chất chúng đã cống hiến nửa giang sơn tốt đẹp cho Đế-quốc Nga-Hoa. Chính hiệp-định Genève là một văn kiện ghi sự phản bội ấy mà lịch-sử đời đời sẽ nghiêm khắc kết tội.



*người đang bị nguy kịch.*

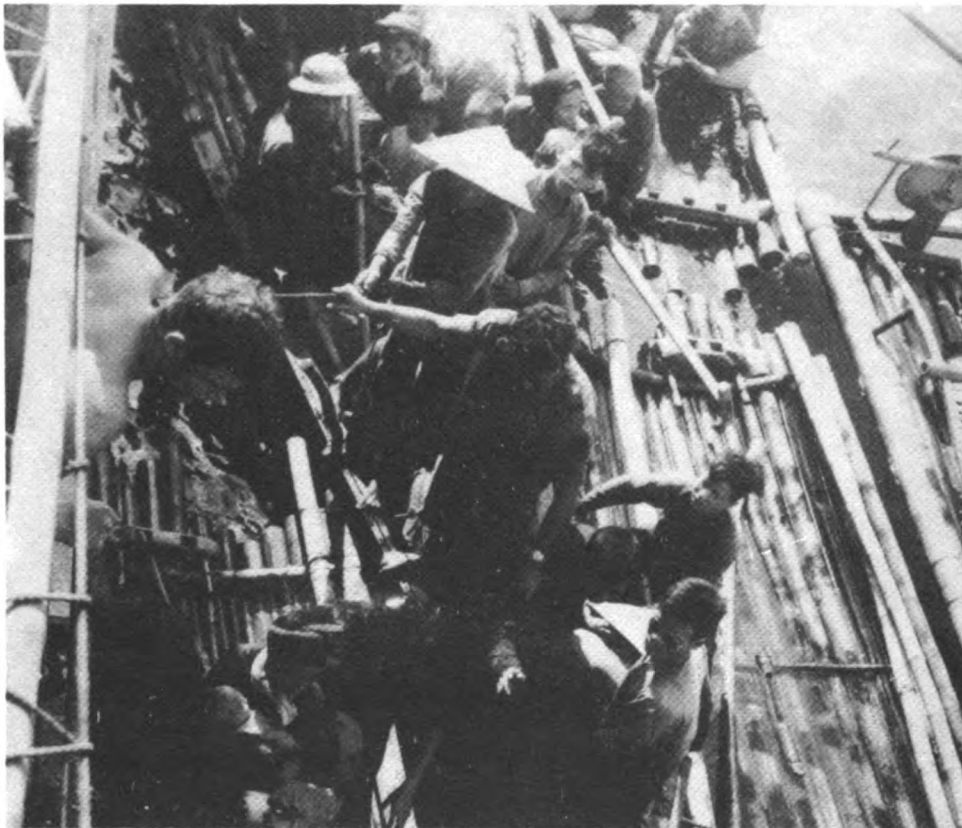
Ngày 20 tháng bảy năm 1954 giòng Bến Hải lại tràn quai mang hờn sông Gianh.

Nhưng « dẫu mù mắt, lòng không mù », huyết mạch dân-tộc Việt-Nam lúc nào cũng luân lưu giòng máu quật cường của Lê-Lợi Quang-Trung. Người ta không thể sống chung với bè lũ mặt người, dạ thú, người ta muốn bảo vệ tinh thần cổ hũu của ông cha, người ta thêm khát tự-do dân-chủ. Bởi vậy những làn sóng người cuồn cuộn đổ về Nam. Sự ra đi quyết liệt đã xâu xé nỗi lòng bao nhiêu thì mối hy-vọng trở về lại càng rộng lớn bấy nhiêu. Vào Nam để xây dựng một lực lượng Bắc tiến hùng mạnh như đoàn quân chiến thắng của vua Quang-Trung, đây là nguyện-vọng duy nhất của những con người phải cắn răng rời bỏ quê hương yêu dấu.

Như vậy phong trào di-cư đã nêu cao tinh thần bất khuất của Dân-tộc Việt-Nam, Tổng - Thống Ngô - Đình - Diệm đã có lần long trọng tuyên bố : « Phong trào di-cư quả là một trong những nét bút đậm đà nhất trên trang sử mới của nước nhà ».

Quả vậy, phát sinh từ ý chí tranh đấu chống Cộng từ lòng tin và sự quyết tâm mạnh mẽ của đồng-bào, đối nội phong trào di-cư lịch sử này là một thắng lợi lớn cho Chính Nghĩa Quốc-Gia. Nó tác động mạnh mẽ đến mọi mặt chính trị, quân sự và kinh tế nước nhà.

Đầu tiên, về chính trị, cái khối non một triệu người di-cư sẽ làm cho kho sinh lực miền Nam được bồi bổ thêm. Cán cân lực lượng giữa hai phe Quốc Cộng ở Việt-Nam sẽ nghiêng về phía Quốc-Gia. Dân di-cư sẽ làm cho nhân dân miền Nam hiểu rõ bộ mặt thật của Cộng-Sản để mạnh bạo va hân hái chống Cộng cứu nước. Dòng thông cảm ấy là sợi dây thắt chặt thêm mối đoàn kết dân-tộc.



*Mấy gia đình trên mảng mong manh đang riết chèo tới chỗ tầu chiến Pháp đậu.*



*Thoát ách Việt-Cộng, đoàn người ra đi tạm ngừng tay chèo tận hưởng phút tự-do.*

Về quân sự, không nói đến lực lượng quân nhân di-cư non một triệu người hãn hái chống Cộng đã là một kho nhân lực rồi rào lúc nào cũng sẵn sàng nhập ngũ để trở về giải phóng Quê Hương, thống nhất Tổ-Quốc.

Về mặt kinh-tế, tính cần cù cố hữu với những bàn tay sản xuất siêng năng khéo léo của non một triệu người cũng góp một phần hiệu lực vào việc phục hưng nền kinh-tế phong phú của miền Nam trước đây bị đình trệ vì chiến họa.

Đổi ngoại, phong trào di-cư làm cho Thế-giới Tự-do chú ý hơn đến Quốc-gia Việt-Nam : Do đó tình hữu nghị càng thêm bền chặt và địa vị của Quốc-Gia Việt - Nam càng ngày càng vững mạnh thêm trên chính trường Quốc-Tế.

Vì ảnh hưởng lớn lao của nó, phong trào di-cư vĩ đại ở Việt-Nam không những chỉ là một thắng lợi cho Chính - Nghĩa Quốc - Gia Việt - Nam mà còn là một chiến thắng chung của Thế - Giới Tự - do trong công cuộc chống lại âm mưu xâm lăng của khối Cộng-Sản Quốc-tế.

Nhân dân các nước dân chủ trên thế giới xúc động trước làn sóng di-cư ở Việt-Nam càng công phần chính sách tàn bạo của bọn Cộng - Sản. Ý chí chống Cộng nhân đó càng ngày càng quyết liệt.



*Đồng-bào miền Thượng Bắc-phần, chèo đèo lội suối, băng qua núi  
rừng, cố tìm được đường di-cư tránh ách độc tài Cộng-Sản.*



# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG V

### VIỆC CHUYỂN VẬN VÀ CÔNG CUỘC TIẾP CƯ

#### I — VIỆC CHUYỂN VẬN



Phong trào di-cư ở Việt-Nam với tính chất ào-ạt, rầm rộ, với sự hy sinh và lòng cương quyết vô biên của người di-cư, đã làm chấn động dư luận quốc-tế. Đâu đâu cũng nói đến phong trào di-cư vĩ đại này.

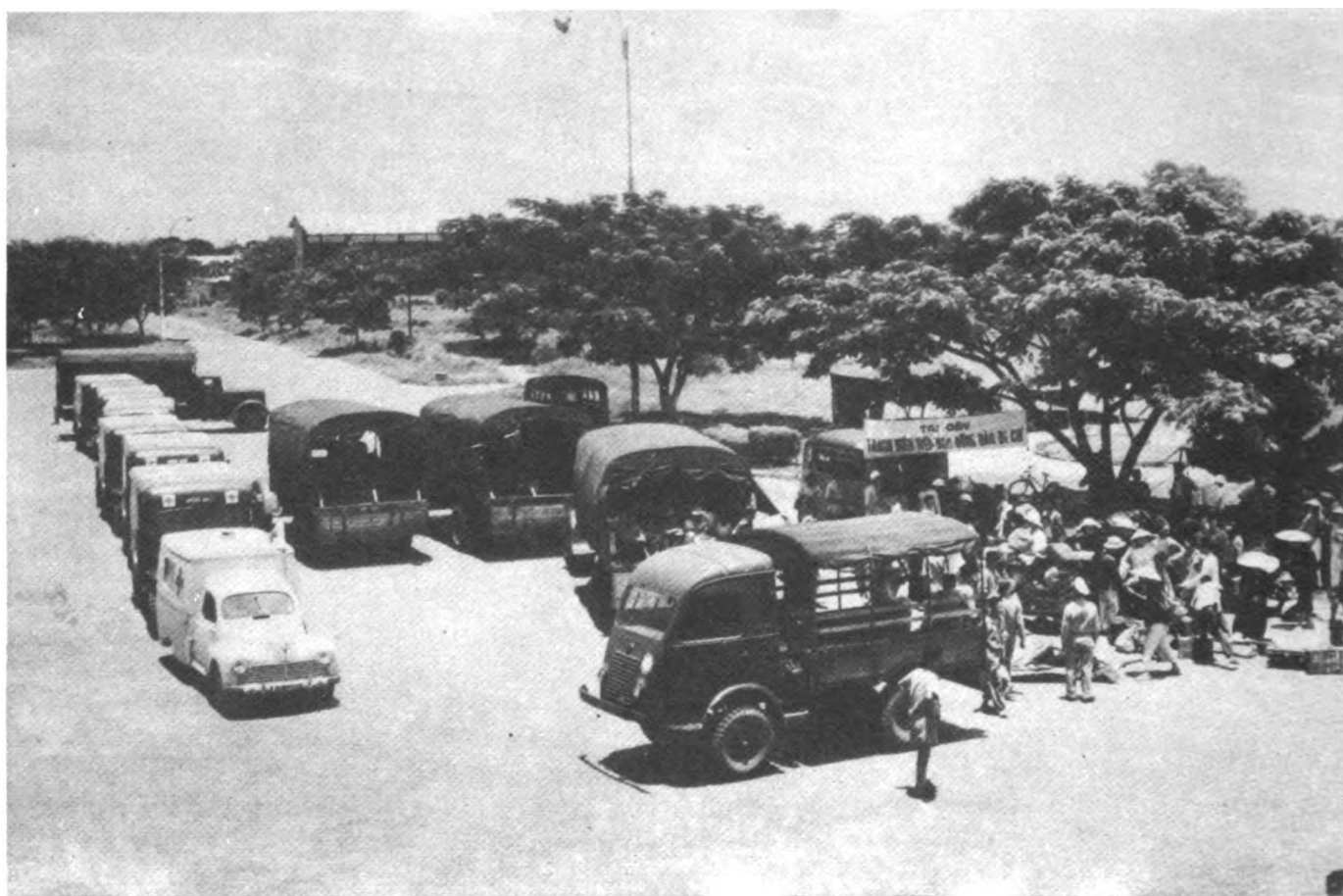
Các nước dân chủ trên Thế-giới tự-do chăm chú theo dõi từng ngày sự tiến triển của phong trào di-cư ở Việt-Nam. Các nhà báo, các nhà chính-trị, các vị đại biểu các hội Thiên-Chúa-Giáo, các hội từ thiện các nước bạn lần lượt đến Việt-Nam quan sát phong trào di-cư, an ủi những người di-cư và để nghiên cứu tại chỗ những phương pháp giúp đỡ thích ứng. Nhiều nước gửi điện văn ngỏ lời cảm phục tinh thần tranh đấu của đồng bào di-cư và đã tích cực giúp đỡ Chính-phủ Việt-Nam giải quyết công cuộc lớn lao và cấp thiết này.

Nhân dân Việt-Nam coi những thái độ và hành động trên như những nghĩa cử của Thế-giới Tự-do đối với một dân tộc đang

tranh đấu vì Tự do. Tất cả những nghĩa cử ấy tạo thành một luồng gió phấn khởi từ năm châu thổi vào phần đất Tự-do nước Việt-Nam. Nhân dân Việt-Nam vui mừng trước tinh thần tương trợ ấy càng thêm hăng hái vì thấy nước mình không chiến đấu đơn độc.

Cùng với sự nhiệt liệt ủng hộ về mặt tinh thần, những biện pháp ủng hộ thiết thực được các nước dân chủ bạn kịp thời áp dụng. Sự giúp đỡ đầu tiên và cấp thời nhất của Thế-giới Tự-do đối với cuộc di cư ở Việt-Nam là công việc chuyên chở dân di-cư từ Hà-Nội, Hải-Phòng vào Saigon. Công việc này đầu tiên do quân đội Pháp đảm nhận theo sự cam kết của Chính phủ Pháp tại hội nghị Genève.

Ngày 21 tháng 7, Ủy ban liên hiệp chuyên vận được thiết lập tại Hà-nội. Ủy-ban này ngày đêm làm việc để lo nơi tạm trú, săn sóc sức khoẻ và phân phát giấy tàu thủy, máy bay cho đồng-bào di-cư vào Nam. Cầu hàng không Hà-nội Saigon bắt đầu hoạt-động mạnh mẽ — Các phi-cơ của không-quân Pháp và cả các phi-cơ của các công ty tư được huy động cấp tốc để chuyên chở đồng-bào vào Nam. Tàu thủy của binh gia Pháp cũng góp sức vào việc chuyên chở cấp thiết này. Tuy nhiên, ngay trong thời kỳ phong trào di-cư mới bắt đầu, mỗi ngày số người di-cư càng tăng lên quá đông, vượt hẳn sự ước lượng của các nhà quân sự Pháp, nên họ tuyên bố mặc dù cố gắng cũng chỉ có thể giúp đỡ một phần nào chứ không thể đảm nhận hẳn công việc chuyên chở đồng-bào vào Nam. Ngô Tổng-Thống phải kêu gọi sự giúp đỡ của Mỹ-Quốc vào công việc này. Hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm, Tổng Thống Eisenhower liền ra lệnh cho chủ-lực 90 của đệ thất hạm-đội Mỹ đến Việt-Nam giúp



*Đoàn xe vận tải sẵn sàng chờ đồng-bào di-cư vừa tới phi trường Tân-Sơn-Nhất.*



*Ngô Tổng-Thống luôn luôn vi hành ủy-lạo đồng-bào di-cư tới Thủ đô Saigon*

đỡ việc chuyên chở dân chúng Bắc-phần và Bắc Trung-phần Việt-Nam di-cư vào miền Nam. Đoàn quân này trở thành những chiến sĩ hòa bình giúp đỡ dân chúng miền Bắc Việt-Nam đi tìm tự-do. Thêm sự giúp đỡ của Mỹ-Quốc, đường hàng không Hà-nội Sài-gòn rồi Hải-phòng Sài-gòn và đường hàng hải Hải-phòng Sài-gòn càng hoạt động mạnh mẽ, hàng ngày số người di-cư được chuyên chở từ Bắc vào Nam cũng tăng lên quá bội.

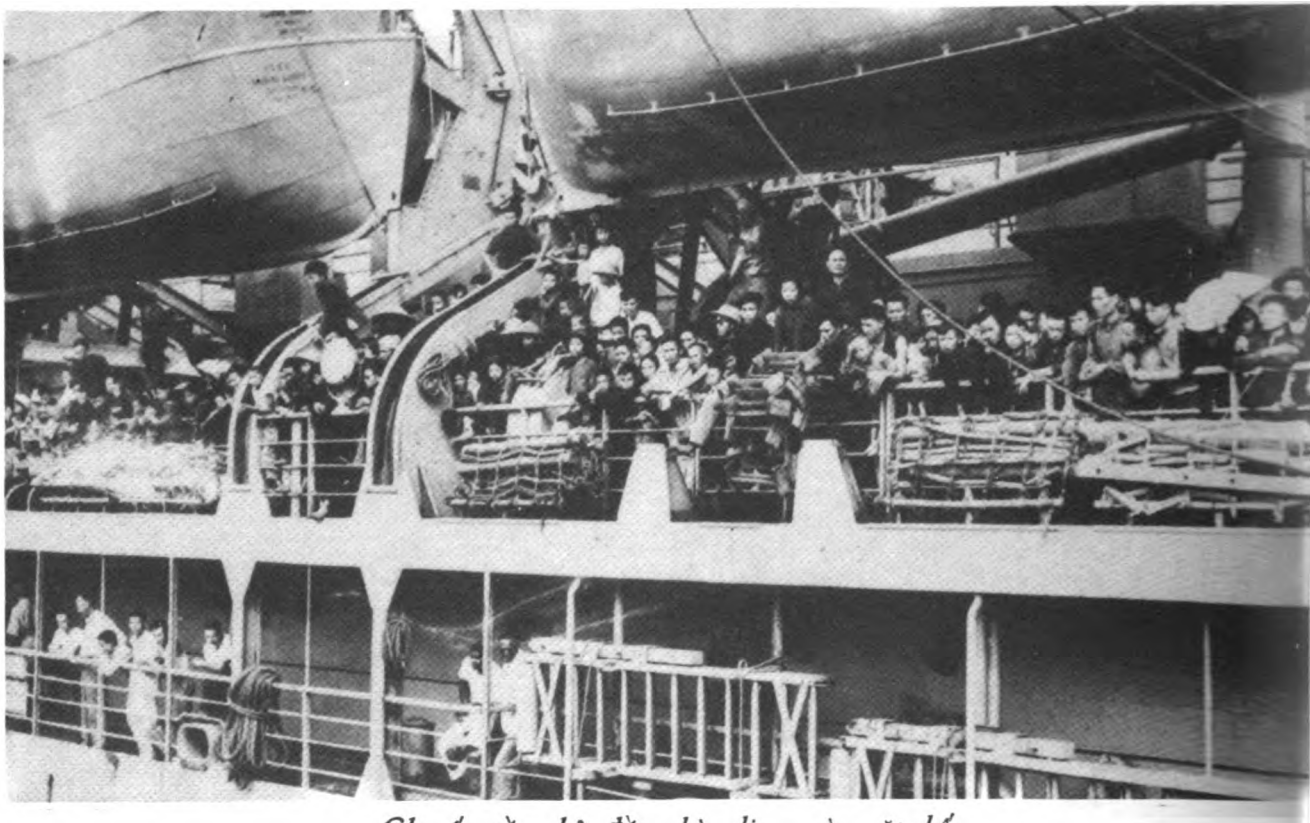
Chuyến tàu đầu tiên của hải-quân Mỹ do tàu A. P. A Menard chở 1981 người cập bến Sài-gòn ngày 16-8-1954. Và chuyến cuối cùng do tàu Général Brewster chở 520 người di-cư vào Nam tới bến Sài-gòn ngày 15-5-1955.

Trong khoảng tháng 8 và tháng 9 năm 1954, có ngày đã có trên 10 ngàn người đi tìm tự do được chiến hạm Mỹ chở đến Vũng-Tàu và Sài-gòn. Và suốt trong gần một năm trời tận tụy hoạt động, hải quân Mỹ đã chở giúp khoảng 500.000 người miền Bắc Việt-Nam di-cư được vào miền Nam tự-do.

Bên cạnh sự cố gắng của hải quân Mỹ, hải không quân Pháp cũng ngày đêm ráo riết hoạt động, tổng số người do các tàu bay, tàu thủy Pháp chở vào Nam cũng xấp xỉ gần ngang tổng số người được tàu thủy Mỹ chuyên chở. Riêng tàu bay Pháp đã chở được tất cả 214.000 người vào Nam. Sự cố gắng của hải quân Pháp cũng đã giúp cho 237.000 người di-cư vào được miền Nam.



*Những người Trung-Hoa này cũng rời bỏ Việt-Cộng để vào Nam sống dưới chế-độ tự-do.*



*Chuyến tàu chở đồng-bào di-cư vừa cập bến.*



*Đoàn thủy thủ Hoa-kỳ đang giúp đồng-bào xuống bờ.*

Có thể nói, việc chuyên chở đồng bào miền Bắc di-cư vào miền Nam, Chính-phủ Việt-Nam Tự-do đã được hải không-quân Mỹ và Pháp hoàn-toàn giúp đỡ. Nhờ vậy, sau hiệp định Genève, đồng bào tập trung tại Hà-nội, một phần được chuyên chở vào Saigon bằng cầu hàng không thiết lập giữa Hà-nội và Saigon, một phần được chuyên xuồng Hải-Phòng bằng xe lửa và di chuyển vào Nam bằng tàu thủy.

Khi gần đến hạn chuyển giao Hà-nội cho Việt-Cộng, số đồng bào di-cư còn lại được đưa xuồng Hải-Phòng bằng xe lửa để tiếp tục vào Nam bằng tàu thủy hoặc tàu bay. Sau ngày chuyển giao Hà-nội cho Việt-Cộng thì cầu hàng không lại được thiết-lập giữa Hải-phòng Sài-gòn để tiếp tục chuyển vận đồng bào di-cư vào Nam.

Và trong vòng gần 1 năm trời, từ ngày khởi đầu phong-trào di-cư cho đến ngày chuyển-giao khu vực Hải-Phòng cho Việt-Cộng, cả hai đường thủy và không vận đã hoạt-động không ngừng, mạnh mẽ nhất trong các đường hàng không và hàng hải quốc-tế. Sự cố-gắng của hải không quân Mỹ Pháp đã đem lại kết-quả lớn lao : non 1 triệu người miền Bắc Việt-Nam thoát-ly được ách thống-trị của Việt-Cộng.

Dưới đây là những con số nêu rõ sự cố-gắng của Mỹ và Pháp trong việc chuyên chở dân chúng miền Bắc Việt-Nam đi tìm tự-do :

*Tàu bay :*

Máy bay Pháp chở 4.280 chuyển : 213.635 người.

*Tàu thủy :*

Pháp	338 chuyển	}	555.037 người.
Mỹ	109 —		
Anh	2 —		
Trung-Hoa	2 —		
Ba-Lan	4 —		

Số người di-cư bằng phương tiện riêng : 102.861 người.

Và dưới đây là những chuyến tàu cuối cùng chở trong thời gian gia hạn di-cư từ 18-5-55 (không kể những người đi bằng phương tiện riêng hoặc vượt tuyến, qua Lào v.v...):

— Djiring	ngày 2-6-55	chở	500 người.
— Nam-Việt	— 6-6-55	—	70 người.
— Gascogne	— 8-6-55	—	818 người.
— St. Michel	— 16-6-55	—	700 người.
— Espérance	— 27-7-55	—	787 người.
— Durand	— 7-8-55	—	12 người.
— Phong-Châu	— 6-8-55	—	286 người.
— Hương-Khánh	— 16-8-55	—	310 người.
— Ville de Hải-Phòng	— 19-8-55	—	462 người.

Những con số trên đã chứng tỏ tình tương thân tương trợ và thiện chí phục vụ tự-do, hòa-bình của các nước Mỹ-Pháp và các nước bạn trên thế giới đối với nước Việt-Nam Tự-do. Thiện chí ấy càng được tỏ rõ trong thái độ niềm nở, chịu khó cùng những ngôn ngữ cử chỉ của nhân viên các nước bạn (từ cấp chỉ huy đến người binh nhì) khi săn sóc đồng bào ta trong những chuyến tàu di cư vào Nam (kể cả tàu thủy lẫn tàu bay).

Trang nhật ký của một đồng-bào di-cư viết về một chuyến tàu di-cư (đã đăng trong tòa báo Tự-Lập, cơ-quan của người di-cư tìm tự-do) mà chúng tôi trích ra dưới đây tưởng cũng đủ nói rõ cảm tưởng chung của người di-cư Việt-Nam đối với tinh thần quốc-tế tương thân tương trợ của nhân viên hải quân Mỹ :

« Hải-Phòng. Từ mờ sáng, trên các ngã đường, đông đảo đồng bào đã lũ lượt chen chúc nhau để lên xe chở đến bến tàu thủy vào Nam. Tưng bừng và náo nhiệt như ngày đại-hội. Vui. Tất cả nói lên sức sống rỗi rảnh và tinh thần bất khuất của quần chúng dưới ách độc tài C.S.



*Anh em hướng đạo sinh xách hành lý giúp đồng-bào xuống bến.*

Lòng vui mừng phấn khởi của người ta càng biểu lộ rõ khi ở trên xe bước xuống, sắp hàng để sửa soạn lên tàu ra biển. Trên một bãi đất rộng, nào xe cộ nào người, nào hành lý cứ ồn ồn các tiếng nào động cơ nổ, nào hàng quạ rao, nào gọi nhau tập hợp. Nhưng đâu đấy cũng đi vào trật tự, yên lặng để nghe nhà chức trách căn dặn qua máy phóng-thanh. Hành lý công-kênh, nặng nề của đồng-bào đã có đoàn cán-bộ đeo thẻ trắng ở ngực tận tâm khuôn vác giúp xuống tàu. Cái giầy người hàng một kéo đi từ từ qua chỗ phát bánh, còn được bơm thuốc tây trừ chấy rận ; sau đó theo các thủy thủ hướng dẫn vào khoang tàu.

Chúng tôi đã nhanh nhẹn trèo lên boong, đứng nhìn bao quát, lòng tràn ngập niềm tin. Đối chiếu luận điệu tuyên truyền của V. M. với những điều tai nghe mắt thấy ở đây, người ta đều thông cảm nhau qua nụ cười mỉa mai có ý khinh bỉ. Trông kia, một thủy thủ ngoại quốc già đang... học gánh, ông ta gù cả lưng, rụt cả cổ, hai tay trước mặt cố đề cái đầu đòn gánh cho khỏi bị vông mà vẫn nặng quá, loạng choạng không sao bước được. Trên tàu những tràng cười nổi lên. Ông bạn ngoại-quốc vút bịch cả gồng gánh, lắc đầu cười theo. Nhưng hình ảnh đẹp nhất là bà ngoại-quốc hôm ấy âm ứu nhỏ khóc oe-oe, theo sau mẹ nó — một nông dân quê kệch — đang lên cơn sốt rét, vừa đi vừa run lấy bầy.

Phải chăng là tinh thần quốc tế là mối tình nhân loại ?

Tàu nhỏ neo và dần dần xa ra biển. Tàu Marine Serpent, một chiếc tàu Mỹ lớn có thể chở được 6.000 người. Hôm ấy, trời râm mát gió nhẹ, mặt biển hiền từ, lặng lẽ. Chúng tôi tha hồ ngắm cảnh nước non, lòng tội thư thái, tâm hồn tôi phơi phới. Phải chăng tôi vừa thoát khỏi một chốn tù đầy mà sống lại ở giữa cõi đời? Một nguồn cảm giác lành mạnh chạy khắp người truyền thông qua những tấm lòng trai trẻ gặp gỡ nhau hôm nay vì cùng chí hướng. Chúng tôi nhìn trời, nhìn biển và kể cho nhau



*Một nữ phụ tá xã-hội niềm nở tặng quà bánh các đồng-bào di-cư vừa lên bến.*

những mảnh khoé đối phó với Việt Cộng để trốn thoát. Họ không nhớ nhưng gì cái đất đang đầy rẫy hùm beo rắn rết ấy. Gặp nhau đây là xóm làng họ hàng, là bà con thân thích cả. Dưới trời tự-do, sức lực con người sẽ đem ra xây dựng cho đời mình cơm no áo ấm, khỏi phải « ký cốp cho cốp nó soi, kẻ làm, sống khổ, người ngồi ăn ngon ».

Ánh nắng ban ngày vừa tắt thì đồng bào di-cư cũng vừa xong xuôi chỗ ăn nằm nghỉ ngơi trên tàu Marine Serpent. Sự tổ chức trong tàu chu đáo và khoa học lắm. Người ta được lĩnh cơm ngày hai bữa, rất đầy đủ, món ăn được sắp sóc kỹ càng. Các anh hộ tống viên ở tàu cho chúng tôi biết : Một công tác quan trọng của các anh là đề phòng thủ đoạn phá hoại của Việt-Cộng : chúng có thể cho tay sai lợi dụng bỏ thuốc độc vào nước uống để hãm hại đồng bào... Chuyển tàu trước, nhờ sự tận tâm của các Bác-sỹ người Mỹ mà 12 cán bộ Việt-Cộng bị bắt tại chỗ và thùng nước kịp thời được phân phát ngay.

Sáng ngày thứ hai, sóng to, tàu lắc lư rất dữ. Đồng bào không quen đi biển bị choáng váng, mệt và nôn nao. Có người nằm lịm không ăn uống gì cả. Mấy vị bác-sỹ người Mỹ thân hành đi hết buồng này đến buồng khác, dừng lại trước giường nằm của từng người để phân phát thuốc chữa say sóng. Gặp những trẻ em, bác sỹ thăm nom cẩn thận và nếu cần, ra hiệu bảo đưa em đến nhà thương. Cử chỉ thân mật và thương yêu





*Sách vở để em tiếp tục học hành trên giải đất tự-do.*

của những người ngoại quốc đó làm đồng bào cảm động và thâm phục. Người ta lại được dịp chửi rủa Việt-Cộng về những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của chúng. Họ bới móc không tiếc lời, có khi văng những tiếng tục-tàn. Ai cũng phàn nàn cho những người phải ở lại.

Tàu cập bến Saigon một sớm mai trời đẹp. Bình minh lên như đời sống đang vươn lên... Ánh sáng rực rỡ của mặt trời phương Nam cũng là ánh sáng tự do của đồng bào di cư Bắc-Việt hàng khao khát. Đồng bào chen chúc lên đứng chật boong, lặng nhìn « cảnh ngựa xe như nước của hòn ngọc Viễn-Đông ». Lòng người bàng khuâng, hồi hộp trước sự tiếp đón dân dị nhưng cảm động của Chính-phủ Quốc-gia. Những khẩu hiệu « Hoan nghinh tinh thần hy sinh tranh đấu cho Tự-do của đồng bào di-cư B.V. » v.v... đã nói lên tinh thần đoàn kết chặt chẽ Bắc-Trung-Nam với ý chí duy nhất là « chống Cộng diệt Thực » dành thống-nhất cho Tổ-Quốc.

Và ông Phạm-hùng-Sơn, chủ gia đình thứ 100.000 người di-cư do tàu thủy Mỹ chở từ Bắc vào Nam, sau hành trình di-cư mà ông đã đặt tên là « chuyến đi kỳ thú » đã tỏ bày cảm tưởng của ông về cuộc hành trình ấy như sau :

« Thực là một chuyến đi không ngờ kỳ-thú nhất trong đời tôi. Sự săn sóc quá đặc biệt của Thủy-sư Đô-đốc và các thủy thủ Mỹ trên chiếc tàu tôi được đi để vào Nam đã làm tôi vô cùng cảm động.

Không những Chính-phủ ta mà cả đến các nước bạn đã săn sóc một cách rất chu đáo những người Bắc-Việt tỵ-nạn Cộng-Sản ».

Kể ra cũng kỳ thú thực vì chỉ tình cờ gia đình ông di cư đi đúng vào con số thứ 100.000 người do tàu Mỹ chở giúp đồng bào miền Bắc di cư vào Nam mà cuộc hành trình của gia đình ông được đặc biệt săn sóc. Hải quân Mỹ đã dành riêng chiến hạm G.C. 12 để chở mình gia đình ông vào Nam. Và chính Thủy-sư Đô-đốc hải quân Mỹ cũng có mặt trên chiến hạm này để săn sóc gia đình ông Phạm-hùng-Sơn. Khi đến Saigon gia đình ông lại được tiếp đón khác hẳn những đồng bào di cư khác, và được hải quân Mỹ và các cơ quan đoàn thể trong nước gởi tặng rất nhiều phẩm vật quý.

Những cảm tưởng trên đây của đồng di cư đối với sự giúp đỡ của Mỹ và Pháp trong việc chuyên chở đã tỏ rõ lòng biết ơn của những người Việt miền Bắc di-cư tỵ-nạn Cộng-sản và của nhân dân Việt-Nam đối với các nước dân chủ bạn nhất là nước Mỹ và Pháp đồng thời biểu

lộ sự cảm phục tinh thần phục vụ hòa-bình và tự-do cùng tinh thần yêu thương nhân loại của những người Mỹ và Pháp, bạn của Việt-Nam Tự-do.

Nhờ tinh thần và tình yêu thương ấy, cuộc hành trình của đồng bào Bắc phần và phía Bắc Trung-phần di-cư vào bằng tàu bay cũng như tàu thủy được nhanh chóng, dễ dàng và vui vẻ, dễ chịu.

Trái lại, cuộc hành-trình của một số đồng-bào Ba-Làng (Thanh-Hóa) di-cư vào Nam bằng tàu Kilinski của Ba-Lan thật vô cùng khổ cực.

Đáp lời phỏng-vấn của các nhà báo về cách đối xử với đồng-bào di-cư trên tàu Kilinski của thủy-thủ Ba-Lan và cán-bộ hộ-tổng Việt-Cộng trên tàu này, đồng-bào Ba-Làng cho biết :

« Chúng tôi bước lên tàu Ba-Lan với tất cả hồi hộp và lo sợ vì chúng tôi vẫn có cảm-tưởng bọn Việt-Cộng sẽ đưa chúng tôi đi biệt tích một nơi nào khác, chứ không phải vào Nam. Chính vì sợ thế mà nhiều đồng-bào chúng tôi không dám đi.

Những người chúng tôi đây ra đi là liều mạng, phó mặc may rủi.

Trên tàu Ba-Lan, chúng tôi còn phải qua một thời hạn gian khổ nữa.

Việt-Minh chia chúng tôi làm 3 hạng : hạng thứ nhất, « phản-động », bị giam xuống đáy tàu, nóng như lò lửa. Hạng thứ hai, « lừng khừng » và hạng thứ ba, « tiến bộ », được hưởng điều kiện tương đối gọi là khá hơn một phần nào, nhưng tự trung cũng đều khổ nạn như nhau : Liên tiếp bị gò ép như cá hộp trong một khung cảnh ngột thở và không phân biệt lúc nào là ngày, lúc nào là đêm. Chúng tôi bị quá vì mỗi ngày, chúng chỉ cho ra ngoài 2 lần. Ăn thì mỗi ngày được lưng bát cơm với một miếng thịt bò nhỏ xíu mà mặn không thể tưởng tượng. Phần lớn chúng tôi, nhất là đàn bà trẻ con vì nhịn đói, nhịn khát, nóng bức quá nên bị ngắt đi.

Thủy-thủ Ba-Lan trên tàu này không hề nhìn ngó gì đến chúng tôi. Đã thế chúng tôi không được truyện trò và bàn bạc với nhau. Tại chúng tôi luôn luôn phải nghe những lời giải thích bịp bợm của bọn cán-bộ Việt-Cộng. Chúng lại phát cho chúng tôi nhiều truyền đơn bắt phải học thuộc. Vào được đến Saigon, chúng tôi mới yên trí là thoát chết và được di-cư thực ».

Cách đối xử vô nhân đạo của cán-bộ hộ-tổng và thủy thủ trên tàu Kilinski đối với đồng bào di-cư trên tàu ấy làm chúng ta nhận thấy trạng thái cách biệt giữa hai tâm hồn Cộng-Sản và Dân-Chủ. Cách đối xử này càng làm chúng ta cảm phục tinh thần hy sinh và những tấm gương nhân đạo của nhân viên, thủy thủ các nước dân chủ bạn đã chở đồng bào miền Bắc di-cư vào Nam, đồng thời càng làm chúng ta căm thù chính sách tàn bạo của chủ nghĩa Cộng-sản.

Tóm lại, nhờ uy tín của Ngô Tổng-Thống, ngay từ lúc khởi đầu, phong trào đồng-bào Bắc-phần và phía Bắc Trung-phần tị-nạn Cộng-sản di-cư vào Nam đã được các nước dân chủ bạn nhất là nước Mỹ và Pháp tận tình giúp đỡ và nhờ vậy, công cuộc chuyên chở đồng-bào từ Bắc vào Nam, một vấn đề vô cùng khẩn thiết đã được giải quyết kịp thời. Non một triệu người đã thoát ly được ách Cộng-sản, và được đến miền Nam tự-do trước sự đón tiếp nồng hậu của chính quyền và các đoàn thể nhân dân miền Nam.

## II. — CÔNG CUỘC TIẾP CƯ :

Được các nước Mỹ, Pháp hết sức giúp đỡ về việc chuyển-vận nên ngoài việc cử cán-bộ đi theo để săn sóc đồng bào trên các tàu thủy, máy bay, Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư cũng như Nha Đại-Diện Phủ-Tổng-Uỷ Di-Cư tại Bắc-phần đờ phải lo nhiều về việc này. Nhờ vậy, Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư và các cơ quan phụ thuộc được chuyên lo giải quyết vấn đề tiếp-cư, một vấn đề quan trọng đầu tiên và vô cùng cấp thiết của công cuộc di định-cư.

Nếu chỉ hình dung vấn đề này qua những công việc tiếp đón, tìm nơi tạm trú, thu xếp cho đồng-bào tạm trú ở Hà-nội, Hải-phòng xuống tàu và lo nơi ăn, chốn ở cho đồng-bào tại Sài-gòn, Vũng-Tàu hoặc Nha-Trang khi đồng-bào vừa đặt chân lên miền đất tự-do thì vấn đề không đến nỗi phức tạp khó khăn. Nhưng thực tế công tác trong vòng hơn một năm đưa đón đồng-bào đã chứng tỏ sự khó khăn, tính chất phức tạp và nhất là tính chất cấp thiết của vấn đề. Suốt trong thời gian một năm trời, các cơ quan tiếp trợ, kiểm tra, thuộc nha tiếp cư và sở thông tin và chuyển-vận của Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư đã phải làm việc không kể ngày đêm để lo tiếp đón, tìm nơi tạm trú, chuyển vận đồng-bào đến các nơi trạm trú,



*Quang cảnh một nơi phát tiền trợ cấp đồng-bào di-cư đặt ngay tại bến tàu.*



*Đức giám-mục Phạm-ngọc-Chi, Chủ-Tịch  
Uỷ - ban Hỗ - trợ Định - cư.*



*Đồng-bào di-cư lĩnh tiền trợ cấp 800\$ khi tới Saigon*

tiếp tế lương thực và những vật dụng cần thiết (chăn màn, bát đĩa, nồi niêu thuốc men, quần áo v.v...) cho đồng bào ngay từ buổi đầu mới đặt chân lên bến Sài-gòn hoặc Vũng-Tàu. Công việc này tuy khó nhọc nhưng thực ra trên phần đất Tự-do, nhân-viên và cán bộ Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư không phải đương đầu với những phá hoại trực tiếp cũng không chịu đựng những sự đe dọa khủng bố của Việt-Cộng như các cán-bộ di cư ngoài Bắc-phần, nên công việc đỡ phần nguy hiểm.

Tại Hà-Nội, Hải-Phòng, vì là nơi đầu tiên phải tiếp đón đồng-bào di-cư từ các tỉnh kéo về, lại phải ứng phó kịp thời với những hành động phá hoại, khủng bố cùng những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của Việt-Cộng nên công việc tiếp cư ở đây đã bề bộn càng thêm gay go nguy-hiểm. Đây là chưa kể đến những sự hy sinh của các cán-bộ tiếp-cư ở những trạm địa đầu giáp giới với khu vực của Việt-Cộng. Nếu thiếu tinh thần hy sinh, ý chí yêu chuộng tự do, căm thù Cộng-Sản cùng những đức tính quả cảm, kiên nhẫn, công việc sẽ thất bại.

Nhưng đến sau ngày hết hạn di-cư, con số non 1 triệu người di-cư vào được miền Nam đã chứng tỏ rõ ràng sự tận tụy hy sinh của các cán-bộ di-cư có nhiệm vụ tiếp đón và thu xếp cho đồng bào xuống tàu di-cư tại Bắc-phần.

Và một phần, nhờ tinh thần tận tụy hy-sinh ấy mà công cuộc tiếp-cư đã được tiến hành kịp thời chu đáo đạt được kết quả mong muốn.

Trong khi tại Trung-Giá, bọn Việt-gian tay sai của Đê-quốc Nga-Tàu và Phái-đoàn Đại-diện quân đội Liên-Hiệp-Pháp đang bàn tính với nhau về việc bàn giao sở thành phố lớn ở Bắc-phần thì đồng-bào ta tại Hà-nội và các tỉnh lân cận vội vàng cắt bước lên đường di-cư vào Nam.

Để đồng-bào có nơi tạm trú khi chân ướt chân ráo tới cố đô, Hội-đồng Di-Cư Bắc-phần đã được thành-lập ngày 21-7-54 và tạm xếp đặt sẵn sàng 33 trường học và một số công sở để làm nơi tiếp đón. Tại đây, trong khi đợi tàu vào Nam, đồng-bào di-cư được đoàn Cán-bộ tiếp-cư săn sóc ân cần và hàng ngày mỗi gia-đình được cấp-phát mỗi người 6 lạng gạo, không kể lớn nhỏ.

Cầu hàng không Hà-nội Sài-gòn được thiết-lập kịp thời để chờ không lấy tiền cho đồng-bào di-cư từ Hà-nội vào Sài-gòn. Hồi ấy máy bay vẫn là phương tiện duy nhất để đưa đồng bào vào miền Nam Tự-do.

Chung sức với Chính-phủ lại có cả các Công Ty máy bay tư như : Air-France, Air-Việtnam, Autrex, Aigle-Azur, Air-Outremer, Cat, Cosara và U.A.T. Cầu hàng không lớn nhất hoàn cầu (thăng cánh cò bay, dài 1174 cây số) do đó được thực hiện và thành công, tiến hành công việc giữa Hà-nội, Hải-phòng và Sài-gòn.

Trong lòng mỗi chiếc « máy bay di-cư » đành phải tháo hết các ghế và dụng cụ trong lòng để vừa dành thêm chỗ rộng, ngõ hầu chuyên chở được nhiều để tranh thủ thời gian.

Ngay từ ngày mùng 4 tháng 8 cầu hàng không đã hoạt động : Giữa Hà-nội và Saigon là một vòng bay ra bay vào, mãi miết, làm việc dữ dội, để vận chuyển vào Nam trung bình mỗi ngày 2.000 người. Một hôm hoạt động tối đa, phi trường Tân-Sơn-Nhất ghi được con số 4226 người tới. Cứ cách 6 phút có một phi cơ hạ cánh, biến sân bay Saigon thành một phi trường hoạt-động nhất thế giới hồi đó so với các sân bay quốc-tế.

Ở Hà-nội ra đi, các đoàn di cư được đưa sang hai sân bay Gia-Lâm và Bạch-Mai. Đến phi trường cần hàng, lấy vé, ghi tên lập danh-bạ, mọi việc xong xuôi, đồng bào ngồi nghỉ đợi máy bay. Tại mỗi phi trường công việc thu-xếp tiếp đón đưa, làm giấy tờ, được đặt dưới sự điều hòa của một Ban Tiếp-Vận. Mỗi máy bay, có một người hộ tống được cử chịu trách nhiệm về đoàn hành khách di-cư. Trong mỗi chuyến đi, người Cán-bộ tiếp-cư hộ tống tập trung tốp của mình dưới cánh phi-cơ, và điểm số lần cuối cùng trước khi lên máy bay. Việc này trông tưởng dễ dàng, thế mà phần nhiều rất phức tạp, vì đại đa số bà con di-cư, đi máy bay



*Đoàn xe vận tải chờ chuyên chở đồng-bào di-cư tới nơi tạm trú.*



*Một trạm tạm trú.  
Cảnh tượng một trại tạm trú toàn bằng lều vải.*

lần này là lần đầu tiên nên không khỏi ngỡ ngàng, hoang mang, cũng có bạn lại đi xem đây xem đó, gọi tên không thấy... Nhưng rốt cuộc mọi việc được chu toàn, đoàn người bước cả lên máy bay, áo quần sắc sỡ cùng màu nâu sòng đồng bào kinh Bắc xen lẫn với áo chàm trắng, đen của đồng bào miền Thượng chứng tỏ rằng đồng bào miền Bắc, từ vùng Thượng-du đến đồng bằng đều cương quyết ra đi... Cửa máy bay được khóa lại, người chỉ đường dơ tay làm hiệu, phi cơ từ từ cất cánh...

Đến phi trường Tân-Sơn-Nhất Sài-gòn, thủ tục lúc đi lại tái diễn : hành khách lại được tập trung dưới cánh phi-cơ. Người Cán-bộ hộ-tổng điểm danh lần nữa, xong xuôi là đoàn di cư được đưa ra nhà ga sân bay, giao cho các tổ chức cứu tế chức sẵn để tiếp đón, bồng bế em bé, nâng đỡ người già. Nếu trên phi cơ báo có người ốm, thì xe cáng được đưa tận cửa máy bay để rước bệnh nhân vào nhà thương.

Được miễn mọi thủ tục quan quản, đoàn di-cư lẹ làng được dẫn tới các « Trại đón tiếp đồng bào di cư ».

Thời gian tiếp cư tại Hà-nội là giai đoạn sơ khởi, số người di cư còn ít nên công việc tiếp cư còn nhẹ, nhưng sau thời hạn 70 ngày kể từ ngày ký hiệp định Genève, Hà-nội đã chuyển giao, trung tâm tiếp cư đã chuyển xuống Hải-Phòng thì công việc ấy trở thành nặng nề vì số người di cư càng ngày càng tăng lên khủng khiếp.

Tất cả các trường học và một số lớn các công sở tại Hải-Phòng cũng không đủ cho đồng bào tạm trú. Nhà Đại-diện Phủ Tổng-ủy Di-Cư tại Bắc phần phải cho dựng lên hàng ngàn chiếc lều vải tại vùng Vật-Cách để tiếp đón : Một trú khu toàn bằng vải được dựng lên sát tỉnh Hải-phòng, có khả năng đón tiếp 10.000 người. Một trú khu thứ hai, đủ chỗ cho 15.000 người được thiết-lập ngay sau đó. Thủy binh, gắng sức dựng trại, vừa khéo vừa nhanh để làm sao nghênh đón kịp các đoàn di-cư kể nhau liên tiếp.

Một trú khu khác được Bác-sỹ Dooley dựng cách Hải-Phòng 7 cây số trên đường Hà-Nội - Hải-Phòng, khu này chứa được 12.000 người và hoàn toàn do Bác-sỹ Dooley trông nom.

Trong thời gian tạm trú tại Hải-Phòng, đồng bào được phát mỗi người mỗi ngày 6 lạng gạo và 7 đồng thức ăn, ngoài ra còn được cung cấp thêm nước mắm, cá khô, sữa, củi v.v... Mỗi gia đình tính trung bình có hai người lại được cấp một chiếc chăn và một chiếc chiếu.

Trong các trạm tiếp đón đều có phòng phát thuốc do y tá phụ trách thăm nom sức khỏe, tiêm thuốc trừ tả, giồng đậu cho đồng bào trước khi xuống tàu.

Hàng ngày do sự hướng dẫn của nhân viên, Cán bộ của Nha Đại-diện Phủ Tổng-ủy Di-cư tại Bắc-phần, đồng bào lần lượt được xe cam nhông của nhà binh Pháp hoặc xe của Chánh-phủ ta thuê, chở từ trạm tạm trú ra các bến tàu. Khi có tàu Pháp, đồng bào được chở đến Sáu kho, khi có tàu Mỹ đồng bào được chở đến bến Vật-Cách để chuyển ra các tàu chiến lớn đậu ở Vịnh Hạ-Long.

Trước khi xuống tàu, mỗi người được phát bánh mì, 35 đồng và trẻ con còn được cấp thêm một vuông vải để làm tã lót.

Đồng bào được nuôi ăn trong những ngày ở dưới tàu do binh gia Pháp đài thọ cho hết tháng 9 năm 1954 và từ tháng 10-1954 trở đi thì Hải quân Mỹ đài thọ.

Trong khi đó, những đồng bào có hành lý nhẹ dưới 30 cân cũng lần lượt hàng ngày, được xe của Nha Đại-diện Di-cư Bắc-phần chuyên chở ra trường bay Cát-Bi. Mỗi ngày có tới từ 3 cho đến 12 chiếc máy bay cất cánh chở đồng-bào vào Nam.

Tuy phương tiện vận tải nhiều như vậy, mà hàng ngày số đồng bào di-cư vẫn ứ đọng tại Hải-phòng đến hàng vạn, bởi vậy cho nên công việc tiếp-cư hồi đó thật là vất vả.

Ngoài ra sự săn sóc sức khỏe, phát gạo, tiền thức ăn hàng ngày cho đồng-bào, việc thu xếp cho đồng-bào xuống tàu thủy hoặc lên máy bay thật là khó



*Quang cảnh tấp nập một trại tạm trú của đồng-bào di-cư khi mới tới miền Nam.*

nhọc vì số người ứ lại hàng ngày quá đông và lại ai cũng muốn đi trước để chóng thoát địa ngục Cộng-sản. Cho nên một mặt Cán-bộ tiếp-cư cố gắng giải-thích để thông-cảm với đồng-bào những nỗi khó khăn về phương tiện chuyển-vận, mặt khác, Nha Đại-Điện Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư tại Bắc-phần xúc tiến việc kê khai các giấy tờ xin đi tàu bay hoặc tàu thủy với một lễ lối làm việc rất công bằng và hợp lý. Gia-đình nào khai trước được đi trước, gia-đình nào khai sau phải đi sau, không tư vị riêng ai. Có nhiều công chức đến xin cho gia-đình của mình được đi trước cũng không được chấp thuận. Ông Mai-văn-Hàm, Đại-Điện Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư đương thời tại Bắc-phần đã thẳng thắn trả lời với họ trước mặt dân chúng rằng : « Tôi không đặc ân bất cứ một ai, ngay đến cả nhân-viên của Tòa Đại-điện Chính-phủ tại Bắc-phần ».

Nhiều khi vì tiền quỹ hoặc gạo thóc ở Sài-gòn gửi ra chưa kịp Nha Đại-điện Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư tại Bắc-phần phải chạy vay suốt đêm ngày, đi mượn tạm của Sở Trang-Cấp Pháp để phát kịp thời cho đồng-bào.

Với tinh thần làm việc thành khẩn như vậy cho nên công cuộc tiếp-cư tại Hải-phòng không những đã thu được kết quả lớn mong muốn mà lại gây được tiếng vang qua bên kia bức màn tre, làm cho đồng-bào xa gần thi đua nhau kéo xuống Hải-phòng rất đông đảo để được di-cư.

Công việc tiếp-cư kéo dài rầm rộ như vậy ngót một năm ròng rã cho đến ngày 11-5-55, chuyến tàu lịch-sử của Hải-quân Mỹ do chiếc Brewster chở nốt 520 đồng-bào cuối cùng rời khỏi cửa Hải-phòng.

Tại Trung-phần có Nha Đại-Điện Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư tại Trung-phần phụ-trách nhưng tương-đối việc tiếp-cư tại Trung-phần nhẹ hơn hết.



*Gạo được tiếp-tế điều hòa và đầy đủ.*





*Mấy bạn thợ di-cư đang tự tay dựng lấy căn nhà của mình.*

Dưới đây là bản kê khai tổng số đồng bào Bắc-phần di-cư đã vượt tuyến trước ngày 19-5-56 và được di chuyển từ Trung phần vào Sài Gòn sau ngày đóng cửa biên giới Bến-Hải :

Ngày cập bến Saigon	Tên tàu	Tổng số đồng-bào
17-8-1955	Tàu hỏa	149
18-8-1955	Ville Haiphong	453
22-8-1955	Tabor	418
23-8-1955	Taurus	615
26-8-1955	Ville Haiphong	351
26-8-1955	Hương-Khanh	253
26-8-1955	Nam-Sinh	246
31-8-1955	Tabor	5
1-9-1955	Hương-Khanh	292
1-9-1955	Nam-Việt	289
3-9-1955	Tàu hỏa	99
3-9-1955	Phong-Châu	155
15-9-1955	Tàu hỏa	135
16-9-1955	Tàu hỏa	62
20-9-1955	Tàu hỏa	33
1-10-1955	Tàu hỏa	1
5-10-1955	Tàu hỏa	136
8-10-1955	Tàu hỏa	64
11-11-1955	Ville Haiphong	3
17-11-1955	Ville Haiphong	1

**Cộng..... 3.730 người**

Trong khi đó, nghĩa là từ sau ngày thỏa hiệp Genève ra đời (20-7-1954) cho tới nay, công cuộc tiếp-cư tại thủ đô Saigon vô cùng nặng nhọc. Làn sóng người không những chỉ kéo từ cửa bể Hải-Phòng vào mà thôi, đồng bào di-cư còn vượt tuyến vượt rừng núi hiểm trở của Lào, Cao - Miên, đều đổ dồn về thủ - đô Saigon.

Hàng ngày Cán-bộ tiếp-cư của Phủ Tổng-ủy Di-cư thường trực sẵn sàng tại sân bay Tân-Sơn-Nhất và các bến tàu thủy tại thủ đô Saigon. Ra tiếp đón đồng bào di-cư, ngay cả dưới những trưa nắng hè gay gắt hoặc những chiều trời mưa tầm tã, người ta thấy nào là các vị Đại-diện các tổ chức Bác-ái Quốc-tế, Đại-diện các đoàn-thể và đồng bào miền Nam, số người đi đón đồng bào di-cư lúc nào cũng đông nghịt. Vừa trên tàu bước xuống, ở bến tàu thủy Saigon cũng như ở sân bay Tân-Sơn-Nhất, đồng-bào được nhân-viên y-tế di-cư và cơ quan hồng-thập-tự trong nước săn sóc sức khỏe, Cán-bộ Tiếp-cư phân phát quà bánh và những vật phẩm cần dùng như xà-phòng, thuốc lá v.v... trước khi lên xe hơi đến các trạm tạm trú. Suốt trong vòng gần một năm trời bến tàu thủy Catinat và Khánh-Hội ở Saigon cũng như sân bay Tân-Sơn-Nhất diễn ra một cảnh tiếp đón vô cùng tấp nập suốt cả ngày đêm và cả giữa trưa nắng.

Về các trạm tạm trú đồng-bào nhận ngay được các tặng phẩm khác như sữa, bột, bơ, đường v.v... và hàng ngày nhận được tiền tiếp tế của Phủ Tổng-ủy Di-cư.

Số tiền và thực phẩm tiếp-tế cho đồng-bào từ trước tới nay chia ra làm 3 đợt do sở Tiếp-trợ di-cư phụ-trách.



*Giếng này cung cấp đủ nước cho đồng-bào tạm trú trong trại.*



*Ban Y-tế lưu động hoạt-động mạnh-mẽ, săn sóc sức khoẻ của đồng-bào di-cư.*

Từ tháng 7 năm 1954 đến 20-10-1954 là thời kỳ khởi sự, công việc bề bộn nên đồng-bào vào hồi bấy giờ chưa có chứng từ di-cư gì cả. Sở Tiếp-trợ chỉ căn cứ theo bản danh sách do các Trạm-trưởng tiếp-cư kê khai để phát cho mỗi người mỗi ngày 12\$ còn trẻ em dưới 6 tuổi mỗi ngày 6\$.

Từ 1-11-1954 đến 10-3-1955 là thời kỳ mà làn sóng di-cư vào Nam đã lan tràn mạnh mẽ, Sở Tiếp-trợ Di-cư đã phái Nhân-viên ra tận các bến tàu và phát tại chỗ cho đồng-bào di-cư mỗi người một trăm đồng cùng các tặng phẩm như sữa hộp, thuốc lá, cá hộp, bánh mì v.v...

Và sau đó đồng-bào sẽ nộp thẻ kiểm-tra di-cư cùng tờ khai gia-đình do cơ quan chính quyền của quận mình ở sát thực thì được phát số tiền 700 đồng để làm vốn sinh sống.

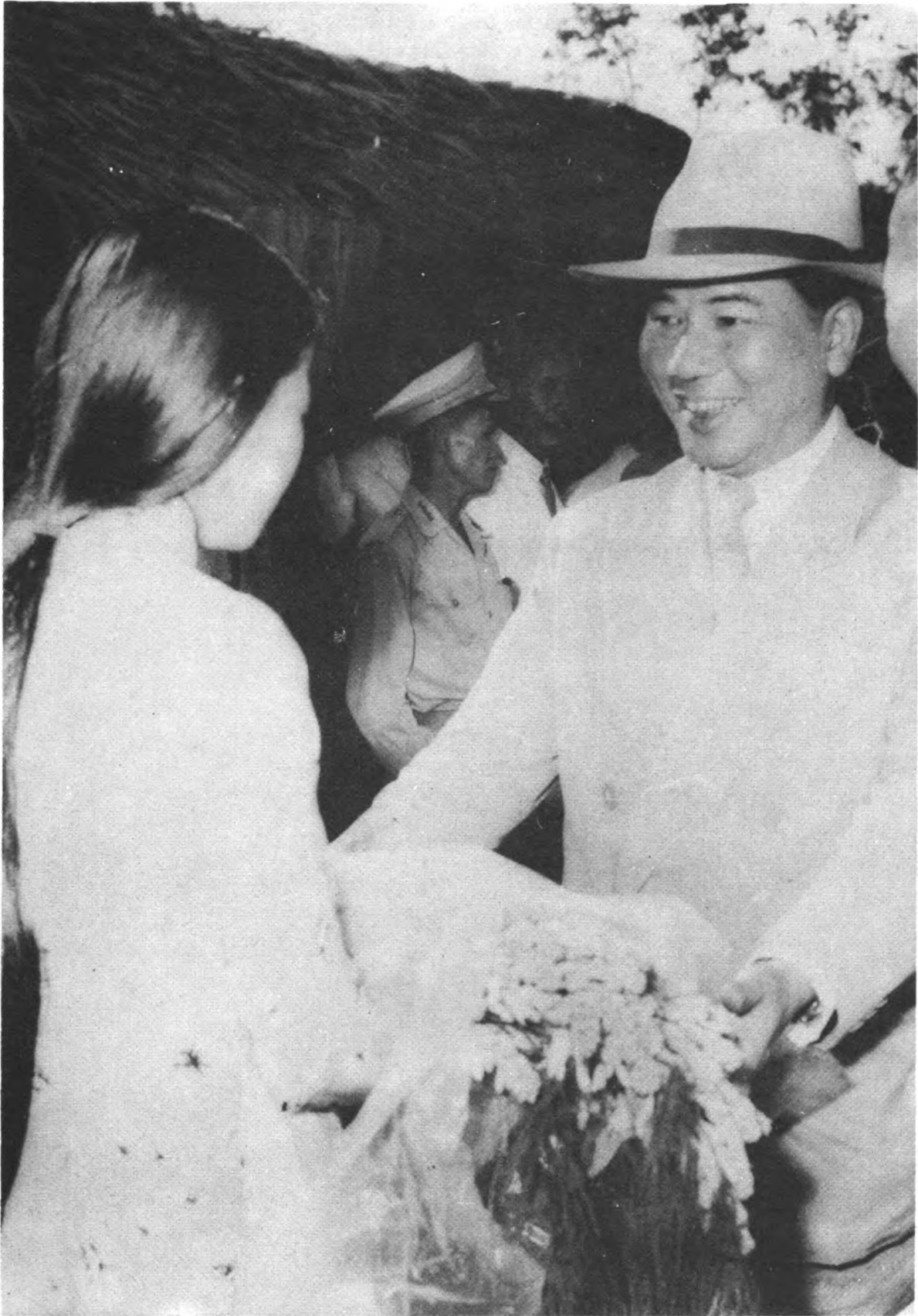
Áp dụng thể thức trên, đồng-bào di-cư phải chờ đợi lâu mới được lãnh trợ cấp 700 đồng cho nên kể từ ngày 11-3-1955 cho đến ngày 19-5-1955, Phủ Tổng-Uỷ phát ngay cho đồng-bào di-cư khi xuống máy bay khi ở tàu thủy lên bờ mỗi người 800\$ tại chỗ để kịp thời có vốn tìm kế mưu sinh (100\$ tiếp tế và 700\$ tiền trợ cấp định cư).

Tại thủ-đô Sài-gòn tại Gia-định, Tỉnh Vũng-Tàu, đã có trên 20 trạm tiếp-cư được thiết lập là :

- |                      |  |
|----------------------|--|
| — Nhà Hát-Lớn        | — Bình-Đông II                             |
| — Bình-Dân Bệnh-Viện | — Bình-Đông III                            |
| — Dạ-Lữ-Viện Nancy   | — Kim-Chung                                |
| — Nhà Kiếng          | — Đại-Thế-Giới                             |
| — Phú-Thọ-Lều        | — Tân-Sơn-Nhất                             |
| — Nhị-Thiên-Đường    | — Xuân-Trường (Quận Thủ-Đức Tỉnh Gia-Định) |
| — Bình-Đông I        | — Rạch-Dừa (Vũng-Tàu)                      |

và trong thời gian nghỉ hè, một số trường học tại Saigon được mượn làm nơi tiếp đón :

- |                        |
|------------------------|
| — Trường Tôn-Thọ-Tường |
| — — Trương-Minh-Ký     |
| — — Nguyễn-Tấn-Nghiệm  |
| — — Pétrus-Ký          |
| — — Cây-Gỗ Lớn         |
| — — Cây-Gỗ Nhỏ         |
| — — Đổ-Hữu-Phương      |
| — — Phú-Thọ            |
| — — Dakao              |
| — — Khánh-Hội          |



*Ngô Tổng-Thống vi hành thăm các trạm tạm trú.  
Một nữ sinh dâng hoa tỏ lòng tri ân sự ân cần săn sóc của Ngô Tổng-Thống.*

Trước khi đi định-cư, đồng bào được phát mỗi người 10 ngày gạo, nước mắm v.v...

Trong thời gian tạm trú trong các trại tiếp cư trên, đồng bào được cấp màn, chăn chiếu, và đủ các loại thực phẩm. Hàng ngày có y-tá săn sóc sức khỏe, phát thuốc và chích thuốc cho đồng-bào.

Thường ngày các cơ quan từ thiện, các tổ chức bác ái từ thiện, các tổ chức bác-ái Quốc-tế, các đoàn thể và đồng bào miền Nam đến thăm nom và biếu tặng phẩm cho đồng bào di-cư, thắt chặt tình tương-thân tương-ái Bắc-Trung-Nam và tình hữu-ái Quốc-tế.

Sự hoạt-động tại tất cả các trạm tiếp-cư trên đều vô cùng tấp nập vì hàng ngày đều phải đón tiếp những người mới đến Saigon (lo nơi ở, vật-dụng và tiếp tế lương-thực) cùng di-chuyển những người cũ về các miền quê.

Tại trạm tiếp-cư Phú-Thọ-Lều, tuy mỗi ngày đều di-chuyển hàng 2, 3 ngàn người về các tỉnh mà có ngày nhân số ở đây vẫn lên quá 10 ngàn người và hàng ngày con số ấy cũng chỉ xê xích từ 8, 9 đến 10 ngàn người nên công việc săn-sóc tiếp-tế cho hàng vạn người được chu đáo đầy đủ quả là một việc vô-cùng khó khăn, phức tạp. Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư đã phải cử về đây hàng trăm cán-bộ di-cư để phục-vụ đồng-bào. Chưa nói đến công việc dựng lều làm nơi tạm trú, phân phát lương-thực, tặng-phẩm, chi nguyên việc săn-sóc sức khoẻ cho đồng-bào cũng đã đòi hỏi ở Cán-bộ tiếp-cư nhiều cố gắng, nhẫn nại. Sau trạm Phú-Thọ-Lều, trạm Tân-Sơn-Nhất là một trạm tiếp cư đông đảo nhất, vì vậy công việc cũng bề bộn và cán-bộ tiếp-cư cũng phải làm việc vất vả nhất. Tại trại tiếp-cư khác cũng vậy, Cán-bộ tiếp cư phải ngày đêm đến làm việc để lo cho đồng-bào được nhận lãnh đầy đủ các khoản tiếp-tế của Chính-phủ và để có thể di chuyển đồng-bào đi các tỉnh, lấy chỗ đón tiếp những người mới trên tàu xuồng. Công việc tuy quanh quẩn có thể nhưng vì tính chất cấp bách, dồn dập nên luôn trong vòng gần 1 năm trời từ ngày khởi đầu phong trào di-cư đến ngày 16-8-55, ngày chấm dứt thời hạn di-cư, các cơ quan tiếp-cư, chuyển vận, y-tế, kiểm-tra thuộc Nha Tiếp-cư và Sở Thông-Tin Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư đã phải cố gắng hoạt động không ngừng mà luôn luôn vẫn bị công việc tràn ngập.

Nhưng sau đó, chỉ trong vòng một tháng trời, Nha Tiếp-cư Phủ Tổng-Uỷ Di-cư đã cố gắng kết thúc công tác vào ngày 17-9-55.

Nha Tiếp-cư chấm dứt nhiệm-vụ, tuy vậy đồng bào miền Bắc vẫn còn tiếp-tục thoát-ly ách thống-trị của bọn Việt-Cộng di-cư vào Nam nên công việc tiếp cư cũng chưa thể hoàn toàn chấm dứt và vì vậy các sở Tiếp cư, Tiếp-Liệu, Kiểm-Tra được thu hẹp để sát nhập vào Nha Định-cư và Tài-Chính.

Sau ngày chính thức hết hạn di-cư, cho mãi đến nay phong trào di-cư vẫn âm thầm tiếp diễn. Từ bấy đến nay, số người vượt qua Bến-Hải hoặc xuyên rừng, trèo đèo vượt suối qua Lào để sang miền Nam Trung phần Việt-Nam hoặc chèo thuyền lênh đênh trên biển cả để cố tìm vào vùng Tự-do lên tới 76 ngàn người. Những người này đều được Phủ Tổng-Uỷ Di-cư đón tiếp chu đáo và trợ cấp đầy đủ trước khi đi định-cư.

Hiện nay tại Saigon vẫn còn những trạm tạm trú sau này :

- Phú-Thọ-Lều với nhân số 120 người
- Bình-Đông 1 — — — 132 —
- Bảo-Hưng-Thái — — — 118 —

Cộng. .... : 370 người.

Và những trại chưa được hợp thức hóa :

— Phú-Thọ Nho với nhân số	12.153 người
— Tân-sơn-Nhất — — —	4.250
— Bắc-Hà — — —	9.000 ---
— Tân-sơn-Hòa — — —	4.500 ---
— Thăng-Long — — —	2.500 ---
— Nùng (Phú-Thọ) — —	400 ---

Cộng..... : 32.803 người

Và các trại Cứu-tế Xã-hội như :

— Cô-Nhi-Viện An-Lạc với nhân số	304 người
— Dục-Anh — — —	600 ---
— Phước-Thiện — — —	187 ---
— Nam-Sinh (L.Davie) — — —	500 ---
— Nữ-Sinh (Nhà Kiếng cũ) — —	70 ---

Cộng..... : 1.661 người

Ngoài công việc đón tiếp, săn sóc đồng-bào miền Bắc di-cư vào Nam tìm tự-do, Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư còn lo tiếp đón, săn-sóc các kiều bào ở các nước lân bang như Lào, Mên, Thái-Lan, Hương-Cảng trước kia vì chiến tranh tản cư sang làm ăn tại các nước này, nay trở về phụng sự Tổ-Quốc Kiều bào hồi cư được săn sóc, tiếp đón không khác gì đồng-bào miền Bắc di-cư vào Nam (được hưởng mọi khoản trợ cấp như đồng-bào di-cư) và tùy theo ý muốn của đồng-bào, được đưa đi định-cư tại những nơi hợp với khả-năng sinh-hoạt.



Nhìn chung công cuộc tiếp-cư đã thực hiện chu đáo dầu đã bị công việc tràn ngập lúc ban đầu. Nhưng càng làm việc càng rút được nhiều kinh nghiệm và việc tiếp-cư cũng được chấn chỉnh kịp thời.



Sữa, vải đủ dùng cho cả gia đình.





# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

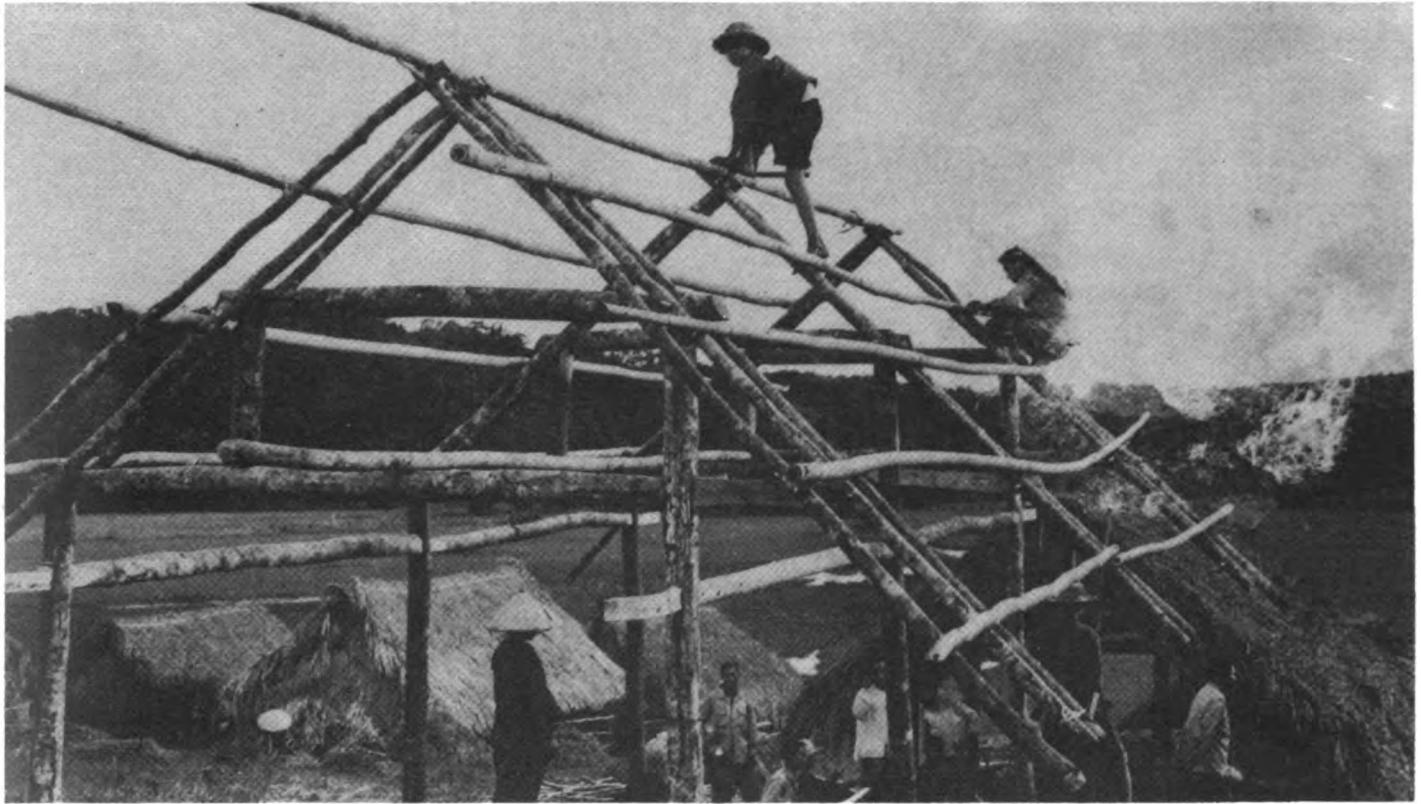
## CHƯƠNG VI

### CÔNG CUỘC ĐỊNH CƯ

#### SỰ TIẾN-TRIỂN CỦA CÔNG CUỘC ĐỊNH-CƯ

**C**ÔNG CUỘC định-cư vĩ-đại, một công cuộc liên hệ mật thiết đến tinh thần chiến đấu của đồng bào di-cư hay đúng hơn, một vấn đề quyết định đời sống tinh thần và vật chất của đồng-bào di-cư đã được Chính Phủ đặc biệt săn sóc với sự giúp đỡ chân thành của các nước bạn và sự nhiệt liệt hưởng ứng của toàn dân, nhất là đồng bào di-cư đã đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện công cuộc này.

Nói đến công cuộc định-cư, những người có quan niệm giản dị hay dễ dãi có thể nghĩ rằng : Công cuộc này đáng lẽ phải ổn định từ lâu hay ít ra cũng phải hoàn thành vào cuối tháng 6-1956.



*Nơi làm nhà*



*Nơi khuôn gỗ*

*Quang cảnh tập nập một nơi định-cư*

Sự thực, vấn đề rất phức tạp.

— Giải quyết cho non một triệu người di-cư có nơi ăn chốn ở kịp thời đã là một việc khó.

— Phân phối cho khối người đông đảo ấy được định-cư tại những miền hợp với khả năng sinh hoạt của từng người, gây cho họ có ý thức tự lực mưu sinh cùng giúp đỡ cho họ tiếp tục phát triển nghề cũ lại là một việc khó hơn.

Tuy trước kia, từ sau ngày, hết hạn di-cư, người ta đã nghe nói nhiều đến danh-từ định-cư, và rất nhiều trại định-cư đã được thành lập mau chóng tại Trung và Nam phần, nhưng để đạt những mục tiêu trên, công cuộc đòi hỏi rất nhiều cố gắng của nhân viên Chính quyền cũng như sự tích-cực tham gia của toàn dân và nhất là của đồng-bào di-cư.

Đồng thời với việc tổ chức đón tiếp đồng-bào di-cư đến Saigon, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn còn lo tổ chức việc định-cư cho đồng-bào có một đời sống tốt đẹp, có nhà ở, có phương-tiện tiếp-tục nghề nghiệp cũ.

Vì vậy Phủ Tổng-Uỷ bắt tay vào việc :

— Tìm địa điểm thích-hợp cho đồng bào sinh-hoạt tùy theo nghề nghiệp để lập trại định-cư : Đồng bào nông-nghiệp được đưa tới nơi có ruộng đất để cấy cấy, trồng tía, đồng bào ngư-nghiệp được đưa đến ven sông, ven bể, đồng bào tiểu công-nghệ được đưa đến cạnh những đô-thị.

— Dựng lều tạm-trú tại những địa-điểm này, trong khi chờ đợi cất nhà.

— Cất nhà cho đồng bào ở.

— Đào giếng lấy nước.

— Cất dựng nhà công-cộng như nhà hội họp, phòng thông-tin, phòng phát thuốc, trường học.

--- Tổ chức hành-chính tại mỗi trại.

--- Phân chia ruộng đất cho đồng bào nông-nghiệp.

--- Cấp phát nông-cụ, nông-súc, hạt giống, phân bón cho đồng bào nông-nghiệp, cấp ngư cụ cho đồng-bào ngư-nghiệp, phát dụng cụ cho đồng-bào tiểu-công-nghệ.

Những công cuộc trên đây được giao phó cho Nha Định-cư thuộc Phủ Tổng-Uỷ Di-cư Ty-nạn thành lập do nghị-định số 928-NV ngày 17-9-54 của Thủ-Tướng Chính-Phủ.

Với sự cố gắng của Nha Định-cư, công cuộc này được tiến hành theo ba giai đoạn :

— Giai đoạn giải quyết vấn đề cư trú cho đồng-bào.

— Giai đoạn định-cư.

— Giai-đoạn kiện toàn các trại định cư.



*Chợ búa đã thiết lập.*

I. — GIAI ĐOẠN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CƯ TRÚ CHO ĐỒNG BÀO TỊ NẠN  
(Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1954)

Đồng-bào tỵ-nạn được di chuyển từ Bắc vào Nam mỗi ngày một đông, các trạm tiếp-cư trong đô thành Saigon-Cholon không còn chỗ tiếp đón nữa.

Để giải-quyết vấn-đề cư-trú cho đồng-bào, Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-nạn phải cấp tốc đưa đồng-bào đi các Tỉnh để lấy chỗ tạm trú cho đồng bào mới tới và sắp tới.

Trong giai-đoạn này, Nha Định-Cư mới kịp tổ-chức một văn-phòng và một Ban Lưu-Động phụ-trách đưa đồng-bào tỵ-nạn từ các trạm Tiếp-Cư đi các Tỉnh có an-ninh tại Nam-Việt, Trung-Việt và Cao-Nguyên miền Nam. Tại các Tỉnh này, đồng-bào do các vị lãnh-đạo tinh-thần sẵn sóc, được tập trung tùy theo địa-phận, theo tôn-giáo hay theo làng-mạc ở ngoài Bắc, trên những Quốc-Gia Công-Thổ do các cơ-quan chính-quyền địa-phương chỉ-định.

Tuy gọi là đưa đồng-bào tỵ-nạn đi định-cư, nhưng việc lựa chọn các địa-điểm, vì sự đòi hỏi của thời cuộc và vì thiếu chuyên-viên, nên thực ra chỉ để giải quyết tình trạng đồng-bào di-cư ứ đọng quá đông tại Đô-thành.

Công-tác đã thực hiện được, không ngoài công việc dựng một số lều và nhà tạm thời cho đồng-bào tạm-trú.

Ngoài một số lều danh cất tạm, đã cất dựng được :

Tại Nam-phần . . . . . 10.683 lều vải.

Tại Trung-phần . . . . . 549 lều vải.

Cộng . . . . . 11.232 lều vải.

Lấy trong số lều của Mỹ và của Binh-Gia Pháp ủng hộ :

Mỹ . . . . . 6.000 lều lớn

Binh-Gia Pháp . . . . . 42.000 lều nhỏ

Ngoài ra ở Tây-Ninh và Hồ-Nai, Quân-Đội Cao-Đài và ông Tỉnh-Trưởng cũng thuê nhà thầu cất một số nhà cho đồng-bào tạm-trú.



*Gỗ, bương được chở tới tận nơi định-cư để phân phát cho đồng-bào cất nhà.*

Đồng-bào ty-nạn tạm-trú tại Đô-Thành đã được di chuyển đến các Tỉnh sau đây :

a) *Nam-phần*

— Biên-Hòa	13 trại	124.850 người
— Thủ-Dầu-Một	14 “	18.473 “
— Gia-Định	14 “	43.524 “
— Mỹ-Tho	7 “	8.215 “
— Vĩnh-Long	7 “	2.536 “
— Bến-Tre	8 “	14.737 “
— Tây-Ninh	13 “	31.693 “
— Chợ-Lớn	11 “	34.592 “
— Long-Xuyên	3 “	4.989 “
— Tân-An	1 “	309 “
— Baria	6 “	8.608 “
— Vũng-Tàu	1 “	1.500 “
Cộng : 98 trại		294.026 người

b) *Cao-nguyên Trung-phần*

— Blao	4 trại	7.917 người
— Đalat	3 “	3.567 “
— Banmethuot	1 “	893 “
Cộng : 8 trại		12.377 người

c) *Trung-phần*

— Quảng-Trị	7 trại	8.364 người
— Thừa-Thiên	11 “	6.329 “
— Đà-Nẵng	7 “	9.465 “
— Quảng-Nam	4 “	735 “
— Phú-Yên	2 “	225 “
— Khánh-Hòa	7 “	1.863 “
— Ninh-Thuận	1 “	2.690 “
— Bình-Thuận	5 “	18.754 “
Cộng : 44 “		48.425 người

Tổng cộng số người đã di-chuyển đến các Tỉnh :

--- Nam-phần	12 Tỉnh	98 trại	300.875 người
--- Cao-nguyên Trung-phần	3 “	8 “	12.377 “
--- Trung-phần	8 “	44 “	48.425 “

Sau khi đưa đồng bào ty-nạn đến các địa điểm trên, việc tổ-chức Ủy-ban định-cư trại cũng được xếp đặt ngay.

Thành phần Ủy-ban Định-cư trại được bầu và gồm có :

- 1 vị lãnh-đạo tinh-thần hay đoàn thể : Bầu lấy 1 vị làm Chủ-tịch,
- Hai đại-biểu dân cử : Ủy-viên.

Nhiều trại trong một quận hay một khu vực họp lại thành một địa điểm có Ủy-ban Định-cư địa điểm gồm 5 nhân viên ;

- 1 công chức đại-diện Ông Tỉnh-Trưởng (thường thường là Ông Quận-Trưởng) : làm Chủ-tịch
- 2 vị lãnh-đạo tinh-thần (vị linh mục hai vị lãnh-đạo đoàn-thể) : làm Ủy-viên
- 3 đại-biểu dân bầu : —“—

Tại mỗi Tỉnh có đồng-bào di-cư, có một Ủy-ban Định-cư Tỉnh mà thành phần gồm có :



*Một điều thuốc lao giải lao sau buổi làm nặng nhọc*

- Ông Tỉnh-Trưởng Chủ-Tịch.
- Mỗi Ủy - Ban Định - Cư địa điểm cử hai  
đại - biểu làm (1 vị lãnh - đạo tinh - thần  
và 1 đại-diện dân di-cư) Hội-viên
- Các Ông Trưởng - Ty Công - Chánh,  
— Canh-Nông, Y-Tế Cố-Vấn

Nhiệm-vụ của Ủy-Ban Định-Cư Trại và Ủy-Ban Định-Cư địa điểm là :

- Thi-hành chi-thị của cấp trên.
- Thống-kê dân-số, kiểm-tra, lập danh-sách gia-đình và cá-nhân.
- Tổ-chức trật-tự an-ninh.
- Tổ-chức tiếp-tế, sinh-hoạt.
- Kiểm-soát vệ-sinh chung.
- Kiến-thiết các trại định-cư.
- Phân phát, vật-liệu, tặng phẩm.
- Đề-nghị nhu-cầu.



*Các em học sinh đi cư vui vẻ cắp sách đến trường*



## *Uỷ - Ban Định - Cư Tỉnh có nhiệm-vụ :*

- Thi-hành chỉ-thị của Phủ Tổng-Uỷ Ty-nạn.
- Quản-trị ngân-quỹ trợ-cấp, khai-khẩn, xây-dựng.
- Lập chương-trình trợ-cấp, khai-khẩn, xây-dựng và Y-Tế.
- Kiểm-soát việc thực hiện chương-trình trên.
- Đề-nghị mọi việc sửa đổi.

Còn về phương-diện hành-chính, thì các trại Định-Cư thuộc vào địa-phân xã nào, phải thuộc quyền Uỷ-Ban Hành-Chính Sở tại.

### II. — GIAI ĐOẠN ĐỊNH-CƯ

Trong giai-đoạn này, đồng-bào di-cư vẫn như nước vỡ bờ từ Bắc vĩ-tuyến vào Nam. Mỗi ngày thường có 1 chuyến tàu cập bến Saigon, có nhiều chuyến chở từ 4.000 đến 6.000 đồng-bào.

Công việc của giai-đoạn này là tiếp tục đưa đồng-bào đi định-cư và tiến hành việc thành lập thêm các trại để có nơi định-cư thêm đồng-bào. Đồng-thời bắt đầu cất dựng nhà cho đồng-bào có nơi cư-trú để tránh cảnh nóng bức và chen-chúc của đồng-đào sống dưới các lều vải.

Các trại cũng được tổ-chức cho có quy-củ và việc kiểm-tra nhân-số được tiến-hành để nắm vững tình-hình các trại.

## **Công-tác đã thực-hiện**

### **A. — LẬP THÊM TRẠI ĐỊNH - CƯ :**

Trong giai đoạn này, Nha Định-Cư đã lựa chọn khu Ba-Bèo (tỉnh Mỹ-Tho) và một vài địa-điểm khác tại Gia-Định đặt thành nơi định-cư. Đã tổ-chức thêm :

- Tại Mỹ-Tho : 8 trại (Ba-Bèo 7 trại : B, C, D, E, G, H, I và 1 trại tại Linh-Phước).

- Tại Gia-Định : 16 trại
- Cộng : 24 trại



*Nhà cửa dựng xong, đồng bào bắt tay vào việc đào kênh*

## B. — CẮT NHÀ.

Đa số đồng-bào các trại còn tạm-trú trong các lều vải, chật chội, oi-bức, không hợp vệ-sinh. Nha Định-Cur lo cắt nhà cho đồng-bào ở. Mỗi căn nhà giá tối đa là 3.000\$. Việc cắt nhà theo các thể-thức sau đây :

— Ở Ba-Bèo (Mỹ-Tho) là địa-điểm mới chọn, Nha Định-Cur đặt cho các nhà thầu làm các sườn nhà sẵn để phát cho từng gia-đình một, dựng tự cắt lấy nhà ở. Mỗi sườn nhà giá là 2.145\$. Mỗi gia-đình được lãnh thêm sau khi cắt nhà xong 855\$.

— Ở các tỉnh khác, các gia-đình tự cắt lấy nhà ở. Khi cắt xong sẽ có một Ủy-Ban đến kiểm nhận, xét định giá và trả tiền cho đồng-bào theo thực giá của căn nhà.

### Số nhà đã cắt được

#### Nam-phần

— Biên-Hòa	13.420 căn
— Thủ-đầu-Một	1.613 "
— Gia-Định	6.873 "
— Mỹ-Tho	2.289 "
— Vĩnh-Long	497 "
— Bến-Tre	2.759 "
— Tây-Ninh	600 "
— Chợ-Lớn	2.439 "
— Long-Xuyên	704 "
— Tân-An	62 "
— Barja	1.198 "
— Vũng-Tàu	100 "

Cộng : 32.554 căn

#### Trung-phần

— Quảng-Trị	1.600 căn
— Thừa-Thiên	1.027 "
— Đà-Nẵng	1.489 "
— Quảng-Nam	170 "
— Phú-Yên	30 "
— Khánh-Hòa	280 "
— Ninh-Thuận	200 "
— Bình-Thuận	1.485 "

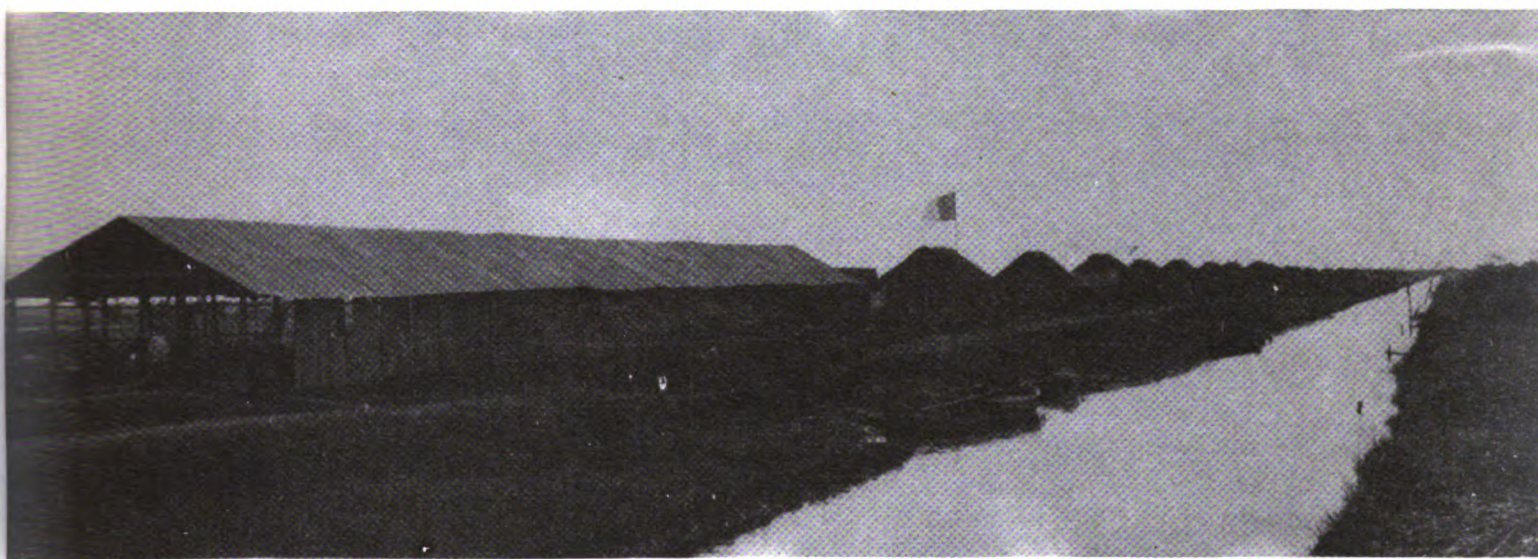
Cộng : 6.281 căn

Tổng cộng : 38.835 căn

## C. — ĐÀO GIẾNG

Mùa mưa qua, mùa khô tới, vấn đề khan nước tại các trại định-cư trở nên trầm-trọng. Nhiều tỉnh nhất là Tây-Ninh, Biên-Hòa đã phải dùng xe vận-tải tiếp-tế nước.

Để giải-quyết vấn-đề này, Nha Định-cư đã bắt đầu thành-lập một ban đào giếng lưu-động đến các trại đào giếng lấy nước cho đồng bào dùng.



*Đây quang cảnh mấy trại định cư tại Trung Phần và Nam Phần*

Đồng thời Nha Định-Cư cũng hô-hào đồng-bào Định-Cư tự đào lấy giếng, dưới sự chỉ-dẫn của Ty Công-Chính địa-phương và với vật-liệu của Phủ Tổng-Uỷ Ty-nạn cung cấp.

#### **D. — TỔ-CHỨC AN-NINH TRẠI CÁC THÁI ĐỊNH-CƯ.**

Để tự giữ lấy trật-tự trong trại, đồng-bào định-cư đã theo lời hô-hào của Nha Định-Cư, tự động lập ra Ban Bảo-An, và lựa chọn những thanh-niên có tinh-thần xung-phong đứng ra bảo-vệ lấy trại.

Tại một vài trại, tỷ như ở Biên-Hòa, Thủđầumột, chính-quyền địa-phương cũng có cấp vũ khí cho các anh em Bảo-An như lựu đạn và súng trường.

#### **E. — KIỂM TRA DÂN SỐ.**

Sở đồng-bào được đưa tới các trại định-cư đã khá đông. Để tiện việc kiểm-soát dân số, Sở Kiểm-Tra trước trực thuộc Nha Tiếp-Cư, nay sát nhập vào Nha Định-Cư.

Công việc của Sở Kiểm-Tra là phát thẻ Kiểm-Tra cho đồng bào tại các trại Tiếp-Cư và đồng-bào đã tự ý định-cư tại Đô-Thành để lấy giấy tờ linh tiền trợ-cấp, vẫn tiến hành như trước.

Còn việc kiểm-tra đồng-bào các trại định-cư thì do Uỷ-Ban Định-Cư các trại phụ-trách.

### **III. GIAI ĐOẠN KIẾN TOÀN ĐỊNH-CƯ**

#### **(TỪ THÁNG 6-1955 ĐẾN BÂY GIỜ).**

Sự cố gắng chung của chính-quyền và của nhân dân đã đem lại kết quả là công cuộc định-cư đã bước sang giai đoạn cuối cùng của nó : giai đoạn kiến-toàn định-cư.

Tiếp tục thực hiện những chủ trương trên cho đến chỗ thật khoa-học, hợp lý đồng thời đẩy mạnh phong trào tự-lực mưu-sinh, tăng-cường ý-chí thông-cảm diệt Cộng trong đồng-bào di-cư để cuối cùng tiến nhanh đến chỗ địa-phương hóa đồng-bào di-cư, giai đoạn kiến toàn định-cư là giai đoạn lối hậu, và cũng là giai-đoạn tối quan trọng trong công cuộc định-cư. Kết quả của chương trình kiến-toàn định-cư sẽ quyết-định kết-quả của công cuộc định-cư nói chung, do đó nó sẽ quyết-định đời sống tinh-thần và vật-chất của đồng-bào di-cư. Cố nhiên nó có ảnh hưởng trực-tiếp và mạnh mẽ đến tinh-thần tranh-đấu chống Cộng kiến quốc của đồng-bào di-cư.

Sau khi quân phiến loạn Bình-Xuyền đã bị đánh bật ra khỏi đô-thành Saigon, lực-lượng của chúng chạy về ẩn nấp tại một vài tỉnh, quay ra khủng-bố đồng-bào. Một vài trại bị chúng đốt phá gây thiệt hại về nhân mạng và về vật chất. Một số phiến-loạn khác theo gót Bình-Xuyền, chống lại Chính-phủ và khủng bố đồng-bào. Một số trại nhất là Phước-Lý (Biên-Hòa) và Hồ-Đôn (Tây-Ninh) bị chúng hãm-dọa, đồng bào đi làm ăn lẻ-tẻ bị chúng bắn giết. Nhưng Quân-đội Quốc-gia đã anh-dũng dẹp tan chúng ở khắp nơi một cách nhanh chóng lập lại an-ninh ở nhiều tỉnh miền Hậu-Giang là nơi vựa lúa của Nam-Việt.

Phủ Tổng-Uỷ Ty-nạn nhận thấy cuộc định-cư đồng bào có thể cùng với tình hình an-ninh vẫn hồi ở các tỉnh, cùng bành trướng, và bước vào giai-đoạn quyết-định, « giai-đoạn hướng dẫn đồng bào đi đến tự-lực mưu-sinh. »

Nhìn vào công cuộc định cư đã thực-hiện trong giai-đoạn trước, Phủ Tổng-Uỷ Ty-nạn nhận thấy có những khuyết điểm cần được sửa chữa.

Những khuyết điểm này là do sự thiếu nghiên-cứu trước những địa điểm chọn làm nơi định-cư. Cho nên có những địa điểm :



*Mấy vị quan khách đang cùng ông Tổng Ủy Di Cư quan sát một giếng nước ăn trong trại di cư*

- Đất xấu không thể trồng tía được
- Thiếu nước ăn hoặc nước để trồng tía.
- Định-cư quá đông, quá khả năng thu nhận

Việc định-cư đồng-bào không thi hành theo nghề nghiệp của họ, nên có đồng-bào ngư nghiệp lại được định-cư tại nơi rừng núi (Đa-Minh) hay ngược lại.

Ngoài ra để sửa chữa các lỗi lầm trên, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn nhận thấy tại Trung-Uơng đã có một số khá đông nhân-viên, trong khi ấy thì tại các địa-phương, thiếu nhân-viên giúp việc, nên đã điều động một số khá đông nhân-viên đi giúp việc tại các Tỉnh, mà chỉ để lại ở Trung-Uơng một số ít.

Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn, trong giai-đoạn này, đã kiện-toàn các trại định-cư bằng cách :

— Điều-hoà lại dân-số các trại cho hợp với khả-năng thu nhận của mỗi trại, đặng đưa bớt số đồng-bào thừa đến các trại khác còn dư khả-năng thu-nhận, hoặc đến các địa-điểm mới, có đủ điều-kiện mưu-sinh.



*Rừng đất bỏ hoang nay lại được đồng bào tị nạn khai thác*



*Sân đất đào kênh để tiện việc giao thông và lấy nước vào ruộng*

— Định-cư các trại không đủ khả-năng sinh-sống đến địa-điểm khác.

— Tìm những địa-điểm mới thành-lập các trại định-cư mới.

Trong công việc này, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn đã tiến hành trên những nguyên-tắc sau đây :

Thành-lập phái-đoàn tìm đất gồm có các nhà chuyên-viên để nghiên-cứu trước về :

— Tính chất của đất, xem có thể giồng cấy được những thứ cây gì ?

— Diện-tích.

— Có đủ nước ăn uống và tưới cây.

— Có khả-năng sinh-sống cho bao nhiêu gia-đình.

— Khí-hậu tốt.

— Đường giao-thông, tiếp-tế thuận tiện.

Những địa-điểm nào có đủ điều-kiện tối thiểu đó, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn mới chọn làm nơi định-cư để đồng-bào ty-nạn có thể sinh-sống ở đó.

Để công cuộc mưu-sinh của đồng-bào chóng đi tới kết quả, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn lại còn nhờ những cơ-quan chuyên-môn trực tiếp hợp-tác : Bộ Canh-Nông, Bộ Cải-Cách Điền-Địa, Bộ Công-Chính.

Viện-Trợ-Mỹ và Viện-Trợ-Pháp, không kể những sự giúp đỡ về Tài-Chánh rất dồi dào, còn cho chuyên-viên các ngành giúp đỡ Phủ Tổng-Uỷ.

Đại Học-Đường MICHIGAN (M. S. U.) cũng đã vui lòng giúp Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn một cách thiết thực trong công cuộc định-cư, mưu-sinh cho đồng-bào ty-nạn, cũng như công việc tổ-chức Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn.

Theo lời đề-nghị của Ông TỔNG-UYỄN-TRƯỜNG, Viện-Trợ-Mỹ và Pháp cũng đã giúp đỡ một cách có quy củ hơn bằng cách lập cho mỗi trại một dự-án có ngân-khoản riêng để chi-tiêu trong công việc kiện-toàn trại đó. Dự-án này được bù-trừ tất cả những nhu-cầu cần-thiết cho đồng-bào mỗi trại.

Được sự hợp tác chặt-chẽ của các cơ-quan trên, và nhận thấy tình hình an-ninh được vãn-hồi, Phủ Tổng-Uỷ Ty-nạn chủ trương trong giai đoạn này, nhất định



*Những bàn tay cứng rắn này sẽ làm cho ruộng đất trở lại  
phi - nhiên trên cánh đồng bát ngát miền Cai-Sơn*

hướng dẫn đồng-bào đi đến chỗ tự-lực mưu sinh, để giải quyết vấn đề định-cư và đồng thời kết thúc công-tác của Phủ Tổng-Uỷ Ty-nạn.

Theo chủ-trương trên, Nha Định-cư có nhiệm vụ :

- Tiếp tục đưa đồng-bào còn ở các trại Tiếp-cư đi định-cư.
- Điều hòa dân số mỗi trại cho hợp với khả-năng của mỗi điểm.
- Giải tán những trại không có khả-năng sinh sống.
- Tìm những địa điểm mới, thành lập các trại định cư theo nghề nghiệp của đồng bào.
- Lập dự-án kiện-toàn các trại định-cư.
- Rút nhân-viên của Nha đi các tỉnh để thi hành những dự-án kiện-toàn các trại định-cư.



- Cung - cấp nông - súc, nông - cụ, phân - bón, hạt giống cho đồng-bào nông nghiệp; ngư-cụ cho đồng-bào ngư-nghiệp, và dụng-cụ tiểu-công-nghệ cho đồng-bào chuyên về tiểu-công-nghệ.
- Cải-tổ, tổ-chức Ủy-Ban Định-Cư các trại.
- Tổ-chức an-ninh tại các trại định-cư.

## Công tác đã thực hiện được.

### A. — TIẾP-TỤC ĐƯA ĐỒNG-BÀO ĐI ĐỊNH-CƯ.

Tại các trạm Tiếp-Cư trong Đô-Thành Saigon-Cholon đồng-bào ty-nạn tạm-trú vẫn còn đông. Nha Định-Cư đã tiếp-tục di-chuyển họ đến các trại định-cư.

Trong thời gian này, Nha Định-cư đã định-cư thêm được 177.491 đồng-bào ty nạn.

Nhờ đó các trạm Tiếp-cư được giải-tán lần lượt và Nha Tiếp-cư đã sớm hoàn thành được nhiệm vụ và đã sát nhập vào Nha Định-Cư từ tháng 10-1955.

### B. — ĐIỀU-HÒA NHÂN-SỐ CHO HỢP VỚI KHẢ-NĂNG CỦA MỖI TRẠI.

Trước khi điều-hòa dân-số các trại định-cư, Nha Định-Cư hợp tác với Nha Kỹ-Thuật và phái-đoàn Viện-Trợ Mỹ đi thăm tất cả các trại định-cư, để nhận xét và nghiên-cứu tại chỗ, tình-hình và khả-năng sinh-sống của mỗi trại để quyết định về dân-số, về sự đời đồng-bào thừa đi nếu cần, hoặc giải-tán những trại không có khả-năng tự-túc.

Sau đó tùy theo nghề-nghiệp của đồng-bào, Nha Định-Cư đã phân chia thành các loại trại.

Đồng-bào nông-nghiệp được đưa đến các trại nông-nghiệp, đồng-bào ngư-nghiệp đến các trại ven sông, ven bể, đồng-bào tiểu-công-nghệ đến các trại gần Đô-thị.

#### A. — NÔNG-NGHIỆP (ĐỘ 75 %).

*Trại Nông-Nghiệp.*— Trừ những loại trại ngư-nghiệp, tiểu-công-nghệ, các trại đều là trại nông-nghiệp vì đại đa số đồng-bào định-cư là nông-dân. Trong những trại nông-nghiệp này, có trại sống về hoa-mầu (Bình-Gia, Xuyên-Mộc), có trại sống về ruộng lúa. Tuy không có trại chăn nuôi riêng biệt, nhưng tại các trại nông-nghiệp, gia-đình nào cũng có nuôi heo, gà vịt, bò trâu v. v...

#### B. — NGƯ-NGHIỆP (ĐỘ 10%).

*Trại Ngư-Nghiệp :*

— Cần-Hữu	Bến-Tre
— Khâu-Bang	«
— Thanh-Thới	Vũng-Tàu
— Rạch-Dừa A	«
— Rạch-Dừa B	«
— Phước-Tĩnh	Bà-Rịa
— Tân-Phước	«
— Cù-My	«
— Loan-Lý	Thừa-Thiên
— Đông-Dương	«
— Thanh-Bồ	«



*Công việc tuy nặng nhọc nhưng tin tưởng ở tương lai, nụ cười luôn luôn  
nở trên vẻ mặt hân hoan của người trai di cư*

— Ngoại-Hải	Đà-Năng
— Đông-Mỹ	“
— Thạch-Gian	“
— Mai-Hiến-Đông	“
— Xóm-Đầm	Bình-Thuận
— Bình-Hưng	“
— La-Gi	“
— Phan-Ri	“
— Đông-Hải	“
— Vĩnh-Thúy	“
— Ba-Làng	Nha-Trang
— Lương-Son (Cù-lao)	“
— Hòa-Tân	“
— Ba-Ngòi	“

Ngoài ra còn một số đồng bào ngư-nghiệp định-cư rải-rác trong các trại dọc theo bờ sông tại Mỹ-Tho.

### C) — TIỂU CÔNG-NGHỆ (ĐỘ 10%)

*Trại Tiểu-Công-Nghệ.* — Những đồng-bào Tiểu-Công-Nghệ được định-cư tại các trại Tiểu-Công-Nghệ :

— Thủ-Trí	Đô-Thành
— Phú-Bình	“
— Giồng-Ông-Tổ	Gia-Định
— Suối-Lồ-đ	“
— Đông-Hòa-Xã	“
— Tân-Mai	Biên-Hòa
— Hố-Nai Hòa-Bình	“
— Hố-Nai Thanh-Bình	“

### D) — TIỂU THƯƠNG (ĐỘ 5%)

Đồng-bào tiểu-thương phần nhiều ở hỗn hợp với đồng-bào vừa làm ruộng vừa làm tiểu-công-nghệ trong những trại tiện đường giao thông chợ búa.

Ngoài các loại trại trên, Nha Định-cư Phủ Tổng-Ủy Di-Cư còn tổ-chức những trại riêng biệt cho đồng-bào Thượng được định-cư chung với nhau. Hiện có 7 trại định-cư riêng biệt cho đồng-bào Thượng : Đồng-bào Thổ và Thái ở Trung-Nghĩa (Đà-lạt)

— Đồng-bào Nùng ở Sông-Mao	(Phan-Ri )
— “ “ “ ở Phan-Ri B	(Bình-Thuận)
— “ “ Mưòng ở Tức-Trung	(Biên-Hòa )
— “ “ “ ở Pleiku	(Cao-Nguyên Nam)
— “ “ “ ở Hoàng-Ân	
--- Đồng-bào Mán ở Banmêthuột	(C. N. M. N.)

Tổng số đồng-bào Thượng đã được định-cư là 14.794 người.

Ngoài ra còn một số đồng-bào Nùng định-cư lẻ-tẻ ở Bình-Thuận nữa.

### C. - TÌM ĐỊA ĐIỂM THÀNH LẬP CÁC TRẠI MỚI.

Sau khi phân chia các loại trại dựa theo các nghề-nghiệp của đồng-bào tỵ-nạn, Nha Định-Cur đã hợp-tác với Nha Nghiên-Cứu Kế-Hoạch và Kỹ-Thuật cùng các cơ-quan Viện-trợ để đi đến các Tỉnh tìm địa-điểm thích-hợp.

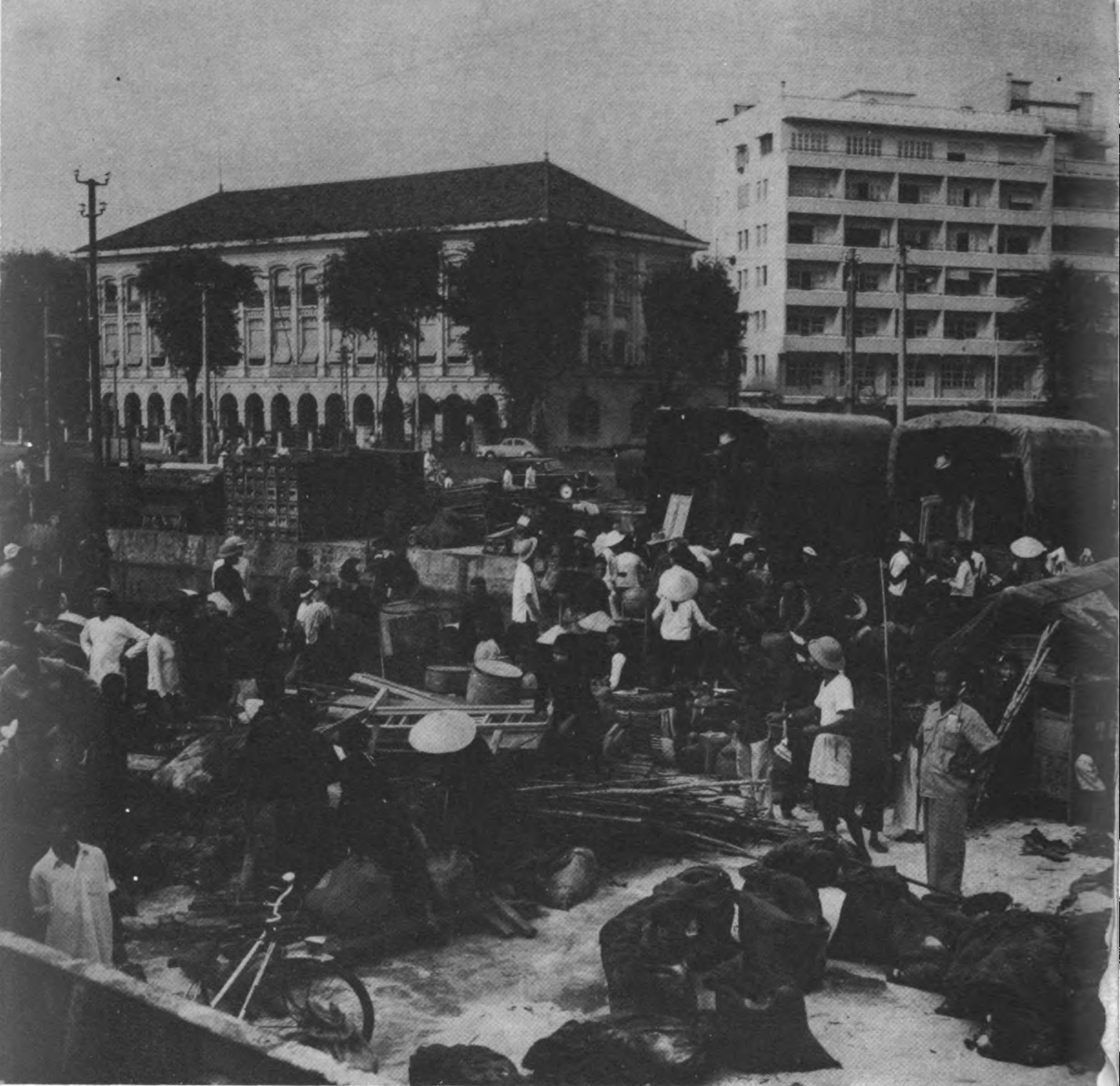
Phái-đoàn này đã đi thăm tất cả các trại từ vĩ-tuyến 17 trở vào, để khảo-sát tình-hình sinh-hoạt và đồng thời tìm các địa-điểm thích-hợp.

Trong cuộc khảo-sát tình-hình sinh-hoạt của các trại, Nha Định-Cur đã xin giải-tán một số trại xét không đủ khả-năng sinh-sống, đồng thời cũng thiết-lập các trại mới.

#### A) — SỐ TRẠI MỚI THÀNH LẬP.

TỈNH	Tên trại	Loại trại	Ngày		Dân-số	CÁC TRẠI CŨ
			thành-lập			
	<u>Nam-Phân</u>					
SÓC-TRĂNG	Đại-Hải	CN	7-55	5.264		Thương - Lang (Biên - Hòa), Rạch-Bắp (Thủ-đầu-một), Long-Hương, Thu-Lưu, (Bà-ri-a), Ba-Bèo (Mỹ-Tho), v. v...
CẦN-THƠ	Phụng-Hiệp	CN	6-12-55	4.169		Lương-hòa-Trung, An-Giang (Cholon) Ba - Bèo B (Mỹ-Tho) Vĩnh - Phát, (Thủ-đầu-một).
RẠCH-GIÁ	Cái-Sán	CN	27-1-56	42.145		Đô - Thành, Gia - Định, Biên-Hòa, Thủ-đầu-một, Tây - Ninh, Long - Xuyên, Thừa - Thiên, (Thanh-Phù).
BẠC-LIÊU	Ninh-Son	CN	3-56	996		An-Dũng (Biên-Hòa).
VŨNG - TÀU	Rạch-Dừa A	CL	10-55	1.050		Trạm Tiếp-Cur được thiết-lập trại định-cư.
	Rạch-Dừa B	CL	2-56	464		Hợp-thức-hóa.
CHỢ-LỚN	Lộc-Giang	CN	3-56	928		Lương-Hòa-Thượng.
BÀ-RI-A	Long-Hương	CN	4-56	946		Trại Phật-giáo cũ di-chuyển về
	Long-Kiến	CN	1-56	800		Rạch-Dừa (Tiếp-cư)
	Cát-Lở	CN	7-55	1.003		Rạch-Dừa
	Tân-Phước	CL	8-55	1.601		Bời-Lời (Tây-Ninh)
	Xuyên-Mộc	CL	9-55	715		Rạch-Dừa (Tiếp-cư)
	Bình-Giá	CN	9-55	6.560		Bình-Đông (Cholon), Xuân-Trường (Thủ-Đức)
	Cù-My	CL	11-55	1.667		Bời-Lời (Tây-Ninh)
Chu-Hải	CL	1-56	3.600		Dốc-Mơ (Biên-Hòa)	

TỈNH	Tên trại	Loại trại	Ngày thành - lập	Dân-số	CÁC TRẠI CŨ
<i>Cao-Nguyên Trung-Phần</i>					
	Hưng-Đạo	CN	12-55	1.144	Phật-giáo Đò-thành
	Hòa-Bình	CN	12-55	430	Tân-Sơn-Nhất, Tân-Sơn-Hòa, Hóc-Môn, Châu-Nam (Gia-định) Hồ-Nai, Tân-Mai.
BAN-MÊ THUỘT	Kim-Châu	CN	"	996	(Biên-Hòa), Tân-Bùi (Blao) Châu-hiệp, Bình-an - Thượng (Chợ-lớn), Mỹ-Đức (Ninh-Thượn)
	Kim-Phát	CN	"		
PLEIKU	Phú-Đức	CN	12-55	517	Hoàng-Ân (Pleiku) đồng-bào Mường.
	An-Khê	CN	2-9-56	588	Sơn-Hải (Nha-Trang) Du-Sinh Đa-Minh, Cầu-Đất (Đalat)
BAN-MÊ THUỘT	Dakmil	CN	5-56	2.480	Tân-Hưng A-B (Bình-Thượn)
	Châu-Sơn	CN	"	446	Mường-Mán ( " )
	Hà-Lan A	CN	"	1.441	Đồng-bào Nùng (Đà-Năng)
	Hà-Lan B	CN	"	1.334	Nội-Hà, Chính-Trạch, Thạnh-Bình, (Đà-năng), Rừng-Láng (Quảng - Ngãi) Thanh - Hà (Quảng-Nam).
ĐỒNG-NAI THƯỢNG	Lam-Sơn	CN	8-55	278	Phật-giáo (Saigon).
	Thanh-Bình	CN	11-55	1.171	Hồ-Nai (Biên-Hòa)
	Kim-Phát	CN	"	241	Khâu-Băng A (Bến Tre)
	Phú-Hiệp	CN	12-55	1.015	Phú-Lai, Nam-Hiệp (Dran)
	Trà-Cổ	CN	2-56	1.575	Trà-Cổ (Thủđầumột)
	Phúc-Lâm	CN	"	1.334	Hồ-Nai (Biên-Hòa)
	Lộc-Lâm	CN	2-56	1 003	Cầu-Vàng (Bến-Tre)
	Đa-Kai (cây số 132)	CN	6-56	487	Đa-Minh (Đalat)
<i>Trung - Phần</i>					
PHÚ-YÊN	Tân-Lập	CN	10-55	1.363	Bình-Đông II, III
KHÁNH HÒA	Xuân-Ninh (Ba-Ngòi)	CL	3-56	1.138	Xuân-Ninh (Thủđầumột)
BÌNH THUẬN	Thuận-Nghĩa B	CN	4-56	1.585	Phú-Lâm cùng Tỉnh
	Phú-Lâm	CN	9-55	2.261	Xuân-Trường (Bình-Đông Sg)
	Mũi-Né	CN	7-56	1.245	Châu - Nam, Tân - Sơn - Hòa Gia-Định)
QUẢNG-TRỊ	Trường-Sanh	CN	4-56	805	Sân Vận-dộng Quảng-Trị
	An - Đồn -	CN	"	339	— nt —
	Thượng Lương-Điền	CN	"	1.044	— nt —



*Đoàn người di cư đang sửa soạn đúp tàu đi khai-thác miền Cái-Sơn*

**Đã thành lập thêm :**

— NAM-PHẦN	27 trại
— CAO NGUYÊN TRUNG PHẦN	18 —
— TRUNG PHẦN	8 —

**Cộng : 53 trại**

## B) NHỮNG TRẠI ĐỊNH-CƯ ĐẶC BIỆT

Trong số các trại định-cư mới thành lập, có nhiều trại như Cái-Sán, La-Ngà, Ban-Mê-Thuột, Pleiku được thành lập theo chương-trình đặc-biệt dựa theo chủ-trương tái-canh vùng Cái-Sán và khai thác Cao-Nguyên miền Nam của Chính-Phủ.

Chương-trình tái-canh vùng Cái-Sán và khai thác vùng Cao-Nguyên Miền-Nam là một công-cuộc vĩ đại để phục hưng nền kinh-tế Quốc-Gia mà chương-trình kiện-toàn định-cư của Phủ Tổng-Ủy Di-Cư đã góp một phần khá quan trọng :

### TRUNG TÂM ĐỊNH-CƯ CÁI-SÁN

Nha Định-Cư đã đưa tất cả 42.145 đồng-bào tỵ-nạn tới Cái-Sán định-cư dọc các bờ Kênh, lập thành 15 trại định-cư :

Hiện đồng-bào đã :

- Cát được 8.325 căn nhà
- dựng được 157 nhà tạm-trú

Đã cấy lúa được :

- Từ Kênh 5 đến Kênh Tân-Hiệp 6.767 Ha
- Từ Kênh Tân-Hiệp đến Kinh E 2.680 Ha
- Từ Kênh Tân-Hiệp đến Róc-Ba-Ke 2.553 Ha
- Cộng : 12.000 Ha

Ngoài ra đồng-bào tỵ-nạn còn góp phần vào công cuộc đào 17 con Kênh tại Cái Sán dài 199 cây số.

Nói về sự tiến triển khá quan của Kế-hoạch Cái-Sán, một ký-giả đã viết trong một tuần báo tại Saigon một bài nhan đề là « Cái-Sán trường thành » để phản ảnh công cuộc định-cư tại Cái-Sán, chúng tôi xin trích nguyên văn đoạn này :

Theo sự hướng dẫn của phủ Tổng-Ủy Di-Cư đồng-bào di-cư từ các trại lớp lớp, dồn dập kéo về Cái-Sán.

Cái-Sán là nơi quy tụ của biết bao bàn tay và khối óc cương-quyết xây dựng ngày mai cho mình sau mười năm bị Thực-Dân và Cộng-Sản xâu xé bóc lột đến khánh tận.

Cái-Sán là thí điểm để Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa thực hiện chương trình cải tiến xã-hội, nâng cao mức sống dân cày.

Với những phương tiện do Chính-Phủ trợ cấp, Cái-Sán là nơi thuận tiện cho đồng-bào di-cư thực hiện ý chí tự-lập của mình để mưu cầu no ấm thiết thực cho gia-đình.

Nói tóm lại, Cái-Sán là nơi mà đồng-bào di-cư cùng Chính Phủ và đồng-bào địa phương đồng tâm nhất chí nỗ lực cải-thiện nông nghiệp ngõ hầu làm cho nước mạnh dân giàu.

Cái-Sán cũng là nơi mà các nước trong thế giới tự-do có dịp biểu lộ thiện chí xây dựng của mình đối với một nước bạn.

Cái-Sán ngày nay là một địa điểm lịch-sử vì nó là một công trình kiến thiết vĩ-đại đánh dấu một chế độ mà Chính-phủ thực sự hành-động vì dân, mưu cầu hạnh-phúc cho dân và được dân nhiệt-liệt ủng hộ.

Về mặt kinh-tế, nó mang lại cho 7.500 gia-đình gồm gần 50.000 người một đời sống no ấm. 150.000 mẫu ruộng rộng mênh mông bị bỏ hoang trong mười năm khói lửa hoặc chưa được khai thác dưới thời Thực-Dân Phong-Kiến đã làm thiệt cho công quỹ Quốc-Gia hàng năm tới hàng trăm vạn tấn lúa.

Khai thác Cái-Sán là một kế-hoạch đại quy-mô, đòi hỏi một tinh-thần cộng-tác chặt-chẽ và sự tích-cực của các Bộ hữu-trách. Chính vì sự quan trọng đó mà Tổng-Thống Chính-Phủ và Phái Đoàn Đại-Diện Quốc-Hội nước Việt-Nam Cộng-Hòa đã đích thân tới Cái-Sán để thăm nom

sức khỏe đồng-bào và quan sát mọi hoạt-động tại đây để kịp thời bổ cứu những nhược điểm của kế-hoạch.

Nước là một yếu tố căn bản cần thiết cho việc cày cấy cũng như đời sống con người. Máy đào đất tối tân và bàn tay cứng rắn của đồng-bào di-cư đã kịp thời khai ngòi đưa nước giòng sông Tân-Hiệp về Cái-Sán tưới mát khắp vùng và vào mùa mưa lại rút nước ra sông để đồng ruộng khỏi bị tràn ngập. Mỗi con Kênh này dài tới 12 cây số ngàn và rộng tám thước là một công trình thủy nông vô cùng quan trọng. Nó giúp nhiều thuận tiện cho sự giao thông và việc xả nước rửa ruộng để trồng trọt. Hiện nay tại Cái-Sán thuyền bè đi lại đông đúc, chợ búa buôn bán rộn rịp.

Máy cày do các nước bạn viện-trợ đã giảm bớt rất nhiều nỗi vất vả cho đồng-bào nông dân ta trong việc khẩn hoang. Nhờ vậy trên 10 ngàn mẫu ruộng đã cày xong một cách mau chóng và dễ dàng.



*Đồng bào xuống tàu đi định cư tại Cái-Sán*





*Vùng đồng chưa ló dạng, đồng bào đã nối tiếp nhau ra ruộng*

Trên 13.000 căn nhà chắc-chắn, cao ráo mát mẻ đã dựng lên xong. Những sườn nhà và vật liệu cần thiết để làm nhà đều do Chính Phủ chu cấp. Việc cất thêm nhà đang tiến hành mạnh mẽ.

Những kết quả khổng lồ trên thu được tại Cái-Sấn là một thành công lớn của các Bộ Cải-Cách Điền-Địa, Canh-Nông, Công-Chánh, Xã-Hội, Phủ-Tổng-Uỷ Di-Cư dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ngô Tổng-Thống và sự ủng hộ thiết thực của nhiều nước bạn như Phi-Luật-Tân, Hoa-Kỳ v.v... Chính Tổ-chức Thanh-Thương-Hội Quốc-Tế do ba Bác-Sĩ và một số Y-Tá phụ trách đã đến thường trực tại Cái-Sấn để phát thuốc hàng ngày cho đồng bào ta.

Kế hoạch chung về tổ chức trung tâm định cư Cái Sấn đã phân công cho Phủ Tổng Uỷ Di Cư đảm nhiệm việc chuyên chở đồng bào, kiểm tra dân số, định cư đồng bào, tiếp-tế và cung cấp nông cụ.

Việc di chuyển này tiến hành rất chu đáo và nhanh chóng nên đã hoàn thành đúng thời hạn dự định là trước vụ mưa.

Ngót 50 ngàn người đã được chở tới Cái Sấn trong đó Tỉnh Long Xuyên đã tài giúp 3.179 người thuộc các trại Lê Lợi, Đốc Vàng Hạ Cù Lao Giêng. Còn đa số thuộc các Trại những tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Đồng Nai Thượng, Bến Tre, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Chợ Lớn, Vĩnh Long, Long

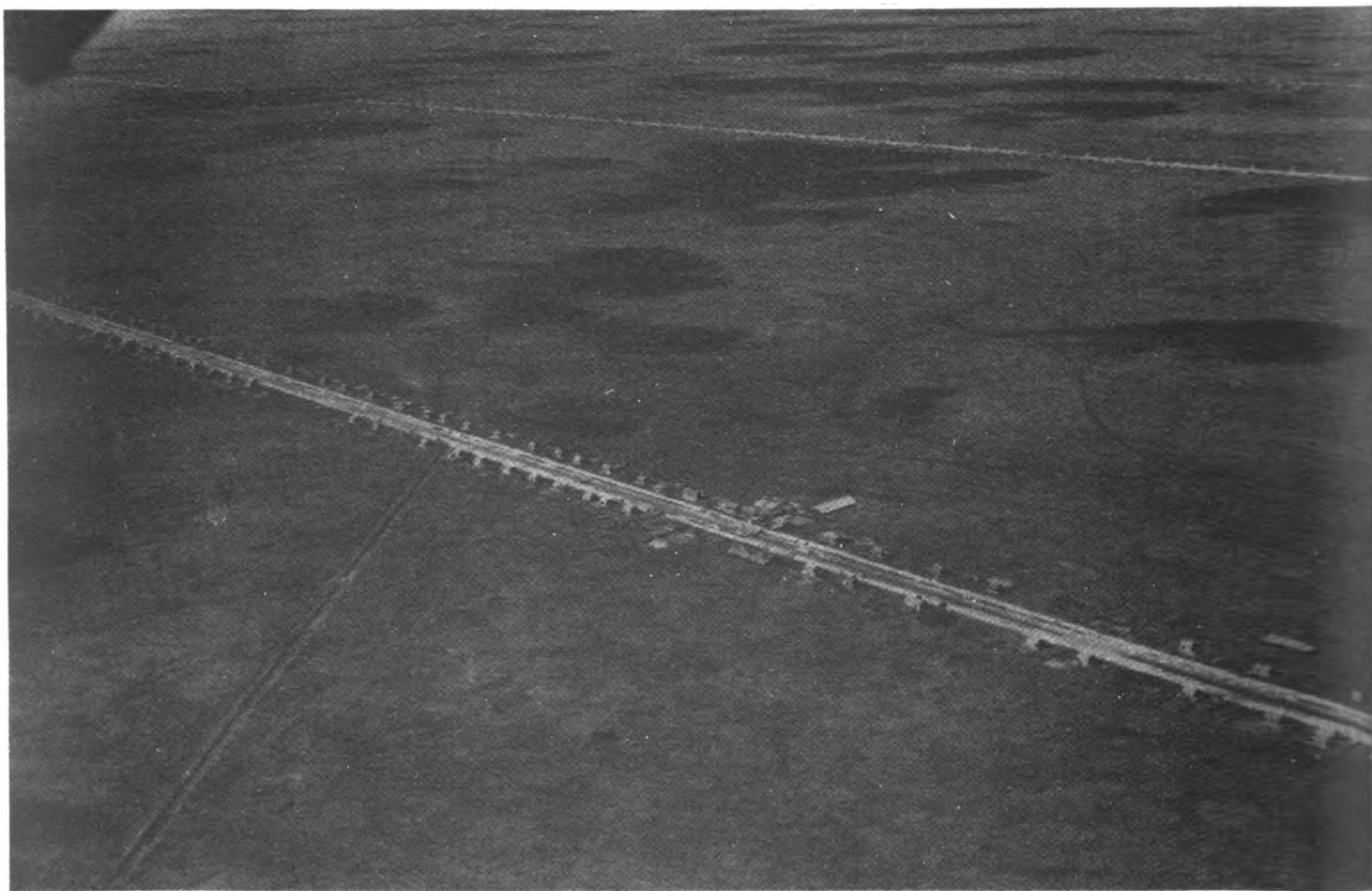
Xuýn, Bà-Rịa, Mỹ-Tho, Đô Thành Saigon Cholon. Đặc biệt số đồng bào trên định-cư tại Cái Sắn đã được Phủ Tổng Ủy Di Cư lựa chọn đúng thành phần nông nghiệp cư trú tại các trại đồng đúc thiếu ruộng. Sự lựa chọn cẩn thận này đã điều hòa được mức canh tác của các trại cũ.

Phủ Tổng-Ủy Di-Cư đã phân phối ngót 5 vạn đồng bào đến Cái Sắn vào định-cư trong 14 kênh và súc tiến việc kiểm-tra từng gia đình để lập hồ sơ cần thiết cho việc phát trợ cấp các khoản và lương-thực.

Để đồng bào tại đây tự điều khiển công việc quản trị trại một cách dân chủ và sát thực tế, Phủ Tổng Ủy đã cho bầu Ủy Ban Định Cư tại các Kênh.

Công việc làm nhà tạm trú buổi ban đầu, cắm nèn, phát sườn nhà cho đồng bào đều được thi hành chu đáo.

Về nông cụ đồng bào đã được cấp 1.600 chiếc sừng, 1.656 chiếc cuốc, 2.320 chiếc xén, 3.000 chiếc vá, 420 chiếc cưa và hiện đang tiếp tục phát thêm, đồng thời việc giữ sức khỏe cho đồng bào cũng được Phủ Tổng Ủy chú trọng cấp màn, chiếu, sập và thùng chứa nước ăn. Mỗi Kênh đã có một tủ thuốc do một cán bộ cứu thương phụ trách. Sở Y Tế Di Cư đã đặt tại Tân Hiệp một trạm y tế do 4 y tá trông nom và nay mai sẽ cử một Bác Sĩ đến đảm nhiệm. Tổ chức Bác Ái Thanh Thương Hội Quốc Tế vẫn cho thuốc đều đặn hàng ngày cho đồng bào Cái-Sắn.



*Quang cảnh Cái-Sắn từ trên máy bay trông xuống*

Nhờ sự tận tâm của Chính Phủ và tinh thần hăng hái xây dựng của đồng bào, bộ mặt Cái Sắn ngày nay đã đổi khác. Cái Sắn tấp nập, Cái Sắn vươn lên, Cái Sắn trường thành.

Kết quả của những vụ mùa tới sẽ đền đáp xứng đáng công trình khó nhọc của các khối óc cương quyết và những bàn tay cần cù nhẫn nại.

Cái Sắn ngày nay là hiện thực của nhân-vị chủ-nghĩa, của chế-độ Cộng-Hòa do Ngô Tổng-Thống lãnh-đạo mà mục-dịch là luôn luôn giúp đỡ một cách thiết thực để phát-triển khả-năng toàn dân, để làm cho đồng bào ta được tự-do no ấm.

Cuộc cải-cách điền-địa khắp toàn nước, công trình định-cư Cái Sắn và những thành tích về mọi mặt khác đã làm cho uy tín của Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa không những chỉ lớn mạnh trong Nhân dân ta mà còn vang lừng khắp thế-giới. Sự thật hiển nhiên đó là được chứng-minh qua lời của ông Frédéric Dupont Trưởng Phái đoàn Nghị Sĩ thân hữu Pháp đã tuyên bố trước khi lên đường về Ba Lê sau cuộc viếng thăm Việt-Nam.

« Chúng tôi rất khâm phục các công cuộc định-cư đã tiến hành được ở Cái Sắn và việc đầu tiên khi chúng tôi về đến Ba Lê là tỏ bày tình hữu nghị của Việt Nam đối với nước Pháp và các kết-quả thực và đặc sắc mà Chính-Phủ của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã thực hiện được.

Chúng tôi ra về với lòng tin tưởng vào tương-lai tốt đẹp của Việt-Nam Tự-Do ».

## 2) TRUNG TÂM ĐỊNH CƯ LANGA

Langa là một khu có rừng, có ruộng, có sông, nên có nhiều khả năng sinh sống cho đồng bào nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Tại đây Nha Định-Cư Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tự Nạn đã thành lập 4 trại định-cư cho hơn 4 ngàn người :



*Đồng bào di cư được phát cubic sừng*



*...và cả bát đĩa nời niền*



— Trà-Cổ	1.649 người
— Phú-Lâm	1.359 —
— Lạc-Lâm	1.321 —
— Lộc-Lâm	557 —
— Phương-Lâm	1.864 —

Cộng : 6.750 người

Và đã cắt xong :

— Tại trại	Thọ-Lâm	53 căn nhà
	Lộc-Lâm	175 —
	Phú-Lâm	226 —
— “ “	Trà-Cổ	287 —
— “ “	Phương-Lâm	200 —

Cộng : 941 căn nhà

Đồng-bào định-cư đã phá vỡ được 16 Ha đất để làm nhà và làm vườn, đương tiếp tục phá vỡ thêm đất, dọn ruộng rậm.



*Quang cảnh một kênh trong khu định cư Cái-Sán*

### 3) — TRUNG-TÂM ĐỊNH-CƯ BANMETHUỘT.

Nha Định-Cư đã đưa 14.725 đồng-bào tỵ-nạn lên vùng này và đã lập được 15 trại định-cư. Đồng-bào đã :

— Cát được	2.757 căn nhà
— Dựng được	6 trường học
— Thành-lập	2 chợ tại Kim-Châu và Hoàng-An.
— Đã khai phá	1.250 ha đất
— Đã trồng được	1.000 ha đất
— Cây lúa được	185 ha đất

### 4) — TRUNG-TÂM ĐỊNH-CƯ PLEIKU.

Thi-hành chương trình khai thác vùng Cao-Nguyên Trung-phần của Chính-phủ, Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn đã cử một phái-đoàn chuyên-viên cùng với Ông Giám-Đốc Nha Định-Cư lên vùng Pleiku để nghiên-cứu và tìm đất.

Nha Định-Cư đã đưa 4.804 người lên vùng này và đã lập được 4 trại : An-Son, Mỹ-Thạch, Hoàng-An và Phú-Mỹ.

Đồng-bào định-cư đã :

— Cát được	309 căn nhà
— Đào được	3 giếng
— Đã khai phá	30 ha đất
— Đã trồng tía được	25 ha đất
— Và cấy lúa được	5 ha đất



### C) - DÂN-SỐ CÁC TRẠI ĐỊNH-CƯ

Sau khi điều-hòa dân-số và thiết-lập các trại mới, tổng-số dân ở các trại hiện-hữu như sau :

#### NAM PHẦN :

Thứ-tự	TỈNH	Nhân số đã định-cư	
		Nhân-số	Số trại
1	Ba-Xuyên	780	1
2	Phong-Định	10.683	3
3	Kiến-Giang (Cái-Sán)	42.145	15
4	Au-Giang	2.803	6
5	Vĩnh-Long	12.268	11
6	Kiến-Hòa	9.036	10
7	Định-Tường	14.108	9
8	Long-An	26.241	20
9	Phước-Tuy (Bà-Rịa)	24.925	12
10	Đô-Thành Saigon	110.339	37
11	Gia-Định	107.947	56
12	Biên-Hòa	16.353	12
13	Bình-Dương	15.726	14 trại
14	Tây-Ninh		
Cộng :		393.354	206 trại

#### TRUNG-PHẦN (Trung-nguyên)

1	Quảng-Trị	9.251	11
2	Thừa-Thiên	5.700	11
3	Đà-Nẵng	7.917	5
4	Quảng-Nam	462	4
5	Bình-Định	275	1
6	Khánh-Hòa	4.608	6
7	Phú-Yên	1.129	2
8	Ninh-Thuận	312	1
9	Bình-Thuận	31.430	18
Cộng :		61.094	59 trại

#### TRUNG-PHẦN (Cao nguyên)

1	Đồng-Nai-Thượng Blao	12.796	8
2	Đalat	15.456	18
3	La-Ngà I và II	6.770	5
4	Ban-Mê-Thuột	14.725	15
5	Pleiku	4.804	4
Cộng :		54.551	50 trại

#### Tổng cộng nhân số

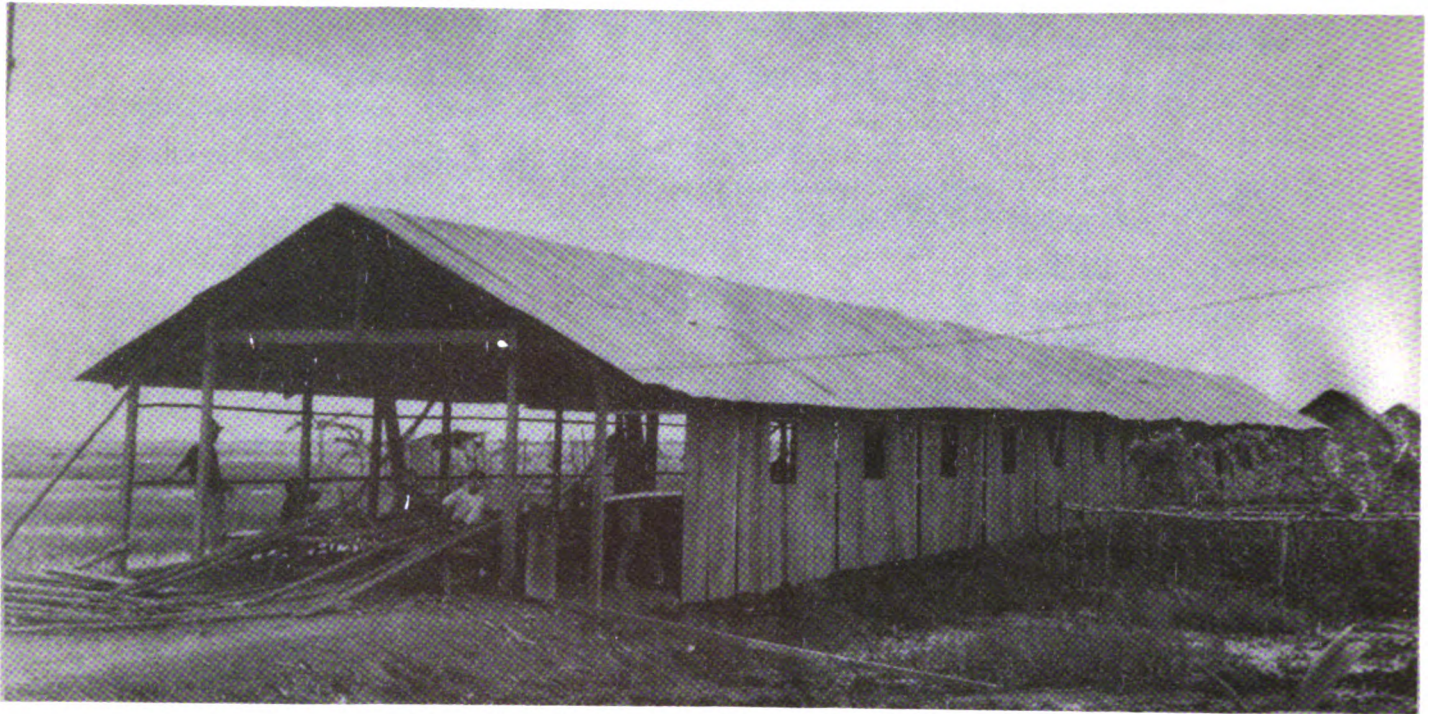
Nam-phần	393.354
Trung-phần (Tr.-nguyên)	61.094
Trung-phần (Cao-nguyên)	54.551

Tổng cộng : 508.999

#### Tổng cộng số trại định cư

Nam-phần	206
Trung-phần (Tr.-nguyên)	59
Trung-phần (Cao-nguyên)	50

Tổng-cộng : 315 trại



*Một trại định cư tại Cái-Sơn đang được kiến thiết*

#### D) — SỐ TRẠI GIẢI TÁN

Những trại không đủ khả-năng sinh-sống cho đồng-bào, Nha Định-Cư đã giải-tán để đưa đi nơi khác.

— 5 Sao-Trắng	(Đông-Nai-Thượng)	đi Langa
— Vinh-Phát	(Thủ-dầu-Một)	đi Phụng-Hiệp Cần-Thơ
— Trà-Cổ	( " )	đi Langa
— Xuân-Ninh	( " )	đi Ba-Ngòi Khánh-Hòa
— Trại Lè-Lợi	(T. Long-Xuyên)	đi Cái-Sơn
— Dốc-Vàng-Hạ	( " )	"
— Cù-Lao-Giêng	( " )	"
— Lương-Hòa-Trung	(Cholon)	đi Phụng-Hiệp
— Lương-Hòa-Thượng	( " )	đi Lộc-Giang
— Cầu-Váng	(Bến-Tre)	đi Tây-Ninh
— Ba-Tang	( " )	đi Cái-Sơn
— Côn-Hữu-A	( " )	"
— Rạch-Rẽ	(Tây-Ninh)	(sát nhập vào trại
— Giồng-Nần	( " )	(Nhân-Hòa
— Gò-Chai	( " )	"
— Tiên-Thuận	( " )	đi Hồ-Đồn
— Trung-Tông	( " )	"



— Suối đá	( Tây-Ninh )	đi Thuận-Lợi
— Bà-Nhã	( “ )	đi Cái-Sán
— Bời-Lời	( “ )	đi Tân-Phước
— Đa-Minh	( Đalat )	đi Cái-Sán và Dakai Pleiku
— Sơn-Hải	( Nha-Trang )	đi Pleiku
— Du-Sinh	( Đalat )	“
— Cầu-Đất	( “ )	“
— Rừng-Láng	( Quảng Ngãi )	đi Banmêthuột.

### E.— LẬP DỰ-ÁN KIẾN-TOÀN CÁC TRẠI ĐỊNH-CƯ.

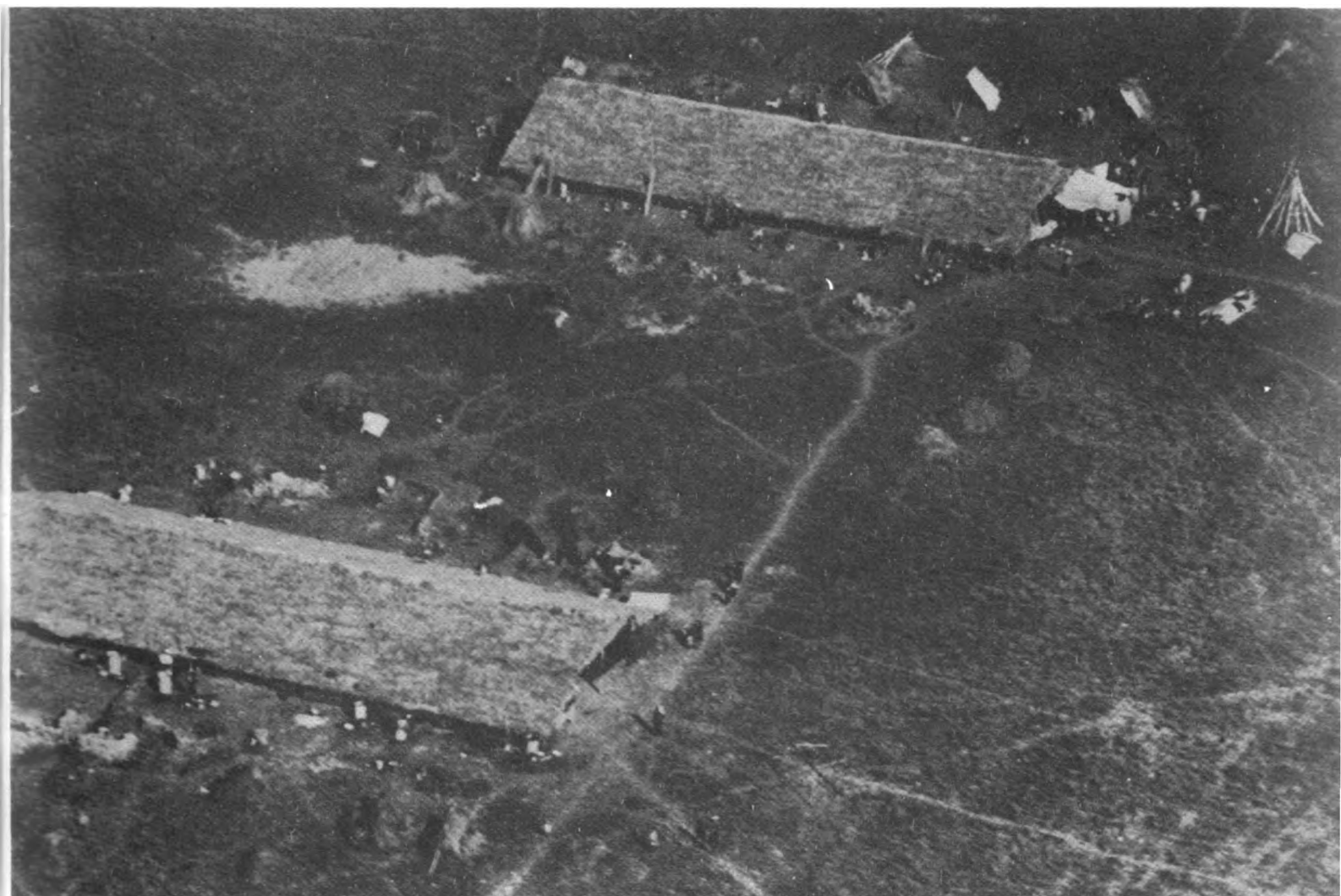
Cũng theo phân chia các loại trại trên, và sau khi đã nghiên-cứu những nhu-cầu của đồng-bào để đi đến tự-lực mưu-sinh Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn, hợp-tác với các cơ-quan chuyên-môn, Viện-Trợ Mỹ và Pháp, đã lập cho mỗi trại một dự-án.

#### a) Về trại Nông - Nghiệp.

Trong dự-án có dự-trù các khoản chính sau đây :

##### 1 — Khẩn-hoang.

Dự-trù một diện-tích đất đủ cho số đồng-bào nông-nghiệp trong trại khẩn hoang : (mỗi gia-đình từ 1 đến 3 mẫu ruộng hay 1/2 đến 1 mẫu đất).



Một trại định cư tại Cái-Sán

## 2 — Công-Chính.

— Làm thêm nhà (những trại cũ thì thôi).

— Làm đường đi.

(Dự-trù việc làm đường mới và sửa chữa đường cũ).

— Giếng.

(Dự-trù đào một số giếng cần-thiết cho mỗi trại, với một số vật-liệu cần dùng).

3 — Nông-Cụ, Hạt-Giống, Phấn-Bón và Súc-vật giống.

## 4 — Y-Tế.

Dự-trù xây trạm cấp-cứu, phòng phát thuốc, nhà bảo-sanh (nếu cần), màn, dướng, thuốc men và cả lương các Y-tá, Cấp-Cứu-Viên.

## 5 — Công-Quán và Hành-Chánh Xã.

Nhà Hội - Đồng (50m<sup>2</sup> trung - bình cho mỗi trại 3.000 người) trường học (5m x 8m cho 80 học-sinh) với lương giáo-viên 750\$ mỗi người mỗi tháng, vật-liệu Văn-phòng và lương một Thư-ký (1.500\$ mỗi người mỗi tháng) dự-trù trong 9 tháng là thời kỳ thi-hành dự-án.

## 6 — Trợ giúp sinh-hoạt.

Trong dự-án lại dự-trù một ngân-khoản để trợ giúp những người nghèo khó, tàn tật (khoản này thường thường mỗi người được 4\$ một ngày, trong 9 tháng).

## 7 — Cho vay.

Dự-trù một ngân-khoản để cho đồng bào mua trâu, bò, cày, bừa vay trả góp và mua trâu bò giống chăn nuôi.

Lại còn cho đồng-bào một số xe bò để vận chuyển từ trại ra chỗ làm ruộng đất.

## 8 — Bất thường.

Ngoài ra còn dự-trù một khoản bất thường là 5% tổng số ngân-sách cho mỗi trại định-cư.

### b) Về Ngư-Nghiệp.

Trong dự-án này cũng có dự-trù những khoản như trên, duy thay vì khoản khẩn-hoang để trồng-tia, dự-án có khoản dự-trù giúp đỡ về nghề-nghiệp, thì đã có dự-án chung cho tất cả các trại ngư-nghiệp, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn đã nhờ Sở Hải-Ngư-Nghiệp và Giang-Ngư-Nghiệp mua sắm những ghe, lưới, câu để cấp cho đồng-bào đánh cá.

### c) Về Tiểu Công-Nghệ.

Các trại này, ngoài những khoản dự-trù chung kể trên, dự-án có dự-trù thêm khoản giúp đỡ về nghề-nghiệp, như thợ dệt vải và chiếu thì được khung cửi, thợ may được máy khâu (thường thường 2 gia-đình được 1 máy khâu). Còn những tiểu công nghệ khác như thợ mộc, thợ rèn v.v... thì mỗi gia-đình được 500\$ để tự mua lấy dụng-cụ. Ngoài ra đồng-bào tiểu Công-Nghệ còn được cấp phát các dụng-cụ do Viện-Trợ Mỹ gửi giúp.

## F) THI-HÀNH DỰ-ÁN

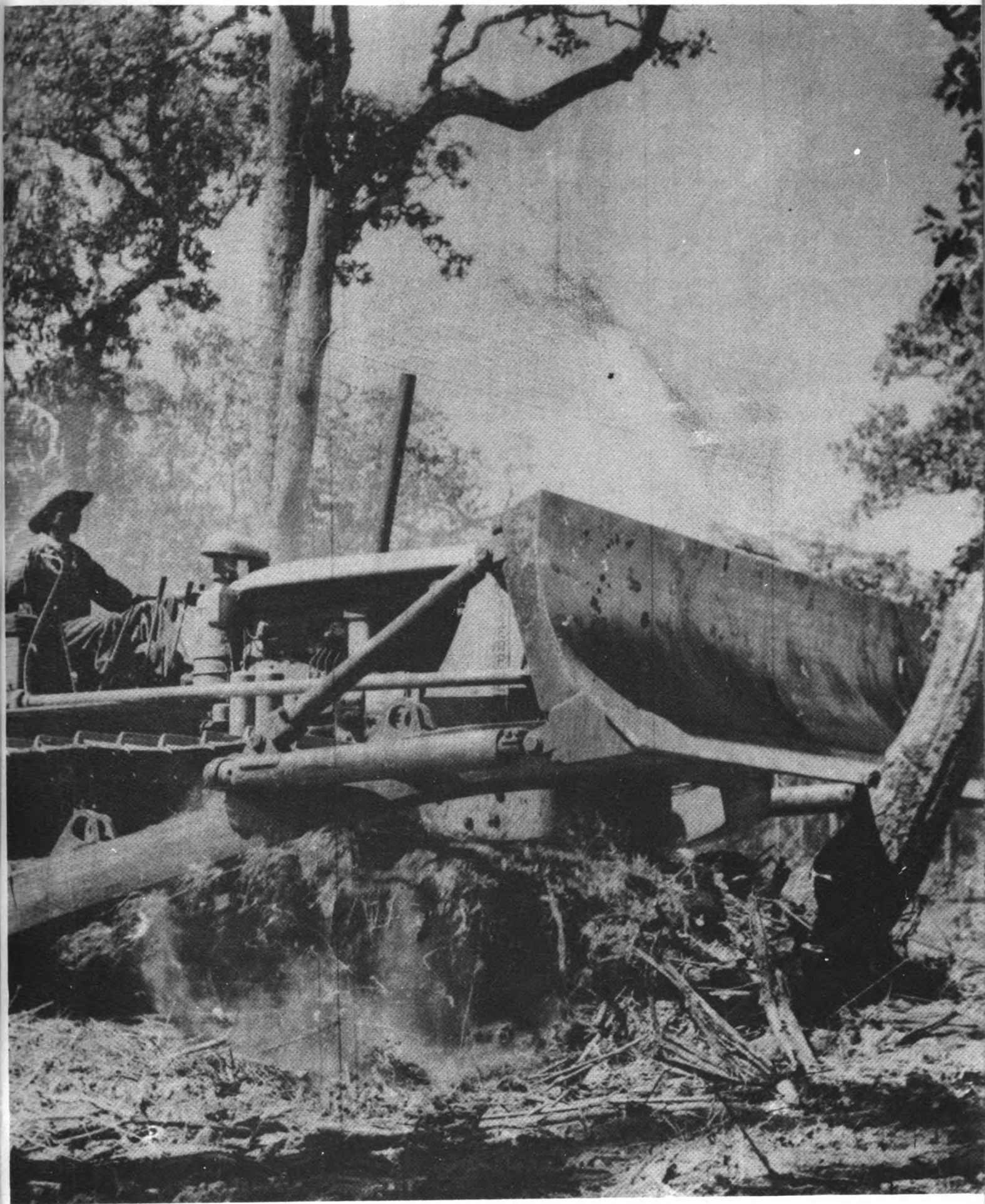
### a) Rút nhân-viên

Để thi-hành dự-án kiên-toàn các trại định-cư, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn đã điều-động một số nhân-viên ở Trung-Ương, cử họ về các Tỉnh để giúp việc thi-hành dự-án.

### b) Việc thi-hành dự-án

#### 1. — Việc cất nhà ở

Việc phát sừn nhà, cũng như việc cho đấu thầu làm nhà, đều đã đình chỉ. Nha Định-cư phụ-trách phát nốt số 6.000 sừn nhà còn đọng lại ở Ba-Bèo cho đồng-bào một vài trại mới thành-lập. Còn đồng-bào các



*Chiếc máy ủi tối tân đang phá rừng*

trại tiếp-tục tự cất lấy nhà, theo kiểu mẫu của Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn, để đồng-bào có công ăn, việc làm. Thủ tục trả tiền nhà vẫn là thủ-tục đã áp-dụng trong giai-đoạn trước.

Công việc cất nhà, trước đã dựng thành từng giầy dài, có nhiều căn nối liền nhau. Một vài trại bị hỏa-hoạn do tàn quân phiến-loạn đốt hay vì đồng-bào vô ý, bất cẩn gây ra. Để tránh sự thiệt hại về tài-sản vì hỏa-hoạn, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn đã cho cất, cho mỗi gia-đình một căn nhà ở riêng biệt, chung quanh có vườn trồng tía rau đậu, nuôi gà vịt v.v...

### CÁC NHÀ ĐÃ XÂY CẤT.

#### NAM-PHẦN

Thứ tự	TỈNH	Số nhà
1	Ba-Xuyên	
2	Phong-Đình	2.273
3	Kiến-Giang (Cái-Sán)	
4	Au-Giang	8.325
5	Vĩnh-Long	623
6	Kiến-Hòa	2.285
7	Định-Tường	1.781
8	Long-An	2.700
9	Phước-Tuy Bà Rịa	5.137
10	Đô-Thành Saigon	3.947
11	Gia-Định	14.097
12	Biên-Hòa	22.680
13	Bình-Dương	2.308
14	Tây-Ninh	3.104

**TRUNG-PHẦN** (*Trung-Nguyên*) Cộng 69.260

1	Quảng-Trị	1.771
2	Thừa-Thiên	1.017
3	Đà-Nẵng	1.147
4	Quảng-Nam	86
5	Bình-Định	69
6	Khánh-Hòa	968
7	Phú-Yên	317
8	Ninh-Thuận	113
9	Bình-Thuận	8.178

**TRUNG-PHẦN** (*Cao-Nguyên*) Cộng 13.866 nhà

1	Đồng-Nai Thượng Blao	2.332
2	Đà Lạt	3.109
3	La-Ngà I và II	941
4	Banmêthuôt	2.757
5	Pleiku	309

Cộng 9.448 nhà

### TỔNG CỘNG

Tại Nam-Phần	69.260
Tại Trung-Phần (Trung-Nguyên)	13.866
Tại Trung Phần (Cao-Nguyên)	9.448
<b>Tổng Cộng</b>	<b>92.574 nhà</b>



*...đi đất giúp đờng bảo đĩnh cư tại Cao-Nguyên*

2) *Giải quyết vấn đề nước uống*

Trong giai đoạn này, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn đã giải-quyết xong vấn đề nước uống cho đồng-bào. Tại mỗi trại đều có đào nhiều giếng nước uống. Tổng-số giếng đã đào là :

**GIẾNG NƯỚC**

**NAM-PHẦN**

<i>Thứ tự</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Số giếng</i>
1	Kiến-Hòa	104
2	Phước-Tuy	164
	Bà-riá	
3	Đô-thành Sài-gòn	30
4	Gia-Định	1.253
5	Biên-Hòa	799
6	Bình-Dương	995
7	Tây-Ninh	289
<b>Cộng</b>		<b>3.634 giếng</b>

**TRUNG-PHẦN (Trung-Nguyên)**

1	Quảng-Trị	13
2	Thừa-Thiên	10
3	Đà-Nẵng	16
4	Quảng-Nam	5
5	Bình-Định	1
6	Khánh-Hòa	129
7	Phú-Yên	7
8	Bình-Thuận	72
<b>Cộng</b>		<b>253 giếng</b>

**TRUNG-PHẦN (Cao-Nguyên)**

1	Đồng Nai Thượng	194
	Blaş	
2	Đà-lạt	49
3	La ngà I và II	74
4	Ban-mê-Thuột	91
5	Pleiku	3
<b>Cộng</b>		<b>411 giếng</b>

**TỔNG CỘNG**

Tại Nam-Phần	3.634
Tại Trung-Phần (Trung-Nguyên)	253
Tại Trung-Phần (Cao-Nguyên)	411
<b>Tổng Cộng</b>	<b>4.398 giếng</b>

Nhưng cũng có trại mới thành lập như tại Langa, Cái-Sán, Ban-mê-Thuôt Bình-Giã, tuy đã được đào giếng nhưng nước chưa được tốt, Phủ Tổng-Uý Tỳ-Nạn đã phát cho đồng-bào tại nơi này một số thuốc lọc nước sát trùng «Halazone» (1.180 lọ, mỗi lọ 100 viên, mỗi viên pha được 20 lít nước).

### 3) — CÔNG-QUÁN.

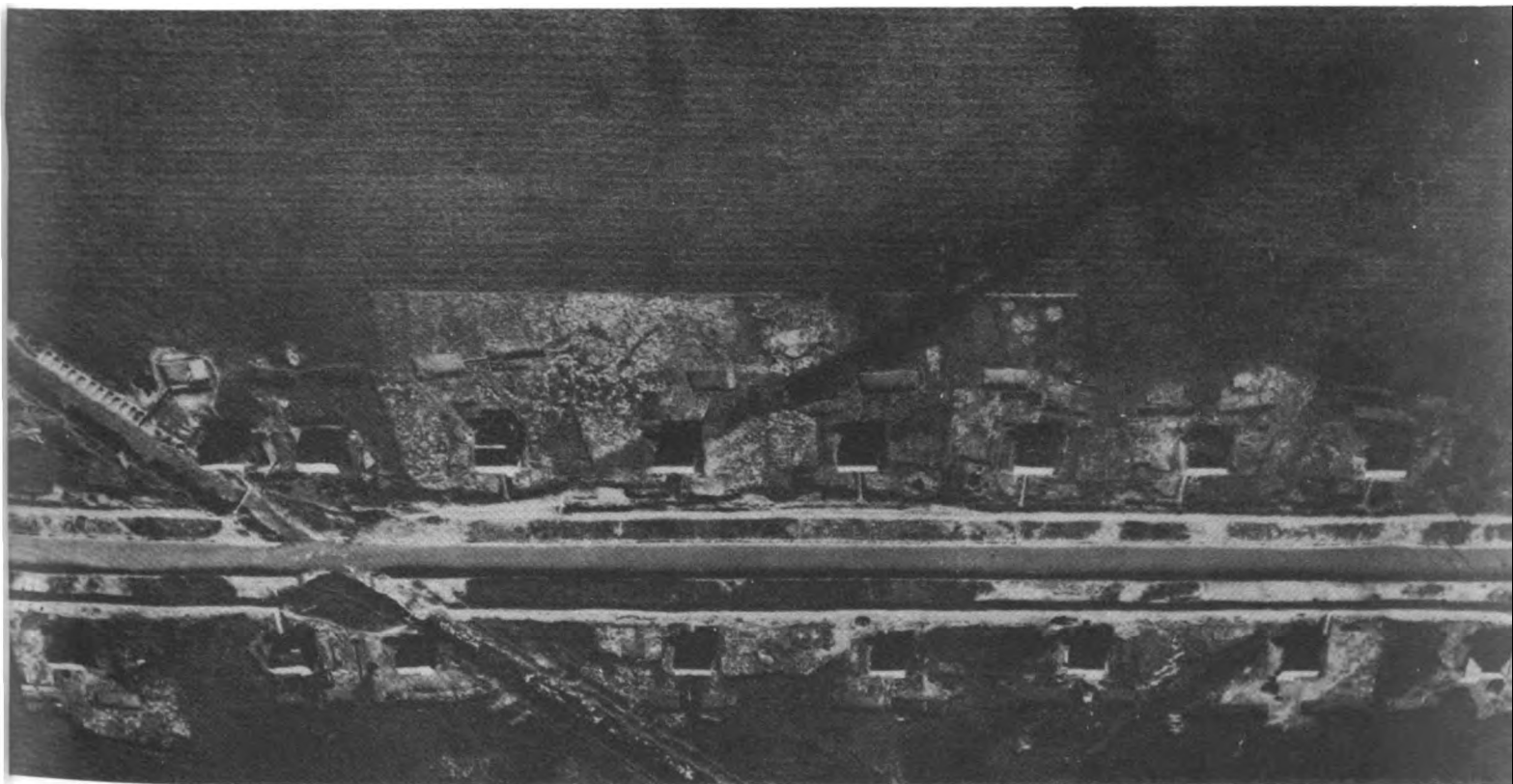
Tại các trại đều được thiết lập các công-quán chung cho đồng-bào toàn trại. Tính theo dân-số, trung bình một trại 1.500 người thì có :

- 1 trụ-sở hội-họp
- 1 phòng phát thuốc
- 1 phòng thông-tin
- 1 nhà bảo-sanh
- 1 trường học

Mỗi công-quán trị giá 10.000\$00, nếu dân-số có gấp đôi số 1.500 người, thì số tiền được cấp cũng gấp đôi, để có thể xây cất một công-quán to rộng hơn. Những trại định-cư nhân số dưới 1.500 người cũng được một số công quán tối thiểu:

- Phòng phát thuốc
- Trường học

Về phương diện Y-Tế Nha Định-Cư còn cho dựng tại các trại một số Quoinset Hutt của Mỹ-Quốc Viện-Trợ tặng làm phòng phát thuốc và nhà Hộ-Sinh. Hiện nay trại cũng đã có đủ các công-quán theo tỷ-lệ nhân-số như ở trên.



*Quang cảnh một kénh trong khu định-cư Cái-Sán*

#### 4) — KHAI THÁC RUỘNG ĐẤT.

Sau việc cắt nhà, đào giếng, xây dựng công quán, nơi ăn ở của đồng-bào đã yên-ổn Phủ Tổng-Uỷ Ty-nạn bắt đầu lo cấp phát ruộng đất cho đồng-bào phá vỡ để trồng trọt.

Và đồng-bào ty-nạn, sau khi đã được an-cư, với tánh cần-cù chăm-chỉ cố hữu đã bắt tay ngay vào công việc khai-khẩn đất hoang để trồng cấy.

Với những cố gắng đó, công việc khẩn hoang và trồng tĩa tại các trại đã đạt được kết quả sau đây :

Khai khẩn ruộng đất và diện tích đã trồng tĩa và cây cấy được.

##### a) NAM-PHẦN

TỈNH	Diện tích đã khẩn hoang	Diện tích đã trồng màu	Diện-tích đã cấy lúa
Ba-Xuỳn (Bạc-Liêu)	80 ha		80 ha
(Sóc-Trăng)	1.875	5 ha	1.870
Biền-Hòa	2.950	2.000	800
Bình-Dương	320	215	105
Định-Tường	2.580	100	2.400
Đò-thành Saigon	1 065	95	970
Kiến-Giang (Cái-Sán)	12.000		11.550
Kiến-Hòa	970	200	765
Long-An (Cho-lon)	1.130	715	390
(Tân-An)	20	2	18
Phong-Định	710	10	700
Phước-Tuy (Bà-Rịa)	1.475	1.322	150
(Vũng-Tàu)	40	25	15
Gia-Định	2.400	1.400	971
Tây-Ninh	2.420	1.879	541
Vĩnh-Long	530	5	525 ha
	<u>30.565 ha</u>	<u>7.973 ha</u>	<u>21.057 ha</u>

##### b) TRUNG-PHẦN (Trung nguyên)

Bình-Định	25 ha	15 ha	10 ha
Bình-Thuận	3.630	1.995	1.225
Đà-Nẵng	145	50	95
Khánh-Hòa	75	45	30
Ninh-Thuận	15	10	5
Phú-Yên	115	85	30
Quảng-Nam	25	20	5
Quảng-Trị	250	150	100
Thừa-Thiên	350	100	250
	<u>3.630 ha</u>	<u>1.870 ha</u>	<u>1.750 ha</u>

##### c) TRUNG-PHẦN (Cao-nguyên)

Ban-mê-Thuột	1.250 ha	1 000 ha	185 ha
Đalạt	680	320	360
Đồng-nai-Thượng	1.645	1.445	195
La-Ngà I và II	382	310	78
Pleiku	30	25	5

Cộng 3.996 ha 3.100 ha 823 ha

Tổng cộng : 38.192 ha 12.943 ha 25.430 ha

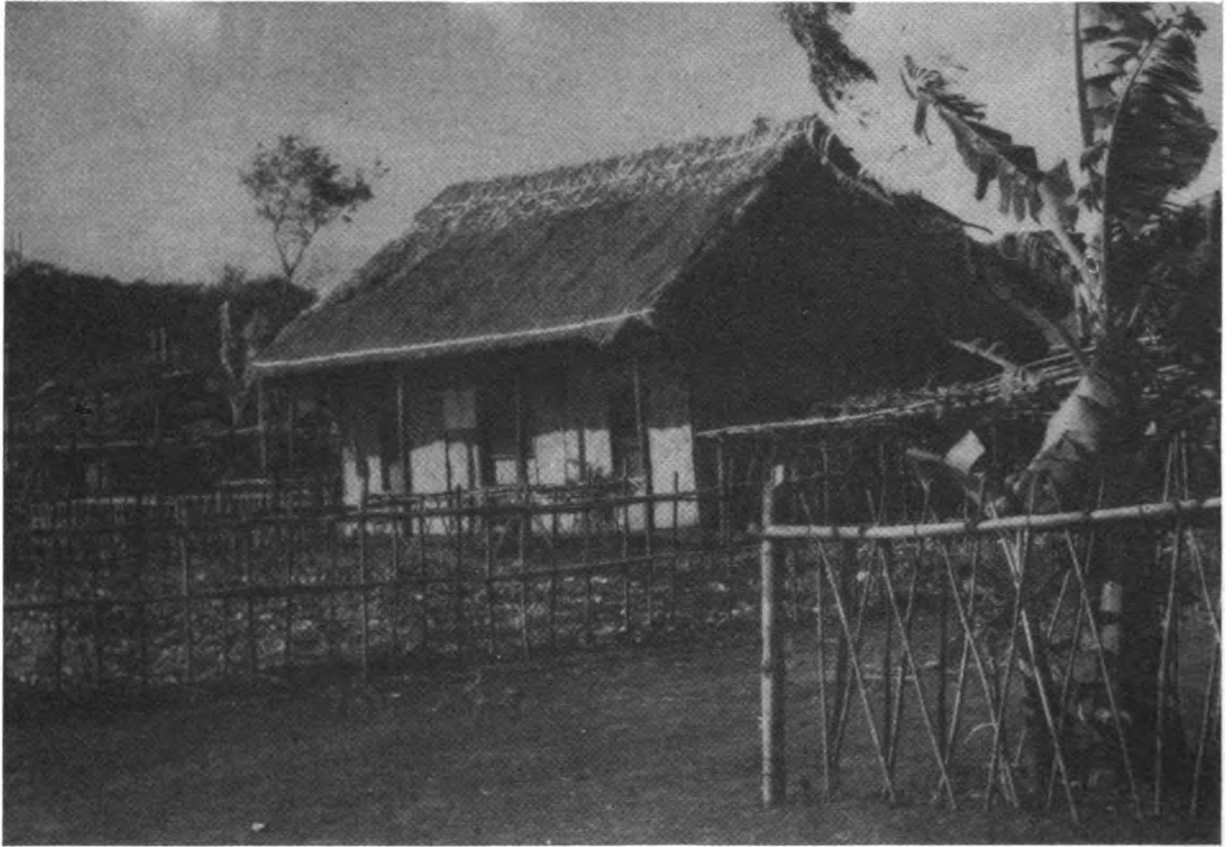




*Căn nhà xinh xắn của đồng bào định cư trên Cao-Nguyên*

*Một bệnh-viện làm bằng Quonset Hutt tại Blao*





*Một mảnh vườn xanh, một căn nhà lá*

Đồng-bào hiện đang nỗ-lực tăng gia sản-xuất và diện-tích canh-tác còn có thể tăng thêm gấp ba bốn lần nữa .

Trong mùa này chỉ nguyên số thu hoạch về rau đậu đã được đến 5, 6 triệu đồng. Sang mùa sau, số thu hoạch này còn gấp bội.

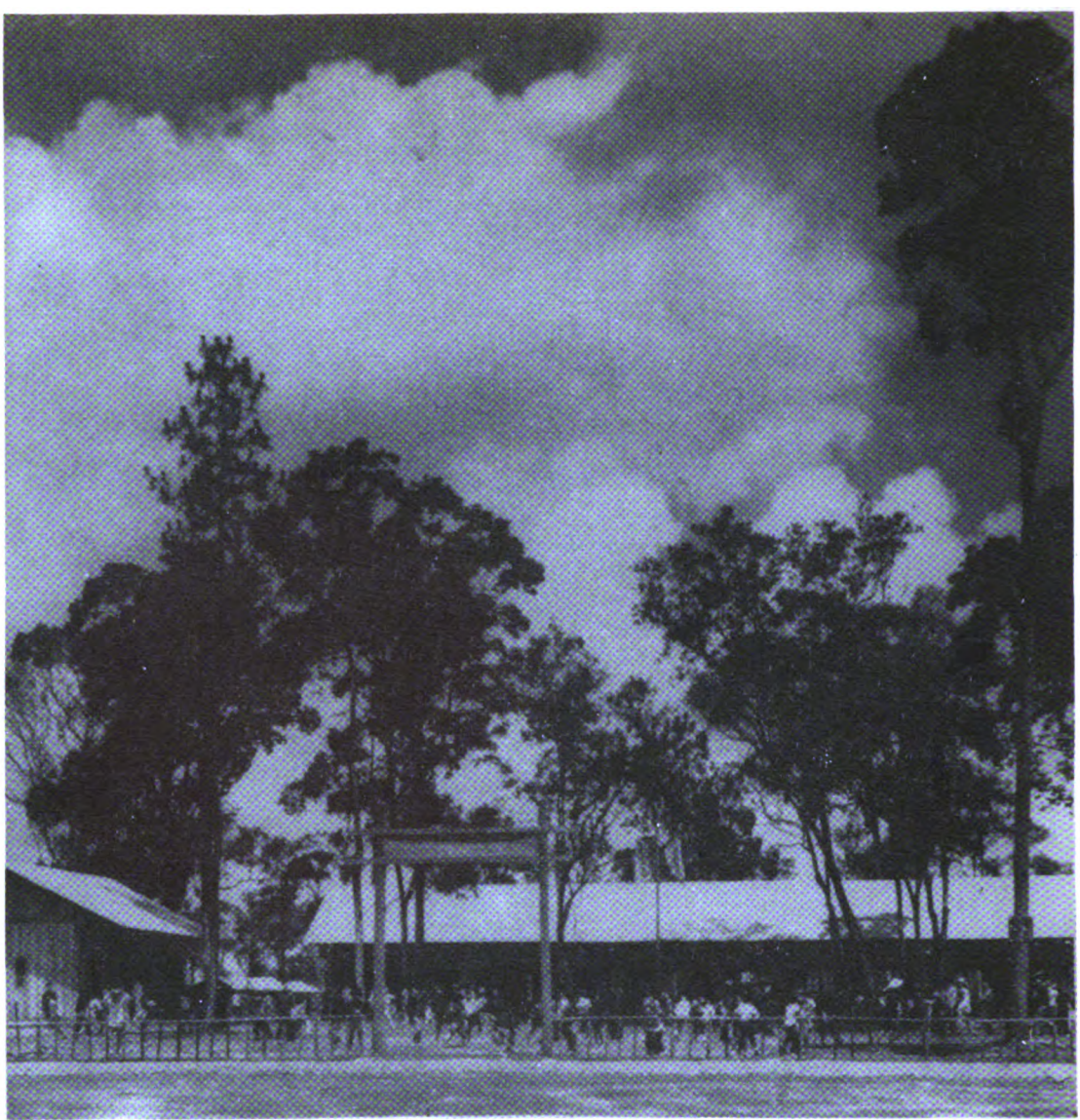
### **5) – HỢP TÁC XÃ**

Tuy có những hợp-tác-xã đã được thành-lập tại các Tỉnh như :

- Tây-Ninh : 17 hợp-tác-xã
- Mỹ-Tho : 1 “
- Bà-rija : 1 H.T.X. (1 H.T.X. Nông-nghiệp 280 Xã-Viên  
: và 2 H.T.X ngư-nghiệp 288 Xã-Viên).
- Bến-Tre : 1 H.T.X. Nông-nghiệp tại Tân-Thủy và Côn-Hữu.
- Vũng-Tàu : 1 H.T.X. Ngư-nghiệp ở Cần-Giờ.
- Phan-Thiết : 1 H.T.X. Ngư-nghiệp.
- Blao : 1 H.T.X. tại Tân-Phát (đốt than 61 Xã-Viên và  
: H.T.X. giồng rau 273 Xã-Viên.



*Một kiểu nhà đơn giản nhưng phóng khoáng thích hợp với đồng bào  
định cư miền rừng núi*



*Trường học rộng rãi, khang trang trong một trại định cư để các em tiếp tục công việc học*

Và tại Đà-Lạt cũng đã có lần lập Hợp-tác-Xã rau đậu, nhưng vì thiếu chuyên-viên hoạt-động, nên các Hợp-tác-Xã này chưa đem lại kết quả mong muốn.

Phủ Tổng-Uỷ đã nhờ Bộ Canh-Nông nghiên-cứu và giúp chuyên viên tổ-chức Hợp-tác-Xã để tiêu thụ các nông-sản cho đồng-bào các trại Định-Cư.

Để giải quyết tạm thời vấn-đề này, Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn đã cho phép lấy công-xa của các trại chớ rau đậu đi các Tỉnh bán, đồng thời nhờ Tòa Đại-Biểu Chính-Phủ tại Cao-Nguyên miền Nam tìm giúp các nơi tiêu-thụ ở các Tỉnh lân-cận tại Trung-Phần.

## **G.— TỔ-CHỨC VÀ CẢI-TỔ VIỆC HÀNH-CHÍNH TẠI CÁC TRẠI ĐỊNH CƯ**

### *a) Ủy-Ban Định-cư trại*

Đi song song với công việc kiến-thiết trại định-cư, việc tổ-chức hành-chính tại đó cũng được cải-tổ, theo với đà chuyển-hướng của công việc định-cư.

Trong việc chuyển-hướng này, Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn đã thi-hành nguyên-tắc phân quyền, giao bớt quyền hành và trách nhiệm cho địa-phương, đồng thời Nha Định-Cư cũng cử 3/4 tổng số nhân-viên của Nha về các địa-phương để thi-hành việc kiên-toàn các trại. Từ đây, mỗi trại, mỗi trung-tâm định-cư có dự-án kiên-toàn, có ngân-sách riêng.

Khi dự-án kiện-toàn được chấp thuận, ngân-khoản cũng được giải tỏa và thi-hành ngay.

Muốn để đồng-bào tự lo liệu lấy công việc và đời sống của mình, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn giao công việc thi-hành dự-án cho Ủy-Ban Định-Cur các trại, nên trách nhiệm của Ủy-Ban này trở nên nặng nề hơn.

Trong việc thi-hành dự-án, cũng cần phải có nhân-viên đứng đắn và có tín-nhiệm phụ-trách. Nên từ 1-6-1956, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn thi-hành nguyên-tắc dân-chủ, đã ra chỉ-thị bầu lại Ủy-Ban Định-Cur. Nếu Ủy-Ban Định-Cur nào có năng lực và vẫn được tín-nhiệm, thì không phải bầu lại nữa.

Thành phần Ủy-Ban Định-Cur trại từ nay gồm 3 người :

- 1 Chủ-Tịch
- 1 Thư-Ký
- 1 Ủy-Viên Tài-Chính

cho những trại dưới 3.000 người, còn những trại trên 3.000 người được bầu 5 Ủy-Viên :

- 1 Chủ-Tịch
- 1 Phó Chủ-Tịch
- 1 Thư-Ký
- 1 Phó Thư-Ký
- 1 Ủy-Viên Tài-Chính

Khoản thù-lao cho Ủy-Viên này cũng sửa đổi lại như sau, để cho hợp với giá-sinh-hoạt của mỗi địa-phương.

NAM-PHẦN : 750\$ mỗi Ủy-Viên Ủy-Ban Định-Cur mỗi tháng.

NAM-PHẦN : 750\$ mỗi Ủy-Viên Ủy-Ban Định-Cur mỗi tháng.

TRUNG-PHẦN : 900\$00 mỗi Ủy-Viên Ủy-Ban Định-Cur mỗi tháng.

#### *b) Ủy-Ban Định-Cur Trung-Tâm Định-Cur*

Từ khi chuyển-hướng, Ủy-Ban địa-điểm được thay thế bằng Ủy-Ban Định-Cur Trung-Tâm Định-Cur do 1 Ủy-Viên Định-Cur (Chef de Centres) do Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn bổ làm Chủ-Tịch.

Nếu một trung-tâm không có dự-án chung, thì một mình vị Ủy-Viên giữ liên-lạc giữa trại với Ty Đại-Diện Định-Cur Tỉnh.

Nếu các trại thuộc trung tâm đó có một dự-án chung thì mới phải bầu một Ủy-Ban Định-Cur trung-tâm, do Ủy-Viên Định-Cur làm Chủ-Tịch, rồi tất cả các trại bầu cứ lấy 2 người Đại-Diện xung vào và được phân công như sau :

- 1 Chủ-Tịch, do Ủy-Viên Định-Cur đương nhiên giữ
- 1 Thư-ký do các trại bầu ra
- 1 Ủy-Viên Tài-Chính do các trại bầu ra

*Đáy những chiếc thuyền đánh cá của đồng bào di cư*



*Nhà thờ do chính người di-cư tự tay cất lên*

Nhiệm-vụ và quyền hạn cũng như Ủy-Ban Định-Cư trại.

*c) Ủy-Ban Định-Cư Tỉnh*

Trên Ủy-Ban Định-Cư trung-tâm và để thi-hành nguyên-tắc phân quyền, Phủ-Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn có bổ một Đại-Diện Định-Cư tại mỗi Tỉnh để trông coi, kiểm-soát và đôn-đốc việc thi-hành dự-án.

*d) Đại-Diện Định-Cư*

Các nhân-viên giữ nhiệm-vụ Đại-Diện Định-Cư đều đã được theo lớp huấn-luyện chuyên-môn của Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tỵ-Nạn mở tại Cử-chi hồi tháng 1-1956.

Ông Đại-Diện Định-Cư đương nhiên là Tổng Thư-Ký và Thuyết Trình-Viên của Ủy-Ban Định-Cư Tỉnh. Ủy ban này vẫn do Ông Tỉnh-Trưởng làm Chủ-Tịch. Tại các Tỉnh có đồng-bào định-cư, Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn đã đặt Ty Đại-Diện Định-Cư.

— NAM-PHẦN	15 Ty
— TRUNG - PHẦN	7 “
— CAO-NGUYÊN Trung-phần	5 “
Cộng	49 Ty

Duy còn Tỉnh Quảng-Nam và Bình-Định chưa đặt Ty Đại-Diện Định-Cur vì số đồng-bào định-cur còn ít hoặc chưa sắp đặt. Tại những nơi này, Tòa Tỉnh-Trưởng phụ-trách trông nom công việc của các Ủy-Ban Định-Cur.

Những Tỉnh có ít đồng-bào định-cur như Cần-Thơ, Mộc-Hóa, Ty Đại-Diện lân-cận có thể kiêm nhận.

Các Ông Đại-Diện Định-cur còn có các Ông Phó Đại-Diện Định-Cur trông coi một số trại ở gần nhau, tùy theo địa-thể, và phải đặt bàn giấy tại chỗ, thường thường ở quận lỵ, để tiện việc theo dõi công việc thi-hành dự-án. Ủy-Ban Định-Cur trên chỉ trông coi việc quản-trị nội bộ trong trại và thi-hành dự-án.

Còn việc Hành-Chính, chính-trị vẫn thuộc quyền cơ-quan hành-chính sở tại.

Đồng thời 2 Nha Đại-Diện Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn tại Trung-phần và Cao-Nguyên miền Nam cũng được giải-tán, các Ty Đại-Diện Định-Cur ở đây trực thuộc Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn.

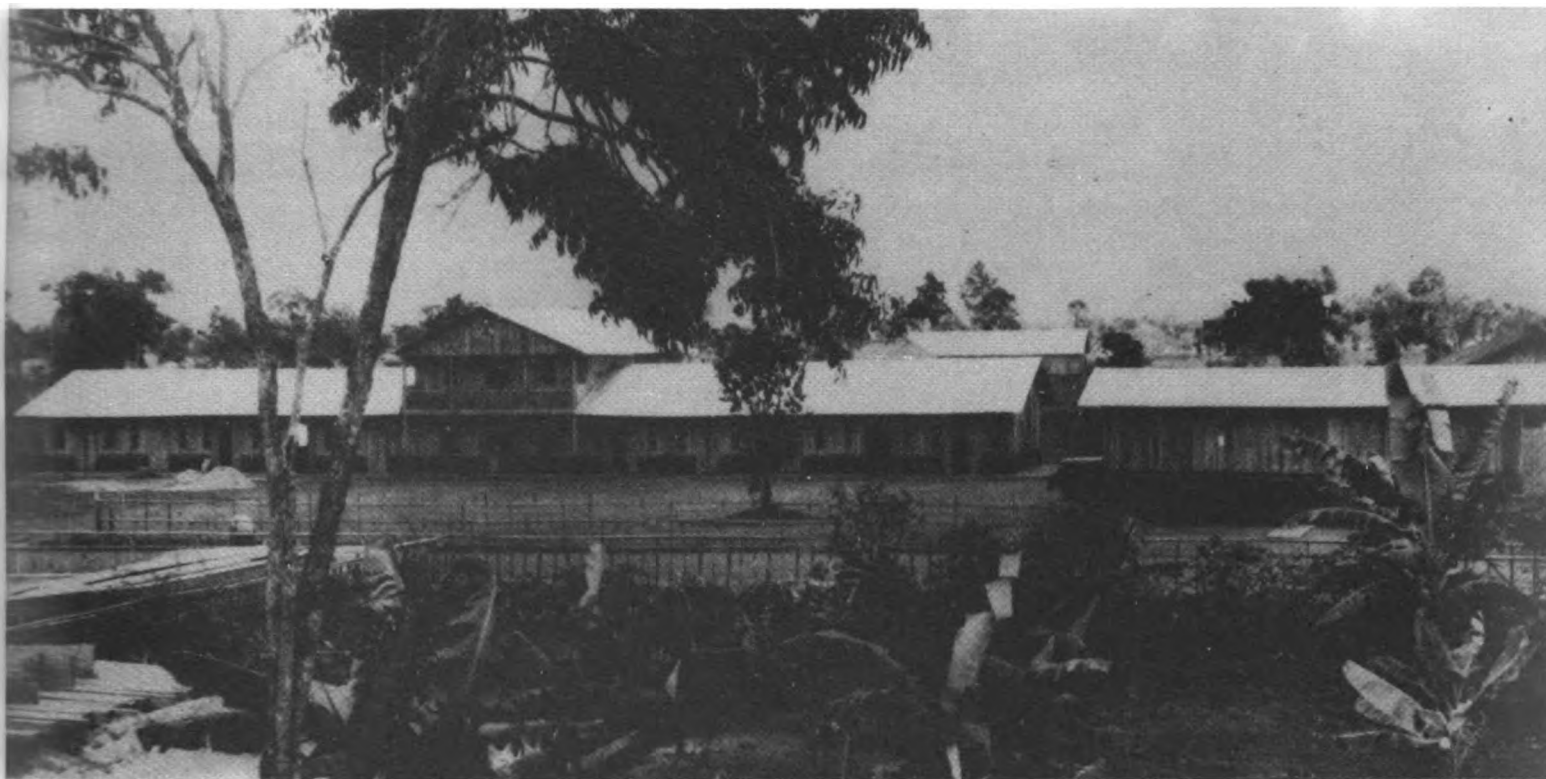
*e) Công việc Hành-Chính tại các trại Định-Cur*

*đã được thiết-lập thành Thôn-Xã địa-phương.*

Hiện nay đã có nhiều trại định-cur được thiết lập thành thôn-xã địa-phương dưới sự che chở của chính quyền sở tại.

Tại những làng mới này, vì công việc thi-hành dự-án kiện-toàn định-cur chưa xong, nên Ủy-Ban Định-Cur vẫn được tồn tại, sẽ có một Ủy-Ban Hành-Chính riêng biệt phụ-trách.

Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn đương cùng Bộ Nội-Vụ và các Tòa Đại-Biểu Chính-phủ tại Nam-phần, Trung-phần và Cao-Nguyên miền Nam, nghiên-cứu cách thức nới rộng thành phần Ủy-Ban Định-Cur trại để cho kiêm-nhiệm cả công việc hành-chính trong Xã mới này.



*Một cô nhi viện trong 1 trại di-cur*

**CÁC TRẠI ĐỊNH-CƯ ĐÃ ĐƯỢC THIẾT-LẬP THÀNH  
THÔN-XÃ ĐỊA-PHƯƠNG**

*TỈNH BIÊN-HÒA* (Nghị-định số 2—HCSV ngày 4-1-56)

Quận CHÂU-THÀNH	}	Hố-Nai
		Bùi-Tiêng
Quận XUÂN-LỘC	}	Tân-Bình
		Gia-Kiệm
Quận TÂN-UYÊN	}	Bình-Cát
		Tân-Phước
Quận LONG-THÀNH	}	Vĩnh-Phước
		Bắc-Ninh
		Đại-Tiến

*TỈNH THỦ-ĐÁU-MỘT* (Nghị-định số 3.350—HCSV

ngày 14-12-56)

Quận DẦU-TIẾNG	:	Rạch-Kiến
	:	Rạch-Bấp
Quận BẾN-CÁT	:	An-Quy
	:	Long-Cầu

*TỈNH VŨNG-TÀU* (Nghị-định số 950—HCSV ngày 13-3-56)

Quận CẦN-GIỜ : Thanh-Thới

*TỈNH CHỢ-LỚN* (Nghị-định số 948—HCSV ngày 13-3-56)

Quận ĐỨC-HÒA	}	Văn-Hiệp
		Nhật-Tần
		Tân-Hòa
		Ninh-Phát
		Kim-Liên
		Châu-Hiệp

*TỈNH MỸ-THO* (Nghị-định số 696—HCSV ngày 17-3-1956)

:	Bình-Định
:	An-Bài
:	Mỹ-Phát
:	Tin-Đức

Nói về các trại thi đua lên đường, nghĩa là các trại thi đua tăng gia sản-xuất để tự cung tự cấp ngô hầu trở thành làng xóm của địa-phương một ký-giả miền Nam đã viết :

« Ngót một triệu đồng-bào ty-nạn vừa đặt chân lên miền đất tự-do đã được Chính-Phủ sẵn sàng đón tiếp và lần lượt đưa đi định cư ở khắp nơi.



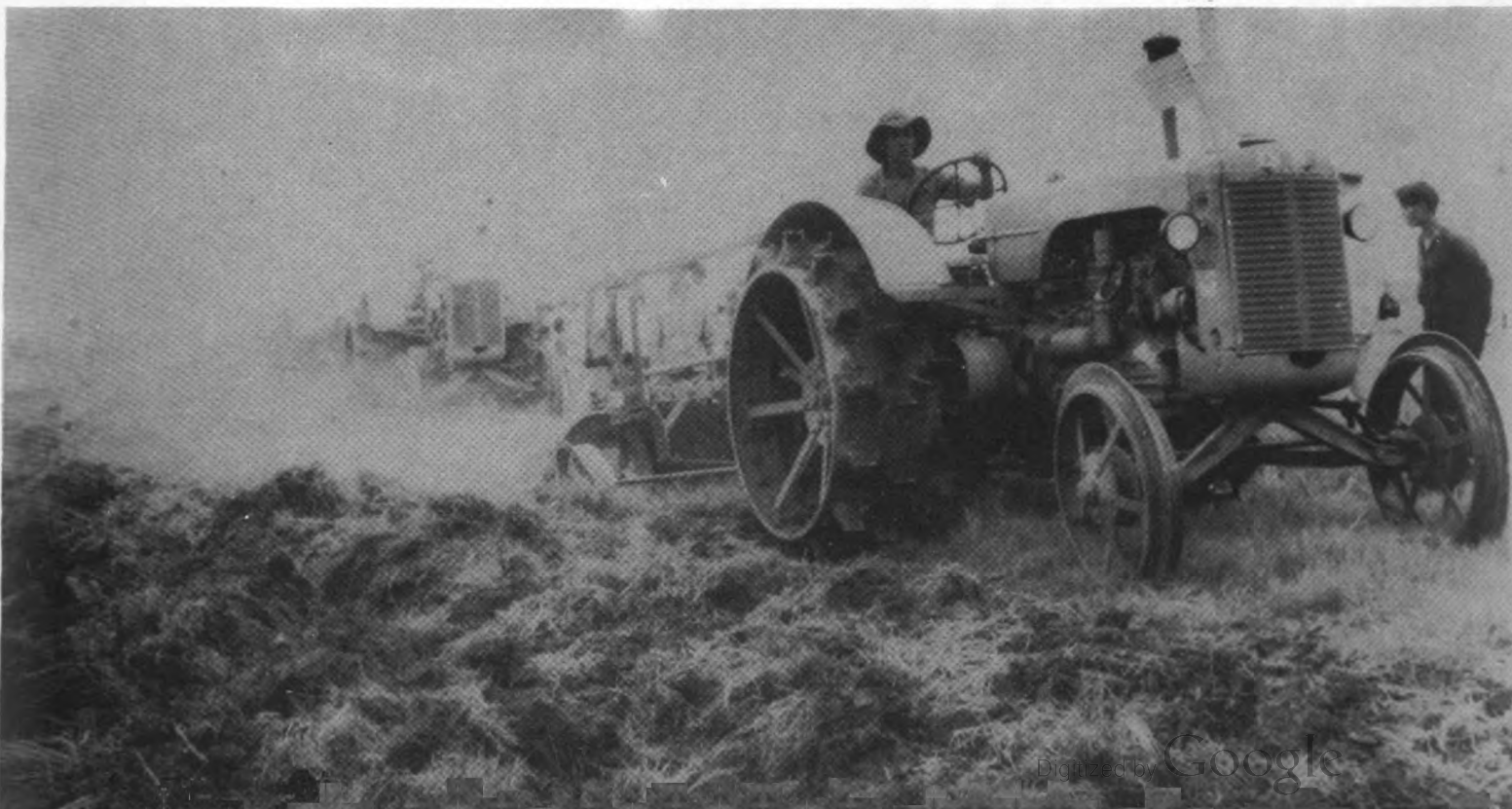
Vượt qua những khó khăn trở ngại buổi đầu, đồng-bào đã từ giã mái lều vải tiến lên xây dựng những nếp nhà tranh đẹp-đẽ, tạo cơ sở để an-cư lạc-nghiệp, biến vùng hoang-phế thành trung-tâm định-cư trù mật. Mọi người đều trông thấy bao nhiêu nhân-lực, vật lực, tài-lực và cả tâm-lực nữa đã đổ dồn vào công cuộc định-cư. Những con số khổng-lồ về tiền bạc, dụng-cụ, thực phẩm v.v..., cung ứng cho đồng-bào tỵ-nạn là những bằng cứ hùng-biện chứng tỏ sự lo lắng hết sức nhiệt thành với sự giúp đỡ vô cùng to tát của Chính-phủ, của nhân dân các nước bạn trong thế giới tự-do.

Sau một năm xây dựng cơ-sở tương đối vững chắc, trong Đại-Hội Kỷ-Niệm Đệ-Nhất chu niên phong trào định-cư, Phủ Tổng-Ủy Di-cư Tỵ-nạn xét thấy cần thiết nêu ra đề án mới là « xúc tiến công cuộc kiện toàn định-cư » và kêu gọi các trại thi đua lên đường, tức là thi đua tự-túc để sớm hòa-minh với địa-phương vậy.

Công cuộc kiện-toàn định-cư đến tháng 6-56 đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp, nhiều thành tích phi thường khiến đồng bào thêm tin-tưởng ở tương lai sáng lạn. Trước sự tiến triển khả quan ấy, Tổng-Thống và Chánh phủ đã chấp nhận một thể thức mới về tài chánh áp-dụng trong chương-trình kiện toàn định-cư. Đó là một chuyển hướng mới xúc tiến mọi chương trình công tác đang tiến hành để có thể sớm hoàn tất công cuộc cứu trợ đồng bào tỵ-nạn, con số 268 trại định-cư đã an bài khắp miền tự-do, từ Nam-Việt, Trung-Việt đến Cao-nguyên Miền-Nam, đâu đâu cũng biểu lộ trạng thái sinh-hoạt bình-thường và điều-hòa, chứng tỏ cuộc sống vui tươi no ấm đang tiến dần đến chỗ phú túc thịnh hùng.

Giờ đây công cuộc thi đua lên đường không còn có thể trì hoãn được nữa. Ý chí tự-lực mưu-sinh đáng ca ngợi của đồng-bào tỵ-nạn nói chung đã tạo cho các trại định-cư một nền tảng kinh tế vững chắc khả-dĩ tự-túc được, nó sẽ là động cơ thúc đẩy các trại xung phong đứng dậy tiến lên đường. Đó là những trại được xếp vào hạng A ; những trại này đã có đủ điều kiện tự túc được ngay, không phải nhờ sự giúp đỡ thường xuyên của Chính-phủ nữa. Theo bảng thống-kê, chỉ riêng Nam-phần, hạng A gồm có cả thảy 45 trại.

*Chiếc máy cày tiếp tục khẩn hoang giúp dân di cư*





*Bác-sỹ hết lòng trong nom sức khỏe cho đồng bào di-cư*

Kể đó là những trại được xếp vào hạng B, là hạng sắp tự túc được, cơ sở kinh tế chưa hoàn-toàn vững chắc, còn cần phải được Chính-phủ giúp đỡ một phần nào, để hoàn thành những dự án đang tiếp-tục thực-hiện. Hạng B này gồm cả thảy 83 trại trong địa phận Nam-phần (Bạc-Liêu 1, Cần-Thơ 1, Chợ-lớn 9, Đô-thành Saigon 9, Gia-Định 14, Mỹ-Tho 2, Thủ-dầu-Một 6, Tây-Ninh 3, Vĩnh-Long 1, Vũng-Tàu 3, Biên-Hòa 21, Bà-Rịa 8, và Bến-Tré 4).

Sau rốt những trại còn lại được xếp vào hạng C, tức là những trại chưa đủ điều kiện tự-túc, còn cần phải được sự giúp đỡ của Chính-Phủ. Hạng C này gồm có cả thảy 64 trại trong địa-phận Nam-Phần (Chợ-Lớn 1, Gia-Định 28, Thủ-Dầu-Một 4, Biên-Hòa 13, Tân-An 1, Rạch-Giá 13, Đô-Thành Saigon 4). Thêm một trại lên đường là bớt đi được một phần chi phí trong ngân quỹ Quốc-Gia, nhẹ đi được một phần gánh nặng cho Chính-Phủ, đồng thời làm sáng tỏ thêm lên tinh thần chống Cộng tìm Tự-Do của một triệu người di-cư, bao giờ cũng tin tưởng khả-năng tái tạo của chính bản thân mình ».

Để đánh dấu công cuộc địa-phương hóa các trại định-cư đã tự túc được, nhân ngày lễ kỷ niệm Đệ-Nhi Chu-Niên Di-Cư (11-10-56), Phủ Tổng-ủy Tỵ-Nạn đã tổ-chức trọng thể lễ chuyển giao Trung-Tâm định-cư Gia-Kiểm cho Chánh-Quyền địa-phương do Ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Đại-Diện Ngô Tổng-Thống chủ tọa.

Gia-Kiệm cách đây hơn 2 năm, khi chưa có phong trào di-cư, là một khu hoang vu rùng rợn — Ngày nay Gia-Kiệm đã trở thành một địa-điểm trù mật, ruộng vườn bát ngát, cây cối, lúa mạ xanh tươi, nhà cửa cao ráo mát mẻ, dân-cư đông-đúc.

Đó là nhờ ở những bàn tay cứng rắn của đồng-bào di-cư tránh họa Cộng-Sản miền Bắc, quyết tâm tái tạo một cuộc đời no ấm trong chế độ Tự-Do Dân-Chủ của miền Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ngô-Tổng-Thống.



*Các nữ y tá phụ trách việc trông nom sức khỏe của đồng bào di cư*

## H. — TỔ-CHỨC AN-NINH TẠI CÁC TRẠI.

Tại các trại định-cư đều có ban tự-vệ để bảo-vệ an-ninh cho đồng-bào.

Ban tự-vệ này được thành lập tại mỗi trại, cứ 100 nhà được cử 20 tự-vệ họp lại thành một Ban, do một Trưởng-Ban điều-khiển, dưới quyền kiểm-soát trực-tiếp của Ông Quận-trưởng Sở-tại.

Do tinh-thần tự-giác, anh em thanh-niên di-cư đã xung phong đứng ra tự giữ lấy trật-tự an-ninh cho trại theo lời kêu gọi của Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn.

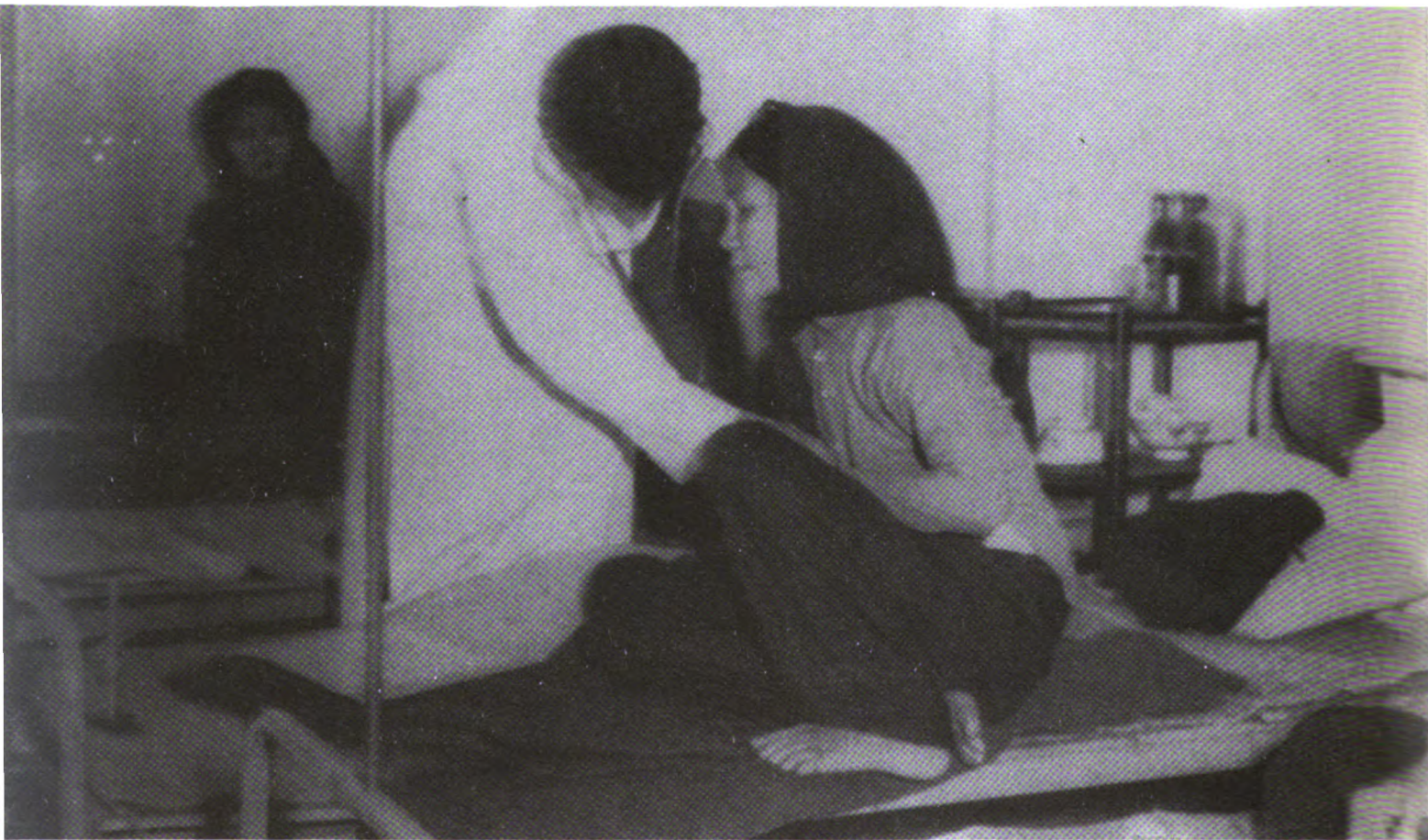
Mới đây, tổ-chức tự-vệ này được giải-tán để cải-tổ theo hệ-thống duy nhất của Dân Vệ-Đoàn (do Sắc-lệnh số 49-QP ngày 4-4-1956 của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa),

Công-việc tổ-chức, tuyển-mộ, huấn-luyện và điều-khiển đều do Ông Tỉnh-trưởng Sở-tại đảm nhận với sự giúp sức của Nha Tổng Thanh-Tra Dân Vệ-Đoàn.

Vấn-đề thù-lao cho Cán-Bộ Dân-Vệ do Bộ Quốc-phòng đài-thọ cho mỗi tháng 300\$ và có thể được hưởng phụ-cấp thêm cho tới mức tối đa là 900\$ do quỹ địa-phương trợ-cấp.

Về khoản trợ-cấp thêm này, thường-thường ở các Xã địa-phương do công-quỹ hàng Xã đài-thọ. Nhưng tại các trại định-cư, trong thời kỳ thi-hành dự-án, chưa có công-quỹ, Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn còn đang nghiên-cứu khả-năng của ngân-sách.

Nếu không có khoản nào dự-trù được, thì sẽ kêu gọi tinh-thần xung phong của thanh-niên trong trại, ra tình-nguyện lãnh số tiền 300\$ cho tới khi nào trại có công quỹ.



*Bệnh nhân được săn-sóc chu đáo*



*Các Trường (Nam-Phần)*

Trường Trung Học		Trường Tiểu Học	
Trường Công	Trường Tư	Trường Công	Trường Tư
0	22	55	222
Tổng Cộng tại các Phần, Trung Phần và Nam Phần		Cao Nguyên Trung Phần, Trung Nguyên	
		Tiểu Học Công	65
		Tiểu Học Tư	<u>307</u>
		Cộng	372



*Các dược phẩm của các nước bạn gửi giúp đồng bào định cư*



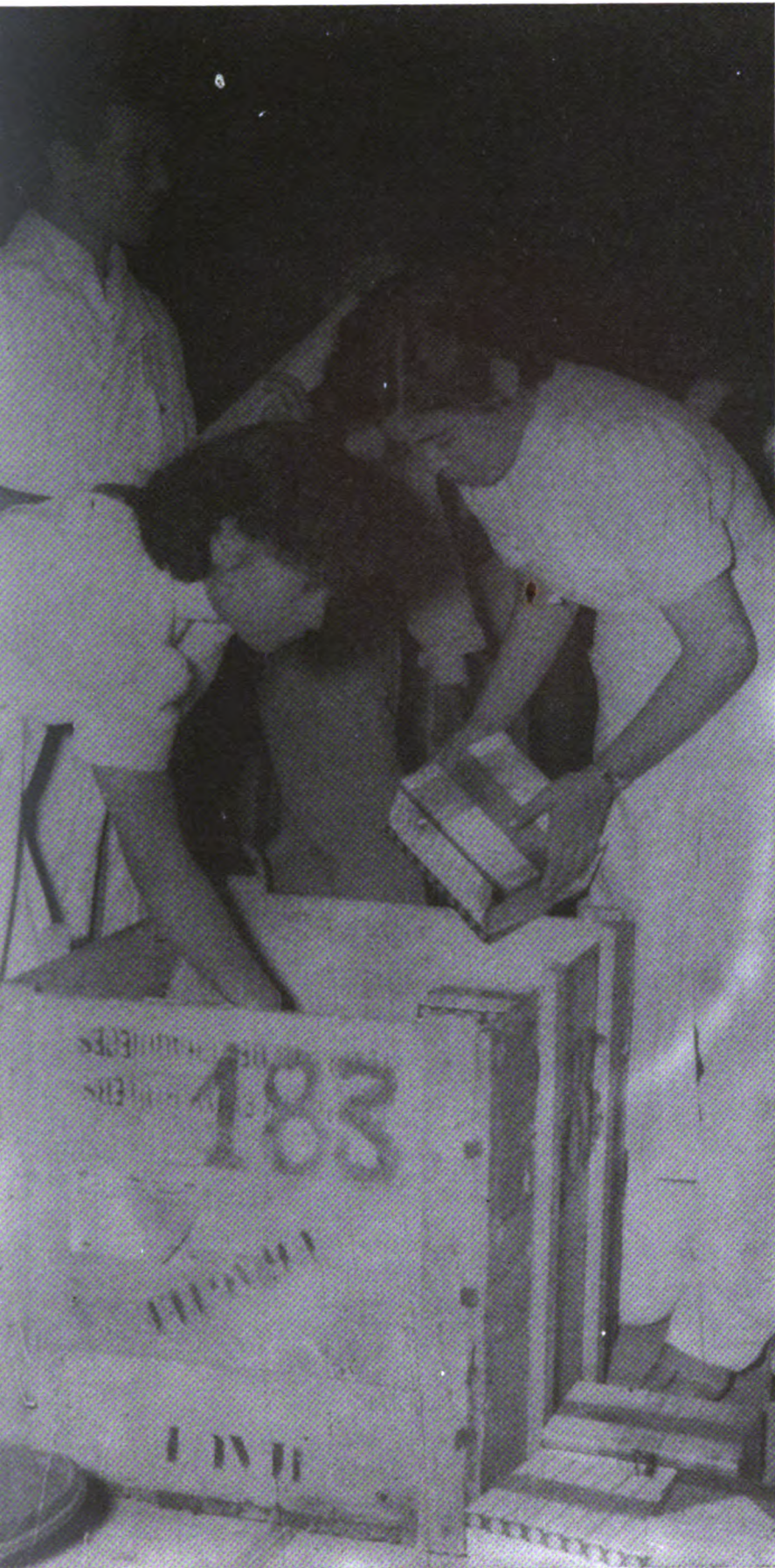
*Thuốc men trước khi gửi đi các trại được kiểm-soát cẩn thận*

### NAM-PHẦN

<u>TỈNH</u>	<u>Số lớp</u>	<u>Số học sinh</u>
Bà Rịa	93 lớp	4.341
Bến-Tré	54	2.654
Biên-Hòa	167	8.492
Cần-Thơ	7	713
Chợ-lớn	36	1.960
Gia-Định	478	19.517
Mỹ-Tho	61	2.491
Saigon Cholon	68	4.200
Sóc-Trăng	10	550
Tây-Ninh	74	3.857
Thủ-Đầu-Một	42	1.528
Vĩnh-Long	14	572
Vũng-Tàu	5	240
	<hr/>	<hr/>
	1.109	51.185

### TRUNG-PHẦN (Cao-nguyên)

Ban-mê-Thuột	9	1.008
Đalat	16	640
Đồng-Nai-Thượng	44	1.320
Pleiku	3	60
	<hr/>	<hr/>
	72	3.038



Các nữ y-tá cho thuốc vô thùng gửi đi

## TRUNG PHẦN

TỈNH	Số lớp	Số học-sinh
Bình-Định	2	120
Bình-Thuận	25	3.260
Đà-Nẵng	23	1.235
Khánh-Hòa	14	800
Ninh-Thuận	1	89
Phú-Yên	10	543
Quảng-Nam	14	420
Quảng-Trị	18	880
Thừa-Thiên	29	1.900
	<u>136</u>	<u>9.957</u>

Tổng-cộng 1.317 lớp 64.170 H.S.

### b) Thanh-toán nạn mù chữ.

Ngoài sự lo lắng cho học-sinh di-cư được tiếp tục sự học, phối hợp với chiến-dịch thanh-toán nạn mù chữ của Bộ Quốc-gia Giáo dục, Phủ Tổng-Uỷ còn lưu tâm đến việc tổ-chức những lớp học bình-dân dạy vào buổi tối hoặc buổi trưa để giúp những đồng-bào lớn tuổi biết đọc biết viết chữ Quốc-Ngữ và những điều thường thức phổ-thông. Việc tổ-chức những lớp học này đang được xúc tiến, hiện nay :

#### Tại NAM-PHẦN.

— Vũng-Tàu	2 lớp
— Biên-Hòa	5 "
— Thủ-dầu-một	11 "
— Vĩnh-Long	2 "
— Cần-Thơ	9 "
	<u>29 lớp.</u>

#### Tại TRUNG-PHẦN.

— Khánh-Hòa	2 lớp
— Thừa-Thiên	7 "
— Quảng-Trị	1 "
— Đà-Nẵng	7 "
— Ninh-Thuận	5 "
— Bình-Thuận	2 "
	<u>24 lớp.</u>

Tổng-cộng : 29 cộng 24 = 53 lớp.

### c) Trường nữ-công và chuyên-nghiệp.

Một số trường nữ-công và chuyên-nghiệp đã được thành-lập để giúp cho đồng-bào di-cư có một nghề chuyên-môn :





*Đây các dược phẩm dành cho người di-cư*

— Cholon (Hòa-Khánh)	1	trường
— Gia-Định (tại trường tiểu học)	1	“
— Vũng-Tầu	1	trường
— Cần-Thơ	1	“
— Củ-Chi (dạy may, do sáng-kiến của hội Catholic Relief Service).	1	“

Cộng : 5 trường.

#### d) Trại học-sinh di-cư.

Một số nam nữ học-sinh mồ-côi hay mất liên-lạc với gia-đình, đã được Phủ Tổng-Uỷ Tỵ-Nạn săn sóc và cho ăn ở trong trại học-sinh để tiếp tục việc học-hành.

— Trại Nữ-Sinh (đường Hiền-Vương)	24	Nữ-Sinh
— Trại Nam-Sinh (đường Lý-thái-Tổ)	450	Nam-Sinh.

Cộng : 474 H.S.

#### e) Các Viện Bác-Ái.

Một số các trẻ em bị bơ-vơ, không nơi nương tựa, một số các người tật nguyền hoặc tuổi-tác, cần được trông nom đặc-biệt, Phủ Tổng-Uỷ đã thiết-lập viện bác-ái tại Hồ-Nai (Biên-Hòa) và nhờ một vị Linh-Mục Quản-Đốc để nuôi-nấng và giáo-dục các trẻ em này.

Phủ Tổng-Uỷ cũng trích quỹ để trợ-cấp cho cô Nhi-Viện Lạc-An di-cư ở Hải-Phòng vào để tiếp-tục nuôi-nấng các trẻ mồ côi đã đi theo Viện.

Ngoài ra một số trẻ em khác được Phủ Tổng-Uỷ nhờ Hội Phước-thiện nuôi-nấng giúp, Phủ Tổng-Uỷ chịu tiền cho mỗi trẻ em hàng tháng.

### 4) KẾT LUẬN VỀ CÔNG-CUỘC ĐỊNH-CƯ :

Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Tỵ-Nạn đã hoàn thành công cuộc tiếp-cư ổn-định được tình-hình định-cư đưa công cuộc định-cư đi đến những kết quả mong muốn :

— Từ một số ít đồng-bào (khoảng 20% tổng số đồng-bào tỵ-nạn) thuộc giới công chức, thương gia và công-nhân các xí-nhiệp tự-động định-cư tại các đô thị, và một số gia đình binh sĩ di cư tại những vùng hợp với khả năng sinh-hoạt. Các trại định-cư trước kia thiết-lập tại những vùng không đủ điều-kiện cho đồng-bào sinh-sống đều được giải tán để thành-lập những trại mới tại những vùng ròi rào về khả năng sinh-hoạt .

Những đồng-bào định-cư những trại không hợp về nghề nghiệp cũng được định-cư đến những vùng hợp với khả năng sinh-hoạt.

Vấn-đề nhà ở và giếng nước uống tại các trại đã được giải quyết chu đáo (mỗi gia đình trung bình 5 người có một căn nhà đủ ở, có vườn trồng rau cây ăn trái, có chỗ nuôi gia súc kiếm thêm hoa lợi)

— Sức khỏe của đồng bào định-cư được săn sóc cẩn thận nhờ sự tận tâm của sở Y-Tế Di-cư và Phái-Đoàn Thanh-Thương-Hội Quốc-Tế, (Đồng-bào di-cư khi đau ốm có Bác-sĩ, y-tá chăm nom, khi sinh đẻ có nhà bảo-sinh.)

Ngoài các khoản trợ cấp về tài-chính và các tặng phẩm của các hội thiện trong và ngoài nước gửi giúp, đồng-bào định-cư còn được cung cấp mọi phương tiện và vật dụng cần thiết tùy theo nghề nghiệp để làm ăn. (Người làm ruộng có đất, có trâu cày, có nông cụ để làm ruộng, người làm thợ có dụng cụ để tiếp tục nghề cũ, người đánh cá có ngư-cụ cần thiết để sinh nhai.)

— Mọi công việc giáo dục, xã-hội được khuếch trương triệt để tại khắp các trại. (Trẻ em di-cư có nơi học tập, những trẻ em mồ côi được săn-sóc tại các cô nhi-viện v....)

— Đồng-bào có phòng thông tin để đọc sách báo.

— Đồng bào các tôn giáo được khuyến khích và giúp đỡ để tự do phụng sự lý tưởng tôn-giáo.

— Tính mệnh tài-sản của đồng bào tại khắp các trại đều được đảm bảo chắc chắn.

Đồng-bào di-cư đã hòa mình vào đời sống của đồng-bào địa-phương vui vẻ làm ăn xiết chặt tình đoàn kết dân tộc cùng chiến đấu diệt Cộng, củng cố nền Cộng-Hòa của nước nhà.



*Một cán bộ y-tế đang giảng về vệ-sinh thường thức*

Sự thành công ấy là nhờ ở uy tín của Ngô Tổng-Thống đối nội cũng như đối ngoại, sự lãnh-đạo anh minh của Người và sự nhiệt-liệt giúp đỡ của các nước bạn đồng thời nhờ sự tham-gia sốt-sắng của các cơ-quan chính-quyền các cấp, và nhất là nhờ sự đồng tâm nhất trí của các vị lãnh-đạo tinh-thần, của đồng-bào cũng như của nhân-viên Phủ Tổng-Uỷ được sự điều đăt tận tâm, đứng đăt của Ông Tổng-Uỷ Trương di-cư Bùi-văn-Lương.

Để đánh giá một cách khách quan sự thành công rực-rỡ của kế-hoạch định-cư chúng ta hãy đọc ở dưới đây lời nhận xét của các quan khách ngoại-quốc về công cuộc này :

Ông A. M. MAC KINS-TOSK, Phó Tổng-Uỷ-Viên Anh tại Đông-Nam Á, trong dịp đến thăm các trại định-cư tại Biên-Hòa và Blao ngày 8-7-56, đã tuyên-bố :

« Năm ngoái tôi nghĩ tới công-cuộc định-cư vĩ-đại của một triệu người tỵ-nạn mà nước Việt-Nam tự-do đã phải gánh vác, chính tôi cũng thấy e-ngại và tôi cho rằng Chính-phủ Việt-Nam đã nhận lãnh một công-cuộc quá táo-bạo. Nhưng bây giờ ở tại chỗ, tôi đã nhận thấy rằng mọi công việc đều hoàn-hảo».

Và Ông kết-luận :

« Tóm lại Chính-Phủ Cộng-Hòa Việt-Nam đã thành-công trong công-cuộc định-cư các người Bắc-Việt tỵ-nạn. Tôi có cảm tưởng rõ ràng là họ rất hài lòng được sống dưới chế-độ Cộng-Hòa Việt-Nam tự-do».

Nhằm vào ngày lễ Song-thất (7-7-56) Phó Tổng-Thống Hoa-Kỳ RICHARD NIXON, nhân-danh Tổng-Thống EISENHOWER và nhân-danh dân-tộc Mỹ, cũng đến thăm các trại định-cư Hồ-Nai (Biên-Hòa) có tuyên bố rằng :

« Sự hy-sinh của đồng-bào tỵ-nạn, để đi tìm tự-do, không sợ nguy-hiểm đến tính mạng, đã làm cho toàn thể thế-giới phải ngạc-nhiên và kính-phục».

— Đại-Tướng O'DANIEL, sau khi đi thăm các trại định cư về,

*Một buổi diễn kịch trong trại định cư*

trong phiên hội-họp báo chí, có trả lời các nhà báo đến phỏng-vấn về công-cuộc định-cư đồng-bào ty-nạn như sau :

« Tôi còn nhớ rằng hồi năm 1954, lúc tôi còn ở Việt-Nam, các người di-cư ty-nạn đầu tiên đến miền Nam phải ăn ở trong những cái lều bằng vải. Bây giờ thì là những trung-tâm định-cư bát-ngát, với những nhà cửa xây-dựng ngăn-nắp và những thửa đất trồng-trọt xanh tươi. Điều đó làm phấn khởi lòng người nhiều lắm ».

**Đại-Tướng kết-luận :**

« Theo ý-kiến của những người Mỹ, bạn của Việt-Nam và của riêng tôi, chúng tôi có cảm-tưởng rằng chúng tôi không phải là viện-trợ cho một nước nghèo, nhưng trái lại viện-trợ cho một nước rất giàu, rất giàu về tinh-thần ».

Qua những sự nhận xét khách quan trên, chúng ta có thể nói rằng : Nếu « di-cư » là một bản cáo trạng hùng hồn về chế-độ phi nhân Cộng-Sản thì « định cư » là một thử thách ghê-gớm đối với phe Quốc-Gia và Thế-Giới Tự-Do. Những sự ủng-hộ tinh-thần và số lượng viện-trợ khổng lồ của Thế-Giới Tự-Do đặc-biệt của Hoa-Kỳ đã chứng tỏ Cộng-Sản là một nguy cơ chung cho nhân-loại. Các nước bạn trên Thế-Giới đã cảm thông với Việt-Nam Tự-Do trước nguy cơ ấy. Nhờ vậy mà những « Kế-hoạch định-cư » như kế-hoạch Cái-Sán, La-Ngà, Banmêthuột v.v... giúp cho sự khai thác hàng mấy chục vạn mẫu tây đất đem lại



*Ban văn-nghệ của Phủ Tổng-Uy di-cư trong một buổi trình diễn*



*Các máy vô tuyến truyền thanh dành cho các trại di-cư*

com no áo ấm cho hàng nửa triệu đồng-bào địa-phương và di-cư đã đạt được những kết quả khả quan và đang được xúc tiến mạnh mẽ. Sự thành công của công cuộc định-cư chứng tỏ trong công cuộc chống Cộng chúng ta không cô-độc mà có hậu thuẫn của cả một thế-giới Tự-Do và đường lối cứu-quốc của Ngô Tổng-Thống là rất đúng. Có thể nói đây là một đòn chí tử đánh vào đầu phi cộng Bắc-Phương. Và do đây lập trường quốc-gia và quốc-tế của Ngô Tổng-Thống đã sáng tỏ hơn lúc nào hết.

Mọi người đều biết rằng vấn đề « định-cư » cho gần một triệu người là một vấn đề vô cùng mới mẻ. Thiếu quả cảm và tin tưởng ở dân-tộc nhất định phải thất bại. Đành rằng đối với những kẻ đi tìm tự-do, ý chí sắt đá tạo lập một đời sống mới có thể « biến sỏi đá thành com » nhưng nếu thiếu sự lãnh-đạo đứng đản, ngày thành công sẽ còn xa và đồng-bào sẽ còn phải chịu nhiều thử thách. Đồng-bào di-cư là một trong những lực lượng làm hậu thuẫn cho Ngô Tổng-Thống trên con đường tranh đấu. Ngày nay được định-cư, đồng-bào lại là một lực-lượng sản xuất có ảnh hưởng tốt đẹp đến nền kinh-tế Quốc-Gia.

Tóm lại sứ mạng cứu-quốc và kiến-quốc của Ngô Tổng-Thống đã gắn liền với vận mệnh dân-tộc nói chung và kế-hoạch định-cư cho đồng-bào di-cư nói riêng : « Một sự kiện vô tiền khoáng hậu trong lịch sử Việt-Nam cận đại ».

Hầu hết của đồng-bào định-cư những vùng hợp với khả năng sinh-hoạt lại được tiếp trợ đầy đủ về tài chính và những phương tiện cần thiết để làm ăn, thêm vào đây đồng-bào tại các trại định-cư còn được săn sóc chu đáo về mọi phương tiện xã-hội, giáo-dục, y-tế, cho nên có thể nói mọi sinh hoạt vật chất của đồng-bào định-cư được tiến hành dễ dàng, đều đặn và đời sống vật chất của đồng-bào tuy không được sung sướng lắm nhưng đã được đảm bảo chắc chắn và rất có triển vọng tốt đẹp.

Hưởng ứng chiến-dịch «Tự-Lực Mưu Sinh» của Phủ Tổng Ủy Di-cư đồng-bào các giới nhiệt liệt tăng gia sản-xuất về mọi ngành, mọi mặt.

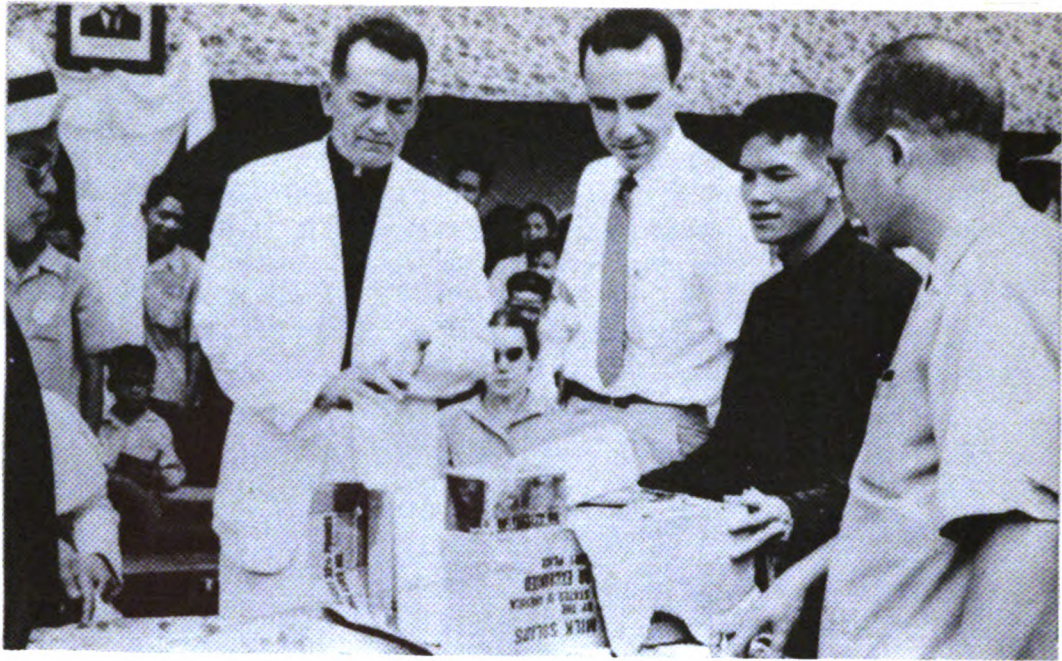
Ngày nay, đi qua các vùng quê Trung-Nam-Việt hay Cao-nguyên miền Nam, người ta không khỏi vui mừng khi nhận thấy tại nhiều khu rừng hoang, nhiều cánh đồng bỏ hóa trước đây đã mọc lên những xóm làng mới mẽ với những người dân mới cần cù, nhẫn nại mà người tin ý có thể thấy rõ nét cương-quyết và mối hoài vọng trên mặt họ, đang say sưa phá rừng, cày cấy, cố gắng kiến tạo cuộc đời mới sau cơn tan nát vì họa Cộng-sản.

Tại khắp các trại, một sức sống mới đang dâng lên mạnh mẽ.

Cảnh tượng buôn bán tưng bừng tại những chợ mới thành lập cũng như cảnh nhộn nhịp tại những khu tiểu công nghệ của đồng bào di cư hay cảnh tấp nập tại các trại định cư vùng duyên-hải mỗi khi đồng bào di bển về chứng tỏ sự làm ăn vui vẻ của đồng-bào di-cư.



*Đồng bào di-cư vừa lãnh tặng phẩm viện trợ*



*Đây hình ảnh vài buổi lễ*

Trên rừng, dưới biển, nơi đồng ruộng phì nhiêu mông mênh của miền Nam tự-do, đâu đâu cũng có sức lao động dẻo dai của đồng-bào di-cư góp phần xây-dựng nền kinh tế quốc-gia. Nếu câu tục ngữ « tay làm hàm nhai » là đúng thì với sự cần cù chịu khó với sức lao động dẻo dai ấy, đời sống vật chất của đồng-bào di-cư cũng đã tạm đủ.

Đã sẵn sóc chu đáo đến đời sống vật chất, Phủ Tổng-Uỷ cũng không quên lo lắng đến đời sống tinh thần của đồng-bào. Tất cả các trại đều có phòng cho đồng-bào đến đọc sách báo. Ngoài những báo chí và tài liệu do Sở Thông-Tin Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư cung cấp, các trại còn được cấp phát cả tài liệu báo chí của Bộ Thông-Tin, Nha Thông tin Nam-Việt, Sở Thông-tin Mỹ, Anh gửi tặng. Một số trại đã có cán-bộ Thông-tin về hướng dẫn đồng-bào đọc sách báo. Đoàn tuyên Truyền Lưu-động của Sở Thông-Tin Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư luôn luôn về các trại trình diễn ca nhạc kịch, chớp bóng và tổ chức những buổi nói chuyện giải thích mọi đường lối kiến quốc của Chính-phủ.

Đồng-bào Công-giáo, Tinh-Lành, Phật-giáo còn được các Linh-Mục, Mục-Sư, Tăng-Già sớm hôm chăm dất. Các Phòng liên lạc tôn giáo được Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư khuyến khích và giúp đỡ phương tiện để xây dựng nhà thờ, am tự cho đồng-bào có thêm điều kiện phụng sự lý tưởng tôn giáo theo sở nguyện.

Ngoài ra Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư còn đặc biệt chú trọng đến vấn đề gây tinh thần tự lập, gạt bỏ óc ỷ lại còn sót lại trong một số đồng-bào. Nhằm mục đích ấy, chiến dịch « Tự lực mưu sinh » được phát động từ đầu tháng 7-55. Kết quả của chiến dịch rất khả quan góp phần không nhỏ vào việc thực hiện chương trình định-cư :

— Đồng-bào di-cư ý thức được sự cần thiết và ích lợi của sự tăng gia sản xuất cũng như giá trị của tinh thần tự lập và những hậu quả không hay của tính ỷ lại, do đó tại khắp các trại, với những phương tiện thuận lợi do Phủ Tổng Ủy Di-cư giúp đỡ, đồng bào các giới cố gắng tăng gia sản xuất về mọi ngành, mọi mặt gây thành phong trào tự lực mưu sinh rất rầm rộ, tại khắp các trại. Sau chiến dịch « Tự lực mưu sinh », chiến dịch « Thông cảm » Trung Nam Bắc phát động từ đầu năm 1956, với những kế hoạch thích đáng, đã làm cho phong trào di-cư của hơn một triệu người đi tìm tự-do biến thành một làn sóng chống Cộng tràn vào Nam và cuối cùng đạt mục đích Trung-Nam-Bắc cùng thông cảm để diệt Cộng.



Nhờ chiến dịch thông cảm này những àm mưu chia rẽ giữa đồng-bào di-cư và đồng bào địa phương cùng những luận điệu xuyên tạc ý nghĩa phong trào di-cư của bọn Việt-Cộng đã bị phá vỡ. Đồng thời chiến dịch này đã san bằng được những thành kiến Thực Cộng Phong gây ra từ lâu. Do đó tình tương thân, tương ái của đồng bào Trung Nam Bắc ngày thêm chặt chẽ.

Chiến dịch thông cảm của Phủ Tổng Ủy Di-cư đã làm cho đồng bào miền Nam nhận được giá trị của cuộc di-cư và hiểu rằng :

— Di-cư là bất khuất, là tranh đấu chống Cộng.

— Di-cư là tái tạo cuộc đời để rồi cùng đồng-bào miền Nam đứng lên thống nhất quê-hương.

Hơn thế, chiến dịch này đã làm cho đồng-bào miền Nam cảm thông sự căm thù Việt-Cộng của đồng-bào di-cư, hiểu bộ mặt thật của Cộng-Sản để ghê tởm, căm thù và quyết tâm chống Cộng.

Cảnh tượng trẻ đi học, già đi chùa hay nhà thờ tụng niệm đã nói lên đầy đủ đời sống vui vẻ của đồng-bào tại các trại.

Có thể nói nhờ sự lo lắng của Phủ Tổng-Ủy Di-Cư, về vật chất, tại khắp các trại đồng-bào vui mạnh làm ăn trong an ninh trật tự. Về tinh thần trước sức mạnh đang lên của dân-tộc, trước những quyền tự-do dân-chủ, tự-do tín ngưỡng (điều không thể có được tại vùng Việt-Cộng) mà đồng-bào đang được hưởng, đồng-bào định-cư tại khắp các trại đều hân hoan tin tưởng vào sự thắng lợi cuối cùng của chính nghĩa Quốc-gia.

Nhờ vậy đồng-bào di-cư đã có đủ điều kiện để thực hiện ý nguyện : di-cư để tái tạo cuộc đời, tranh đấu cho tự-do. Và từ hơn 2 năm nay, đồng-bào di-cư đã tích cực tham gia mọi công cuộc chống Cộng kiến quốc. Trên các địa hạt chính-



... trao tặng phẩm cho đồng bào di cư

trị, quân-sự, kinh-tế, văn-hóa, những cố gắng của đồng-bào di-cư đã ghi lại nhiều thành tích đáng kể. Có thể nói không một cơ-quan đoàn thể nào không có mặt của đồng-bào di-cư và không một hoạt động nào không có sự đóng góp của đồng-bào di-cư. Về phương diện chính-trị, đồng-bào di-cư đã hăng hái góp phần vào mọi cuộc vận động chính-trị nhằm mục tiêu đã thực bài phong diệt Cộng. Giữa lúc tình hình đang nghiêm trọng đồng-bào di-cư đã mạnh bạo đứng lên phản đối Nguyễn-văn-Hình, phản kháng công-an Bình-Xuyên. Các cuộc biểu tình truất phế Bảo-Đại, suy tôn nhà Chí-sỹ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM lên làm Tổng-Thống Việt-Nam đều có sự tham gia đông-đảo của đồng-bào di-cư.

Trong cuộc trưng cầu dân ý 23-10-55 cũng như trong cuộc bầu cử Quốc-Hội 4-3-56 không một ai phủ nhận sự cố gắng của đồng-bào di-cư. Vốn là nạn nhân của chế độ phong kiến thối nát và chính sách độc-tài, tàn bạo của Việt-Cộng, dân di-cư rất mong mỗi được xây dựng lại nước nhà cho nên trong 2 cuộc bầu cử lịch sử trên, tại khắp các trại định-cư, ai nấy đều nô nức đi bỏ phiếu để truất phế Bảo-Đại, suy tôn Ngô Chí-sỹ làm Tổng-Thống xây dựng cơ sở cho nền dân chủ chân chính của nước nhà.



*Ông Tổng Ủy Trương Bùi-văn-Lương đang cảm ơn các tân khách trong một buổi lễ tiếp nhận tặng phẩm viện trợ*

Ngoài những hoạt động trên, dân di-cư đã góp phần quan trọng vào chiến-dịch nhân dân Tố Cộng. Đồng-bào di-cư, những người vốn căm thù Công-Sản một cách sâu sắc được dịp phơi bày sự thật dã man, tàn bạo của chế-độ Công-Sản đã và hằng-hái tham gia tố cộng.

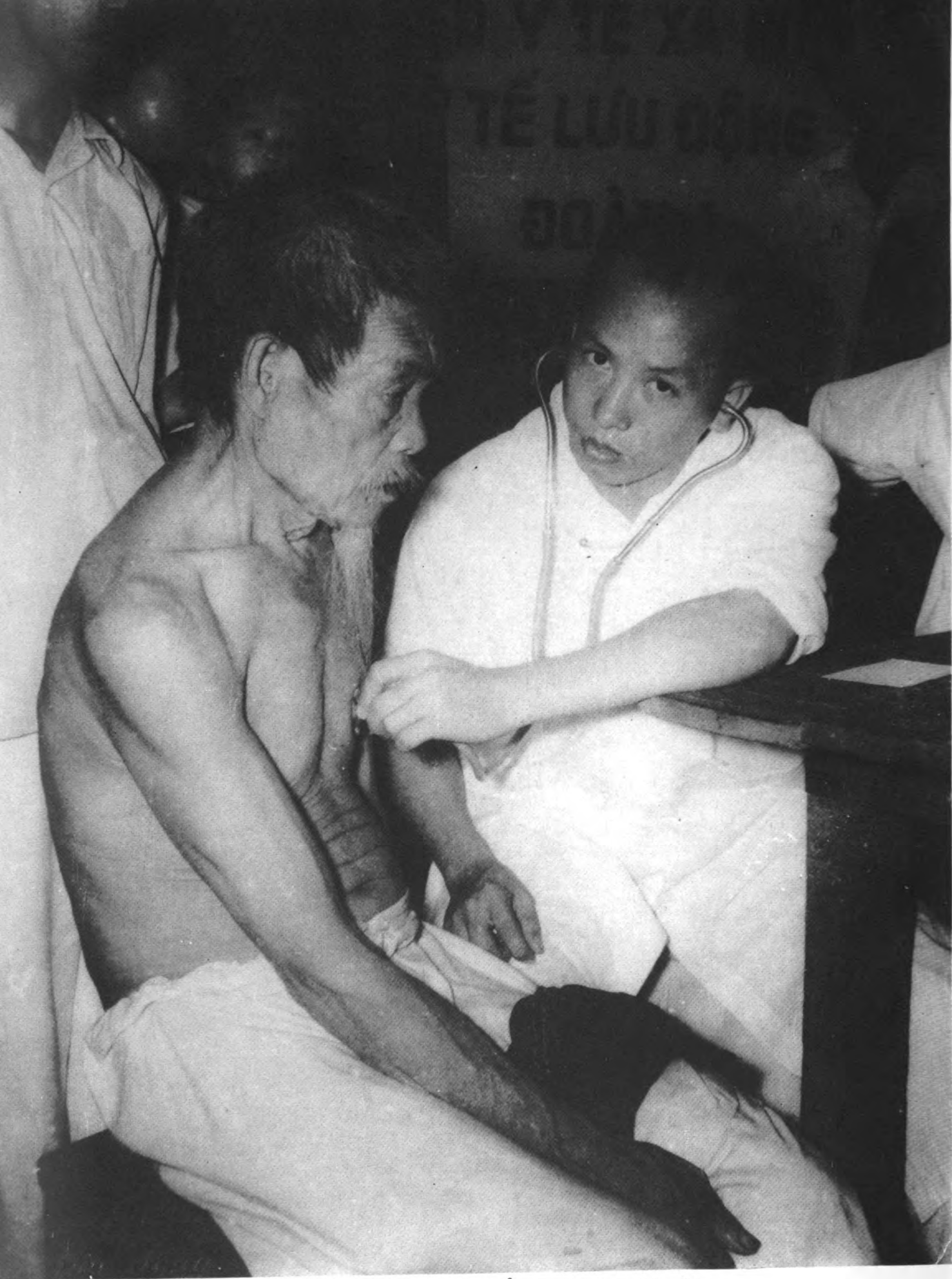
Trong cuộc biểu tình ngày 15-5-55 ủng hộ lập trường của Chính-Phủ Việt-Nam Tự-Do đối với hiệp-định Genève và cuộc biểu tình ngày 20-7-55 đã phá âm mưu « hiệp thương » của Việt-Cộng, đồng-bào di-cư đã tỏ cho Thế-giới biết rõ đến lập trường dứt khoát của nhân dân Việt-Nam đối với Công-Sản. Không ai không biết đến sự hăng hái của đồng-bào di-cư trong 2 cuộc biểu tình này.

Đặc biệt hơn cả là những cuộc biểu tình yêu cầu Ủy-Hội Quốc-Tể kiểm-soát đình-chiến ở Việt-Nam can thiệp cho chuẩn-úy Lê-Tấn-Lý được tự-do trở vào Nam đều do sinh-viên và học-sinh di-cư chủ động. Bởi quan niệm rằng « tố Cộng để kiến quốc trong tố Cộng », người di-cư bất kỳ lúc nào và làm việc gì cũng nhớ đến việc tố Cộng. Có thể nói trong ngôn ngữ và hành động hàng ngày của người di-cư đều có ý thức chống Cộng. Do đó tư tưởng và hành động chống Cộng của đồng-bào di-cư đã ảnh hưởng sâu mạnh đến tư tưởng và hành động của đồng-bào miền Nam và đã góp phần quan trọng vào công cuộc tố Cộng chung của nhân-dân toàn-quốc. Đã thế, cái khối non một triệu người hăng hái chống Cộng kiến quốc là một hậu thuẫn vững mạnh cho mọi công cuộc chính-trị, quân-sự, kinh-tế của chính quyền Việt-Nam Tự-do đứng như Nghị-Sỹ Majouica ở Tây-Đức đã tuyên bố sau khi sang thăm Việt-Nam :

« Người ta không thể ước lượng sự quan trọng về chính-trị của những người di-cư tỵ-nạn trong công cuộc ổn định tình-hình Việt-Nam. Là những người chống Cộng hăng hái, họ đều siết chặt hàng ngũ ở đảng sau Ngô Tổng-Thống. Nhất là họ lại có thể đem những kinh nghiệm của họ để giác ngộ một thiểu số đồng-bào khác vì chưa hiểu Công-Sản còn mù quáng tin tưởng ở Hồ-Chí-Minh. Hiện nay, trên đường xây dựng và củng cố nền dân chủ chân chính cho nước nhà, khối người di cư vẫn luôn luôn cố gắng để chóng hoàn thành công cuộc Cách-Mạng của Dân-tộc dưới sự lãnh đạo anh minh của Ngô Tổng-Thống.

Về quân-sự gần 10 vạn quân nhân di-cư đang chiến đấu dưới cờ chính nghĩa ở miền Nam Tự-do. Người quân nhân di-cư đã cùng với các chiến hữu miền Nam góp phần hy sinh trong khắp các chiến dịch Rừng-Sát, Nguyễn-Huê, Thoại-Ngọc-Hầu, Trương-Tấn-Bửu. Về công tác chiến tranh tâm lý, lẽ dĩ nhiên với lòng căm thù Công-Sản, người quân-nhân di-cư đã động viên thêm lòng hăng hái của các chiến hữu đồng-đội trong mọi tranh đấu chống Cộng phụng sự Chính-Nghĩa Quốc-Gia.

Về kinh tế, sức lao động của non một triệu người mà hầu hết là nông-nhân và côn-gnân đã bồi bổ cho nền kinh tế nước nhà thêm phong phú. Nhiều miền ruộng đất phì nhiêu trước đây bỏ hoang vì chiến họa như vùng Đồng Tháp Mười vùng Cái-Sắn được dân di cư tới tái canh. Hàng năm vựa lúa miền Nam có thể thu thêm hàng mấy triệu tấn. Những miền rừng núi vùng Cao-nguyên như Ban-Mê-Thuột, La-Ngà cũng được biến thành những nơi sinh địa cung cấp nhiều nông, lâm-sản quý cho thị trường Quốc-gia do sự cần cù nhẫn nại của những người nông dân di-cư. Hiện nay, thực hiện chương trình khai thác vùng Cao-Nguyên miền Nam của Chính-Phủ, dân di cư đang lục tục lên định-cư tại Pleiku để tạo miền này thành một miền phì nhiêu, trù mật.



*Đoàn Y-tế lưu động của Phủ Tổng-Ủy Di-Cư luôn luôn đến các  
trại định-cư khám bệnh cho đồng bào*

Từ Cái-Sơn, Ban-Mê-Thuột đến La-Ngà, Pleiku v.v... đồng-bào di-cư đã nêu gương canh tác tự lực mưu sinh. Trong dịp tới thăm trung tâm định-cư Cái-Sơn Bắc-Sĩ E.W. Weidner, giáo sư khoa học chính trị tại Đại Học Đường Michigan đã tuyên bố một cách xác đáng rằng :

... « Những người di cư có rất nhiều khả năng để tạo một đời sống phong phú... » Thiết tưởng đời sống phong phú của dân di cư sẽ góp phần vào nền thịnh vượng chung của Dân Tộc.

Cùng với sự cố gắng của các bạn nông dân, sự cố gắng của giới công nhân di-cư cũng đã tô điểm thêm cho nền công kỹ-nghệ nước nhà không ít. Ngoài những khu tiểu công nghệ như nghề làm đồ gốm, nghề dệt vải, làm đồ gỗ, đồ sơn, đồ thêu, dệt chiếu, đan lát, làm nước mắm v.v... được tổ chức tại các trại định-cư, mà những sản phẩm tinh xảo đã chứng tỏ sự khéo léo, chăm chỉ của người công nhân di-cư, tại khắp các xưởng công kỹ nghệ rải rác ở Đô-thành và các thị trấn, chỗ nào cũng có bóng dáng người công nhân di-cư đang ra sức làm lụng.

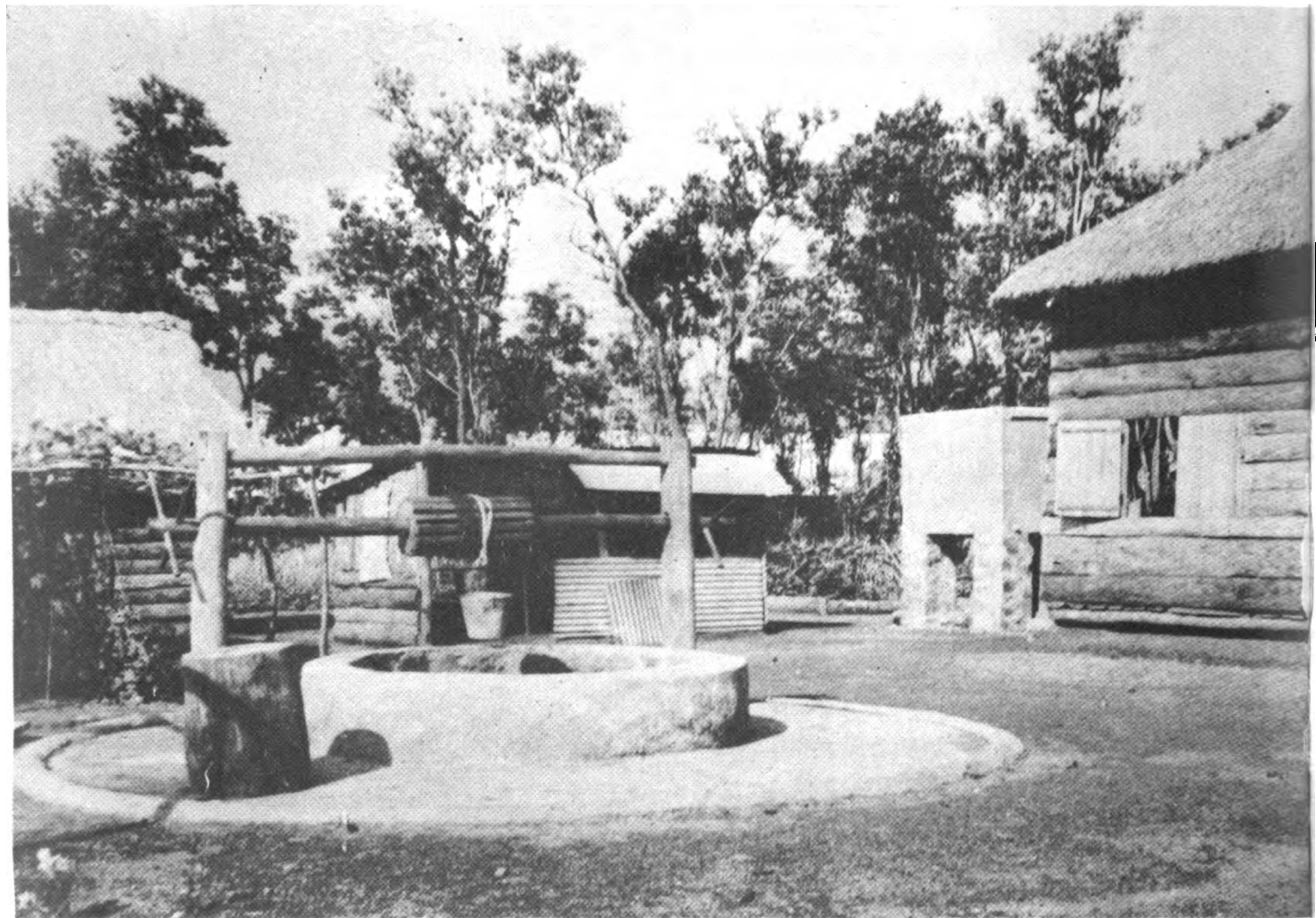
Ngoài hai ngành trên mà sự cố gắng của nông dân và công nhân di-cư đã có những thành tích rõ rệt, dân di cư nhờ sự giúp đỡ đầy đủ của Phủ Tổng Ủy, hàng ngày vẫn tiếp tục nghề cũ. Người đánh cá, người đi buôn, người làm gỗ, đốn củi hàng ngày vẫn đem sức lao động hòa hợp vào sự sinh hoạt chung của nền kinh-tế Quốc-gia.

Tóm lại hoặc định cư tại các trại, hoặc sống lẻ tẻ tại các đô thị, người dân di cư thuộc mọi ngành mọi nghề đều nêu cao tinh thần tự lực mưu sinh. Với tinh thần ấy cộng thêm với sự giúp đỡ của Chính phủ, ngoài kết quả đem lại sự no ấm cho bản thân cho gia-đình mình, người dân di-cư đã góp phần xứng đáng vào việc hưng vượng nền kinh-tế nước nhà.

Về văn hóa chỉ nguyên phong trào di cư và hoạt động trong mọi ngành mọi mặt của đồng bào di-cư đã là những đề tài phong phú cho các văn nghệ sĩ trong nước khai thác để phục vụ cho Tự-Do và Dân Chủ. Hơn thế, các văn nghệ sĩ di-cư đã gieo rắc tư tưởng mạnh bạo tổ Cộng trong báo giới miền Nam. Những vở kịch bông bông thiếu xây dựng, những tư tưởng « vọng cụ » đều bị các cây bút di cư đã phá mạnh mẽ. Tờ tuần báo « Tiến-Thủ » đã bị dân chúng phản đòng là dân di-cư đến tòa báo xé nát những số báo mới in xong vì có mấy bài muốn kêu gọi « hiệp thương » với Việt-Cộng.

Trong các bộ môn ca, nhạc, kịch, nghệ-sỹ di-cư đã đánh đổ được ảnh hưởng lằng mạp lỗi thời của thực dân phong kiến để hướng những môn này vào việc kiến quốc và tổ Cộng. Chính các nhà báo di-cư đã vạch trần hành động thân Cộng của phong trào « Bảo vệ hòa-bình » của mấy nhà « chính-trị » ngậy thơ vô tình làm tay sai cho Cộng-Sản. Ngoài ra, tờ tuần báo « Dân-Việt », cơ quan ngôn luận của người di-cư tìm tự do đã lột trần và mạnh bạo đả phá những âm mưu phá hoại của Việt-Cộng. Do đó Việt-Cộng đã thất bại nặng nề trong việc « phá di-cư » và công-tác « di-cư vận ». Hơn thế, tờ Dân-Việt là sợi giây thắt chặt thêm tình đoàn kết của Dân-tộc. Những đặc-san « Mùa giai-phẩm » « Luyện-Thép » của học-sinh di-cư và nhất là nguyệt san « Lửa-Việt » của sinh-viên di-cư đã làm cho những người chưa hiểu Cộng-Sản thấy rõ những hành động phản dân phản nước của bè lũ Việt-Cộng.

Trong ngành giáo dục, sự chịu khó và lòng tận tụy của ngót 300 sinh-viên và 80.000 học-sinh di-cư cùng với một số khá đông giáo viên di-cư các cấp đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng cho nền giáo dục nước nhà có tính chất Dân-tộc.



*Một giếng nước xây cao trong một trại định-cư*



*Cán bộ y-tế căn dặn đồng bào trước khi phát thuốc*

độc-lập, dân-chủ. Sách vở giáo-khoa bằng tiếng Việt được dùng trong các trường học phần nhiều do các giáo viên di-cư biên soạn. Số sách vở này đã giúp nhiều cho việc thay đổi chương trình Pháp sang chương trình Việt tại các trường học,

Có thể nói, đi liền với các hoạt động về chính-trị, quân-sự, kinh-tế, những hoạt động về văn hóa của đồng-bào di-cư đã tô điểm cho nền văn hóa nước nhà thêm rạng rỡ.

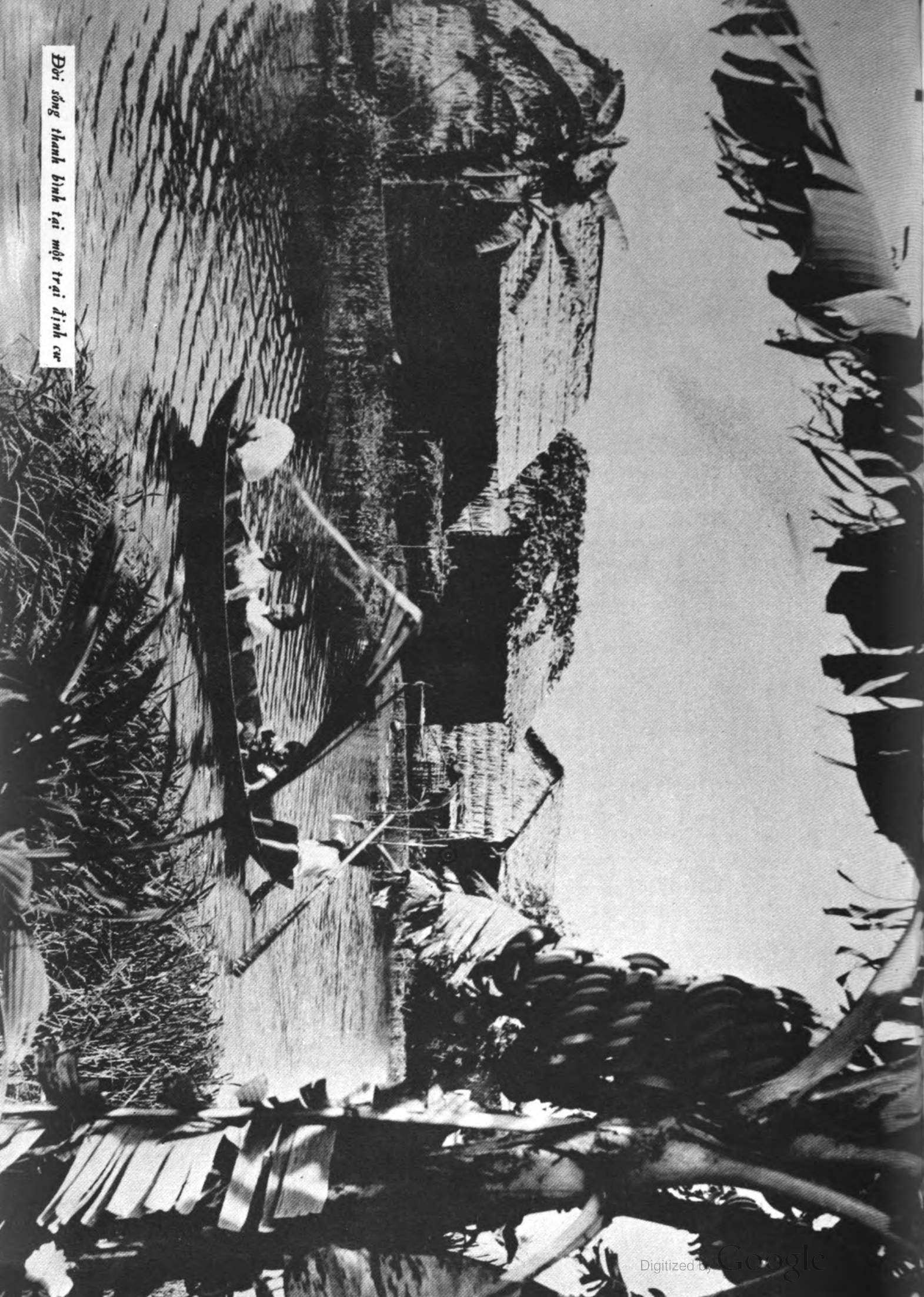
Tóm lại, trải qua một thời gian ngắn vì tình hình định-cư chưa được ổn, đồng-bào di-cư nung nấu bởi ý nguyện trở về, từ người chuyên về nông, lâm, ngư nghiệp sống tại các trại định - cư khắp miền đồng bằng, duyên hải hay thương du cho đến những công nhân, công tư chức văn nghệ sĩ sống rải rác tại các đô thị, ai nấy đều cố gắng tiếp tục nghề cũ. Đời sống, của mọi người cả về tinh thần lẫn vật chất đều được dễ dàng, đầy đủ. Những thành tích trên đã chứng tỏ sức hoạt động của đồng-bào di-cư trong công cuộc diệt Cộng kiến quốc.

Ngoài những hoạt động trên, đồng-bào di-cư vì những lợi ích thiết thực cho bản thân đã cố gắng nhiều trong việc thiết thực hiện kế hoạch định-cư. Tinh-thần tự nguyện, tự giác và nhất là lòng hăng hái của đồng-bào di-cư là một trong những yếu tố thành công của công cuộc định-cư.

Thật vậy trải qua các giai đoạn tiếp-cư, định-cư đến kiện toàn định-cư để sát nhập các trại vào nền hành chính địa phương, từ chiến dịch « Tư-Lục Mưu-Sinh » đến chiến dịch « Thông - cảm Trung Nam Bắc », người dân di-cư với ý thức « thực hiện kế hoạch định-cư để xây nền cho công cuộc tranh đấu chống Cộng », lúc nào cũng tỏ ra sốt sắng, nhẫn nại trong tất cả các công việc dù ở trường hợp khó khăn nguy hiểm — (nhiều người đã cảm phục tinh thần hăng hái của đồng-bào trại Phước-Lý trong công việc xây cất lại nhà cửa ngay sau khi bị loạn quân Bình-Xuyên đốt phá.

Vì đồng-bào di-cư là đối tượng chính của công cuộc di định-cư cho nên có thể nói mọi việc trong công cuộc này đều có sự cố gắng của đồng-bào. Sự cố gắng này đã được thể hiện rõ ràng trong các chương trình định-cư Cái-Sơn, La-Ngà Banmê-thuột và đang được thể hiện trong việc thiết lập trung tâm định-cư Pleiku. Sự cố gắng này công với lý tưởng tranh đấu diệt Cộng kiến-quốc của đồng-bào di-cư đã đẩy mạnh công cuộc kiện toàn định-cư đến những thành công hiện tại làm cho các nhà chính-trị Ngoại quốc phải cảm-phục.

*Đời sống thanh bình tại một trại định cư*





# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG VII.

### CÔNG CUỘC CỨU TRỢ

**C**ÔNG CUỘC cứu trợ đồng-bào tị-nạn là công tác chính và quan trọng nhất của kế hoạch di định-cư. Nói đến cứu trợ tức là nói đến con tim của công cuộc di định-cư vì nó điều hòa và ổn định đời sống của đồng-bào tị-nạn về phương-diện vật-chất cũng như phương-diện tinh thần.

Theo sự chuyển hướng của kế hoạch di định-cư, công cuộc cứu trợ đã chia ra làm hai giai đoạn chính :

Giai đoạn 1 kể từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 7 năm 1955 là giai đoạn đầu của giai đoạn lịch-sử này, là giai-đoạn mà Phủ Tổng-Uỷ chú trọng việc tiếp đón và giúp đỡ đồng-bào khi mới đến và lo việc chuyển đồng-bào ứ đọng tại Đô-thành Sài-gòn cũng như tại các tỉnh ly đi đến các trại định-cư, tùy theo những điều kiện chính trị, quân sự lúc bấy giờ. Cho nên trong thời gian này, việc cứu trợ cũng nhằm mục đích trên.

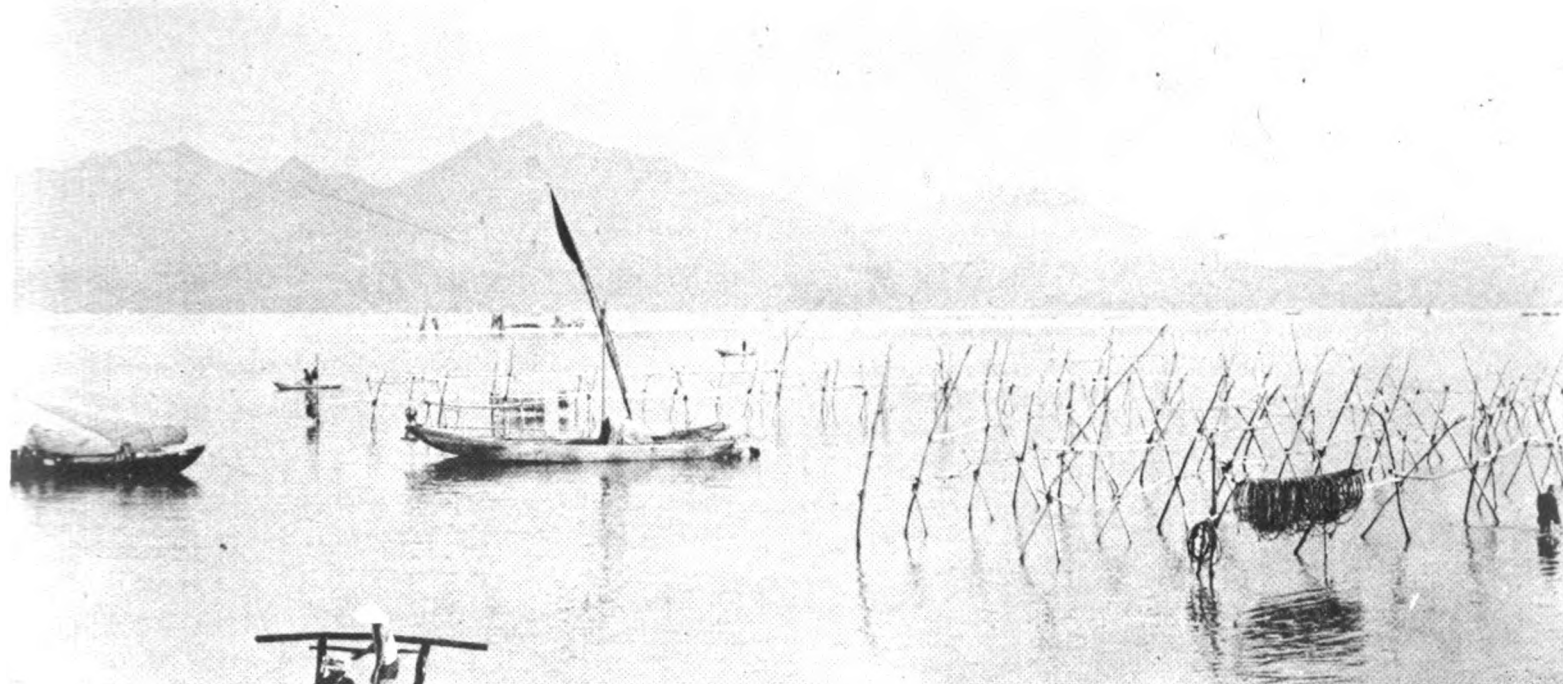
Để cứu trợ đồng-bào tị-nạn, một đồng-bào khi tới miền Nam, bất cứ nam, phụ, lão, ấu đều được lãnh 700\$ với 10 ngày tiếp tế trong đợt đầu hoặc 800\$ ở đợt sau, ngay khi ở máy bay xuống hoặc tàu thủy lên bờ.

Với số tiền này Chính-phủ chủ-trương giúp đỡ đồng-bào có chút vốn sinh sống cho nên những công-chức, binh sĩ và gia-đình chính thức của họ không được trợ cấp này.

Để giúp đỡ những gia-đình có sinh con trong thời gian di-cư nghĩa là từ tháng 7 năm 1954 đến 26-6-55, mỗi trẻ em mới sinh tại đô-thành được cấp đỡ 500\$ và tại các trại định-cư được cấp 300\$.

*Quang cảnh một trại định cư*





*Một cảnh thơ mộng trong một trại định cư ngư nghiệp*

Một hội-đồng đã thành lập để kiểm soát và đánh giá những nhà cửa do đồng-bào tự làm trong các trại định-cư. Nhà nào được hội-đồng này kiểm-soát rồi mà mỗi gia-đình có từ 4 người trở lên được phát cho mỗi nhà 3.000\$, nhà có 3 người được phát 1.800\$ còn nhà 2 người được phát 1.200\$

Việc phát tiền nhà tương đối dễ dàng và mau chóng. Những gia trưởng chỉ cần làm một lá đơn xin lãnh tiền nhà và ký nhận vào trong danh sách là được Ban phát ngân cấp phát tiền không phải chờ đợi phiền phức.

Ngoài việc cấp phát theo thường lệ trên, có những trường hợp đặc biệt như là binh sĩ không may bị tử trận mà vợ con có xuất trình đủ giấy tờ bằng chứng, vẫn được lãnh 700\$.

Nếu gia-đình nào không may bị hỏa hoạn thì gia trưởng cũng được cấp phát mỗi nhà 500\$

Còn các tai nạn khác xảy đến một cách bất ngờ cho những đồng-bào di-cư thì đồng-bào cũng được hưởng đặc biệt một số tiền ít nhiều tùy theo trường hợp.

Cho tới tháng 7-1957, ngoài các trạm tiếp-cư, một số nhà đã được xây dựng cho đồng-bào cư-trú :

Nam-Phần	68.708 nhà
Cao-Nguyên Trung-Phần	5.429 —
Trung-Nguyên Trung-Phần	18.037 —

Cộng... 92.174 nhà

Đồng thời các công quán cũng được xây dựng để nâng cao đời sống tinh thần và xã-hội của đồng-bào tỵ-nạn.

Trường Tiểu-học	372	trường
— Trung-học	26	—
— Nữ công chuyên nghiệp	4	—
Bệnh-viện	2	viện
Phòng phát thuốc	143	phòng
Nhà hộ sinh	55	nhà
Trạm cấp cứu	105	trạm
Phòng Thông-Tin	21	phòng
Trại học sinh di cư Nữ sinh đường Mayer	1	trường
Nam sinh đường La Mothe	1	—

Để giải quyết nạn khan nước mà trước kia Phủ Tổng-Uỷ Tị-Nạn đã phải thuê xe vận tải để chở nước tiếp tế cho đồng-bào di-cư (trường hợp Tây-Ninh) Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư đã cử một kỹ sư đến các trại cho đào giếng và đã đào được tất cả 4.300 giếng (Nam-phần 3.636 giếng, Trung-nguyên Trung-phần 233 và Cao Nguyên Trung-Phần 411).

Nói tóm lại trong năm đầu của công cuộc cứu trợ đồng-bào tị-nạn, ngoài việc Tiếp-Cư Phủ Tổng-Uỷ đã giúp đỡ đồng-bào dựng được 192 Trại khai thác được 4.118 ha đất để trồng tía. Tổng số đồng-bào (ngoại trừ Hoa-Kiều) di-cư đến tháng 7-55 là 810.484 người, đã định-cư được 468.235 người.

Bước sang năm thứ 2 là năm mà công cuộc cứu trợ đồng-bào phải chuyển hướng. Phủ Tổng-Uỷ phải lo kiện toàn các Trại để đồng-bào tị-nạn được an-cư, tự-lực mưu-sinh, tiến tới việc hòa mình vào cuộc sống địa phương.

Trong năm thứ hai, Phủ Tổng-Uỷ đã cứu trợ thêm cho đồng-bào di-cư những khoản sau đây :

Trợ cấp 800\$ phát tại bến tàu	8.175.180\$
— 700\$ phát tại Đô-Thành	26.119.800\$
— 700\$ phát tại các trại	48.506.320\$
— Sinh, tử	1.244.600\$
— Tiền nhà	34.171.300\$
Cộng	118.217.200\$

*Nghề dệt đã đem lại cho đồng bào định-cư một số lợi-tức đáng kể*





*Các bạn thợ đang hoàn tất chiếc máy dệt nội hóa*

Để đồng-bào bắt tay vào công việc canh tác, Phủ Tổng-Uỷ Di-Cur đã cấp phát cho đồng-bào :

### PHÂN BÓN

Nha Định-cư đã cấp phân bón làm 3 đợt :

— 2 đợt đầu tiên về năm 1955, Nha Định-cư đã giao thiệp với Nha Canh-nông Nam-phần xin được 195 tấn phân hóa học.

— đợt 3, do dự án số 30-82-070-35 của Viện-trợ Mỹ cấp 6.851 tấn 550.

### SỐ PHÂN BÓN ĐÃ PHÁT VỀ NĂM 1955

#### Đợt I

TỈNH	<i>Các loại phân bón hóa học.</i>					Cộng
	Sulf d'am	Sulf potas	Super phos	Phos bical	Phos tric	
Tây-Ninh	6 tấn	1 tấn	6 tấn	3 tấn		16 tấn
Biên-Hòa	6	2	5	3		16
Gia-Định	6	2	6	4		18
Chợ-Lớn	6		6	3		15
Bà-Rịa	5	2	6	3		16
Bến-Tré	5		7	3		15
Thu-Dầu-Một	6	2	6	4		18
Mỹ-Tho	10	1	8	7	6 tấn	32
Sóc-Trăng					34	34
	50 tấn	10 tấn	50 tấn	30 tấn	40 tấn	180 tấn

#### Đợt II

Tân-An  
Vĩnh-Long {

15 tấn      15 tấn



*Thuốc lào là một nguồn lợi to tát cho người định cư*

## SỐ PHẦN BÓN ĐÃ PHÁT VỀ NĂM 1956

*Đợt III*

### NAM-PHẦN

TỈNH	Các loại phân bón hóa học :				Cộng
	Sulf. d'am.	Sulf. potas.	Super. phos.	Phos. tric.	
Cholon	92 tấn	39 tấn	25 tấn	171 tấn	327 tấn
Gia-Định	170, 50	24, 00	33, 50	126, 50	354, 50
Phú-Nhuận	1, 00	0, 50	0, 75	0, 50	2, 75
Tây-Ninh	160, 00	26, 00	27, 00	260, 00	473, 00
Baria	28, 00	11, 00	18, 00	37, 00	94, 00
Bến-Tre	48, 00	21, 00	15, 00	78, 00	162, 00
Mỹ-Tho	39, 50	14, 00	14, 00	130, 00	197, 50
Tân-An	1, 00	0, 50		2, 00	3, 50
Thủ-Dầu-Một	31, 00	19, 00	19, 00	54, 00	123, 00
Biên-Hòa	291, 00	124, 00	119, 00	463, 00	997, 00
Cần-Thơ	20, 00	10, 00	20, 00	30, 00	80, 00
Sóc-Trăng	100, 00	30, 00	40, 00	60, 00	230, 00
Bắc-Liêu	6, 00	2, 00	4, 00	6, 00	18, 00
Vĩnh-Long	22, 00	10, 00	16, 00	22, 00	70, 00
Rạch-Giá	20, 00	10, 00	5, 00	30, 00	65, 00
Bộ Canh-Nông phát	200, 00	20, 00	200, 00		420, 00
Tây-Ninh	200, 00	100, 00	40, 00	300, 00	640, 00
Cộng :	1.730, 00	461, 00	596, 00	1.770, 00	4.557, 25

CAO-NGUYỄN MIỀN-NAM

Blaou	38, 50	5, 00	5, 00	52, 00	100, 50
Djiring	8, 00	5, 00	2, 00	21, 00	36, 00
Dran	1, 00	2, 00	1, 00	5, 00	9, 00
Dalat	22, 00	3, 00	3, 00	19, 00	47, 00
Gougah	2, 00	1, 00	2, 00	5, 00	10, 00
Ban-mê-thuôt	7, 00	7, 00	13, 00	18, 00	45, 00
Pleiku	2, 00			2, 00	4, 00
Cộng :	80, 50	22, 00	27, 00	122, 00	251, 00

TRUNG-PHẦN.

	505,00	102,00	123,00	510,00	1.240,00
Tổng cộng :	2.315,50	585,00	746,25	2.402,00	6.048,75

**TỔNG CỘNG SỐ PHẦN BÓN ĐÃ PHÁT TRONG 3 ĐỢT.**

Đợt I	180 tấn
Đợt II	15 tấn
Đợt III	6.048 tấn 75

Cộng : 6.243 tấn 75



*Thủ công nghệ dệt đã mang lại việc làm cho rất đông người định cư*



*Nghe dệt chiếu giúp được quỹ gia-đình người định-cư rất nhiều*



## HẠT-GIỐNG.

Sau khi đã phá vỡ đất hoang, đồng-bào tị-nạn được cấp phát hạt giống ! Nhờ sự can-thiệp của Nha Định-Cur, Viện-Trợ Mỹ đã ưng-thuận cho đồng-bào định-cur có thể mua lấy tại chỗ những hạt giống cho các loại trồng trọt chính như : lúa, bắp, sắn v. v... và được hoàn lại tiền theo giá từng địa phương, theo tỷ-lệ từ 2 đến 4 giạ lúa (mỗi giạ 40kgs) cho một mẫu tây ruộng.

Còn các hạt giống cho việc trồng phụ do Nha Khuyến-Nông mua giúp phát.

Việc phát hạt giống phụ này chia làm 2 đợt :

— Đợt đầu phát về năm 1955, Nha định-cur đã phát cho đồng-bào 10 loại hạt giống do Viện-Trợ Mỹ cấp (bắp trắng và vàng, bí, dưa chuột, rau diếp, cải tàu, đồ leo củ cải, ớt, cải bẹ, hành số 1 và số 2).

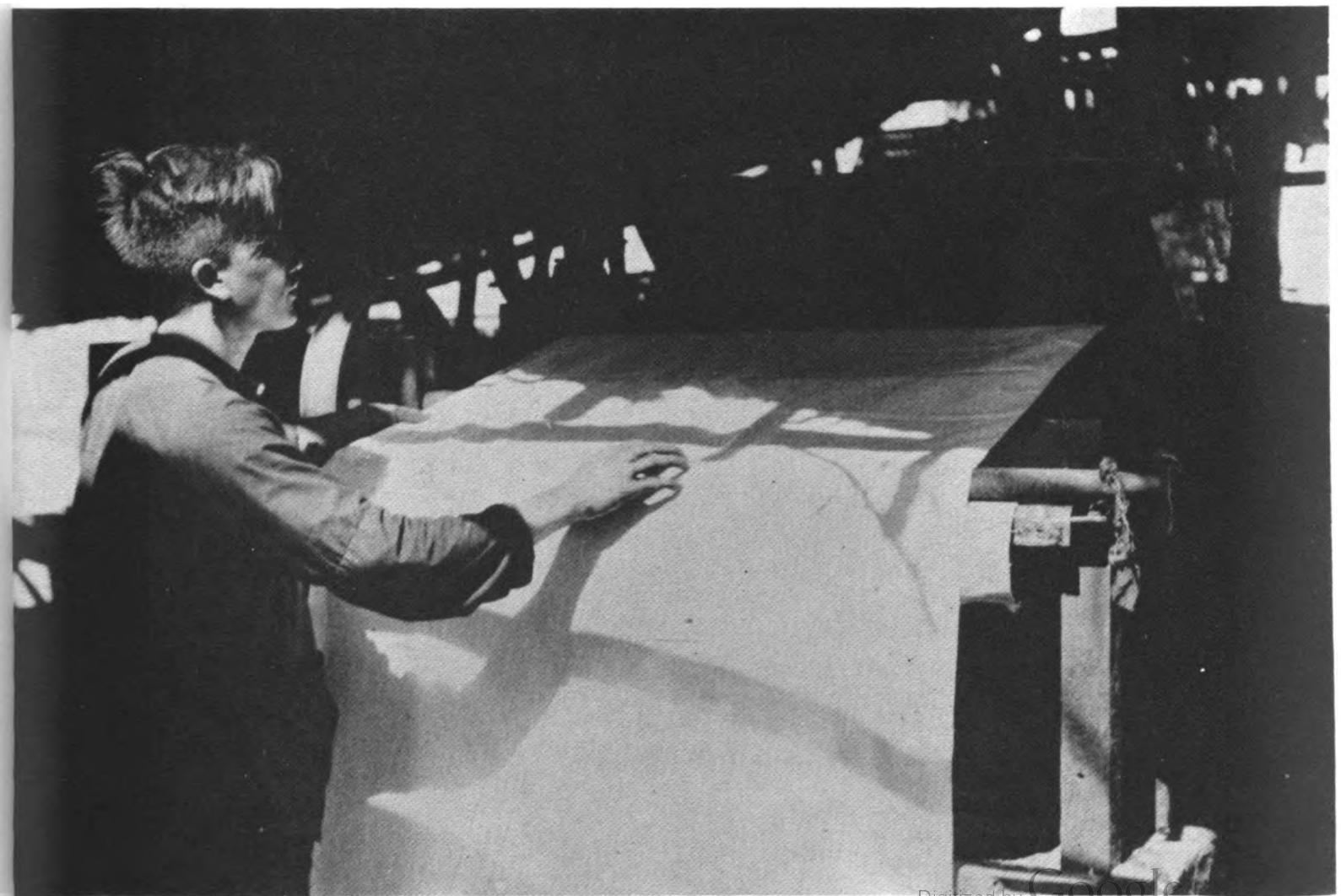
Số lượng đã phát là :

— Đến cuối tháng 11 năm 1955 : 10.741 gói cân nặng 66 2kgs827110

— Trong tháng 12 năm 1955 : 827 gói cân nặng 51kgs034170

Cộng . . : 11.568 gói cân nặng 713kgs861280

Số hạt giống rau nói trên đã phát cho 155 trại ở 22 tỉnh tại Nam-Phần, Trung-Phần và Cao Nguyên miền Nam ghi dưới đây :





*Nghề làm nón trong trại định cư đã làm cho nhiều em nhỏ có công việc*



*Một buổi lễ cầu nguyện trong trại định cư*

Hạt rau đã phân phát :

TỈNH	Số trại	Số gói	Cân nặng
<b>NAM-PHẦN</b>			
Saigon	2	44	2kgs.71524
Tân-An	1	5	0, 30855
Chợ-Lớn	10	512	31, 59552
Thủ-Dầu-Một	4	161	9, 93531
Vĩnh-Long	1	85	5, 24535
Sóc-Trăng	1	327	20, 17917
Long-Xuyên	1	25	1, 54275
Tây-Ninh	9	579	35, 73009
Bến-Tré	8	378	23, 32638
Bà-Rịa	8	690	42, 57990
Mỹ-Tho	5	584	36, 03864
Biên-Hòa	25	2.982	184, 01922
Gia-Định	42	3.207	197, 90397
<b>TRUNG-PHẦN</b>			
Bình-Thuận	2	134	8kgs 26914
Phú-Xuyên	1	25	1, 54275
Quảng-Trị	10	430	26, 53530
Khánh-Hòa	1	30	1, 85130
Thừa-Thiên	1	320	19, 74920
Đà-Nẵng	1	13	0, 80223

**CAO NGUYÊN MIỀN-NAM.**

Dalạt	1	12	okgs 74052
Djiring	2	65	4, 01115
Pleiku	1	960	59, 24160
22 tỉnh	155	11.568	713kgs86218

Đợt I là hạt giống cho các loại trồng phụ như : rau, đậu v.v... do nhà khuyến nông hợp tác với nha Định-Cư phát về năm 1956.



*Các ngư phủ di cư tự đóng lấy thuyền*

Dưới đây là số hạt giống đã cấp phát :

— Bắp	5.704kg	600
— Đậu phộng	5.233,	600
— Đậu nành	2.085,	300
— Rau muống	4.850,	410
— Cà-củ	4.760,	650
— Cà chua	192,	200
— Dưa leo	16,	900
— Bí-đào	303,	250
— Cải-bẹ-xanh	585,	870
— Cải bẹ trắng	684,	480
— Sà-lách	323,	544
	<hr/>	
	24.740kg	804

và đã phát cho các Tỉnh :

— Biên-Hòa	23	trại
— Bà-Rịa	7	—
— Cần-Thơ	1	—
— Sóc-Trăng	1	—
— Thủ-Dầu-Một	8	—
— Tây-Ninh	14	—
— Gia-định	17	—
— Chợ-Lớn	11	—
— Bến-Tre	11	—
— Blao	8	—
— Ban-Mê-Thuật	9	—
— Đà-lạt	7	—
— Đồng-Nai-Thượng (La-Ngà)	3	—

120 trại gồm 56.711 gia đình được hưởng.

## NÔNG-SÚC

a) Nông-vụ 1955.

Trong vụ này, Phủ Tổng Ủy chưa có nông súc, nông cụ để cấp phát cho đồng bào, Bình-Gia Pháp có cấp cho một vài trại ít trâu bò nhưng tổng-số không đáng kể vì quá ít ỏi.

Trong khi chưa phát nông-súc, nông-cụ, để đồng-bào có phương-tiện cấy cấy cho kịp thời-vụ, Phủ Tổng-Ủy Tị-Nạn đã giải-quyết vấn-đề trâu cấy bằng hai cách :

— Đồng-bào tị-nạn có thể thuê mướn trâu bò và nông-cụ của đồng-bào địa-phương để tự cấy bừa ruộng, Phủ Tổng-Ủy Tị-Nạn hoàn lại tiền đó theo giá thuê mướn trâu thị-trường địa-phương.

— Nếu không thuê mướn nông-súc được, đồng-bào tị-nạn có thể thuê đồng-bào địa-phương dọn ruộng sẵn cho, để ròi cấy lúa. Số tiền thuê mướn này, Phủ Tổng-Ủy Tị-Nạn cũng sẽ trả lại, sau khi nộp đủ giấy tờ chứng minh.

Diện tích số ruộng đã làm được và số tiền thuê dọn ruộng trong năm 1955 là :

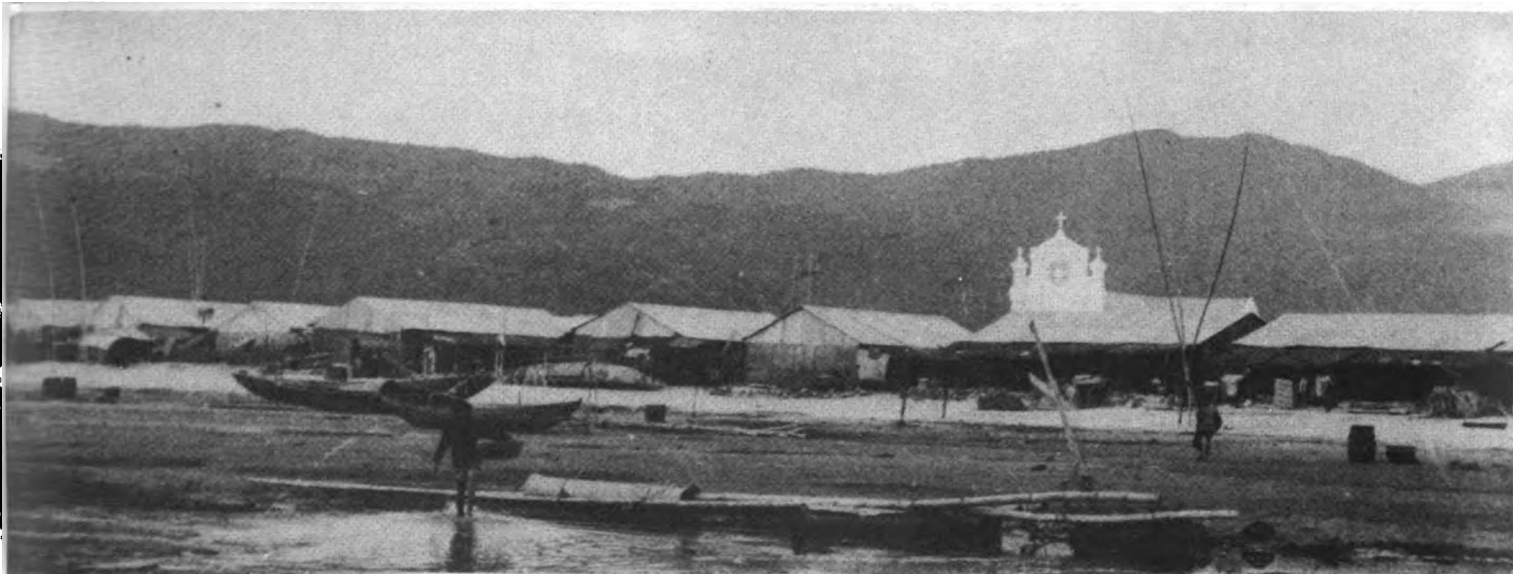


*Các em nhỏ rất đặc lực trong việc làm nón*

TỈNH	TRẠI	DIỆN-TÍCH	SỐ TIỀN
Cholon	Lương-hoa-Thượng (Lộc-giang mới)	20Ha.39	20.390\$
Mỹ-Tho	Ba-Bèo C	24, 75	27.750
	Ba-Bèo D	58, 60	58.600
	— H	60, 561	60.561
	— I	32, 80	32.800
	— B	24, 45	24.450
	— E	79, 90	79.900
Bến-Tre	Long-Định	69, 79	69.790
	Bình-Đại	100, 00	100.000
	Tân-Thủy	106, 30	106.300
Vinh-Long	An-Hiệp	72, 20	72.200
	Bưng-Trường	8, 80	8.800
	Song-Phú	15, 00	15.000
Tây-Ninh	Giồng-Nứa	7, 60	7.600
	Nhân-Hòa (Rạch-Rẽ)	10, 75	10.750
	— (Giồng-Nứa)	42, 50	42.500
Gia-Định	Thuận-Lợi	147, 20	132.480
	Tân-Lập	71, 00	71.000
	Long-Phước Thôn	98, 30	98.300
	Long-Thành Mỹ	20, 00	19.475
	Mỹ-Hòa	21, 00	21.000
	Châu-phước-Cầm	33, 00	32.340
	Đa-minh-Phước	18, 00	18.000
(Biên-Hòa) (Phú-Yên) (Trung-Phần)	Phú-Hữu	11, 20	11.200
	Lạc-An	18, 60	18.600
	Tân-Lập	112, 186	111.880
Tổng cộng..... :		1.287Ha.877	1.271.666\$



*Vài sản phẩm đồng bào định cư vừa thu hoạch được*



*Quang cảnh một trại di cư ngư nghiệp*

*b) Nông-vụ 1956*

Phủ Tổng-Uỷ đã kịp thời tổ-chức việc giúp đỡ đồng-bào di-cư có phương-tiện canh-tác.

Ngoài những phương-tiện như cày máy, san đất bằng máy mà Chính-phủ đã giúp cho đồng-bào tị-nạn, Phủ Tổng-Uỷ còn cấp phát nông-súc để đồng-bào có phương-tiện tự cày bừa lấy.

Đặc biệt trong những tỉnh mà nông-súc không khan hiếm, đồng-bào tị-nạn được phép tự mua lấy tại chỗ, theo như dự án trù-liệu, tiền lấy trong dự-án.

Đó là trường hợp các Tỉnh Tây-Ninh, Baria (Nam-phần) và các Tỉnh ở Trung-phần và Cao-Nguyên miền Nam.

**TỔNG SỐ NÔNG-SÚC MUA Ở THÁI-LAN ĐÃ ĐƯỢC  
CẤP PHÁT**

<i>Tỉnh</i>	<i>Trâu đã phát</i>	<i>Bò đã phát</i>
Biên-Hòa	698	497
Cần-Thơ	201	
Mỹ-Tho	329	6
Sóc-Trăng	580	
Cholon	219	72
Bến-Tre	195	86
Tây-Ninh	84	70
Bắc-Liêu	30	
Vĩnh-Long	80	
Baria	17	100
Gia-Định	366	152
<b>Cộng :</b>	<b>2.819</b>	<b>953</b>

Nông súc cấp phát cho đồng-bào theo lối cho vay trả góp dần, trong thời hạn 5 năm. Khi trả hết nợ, trâu, bò sẽ thuộc quyền sở hữu hẳn của người mua.

Số tiền đồng-bào trả góp, sẽ được xung vào quỹ trại để sau này làm những việc ích chung hoặc mua thêm trâu bò cho Trại.

## NÔNG-CỤ

Để cho đồng-bào có phương-tiện bắt tay ngay vào việc canh tác, trong khi nông-cụ của viện trợ Mỹ chưa cấp cho đồng-bào, Nha Định-Cư đã can thiệp với Nha Canh-Nông phát cho đồng-bào một số nông cụ kê khai dưới đây :

### Đợt I

Nông-cụ	Nam-phần	Trung-phần	C.N.M.N.
Cây	296 chiếc	1.480	
Liềm và hái	13.520		
Xẻng	17.060	9.000	480
Dao rựa	16.128	4.000	1.400
Rìu	12.410	1.250	100
Cước chim	22.952	11.640	1.500
Cưa lớn	4.397	400	
Cưa tay	5.350	1.200	
Búa	250		



*Nghe làm gộc đem lại cho đồng bào định cư một nguồn lợi khá dồi dào*



## Đợt II.

Nha Định-Cur đã phát cho các trại nông-nghiệp, các nông-cụ kê sau, của Viện-Trợ Mỹ do cơ-quan U. S. O. M. đặt làm tại ngoại-quốc, theo mẫu của Nha Định-Cur.



Một bạn thợ đúc đang sửa khuôn

— Cước chim	90.000	chiếc
— Xăng	95.400	
— Dầu	97.170	
— Mai	95.400	
— Liềm	109.700	
— Bừa cào	35.000	
— Bình xịt thuốc	1.000	
— Cước bàn	190.800	
— Sà Beng	95.000	
— Dao phay	99.700	
— Cây Nhật	8.000	
— Cào cỏ (Fourche)	60.400	
— Lưỡi cưa xẻ	50.000	
— Lưỡi cưa sắt	25.000	
— Lưỡi cưa thợ mộc	95.000	
— Răng cưa	209.750	
— Phay (Faux)	60.980	

### Nông-cụ do cơ-quan CARE tặng

Thêm vào số dụng-cụ Viện-Trợ Mỹ, cơ-quan CARE có ủng-hộ đồng-bào 2.000 cước bàn và 2.000 dao và đã phát cho đồng-bào tại Langa, Cù-My, Cái-Sán.

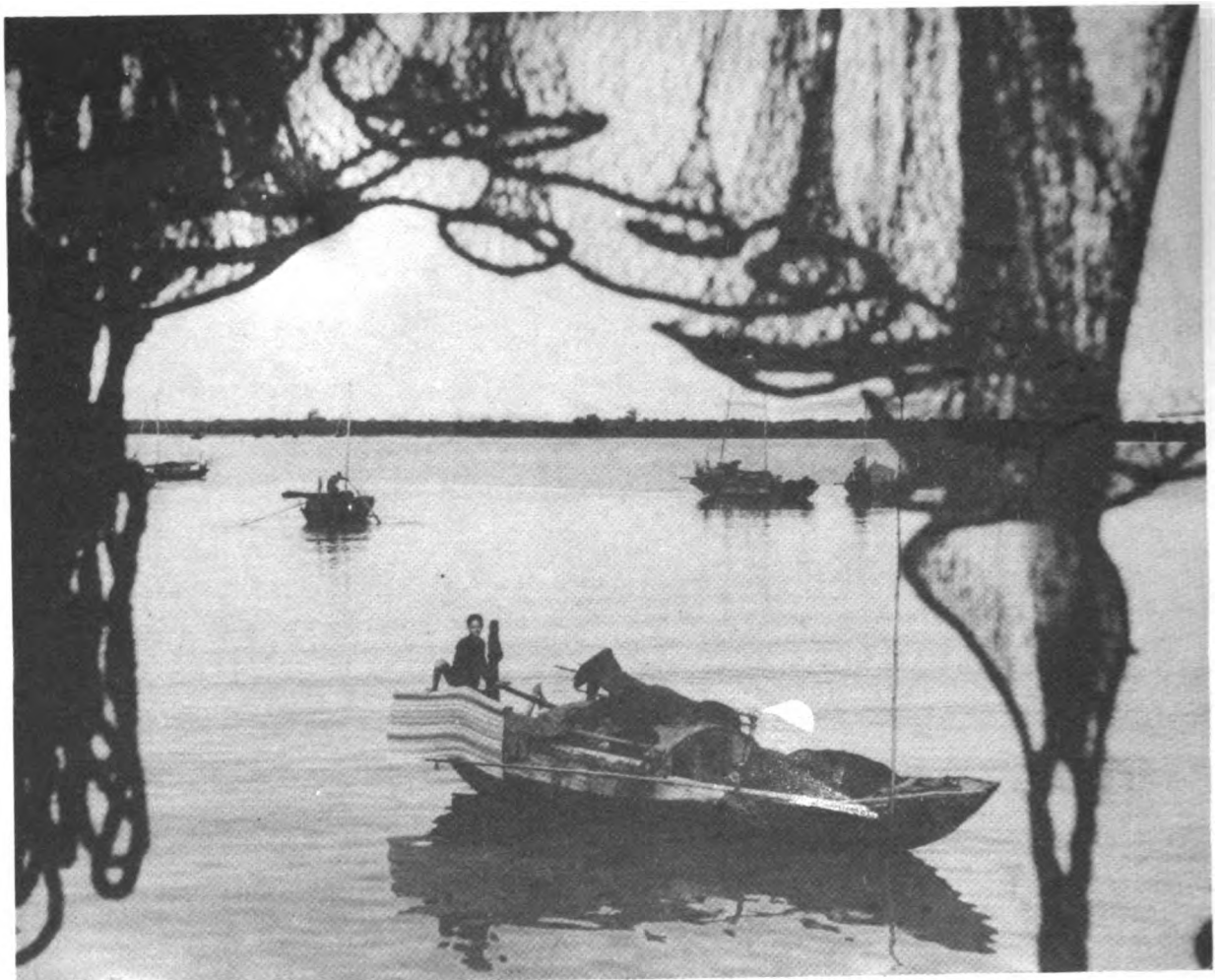
## TIÊU GIA-SÚC.

Cùng với mục đích nâng cao đời sống của đồng-bào tị-nạn, giúp cho họ có một đời sống bình thường như cũ. Phủ Tổng-Uỷ Tị-Nạn lại còn cấp phát những tiêu-gia súc như : heo, gà, vịt giống, để họ có thể tăng gia sản-xuất.

Công-tác này Phủ Tổng-Uỷ Tị-nạn đã nhờ Nha Khuyến Nông Quốc gia (Phòng kỹ-thuật mục-súc) phụ-trách để mua ở nước ngoài, và chọn được những giống tốt, đặng thêm số gia-súc hiện có ở trong nước.

Trong khi phát heo và vịt giống kể trên, Nha Khuyến Nông có phát cho đồng bào tất cả 4.670 tài liệu hướng dẫn cách thức nuôi heo và vịt. Đồng thời cũng theo dõi tình hình nuôi tiểu-gia-súc này, cho tới nay việc cấp phát gia súc cho những trại chưa được, vẫn còn tiếp tục. Hiện nay đã có một số gà giống đã chở tới và được nuôi ở Kê-Túc-Xá thuộc quận Gò-Vấp (Gia.Định trong thời gian trước khi đem phát cho đồng-bào.

Còn về heo giống, trong phiên họp ngày 5-9-56, theo nguyện vọng của đồng-bào, Ông Tổng-Uỷ-Trưởng đã chấp-thuận cho đồng-bào tự mua lấy heo giống, có sự ưng thuận của Ty Thú-Y địa-phương, Phủ Tổng-Uỷ Ty-Nạn sẽ hoàn lại tiền với giá tối đa là 300\$00 một con.



*Một cảnh vui tươi, phóng khoáng của đồng bào di cư nông nghiệp*



*Những chiếc sà lan đầy vật liệu này sẽ giúp rất nhiều cho dân định cư*

## **GIÚP VỀ PHƯƠNG DIỆN CHUYÊN MÔN.**

Ngoài những cấp-phát nông-súc, nông-cụ, hạt giống v. v... Phủ Tổng-Uỷ còn giúp cho đồng-bào về phương-diện chuyên môn.

Các nhà chuyên-viên Canh-nông đã đến tại chỗ chỉ bảo cách thức trồng trọt, cách thức săn sóc nông-súc, gia-súc cho đồng-bào định-cư. Tại Langa và Cái-Sắn, Bộ canh-nông đã biệt-phái các vị Cán-sự chuyên môn canh-nông ở tại chỗ để giúp đồng-bào trong việc canh-tác. Về Thú-Y, các Ty Thú-Y địa-phương cũng giúp đồng-bào săn sóc các nông-súc và gia-súc ? Ngoài ra còn các Ty Công-chính tại mỗi Tỉnh cũng giúp đỡ và chỉ bảo cách thức cho đồng-bào đắp đường và đào giếng.

### *Phát xưởng máy.*

Để tiện việc giao-thông trên sông ngòi, Phủ Tổng-Uỷ Tị-nạn đã phát cho các trại một số xưởng máy và tàu nhỏ do Binh-gia Pháp tặng.

## SỐ TÀU VÀ XUỒNG MÁY CẤP PHÁT CHO CÁC TRẠI ĐỊNH-CƯ.

TỈNH	Trại	Tàu nhỏ Vedette	Xuồng sắt	Xuồng có gắn máy
Tây-Ninh Biên-Hòa	Hồ-Đồn		2	1
	Bạc-An		2	
Gia-Định	Bến-Cổ		2	1
	Long-Phước-Thôn		1	1
	Đa-minh-Phước	2	1	
Sóc-Trăng	Đại-Hải	1	2	
Bến-Tre	Cồn-Huru		2	1
Mỹ-Tho			1	
Vinh-Long			1	1
Rạch-Giá	Cái-Sán		4	
Đôngphai Thượng	Langa		2	
		3	20	5

Tại Cái-Sán và Đại-Hải mỗi gia-đình còn được phát một xuồng nhỏ để đi lại trên sông.

Ngoài ra lại còn một số xe vận tải đã cấp cho các trại để chuyên-vận những vật-liệu kiến-thiết.

### NGƯ-NGHIỆP

Đối với đồng-bào ngư-nghiep di-cư, ngoài những sự giúp đỡ chung, Phủ Tổng-Uỷ Tị-Nạn còn phát ngư-cụ như thuyền đánh cá, lưới v. v. . .

Những ngư-cụ này Phủ Tổng-Uỷ Tị-Nạn đã nhờ Sở Hải-Ngư-nghiep và Sở Giang-Ngư-Nghiep phụ-trách cung-cấp theo nhu cầu đã dự trù, trong dự án số 14 mà số tiền lên đến 12 triệu đồng. (12.000.000\$) cho các trại ngư-phủ. Mỗi gia-đình :

- 1 chài hay lưới nhỏ
- 1 cần chì
- 200 lưới câu
- 1 số phao và công đan 200\$. Nếu gia-đình nào dùng dây thì :
- từ 25 đến 35 cân sợi gai
- 1 xuồng nhỏ
- 1 thuyền để ở (nếu ở nhà) trị giá 3.500\$.

### TIÊU CÔNG-NGHỆ

Đồng-bào tiêu công-nghệ cũng được phát dụng-cụ và cấp nguyên-liệu để có thể tiếp tục làm nghề cũ.

Trong công cuộc khai thác vùng Cái-Sán và đã định-cư được ngót 40.000 người, đồng-bào tại đây đã được cấp tiền tiếp-tế 4\$ một ngày cho 1 người trong 9 tháng, được cấp sườn nhà, đất làm nhà và mỗi gia-đình 3 mẫu ruộng. Số sườn nhà mà hiện đã cấp cho đồng-bào Cái-Sán là 4.195 căn.

Trong lúc đầu đồng-bào đã dự vào việc đào Kênh, đắp nền nhà và được trả tiền công theo thước khối. Bộ Cải-Cách Điền-Địa đã cho cày máy cày sẵn ruộng và Bộ Canh-Nông cho gieo hạt giống cho đồng-bào tại đây trong vụ mùa đầu tiên.



*Các vật liệu của Viện Trợ Mỹ đang đưa xuống sà lan*

Hiện nay, nhiều chương trình cứu-trợ đang được thực hiện để khai thác vùng Cao-Nguyên Miền Nam và nâng cao đời sống của đồng-bào tại các trung-tâm định-cư.

Để giúp đỡ đồng-bào di-cư tiến tới địa-phương hóa mọi sinh hoạt của mình, hoàn toàn sống tự túc được, Phủ Tổng-Uỷ đã lập dự án kiện toàn các trại định-cư.

Dự-án này còn được lập dựa theo chương trình mở mang kinh-tế và cải-cách điền-địa của Chính-Phủ và cũng theo khả năng chuyên-nghiệp của đồng-bào.

Trong mỗi dự-án tùy từng trường hợp : hoặc giải-tán hoàn-toàn, hoặc di đi một phần, hoặc giữ nguyên, đều đã trù liệu làm thế nào để đồng-bào có phương-tiện làm nghề và lương ăn trong khi chờ đợi thu hoạch.

Đồng-bào được cấp, ngoài nhà ở và đồ dùng hằng ngày, nào là nông-cụ, dụng-cụ, hạt giống, nông-súc, gia-súc, phân bón, tùy theo trường hợp.

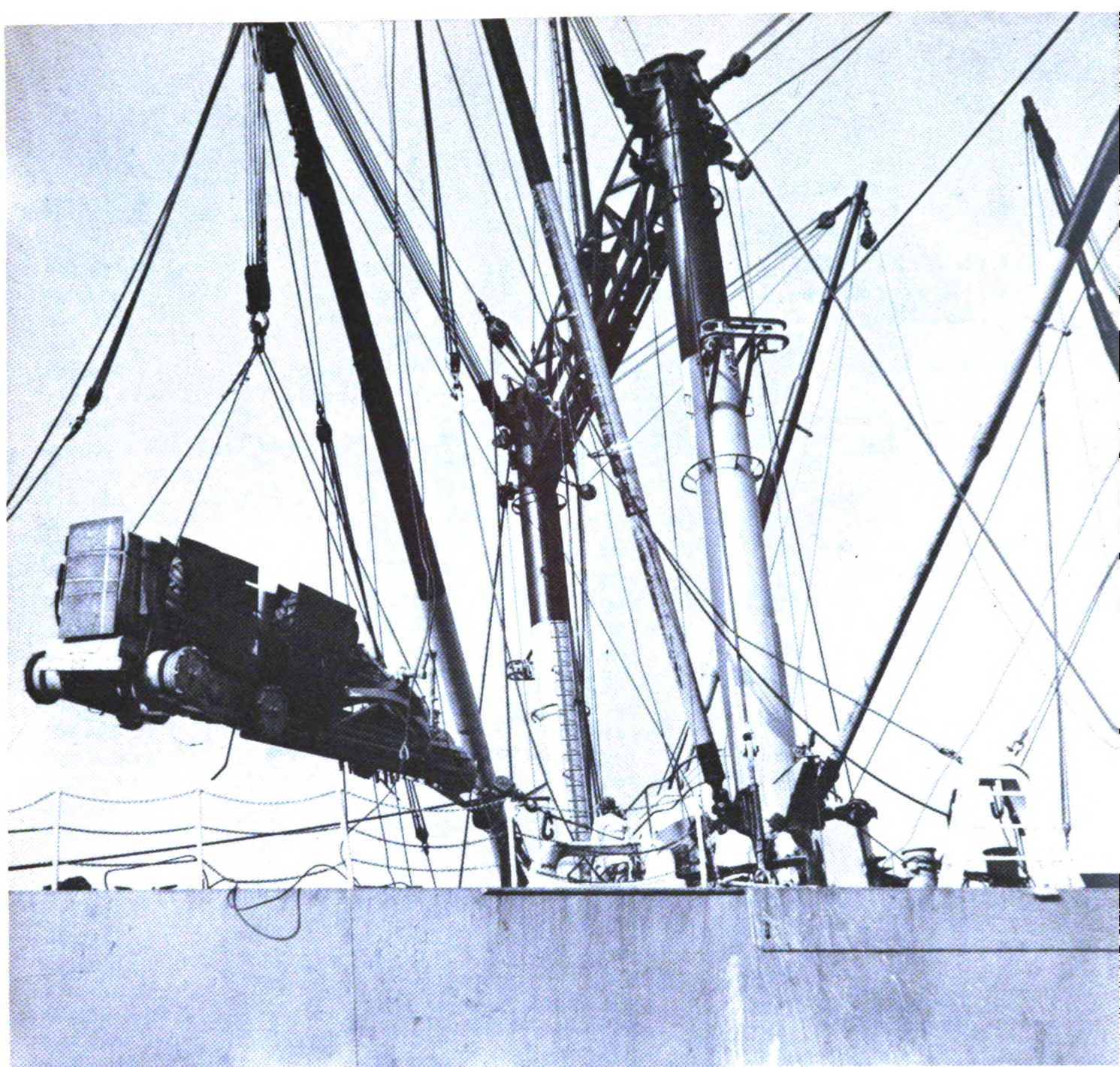
Lương thực cấp cho đồng-bào để làm ăn đến khi có thu hoạch thường thường là 4\$ một ngày cho một người và trong thời gian 6 tháng.

Về đời sống công cộng, trong dự án trù liệu cho đồng-bào có đường xá giao thông, trụ sở hội họp, nhà phát thuốc, nhà bảo sanh, Phòng Thông-Tin v.v... cùng các phương-tiện chuyên-chở.

Hiện nay đã có ngót 130 dự-án được các cơ-quan viện-trợ Mỹ chấp-thuận. Số tiền giải tỏa để thi hành các dự-án đã được ước độ 50 phần trăm tổng số tiền được chấp-thuận.

Dưới đây là bảng kê khai các dự-án thuộc chương-trình Viện trợ Mỹ và Pháp đã chấp-thuận cho Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư :

Số dự-án	Tên dự-án	Ngân khoản dự-án
<i>1) Chương-trình viện-trợ</i>		
1	Chu-Hai	6.878.497 \$
2	Blao	27.522.250
	Phụ 1	4.348.960
	Phụ 2	915.396
3	Gia-Kiệm	19.079.991
4	Cu-My	4.014.622
5	Trà-Cổ Xuân-Ninh	400.000
6	Bình-Gia	12.839.820
7	Thủ-Dầu-Một	12.813.045
8	Đàlat	47.878.582
	Phụ	380.700
9	Khai thác ruộng	3.160.000
10	Phụng-Hiệp	10.776.938
11	Long-Phước-Thôn	7.391.212
12	Tây-Ninh	29.899.810
13	Ban-Mê-Thuột	28.658.070
	Phụ 1	13.309.800
14	Trợ cấp chài lưới	12.000.000
15	Cái-Sán	45.993.055
	Phụ 1	72.000
	Phụ 2	30.000
	Phụ 3	169.645.335
	Phụ 4	90.000
16	Gạo	26.000.000
17	Langa	14.815.395
	Phụ 1	1.500.000
	Phụ 2	20.800
18	Phá rừng bằng máy	12.000.000
19	Trại giáo hóa Hốnai	411.700
	Phụ 1	166.636



20	Ba Ngòi	2.432.406	28	Nhà thương Hồ-Nai	Phụ 1	1.584.206
21	Hồ-Nai	61.515.440	29	Cô-Nhi-Viện An-Lạc		5.000.000
22	Thủ-Lưu	322.665	30	Lộc-Giang	Phụ 1	1.742.500
	Phụ 1	336.240				1.039.080
23	Thanh-Thới	722.925	31	Gò-Vấp	Phụ 1	976.006
	Phụ 1	144.900	32	An-Dung		1.273.115
24	Phước-Hòa	532.875	33	Long-Kiên		1.963.802
	Phụ 1	924.480			Phụ 1	726.862
25	Tân-Phước	477.950			Phụ 2	240.000
	Phụ 1	910.200	34	Giòng-Nửa		80.000
26	Phước-Tĩnh	823.830	35	Phân bón hóa học		50.675
	Phụ 1	1.861.200	36	Phân phát dụng cụ		7.000.000
	Phụ 2	178.500	37	Lương nhân - viên	Phủ	5.000.000
27	Lang-Cát-Thôn	1.376.117		Tổng Ủy Di-Cư.		50.086.404

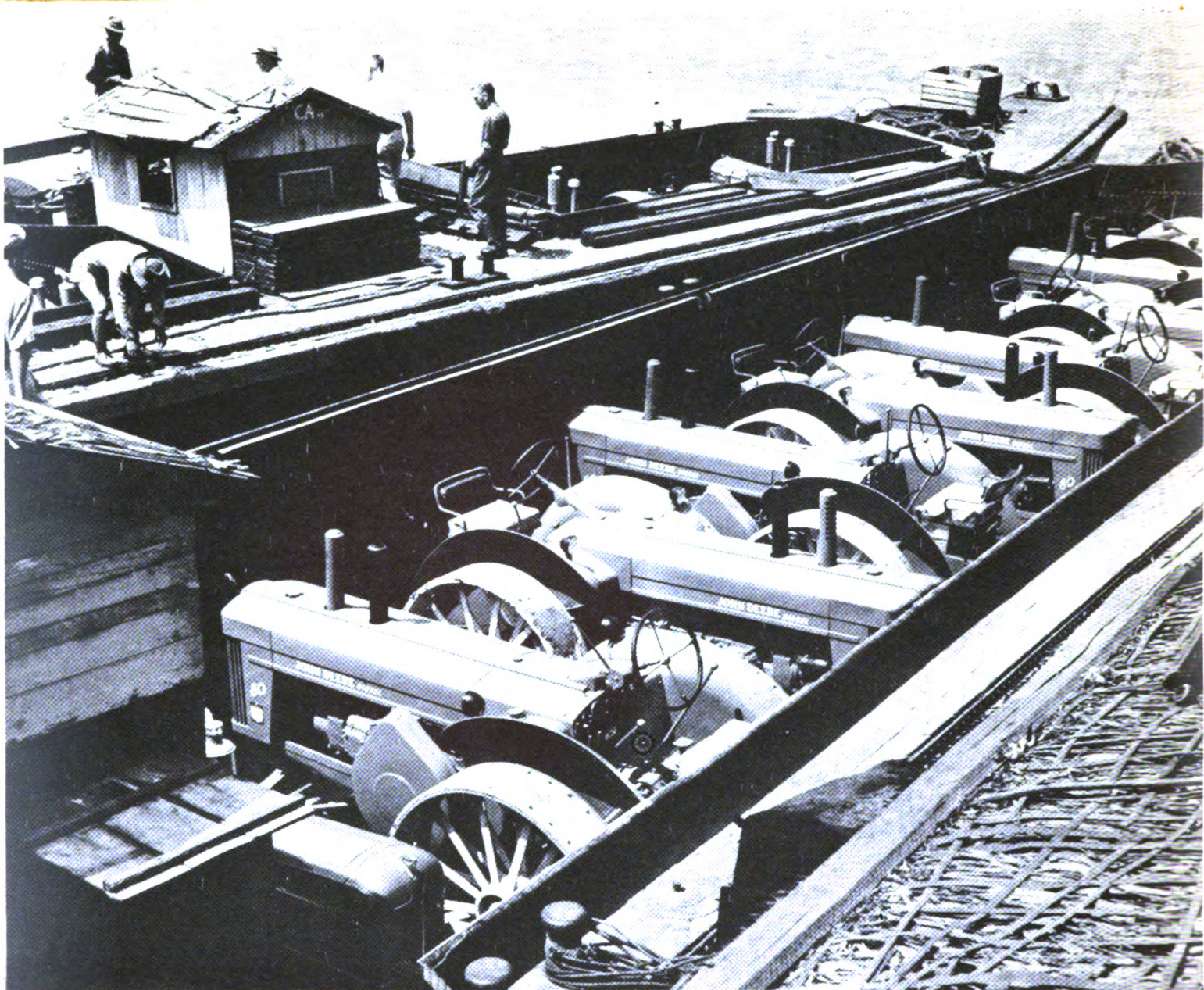
38	Nuôi cá Tâm-Hòa	36.000	64	Vinh-Long	6.205.248
39	Hạt giống súc vật	33.000.000	65	La-Vang-Hữu	971.040
40	Bình-Hưng	458.377	66	La-Vang-Tả	786.712
	Phụ 1	1.260.000	67	Gia-Bình	104.202
41	Vinh-Thuy	586.748	68	La-Vang-Trung	809.665
	Phụ 1	1.094.400	69	La-Vang-Thượng	1.058.511
42	Phân phát trâu cây	3.464.685	70	An-Đôn	809.509
43	Thanh-Bình	716.020	71	Trường Nguyễn-bá-Tông	500.000
44	Đức-Lợi	200.600	72	Thanh-Bô	175.245
45	Nhương-Nghĩa	256.985	73	Đông-Mê	1.085.437
46	Vĩnh-Phát	556.804	74	Langa II	8.262.450
47	Phát máy may	208.000	75	Phủ-Hải	797.456
48	Phủ thọ Hòa	799.270	76	Lộc-Hưng	658.581
	Phụ 1	284.217	77	Nghĩa-Hòa	1.226.977
49	Phát-Hòa	3.470.145	78	Tân-Hiệp	906.055
	Phụ 1	66.780	79	Nam-Hưng	1.753.359
	Phụ 2	78.750	80	Hoa-Lạc	1.695.493
50	Châu-Hiệp	994.980	81	Bùi-Môn	1.653.015
	Phụ 1	1.341.656	82	Trung-Mỹ-Tây	550.200
	Phụ 2	72.000	83	Trung-Chánh	2.028.377
51	Bình-An	6.698.656	84	Phủ-Nhuận	5.055.645
52	Xóm-Đàm	623.780	85	Ke-Bang	1.009.596
	Phụ 1	1.623.000	86	Bến-Tre	17.220.089
53	Đông-Hải	114.975	87	Mỹ-Tho	16.956.377
	Phụ 1	423.600		Phụ 1	216.066
54	Long-Le	378.210	88	Hương-Thủy	3.012.133
55	Lagi	1.063.870	89	Châu-Nam	1.343.466
	Phụ 1	2.488.650	90	Học-sinh Di-cư	7.845.120
56	Mương-Mán	1.376.760	91	Cát-Lộ	1.716.218
57	Phan-Rì-Cửa	196.135	92	Cholon	19.948.018
	Phụ 1	160.000		Phụ 1	830.445
58	Tân-Lập	1.570.778	93	Hiệp-Hòa	1.837.997
	Phụ 1	375.000	94	Bào-Trai	1.316.708
59	Thủ-Thừa	420.241	95	Bùi-Phát	4.171.045
60	Khánh-Hòa	2.858.673	96	Ma-Lâm	792.240
	Phụ 1	1.905.750	97	Thuận-Nghĩa	993.921
61	Bình-Thới	986.580	98	Phủ-Lâm	1.029.856
62	Đa-Minh-Phước	3.718.027	99	Châu-Thành Bình-Thuận	1.182.833
63	Nam-Hòa	1.221.801	100	Sông-Luy	2.349.383



101	Tam-Hưng	732.377
102	Long-Thành	445.004
103	Phan-Rì B	306.671
104	La-Vang	2.692.854
105	Lăng-Cổ	1.347.359
106	Mua máy cưa	99.600
107	Thủ-Đức	10.946.401
108	Sông-Mao	1.052.047
109	Long-Hương	613.672
110	Tam-Hoa	967.575
111	Biên-Hòa (Trung-tâm)	19.009.986
112	Quảng-Nam	188.577
113	Gò-Vấp	2.806.177
114	Tân-Bình	5.610.385
115	Long-Tân	1.457.064
116	Long-Kiên II	228.643
117	Quy-Hiệp	725.942
118	Hóc-Môn	11.589.042
119	Bình-Dương	2.107.058
120	Bình-Tri-Đông	2.047.012
121	Đào mương Đức-Hòa	1.023.120
122	Làm đường Châu pha	241.500
123	Rạch-Dừa B	260.992
124	Dong-Lạc	3.093.415
125	Lê-Nghi	266.857
126	Mua dao cắt cỏ	250.000
127	Phá dây bằng máy ở Blao	308.365
128	Lương Nhân viên Thanh- Thương Hội	16.672.536
129	Trung-tâm Đô-thành	308.365

*Chương-trình Viện-Trợ Pháp.*

95.AFO 1	Sóc-Trăng — Cần-Thơ	10.000.000
95.OFO 2	Rạch-Dừa	2.000.000
95.AFO 3	Xuyên-Mộc	1.500.000
95.AFO 4	Bình-Gia	7.500.00
Convention	Phú-Bình	9.100.000
56.405/V.N.		



Phủ Tổng-Uỷ Tị-Nạn đã đặt ở mỗi tỉnh một quản lý kế-toán phụ-trách trông coi các khoản tiền chi tiêu trong dự án.

Việc thực hiện các dự án này nhằm mục đích cứu trợ đồng-bào một cách đại quy mô, để đồng-bào định-cư có đủ thời-gian và phương-tiện thực tế để tiến tới một đời sống hoàn toàn tự túc. Công cuộc cứu trợ còn lo cung cấp đến cả những thực phẩm dụng-cụ và đồ gia dụng hằng ngày cho đồng-bào di-cư như gạo, nước mắm, cá khô, muối, củi, chiếu, sập, thùng đựng nước, chăn, bàn, ghế, tủ, giường v.v...

Kể từ tháng năm cho đến tháng chạp 1955 là năm đầu của công cuộc cứu trợ, Phủ Tổng-Uỷ đã phát và tiếp tế cho đồng-bào di-cư :

Gạo	79.350 tạ
Nước mắm	212.441 lit
Cá khô	420 kilô
Muối	1.414 kilô
Cùi	2.075 thước khối
Chiếu	52.878 chiếc
Sập	21.765 cái
Thùng đựng nước	32.37 chiếc
Thùng gánh nước	4.313 đôi
Chăn đắp	65.000 cái
Bàn	76 cái
Ghế	221 cái
Tủ	28 cái
Giường sắt	207 cái

Còn từ tháng 1-56 đến tháng 7-1956, số thực phẩm và dụng-cụ đã mua để phát cho đồng-bào là :

Gạo	: 72.771 tạ thành tiền là	38.405.720\$
Lúa	: 24.720 tạ —	9.243.735\$
Sập	: 600 chiếc —	108.000\$
Chiếu	: 2.072 đôi —	34.896\$
Màn	: 29.098 —	2.062.30\$

Trong công cuộc cứu trợ đồng-bào Tỵ-nạn, sự viện trợ của các nước bạn cũng vô cùng vĩ đại :

Cuộc di-cư không tiền khoáng hậu đã vượt quá khả năng của Chính phủ đang trong thời kỳ mới thành lập.

Nhưng tinh thần chống Cộng mãnh-liệt, lòng ham chuộng Tự-do của đồng bào di-cư và cái thành phần đứng đắn cùng chủ-trương rõ rệt đứng vào hàng ngũ Tự-do Dân-chủ và Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm, đã làm cho khối Tự-do Dân-chủ đặc biệt chú ý.

Ngoài sự long trọng tuyên bố ủng hộ Quốc-Gia Việt-Nam nhiều cường quốc đã trù liệu gấp sự viện trợ cho ta để kịp thời ứng phó với tình thế.

Vì thời gian di-cư ấn định trong hiệp định có thời hạn nên sự giúp đỡ khẩn cấp và cần thiết nhất là phương tiện chuyên vận.

Quận đội Pháp theo lời cam kết của Chính-phủ họ ở Hội nghị Genève, đã xin đảm nhận chuyên chở bằng đường hàng không và một phần bằng đường thủy (chừng 300.000 người). Về sau số người di cư lên quá đông, chủ lực 90 của Đệ nhất hạm đội Mỹ đã giúp cho việc chuyên chở bằng đường thủy vào khoảng tháng 8 và tháng 9 năm 1954 có ngày đã có trên mười ngàn người đi tìm Tự-do được chở đến Vũng-Tàu và Saigon bằng chiến hạm Mỹ. Tổng số được chuyên chở bằng tàu Mỹ được chừng 500.000 người.

Song song với vấn đề chuyên vận việc cung cấp tiếp đón và tiếp tế cũng được các nước bạn tích cực giúp đỡ, vì người di-cư phần đông đã bỏ hết cả ở lại, cốt đi thoát lấy người thôi.

Chính-phủ Mỹ-Quốc, nhân dịp bãi bỏ quy chế liên hiệp chính-trị kinh-tế giữa ba nước Việt, Miên, Lào, do hiệp định Genève tạo nên, đã quyết định viện-trợ trực tiếp cho Việt-Nam tự-do, phái đoàn ngoại-viện Mỹ đầu tiên tại Việt-Nam được thành lập vào cuối tháng 7 năm 1954 do Ông Leland Barrows làm Trưởng phái đoàn. Một ngân quỹ hơn 55 triệu Mỹ-kim được dành cho công cuộc cứu trợ đồng-bào tỵ-nạn : 16 triệu dùng để mua lều vải, dụng-cụ và sửa nhà còn khoảng 39 triệu Mỹ-kim ước lượng được một tỷ 356 triệu bạc được sử dụng cho cuộc tiếp tế, định-cư về niên khóa 1954-1955. Về niên-khóa 1955-1956 đã lên đến 57 triệu Mỹ kim ước lượng là 1 tỷ 245 triệu bạc Việt-Nam.

Đối với công cuộc di-cư ngày càng ồ ạt, gây thêm nhiều sự khó khăn cùng nhu-cầu mới, phái-đoàn ngoại-viện Mỹ đã thành lập một Ban phụ-trách riêng biệt việc di-cư và mời những chuyên viên có nhiều kinh nghiệm về vấn-đề di-cư ở nước Đức và Hương-Cảng sang giúp chính-phủ ta những kế hoạch thỏa đáng. Ngoài sự giúp đỡ về tài chính, Viện-trợ Mỹ đã cung cấp cho thêm dụng cụ, nông cụ và vật liệu.



*Hàng viện trợ cho dân di cư tỵ nạn tiếp tục đến Saigon*

Đối với công cuộc định-cư của đồng-bào Bắc-Việt tị-nạn Viện-trợ kinh-tế Pháp đã giúp về niên khóa 1955 một số tiền trên dưới 20 triệu đồng và nhiều dụng cụ cùng nông cụ. Ngoài ra, nhiều cơ-quan tình nguyện Mỹ cũng được lập ra như cơ-quan cứu-trợ công-giáo (War Relief Service) do Đức Cha HARNETT Mennonite v. v... cùng với các cơ-quan xã-hội quốc-tế như Hội Hồng-thập-tự, chiến-dịch Bác-ái (phần đông là người Phi-luật-tân) trong Thanh-Thương Hội Quốc-tế, tổ chức CARE, Hội Bảo-trợ Nhi-đồng (UNICEF) Uicr (Hội chống phân biệt chủng tộc) v. v...

Các Chính-phủ trong khối dân chủ tự-do cũng cảm thông nỗi đau khổ của người Việt tìm tự-do nên cũng tỏ cảm tình với nước ta và đã có những cuộc giúp đỡ thân hữu. Hòa-lan giúp cho 2.000 chiếc mền, Tây-Đức, Tân-Tây-Lan giúp một số tiền, Hội công-giáo Pháp đỡ đầu các nhà xứ Việt di-cư.

Ngoài ra, cũng còn có phong trào tự động của dân chúng vài nước bạn đứng tổ chức lạc quyên giúp chúng ta. Tỉ-dụ cuộc lạc quyên của báo Pháp Le Figaro đã quyên gửi cho ta hơn 3 triệu bạc giúp cho xây dựng trường học di-cư.

Ở Ấn-Độ là một nước trung-lập, cũng có cuộc lạc quyên giúp dân tị-nạn.

Lại có Phái-Đoàn Đại-Học đường Michigan của Mỹ sang giúp Tổng-Uỷ-Phủ và Chính-phủ tổ chức lại các cơ quan hành chính T.U.U cũng như của các Bộ.

Nói tóm lại, tinh thần bất khuất, ý chí phục-vụ tự do và hòa bình của non một triệu người không thể sống chung với Cộng-Sản cương-quyết lia bỏ quê hương, sau tám năm binh lửa, đã gây một mối xúc động lớn lao trong khắp các nước và các dân tộc tự do trên thế giới. Cảm tình của họ đối với ta đã được cụ thể hóa một cách rõ rệt, khiến cho ta phải cảm phục và ghi ơn mãi mãi và đặc biệt đối với nước Mỹ đã góp phần lớn nhất trong công cuộc cứu trợ vừa qua và còn đang tiếp tục giúp đỡ để hoàn thành công cuộc đó cho đến khi đồng-bào tị-nạn có thể tự túc sinh sống và hòa mình vào đời sống chung của đồng bào địa-phương, khỏi cần có cơ quan riêng biệt trông nom nữa, nghĩa là đến khi danh từ di-cư tị-nạn không còn có nghĩa cấp bách nữa.

Dưới đây là bản kê khai tổng quát các khoản cứu trợ cho đồng-bào từ trước tới nay :

— Nhà	:	627.458.502 \$
— Chuyển-vận	:	118.228.221 \$
— Tiếp-cư	:	21.509.716 \$
— Định-cư	:	866.140.320 \$
— Trợ cấp	:	18.623.490 \$
— Linh tinh	:	30.284.990 \$

Tổng cộng 1.682.245.238 \$

Và 129 dự-án kiện toàn các trại định-cư mà ngân khoản lên tới 625.000.000\$. Số đã giải ngân cho các dự án này là 378.000.000\$

*Thực-phẩm và đồ dùng gia-dụng.*

	1955	1956
Gạo	79.350 tạ	72.771 tạ
Lúa		24.720 tạ
Nước mắm	212.441 lít	
Muối	420 kí	
Mùng	207 cái	29.098 cái
Mền	65.000 cái	



*Ông P. N. ROYCE, đệ nhất bí thư Sứ quán Anh trao cho ông  
Tổng Ủy di cư BUI-VĂN-LƯƠNG một chi-phiếu của Chính-  
Phủ Tân Tây Lan gửi giúp đồng bào di cư tị nạn*

Chiếu	52.878 cái	2.072 cái
Sập	21.765 cái	600 cái
Thùng đựng nước	3.237 cái	
Thùng gánh nước	4.313 cái	

Nhìn chung công cuộc cứu-trợ đồng-bào tị-nạn trong hai năm qua đã tiến hành một cách rất khoa-học, kịp thời và ăn khớp với các giai đoạn của chương trình di định-cư.

Nhờ vậy, ngày nay, đồng-bào di-cư về phương diện vật chất, mỗi gia-đình trung bình năm người, đã có một căn nhà đủ ở trên một mảnh đất có thể trồng cây ăn trái, trồng rau, có thể nuôi gia súc kiếm thêm hoa lợi. Người thợ, người làm nghề chài lưới đã tạm có đủ dụng cụ để tiếp tục nghề cũ.

Trẻ em di-cư có nơi học tập, học sinh di-cư thất lạc gia-đình vẫn được trợ cấp từ trước tới nay mỗi tháng 360\$ cho học sinh trung học và 300\$ cho học sinh tiểu-học. Đồng-bào tị-nạn có phòng Thông-tin để đọc sách báo, khi ốm yếu có thuốc dùng và được bác-sĩ hay y-tá săn-sóc, sinh đẻ có nhà bảo sanh, tập họp có trụ sở.

Các tôn giáo đều được giúp đỡ, đồng-bào công-giáo, Phật-Giáo, Tin-Lành đều có Thánh-Đường, Am-tự phụng-sự tôn-giáo.

Cuộc cứu-trợ đã chuyển hướng mạnh mẽ, nhằm trọng tâm giúp đỡ các trại định-cư thực hiện đúng thời hạn chương trình kiện toàn các trại theo những dự-án đã được chấp-thuận.

Mãn hạn của các dự-án trên, đời sống của đồng-bào tị-nạn sẽ trở lại mức bình thường, có thu hoạch được, có thể tự-lực mưu-sinh và hòa mình với đồng-bào địa-phương. Khi ấy mỗi trại định-cư sẽ trở thành một làng của địa-phương và Chính-phủ sẽ không còn phải lo riêng cho đồng-bào di-cư nữa.

Trên giải đất từ vĩ tuyến 17 trở xuống chỉ toàn là người Việt-Nam có tinh thần Quốc-gia, thống nhất tư-tưởng và hành-động để diệt Cộng.



*Ngô Tổng-Thống chủ-tọa lễ trao tặng số tiền 2 triệu quan là tiền nhật báo Figaro (Pháp) quyền giúp những người di-cư tị nạn*



*Ông Leland Barrow, giám-đốc cơ-quan Viện Trợ Mỹ đang thử chiếc máy cày Mỹ Quốc giúp dân định cư để khai-thác ruộng đất.*



# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG VIII.

### I. — So sánh di cư và tập kết.

#### VIỆC TẬP KẾT RA BẮC

#### — VIỆC DI CHUYỂN ĐỒNG BÀO RA BẮC

**T**Ừ NGÀY 21-7-1954 đến hết thời hạn tập kết, khi nào Chính-Phủ Quốc-Gia Việt-Nam cũng để cho đồng-bào được tự-do thực sự lựa chọn nơi cư-trú và giúp đỡ những đồng-bào muốn ra Bắc mọi phương tiện dễ dàng và cần thiết, khác hẳn với nguy quyền Việt-Cộng đã tìm đủ mọi cách để ngăn cản và khùng bộ những đồng-bào muốn di-cư vào Nam.

Những chủ-trương trên này đã được biểu lộ trong nhiều bằng chứng cụ-thể.

Ngoài một số quân-đội và cán-bộ Cộng-Sản được di-chuyển ra Bắc tập kết bằng những phương tiện của họ, tất cả những người muốn ra Bắc mà đến nhờ cơ-quan chính-quyền Quốc-Gia giúp đỡ đều được thỏa mãn về mọi yêu cầu.

Số người xin ra Bắc bắt đầu từ tháng 3 năm 1955, lúc đó mỗi ngày có hai ba người. Phủ Tổng-Uỷ Di-Cur Ty-Nạn liên lạc ngay với binh gia Pháp để giúp đỡ phương tiện chuyên chở. Chuyến máy bay đầu tiên khởi hành ngày 8-4-1955, mỗi ngày thường chở được chừng 20 đến 25 người, cho đến ngày 9-5-1955, tổng cộng tất cả 15 chuyến (3 chuyến cuối cùng chở được nhiều hơn các chuyến trước.

Sau vụ phiến loạn Bình-Xuyên nổ súng hồi cuối tháng 4 năm 1955, số người xin ra Bắc có phần tăng lên. Binh-Gia Pháp không cấp đủ phương tiện chuyên-chở, nên có một số còn lưu lại đến sau ngày 18-5-1955.

Ngày 14-7-1955, tàu Espérance là chuyến cuối cùng đã chở ra Bắc:

878 người (432 người lớn  
(446 trẻ con

Chia ra như sau :

1) — Số phu đồn điền hết hạn giao kèo muốn về thăm quê quán :

630 người (352 người lớn  
(278 trẻ con

2) — Số người đã xin từ trước ngày 19-5-1955 nhưng tự ý trì hoãn đến sau mới đi :

148 người (80 người lớn  
(68 trẻ con

Số người xin ra Bắc tổng cộng là :

4.358 người chia ra như sau :

1) Bằng phi-cơ Pháp	: 1.018 người	(599 người lớn (419 trẻ con
2) Bằng tàu thủy Pháp	: 3.340 người	(1.913 người lớn (1.427 trẻ con
Cộng	4.358 người	

Theo sự nhận xét chung thì số người xin ra Bắc có nhiều loại và nhiều nguyên nhân :

1) Lao-động vào Nam lập-nghiệp đã lâu, nhớ quê hương muốn về.

2) Một số người không có định-kiến, thấy người đi cũng háo hức ra đi. Đến khi thấy người về lại háo hức đòi về.

3) Một số Cán-Bộ Việt-Minh Cộng-Sản trà trộn vào Nam, lĩnh tiền tiếp-tế, lén lút hoạt-động để lôi kéo đồng-bào trở về Bắc, nhưng vô hiệu quả lại trở ra Bắc.

4) Một số người vì kinh-tế quần bách. (Đối với hạng người này, Phủ Tổng-Uỷ Di-Cur Ty-Nạn đã lưu tâm đặc-biệt giúp đỡ, nên có một số người tự ý rút đơn không xin ra Bắc nữa.)

5) Một số thanh-niên bị ảnh hưởng tuyên truyền xảo quyết của Việt-Cộng nói là ra Bắc học tập để giải phóng miền Nam.

Dù sao, con số 4.358 người di-chuyển ra Bắc so sánh với số 887.917 đồng-bào ở Bắc di-cư vào Nam đã chứng tỏ một cách hùng-hồn và cụ-thể miền nào dân chúng được tự-do no-ấm miền nào dân chúng bị khổ-cực và đau là chính-nghĩa đâu là ngục quyền.

#### Đời sống và ý nguyện của đồng-bào tập kết tại Bắc-Phần

Trước ngày ký hiệp-định Genève, Việt-Minh Cộng-Sản chỉ thi-hành chính-sách đấu tố dã-man, bóc-lột tàn-nhẫn tại miền Bắc, nơi mà chúng đã lập được cơ-sở vững chắc, còn tại miền Nam, chúng vẫn đề-



*Một máy ủi Viện Trợ Mỹ đang phá rừng dành đất cho dân định cư*

cao chiêu bài đoàn-kết dân-tộc nói là để kháng chiến và dùng những chính-sách dụ dỗ, mơn trớn, để lôi cuốn đồng-bào đi theo chúng. Hơn nữa, những quân-đội, cố-vấn, Cán-Bộ Nga-Sô, Trung-Cộng chưa vào đến miền Nam, nên phần đông nhân dân miền Nam chưa thấy rõ những tội-ác và dã tâm của Việt-Cộng. Lại có người tin rằng ra Bắc tập kết ít lâu, chờ sau ngày Tổng Tuyển Cử tháng 7-1956 lại trở về Nam theo lời tuyên truyền khoác lác của Việt-Cộng nên sau ngày ký thỏa ước Genève, có một số người hiểu lầm Việt-Cộng mới chạy theo chúng ra tập-kết ở miền Bắc.

Phần đông những người này đều là đảng-viên, cán-bộ hay quân-nhân của Việt-Cộng, đến ngày có lệnh tập-kết hoặc bị chúng lừa bịp hoặc bị chúng bắt buộc phải đi theo chúng ra Bắc tập-kết.

Ra đến miền Bắc, đời sống của đồng-bào rất khổ cực. Không riêng gì các thanh niên mà cả đến đàn bà và những người già yếu cũng phải đi phục-vụ công trường tại những vùng Thượng Du. Vì chưa quen thủy thổ, làm lụng vất vả, lại thêm đói rét, đồng-bào không mấy người thoát khỏi ốm đau và số người bỏ mạng tại công trường không ít. Đã khổ cực về vật chất, đời sống tinh thần của đồng-bào lại bị tù túng, bắt ép theo khuôn khổ của các đoàn thể Cộng-Sản, mất hết tự do, lại thêm ngày đêm lo sợ trước trăm ngàn hình thức khủng bố của bọn cán-bộ Cộng-Sản.

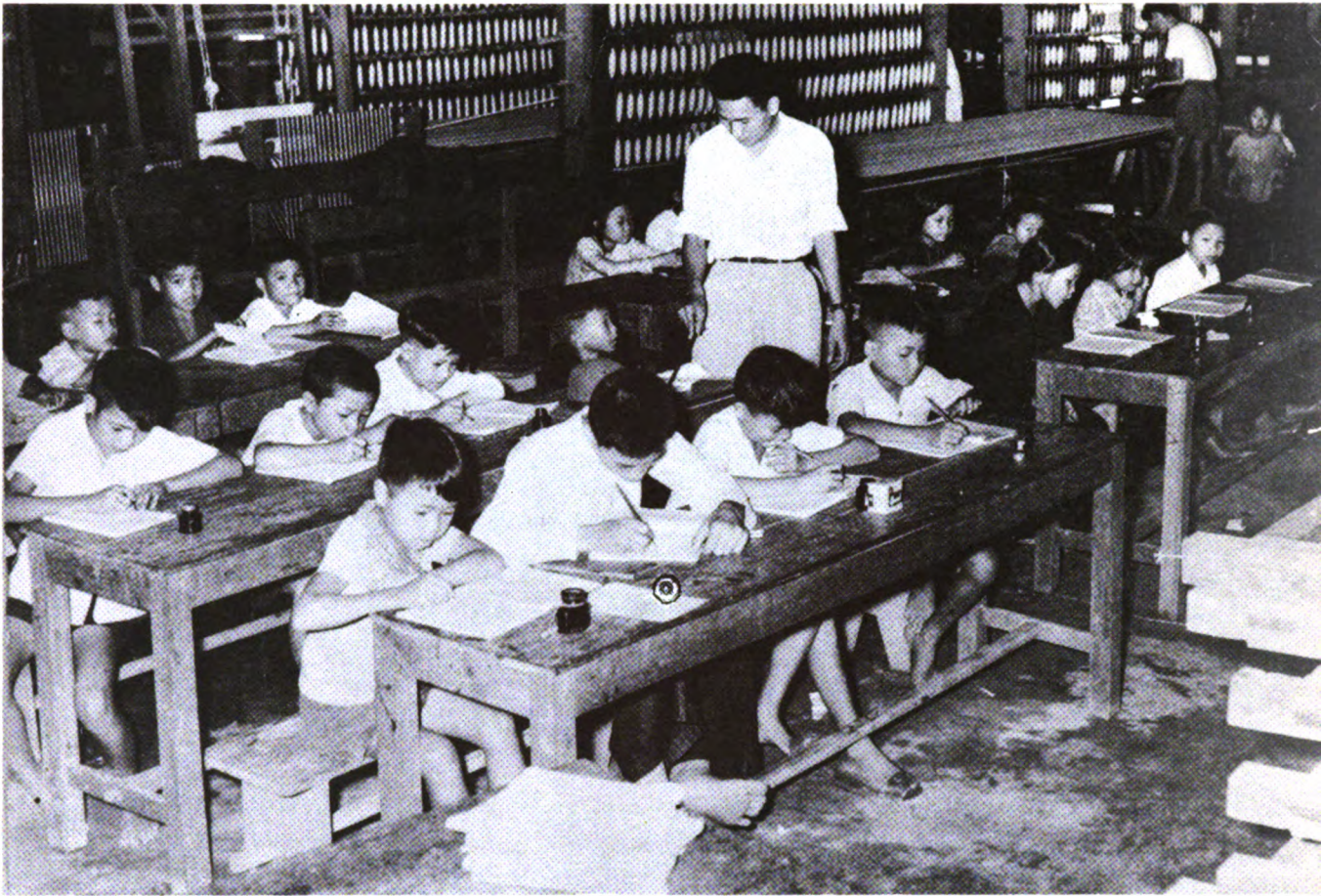
Tóm lại là chính sách hà khắc của bọn độc-tài đồ đã khiến cho đời sống của đồng-bào tập-kết ra Bắc vô cùng thảm hại. Hầu hết tinh ngộ trước sự thật, hối hận muốn trở về Nam nhưng đã rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Tuy nhiên những cảnh hành hạ áp bức hàng ngày đã nung nấu lòng công phẫn và ý nguyện thoát ly vùng Cộng-Sản trong đồng-bào tập kết. Rồi « một liều ba bảy cũng liều », và tư tưởng « phải xông vào vòng nguy hiểm để tìm đường sống » đã thúc giục đồng-bào tập kết phá thủng vòng lưới Cộng-Sản trở về miền Nam sinh sống và lẽ tẻ kẻ trước người sau, số người mạo hiểm vượt tuyến trở về miền Nam không ít.

Trở về được đến miền tự-do, những người này đã mạnh bạo tố cáo trước công luận tất cả những thủ đoạn bịp bợm, vô nhân đạo của bọn Cộng-Sản miền Bắc.

Nhật báo Cách Mạng Quốc-Gia đã đăng lời tường thuật của anh Trịnh-Minh-Cầm, một thanh-niên tỉnh Bình-Định bị bắt đi tập kết đã vượt tuyến trở về miền Nam nói tường tận về chuyện đi tập kết và đời sống của đồng-bào tập kết tại miền Bắc như sau :

#### Chuyến đi tập kết.

Anh Trịnh-minh-Cầm nguyên quán ở thôn Mỹ bình xã Hoài-hào, quận Hoài-nhon, Tỉnh Bình-Định bị Việt-Cộng bắt đi tập-kết vào hồi đầu năm 1955 cùng với một số đồng thanh-niên tất cả 40 người gồm đủ hạng : cán bộ Văn-Công, hành-chính, quân-sự, chuyên-môn, con nhà phú-nông, địa-chủ và những người bị tình nghi về chính-trị thuộc đủ các tỉnh trong liên phu V (Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên). Trong số đó có một chị phụ-nữ tên là Nguyễn-thị-Lan, nguyên nữ cán bộ văn-công trong bộ đội Việt-Cộng. Sau khi tập trung 40 người này bị nhốt tại một nơi và canh giữ cẩn thận. Thấy bị nhốt chị Lan chửi mắng cán-bộ Việt-Cộng thì cả bọn đều bị chúng xiềng tay hành hạ. Năm ngày sau, số người này bị giải về Qui-Nhon. Trong khi đi đường họ phải mặc toàn binh phục, ban ngày tay chân được tự do để tránh sự dòm ngó của dân chúng nhưng tối đến, tất cả đều bị xiềng xích tay chân. Tuy vậy vẫn có 2 thanh niên trốn trong đêm tối khi qua sông Bồng-Son (Bình-Định). Về đến Qui-Nhon bọn cán-bộ Việt-Cộng bắt đầu đổi giọng dỗ dành nào là ra Bắc sẽ được « Bắc và Đảng » diu dặt, nâng đỡ, sẽ tiến bộ hơn v.v... chỉ qua tháng 7 năm 1956, có cuộc Tổng Tuyển Cử, thống



*Một lớp học trong trại định-cư*

nhất lãnh thổ, những người đi tập kết sẽ được trở về với gia-đình v.v... Đồ dành xong chúng lại quay ra dọa nạt : « Nếu không chịu đi tập kết tức là theo kẻ thù, sẽ bị trừng phạt nặng nề. Người nào trốn thoát thì đến ngày thống nhất đất nước, chạy đi đâu cho khỏi đèn tội lỗi, trước chính-phủ trước nhân dân v.v... » Trước thái độ hống hách của bọn đầu trâu mặt ngựa, mọi người chỉ còn biết im lặng trong uất ức.

Rồi vào đầu tháng 2 năm 1955, 37 thanh niên và một thiếu nữ bị giải xuống chiếc tàu thủy của Ba-Lan đậu ngoài khơi biển Qui-Nhơn để ra Bắc. Họ phải xuống ở gần cuối cùng, bên cạnh nơi nhốt bò và lợn. Ở phía trên có độ 500 người gồm có cán bộ, quân lính, thanh niên nam nữ, thiếu nhi cùng đi tập kết trong chuyến tàu này.

Sau 24 tiếng đồng hồ rời Qui Nhơn, con tàu đến Sầm-Sơn (Thanh-Hóa) vào tối hôm sau, Đêm ấy ở trên tàu, cán-bộ Việt-Cộng nhiều lần dặn bảo anh Cầm và người cùng đoàn, khi đến miền Bắc, tuyệt đối không được để lộ cho một ai biết mình đã bị cưỡng bách đi tập kết.

Sáng hôm sau tất cả mọi người lên bờ. Đoàn anh Cầm đi sau hết, sát bên cạnh mỗi người là một tên lính. Trông qua không ai có thể phân biệt được lính với tù vì ai nấy cùng mặc binh phục như nhau, chỉ trừ chị Lan mặc quần đen áo cụt trắng. Trên bãi Sầm-Sơn, ngoài cán bộ Việt-Cộng còn có một số đồng bào ở các vùng quê do Việt-Cộng đưa đến để tiếp đón người trong Nam ra. Họ có vẻ gượng gạo cười hỏi với những người mới dưới tàu lên

### Đời sống của đồng-bào tập kết :

Rời khỏi Sầm-Sơn đoàn người tập kết miền cưỡng này được dẫn về Hậu-Hiên (Thanh-Hóa). Vừa đến nơi chưa được nghỉ ngơi một phút bọn cán-bộ Việt-Cộng đến bắt học-tập về cách chống nắng hạn và làm công-tác cứu đói cho đồng-bào ở địa-phương. Thế là hôm sau, họ bị đưa đi đào ao, vét giếng lấy nước tưới ruộng. Không riêng gì họ, tất cả những ai ở trong Nam ra tập kết đều phải tham-gia các công-tác này để cứu những đồng ruộng nứt nẻ, lúa khô cháy như bị lửa táp. Đồng-bào địa phương chỉ nằm co ở nhà chờ thần chết đến lôi đi, ngày nào cũng có người chết đói.

Sau mỗi buổi công-tác ở ngoài đồng, mỗi người tập-kết được lãnh một lon gạo về từng gia-đình ăn ở chung với đồng-bào địa-phương. Thấy có gạo, đồng-bào đang đói mừng rỡ, trút gạo vào nồi nấu chung với lá lang, cây chuối băm nhỏ hoặc bất cứ một thứ lá gì khác có thể ăn được, để cùng ăn chung với gia-đình ấy. Cách nấu ăn theo lối Cộng-Sản này được tổ-chức luân-phiên từng bữa, từng nhà, từ vùng này sang vùng khác, mục đích cho đồng-bào được nhắm vài hột cơm cầm hơi mà sống.

Ở Thanh-Hóa được một tháng, anh Cầm và những người trong đoàn bị đưa ra Ninh-Bình làm đường xe lửa với thanh-niên và học-sinh miền Bắc. Họ phải đập đá, gánh đá, khuôn xà vẹt, đặt đường rày, công việc vô cùng nặng nhọc. Bọn cán-bộ Việt-Cộng, Trung-Cộng còn nhiệt mắng đánh đập họ thậm tệ.

Ban ngày đi làm, ban đêm về lại phải đi dự các cuộc học tập về hiệp-thương. Tổng-tuyên-cử, các cuộc đấu tố, nhưng họ còn tâm trí đầu mà để ý đến nữa, Vì quen những nếp sống tự-do lại đầy đủ về vật chất nên trong những công việc trên, đồng-bào tập kết luôn luôn tỏ thái độ phản kháng nên đến đầu tháng 5, đoàn anh Cầm bị đưa về Hà-Nội nhốt tại nhà giam Hỏa-Lò. Ban ngày đi đẩy xe cát, vác gỗ để làm công-thực, đêm về nhà pha lại học tập.

Việt-Cộng bảo rằng họ chưa dứt khoát tư-tưởng, thiếu tích-cực trên công-tác nên cứ bốn năm ngày, chúng lại bắt họ tra hỏi lấy cung, bắt làm bản phân-tinh nhưng không có kết quả gì.

Đọa nạt, tra xét không được, đến trung tuần tháng sáu, chúng đưa bọn anh Cầm lên trại cưỡng-bách lao-công tại Thái-Nguyên. Trại này nằm trên một vùng núi, chứa tất cả 800 người đủ các hạng già trẻ, trai gái. Họ là những người đã bị buộc tội bất mẫn, trốn thuế, phá hoại, đòi di-cư vào Nam, v.v...

Nhập chung vào đám người này, bọn anh Cầm, bắt đầu sống một cuộc đời đen tối hơn bao giờ hết. Hàng ngày đám người xấu số ấy phải vào rừng chặt cây lấy gỗ làm xà-vẹt đường xe lửa.

Công việc làm ở đây thật là nặng nhọc và nguy-hiêm. Tai nạn chết chóc xảy ra như cơm bữa : khi thì treo núi trượt chân rơi xuống vực sâu, khi thì cây ngã đá lăn đè lên người. Hàng ngày, bệnh sốt rét, bệnh kiết-ly và nạn đói làm cho hàng chục người bỏ mạng. Sang mùa đông lại thêm một số người chết rét nữa. Mấy tháng ở trại này, sự làm việc quá sức, ăn uống thiếu thốn, khổ cực, lại bị sỉ nhục đánh đập cùng cảnh chết chóc rùng rợn hàng ngày xảy ra giữa chốn núi rừng âm u, đã xúi dục nhóm người bị đầy ải này phải liều chết, tìm cách vượt ra khỏi chốn lao-tù.

### Cuộc vượt trốn đi.

Anh Cầm ở trong đoàn tù 300 người mà đoàn trưởng là anh Nguyễn-Công, một cựu cán-bộ quân-sự của Việt-Cộng thuộc thành-phần địa-chủ, bị chúng ghép tội bất mãn, lột chức và đẩy lên Thái-Nguyên.

Hiểu biết tâm-sự của nhau, anh Công cùng với anh Cầm và một ít thanh-niên khác có sáng kiến và gan dạ bàn kế thoát thân. Sau một thời gian sắp đặt kế-hoạch trong đoàn, họ chờ đợi cơ-hội thuận-tiện để thực-hiện ý định.



*Các vật liệu cần thiết cho việc định cư đồng bào tị nạn tiếp tục đến bến Saigon*

Một buổi sáng đầu tháng 2 năm 1956, đoàn tù do anh Công dẫn đầu được lệnh đi đẵn cây ở khu rừng phía Tây, còn hai đoàn nọ đi làm ở hai nơi khác cách đoàn thứ nhất khá xa. Làm việc đến nửa buổi, họ được nghỉ ngơi vài phút và theo thường lệ anh Cầm ra hát giúp vui, trong bài hát ấy có mấy tiếng lóng lăm hiệu, mọi người đưa mắt ngăm bảo nhau chuẩn bị. Tiếng nhịp cuối cùng vừa chấm dứt bài hát, những người được chỉ định trước đứng kề bên mấy tên lính từ bao giờ, đồng loạt dụt lấy súng của chúng và liền ngay đó những người khác nhảy đến bóp cổ chúng cho đến lúc chúng chỉ còn là những xác chết cứng đờ. Ba chục người thanh-niên nhanh nhẹn lột binh-phục của chúng mặc vào mình, mang súng đi giống hệt lính Việt-Cộng. Mọi người lẩn vào rừng tiến về phía Tây. Gần trưa họ nghe tiếng súng bắn văng vẳng đường xa rồi im bật. Có lẽ tụi lính được báo động đang đi lùng bắt họ. Hồi hộp chờ đợi một lúc, thấy yên tĩnh trở lại, đoàn người lại cất bước lên đường. Họ đi mãi trong núi rừng, ăn trái cây uống nước suối vào được đất Lào đi lẩn xuống phía Nam, đến ngang Quảng-Bình, họ lại vượt đèo băng núi vượt qua. Cũng cứ lén lút trong rừng rậm, họ tiến vào gần ven bờ sông Bến-Hải. Bảy giờ tính theo mặt trăng, đoàn người mạo-hiểm đã đi hơn hai tháng trường và một điều may mắn là chẳng gặp một tên Việt-Cộng nào cả. Nhưng kiểm-điểm lại trong 300 người chỉ còn 195 người, hơn 100 người đã chết ở dọc đường, đến đây 5 người biết lợi xung-phong lợi qua sông, đến báo cho nhà chức-trách Quốc-Gia biết và sau đó tất cả được đưa qua bờ sông bên này vĩ tuyến. Thoát được hỏa ngục đỏ, ai nấy tưởng như mới được hồi sinh.

Nghe câu chuyện, anh Trịnh-Minh-Cầm kể lại, ta thấy trường hợp chuyển tập-kết và đời sống khổ-cực của bọn anh tại miền Bắc cũng là trường hợp chung của tất cả những người bị Việt-Cộng bắt buộc phải tập-kết hay ngay thơ nghe lời dụ dỗ mà theo chúng ra Bắc. Vì quá khổ-cực đói rét và luôn luôn nơm nớp lo sợ. Hiện nay, phong trào những người tập kết dời về Nam đang lan tràn âm thầm nhưng không kém phần mạnh mẽ. Không khác gì trong công việc phá di-cư, bọn cán-bộ Việt-Cộng đã dùng đủ thủ đoạn, hình-thức cần-thiết để ngăn cản và đàn-áp phong trào này.

Đồng-bào miền Nam tập-kết ở xã Hoàng-Lép, huyện Hoàng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa và ở trại tập-kết Đông-Sơn (Thanh-Hóa) tranh đấu đòi về Nam, đã bị Việt-Cộng cho quân đội bao vây, xả súng liên thanh bắn chết nhiều người. Chức Sắc Cao-đài tên là Cao-Triều-Phát cũng đòi về Nam nên bị Việt-Cộng thủ tiêu. Ngày tháng 10 năm 1956, những đồng bào Bắc phần mới trốn thoát khỏi vùng Việt-Cộng vào tới Quảng Trị cho biết phong trào đồng bào tập kết tranh đấu đòi về Nam rất mạnh, Việt-Cộng đang thẳng tay đàn áp và phân tán mỗi người đi một nơi. Chúng đã gửi sang Tàu hơn 2.000 trẻ em thuộc các gia đình người Nam tập kết và hơn 200 trẻ em sang Đông-Đức bắt theo các lớp luyện Cộng-Sản. Đây là một thủ đoạn « bắt con tin » của Việt-Cộng, để cho các gia đình tập kết không đòi về Nam nữa.

Những người tập kết trốn về được vùng Tự-do thuật lại về đời sống của đồng bào tập kết ra Bắc như sau :

«... Mới ra đến cửa bể Sầm-Sơn (Thanh-Hóa) sau khi đổ bộ lên bờ là các anh (những người tập kết) được ném ngay những vị cay đắng của chế độ mới. Các anh phải vào Ty Công An khai lý lịch, phải vào đồn thuế xuất nhập khẩu để mở hành lý cho nhân viên thuế ngăm nghía và giữ lại những gì mà họ mệnh danh cho là những xa xỉ phẩm ngoại hóa. Sau đó các anh được tập-trung vào trại Đông-Sơn (Thanh-Hóa) để tăng-





*Luôn luôn Tổng-Thống vi hành đến các trại định-cư  
khuyến khích đồng bào*

gia sản-xuất. Nhưng có làm mà chẳng có ăn. Hằng ngày người ta phát cho các anh ít nhúm gạo, một ít muối vừng, rau muống và bảo các anh làm việc để tự-túc mà sống. Đây là những nỗi khổ về vật chất, về tinh-thần, các anh còn chịu đựng nhiều điều mỉa mai, chua xót gấp bội.

Những nơi tập-trung như trại sản-xuất, trại tăng-gia, những công-trình thủy-nông như đập thác Cun (Thái-Nguyên) đập nước Bái-Thượng (Thanh-Hóa) công-trường xe lửa Hà-Nội — Mục-Nam-Quan, công-trường xe lửa Hà-Nội — Nam-Định mà các anh bị đẩy ra để thí-nghiệm cho chính sách lao-công cưỡng-bách của Cộng-Sản Việt-Minh, đã làm cho các anh khốn khổ đến cực độ, có nhiều người chết vì không chịu nổi công việc khó nhọc, lại đói rét, bệnh tật. Việt-Cộng phái cán-bộ tay sai leh lỏi vào hàng ngũ các anh để dò xét, ly-gian, các anh lại còn bị cán-bộ Trung-Cộng chửi mắng, đánh đập nữa. Vì những nỗi đau khổ ấy nên tất cả mọi người tập-kết đũa-hối-hận, ngày đêm nguyện rửa bọn Việt-Cộng lừa dối chỉ mong có ngày được trốn thoát trở về Nam.

Những người tập-kết trốn về được vùng tự-do thuật lại về đời sống của đồng-bào tập-kết ra Bắc như sau :

Báo Ngôn-Luận ra ngày 24-11-1956 đã đăng tin : « Đồng-bào miền Nam bị Việt-Cộng bắt đi tập-kết biểu tình đòi trở về miền Nam.

Nguyên số đồng-bào bị bắt đi tập-kết này hồi 1954, khi ra tới miền Bắc liền được Việt-Cộng đưa về tập-trung tại Hà-Nội vài ngày để « bác » Hồ ra mắt. Sau đó đồng-bào bị đưa về Thanh-Hóa, phục vụ tại các đồn điền Đa-Năm, Lam-Sơn, Vạn-Lại, v.v...

Tại các đồn điền này, phần không đủ cơm ăn mà phải ăn cơm ngô, sắn, áo mặc lại mỏng manh không đủ chống rét rất hải hùng đối với người miền Nam quanh năm nóng bức, phần khác phải ngủ ở các ổ rơm sinh chí rận, nên đồng-bào không thể chịu nổi cảnh khổ cực này. Ngày 17-11-55, đồng bào tập-kết đã tổ-chức một cuộc biểu tình lớn toan kéo đến trụ-sở Ủy-Ban hành-chánh tỉnh đòi trở về miền Nam.

Đám biểu tình này đã bị Việt-Cộng dùng võ-lực để giải-tán, mấy người cầm đầu bị Việt-Cộng bắt đi mất. Ngoài ra, cũng theo một nguồn tin từ Hà-Nội thì một vụ biểu-tình tương-tự cũng vừa xảy ra tại Công-trường Lao-Kay. Hai cán-bộ Phạm-Minh-T. và Phạm-Thị-Nguyệt-A. (Một người quê ở Phụng-Hiệp, một người quê ở Biên-Hòa) đã tự-tử vì muốn tránh sự hành-hạ của Việt-Cộng).

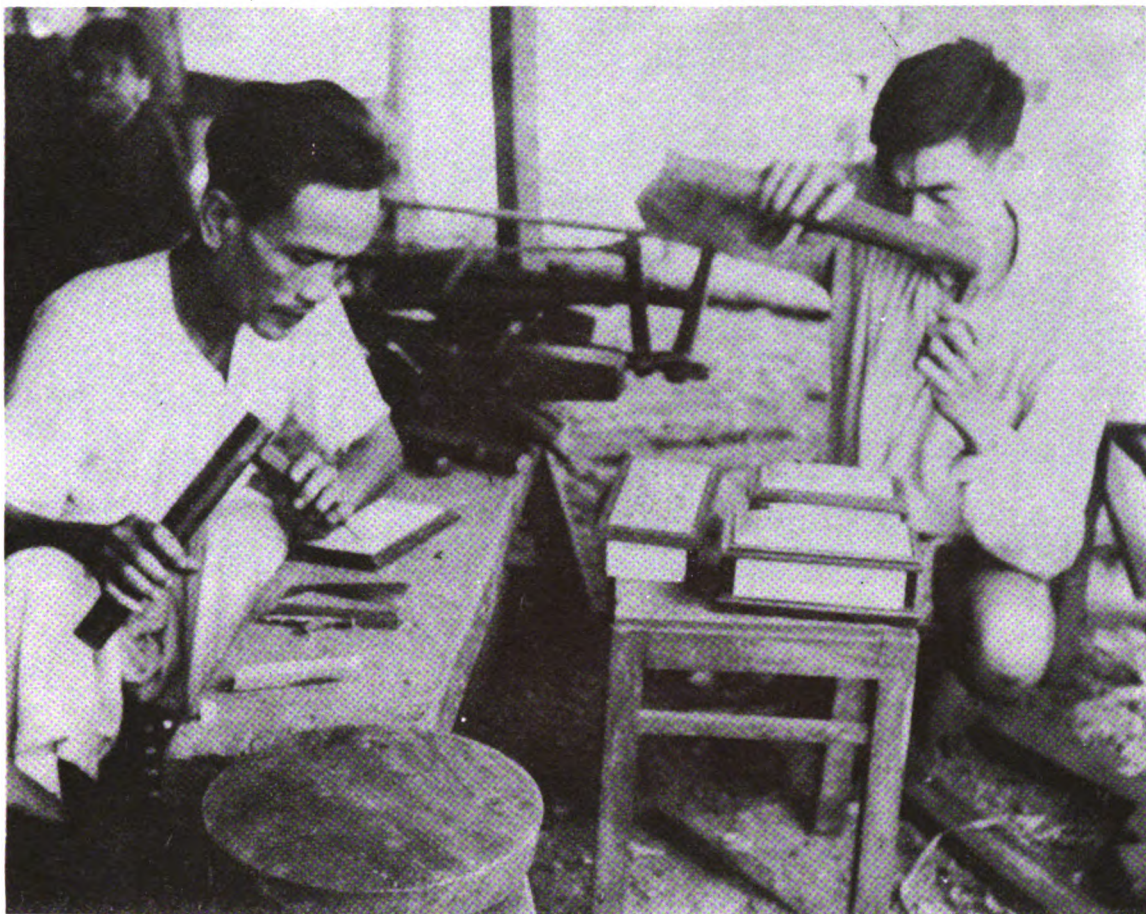
Mặc dầu Việt-Cộng tìm hết cách để canh phòng, ngăn trở đồng bào tập kết trở vào Nam, vẫn có nhiều người trốn thoát về báo tin cho các thân nhân những người tập-kết ra Bắc biết rõ tình trạng ở ngoài Bắc, nên nhiều gia đình có người nhà bị Việt-Cộng bắt ép đi tập-kết đã bình tình yêu cầu Ủy Hội Quốc-Tế can thiệp cho thân nhân họ được trở về.

Hai trăm gia đình thuộc Xã Phú-Hồ quận Phú-Vang tỉnh Thừa-Thiên đã biểu tình đòi Việt-Cộng trả lại chồng con đã bị chúng bắt buộc tập kết ra Bắc.

Ngày 19-10-1956 hàng trăm người ở Kontum cũng đã đệ đơn lên Ngô Tổng-Thống xin can thiệp với Ủy-Hội Quốc-Tế buộc Việt-Cộng phải trả lại chồng con bị bắt buộc đi tập kết.

Hơn 10.000 người ở Nha-Trang đã biểu tình yêu cầu Ủy-Hội Quốc-Tế để cho thân nhân họ tập kết ra Bắc được trở về quê quán.

Những việc trên đây chứng tỏ hùng hồn rằng Việt-Cộng đã cưỡng bách đồng bào đi tập kết. Đời sống của đồng bào đi tập kết ra Bắc rất khổ cực cả về tinh thần lẫn vật chất. Nhiều người đã trốn tránh trở về được miền Nam Tự-do. Hiện nay, phong trào đồng bào tập kết tranh đấu đòi về Nam đang lang rộng và bọn Việt-Cộng đang thẳng tay đàn áp phong trào này. Nhưng nếu « lòng dân là ý trời » thì chắc chẳng ý nguyện trở về Nam của đồng-bào tập kết và ý chí di-cư tìm Tự-do của đồng bào miền Bắc sẽ cố kết với nhau để phá thủng màn lưới Việt-Cộng tìm được đến bến Tự-do.

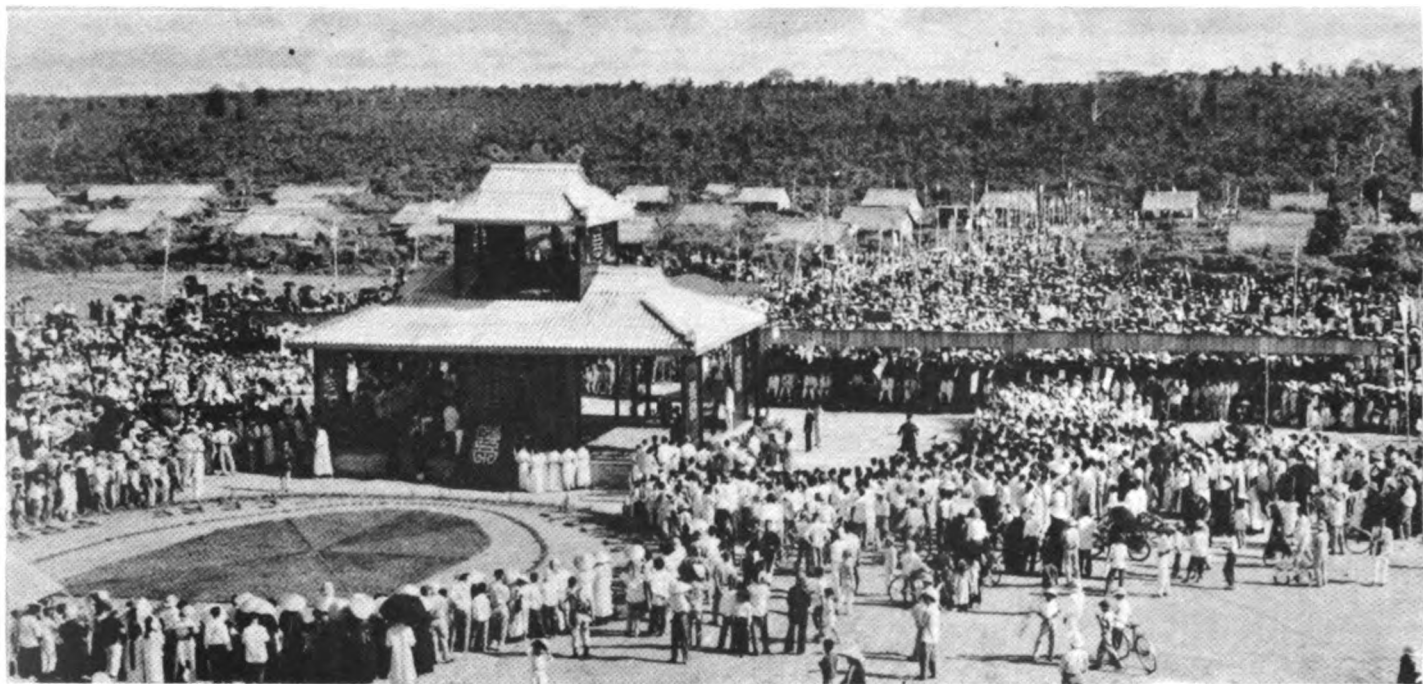


*Ngành làm thợ trạm có thể đem lại sung túc cho gia đình*

## II. PHONG TRÀO DI CƯ VÀO NAM

- Việt-Cộng vi phạm hiệp-định Genève, ngăn cản phong trào di-cư.
- Tính chất tự động của phong trào di-cư.

Như chúng tôi đã trình bày ở chương IV, sau ngày ngừng chiến, Việt-Minh Cộng-Sản không cho đồng-bào miền Bắc biết điều khoản 14D của hiệp-định Genève để cho nhân-dân có quyền lựa chọn vùng sinh sống. Chúng lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản và khủng bố đồng-bào di-cư, không riêng gì ở các tỉnh nhỏ hay các vùng xa xôi, ngay ở Hà-Nội, trước mắt Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-Soát đình-chiến ở Việt-Nam, sau ngày Việt-Cộng vào Hà-Nội, dân chúng muốn đi Hải-Phòng hoặc các tỉnh lân cận, đều bị ngăn cản khó khăn. Người muốn đi phải xin giấy thông-hành đặc-biệt, phải làm đơn khai lý-lịch tỳ-mi, nghề-nghiệp, chỗ ở của cha mẹ, vợ con, tên tuổi, bí danh, đi đến nhà ai, có việc gì, ở đâu. Công-An Việt-Cộng còn chất vấn, điều tra lời thối, rắc rối làm khó dễ nhiều cách. Nhiều người xếp hàng chầu chực trước cửa nha Công-an hàng nửa tháng, không xin nổi một cái giấy thông-hành đi về trong năm ngày. Sau ngày đình-chiến, tại miền thôn quê, Việt-Cộng cũng bắt buộc nhân-dân muốn đi qua các tỉnh khác, phải xin giấy của Ty Công-an tỉnh, còn khó khăn hơn người ở Hà-Nội. Muốn xin giấy thông-hành của Công-An tỉnh phải có giấy chứng



*Quang cảnh một cuộc mít tinh trong trại định cư*

nhận của Ủy-Ban Hành-Chính Xã, Ủy-Ban Hành-Chính Xã lại chỉ cho giấy chứng-nận khi có giấy giới thiệu của tiểu-ban thôn, xóm. Nhưng những người bị Việt-Cộng tình nghi là có ý định di-cư thực khó lòng xin được những giấy tờ trên. Tiểu-ban thôn cũng như Ủy-Ban Xã tìm đủ cách làm khó dễ. Cùng lắm chúng lẫn trốn không cho dân chúng gặp mặt để làm chậm trễ việc xin giấy. Gái, trai, già, trẻ đi đường xa mà không có giấy thông-hành đều bị nhân-viên Công-An bắt giải về nguyên-quán để trừng phạt. Người được cấp giấy rồi, chúng lại dùng thủ-đoạn khác để ngăn cản. Cho đi, nhưng không được mang tiền Đông-Dương và vàng đi, trái lệnh, sẽ bị tịch-thu hết. Người buôn bán phải xin phép mới được mang tiền Đông-Dương qua Hải-Phòng, nhưng phải làm giấy cam-đoan mua hàng về bán cho cơ-quan mậu-dịch của chúng. Phần nhiều những hàng chúng cần mua đều bị cấm bán trong miền Quốc-Gia, nên ít người có thể buôn bán với chúng được. Những người có giấy thông-hành đi buôn bán lại bị cấm không được mang trẻ con đi theo.

Nhiều người di-cư bị Việt-Cộng đánh-đập, bắt cóc ở giữa đường như trường hợp 11 gia-đình gồm 56 người ở làng Trục-Mỹ, quận Nghĩa Hưng, tỉnh Nam-Định, đã làm đơn đề ngày 16-11-1954 gửi Ông Tỉnh-Trưởng Kiến-An, nhờ can-thiệp như sau :

« Gia-đình chúng tôi không thể sống chung với Việt-Minh, phải ra vùng Quốc-Gia để chờ ngày vào Nam-Việt, đi đến đồn Công-An Việt-Minh đóng ở cầu Phú-Lương, tỉnh Hải-Dương thì Việt-Minh giữ lại không cho đi và khuyên chúng tôi ở lại với Chính-Phủ Việt-Minh. Một mặt chúng vào trong làng thúc đẩy các đoàn-thể phụ nữ, nhi-đồng ra cản trở, lôi kéo chúng tôi lại, chúng tôi nhất định không ở. Bọn Việt-Minh liền dờ thủ-đoạn dã man đánh đập chúng tôi sau chúng lôi kéo 4 người của gia-đình chúng tôi đem đi mất và lấy hết tiền bạc của chúng tôi. Bốn người bị Việt-Minh bắt là Kiều-Văn-Bảo 21 tuổi, Kiều-Văn-Tuyên 49 tuổi, Đỗ-Văn-Tổ 56 tuổi, Phạm-Văn-Tại 56 tuổi...

Những đồng-bào Thanh-Nghệ Tĩnh di-cư vào Nam bằng tàu Kilinski (Ba-lan) đã trả lời những câu phỏng-vấn của các phóng-viên báo chí ngay lúc xuống bến như sau :

Bà Nguyễn-Thị-Triết, 36 tuổi quán xã Như-Xuân, huyện Tĩnh-Gia, tỉnh Thanh-Hóa nói : Các đây hơn 4 tháng khi ở địa phương mới có phong trào đòi được di-cư vào Nam, giữa một buổi dân chúng tôi đang hành lễ tại nhà xứ đột nhiên có tới hàng vạn bộ đội du-kích và cán-bộ đến bao vây chặt nhà xứ. Chúng bắt đầu đào các hố, cắm tròng, đặt mìn xung quanh và đặt ổ súng chia vào tứ phía nơi chúng tôi hành lễ. Hết sức lo sợ, chúng tôi chỉ còn biết đóng chặt cửa lại và ở nguyên trong nhà xứ. Chúng để yên như thế trong hai ngày. Sáng ngày thứ ba chúng tập trung chung quanh nhà xứ rất đông lấy những cây to sọc vào để phá cửa và cùng lúc bắn mấy loạt súng vào chúng tôi. Rút cuộc chúng phá được cửa và xông vào nhà xứ. Từng ôm giẻ rách và những cuộn thừng trong tay, chúng bắt trói hết chúng tôi mang đi. Những ai kêu cứu hay tỏ ý chống lại, chúng vu cho là nổi loạn hay định cướp súng. Chúng bắt trói, đánh đập chúng tôi rất khổ sở, lại còn nhét chặt giẻ vào mồm. Trong nhà xứ có hơn 20 người bị chết, hơn 50 người bị thương và hàng ngàn người bị bắt trói đem đi. Chúng còn lấy cây và báng súng đập nát sọ những người đã chết. Riêng gia-đình, tôi cùng với vài ba trăm người bị giam hơn hai tháng được tha về. Ở nhà được ít lâu, chồng tôi là Nguyễn-Hiếu lại bị Việt-Minh bắt, hiện nay không biết ở đâu. Còn tôi ở nhà chúng lại bắt đến Ủy-Ban để học-tập, kiểm-thảo cứ hai ngày một lần. Nhà nào cũng có bộ-đội và cán-bộ canh gác. Đi mỗi bước đều khó khăn. Nhưng sau tôi cũng trốn được mà di-cư vào đây.

Anh Nguyễn-văn-Soi, 17 tuổi, quán xã Hải-Thanh (Thanh-Hóa) cho biết :

Mỗi lần thấy nhiều quân-đội và cán-bộ về làng, chúng tôi biết là có phái đoàn Ủy-Hội Quốc-Tế về điều tra. Bọn Việt-Minh cấm không cho một người trong làng ra khỏi cửa, chúng lại giả làm dân địa phương đến ở tại nhà chúng tôi, chờ khi nào phái đoàn Ủy Hội Quốc-Tế đến thì nói không muốn di-cư vào Nam. Sau chúng tôi bí mật trốn tránh ra đi qua nhiều đoạn đường rất nguy hiểm mới vào được đến đây.

Đến vụ Lê-tấn-Lý, một chuẩn úy của quân đội Quốc gia bị Việt-Cộng bắt cóc tại Hà-nội và giam giữ không cho trở về với gia-đình ở miền Nam Tự-do càng chứng tỏ một cách rõ rệt rằng không những ở thôn quê mà ngay ở các thành phố chưa chuyển giao cho chúng, Việt-Cộng cũng cho cán-bộ vào ngăn cản dân chúng di cư. Vụ này đã gây một sức động mạnh mẽ trong dân chúng và đã làm xôn xao dư luận báo chí miền Nam Tự-do suốt trong vòng gần một tháng.

Nguyên Chuẩn-úy Lê-tấn-Lý, quê ở miền Nam, sau khi tốt nghiệp trường Võ-Bị Sĩ-quan Thủ-Đức được bổ ra phục vụ tại Hà-nội từ 1-4-1953. Đến sau ngày ký kết Hiệp-định Genève, trong thời gian chờ đợi để được trở về với gia đình thì chuẩn úy Lý bị Việt-Cộng bắt cóc tại ngã tư Sở (Hà-Nội) hồi 6 giờ chiều ngày 9-9-54 (khi Hà-nội còn thuộc sự kiểm soát của chính quyền Quốc-gia), rồi bị đưa về giam tại làng Phạm, tỉnh Phú-Lý (Bắc phần). Sau non một tháng bị giam giữ, được tạm tha, chuẩn úy Lý tìm đến Nam-Định (ở đây có người quen) rồi đến ngày 12-10-54 sau khi bộ đội Việt-Cộng vào tiếp thu Hà-Nội, Chuẩn úy Lê-tấn-Lý theo nhân dân vào Hà-Nội.

Về được đến Hà-nội, nóng lòng muốn trở về Saigon, chuẩn úy Lý đến cầu cứu Cha xứ nhà thờ Lớn Hà-nội, và được Cha ở đây nhờ phái đoàn liên lạc Pháp can thiệp với Ủy-Hội Quốc-Tế để được tự-do về Nam theo Hiệp-định Genève.



*Một bạn thợ trạm đang hành nghề*

Đến trụ sở Ủy-Hội Quốc-Tể ở Hà - Nội, chuẩn - úy Lý bị ông Chủ-Tịch Ủy-Hội ở đây giao cho Việt-Minh Cộng-Sản giam giữ. Sau khi nghe tin này chuẩn-úy Lý bị ngắt đi vì đã quá sợ những hành-động dã man của bọn Cộng-Sản.

Bị giao cho Việt-Minh Cộng-Sản giam giữ để điều-tra, chuẩn-úy Lê-Tấn-Lý phải chịu đủ mọi hành động vừa khủng bố, vừa dụ dỗ của Việt-Minh Cộng-Sản và cuối cùng phải tỏ ra một người đã cải tạo và phải tuyên bố tự ý ở lại Hà-Nội để khỏi bị giam giữ. Sau khi được tạm tha ở Hà-Nội, chuẩn-úy Lý luôn luôn cố gắng tỏ ra là một công dân có thiện chí, chuẩn-úy Lý tham gia vào bất cứ công cuộc gì do Việt-Minh Cộng-Sản tổ chức : biểu tình, mét tình, đi họp v. v... Chuẩn-úy Lý cố che mắt bọn cán-bộ Việt-Minh Cộng-Sản để tìm dịp trốn về miền Nam.

Và cuối cùng, nhờ sự khôn khéo cùng sự quyết tâm trở về vùng tự-do, hôm 7-12-54, tin Chuẩn-úy

Lý về đến Saigon được bà mẹ và cô em chuẩn-úy đến báo cho anh em sinh viên Hà-nội di-cư biết.

Trả lời nhân dân và các nhà báo trong cuộc nói chuyện ngày 10-2-54 tại rạp Nguyễn-văn-Hào Saigon về sự can thiệp của Ủy-Hội Quốc-Tể trong việc chuẩn-úy Lý xin trở về Nam, chuẩn-úy Lý tuyên-bố : « Riêng cá nhân tôi, tôi coi Ủy-Hội Quốc-Tể như Việt-Minh Cộng-Sản ».

Nói về chính-sách Cộng-Sản, chuẩn-úy Lý cho là một chính-sách độc-tài vô cùng dã-man.

Vụ Lê-tấn-Lý chứng tỏ thêm một lần nữa những thủ-đoạn ngăn cản di-cư của bọn Việt-Cộng, đưa ra ánh sáng những mưu mô xảo quyệt, thâm độc của Việt-Cộng, đồng thời là một bằng chứng về sự bắt lức của Ủy-Hội Quốc-Tể kiểm-soát đình-chiến tại Việt-Nam. Chính vì Ủy-Hội Quốc-Tể giao chuẩn-úy Lý cho Việt-Minh Cộng-Sản điều tra mà hàng vạn công dân Việt-Nam tại Bùi-Chu, Thái-Bình đã không dám nhờ Ủy-Hội can thiệp được di-cư mà phải mạo hiểm bơi thuyền nan ngoài biển cả giữa sóng gió và những làn đạn của Việt-Cộng bắn theo để liều lĩnh tìm đường di-cư.

Đối với phong trào di-cư của non 1 triệu người, người miền Bắc tị-nạn Cộng-Sản, nhân dân Việt-Nam và cả thế giới đều công nhận rằng khối người ấy tự nguyện ra đi để chờ ngày về giải phóng quê hương. Và nếu Việt-Cộng không đàn áp ngăn cản số người di-cư còn tăng lên 2, 3 triệu nữa.

Tuy nhiên nguy-quyền Việt-Cộng vẫn phủ nhận sự thật và luôn luôn rêu rao trên các báo chí của chúng rằng : đồng bào Công-giáo bị các Chà cố bắt buộc phải di-cư và đệ đơn xin Ủy-Hội Quốc-Tể kiểm-soát đình-chiến đến các trại di-cư miền Nam mở cuộc điều tra và giúp đỡ những người muốn trở về Bắc.



*Một căn nhà nhỏ, một đôi trâu cày, một thửa ruộng, đời sống người dân  
di cư dần dần đi đến chỗ sung túc*

Trong năm 1955, phái-đoàn của Ủy-Hội Quốc-Tể (có hai đại-biểu Việt-Cộng đi theo) đến trạm di-cư nào cũng tự giới thiệu và nhắc lại rằng: theo điều khoản 14-D của Hiệp-định Genève, kể từ ngày 21-7-1954 đến ngày 18-5-1955, tất cả mọi người Việt-Nam đều có quyền lựa chọn khu vực mình muốn ở và nêu lên 4 câu hỏi đại-khái như sau:

- 1.— Dân-chúng có được thông-tri về quyền hạn của họ đúng theo khoản 14-D của Hiệp-định Genève không?
- 2.— Trong dân-chúng có ai muốn ra Bắc vì bất cứ một lý-do nào không?
- 3.— Có ai áp bức hoặc bó buộc di-cư vào Nam không?
- 4.— Họ có bị quyến rũ vào Nam do những lời hứa sau này không giữ đúng không?

Dù hỏi từng cá nhân hay hỏi chung tập thể, phái-đoàn của Ủy-Hội Quốc-Tể cũng nhận được những câu trả lời tương-tự.

- 1) Ở vùng Việt-Minh Cộng-Sản, chúng tôi không được biết gì đến quyền lựa chọn nơi mình muốn ở, mãi đến khi vào trong này chúng tôi mới biết có điều ấy.
- 2) — Chúng tôi rất muốn về Bắc sau ngày Việt-Minh và Trung-Cộng đã bị tiêu-diệt.
- 3) — Chính bè lũ Cộng-Sản đã áp bức và bó buộc chúng tôi đủ điều, làm cho chúng tôi đói rét, khổ cực, phải quyết-tâm bỏ quê hương, tài-sản, thân thuộc, mò mả mà vào đây.



*Các em nhỏ đang múa ca vui vẻ*

- 4) — Vì không thể sống chung với Việt-Minh Cộng-Sản, nên chúng tôi phải di-cư vào Nam và mong được Chính-phủ cùng nhân dân miền Quốc-gia và thế-giới tự-do giúp đỡ, chứ không khi nào vì những lời hứa hẹn của ai mà di-cư cả.

Kết quả các công cuộc điều-tra là bất cứ ở trạm nào, phái-đoàn của Ủy-Hội Quốc-Tể cũng không tìm thấy một người di-cư nào muốn trở về Bắc và không có một ai nói bị các cha cố bắt ép di-cư như đơn khiếu nại của Việt-Cộng. Không những thế, phái-đoàn còn nhận được vô số đơn yêu-cầu Ủy-Hội Quốc-Tể can-thiệp những việc sau này :

- a) — Phổ-biến cho nhân dân còn mắc kẹt trong vùng Việt-Cộng được biết đến khoản 14D của hiệp-định Genève.
- b) — Đòi Việt-Cộng phải trả lại tự-do cho những bà con thân-thích của họ hiện đang bị Việt-Cộng giam giữ.
- c) — Can-thiệp để cho những người nào muốn vào Nam không bị đàn-áp, khủng-bố.

Trong các cuộc điều tra, dân chúng ty-nạn tại tất cả các trạm đều cố giữ một thái-độ dè-dặt, kính nể phái-đoàn của Ủy-Hội Quốc-Tể ; nhưng rất tức giận và nguyên rủa hai tên đại-biểu Việt-Minh Cộng-Sản đi theo phái-đoàn.

Kết quả những cuộc điều-tra trên càng phô bày rõ rệt ý nguyện di-cư tìm tự-do của đồng-bào di-cư và tính chất tự-động của phong trào di-cư, đồng thời tổ-cáo với thế-giới những âm-mưu ngăn cản, những hành-động đàn-áp di-cư cùng những luận điệu xuyên tạc, vu khống của bọn Việt-Cộng.

Ủy-Hội Quốc-Tể kiểm-soát đình-chiến tại Việt-Nam (gồm đại-diện các





*Về mặt vui tươi của các em trong một trại định cư nói lên sự no ấm ở đây*

nước Gia-Nã-Đại, Ấn-Độ, Ba-Lan) đã nhiều lần gửi báo-cáo cho Ông Molotov (Đại-biểu Nga-Sô) và Ông Anthony Eden (Đại-biểu Anh-quốc) đều là chủ-tịch hội-nghị Genève để phản kháng Việt-Cộng về việc vu cáo Chính-Phủ Việt-Nam tự-do cưỡng bách dân chúng di-cư.

Thuật lại những cuộc điều-tra về những lời kêu nài liên hệ đến vấn đề Việt-Cộng ngăn trở cuộc di-cư qua miền Nam, Ủy-Hội Quốc-Tế tuyên-bổ :

« Trong mỗi một trường hợp, Ủy-Hội đều có đưa ra những điều khuyên cáo cần-thiết để dẹp tan những sự trở ngại và cũng để quyết định những biện-pháp chống lại mọi hành động làm trở ngại hay trì hoãn của nhà cầm quyền miền Bắc. Ủy-Hội gửi những nhóm đại-diện viếng lại các vùng liên-hệ, như trong các trường-hợp Ba-Làng và Lưu-Mỹ, để cố-gắng làm cho những người muốn ra đi được giấy phép và mọi sự thuận-tiện để di-cư qua vùng mình đã chọn lựa. »

Ủy-Hội nhận thấy rằng các nhóm đại-diện của Ủy-Hội vẫn luôn luôn gặp sự trở ngại như sau khi đi điều-tra. Về điểm này Ủy-Hội tuyên-bố : « Cần phải nhận xét rằng công-tác của những toán điều-tra của Ủy-Hội đã bị trở ngại hay trì-hoãn trong nhiều trường-hợp vì thái-độ của nhà cầm quyền địa-phương (tại khu vực Cộng-Sân) và trong vài trường-hợp, vì những nhóm có tổ-chức nghịch lại với những người muốn di-cư qua khu-vực Việt-Nam tự-do.»

Bản báo-cáo chánh có chữ ký của tất cả mọi nước hội-viên trong Ủy-Hội Quốc-Tế là MICKALOWSKI đại-diện Ba-Lan, JOHNSON đại-diện Gia-Nã-Đại và DESAI đại-diện Ấn-Độ.

Một tu-chánh-án do đại-biểu Gia-Nã-Đại đệ-trình thêm vào bản chánh, thuật lại rất nhiều chi tiết về những hành-động mà Việt-Cộng dùng để ngăn trở phong-trào di-cư cùng cuộc điều-tra của Ủy-Hội Quốc-Tế.

Báo-cáo của Gia-Nã-Đại tuyên bố đại-khái như sau :

« . . . Những báo-cáo của các toán thuộc Ủy-Hội đã cho thấy rằng có những người muốn sử dụng quyền chọn lựa của mình để di-cư qua miền Nam, đã không được phép và không được giúp trong vài trường-hợp họ lại bị ngăn trở và bị cấm hẳn nữa. Một bầu không khí ngờ vực, lo sợ và đầy những tin đồn là một phần lớn do kết-quả tự-nhiên của những năm chiến-tranh, đó là tình-hình về những khu-vực dưới quyền kiểm-soát của những lực-lượng Việt-Cộng trong thời-hạn 300 ngày, và nhà cầm quyền liên-hệ có vẻ không sẵn lòng và cũng không có thể làm tiêu-tan bầu không-khí ấy. Tình trạng lo sợ và ngờ-vực, như vậy chỉ làm ngăn trở hẳn và hạn-chế sự tự-do sử-dụng quyền chọn lựa và cũng là một việc ngăn trở những cuộc điều-tra thật-sự ».

Sau đây là vài bằng chứng về những việc mà Việt-Cộng đã sắp đặt để ngăn cản những người muốn di-cư tiếp-xúc với đại-diện Ủy-Hội Quốc-Tế, theo như bản báo-cáo của đại-biểu Gia-Nã-Đại :

« Có những binh-sĩ, cán-bộ và nhân-viên trong các cơ-quan tự-vệ canh gác thường-trực tại nhà những người Công-Giáo với chỉ-thị ngăn cản những người này không cho tiếp-xúc với các nhân-viên trong các Ủy-Hội kiểm-soát đình-chiến.

Những người tỵ-nạn bị tập hợp lại trong các nhà thờ. Nhà cầm quyền địa phương cùng các sĩ-quan liên lạc của quân đội Việt-Cộng cố gắng ngăn cản các nhân viên điều tra vào nhà thờ viện lẽ rằng trong nhà thờ đang hành lễ.

Người ta dùng một chiến thuật chung là xúi những người đã tổ chức sẵn để trình những kiến nghị để phàn nàn bị cưỡng bách di-cư. Những người này cũng biểu tình và làm rối trật tự để cho những toán kiểm soát viên mất nhiều thời giờ trong thời hạn kiểm soát, và để cho những người muốn di-cư phải lo sợ.

Ít nhất cũng đã có 12 lần, những người muốn ra đi đã bị những đám người tay sai hành hung, và có khi bị lôi kéo đến những nơi khác trước khi họ có dịp tiếp xúc với toán kiểm soát viên của Ủy-Hội.



*Sau buổi học, các trẻ em trong trại định cư được dạo chơi ở ven rừng*

Tại Xã-Đoài, sĩ quan liên lạc Việt-Cộng đã ngăn cản 500 người đang tìm cách làm trở ngại cuộc điều tra của Ủy-Hội, và lôi kéo đi mất vị Giám-đốc của Chung viện trước mặt của toán kiểm soát viên Quốc-Tế».

Căn cứ vào những việc ấy, báo cáo Gia-Nã-Đại kết luận rằng : Xem xét những việc đã xảy ra hàng ngày và giống hệt nhau ở nhiều nơi, người ta chắc chắn rằng nhà cầm quyền Việt-Cộng đã cố ý tổ chức những hành động ngăn trở người di-cư. Các toán kiểm soát của Ủy-Hội lại gặp rất nhiều khó khăn trong khi làm việc, vì các nhà cầm quyền miền Bắc tìm cách ngăn trở và thiếu sự hợp tác. Hành động như vậy, Việt-Cộng đã vi-phạm điều khoản 14 D của hiệp ước Genève.

Dưới đây là lần thứ nhì, đại-biểu Gia-Nã-Đại tại Ủy-Hội kiểm-soát đình chiến ở Việt-Nam tố-cáo Việt-Cộng đã dùng bạo lực để ngăn cản cuộc di-cư của



*Ngoài việc học, các em còn tập dệt chiếu giúp thêm vào quỹ gia đình*

dân tỵ-nạn vào miền Nam. Các đại-biểu Ấn-Độ và Ba-Lan cũng nhìn nhận rằng có những sự vi phạm đình chiến. Sau khi ghi nhận rằng cuộc tập kết các quân lực đã chấm dứt, bản phúc trình của Ủy-Hội quả quyết còn nhiều công việc phải làm giải quyết các vấn đề chánh trị và có lẽ cần phải lưu lại mãi ở Việt-Nam.

Theo bản phúc trình của đại biểu Gia-Nã-Đại thì Việt-Cộng đã dùng đủ mọi mưu mô để ngăn cản hàng ngàn người di-cư vào Nam, từ việc không cấp giấy phép viện lễ những người di cư ấy chưa thanh toán xong các món nợ của nhân dân, cho đến việc chúng dùng bạo-lực để ngăn cản.

Đại-biểu Gia-Nã-Đại còn hy-vọng rằng sẽ có những nỗ-lực để di-cư những người đã có giấy phép mà con số có lẽ lên đến hơn 5.000 người ở miền Bắc cùng những người đã nộp đơn xin di-cư trước ngày 20-7-1955.

Thông-tín-viên báo New-York Times ở Ottawa đã viết: « Thời hạn di-cư cuối cùng của các người Bắc-Việt tỵ-nạn có thể hết vào ngày 18 tháng 5 nhưng sau khi đại-biểu Gia-Nã-Đại đưa đơn khiếu nại, ngày đó được triển hạn, đến 20-7-1955, nhưng Việt-Cộng lại vẫn dùng thiên-phương bách-kế để ngăn trở sự cố-gắng của hàng ngàn người muốn rời bỏ Bắc-Việt. Tỉ-dụ các nhà cầm quyền Việt-Cộng viện cớ những người xin di-cư chưa trả xong các món nợ của nhân-dân, chúng lại dùng đến cả võ-lực cùng mọi sự dọa-nạt để ngăn cản không cho nhân-dân xuất ngoại ».

Trong thời hạn di-cư, Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm đã nhiều lần tố-cáo những hành-động vi-phạm thỏa-hiệp Genève của Việt-Cộng và kêu gọi các nước dự Hội-nghị Genève buộc Việt-Cộng phải tôn-trọng thỏa-hiệp đã ký kết, Tổng-Thống lại đòi hỏi việc gia hạn thêm một thời-gian nữa tương-đương với sự chậm-trễ do hành-động ngăn cản dân chúng di-cư do Việt-Cộng gây ra.

Dưới đây là bản hiệu-triệu của Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm đã đọc trước máy truyền-thanh gửi thế-giới tự-do cùng các Giáo-hội về vụ Việt-Cộng khủng bố dân xã Ba-Làng, tỉnh Thanh-Hóa :

« Mặc dù không ký kết và cũng không chấp-thuận thỏa-ước Genève, nhưng cho đến nay, để tỏ ý muốn hòa-bình, nước Việt-Nam tự-do vẫn đã theo đúng các điều-khoản mà mình không ký kết, thì Việt-Cộng lại vi-phạm trắng trợn những thỏa-hiệp mà họ nêu ra.

Từ chối trao lại các tù-nhân chiến-tranh, tấn-công quân Hoàng-Gia Lào tại Phong-Sa-Ly, Sầm-Nứa, ngăn cản không để chuyên-chở các dụng-cụ kỹ-nghệ ở Hải-Phòng, giữ lại các đồng-bào đòi tự-do di-cư, đó là tất cả những biện pháp tỏ rõ sự manh-tâm, ác ý của họ.

Hôm vừa qua các cuộc xung đột đẫm máu tại Ba-Làng, tỉnh Thanh-Hóa, đã xảy ra, làm cho dân của chúng tôi bị 4 người chết và 6 người bị thương.

Sau những cuộc xung-đột đó, Việt-Cộng lại giải-tán bằng võ-lực 8.000 người đã tập-hợp ở trong nhà thờ với ý định yêu-cầu Ủy-Hội Quốc-Tế kiểm-soát đình-chiến để được tới khu Tự-do.

Việt-Cộng đã bắt 700 thanh-niên nam nữ, xua đuổi những đám dân ở các vùng lân cận trở về làng và ngăn cấm những người sinh-quán tại Ba-Làng không được rời khỏi nhà để liên-lạc với phái-đoàn lưu-động Ủy-Hội Quốc-Tế kiểm-soát đến tại chỗ điều-tra vào hôm 6-1.

Ngày 13-1, Việt-Cộng lại đã tổ-chức một tòa-án nhân-dân để kết tội những người cầm đầu cuộc tập-hợp dưới hình-thức đồ lỗi cho là hoạt-động phiến-loạn. Các Ông Mai-văn-Quyên, trùm đạo ở Ba-Làng, Nguyễn-văn-Hiện đã bị kết-án chung thân cùng 4 người dân nữa bị 20 năm và 22 người bị 15 năm tù.

Ngày 14-1, Cha Chánh-Xứ ở Ba-Làng là cố đạo Nguyễn-dương-Hiền đã bị nã bắt.

Nhân danh Chính-Phủ Việt-Nam, tôi tự thấy có bốn phạm tố-cáo trước thế-giới tự-do và các giáo-hội biết các biện-pháp khủng-bố và những hành-động ép buộc vô nhân-đạo của Việt-Cộng đối với dân chúng muốn di-cư khỏi khu-vực Việt-Cộng. Những biện-pháp đó đã vi-phạm quã tang các điều-khoản trong thỏa-hiệp Genève.

Chúng tôi đang lo lắng chờ đợi đồng-bào chúng tôi đã chọn tự-do và yêu-cầu được theo đến lãnh thổ Việt-Nam tự-do cũng như các gia-đình Pháp đang nóng lòng mong mỏi các tù binh chiến tranh còn ở trong tay Việt-Minh được giải-phóng.

Nỗi lo âu của chúng tôi cũng lớn lao hơn nữa vì thời-hạn tiên-liệu trong hiệp-ước về việc lựa chọn đã gần hết.

Vì vậy, tôi đòi hỏi quyền lựa chọn ghi rõ trong thỏa-hiệp Genève phải được tôn trọng và việc thi-hành tự-động phải gia-hạn thêm một thời-gian tương-đương với sự chậm trễ, mà vì các biện-pháp kéo dài cùng một chính-sách ngăn trở có mưu tính rõ rệt, Việt-Cộng đã dụng ý gây ra.

Vì vậy tôi cấp bách kêu gọi thế-giới tự-do và toàn-thể giáo-hội song hành với những cuộc vận-động của Ủy-Hội Quốc-Tế khiến cho một cuộc can-thiệp của 9 cường-quốc trong Hội-nghị Genève buộc phải tôn-trọng lời đã hứa, tôn-trọng một biện-pháp sơ-đẳng về công-lý. »



*Đời sống thanh bình tr...*

Những lời kêu gọi của Ngô Tổng-Thống đã gây ảnh hưởng lớn trên thế-giới và trong nước, đem lại kết-quả mới cho công cuộc di-cư của đồng-bào miền Bắc vào Nam. Đáng lẽ công-cuộc di-cư hết hạn vào ngày 20-5-1955, nhưng sau được triển hạn đến ngày 20-7-1955, đã khiến cho 887.917 đồng-bào Bắc-phần và các tỉnh phía Bắc Trung-phần được thoát ách bạo-tàn của chế-độ độc-tài Cộng-Sản để di-cư vào Nam, sống dưới chế-độ Cộng-Hòa do Ngô Tổng-Thống lãnh đạo. Đồng-bào di-cư đã được Chính-Phủ và nhân-dân miền Nam tự-do hết sức săn-sóc, giúp-đỡ, lại được các nước dân-chủ tự-do trên thế-giới viện-trợ về mọi phương-diện giao-thông chuyên-chở, tiền-bạc, vật-liệu, dụng cụ, thực phẩm v. v...

Công cuộc định cư đã được Chính-phủ Việt-Nam Tự-do đặt thành một vấn đề quan trọng trong chương trình kiến quốc. Nhờ vậy như chúng ta đã biết trong chương trên, trừ một số rất ít đồng bào di-cư thuộc thành phần công tư chức thương gia và công nhân các xí nghiệp tự-động định cư tại các đô-thị, hầu hết đồng bào di-cư, tùy theo nghề nghiệp, đã được định cư tại các trại hợp với khả năng sinh hoạt. Đồng bào được cấp phát nhà ở, vốn liếng, ruộng đất cùng những phương



*một làng định cư bên kênh*

tiện, dụng cụ cần thiết để làm ăn. Ngoài ra, đồng bào còn nhận được những tặng phẩm của các hội thiện trong và ngoài nước giúp. Tuy gọi là trại định-cư nhưng kỳ thực cách tổ chức trại Trung-tâm Định-cư không khác gì việc tổ chức các làng xã mới. Cũng như các làng xã địa phương, các trại, trung tâm định-cư đều có nhà thờ, chùa, trường học, trạm cứu thương, phòng thông tin v.v... Tóm lại, được giúp đỡ đầy đủ về vật chất lại được săn sóc, nâng đỡ về tinh-thần, đồng bào định cư tại khắp các trại đều vui vẻ làm ăn, tạo lập một cuộc sống mới góp sức chống Cộng kiến-quốc.

## KẾT LUẬN

Mặc dù Việt-Cộng ngăn-cản, khủng-bố đàn-áp di-cư và số người phải thiệt-mạng trên đường di-cư tìm tự-do không ít. Tính đến 20-7-1955, tổng số đồng-bào Bắc-phần và phía Bắc Trung-phần lánh nạn Cộng-Sản tự ý di-cư vào miền Nam tự-do lên tới 887.917 người gồm đủ các hạng tuổi thuộc đủ các tôn-giáo và



*Hình ảnh vui tươi của một trại định cư*

thành phần trong xã hội mà đại đa số là thành phần nông dân, lao động. Những người này thực xứng đáng với danh hiệu « chiến-sĩ tự-do » mà đồng-bào miền Nam và nhiều nhà báo ngoại-quốc đã khen tặng họ vì không mấy người ra đi được dễ-dàng. Họ đã phải *chiến-đấu liêu-linh* với Việt-Cộng để thoát khỏi địa ngục đỏ. Nếu không vì ý chí yêu chuộng tự-do và nếu không có đức tin sắt đá vào sự phù-trì của Thượng-đế cũng như nếu thiếu một niềm tin-tưởng vững mạnh vào sức quật-khởi của dân-tộc mà hiện thân là nhà Chí-Sỹ Ngô-Đình-Diệm thì thực không thể thắng nổi những âm-mưu phá di-cư với những thủ-đoạn dã-man trắng-trợn của bọn Việt-



Cộng. Ý chí yêu chuộng Tự-do và tinh thần hy-sinh của đồng bào trong cuộc chiến đấu chống Việt-Cộng trên đường di-cư đã làm cho dư-luận thế-giới vô cùng khen ngợi và hoàn-toàn công nhận tinh chất *tự nguyện, tự động* của phong trào di-cư ở Việt-Nam.

Những âm mưu thâm độc với những hình-thức khủng bố, đàn áp dã man của bọn Việt-Cộng trong việc phá di-cư cũng đã bị công-luận Quốc-tế kịch-liệt phản kháng. Ý chí yêu chuộng tự-do và tinh-thần chiến-đấu của đồng-bào di-cư cũng như những sự dã-man tàn bạo của bọn Việt-Cộng trong chiến-dịch phá di-cư đã được trình bày ở chương IV, ở đây chúng tôi chỉ nói thêm rằng hiện tượng này không riêng gì ở Việt-Nam ta mà là một hiện tượng chung lại các nước bị Cộng-Sản thống trị.

Nhà cầm quyền các nước Cộng-Sản như Nga-Sô, Trung-Cộng, Bắc-Cao, Tiệp-Khắc, Ba-Lan, Lỗ-Ma-Ni, Đông-Đức v. v... luôn luôn ngăn cản và giết hại rất nhiều người muốn thoát-ly nhanh vượt Cộng-Sản, trốn sang các nước dân-chủ tự-do. Tuy nhiên phong trào di-cư tự-nạn vẫn âm-thầm tiếp diễn. Tại các nước tự-do trên thế-giới nhất là tại Mỹ-Quốc đâu đâu cũng có mặt người dân tự-nạn của các nước kể trên. Gần đây, trong tháng 11 năm 1956 đã có hơn 70 ngàn người Hung-Gia-Lợi trốn sang nước Áo nhân cuộc khởi nghĩa của nhân-dân Hung-Gia-Lợi chống lại đế-quốc Nga-Sô. Quân-đội Nga-Sô đã đóng chặt biên giới Áo Hung, hễ thấy một người nào có ý muốn di-cư tự-nạn liền bắn chết tại chỗ. Chính-Phủ bù nhìn JANOS KADAR do Nga-Sô thành lập tại Hung-Gia-Lợi đã ra lệnh bắt giam tất cả những người muốn lánh nạn ra ngoại-quốc.

Như vậy, ở Việt-Nam cũng như ở các nước khác dưới ách Cộng-Sản, mặc dù bè lũ Cộng-Sản khủng-bố, đàn-áp rất dã-man, dân chúng vẫn chờ cơ hội thoát-ly hỏa ngục đỏ và số người di-cư tìm tự-do ngày càng thêm đông.

Những sự kiện trên chứng tỏ rằng phong trào đồng-bào Bắc-phần và phía Bắc Trung-phần Việt-Nam di-cư tìm tự-do cũng như việc nhân-dân các nước Cộng-Sản di-cư tự-nạn sang các nước tự-do là một phong trào hoàn-toàn do *nhân-dân tự nguyện và tự động*. Không hề có sự khuyến dụ, hứa hẹn hay bắt buộc của Việt-Nam Tự-do hoặc của Thế-giới tự-do như bọn Cộng-Sản vu khống. Nếu có sự bắt buộc thì chính là *chế-độ độc-tài, và chính-sách hà khắc dã-man của bọn Cộng-Sản đã buộc dân-chúng phải thoát ly ách thống trị của chúng để tìm đường di-cư tự-nạn*.

Cho đến nay, đồng-bào miền Bắc vẫn lén lút mạo-hiểm di-cư vào Nam tìm tự-do. Ngoài số người vượt tuyến vào Nam khi từng đoàn mười người, 4, 5 chục người mà tháng nào cũng có, vụ khởi nghĩa của đồng-bào Nghệ-An xảy ra hồi tháng 11 năm 1956 mà nguyên nhân cũng chỉ vì tranh-đấu đòi di-cư vào Nam, đã gây mỗi xúc động lớn lao trong các giới nhân-dân Việt-Nam tự-do và làm dư-luận quốc-tế đặc biệt chú ý Cuộc khởi nghĩa của đồng bào Nghệ An đã cùng với những cuộc tranh đấu của đồng bào ở Ba Làng, Lưu Mỹ, Mậu Lâm, Trà Lý v.v. ghi những trang đẫm máu trên lịch sử di cư anh dũng của đồng bào Bắc phần và phía Bắc Trung phần Việt Nam đi tìm tự-do.



*Các quan khách đang xem xét các sản phẩm nông nghiệp của người dân định cư vừa thâu hoạch được*

Đối với đồng bào di-cư, Chính-phủ và nhân dân Việt-Nam Tự-do, dưới sự lãnh đạo của Ngô Tổng-Thống, và với sự giúp đỡ nhiệt thành của các nước dân chủ bạn đã to lắng cho đồng bào có đủ phương tiện, điều kiện cần thiết để tạo lập cuộc đời mới đang theo đuổi mục-dịch chiến-đấu chống Cộng. Những thành tích đẹp đẽ trong công cuộc tiếp-cư, định-cư và cứu trợ đồng-bào di cư đã là bằng chứng cụ thể. Hiện nay tại khắp các trại, đời sống vật chất của đồng-bào đã được đảm bảo chắc chắn, đang tiến dần đến chỗ sung túc, dư dật.

Về tinh thần, đồng bào thành thoi vui sống trong Tự-do và Dân chủ.

Trong sự no-ấm Tự-do và Dân-chủ, đồng-bào di-cư đang cố gắng xây-dựng cuộc đời mới ngày thêm sung túc, đồng thời cùng với đồng-bào miền Nam đoàn kết chống Cộng, kiến thiết nước nhà ngày thêm phú cường.



*Ngoài việc đồng áng, người dân định cư này còn làm cối xay bán*

Theo dõi sự diễn tiến của phong trào di-cư với những tính chất đặc-biệt « tự nguyện » và « tự động » của nó cùng với tinh thần tranh đấu đòi di-cư của những người đã di-cư vào được miền Nam cũng như của những người còn mắc kẹt ngoài vùng Việt-Cộng nhưng vẫn nuôi ý chí thoát ly ách Cộng-sản, di-cư tìm tự-do, và nhất là qua những thành tích đẹp-đẽ của công cuộc định-cư cho non triệu người tỵ nạn Cộng-sản, chúng ta càng phần khởi vui mừng bao nhiêu thì lại càng ai ngại cho số phận những người bị Việt-Cộng bắt buộc hay ngày thơ nghe lời chúng dụ dỗ tập kết ra Bắc bấy nhiêu.

Nhưng cũng may ngoài trừ số binh lính của Việt-Cộng, số thường dân tập kết ra Bắc chỉ vồn vөн hơn bốn ngàn người. Và ngoài số người này ra, từ sau ngày hết hạn tập kết đến nay, không một người nào tập kết ra Bắc nữa. Tất cả số hơn bốn nghìn người này, khác hẳn với khối non một triệu người di-cư, không những không hề bị Chính quyền Việt-Nam Tự-do ngăn cản hay làm khó-đẽ lại được giúp đỡ việc chuyên chở và mọi phương tiện cần thiết cùng được mọi sự dễ dàng để tập kết ra Bắc, thật đúng như lời Ngô Tổng-Thống đã tuyên bố: « Mặc dù không ký và cũng không chấp thuận hiệp định Genève, nhưng đến nay, để tỏ ý muốn hòa-bình, nước Việt-Nam Tự-do vẫn đã theo đúng các điều khoản mà mình không ký kết, thì Việt-Cộng lại vi phạm trắng trợn những thỏa hiệp mà họ nêu ra... »

Nhưng vừa rời khỏi miền Tự do, ra đến vùng Việt Cộng, tất cả như đã bước sang một thế-giới khác hẳn, Việt-Cộng không đặt thành vấn đề giúp đỡ đồng-bào tập-kết. Dĩ nhiên đối với vấn đề này, các nước bạn Trung-Hoa và Nga-Sô « Vĩ-Đại » của bọn Việt-Cộng cũng không giúp đỡ một chút gì. Vì vậy, đồng bào tập-kết không hề nhận được một chút quà ủng hộ của một cơ quan, đoàn thể nào. Họ phải nai lưng làm lụng vất vả tại các công-trường để tối ngày lĩnh một số gạo tẻ lao không đủ no, không có tiền mua đồ ăn. Quần-áo thiếu thốn



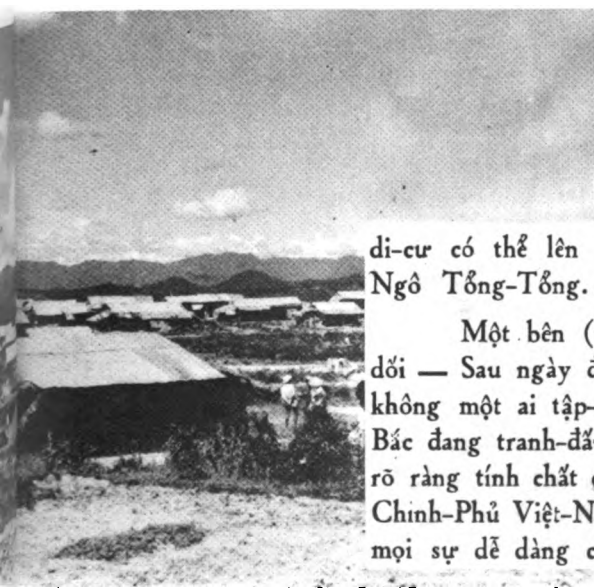
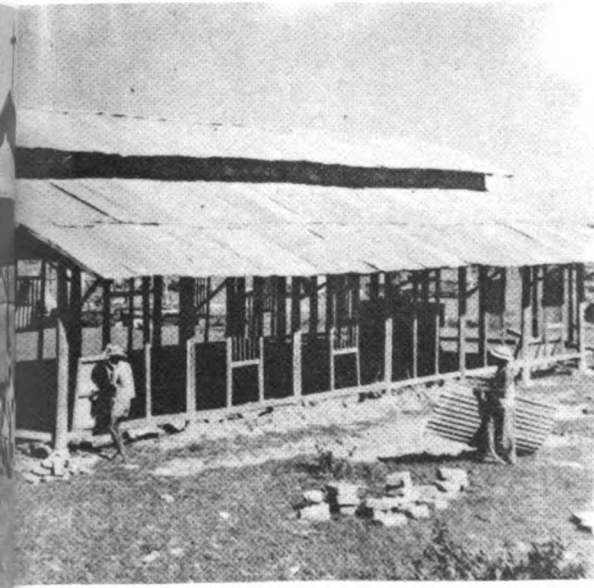
*Định cư, người dân nghĩ ngay đến việc xây dựng nhà thờ*



*Chợ búa đã sầm uất*



*Quang cảnh một làng định cư ở Trung Phần*



không đủ để chống lại cái rét cắt da của miền thượng-du Bắc-phần. Đã thế, đồng-bào tập-kết luôn luôn bị công-an Việt-Cộng rình mò theo dõi từng hành vi, cử chỉ nhỏ nhặt. Tóm lại, trong sự đói rét, cực khổ, đồng bào tập kết sống một đời hoàn toàn nô lệ cho chính quyền Cộng-Sản. Họ bị bóc-lột đủ mọi mặt. Nếu có thái độ phản kháng liền bị đàn áp dữ-dội. Vì vậy, đồng bào tập-kết, nhiều người đã mạo hiểm trốn về miền Nam Tự-do và hiện nay phong trào ấy đang âm-thầm tiếp diễn mặc dù Việt-Cộng hết sức ngăn cản đàn áp.

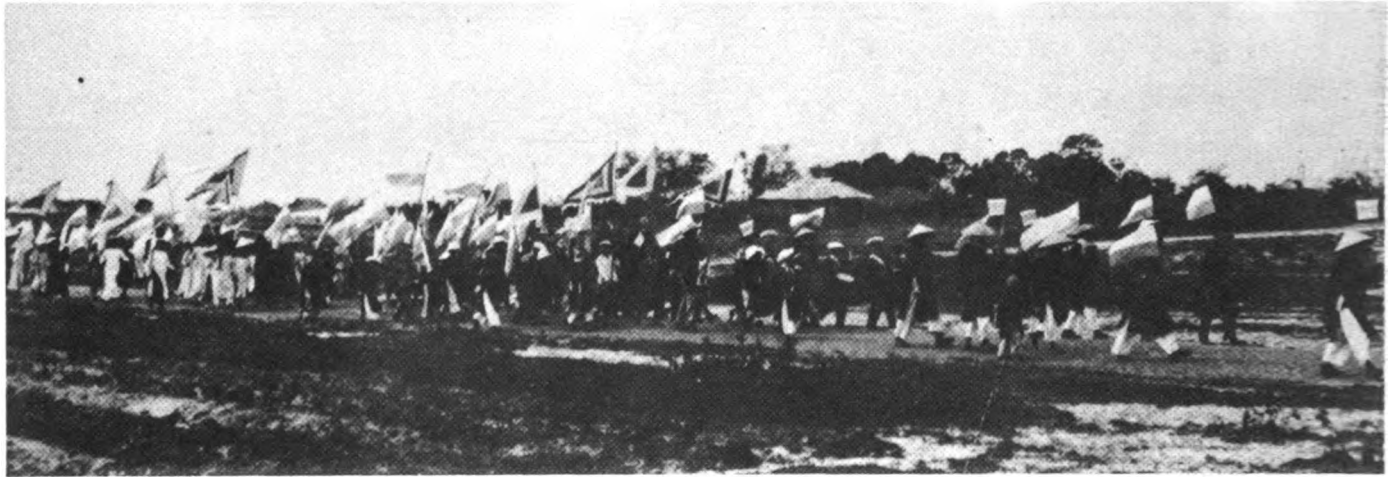
So sánh phong trào di-cư của nhân-dân Bắc-phần và phía Bắc Trung - phần vào Nam tự - nạn Cộng-Sản với việc tập kết ra Bắc của Việt-Cộng ai cũng nhận thấy:

Một bên (phong trào di-cư vào Nam) là một phong trào hoàn toàn do nhân-dân, tự nguyện tự-động. Tinh-thần hy-sinh chiến-đấu của đồng-bào trên đường di-cư và tính chất sâu rộng bền bỉ của phong trào đã chứng tỏ điều này. Chính-Phủ Việt-Nam tự-do không hề bắt buộc đồng-bào di-cư như Việt-Cộng đã vu khống. Nếu Việt-Cộng không

ngăn cản, đàn áp thì tổng số đồng-bào

di-cư có thể lên tới hơn ba triệu người đúng như sự ước lượng của Ngô Tổng-Tổng.

Một bên (việc tập kết ra Bắc) là kết quả của sự cưỡng bách, lừa dối — Sau ngày đoàn quân cuối cùng của Việt-Cộng rời khỏi miền Nam, không một ai tập-kết ra Bắc nữa. Hơn thế, hiện nay đồng-bào tập-kết ra Bắc đang tranh-đấu đòi trở về miền Nam tự-do. Những điều này chứng tỏ rõ ràng tính chất cưỡng bách, bịp bợm trong việc tập-kết của Việt-Cộng — Chính-Phủ Việt-Nam Tự-do đã giúp đỡ phương tiện chuyên chở và dành mọi sự dễ dàng cho những đồng-bào tập-kết ra Bắc.



*Một đám rube trong trại định cư*

Còn về đời sống của đồng-bào di-cư tại miền Nam và đời sống của đồng-bào tập-kết tại miền Bắc, nếu đem so sánh, thì rõ ràng là hai thái cực :

Đồng-bào di-cư nhờ sự săn sóc chu đáo của Chính-quyền và nhân-dân Việt-Nam Tự-do và sự ủng hộ nhiệt thành của các nước dân-chủ bạn đang vui vẻ, làm ăn. Đồng-bào di-cư không hề phải đóng góp một thứ thuế gì. Đời sống đã no đủ đang tiến dần đến mức rồi rào dư dật. Đã no ấm về vật chất, đồng-bào di-cư lại được nâng đỡ về tinh-thần và được hưởng mọi quyền tự-do dân-chủ thực sự, điều không thể có được tại quê nhà dưới ách thống trị của bọn Cộng-Sản, đồng-bào càng thêm phấn khởi. Và trong sự no ấm, tự-do và dân-chủ mọi sinh hoạt của đồng-bào di-cư đang hòa nhịp với những sinh-hoạt chung của đồng-bào miền Nam để cùng cố gắng kiến quốc, ngăn cản sự lan tràn của làng sồng đỏ.

Trái lại đồng-bào tập-kết ra Bắc sống một đời vô cùng bi thảm. Đã không được giúp đỡ lại bị bóc lột đến tận cùng sức lao-động và hết thảy mọi khả năng sinh-hoạt. Đã đói rét về vật chất lại bị đàn áp tứ.túng về tinh-thần, đồng-bào đang tranh đấu đòi trở về miền Nam tự-do.

Những sự thực trên đã khiến cho độc giả có một ý niệm rõ rệt về phong-trào di-cư cùng đời sống của đồng-bào di-cư tại miền Nam và việc tập-kết ra Bắc của Việt-Cộng cùng đời sống của đồng-bào tập-kết tại miền Bắc. Gia dĩ sự hơn kém giữa con số non một triệu người di-cư vào Nam tìm tự-do và con số không đầy năm ngàn người tập-kết ra Bắc và sự chênh lệch quá rõ rệt về đời sống của đồng-bào di-cư vào Nam và đồng-bào tập-kết ra Bắc càng làm cho mọi người có thể có một nhận định chân xác hơn nữa. Và đầu là tự-do dân-chủ, đầu là độc-tài áp bức, đầu là thiên đường, đầu là địa-ngục tưởng khỏi nói ai cũng biết rõ.

# CUỘC DI-CƯ LỊCH-SỬ TẠI VIỆT-NAM

## CHƯƠNG IX

### KẾT LUẬN

#### I — Ý NGHĨA VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG TRÀO DI-CƯ

**C**ÔNG CUỘC di-cư và định-cư đồng-bào miền Bắc đi tìm tự-do đã được hai năm. Hai năm qua, ngoảnh lại như vừa mới ngày nào, nhưng biết bao nhiêu biến chuyển đã dồn dập xảy đến trên trang sử đấu tranh của dân tộc. Cả một dĩ-vãng, tối tăm, đọa đày đã nhường bước cho một kỷ nguyên dân chủ, công bình và nhân đạo.

Người dân Việt đã và đang viết những trang sách thành tích đầy oanh liệt của mình. An nhịp với đà diễn tiến thắng lợi của toàn dân, đồng-bào di-cư ngày nay cũng đang cần cù, nhẫn-nại tự lực mưu sinh, tái lập lại sự-nghiệp. Trên những cánh đồng bát ngát, bàn tay người nông dân miền Bắc đang bỏ mạnh như những nhát cuốc để vỡ đất làm màu. Trong xí-nghiệp, người thợ di-cư sát cánh bên anh bạn công nhân miền Nam phát triển sản xuất để phục hoạt kinh-tế quốc dân. Khắp các địa hạt quân sự, chính-trị, văn-hóa, xã-hội, kinh-tế không thiếu sự tham gia đắc lực của đồng-bào di-cư.

Một không khí tung bừng phấn khởi rào rạt sự tin yêu ; thông cảm giữa đồng-bào địa-phương và đồng-bào di-cư đang tạo nên cho miền Nam anh dũng một bộ mặt mới. Bộ mặt ấy đúng như lời phẩm bình của Phó Tổng-Thống Hoa-Kỳ, Richard Nixon, phát biểu trong dịp qua thăm Việt-Nam tự-do nhân lễ Song Thất vừa qua : « Ở mọi nơi, một sự hân hoan, tin tưởng biểu lộ một cách rõ rệt khiến cho tôi có thể nói rằng miền Nam đã trưởng thành mạnh mẽ, và nếu như xảy ra một cuộc xâm lăng thì sự thất bại hiển nhiên về phía bọn gây chiến».

Đại tướng Collins, nguyên đặc sứ của Tổng-Thống Eisenhower bên cạnh của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm cũng đã nói một câu tương tự : « Nếu được khuyến khích dân Việt-Nam sẽ khiêu chiến với Cộng-Sản».

Cảm tưởng của hai chính khách Hoa-Kỳ phải chăng đã bộc lộ một sự thật là Việt-Nam ngày nay đã hoàn-toàn đổi khác. Từ một địa vị lệ thuộc ngoại bang, từ một nơi mà hoạt-động của Cộng-Sản làm mưa gió ghè gớm khiến cho dư luận quốc-tế đã tỏ ra vô cùng bi quan như vào đầu năm 1954. Mới hai năm, tình thế đã hoàn toàn soay chuyển, người Việt-Nam đã bước những bước khổng lồ, đã vận dụng ngón thần của mình để tự cứu và tự cường, phải chăng là một điều lạ lùng bí ẩn ?

Ý kiến của một quan sát viên ngoại quốc đã nói rất đúng khi ông phẩm bình về những tiến-triển của tình hình Việt-Nam tự-do : « Sở dĩ Việt-Nam tiến bộ nhanh chóng là vì tinh thần Quốc-Gia đã được phát triển đến cực độ».

Chính tinh thần đó đã là một động lực để dân-tộc ta giành lại nền Độc-Lập bao năm bị mất và phải chăng chính tinh thần đó khiến cho dân tộc ta không thể nào thỏa hiệp chung sống với chế độ Cộng-Sản nên đã gây ra một sự kiện phi thường xưa nay chưa từng có trong lịch-sử lập quốc đó là công cuộc di-cư và định-cư cho một triệu con người thoát họa độc tài Cộng-Sản.

Công cuộc di-cư, tự nó đã có một ý nghĩa đặc biệt, chúng ta sẽ xét đến ở những trang dưới đây :

*1) Công cuộc di-cư đã vạch trần những tội ác của Cộng-Sản, đó là ý nghĩa thứ nhất.*

Thật vậy, không phải chỉ riêng ở Việt-Nam mới có phong trào di-cư từ sau khi bọn Việt-Minh lộ nguyên hình là tay sai cho Nga Tàu, mà trên thế giới, bất kỳ ở nơi nào có chế độ độc tài đảng trị tàn nhẫn của Cộng Sản, ở đó dân chúng đã phải ra đi. Những cuộc phiêu lưu thoát hiểm ấy vừa rùng rợn vừa hết sức thương tâm. Những người chạy trốn Cộng Sản ấy đã liều thân ra đi nhiều nhất là mang theo một cái khăn gói. Họ và đàn con mệ nhỏ nhọc lê gót ra đi không cần biết phương hướng nào sẽ đi tới và dân cư ở đó phong tục, ngôn ngữ, sinh hoạt ra sao. Họ chỉ có một nguyện vọng duy nhất là mau mau thoát khỏi vùng Cộng-Sản. Thế thôi ! Công cuộc di-cư ấy đúng hơn, là một cuộc chạy trốn mà con người đã quá ê chề vì đau khổ, áp bức đã liều mạng, bất chấp mọi khó nguy bởi vì họ đã nghĩ rằng có ở lại chịu nép mình dưới nanh vuốt của loài quỷ dữ cũng chỉ là kéo dài một kiếp sống tội đời, mọi rợ chi bằng họ quả quyết « chọc thủng biên giới » khác nào một kẻ đánh bạc « một liều ba bẩy cũng liều », « được ăn cả, ngã về không » là hơn. Nhưng than ôi ! những con người quyết tử ấy ít khi trốn thoát được vòng đai sắt của bọn Cộng-Sản. Bởi vì cũng như ở Nga Xô, các nước chư hầu đều áp dụng những biện pháp bố phòng hết sức nghiêm mật, nào quân đội biên phòng đi tuần từng nhóm 2 hay 3 người một ở các vòng đai trắng trắng giữa các biên giới, thêm vào đó, nào các chòi canh gác mọc như nấm, các



ổ súng máy sẵn sàng khạc đạn, các bẫy chó săn rất thính mũi và tinh tai, cùng là các hàng rào dây thép gai có điện chạy qua. Tất cả những công cụ ấy cốt để ngăn cản, kìm chân dân chúng, ấy là chưa kể dưới chính thể Cộng-Sản với phương pháp cảnh chế vô cùng gắt gao, trăm vạn tai mắt luôn luôn bao quanh người dân, thì hỏi mấy ai đã thoát nổi mắt lưới của Công-an trinh-sát, chó săn của bọn chúng ?

Tuy nhiên, vẫn có lắm người Nga từ miền đông lén lút thoát sang miền Tây-Đức, cửa ngõ của thế giới tự-do và hàng ngày, ở các nước Đông Âu không phải là không có những con người đau khổ tìm được may mắn đón lấy ánh sáng của Tự-do và Nhân-đạo. Số dân chúng tỵ-nạn Cộng-Sản mỗi ngày một tăng, cũng đủ là một lời luận tội đanh thép đối với những tuyên truyền khoác-láo về đời sống thần tiên ở vùng Cộng-Dân thống trị vậy.

Ông Nutting, thứ trưởng Bộ Ngoại-Giao Anh, đã tuyên bố ngày 12 tháng 3 năm 1952 rằng : « Hàng tháng chừng 340 người tỵ-nạn từ những nước chư hầu của Nga đã tới Tây-Âu , bắt chắp những biện pháp ngăn ngừa ».

Tin tức trong tháng 9 dương lịch 1956 vừa đây cũng đã tiết lộ « chỉ nội trong một tuần lễ từ 12 đến 18-8-1956 đã có tới 6.110 người Đông-Đức trốn khỏi xiềng xích Cộng-Sản để chạy sang Tây Đức ». Bản tin cũng nói thêm : « trong một tuần trước nữa có tới 5.993 người đi tìm tự-do. Phần đông họ đều là những thanh niên đang ở tuổi quân dịch ».

Ngày nay, những vụ trốn tránh từ Đông sang Tây-Đức đã trở thành một cuộc di dân. Ủy-ban xã-hội Thượng-nghị-viện Đức ước định rằng từ tháng giêng năm 1949 đến tháng 7-1952, chừng 228.500 người tỵ-nạn đã trốn thoát vùng Nga-sô kiểm-soát để tới Tây Bá-Linh. Họ đã chiếm 1/9 dân số miền này. Càng ngày con số người tỵ-nạn càng tăng rất mau, tất nhiên không thể tránh được là một cuộc chạy trốn hỗn loạn. Đặc điểm chính của cuộc di-trú từ Đông-Đức là tỷ số rất cao về thanh niên và nhân viên cảnh-sát. Họ đều tránh cái nạn phải đổ máu hy-sinh vô ích mt khi bị Cộng-Sản bắt bực nhập ngũ. Năm 1951, hơn 1.500



*Một cuộc mít-tinh trong trại định cư*

cảnh sát viên Đông-Đức đào ngũ trong tháng giêng, nhiều người đã thuật lại và không ngớt lời than phiền phải theo những lớp binh bị khố nhọc, những lớp chính trị nhồi sọ rở tiền và nhất là đời sống vô cùng thiếu thốn khổ cực.

Vấn đề tỵ-nạn đã đặt ra trước chính quyền Tây-Đức buộc phải tổ chức tới 45 trại di-cư để trợ giúp những người thoát hiểm.

Ngoài ra, ở khắp các nước chư hầu Cộng-sản đâu đâu cũng có cảnh dân chúng bỏ trốn chạy ảnh hưởng khốc liệt của chế độ độc tài.

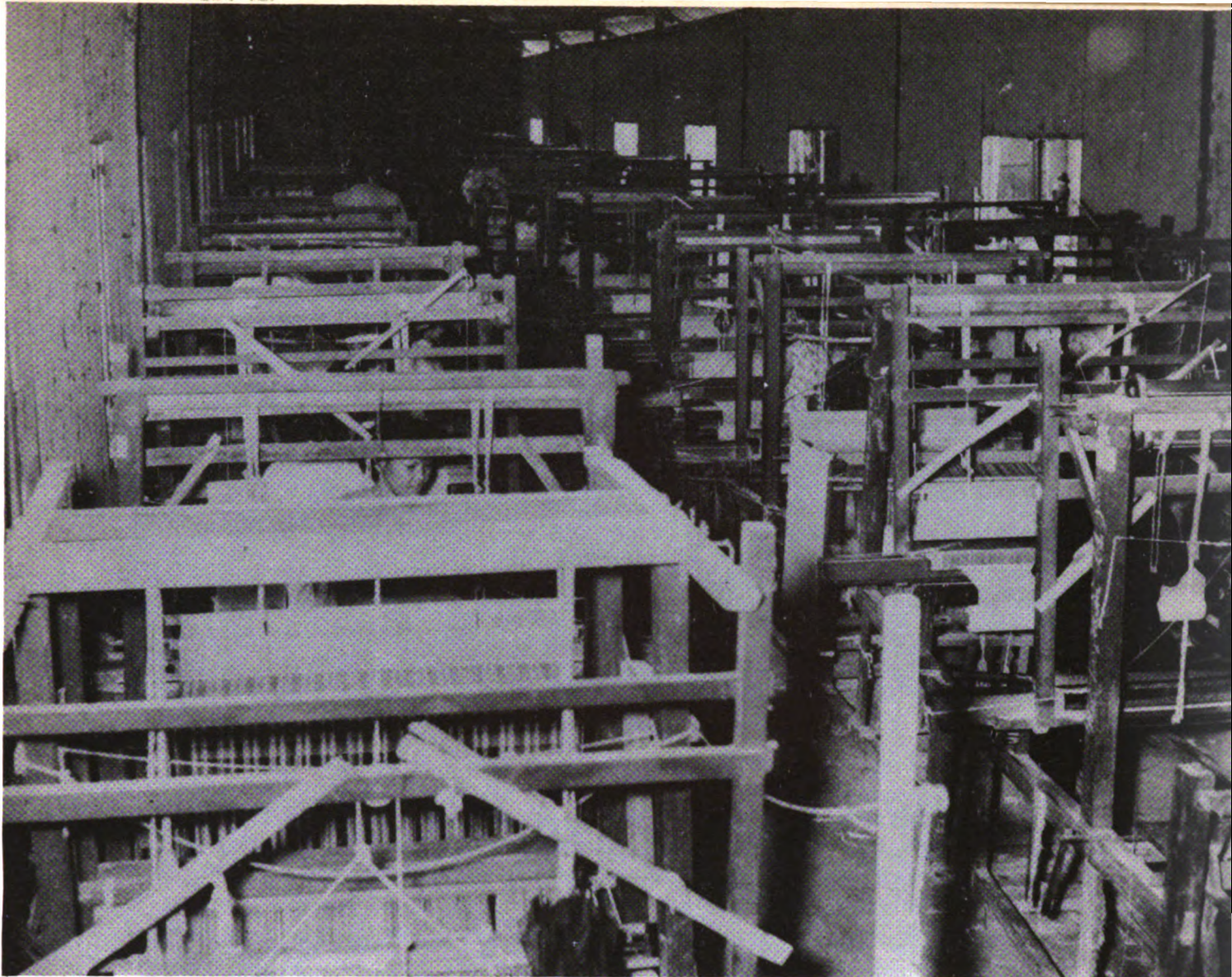
Những người tỵ-nạn đã dùng đủ mọi phương tiện có thể để di-cư như là giày trượt tuyết, xe máy, xe chở hàng, xe lội nước, máy bay để vượt tuyến.

Năm 1951, 34 người dân Tiệp-Khắc đã dùng một chiếc đầu tàu xe lửa để đi tìm tự-do. Nếu tính từ năm 1948 tới nay đã có trên 50.000 người trốn khỏi Tiệp-Khắc, trong đó có 150 nhân viên ngoại giao từ chức phó lãnh sự trở lên. Nhân vật lừng danh nhất là bác-sỹ B.G. Kratochvil, đại-sứ Tiệp ở Ấn-Độ đã đào nhiệm trong năm 1951 và ông tuyên bố rằng « đã đến giai đoạn tuyệt-vọng của những người có não tự-do muốn sống cạnh Cộng sản mà không thể nào được. » Tháng 4 năm 1952, một người thợ may trẻ tuổi cùng đi bộ với vợ đã tới Áo quốc đồng thời với nhiều thể thao gia trong đó có Karel Douba, tuyển thủ bóng bàn hữu danh. Họ đều ghê sợ và cho hay Tiệp-Khắc đã biến thành « một trại tập trung khổng-lồ. » Và đó là lý do khiến họ phải ly hương.

Trong 4 năm, Hung-gia-lợi có tới 1.038 người dân ra đi tìm tự-do, tuy rằng con số này so với thực tế đã khác nhau xa. Tuy nhiên, căn cứ ở báo chí Nam-Tur (một nước Cộng-Sản ly khai với tổ-chức Komminform) thì trong 8 tháng đầu 1951 có chừng 858 nhân viên đội biên phòng Hung trốn sang Nam-Tur và Áo Nhân vật tỵ-nạn quan trọng nhất trong hai năm 1949 và 1950 của Hung là Gabor Peter, trưởng ban Cảnh-sát chánh-trị Hung, và Laszlo Timar, nhà lãnh tụ Cộng-Sản đã đề thảo những biện pháp quốc-hữu hóa kỹ-nghệ Hung, mà cũng là Tổng giám-đốc một mỏ than của Chánh-Phủ.

Nước Balan, mà cuộc khởi nghĩa chống Cộng của công-nhân nhà máy Sít-ta-lin ở Poznan vừa đây làm chấn động dư luận quốc-tế, cũng có nhiều vụ điển hình đáng để chúng ta chú ý ! Từ năm 1949 đến nay, có 30 nhà ngoại giao, 24 nhân viên các phái đoàn thương mại, 9 đại biểu đi dự đại-hội thanh-niên dân-chủ Quốc-tế (Cộng-Sản) ở Bá-Linh năm 1951, 12 thủy thủ chiếc tàu vớt mìn Ystad lại vào hải cảng Thụy điển yêu cầu được hưởng quy chế tỵ-nạn (tháng 8 năm 1951). Tháng 10-1951, 4 thủy thủ một chiếc tàu đánh cá đã đoạt quyền điều khiển và lái thẳng vào bến Thụy-điển trong trường hợp họ đang vắn nghe tin tức của các đài Anh Mỹ bị sĩ-quan ủy-viên chánh-trị trên tàu bắt gặp. Cũng hồi tháng 6-1951, người ta tìm thấy 2 thanh niên Ba-lan trốn trong đuôi một chiếc phi-cơ chở khách tới Ba-Lê. Ngoài ra, gần đây, một tin làm vang dội âm hưởng mạnh nhất là tin 1 Trung-úy Ba-lan, mới 21 tuổi, đã lái một chiếc phi cơ khu trục Mig mà 15 Nga-Sô giữ rất bí mật hạ xuống đảo Boruholm Đan mạch để đi tìm tự-do vào hồi tháng 3 dương lịch vừa đây.

Thêm vào đó, phải kể đến con số 7.000 người tỵ-nạn từ giữa năm 1948 đến tháng 3-1952 xuất phát từ Đông-Âu đến xin trú ngụ ở Nam-Tur, đã được tăng lên đều đều trong số đó có 3.500 người từ Albanie, 1.083 người từ Bảo-Gia-Lợi và 1.310 từ Roumanie. Câu chuyện đáng kể nhất trong số những người dân Lỗ tỵ-nạn là cuộc bay đi tìm tự-do của 5 sĩ-quan và hạ sĩ quan trong không lực Lỗ, họ bay từ phi trường Brasoy



*Ngành dệt đem lại sự sung túc cho nhiều bạn thợ di-cư*

tới Nam-tư. Tất cả phát giác rằng Nga sô đã chiếm cứ nhiều phi trường ở Lỗ và cấm người Lỗ không được vào những nơi đó, có một sự phân chia giai cấp rõ rệt giữa các phi công Nga và Lỗ, lương bổng của người Nga gấp 10 lương bổng phi công người Lỗ.

Những người tỵ-nạn đều đưa ra những lý do này : hoặc vì thực phẩm thiếu thốn, hoặc vì chế độ cưỡng bách gia nhập các nông trường tập thể và hoặc vì Nga sô đã hiển nhiên thuộc địa hóa nước họ.

Gần bên Việt-Nam, từ ngày chính sách họ Mao nô dịch hóa lục địa Trung-Hoa, đã biết bao nhiêu người căm phẫn moi ruột để quyền sinh, một số nhỏ đã lên lút thoát ra nước ngoài qua lối Hương-Cảng hay vượt bằng đường biển.

Đầu năm nay, một gia-đình dân chài ở Trung-Cộng đã lênh đênh trên biển cả và cập bến Quảng-Trị xin Chánh-Phủ ta cho hưởng quy chế tỵ-nạn. Phải chăng đã nói rõ những cái gì ghê rợn ở phía bên kia một nước láng giềng, vốn xưa đã có một nền văn hóa tiến triển ở phương Đông ?

« Suy người lại nghĩ đến ta ».

Tất cả những người thuộc các quốc gia nô lệ cho Đệ-tam Quốc-tế nói trên, đều là những kẻ tử thù của chế-độ Cộng-Sản, họ đều gặp nhau chung một mục đích. Họ là những người tỵ-nạn. Họ là những kẻ ra đi tìm tự-do. Nhưng họ thuộc vào thành phần nào của xã-hội.



*Người dân định cư là sở hữu chủ thừa ruộng mình cấy cấy.*

Phải chăng họ là những kẻ thù của giai-cấp công nông, những kẻ trục-lợi, những quân ăn bám, những trưởng-giả phong-lưu, tư-bản đế-quốc, những ác bá, cường-hào, quan-liêu, đại địa-chủ v.v... mà bộ máy tuyên-truyền của chủ-nghĩa Cộng-sản đã tố-giác không ?

Thật ra, ít người có nhiều tiền bạc. Họ đều đa số là những người mà bất kỳ dưới chính-thể nào cũng đáng được hưởng nhiều quyền-lợi mới phải : họ là những nông-dân quần quật nhọc nhằn làm việc trong các nông-trường của Chánh-quyền Cộng-sản, các thương-gia, kỹ-nghệ-gia ngày nay đã thấy mình trở thành những tên nô-lệ của nền kỹ-nghệ.

Còn những đồng-bào di-cư miền Bắc chúng ta ?

Có phải rằng non một triệu con người ấy là những « địa-chủ ngoan-cổ » là những « Việt-gian phản-động » là những « trùm tư-bản thực-dân » đi theo Tây bán nước như Việt-Cộng vẫn « loa » một cách vô căn cứ không.

Nếu những ai theo rồi bước chân đồng-bào Bắc-Việt di-cư khi họ bước xuống sân bay hay trên bến tàu Catinat để rồi có nhiều người không dấu khỏi ngạc nhiên, vừa chua xót thương hại vừa không khỏi buồn cười khi thấy phần nhiều đồ đạc của họ không ngoài vài cái tay nải, hoặc 1 đôi quang gánh, lại thêm có người ôm trên tay con mèo nhỏ bé hay con chó ngoan ngoan, thấy như vậy rồi chẳng còn ai không ghê tởm cho giọng lưỡi tuyên truyền bịp bợm của phe lũ Cộng-Sản là điều ngoa, xảo trá gian dối.

Thiết tưởng rằng chẳng còn ai lạ gì thành phần đông đảo của đồng-bào di-cư tỵ-nạn. Họ chiếm tới 96% là những bản cổ nông, những trung nông. Vậy thì hỏi rằng họ tư-bản ở chỗ nào và tiền bạc ở đâu mà họ phải « chạy của » ?

Phần đông họ là những người dân lương thiện làm ăn, và ở vào lúc mà cuộc kháng chiến của dân tộc còn đẹp đẽ lúc mà Việt - Cộng chưa lợi dụng biến thành cuộc chiến tranh giai cấp phục vụ Đảng, thì họ là những kẻ đã có gan chống xâm lăng tảo bạo và kiên quyết nhất. Trong số đó, biết bao người đã từng vào tù ra khám, biết bao người thương tích còn in dấu trên ngực, trên vai. Vậy hỏi rằng « họ theo Tây hay đánh Tây » ? Họ Việt-Gian hay yêu nước ?

Nói khác đi, một sự thực không thể chối cãi được là đồng-bào di-cư phần đông đều túng nghèo, trừ một số ít dần chúng sinh sống ở đô thị bởi lẽ rằng hoặc vì họ là nông dân mà tài sản là ruộng đất, thóc lúa, nông cụ, trâu bò không chuyển mãi hoặc mang theo được, hoặc vì họ đã bị Việt-Cộng vơ vét chặn đường bóc lột hết (như những vụ xảy ra trên đường xe lửa Hà-Nội Hải-Phòng ở ga Phạm-Xá) hoặc vì họ đã thí nghiệm sống chung ít tháng với nguy quyền Việt-Cộng và cuối cùng là bị chúng tước hết tiền nông qua các kỳ thu thuế v.v...

Ấy thế mà nghèo họ vẫn phải ra đi.

Như vậy cũng đủ để cho mọi người hiểu rõ rằng bất kỳ Đông hay Tây, ở đâu có Cộng-Sản là ở đó có tội ác, có áp bức, có bóc lột và lý do chính của công cuộc di-cư, của sự trốn thoát vùng nguy quyền vẫn là vấn đề Cộng-Sản tàn ác quá sức.

Công cuộc di-cư ở Việt-Nam mà đặc tính của nó đã được ký giả báo Figaro diễn tả là sự vùng dậy của 1 lớp người đầy đủ nhận thức, trầm tĩnh, tuyệt nhiên không vì hoảng sợ mà trái lại đã được suy xét cân nhắc kỹ càng, bỏ cái xấu, chọn cái tốt, công cuộc di-cư ấy vĩ đại nhất trong lịch sử cận kim, sau công cuộc di-cư Hồi-quốc—Ấn-Độ. Như vậy ta cũng thấy rõ tính cách cá biệt của công cuộc di-cư ở nước ta nó khác các cuộc di-cư tị-nạn ở các nước Đông Âu nhiều.

Tuy nhiên về tính chất chung, các cuộc di-cư đã kể trên cũng không xa lạ gì với công cuộc di-cư ở nước ta, nó làm nổi bật lên một nhận thức, nó bao hàm một ý nghĩa là những tâm hồn đọa đày, ê chề vì Cộng-Sản ra đi như vậy tức là vạch trần bộ mặt giả dối gian ác của Cộng-Sản, nó lên án chế độ ấy độc tài, phản lại quyền lợi dân tộc, chà đạp lên con người. Dưới đây, chúng ta sẽ xét thêm ý nghĩa của công cuộc di-cư Việt-Nam vừa đây, tức là đi vào phần đặc chất của tinh thần dân tộc ta, dưới đề mục :

2) *Công cuộc di-cư đã biểu dương lòng khao khát tự-do của dân ta, kết quả của truyền thống đấu tranh anh dũng. Đó là ý nghĩa thứ hai.*

Trong lời hiệu triệu quốc dân di-cư ngày 30-7-1954, Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã nói : « Đồng-bào những vùng tạm bị đặt vào bàn tay Cộng-Sản, họ sẽ chẳng ở lại để chịu một sự giam cầm tâm hồn và thể xác... đồng-bào sẽ về vùng Quốc-Gia là nơi đồng-bào sẽ tìm thấy tự-do và ấm no, nguyện vọng tha thiết nhất của đồng-bào ».

Ở một đoạn khác, Tổng-Thống nói thêm : « Mặc dầu những luận điệu tuyên truyền mơn trớn, đồng-bào không còn lạ gì những sự tàn khốc của chế-độ độc tài Cộng-Sản. Hết mọi tầng lớp nhân dân kể cả anh chị em lao động, sẽ bị áp bức để làm vật hy sinh cho một chủ nghĩa vô nghĩa vô nhân đạo và một mục tiêu chính-trị tàn nhẫn ».

Thật vậy, qua những năm Việt-Cộng núp dưới chiêu bài tranh đấu giải phóng dân tộc, chúng đã hành hạ áp bức người dân vùng chúng thống trị một cách cực kỳ tàn nhẫn, để đạt mục đích cuối cùng là nô lệ hóa dân tộc Việt-Nam, để bản cùng hóa dân chúng Việt-Nam. Người dân sống dưới nanh vuốt của chúng đã cực kỳ ê chề, đau đớn không sao tả xiết được. Trong thời gian ấy đã biết bao nhiêu lần dân chúng căm phẫn vùng lên ; như những cuộc phá hoại kho thóc thuế Nông nghiệp ở Liên khu Việt-Bắc, những cuộc nổi loạn của các dòng « lang đạo » ở Hòa-bình và Thanh-Hóa, những cuộc nhân dân Công giáo Bùi-Chu Phát-Diệm võ trang khởi nghĩa chống nguy quyền Việt-Cộng, ngoài ra ở Hưng-Yên (Nghệ-An) Xã đoàn và suốt các tỉnh thuộc Liên khu 4 (Việt-Cộng) đâu đâu cũng có



*Một làng ngư-nghiệp ở ven sông*

Từ những miền rừng núi âm-u, từ những hầm hố trong chốn bùn lầy nước đọng, ngọn cờ máu của Việt-Minh Cộng-Sản đã được dịp công khai phe-phẩy dưới bầu trời tang tóc của miền Bắc sau những cuộc hành quân triệt thoái của binh đội phe đối chiến. Đi sau những đoàn quân mũ lá dếp Bình Trị Thiên, ốm o vì sốt rét rừng và thiếu thốn vì những viên thái-thú Tàu kiểu mới đội danh nghĩa « Cổ-văn Trung-Hoa vĩ-đại » được ngụy trang y phục kiểu cán bộ Việt - Cộng, mũ « xanh-ga-bo », áo kaki Nam-Định 4 túi, lưng đeo xà-cột, vai quàng ruột tượng gạo, chân đi dếp cao su đen làm bằng lớp ô-tô hỏng. Bọn người đó đột nhập các thành phố, chiếm đóng những thị trấn và những vùng đồng bằng Bắc-Việt sau khi Chính-quyền Quốc-gia tôn trọng hiệp định đã ra đi. Từ lúc đó, một không khí mới, một biến cố quan trọng đã xảy đến cho đời sống người dân bởi vì họ đã phải chuyển sang một chế độ khác, cái chế độ đã làm hoen ố nền văn minh của nhân loại : Chế độ Cộng-Sản.



những tổ chức Liên-tôn diệt Cộng bạo gồm các thành - phần xã - hội và các đoàn-thể tôn giáo tập hợp võ trang chống Cộng. Song le những cuộc vùng dậy ấy đều đã bị Việt-Cộng nhận chìm trong những vụ khủng bố trắng trợn.

Người dân đau khổ đành nuôi chí căm hờn, chờ đợi cơ hội và nhân nhượng kéo dài những ngày tăm tối đón đợi ánh sáng sẽ đến. Hy vọng duy nhất của những người dân sống trong vùng kiểm-soát của Cộng-Sản là tìm việc thoát ly chế độ độc tài hà khắc. Không một ngày nào không có đoàn người dân từ vùng Việt-Cộng trở về dưới bóng cờ Quốc - gia. Đó là thực trạng trong những năm tao loạn vừa qua trên trang sử ảm đạm của dân-tộc. Tuy nhiên, những sự «trở về» ấy vẫn chỉ là những hành động lẻ tẻ, chưa diễn biến thành một phong trào rộng lớn, mạnh mẽ, mãi tới khi hiệp-định Genève 1954 được ký kết bởi hai phe Thực Cộng, công khai chia đôi lãnh thổ, thì ngọn trào di-cư mới thực được dâng cao chưa từng thấy. Tiếng súng chiến đấu tạm ngừng cuộc chiến đấu linh hoạt phức tạp hơn đó là cuộc tranh đấu chính trị với muôn vàn khía cạnh.

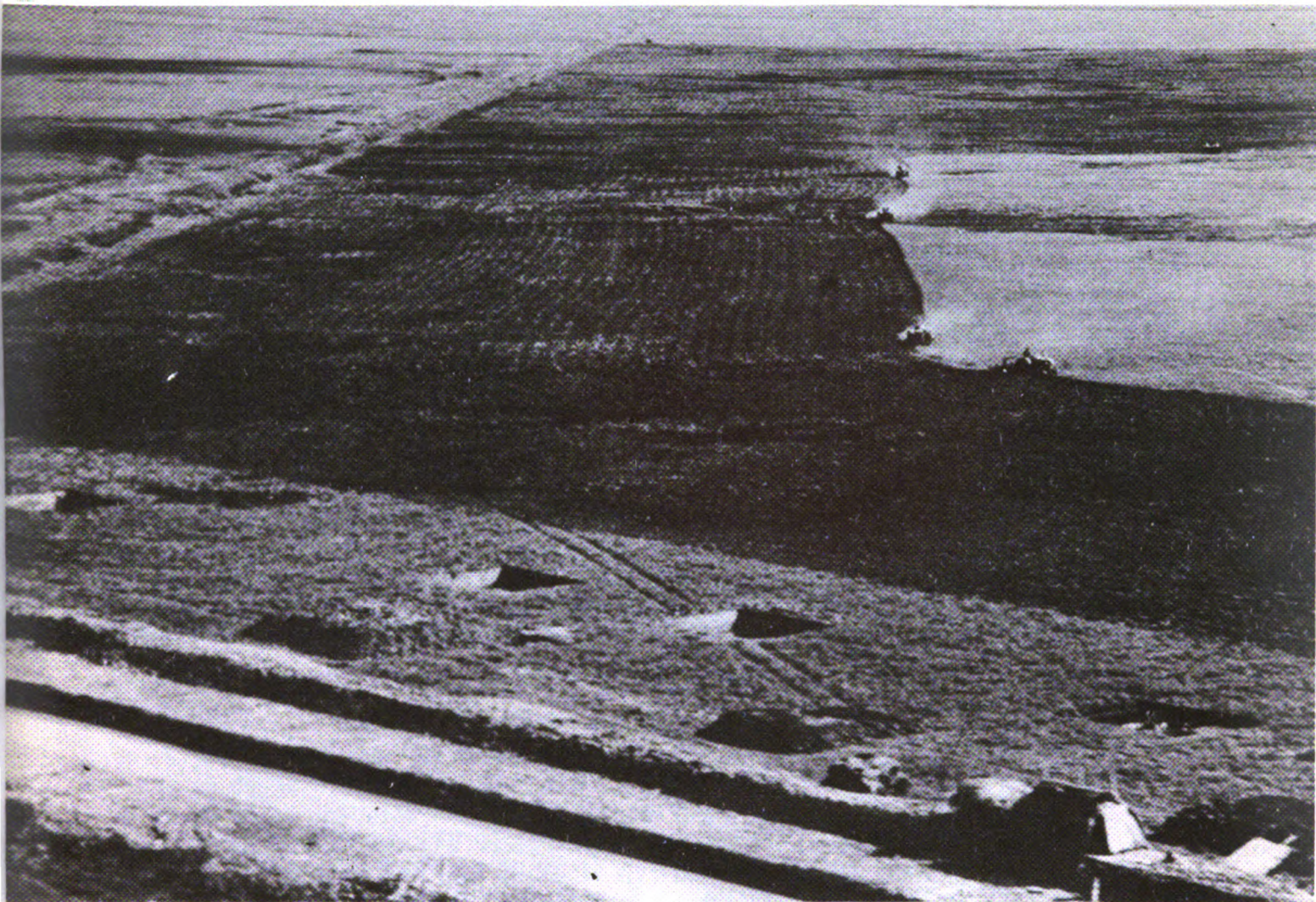
Nhưng không phải là mãi tới khi họ thực sự nằm dưới nguy quyền Việt-Cộng, những người dân mới biết Cộng-Sản. Những người sống ở những đô thị tuy ít chịu những ảnh hưởng của sự khủng bố của Việt-Cộng, nhưng họ đã được hiểu qua chính sách của bọn nguy-quyền qua những sách báo và nhất là qua những dư-luận vọng về từ những miền thôn trang là nơi mà đêm đêm đội quân ma, cán-bộ ma của nguy quyền thường lợi dụng sự bỏ phòng không chặt chẽ của chính quyền hương thôn để lần mò về hoạt động tuyên truyền xảo trá và

nhất là ép buộc dân chúng nộp tiền nộp thóc cho bọn chúng chẳng khác nào những lũ côn đồ, cường khấu. Về phần những người dân sống ở nông thôn, ngoài những điều họ trực tiếp bị đe dọa, nào mất tiền, mất gạo, mất an ninh họ còn được biết thêm những sự thật về đời sống của dân chúng trong vùng Cộng-Sản nào là làm ăn khó khăn, dân chúng bị bóc lột đủ mọi thứ thuế, bị khai thác lao động lực như đi đày công, tiếp vận, cần vụ hàng 5, 7 tháng trên những miền rừng thẳm. Ngoài ra, điều mà họ ghê sợ, hãi hùng nhất là chế độ chính trị độc tài đảng trị của Cộng-Sản gây nên cảnh đả tố hết sức dã man, bóp nghẹt hết mọi quyền tự-do của con người bằng một bộ máy mật thám, gián điệp lợi dụng sự căm thù giai cấp đến triệt để nó đập đổ hết mọi thuần phong mỹ tục của dân tộc phá vỡ hết mọi căn bản đạo lý của luật pháp, cương thường. Tất cả những sự việc ấy đã gieo cho người dân một ấn tượng hết sức kinh khủng, đến nay đột nhiên họ bị đặt vào hoàn cảnh ấy khỏi sao họ không khỏi lo sợ hãi hùng. Có thể nói rằng, sau hiệp định Genève 1954 cả một sự hoang mang xáo trộn đã thống ngự trên khắp mọi tâm hồn người dân miền Bắc và Bắc Trung Việt. Khắp nơi ai nấy đều băn khoăn, giao động trước biến chuyển đột khởi của thời cuộc. Mọi tầng lớp dân chúng đều bị một sự chuyển mình bất đắc dĩ xảy đến. Trước khi hội nghị Genève buông màn ít lâu ở các đô thị người ta đã chen nhau lấy vé máy bay, tàu biển để vào Nam, thậm chí còn có những người lo sợ đến nỗi mua vé với một giá chợ đen nữa. Tuy vậy những sự di cư lẻ tẻ này, mới chỉ là dấu hiệu của những người tiên đoán thời thế, chứ chưa hẳn là một công cuộc chống Cộng để mưu đồ cuộc đời mới, phải tới ngày 20-7-1954 trở đi, công cuộc di cư mới bước vào giai đoạn quyết liệt hẳn.

Phong trào di-cư chính thức bắt đầu bằng sự ra đi ồ ạt của đồng-bào thuộc hai giáo khu Bùi-Chu, Phát-Diệm, bởi một lẽ dễ hiểu là những giáo khu này đã bị triệt thoái đầu tiên. Chuyến tàu Thụy-Điển Anna Salen rời cửa biển Bắc-Việt vào ngày 17 tháng 7-1954 và cập bến tàu Catinat Saigon vào ngày 21-7-1954 vừa đúng một ngày sau khi Hiệp định Genève được ký kết, đã đưa đến vùng Quốc-gia Tự-do trên 2.000 người tị nạn, mở đầu cho một cuộc chiến đấu ác liệt gay go mới. Và cũng từ đó miền Bắc vùng lên, miền Nam giang đôi tay rộng mở đón tiếp. Việc di-cư đồng bào miền Bắc, từ đây không những được đặt thành vấn đề đối với Chính-quyền Quốc-gia Việt-Nam, nó đã trở nên câu chuyện quốc-tế, một việc làm khẩn thiết và nhân đạo mà Thế-giới Tự-do tự đảm đương lấy trách nhiệm.

Trên cuốn phim tranh đấu của những người Việt di-cư tìm tự-do thật đã bao nhiêu mẩu chuyện đau thương, dưng cảm được nổi lên, cũng như có biết bao nhiêu những người anh hùng di-cư đã khuất chìm trong sự quên lãng, trong sự tịch mịch bao la của không gian, nhưng dấu sao nó cũng đã tô thắm ngọn cờ tranh đấu của dân tộc và nổi lên được sự dũng cảm quyết tâm của giống nòi ta, một dòng máu không bao giờ biết khuất phục trước uy-vũ, không bao giờ chịu làm tôi mọi cho bất cứ một cường quyền nào. Noi gương tổ tiên trước, đã từng chiến đấu dẻo dai chống mọi cuộc xâm lăng, khi xung trận, lúc lui vào rừng sâu, mai danh ẩn tích, nuôi chí phục thù trên 4.000 năm lịch sử dân ta không ngừng chiến-đấu, khi chống Hán, lúc diệt Thực dân, cuộc di-cư 1954 đã danh thép nổi lên tinh thần bất khuất truyền thống của dân tộc, nhất là nhiệt-vọng khát khao tự do của giống nòi ta.

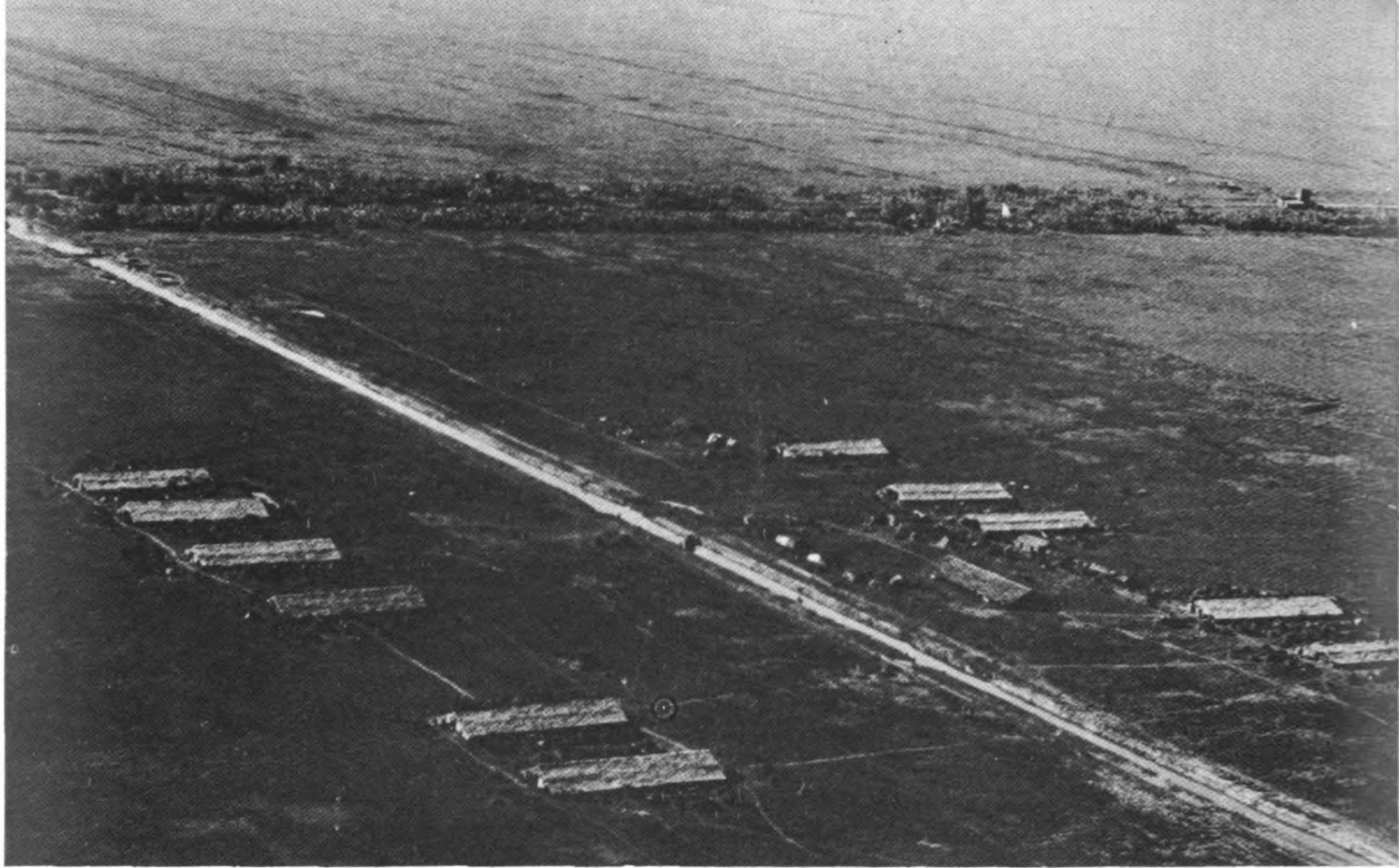




*Cảnh đồng bát ngát dành cho người dân định cư*

Thật vậy, ai đã từng theo dõi công cuộc di-cư vĩ đại này cũng không khỏi thán phục tinh thần hy sinh dũng cảm của đồng-bào tị-nạn, bởi vì mặc dầu hiệp-định Genève đã quy định quyền di-cư tự-do, ai nấy được quyền lựa chọn khu vực bên này hay bên kia lằn mực mà mình muốn sống, nhưng Việt-Cộng đã phản bội chữ ký của chúng, và vì vậy mà sự ra đi của người dân miền Bắc đã gặp vô cùng khó khăn.

Rất nhiều người đã bị nghẽn lại vì sự phá hoại bao vây của Việt-Cộng, nếu không thì con số người dân di-cư sẽ tăng lên ít nhất là 4 lần, đúng như lời một linh mục Bỉ sau khi đã trốn thoát vùng Cộng-Sản trần thuật lại. Những người khác, người thì ngã gục dưới họng súng của bộ đội Việt-Cộng, người thì bị phanh thây trước những nhát mã tấu tàn nhẫn của dân quân Cộng-Sản, hàng ngàn người bị nước bể cuốn trôi đi, biết bao nhiêu chục vạn con người khác bị Chính-quyền Việt-Cộng quản thúc và khép tội là có nợ kinh-tế với nòng dân phải ở lại thanh toán, còn biết bao nhiêu dân làng vô tội khác đã bị buộc chân lại sau lũy tre làng vì những



*Quang cảnh vùng Cái-Sắn, nơi định cư của hàng vạn người*

thủ tục khó khăn về giấy thông hành và sự bao vây triệt để của nông hội, công-an, dân quân du kích. Song le càng khó khăn bao nhiêu, càng nổi bật lên ý chí sắt đá cương quyết vượt khó nguy, gian khổ của những đồng-bào di-cư, trước mặt họ chỉ nhìn thấy có mỗi một khẩu hiệu «Tự-do hay là chết». Thế thôi ! Bởi vì họ đã nghe thấy, đã trông thấy, đã ném thấy tất cả những điều khổ nhục của chế độ Cộng-Sản. Họ không thể làm lẫn được trong việc lựa chọn khu vực để sống, họ càng không thể bị mê hoặc bởi những dụ dỗ đường mật của tuyên truyền sảo trá của phe Cộng bởi thế trong cuộc lựa chọn vùng đất trời tự-do, họ thấy bừng bừng lên ngọn lửa hăng hái, không một trở lực nào có thể lay chuyển nổi.

Những hành động khát khao đi tìm tự-do của đồng bào di-cư đôi khi gần như là liều lĩnh đã chứng tỏ trước dư luận tinh thần bất khuất của người dân Việt-Nam, vốn là truyền thống ngàn đời của giống nòi trải từ thời kỳ lập quốc cho đến những ngày đen tối suốt 80 năm lệ thuộc ngoại bang vừa qua. Những hàng động ấy đã hơn một lần vạch trần tội ác của bè lũ Cộng-Sản trước quốc dân và dư luận thế giới khiến cho công cuộc di-cư vừa qua đã gây một âm hưởng vang động khắp nơi, như chúng ta sẽ phân tích dưới đây :

Trở lên trên, công cuộc di-cư mà ý nghĩa của nó đã đủ thành một bản luận tội chế độ của Cộng-Sản. Nguyên việc hàng triệu con người đang yên lành phút chốc rũ áo ra đi hai bàn tay trắng, phải giành giật từng thước đất với nguy quyền Việt-Cộng để tìm tự-do, cũng đủ cho ta nhận định hoàn cảnh đồng-bào tị-nạn trên đường di-cư thật biết bao khó khăn và chua xót. Người dân trong nước đứng trước cảnh tượng này ai mà cảm lòng cho được. Trong khi cuộc sống của đồng-bào miền Nam yên vui, không mảy may thiệt hại, thì đồng-bào di-cư đã phải đổi lấy sự tự-do bằng tất cả tài sản, đồng-bào di-cư đã phải lia bỏ tất cả nếp

sống thân yêu, quen thuộc và điều đau đớn nhất cho lòng kẻ tha hương là sự bó buộc xa rời phần mộ tổ tiên. Ai có hiểu sâu xa tâm tình của người dân Việt, nhất là người Việt miền Bắc mới thấy thấm thía tất cả nỗi u hoài của đồng-bào di-cư khi rớt nước mắt trông vơi cổ nghiệp mà cha truyền con nối vẫn sinh sống trên những giải ruộng phì nhiêu, xanh mướt màu mạ non, hàng ngày vẫn chuyện trò, chia ngọt sẻ bùi bên cạnh những bác nước chè xanh bốc khói dưới những mái tranh tuy đậm bạc nhưng đầy ấm cúng, nay phút chốc phải rời bỏ. Họ phải hy-sinh hết mọi kỷ niệm thân yêu, kể cả việc chăm nom phần mộ, họ phải chia lìa tất cả, gồm cả việc ngày rằm, mồng một đốt một nén nhang trên bàn thờ tổ tiên. Họ nghẹn ngào trong tiếng nấc, đặt khăn gói lên vai, dắt trâu, đôi ghé ra giữa cánh đồng mà lòng không nở giết, cắt giầy thừng mặc cho bầy nông súc muốn chạy đi đâu thì đi. Những người khác quyết liệt hơn, căm thù hơn, dẹp bỏ tình thương, làm một công việc mà họ phải nghiền chặt hàm răng lại như để lấy thêm nghị-lực, vì xưa nay, họ chưa bao giờ dám có ý nghĩ ấy, thế mà nay họ phải bắt đắc-dĩ tự làm lấy công việc ấy tức là nhắm mắt chắm một ngọn lửa tự tay thiêu hủy toàn bộ cơ nghiệp đã bao đời dành dụm, thu vén. Lửa bốc cao, đoàn người can đảm mạnh bước đi tìm ánh sáng trong khoảng đầy đặc mênh mông của đêm tối, bởi họ nghĩ rằng giá có ném lại nguyên vẹn, chẳng phải là đã giúp thêm tiền của, lương thực cho bọn kẻ cướp có đủ tiền của lương thực giết hại những người còn ở lại ư? Cho nên họ đau gan tím ruột phải liều phá-hủy. Sự quyết tâm ấy, phải chăng đã gây nên những ảnh hưởng làm sức động không những trong nước mà còn ngoài nước nữa.

Thật vậy đứng trước tinh thần hy-sinh anh dũng của công cuộc di-cư vĩ-đại của nhân dân ta, nhân dân toàn thế giới tự-do đã vô cùng xúc động, nhất là sau những lời kêu gọi thiết tha của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm gửi các nước, các cơ quan từ thiện các đoàn thể tôn giáo trên thế giới. Một phản ứng đẹp đẽ và đầy nhân ái đã vọng lại qua biết bao trùng dương đập mạnh vào bờ biển Việt-Nam làm cho chúng ta càng thêm tin tưởng phấn khởi. Hoa-Kỳ, Pháp, Anh, Nhật-Bản, Úc-Đại-Lợi, Phi-Luật-Tân, Nam-Cao, Ý-Đại-Lợi, Tây-Đức v.v... mỗi nước đều giúp cho công cuộc di-cư một tay đắc-lực. Cảm động hơn, nhiều hội đoàn đã phát động những cuộc lạc quyên để giúp dân tỵ-nạn Việt-Nam nhiều đoàn thể tư nhân đã tự-động gửi cho chúng ta nào thuốc men, gạo, bột mì, sữa, quần áo, tiền bạc. Đáng chú ý nhất là những sự trợ giúp của Công-giáo Mỹ, của Hội phân phối phẩm vật cứu trợ Hoa-Kỳ (tức hội CARE) và đặc biệt là cuộc lạc quyên tại Pháp do tờ báo Figaro tổ-chức vào năm 1950, thân được trên 40 triệu quan chuyển tặng đồng bào tỵ-nạn chúng ta.

Những sự viện-trợ trên những sự giúp đỡ vô tư ấy xuất phát từ tấm lòng từ thiện của nhân dân thế giới đã gắn chặt tình thân hữu giữa loài người với nhau làm cho chúng ta xiết bao cảm động. Dù rằng của ít lòng nhiều, việc cứu trợ ấy cũng đã nói lên tinh thần thân ái, tương thân tương trợ giữa các nước trong khối dân-chủ tự-do. Kết quả này phải chăng là do công cuộc di-cư của hàng triệu con người đau khổ miền Bắc đã thúc đẩy? Điều ấy, không ai có thể phủ nhận được. Vậy thì ảnh hưởng quốc-tế của công cuộc di-cư không phải là không mạnh mẽ, to lớn. Ta cũng có thể không ngoa ngôn khi nói rằng : chính nhờ có công cuộc di-cư của hàng triệu con người tỵ-nạn miền Bắc mà danh vọng của Việt-Nam tự-do đã thêm vang dội trên thế giới. Chính nhờ có những hy sinh anh dũng của đồng-bào di-cư tỵ-nạn mà thế giới tự-do đã chăm chú theo dõi và giúp đỡ cho bước trưởng thành của nền Cộng Hòa Việt-Nam, bởi vì công cuộc di-cư ấy đã là một tích chứng hùng hồn nhất cái chính những luồng dư

luận bị quan cho rằng cả một giải đất nước Việt sẽ dễ dàng xích hóa, cả một dân tộc Việt sau hiệp định Genève 1954 không sớm thì muộn sẽ trở thành giải đất màu mỡ cho hạt giống Cộng-Sản.

Công cuộc di-cư không tiền kháng hậu ở Việt-Nam đã quả quyết trả lời : « Không ! » không những thế sự, kiện ấy còn nói lớn nguyện vọng của dân tộc ta chẳng những không thể làm tội mọi cho phe lũ Cộng-Sản mà còn nhất quyết chống Cộng mãnh liệt, tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa Cộng-Sản ở Việt-Nam nữa, vì chủ nghĩa ấy không những phản bội quyền lợi Quốc-Gia, phản bội dân tộc Việt-Nam mà còn phản bội cả phẩm giá của loài người nữa.

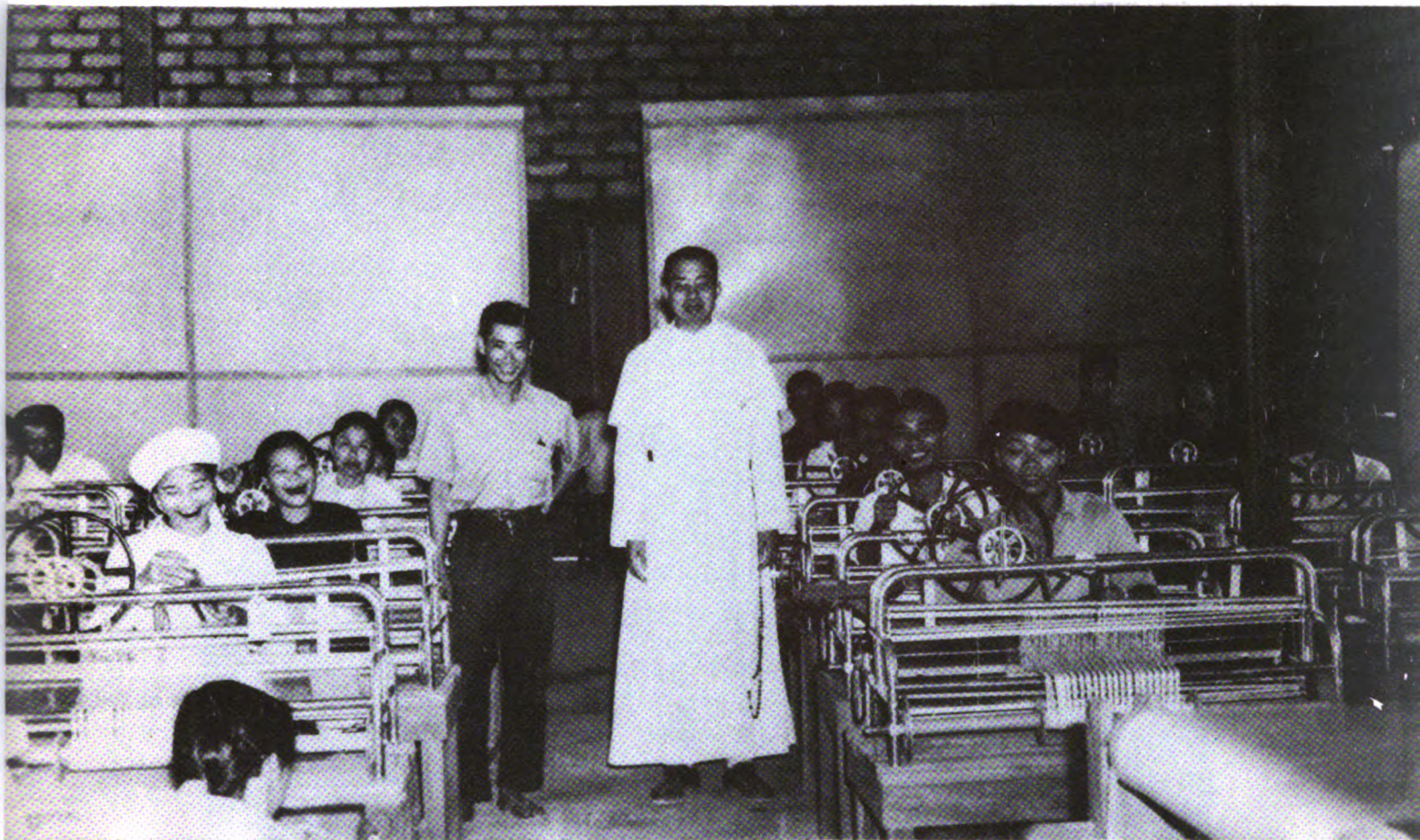
Thế giới tự-do dần dần tìm hiểu và tin tưởng ở vai trò tiên phong chống Cộng ở Đông-Nam-Á của dân tộc Việt-Nam như ta thấy ngày nay là do ở nhận định nào, nếu chẳng phải là ở công cuộc di-cư to lớn, như chúng ta đã nhận thấy ?

Trên lĩnh vực Quốc-Gia Việt-Nam, một nhận định nữa cho chúng ta thấy thêm rằng : « Đương nhiên không có công cuộc di-cư, không thể có phong trào chống Cộng mãnh liệt như ngày nay ». Điều ấy không phải là lời nói vô bằng chứng, nếu chúng ta ngược lại thời gian mấy năm vừa đây.

Hẳn ai cũng chưa quên được không khí nói chung trên toàn quốc trước khi tiếng súng chưa ngừng. Miền Bắc, dựa vào danh nghĩa kháng chiến, Việt-Cộng đã thao túng khắp nơi, len lỏi hoạt động khắp hang cùng ngõ hẻm, những vùng dưới quyền kiểm soát của chúng thì dân gian bị bóc lột tận xương tủy và bị đẩy dọa vô cùng cực khổ, trái lại ở những đô thị và những vùng thuộc dưới chính quyền Quốc-Gia thì lòng dân ly tán vì nạn đầu cơ, tích trữ, nạn tham quan, ô nhùng, lại thêm sự hiện diện của quân đội viễn chinh luôn luôn biểu hiệu cho nạn xâm lăng, mặc dầu cố tình giải thích người ta vẫn không sao có thể tập hợp dân gian thống nhất hành động. Không khí chính giới và không khí bọn người công bóc của dân lúc đó đầy rẫy một tư tưởng cầu an, hưởng lạc, làm việc cho Quốc-Gia mà đầu óc vẫn không quên « vọng cụ » một cách hết sức hèn nhát và nông cạn. Kết quả thảm khốc ấy đã dẫn đến thất thủ Điện biên là một việc không lạ.

Còn miền Nam ?

Ảnh hưởng của Việt-Cộng tương đối ít, nhưng ảnh hưởng phong kiến, thực dân đầy rẫy và như vậy có nghĩa là bọn thối nát và xâm lược đã dọn đường, phát cỏ cho Cộng-Sản xâm nhập. Nhưng khác ở miền Bắc, ở xứ của sông Đồn-Nai, Việt-Cộng lại khoác chiếc áo thầy tu, còn trong trắng với những ngày Cách Mạng đầu thu trong tâm hồn dân gian. Người ta chẳng hiểu gì bọn Việt-Cộng hết, người ta lầm lẫn giữa những tên đầy tớ Mác ấy với những chiến sĩ Quốc-gia kháng chiến, cho nên có thể nói rằng hồi ấy ở miền Nam tuy Việt-Cộng hoạt động kém, thực lực chúng non yếu mà dư vang của chúng khá mạnh. Điều đó mới thật là mối nguy hại cho miền Nam vĩ tuyến, khi mà cả một tương lai của cả dân tộc được ký thác ở giải đất này, coi như nơi để rèn giũa nghị lực, chờ đợi một ngày Bắc tiến, thống nhất giang sơn. Buổi ban đầu, sau cái phút tàn nhẫn chia sẻ non sông gây nên bởi hiệp định Genève, nhiều người đã bán khoán, lo ngại cho tiền đồ. Nhưng những người ấy đã thiếu một nhãn quan chính-trị, họ không nhìn thấy những khó khăn chốc lát, những sơ hở nhất thời, họ không nhìn thấy khí thế quật cường của miền Nam, họ không nhìn thấy đã đi lên của tư tưởng dân miền Nam, một khi được lãnh đạo khéo léo và nhất là khi có một chính quyền lành mạnh để dẫn đạo, có những đồng lực những nhân tố mới để khơi động phần thụ lực của dân khí miền Nam chuyển thành phần tích cực đấu tranh.



*Đồng bào tòng tật cũng không bị bỏ rơi. Đây một xưởng dệt chỉ cần tay không cũng dệt được*

Những nhân tố mới ấy chính là động tác di-cư của hàng triệu người dân miền Bắc tràn vào miền Nam vậy.

Sở dĩ người miền Nam trước đây lạnh nhạt với Chính quyền bởi vì Chính quyền ấy đâu có phải Chính quyền của dân, phục vụ dân. Chính quyền ấy chẳng qua chỉ là một công cụ của chế độ thực dân, tay sai trá hình mà thôi.

Tại sao người miền Nam trước đây không hăng hái chống Cộng? Bởi vì người miền Nam — trừ một số ít — không hiểu rõ mặt trái của chế độ ấy không có những kinh nghiệm xương máu sống dưới chế độ độc tài đảng trị ấy.

Và đây là tất cả những nguyên nhân của vấn đề. Cộng cuộc di-cư ồ ạt của những con người tỵ-nạn miền Bắc bao gồm đủ mọi thành phần xã-hội chẳng khác nào một « luồng sóng chống Cộng tràn vào miền Nam » đã làm xoay chuyển hẳn tình thế. Họ là lớp người kiên quyết nhất nhưng cũng khốn khổ nhất, họ đã chịu trăm đắng ngàn cay, hoặc trực tiếp hay gián tiếp họ đã bị Việt-Cộng hành hạ,



*Vài mẫu cờ phát hành nhân ngày kỷ niệm đệ nhất chu niên di-cư*

vơ vét, áp bức, bản thân họ đã bị tù đày, hay thân nhân, quyến thuộc họ đã bị an trí, tẩy não, hoặc xa xôi hơn, những người đồng hương, đồng tỉnh với họ đã bị phanh thây dưới ngọn roi, hoặc chôn vùi tính mạng trên đường bán sức cho bọn quý đồ, vì vậy những con người di-cư ấy, gạt ra ngoài những lý thuyết viển vông lương gạt, lòng họ thẳng thắn như bấp tay, tâm hồn họ là những trang sách sống, thân thể họ là cả một mớ thử thách, họ bộc trực biết sao nói vậy, và đã hiểu, đã thông cảm rằng đây là đất tự-do. Bao nhiêu năm bị cùm kẹp, tù đày, kim hãm, gờ đây họ phải thổ lộ tâm can cho những người chưa biết, chưa hiểu. Một lần chưa hết, họ kiên nhẫn nói đi nói lại nhiều lần, kỳ sao cho những người xung quanh cùng biểu đồng tình với họ. Đây là thái độ phần đông của những đồng bào di-cư. Ban đầu, qua những cuộc tiếp xúc không khí thông cảm có đôi phần chưa được mặn nồng bởi những lễ dễ hiểu nhất là phong tục, tập quán hai phía còn chưa giống nhau, và người dân miền Nam còn đôi phần ngỡ ngàng khi đứng trước người bạn mới, nhưng với thời gian sự hiểu biết lẫn nhau đã đem lại tình thương mến và tình yêu ngày thêm thấm thiết.. Ngày nay không những Bắc Nam thương yêu nhau Nam sát với Bắc vì Bắc bị đọa đày dưới ngụy quyền Cộng-Sân, Bắc thương Nam vì Nam từng là vật hy sinh vô vết của Thực-dân phiến loạn mà còn cùng đứng chung chiến tuyến chống Cộng, bảo vệ giangsan, củng cố độc lập, xây dựng tự do, cải thiện xã-hội nữa. Hai người dân đôi miền từ đây, đã sát cánh dưới bóng quốc kỳ, cùng chung một ước nguyện là bảo vệ vùng tự-do. Thật là đẹp đẽ hình ảnh đoàn kết nhất trí ấy. Ngày nay, miền Nam đã anh dũng lại anh dũng hơn lên gấp bội, đã hăng hái lại càng hăng hái rất nhiều. Luồng sóng chống Cộng đã tụ lại soay thành những biển hồ rộng lớn đang gây thành sức mạnh vũ bão ở miền Nam qua những đợt tố Cộng sôi nổi.

Phải chăng, truy nguyên phong trào ấy đã bắt nguồn ở công cuộc di-cư mà những người dân tị-nạn miền Bắc đã đóng góp phần gico hạt giống đặc lực nhất ? Quyền kết luận là ở nơi bạn đọc.

Ta cũng không nên quên một ảnh hưởng khác không kém phần quan trọng do công cuộc di-cư đem lại ấy là sự có mặt của non một triệu dân tị-nạn đã soay chuyển hẳn cán cân lực lượng về phía Quốc-Gia tự-do. Thực vậy, ngoài tác dụng về mặt tâm lý và chính trị mà ảnh hưởng sâu xa của nó như ta đã từng rõ, động lực di-cư với non trăm vạn con người, non trăm vạn khối óc, bao nhiêu vạn cánh tay rắn chắc với 95% là nhân dân lao động, ai có thể chối cãi được rằng đây không phải là một lực lượng sản xuất có đầy đủ khả năng để gom góp bên cạnh đồng-bào miền Nam đang *phục-hoạt* kinh tế Quốc-Gia đã bị 10 năm binh lửa làm cho suy yếu ? Khả năng ruộng đất của miền Nam cần những sức lao động ném vào chuyển hóa miền hoang địa thành đồng ruộng phì nhiêu màu mỡ, trước kia Thực dân mong muốn như vậy lắm để chúng có thể trục lợi cá mập nhưng chúng đã khát cổ nóng họng mà không sao có thể thực hiện nổi giấc mộng di dân Bắc-Việt vào Nam ? Nguyên do sự thất bại ấy chắc chắn còn ai lạ lùng gì bởi chưng dân Việt đã ý thức rõ tâm địa thối nát xấu xa của quân thống trị nên không ai hưởng ứng. Ngày nay vì quốc nạn, sự rủi ro ấy lại trở thành điều thuận lợi cho nền kinh tế ở miền Nam, âu cũng là một điều đáng sung sướng. Một triệu dân di-cư vào miền Nam quả đã thay đổi hẳn cả cán cân lực lượng giữa Quốc-Gia và vùng Việt-Cộng, nhân tố ấy làm đổi hẳn bộ mặt chính trị của miền Nam, đã đập một nhát búa chí tử vào đầu bọn độc tài Việt-Cộng và làm vỡ mộng phe lũ quan thầy Nga-sô và Trung-Cộng của chúng. Chính sức mạnh dân di-cư cộng với khả năng sẵn có của miền Nam Trung-Việt và Nam-Việt sẽ là nguồn nhân lực làm đổi hẳn nền móng sản xuất nông nghiệp ở nước ta, phát triển công kỹ nghệ lên cao độ và mở rộng chế độ thương mại lưu thông hàng hóa đô thị và nông thôn.



*Quang cảnh tập nấp của một trại định cư bên bờ kênh*

Tuần báo «Rivarol» ra ngày 9-8-56 đã viết : «Hai mục tiêu mà Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm đề ra là trồng thêm lúa gạo ở khắp nơi và định-cư những người tỵ-nạn đều sắp đặt được cả và đã vượt qua được giai đoạn khó khăn gay cấn nhất...

Nếu năm nay được mùa thì Việt-Nam sẽ có thể xuất cảng được thặng bằng và đề cập đến tương lai với một lòng tin tưởng vững chắc».

Báo «Economist» viết : «Cán cân thương mại của Việt-Nam sẽ được quân bình hơn bây giờ, vì vấn đề xuất cảng gạo bao giờ cũng là yếu tố của nền kinh-tế Việt-Nam».

Nói cách khác, vấn đề nông nghiệp là vấn đề then chốt của nền kinh tế Quốc gia, miền Nam lại là nơi thừa đất, thừa ruộng, thiếu nhân công để khai phá, đồng-bào di-cư đại khối là nông dân lao động «vốn xưa nay cấy cày nổi nghiệp nông gia» trên địa hạt quốc tế dân sinh, một triệu đồng-bào di-cư vào miền Nam đâu có phải là một gánh nặng cho ngân quỹ Quốc-Gia, đâu có phải là những người «dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm». Họ chính là lực lượng sản xuất to lớn, họ chính là nguồn sinh lực rồi rào có đầy đủ khả năng canh tác khẩn hoang, nhất định sẽ cùng đồng bào địa phương tái tạo miền Nam thành một vựa lúa không lồ, bảo đảm sự sống còn cho dân tộc.

Ta rút được hai điều kết luận :

— Đồng-bào di-cư là ngọn trào chống Cộng mãnh liệt.

— Đồng-bào di-cư là sức mạnh sản xuất.

Nhân dân miền Nam giờ đây đang góp công, cộng-trí, cùng nhau chung lưng đấu cật với những đồng-bào di-cư Bắc-Việt dựng lại cơ đồ là tất cả vấn-đề di-cư ảnh hưởng đến vùng đất nước tự-do của miền Nam yêu quý.





cư Cái-Sán : « Những người di-cư có rất nhiều khả năng để tạo một đời sống phong phú. Nếu những người di-cư ở vùng Saigon — Hồ-Nai mà xuống định-cư nơi đây, thì có thể xây đắp được đời sống kinh-tế dồi dào hơn ».

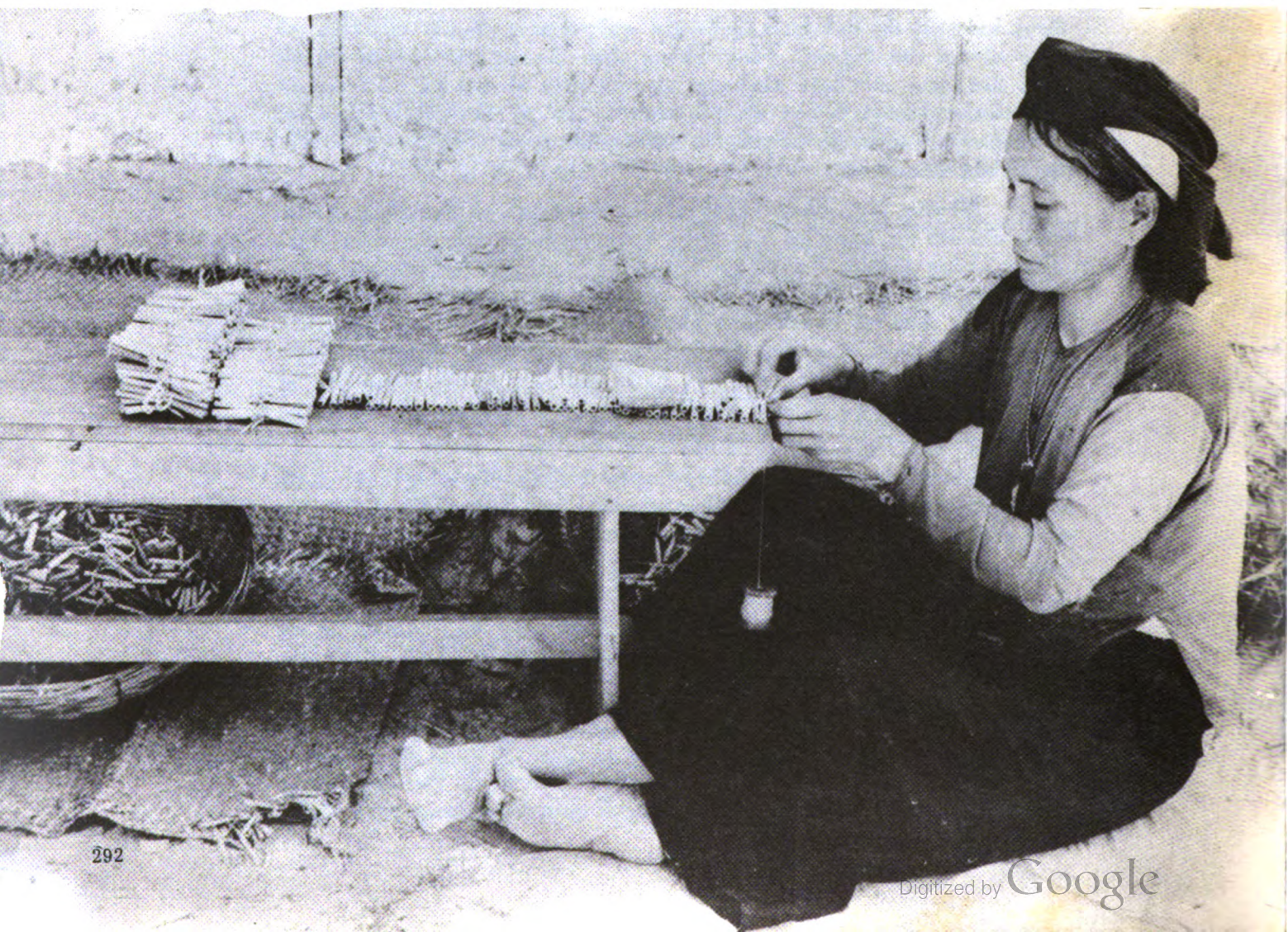
Điểm qua những hoạt động của công cuộc định-cư Cái-Sán, người ta đã không khỏi ngạc nhiên trước những thành tích kỷ lục của đồng-bào di-cư. Chỉ trong vòng 50 ngày, mấy vạn đồng-bào di-cư nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm, sự giúp đỡ phương tiện tân xảo của các nước bạn, sự chỉ dẫn kiên trì của nhân viên Chính-phủ đã biến vùng Cái-Sán hoang vu trở thành một trung tâm định-cư to lớn trù mật với 14 con Kênh đào sâu rộng dài trên 14, 15 cây số ngàn, gần 7.000 căn nhà gọn ghẽ trật-tự trên bờ kênh và hàng vạn mẫu ruộng đã được cấy cấy xong, ước định có thể thu hoạch được 40 ngàn tấn thóc trong vụ tới.

Như vậy cũng đủ để chứng minh rằng công cuộc di-cư và định-cư cho đồng bào tỵ-nạn Bắc-Việt dưới Chính quyền của Ngô Tổng-Thống đã thành tựu một cách vẻ vang, đủ cảnh tỉnh những tâm hồn ươn lười, chủ bại.

Nhưng sở dĩ công cuộc định-cư được thành tựu như vậy, đồng bào di-cư được hưởng một đời sống no ấm, tự lực mưu sinh trong sự tôn trọng nhân phẩm, như vậy là do những yếu tố nào cấu thành ?

Nhận xét dưới đây ghi rõ những yếu tố khiến cho công cuộc di-cư và định cư được hoàn tất.

*Nghề làm pháo đem lại cho người dân định cư một nguồn lợi dồi dào khi Tết đến*



1) Tạp chí « Xuân định-cư và chiến thắng năm Bình-Thân » đã rất có lý khi viết : « Trong cuộc chận đứng làn sóng đỏ ở Việt-Nam, một tiền đồn chống Cộng của Đông-Nam-Á, ai là người có đủ sức mạnh làm cho quân hiếu chiến phải lùi bước, ai là người có thể lôi cuốn toàn dân quy tụ thành một lực lượng hùng hậu chống Cộng mạnh mẽ, ai là người mà lời nói hấp dẫn hàng triệu con người tin theo bỏ cả sản nghiệp ra đi với hai bàn tay trắng để phụng sự Tự-do và Chính nghĩa, ai là người gây thành tích lớn lao, dành được thắng lợi căn bản cho thể giới Tự-do trong cuộc đấu tranh chính trị với Độc tài Cộng-sản bằng phong trào Di cư vĩ-đại. Nếu chẳng phải vậy, chỉ có thể là : Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm... »

Một đoạn khác tờ báo đó viết thêm : « Riêng đối với người dân di-cư vượt mọi gian lao tìm lẽ sống thì Ngô Chí-sĩ thật chính là cứu tinh của đời họ và chính là lẽ sống của đồng bào tỵ-nạn vậy ».

Thiết tưởng không lời phẩm bình nào rõ ràng hơn thế. Vậy thì yếu tố thứ nhất của sự thành công về di-cư và định-cư chính là nhờ có uy danh cao cả và đạo đức liêm khiết của Ngô Tổng-Thống khiến cho đồng-bào miền Bắc tin tưởng ra đi, đồng thời trong những ngày định-cư ở miền Nam chính nhờ có sự chăm sóc đặc biệt của người mà đồng-bào di-cư được an-cư lạc-nghiệp. Uy danh của Tổng-Thống đã như *một gương vọng* thiêng liêng nhất của đám quần chúng đau khổ.

2) Yếu tố thứ hai khiến cho công cuộc di-cư và định-cư được thành công chính là *nhờ quyết tâm tự giác* của đồng-bào di-cư.

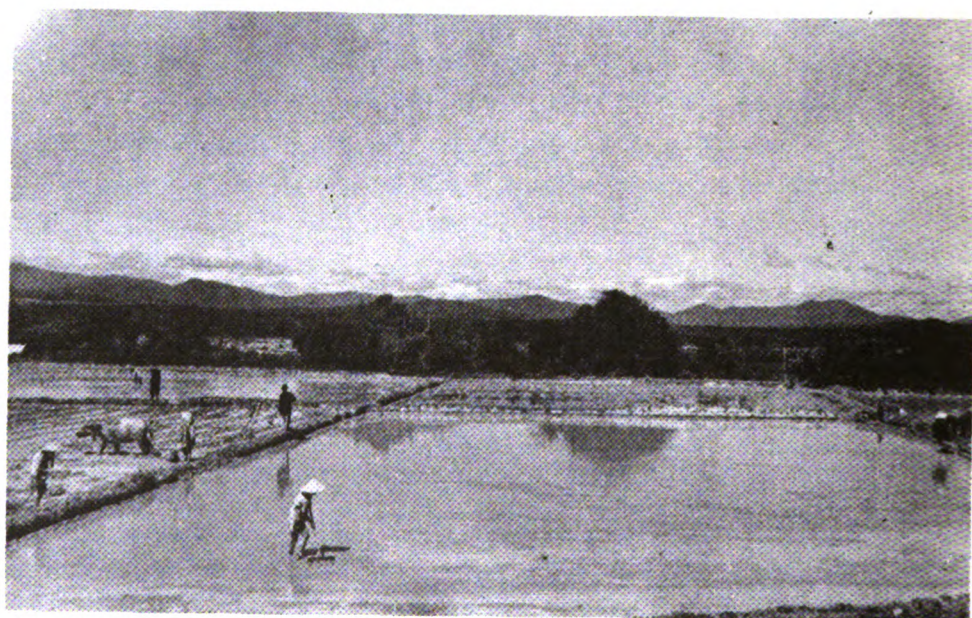
Ít hay nhiều đồng-bào đều là nạn nhân của chế độ áp bức bóc lột ngoài Bắc, đồng-bào đã có những kinh nghiệm máu khiến cho lập trường của họ rứt khoát : « Ta sống, Cộng-Sản, phải chết ! « Cộng-Sản đến, ta phải diệt ». Cho nên từ chỗ quyết tâm ra đi đến chỗ hăng hái tự lực mưu sinh chính là khởi phát từ bản tâm người dân chống độc tài nô-lệ, chống họa diệt vong Cộng-Sản. Và đây là yếu-tố căn bản làm nổi bật lên lòng yêu nước, yêu tự-do, yêu dân chủ của nhân dân Việt-Nam, nó cũng là yếu tố trọng yếu nhất, quyết định sự thành công của phong trào di-cư và định-cư, bởi vì dù có đủ các nhân tố khác mà người dân không quả quyết, cũng không thể hoàn tất được. Lược xét công cuộc di-cư và qua thăm những vùng định-cư trú mật hiện nay người ta nhận thấy rõ nhân-tố tinh thần của đồng-bào di-cư được chứng minh rõ rệt trong sự thành công của toàn bộ công tác.

3) Yếu tố thứ ba khiến cho công cuộc di-cư và định-cư được thành công là do sự lãnh đạo khéo léo và sát hợp của chính-quyền.

Thật vậy, nếu công cuộc di-cư và định-cư đã đạt được những kết quả tốt đẹp như chúng ta đã nhận thấy ngày nay, chính là nhờ ở sự săn sóc tận tâm của Chính-phủ và cơ-quan phụ trách vấn đề di-cư tức là Phủ Tổng-Uỷ Di-cư và Tỵ-nạn.



*Cần cù, nhẫn nại người dân định cư đã biến miếng đất hoang-vu thành những thửa ruộng phì nhiêu*

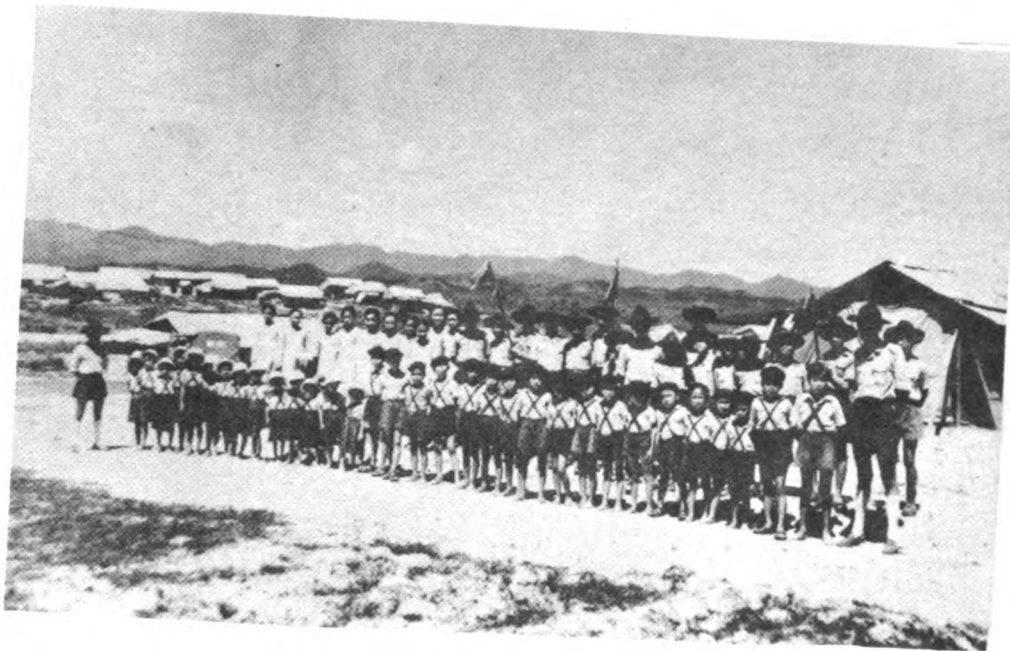


Công cuộc định-cư cho đồng-bào đã trải qua nhiều giai đoạn trước khi đi đến hướng chính hiện nay là địa phương hóa các trại di-cư để tạo cho đồng-bào đủ sức tự mưu sinh kể với sự hướng dẫn và giúp đỡ của cơ quan chính-quyền địa phương.

Giai đoạn đầu, công cuộc di-cư vừa mới khởi nhóm, công tác chính khi đó là việc tiếp trợ đồng-bào có nơi ăn, chốn nghỉ tại các đô thị để chờ đợi phân tán đi các trại. Thời gian này, phải kể đến các hoạt động của các cơ quan tiếp trợ và thông tin đã đóng một vai trò trọng yếu trước công cuộc di-cư, tuy nhiên, sau một thời gian, tình hình đồng-bào miền Bắc đi tìm tự-do ngày một đông thêm, đã khiến cho vấn-đề giải tỏa ở Đô-thành là một điều cần thiết. Vì thế, việc dựng các trại cấp tốc được đề ra, nhưng cũng vì thế mà thiếu sự nghiên cứu địa hình, địa vật, khả năng của địa phương và



*Tối đến, còn đan lát các vật liệu để quý gia đình thêm sung túc.*



*Đoàn sới của một trại định-cư*





*Làm việc tập đoàn, sống cuộc đời tập đoàn, trại định-cư ngày một trở nên sầm uất*

khả năng của đồng-bào di-cư. Sự vội vã hấp tấp này cũng đã gây nên những điều bất lợi cho kế hoạch định-cư không nhỏ.

Phải đợi tới tháng 6-1955, từ ngày ông Bùi-văn-Lương chính thức được Ngô Tổng-Thống ủy nhiệm trọng trách Tổng-Uỷ-Trưởng Phủ Di-cư và Tỵ-nạn thì công cuộc định-cư mới đi vào một đường lối rõ rệt, chương trình kiện toàn định-cư bắt đầu. Từ đây, công cuộc định-cư cho đồng-bào đã được súc tiến lần lượt với những bước đi chắc chắn và dẫn đến những kết quả rạng rỡ như ngày nay !

— Khắp nơi, những địa điểm bất lợi cho việc đồng-bào di-cư mưu sinh được thay thế bằng trung tâm định-cư đã được các kỹ thuật gia Việt-Nam và ngoại-quốc nghiên cứu kỹ càng về các điều kiện đất đai, nước uống, khí hậu tốt tiện cho việc lập nghiệp. Thêm vào đó, một chủ trương sát hợp hơn nữa là việc đơn giản nhân viên ở các cấp Trung-ương để tăng cường nhân viên cho các cấp cơ sở đang trực tiếp giúp đỡ cho đồng-bào di-cư hiệu quả hơn, ngoài ra lại điều hòa các dân số các trại cho hợp với khả năng thu nhận, điều hòa các trại theo sự chuyên nghiệp của đồng-đào di-cư.

Với sự hợp tác của các chuyên viên Việt-Nam và các chuyên viên Mỹ về kỹ thuật, với khả năng về tài chính tương đối được viện trợ rồi rào ngày nay không



*Quang cảnh một trại*

kể các trung tâm định-cư lớn như Cái-Sơn, La-Ngà, Ban-mê-Thuột v...v... các trại nhỏ trên toàn quốc đâu đâu cũng có một bộ mặt mới. Các trại này đều được trợ giúp về nông súc, về hạt giống, phân bón, nông-cụ, được điều hòa về nghề nghiệp, tổ chức trường học, nhà hộ sinh, trụ sở hành-chính, phòng thông-tin, đọc-sách, các trại viên được cấp tiền để làm nhà, được cấp phát dụng cụ để phát triển nghề chuyên môn, ngoài ra khắp nơi không đâu thiếu trường học, thiếu giáo đường, thiếu giếng nước.

Nói tóm lại, hướng chính của công cuộc định-cư cho đồng-bào Bắc-Việt hiện nay mà Tổng-Ủy Di-Cư chủ trương là giúp đỡ mọi phương tiện cho đồng-bào di-cư tiến lên tự lực mưu sinh để sớm hòa mình vào đời sống bình thường của đồng bào địa-phương.

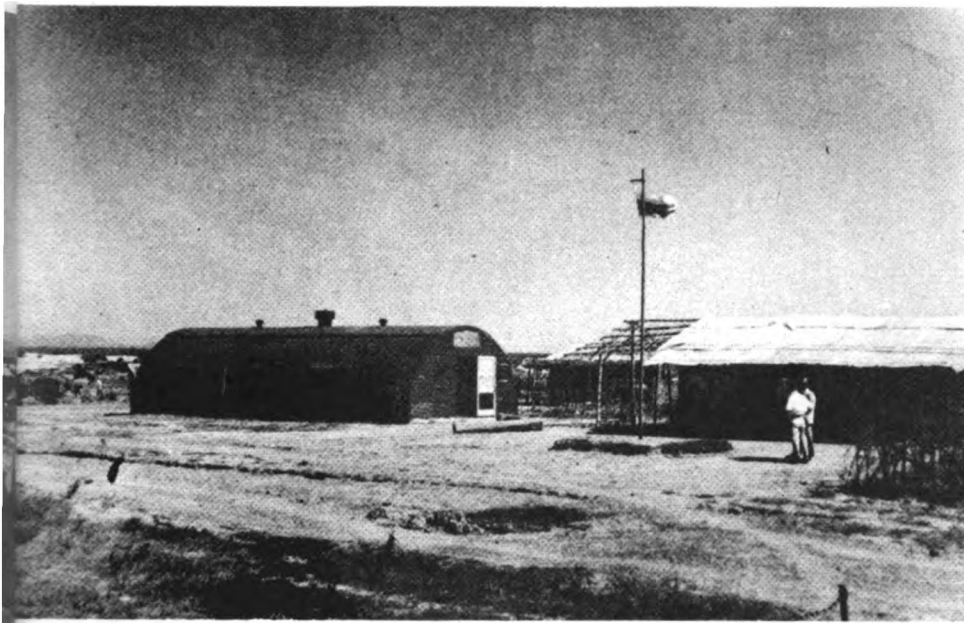
Về vấn đề này, đi song hàng với các hoạt động của các ngành như Định-cư, Tiếp-trợ, Vận-chuyển, trên phương diện vận động tâm lý, sở Thông-tin của Phủ Tổng-Ủy cũng đã đóng góp xứng đáng bằng những hoạt động về tổ-chức, tuyên truyền, huấn luyện đồng-bào di-cư luôn luôn nâng cao tinh thần hăng hái chống Cộng và nuôi dưỡng ý chí đấu tranh sản xuất, nung nấu nguyện vọng trở về giải phóng Quê-hương, thống nhất Tổ-quốc. Đặc biệt nhất là với hai chiến dịch « Thông cảm Trung Nam Bắc » và chiến dịch « Tự lực mưu sinh » do Sở Tuyên truyền Phủ Tổng-Ủy phát động đã đẩy mạnh công cuộc đoàn kết đồng-bào ba miền, gây một tin tưởng, hiểu biết rộng rãi và thúc đẩy tinh thần sản xuất của đồng-bào di-cư ngày một mạnh lên.

4) Yếu tố thứ tư khiến cho công cuộc di-cư và định-cư thành công chính là nhờ sự giúp đỡ tận lực của các tín đồ tôn giáo như các linh-mục, các vị hòa thượng.

Sở dĩ công cuộc di-cư và định-cư đồng-bào được thành tựu như hiện nay, chính là nhờ ở sự giúp sức tận tụy của các vị linh-mục và các hòa thượng.

Chính các vị tu sĩ đã góp công, góp sức rất nhiều trong việc hướng dẫn đồng-bào đi tìm tự-do cũng như trên bước đường định-cư lập nghiệp.





*Định cư trên đồi núi*

Từ lúc khởi thủy công cuộc di-cư, chính các linh mục là những người hăng hái nhất đòi Việt-Cộng phải cấp giấy thông hành cho đồng bào đi tìm tự-do, nhiều nơi các linh mục đã bị Việt-Cộng giam giữ, tù-đày, nhưng không vì đó mà có thể làm cho các nhà lãnh đạo tôn giáo ấy sờn lòng được.

Trong cuộc định cư đồng bào, bên cạnh Phủ Tổng-Uỷ, chính các linh mục và các hòa-thượng đã tham gia đắc-lực trong mọi công tác giúp các cơ quan Chính-phủ làm tròn nhiệm vụ khó khăn là tìm sinh kế, giúp đồng bào tái lập cơ nghiệp ở miền Nam.

Ngoài hai Đức Giám-mục Phan-ngọc-Chi và Đức Giám-Mục Harnett đã nêu tấm gương nhân từ bác ái, không những làm cho đồng-bào giáo dân di-cư cảm mến mà còn khiến cho tất cả những đồng-bào di-cư lương cũng như giáo ai nấy đều tri ân, chúng ta rất cảm động trước sự chăm sóc đặc biệt của Đức Hồng-Y Giáo Chủ Spellmann và các vị tu sĩ nước Mỹ.

Ngày nay, ôn lại những thành tích của công cuộc di-cư và định-cư, chúng ta hãy cùng nhau xác nhận lòng tri ân chân thành đối với các vị lãnh đạo tinh thần đứng trước sự nhiệt thành của các vị đó đã góp phần vào sự nghiệp tranh thủ tự-do của toàn dân.

5.) Yếu tố thứ năm khiến công cuộc di-cư và định-cư thành công chính là sự viện trợ nòng hậu của Thế giới Tự-do.

Đây chính là vấn đề then chốt. Bởi vì chúng ta sau bao năm bị tàn phá vì chiến tranh, nền kinh tế còn thấp kém, ngân quỹ quốc gia eo hẹp, chủ quyền lại vừa dành được còn biết bao nhiêu vấn đề cấp bách phải kiến thiết gấp rút, nay đứng trước một vấn đề trọng đại trong công cuộc di-cư và định cư cho non một triệu con người để ai nấy có đủ phương tiện chuyên chở vào vùng tự-do, có nhà cửa để trú ngụ, có sinh kế độ nhật để tái tạo cuộc sống thanh-bình, hạnh phúc, nếu như đơn thuần trông vào khả năng của Chính phủ, tất nhiên không sao tránh được những sự khó khăn



*Nhà cửa đã được xây bằng gạch*

trở ngại. Nhưng sở dĩ chúng ta đạt được kết quả tốt đẹp như hiện nay, chính là nhờ ở sự nhiệt thành viện trợ của các tư nhân giàu lòng bác ái, nhờ ở các đoàn thể tôn giáo trên thế giới đã rung động trước tình cảnh hy-sinh của đồng bào ta mà hết sức giúp đỡ. Chúng ta không khỏi cảm động nhớ đến nghĩa cử của nhân dân các nước bạn đã tự động quyên góp tặng rất nhiều phẩm vật cho đồng bào di-cư chúng ta.

Cuộc viện trợ ấy đã lan rộng từ Á sang Âu, và Phi-Luật-Tân, Cao-Ly, Trung-Hoa Quốc-gia, Thái-Lan Úc-Đại-Lợi, Nhật-Bản, Ý, Đức, Tây-Ban-Nha, Anh, Pháp, Mỹ. Trong số đó sự viện trợ của Chính-phủ và nhân dân hai nước Pháp và Mỹ là nòng hậu hơn cả.

Chúng ta sẽ mãi mãi không quên những cuộc quyên tặng đồng-bào di-cư của nhân dân Pháp do báo Figaro tổ-chức, cùng các tổ-chức của Mỹ như hội Care, tổ-chức Công-giáo Mỹ đã giúp đỡ chúng ta một cách rất tận tình, ấy là chưa nói đến những sự viện trợ mà chúng ta nhận được của các cơ quan ngoại viện Mỹ (U.S.O.M.) và Pháp, và các cơ quan trong công tác huynh đệ và Thanh-Thương-Hội Quốc-Tế, hội chống dị-chủng chủ nghĩa v.v...

Nhờ những viện trợ về tài chính, về tặng phẩm, về thuốc men, về dụng cụ, về chuyên viên của các nước bạn và nhất là của hai nước Pháp — Mỹ chúng ta đã giải quyết được toàn bộ công cuộc định-cư một cách tốt đẹp.

Tấm thịnh tình của các nước bạn không những đã giúp đỡ đồng-bào di-cư chúng ta mau tái lập đời sống mà còn làm cho toàn dân ta không khỏi cảm động trước tình thân ái đoàn kết của Nhân-loại Tự-do đứng chung trước hiểm họa Cộng-sản đang đe dọa an-ninh của mọi người vậy.



*Một làng định cư ven sông*

Công cuộc di-cư và định-cư đồng-bào miền Bắc đi tìm Tự-do đã sang năm thứ hai. Hai năm qua công cuộc định-cư đã hoàn toàn thắng lợi.

Hàng triệu con người nhờ đó đã không bị rơi vào bàn tay của Cộng-Sản. Điều đó làm cho dân tộc ta không khỏi không vui mừng, hoan hỉ và làm cho thế giới Tự-do thêm khâm phục tinh thần phấn đấu dũng cảm của nhân dân ta.



*Ông Tổng Ủy Trưởng BÙI VĂN-LƯƠNG cắt băng khánh thành một  
cây cầu do đồng bào định cư chung lưng đấu cật cất xong*

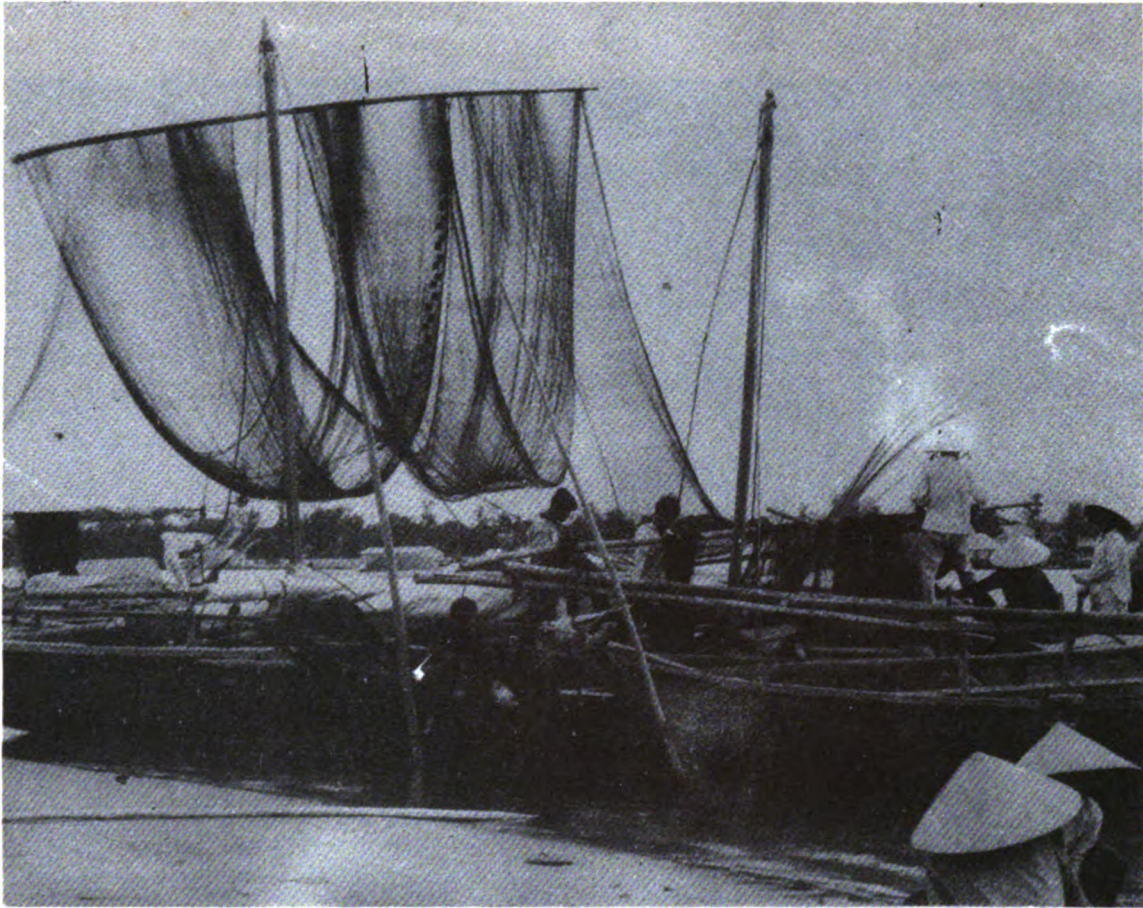


Nhưng đối với Việt-Cộng thì sự thành công của chúng ta lại là điều làm cho chúng bức tức, đau đớn, nhục nhã, bởi vì chúng đã hoàn toàn thất bại trong âm mưu phá hoại công cuộc di-cư và định-cư mà chúng mệnh danh là công tác «di-cư vận». Mặc dầu bao nhiêu khổ công, bao nhiêu mưu kế gian xảo để ngăn cản người dân di-cư vào miền Nam, nhất là chủ trương bắt cóc, ám sát và đốt phá các trại định-cư làm cho đồng-bào di-cư điêu đứng, nhưng cuối cùng chúng chỉ nhận lấy những cảm hờn mà đồng-bào di-cư đã trút lên đầu chúng, bởi vì chúng là phi nghĩa, đã tâm chúng không ai mà không thấu rõ. Do đó, kỷ niệm năm thứ hai của công cuộc di-cư và định-cư phải chăng cũng là ngày chúng ta kỷ niệm sự thành công của Chính nghĩa quốc-gia và chúng kiến sự thất bại đau đớn của Việt-Cộng ?

So sánh công cuộc di-cư vĩ đại mà Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa lo liệu cho đồng-bào miền Bắc đi tìm tự-do với đời sống của một thiểu số đồng-bào miền Nam đại đột nghe theo lời tuyên truyền xảo trá của cán-bộ Cộng-Sản ra tập kết ngoài Bắc, chúng ta thấy khác xa nhau một trời một vực. Đồng-bào di-cư ở miền Nam được yên tâm lập nghiệp, nhìn về tương lai với một niềm hy vọng chứa chan, không những họ sung sướng với một đời sống vật chất đầy đủ, mà còn xiết bao hân hoan trong tâm hồn vì nhờ có cuộc xê dịch này họ đã có thêm những người bạn mới ở miền Nam, những người bạn chân thật và đôn hậu, tâm tình cởi mở, rộng rãi như những giầy ruộng phì nhiêu, tươi tốt, phơi màu xanh hy vọng dưới nắng sớm. Họ càng thêm phấn khởi vì cuộc chiến đấu không lẻ loi, đơn độc mà còn có biết bao nhiêu người bạn không những ở miền Nam tự-do mà còn ở khắp nơi trên thế-giới cũng một mục đích chiến đấu chống hiểm họa độc tài đẫm máu nữa.



*Ngô Tổng-Thống đang thăm hỏi đồng bào định-cư*



*Bến của một trại di cư ngư nghiệp*

Trái lại, một số nhỏ đồng-bào miền Nam ra tập kết ở ngoài Bắc, hiện nay đang kéo dài những chuỗi ngày âm đạm dưới ách Cộng-Sản, họ bị thiếu thốn về vật chất, bị khổ cực về tinh thần, cho nên hầu hết các đồng-bào xấu số đều muốn trở về quê hương yêu dấu, nhưng vì sống dưới nanh vuốt Việt-Cộng họ khó lòng có thể trốn thoát được, có một số rất ít người đã may mắn trở về, còn thì phần đông hiện nay đang bị Việt-Cộng đẩy đi phục vụ công trường chẳng khác nào những người nô-lệ sống dưới thời Trung cổ nếu chưa phải là chung một số phận như Cao-triều-Phát, (một lãnh tụ Cao đài ly khai ra tập kết ở Bắc ngỏ ý đòi về nên vừa đây đã bị Việt-Cộng thủ tiêu).

Kiểm điểm thành tích công cuộc định-cư, nhìn thấy niềm hân hoan hiện lên rõ rệt trên những khuôn mặt răn rỏi, đầy nghị lực phấn đấu của đồng-bào Bắc-Việt di-cư ở miền Nam, khắp các trung tâm định-cư đang vang vang những nhịp tay sản-xuất, bên những tiếng hát véo von hun đúc tinh thần hăng hái chống Cộng, biểu lộ lòng yêu đời tha thiết.

Chúng ta không khỏi không vui mừng cho tiền đồ dân-tộc nhưng chúng ta cũng không khỏi tủi lòng khi nghĩ đến số phận của những đồng-bào miền Nam ra Bắc tập kết hiện đang quần-quại đau đớn, chúng ta càng thấy chan chứa căm thù khi nhớ đến hơn 10 triệu con người Bắc cùng máu đỏ, da vàng, cùng một tiền tổ Hồng-Lạc như ta hiện đang sống trong vòng tù đày của chế-độ Cộng-Sản.

Sự thương cảm ấy, phải chăng, đang nhắc nhở chúng ta từng giây phút đừng bao giờ quên những đồng-bào thân yêu vô tội đang sống trong ngục tù miền Bắc mà nhiệm-vụ của tất cả chúng ta là phải cứu lấy họ, cứu lấy Tổ-quốc thoát bàn tay tàn bạo của chế-độ Cộng-Sản. Một chế-độ làm hoen ố trang sử Dân-tộc và bôi nhọ Nhân loại văn-minh.



*Một cảnh trong trại định cư khi bình minh mới ló dạng*



# ĐỊA-PHƯƠNG HÓA ĐỒNG-BÀO DI-CƯ TỶ-NẠN



**Đ**ỒNG-BÀO di-cư, căm-thù chế-độ Cộng-Sản, bỏ lại tất cả ruộng vườn, tài sản, phần mộ tổ tiên, ra đi với hai bàn tay trắng tìm Tự-do ở phía trời Nam. Ngay từ khi mới bắt đầu rời khỏi mảnh đất thân yêu, giờ đây đang rên xiết dưới ách độc tài của Việt-Cộng, đồng bào di-cư tin-tưởng ở sự hướng dẫn sáng suốt của vị lãnh tụ anh-minh Ngô-Đình-Diệm quyết xây dựng lại một cuộc đời ấm no, hạnh-phúc.

Một số công chức, thương gia, thợ chuyên môn..., định cư ngay ở các đô thị lớn đã hòa mình rất chóng với các đồng bào địa phương.



*Một làng định cư ở ven kênh*

Một số khác, nông gia, ngư phủ, tiểu công nghệ, được định cư tại các trại do Phủ Tổng-Uỷ Di-cư Tỵ-nạn thiết lập rải rác từ vĩ tuyến 17 đến mỏm Cà-Mau, trên những vùng ruộng bát ngát, trên những vùng Cao nguyên phì nhiêu hoặc cạnh bờ biển sẵn cá.

Đồng bào định cư tại các trại được hưởng một chế-độ đặc biệt cùng sự giúp đỡ tích cực của Chính Phủ cũng như của các nước bạn. Họ đã được cấp phát ruộng vườn để canh tác, thuyền lưới để theo đuổi nghề chài, nguyên liệu cùng dụng cụ để phát triển nền tiểu công nghệ...

Với ý-chí chống Cộng rõ rệt, với tinh thần độc lập không gì lay chuyển được, đồng bào di cư đã nỗ lực tiến tới tự lực mưu sinh, không sống ỷ lại vào sự giúp đỡ mãi mãi của Chính Phủ.

Ngay từ đầu năm 1956, Phủ Tổng Ủy Di Cư Tỵ Nạn đã nghiên cứu tình hình các trại và những vùng có khả năng thu nhận thêm đồng bào tỵ nạn. Trại nào không có khả-năng sinh sống đã được đưa tới địa điểm mới. Các trại nhân mãn được đưa bớt người đến các địa điểm khác. Các trại có khả năng sinh sống mà còn ít người thì được đưa thêm đồng bào đến.

Đồng thời Phủ Tổng Ủy Di Cư Tỵ Nạn lại lập thêm những trại mới ở vùng Cao Nguyên như La Ngà, Pleiku, Kontum, Ban-mê-Thuột để tìm đất sống cho đồng bào nông nghiệp và chuyển một số dân chài ở Phan-Thiết ra Phú Quốc để lập nghiệp tiến tới việc chấn hưng nghề đánh cá tại đảo này.

Để thực hiện chương trình địa phương hóa, Phủ Tổng-Uỷ Di-Cư Ty Nạn đã chia các trại định cư ra làm ba loại :

Loại A gồm những trại định-cư mà đồng bào đã có thể tự túc được.

Loại B gồm các trại sắp tự túc được.

Loại C gồm những trại còn cần đến sự giúp đỡ của Chính Phủ trong một thời gian nữa.

Sự phân loại trên chỉ có tính cách chỉ dẫn tạm thời và thay đổi với sự tiến triển của công cuộc định cư. Các trại loại B dần dần trở thành trại loại A và trại loại C sẽ chuyển thành trại loại B cho đến khi toàn thể các trại đều có thể tự túc và địa phương hóa được.

Đồng bào di cư khéo léo, cần cù, siêng năng, nhẫn nại, không quản một sương hai nắng, đã biến những vùng hoang vu thành những nơi phồn thịnh.

Tới nay, mỗi gia đình định cư, trung bình 5 người, đã có một căn nhà sinh sản để ở, trên một mảnh đất đã ủi sẵn, trồng rau hoặc trồng cây ăn trái, lại có thêm một chuồng lợn và một chuồng gà để tăng gia sản xuất.

Người nông dân đã có đất cày, trâu bò, lại còn được cấp phát thêm nông cụ, phân bón và hạt giống.

Người thợ đã có đủ dụng cụ để tiếp tục nghề cũ. Họ đã thành lập những hợp-tác-xã để nương tựa lẫn nhau.

Dân chài lưới đã có đủ ghe thuyền và đồ dùng ngư-nghiệp để kiếm cách sinh nhai.

Đời sống của đồng bào định-cư đã trở lại mức bình thường nếu không hơn thì cũng sắp si bằng lúc rời khỏi đất Bắc.

Nhờ có quân đội bảo vệ an ninh cho họ, đồng-bào định-cư đã thật sự an cư lạc nghiệp.

Ngày 11 tháng 10 năm 1956, nhân lễ kỷ niệm đệ nhị chu niên di-cư, trung tâm định-cư Gia-Kiệm đã được Phủ Tổng-Uỷ Di-cư Ty-nạn long trọng chuyển giao cho chánh quyền địa-phương, dưới sự chủ tọa của ông Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục Nguyễn-dương-Đôn, đại diện Ngô-Tổng-Thống.



*Một giây phố trong làng định cư*

Gia Kiệm cách đây 3 năm, khi chưa có phong trào di-cư, là một khu đất hoang vu, rừng rậm bao la, nơi ẩn náu của thú dữ. Chỉ mới có 2 năm, bàn tay cứng rắn và cần cù của đồng bào di cư đã biến đổi Gia Kiệm thành một địa điểm trù mật, ruộng vườn bát ngát, xanh tươi, nhà cửa khang trang sầm uất.

Trung Tâm định cư Gia Kiệm gồm có 7 trại :

— Gia Yên	3.400 người
— Phúc Nhạc	3.712 —
— Kim Thượng	1.946 —
— Phát Hải	1.659 —
— Thanh Sơn	1.300 —
— Võ Đông	3.264 —
— Dốc Mơ	4.441 —
<b>Cộng</b>	<b>19.722 người</b>

Gia Kiệm đã có vinh dự đi tiên phong trong việc địa phương hóa.

Nơi gương Gia Kiệm, các trại khác cũng đã lần lượt lên đường địa phương hóa và đến ngày 1-8-57, tất cả các trại đã lên đường địa phương hóa và được Phủ Tổng Ủy Di-Cư Tỵ Nạn chuyển giao để thuộc quyền hành chính địa-phương y như các thôn xã trong tỉnh quận.

Công cuộc định-cư hơn nửa triệu đồng-bào đã hoàn tất. Kết quả rực rỡ đã nói lên ý-chí tự lập của người dân di-cư, nhưng ta cũng không nên quên ghi ở đây sự tận tâm của các cấp trong chính quyền, lòng ưu ái của đồng-bào địa-phương cũng như là những sự giúp đỡ tích cực của các nước bạn.

Giờ đây, đồng-bào định-cư đã trở nên một nguồn nhân lực quan trọng và đã tham gia trong mọi ngành sản-xuất một cách hiệu quả.

Về canh nông, đồng-bào đã khai phá đất-hoang để cấy lúa, trồng hoa màu, rau, cây ăn trái hoặc các cây kỹ-nghệ như bông, mía, cà-phê, chè, cao-su, thuốc lá.

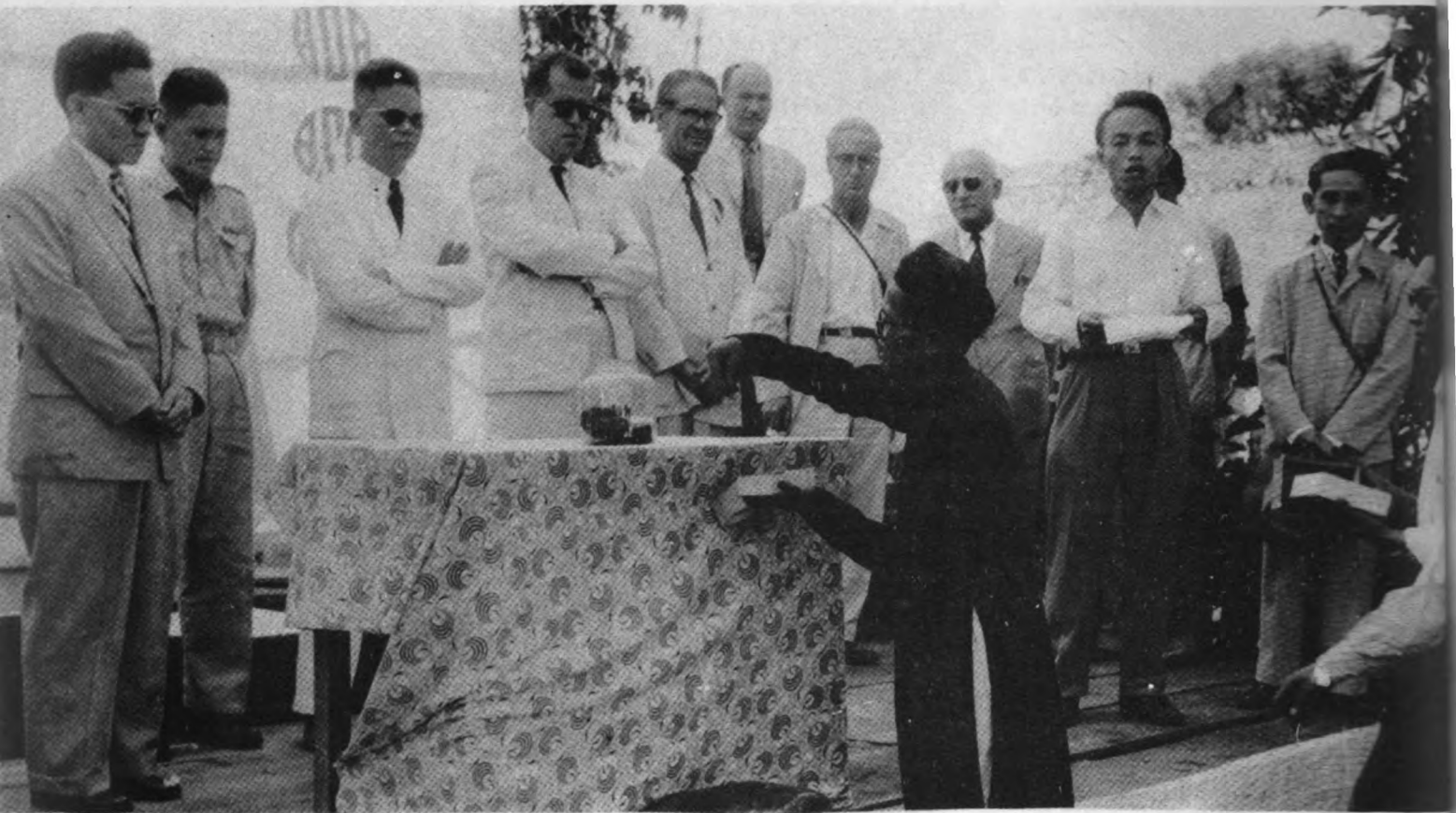
Đồng-bào ngư-nghiệp định-cư ở ven biển đang vận dụng khả năng để khai thác nguồn lợi vô tận : cá.

Về tiểu công nghệ, đồng-bào làm đủ các nghề, thợ rèn, thợ mộc, thợ thêu, dệt vải, lụa, chiếu, vông, làm đồ gốm, đồ nhôm, đồ đồng, đóng giày, đục gổ, làm bột, làm đường, làm bánh, mở lò vôi...

Về thủy lâm, đồng-bào khai thác các nguồn lợi như làm than, gỗ, củi. Ngoài ra, đồng-bào còn chăn nuôi gia súc, tham gia trong việc khai thác các mỏ than, các chất bón hóa học và góp sức vào việc xây dựng các công-trình kiến thiết như xây nhà, đắp đập, xây cầu cống, làm đường xá.



*Một buổi lễ địa phương hóa đồng bào định cư*



*Sau buổi lễ này, đồng bào định cư hòa mình với đồng bào địa phương cùng nhau nắm tay chặt chẽ, mạnh tiến trên đường kiến thiết Đất Nước.*

Sinh hoạt kinh tế miền Nam được cải thiện. Trong đó lực lượng nhân công định cư là một trong những mầm hi vọng của nền kinh tế Việt-Nam tân tiến.

Lực lượng kinh tế của đồng bào định cư là một lực lượng bổ cứu cho các nhược điểm trong kinh tế miền Nam và ngược lại đồng bào định cư đã tìm được ở đây những nguồn sống chính phù hợp với khả năng của mình để xây dựng một đời sống tự do và no ấm. Chính những nguồn sống này đã giúp đồng bào tỵ nạn sớm hoàn thành công cuộc định cư để hòa mình cùng đồng bào địa phương, cùng nhau nắm tay chặt chẽ mạnh tiến trên đường kiến thiết Đất Nước.

— HẾT —



*Tài liệu tranh ảnh trong cuốn sách này do các nhà nhiếp ảnh tài tử và các  
Phòng Thông Tin Mỹ, Pháp và Phòng Phim Ảnh Bộ Thông Tin  
Việt-Nam tặng*





# MỤC LỤC

Trang

<b>CHƯƠNG I.— Sơ-lược lịch trình tranh đấu của dân-tộc Việt-Nam</b> .....	9
I.- Tinh thần quật khởi của dân-tộc Việt-Nam	
II.- Tình hình nước Việt-Nam trước và trong khi Hội Nghị Genève đang họp.	
III.- NGŌ chí sĩ về chấp chánh	
IV.- Phong trào di cư chớm nở	
<b>CHƯƠNG II.— Hiệp-định Genève</b> .....	37
I.- Âm mưu cấu kết của Thực Cộng	
II.- Hội nghị Genève	
III.- Hiệp định Genève	
IV.- Hậu quả của hiệp định Genève	
V.- Lập trường của Việt-Nam đối với Hiệp Định Genève	
<b>CHƯƠNG III.— Cơ-quan phụ-trách đồng bào di cư</b> .....	65
I.- Sở di cư Bộ Xã-Hội	
II.- Phủ Tổng Ủy Di Cư Tị Nạn	
III.- Ủy Ban Hỗ trợ định cư	
IV.- Tóm tắt công lao của các vị cầm đầu bộ máy phụ-trách đồng bào di cư tị nạn.	
<b>CHƯƠNG IV.— Phong trào di cư</b> .....	81
I.- Phong trào di cư	
II.- Sự ngăn cản di cư của Việt-Cộng	
III.- Sự tranh đấu của nhân dân để thoát ách Việt-Cộng	
IV.- Ý nghĩa và ảnh hưởng của phong trào di cư	
<b>CHƯƠNG V.— Việc chuyển vận và công cuộc tiếp cư</b> .....	115
I.- Việc chuyển vận :	
— Sự giúp đỡ của Pháp về Hàng Không	
— Về Hàng Hải	
— Sự giúp đỡ của Mỹ về Hàng Hải	
— Sự cảm tưởng của đồng bào tị nạn đối với hành trình di cư	
II.- Công cuộc tiếp cư :	
— Tại Bắc phần	
— Tại Trung phần	
— Tại Nam phần	
— Kết luận	

**CHƯƠNG VI.— Công cuộc định cư** ..... 139

Sự tiến triển của công cuộc định cư

I.- Giai đoạn giải quyết vấn đề cư trú cho đồng bào tị nạn

II.- Giai đoạn định cư

III.- Giai đoạn kiện toàn định cư

IV.- Kết luận về công cuộc định cư

V.- Sinh hoạt của đồng bào di cư

**CHƯƠNG VII.— Công cuộc cứu trợ** ..... 211

I.- Hướng cứu trợ

II.- Phần Chính Phủ

III.- Phần ngoại viện

IV.- Kết quả

**CHƯƠNG VIII.— So sánh di cư và tập kết** ..... 243

I.- Việc tập kết :

— Chính Phủ Việt-Nam tự do đối với việc tập kết

— Tính chất bắt buộc trong việc tập kết ra Bắc của Việt-Cộng

— Đời sống của đồng bào tập kết tại miền Bắc

II.- Phong trào di cư :

— Việt-Cộng vi phạm Hiệp Định Genève, ngăn cản phong trào di cư

— Tính chất tự động của phong trào di cư

— Đời sống của đồng bào di cư tại miền Nam

III.- Kết luận

**CHƯƠNG IX.— Kết luận** ..... 273

I.- Ý nghĩa và ảnh hưởng của phong trào di cư

II.- Sự thành công của công cuộc di định cư

— Những yếu tố của sự thành công

— Địa phương hóa đồng bào di cư tị nạn

— HẾT —

5 89 320AR2 2 013 BR 1 2

6256







